



陽宅三要

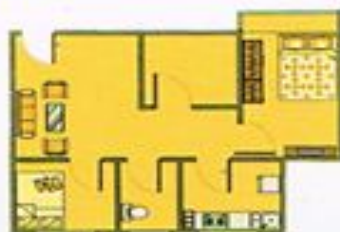


DƯƠNG TRẠCH TAM YẾU

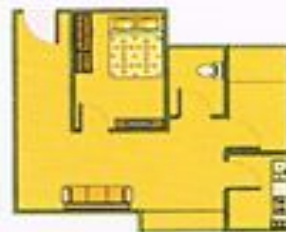
BỘ KINH ĐIỂN ĐẦU TIÊN VỀ PHONG THỦY DƯƠNG TRẠCH ỨNG DỤNG



KHÔN MÔN CÀN CHỦ,
PHÚ QUÝ THỊNH VƯỢNG



CÀN MÔN CÁN CHỦ,
NỬA CÁT NỬA HUNG



CÀN MÔN CÀN CHỦ,
PHỤ NỮ BẤT LỢI



DƯƠNG TRẠCH TAM YẾU (KIẾN TRÚC HỌC PHƯƠNG)

Triệu Cửu Phong

TỰ – TỰ

Dương trạch tam yếu là nhà ở dương thế có ba chỗ chính yếu đó là cửa cái, chủ-phòng và bếp. Nói tắt là cửa phòng và bếp.

Mồ mả của người chết thuộc âm cơ có ảnh hưởng tốt xấu cho cả dòng họ. Nhà ở của người đang sống trên dương thế gọi là dương trạch cũng vậy, cũng ảnh hưởng lớn lao tới gia trưởng, liên hệ tới vợ con, với tất cả thân thuộc trong nhà.

Ví dụ như trong một quốc gia gồm nhiều tỉnh, quận, xã... phải được lập dựng ở những nơi thuận tiện, và tại mỗi cơ quan đó phải được cự trị bởi các bậc nhân tài có đức hạnh thì guồng máy chính trị mới thông đạt rồi quốc gia mới giàu mạnh, mới hưng lên được. Cũng như vậy trong một ngôi nhà gồm cửa cái, chủ phòng và bếp là ba chỗ chính yếu rất quan trọng cần được đặt tại các cung vị tốt thì nhà mới hưng phát, người trong nhà mới sinh sống yên ổn, giàu sang. Trái lại đặt tại những cung vị xấu thì nhà cửa sẽ suy đồi, con người sẽ sa sút, bệnh hoạn nghèo túng. Rất vô ích mà đổ thừa là không biết.

Luật thiên nhiên của tạo hóa không thiên vị người sang hay hèn, thuộc Đạo hay giống dân nào. Hễ ai đốt đuốc đi trong mưa ắt đuốc sẽ tắt, ai bắn trúng chim sẽ được thịt. Nước gió xuôi tất thuyền sẽ chèo mau tới mà dễ, nước gió ngược tất thuyền chèo đi lâu mà hay va chạm. “Thuận thiên gia tồn, nghịch thiên gia vong” là như vậy.

Nhưng chúng ta cũng nên đặt nghi vấn để làm sáng tỏ môn Bá trạch: Tại sao có những người ở ngôi nhà hung hại (cửa, phòng, bếp đặt cung vị xấu) mà vẫn thịnh vượng, giàu sang ? lại có những ngôi nhà kiết lợi (Cửa, phòng, bếp đặt cung vị tốt) mà vẫn không phát đạt – Sự thật có nhiều trường hợp như vậy, song chẳng phải do lý ấy mà môn bát trạch vô dụng, không đúng. Vì nơi đây chỉ luận riêng môn Bát trạch thuộc về phần địa lợi mà thôi. Ngoài phần địa lợi, chúng ta chưa luận đến can số tức là số phận và thời kỳ hung hại đều là yếu tố quan trọng của sự thịnh suy hy giàu nghèo. Huống chi còn những dữ kiện khác nữa như: Người đạo đức khác người hung ác, người siêng năng khác với người biếng nhác, phóng túng....

Kết luận khái quát: Ngôi nhà kiết lợi hay ngôi nhà hung hại tất nhiên phải có ảnh hưởng tốt xấu tùy theo mỗi con người như trên đã phân biệt. Đại khái ở ngôi nhà kiết lợi người có can số nghèo hèn hoặc vận đang suy cũng sẽ đủ ăn, người có can số tầm thường hoặc thời vận chưa thông sẽ được khá lên và dư ăn dư để, người có căn số giàu nhỏ hoặc thời vận thông đạt vừa sẽ phát lên giàu có lớn . . . và tất cả những người đó đều có cuộc sống yên lành, ít bệnh hoạn, ít rủi ro. Ít tai nạn . . . Đại khái ở ngôi nhà hung hại: Người có căn số giàu lớn hoặc đang thời kỳ thông đạt lớn cũng sẽ bị giảm bớt mà chỉ còn giàu có tring bình, người có căn số giàu nhỏ hoặc đang thời kỳ thông đạt vừa sẽ chỉ còn đủ ăn, người có căn số vừa đủ ăn hoặc đang thời kỳ không thông đạt ắt sẽ suy vì . . . và tất cả những người đó đều có một cuộc sống khó khăn.

Dương trạch tam yếu

Tôi vì ba lẽ sau đây mà soạn lục bộ Dương trạch tam yếu này:

1. Một là tôi cố ý mong cho người dùng môn Bát trạch có một lối qui định và sử dụng nó một cách chính xác, có những phương pháp tính toán tường tận cùng sự chỉ dẫn đầy đủ.
2. Hai là vì tôi biết chắc chắn trăm phần trăm có sự ứng nghiệm hưng suy của môn bát trạch, sau nhiều năm đã dùng cho mình và đã giúp nhiều gia đình khác
3. Sau hết, còn một điều này nữa, chúng ta cũng nên biết, cổ nhân đã dạy: Muốn thành công viên mãn một sự việc nào, cần đủ ba điều thiết yếu: thiên thời, địa lợi, nhân hòa. Như chỉ luận trong phạm vi nhà cửa thì Thiên thời là chọn năm, tháng, ngày, giờ tốt để khởi công xây dựng hay sửa chữa nhà cửa; Địa lợi là chọn phương hướng tốt để đặt nhà và cung vị tốt để an trí Cửa - cái, Chủ - phòng và Bếp; Nhân hòa là được lòng người như: hợp với lệ luật, hòa với thân nhân và lân nhân

Sau hết, còn một điều này nữa, chúng ta cũng nên biết, cổ nhân đã dạy: Muốn thành công viên mãn một sự việc nào, cần đủ ba điều thiết yếu: thiên thời, địa lợi, nhân hòa. Như chỉ luận trong phạm vi nhà cửa thì Thiên thời là chọn năm, tháng, ngày, giờ tốt để khởi công xây dựng hay sửa chữa nhà cửa; Địa lợi là chọn phương hướng tốt để đặt nhà và cung vị tốt để an trí Cửa - cái, Chủ - phòng và Bếp; Nhân hòa là được lòng người như: hợp với lệ luật, hòa với thân nhân và lân nhân.

Tóm lại, trong muôn điều, cái biết là hơn tất cả. Biết cái dở để tránh và biết cái hay để làm theo, thật không còn chi bằng. Vậy nay có bộ Dương - trạch tam yếu, chúng ta hãy cùng học khảo cho biết rồi thực hành để tránh cái dở mà theo điều hay, tức là để khỏi ở một ngôi nhà hung hại mà được ở ngôi nhà kiết lợi. Đó chính là một cách xu kiết tị hung, tức theo lành mà lánh dữ vậy!

BÀI 1: TỨ TRẠCH

Dương trạch tam yếu phân loại nhà ở làm 4 loại: Tĩnh trạch, Động trạch, Biến trạch, Hóa trạch.

1) TĨNH TRẠCH: Nhà xây chỉ có một phòng, trong nhà không có tường ngăn.

2) ĐỘNG TRẠCH: Là từ mặt tiền tới mặt hậu được chia làm từ 2 ngăn tới 5 ngăn bởi tường vách chặn ngang có cửa ra vào. Tủ, bình phong và màn trướng không kể là phòng, ngăn.

3) BIẾN TRẠCH: Là nhà từ mặt tiền tới mặt hậu được phân làm từ 6 ngăn tới 10 ngăn bởi tường vách chặn ngang có cửa ra vào. Tủ, bình phong, màn trướng không được kể là phòng, ngăn.

4) HÓA TRẠCH: Là nhà từ mặt tiền tới mặt hậu được phân làm từ 11 ngăn tới 15 ngăn bởi những tường vách chặn ngang có cửa ra vào. Tủ, bình phong, màn trướng không được kể là phòng, ngăn.

Dương trạch tam yếu

BÀI 2: ĐÔNG TÂY TRẠCH, TRÙ, MỆNH.

- Năm chữ tựa đề trên là nói: gồm: Đông tứ trạch, Tây tứ trạch, Đông trù, tây trù, Đông Mệnh, Tây Mệnh.

Trạch là nhà. Trù là táo, bếp. Mệnh là mệnh cung của chủ nhà tính theo tam nguyên.

+ Đông Tây: Môn Bát trạch dùng 8 cung nhưng chia làm 2 phe phía: Đông và Tây. Đông thuộc Mộc, Tây thuộc Kim. Đông cũng gọi là Đông tứ cung vì nó gồm 4 cung: Khảm, Ly, Chấn, Tốn. Chấn Tốn thuộc Mộc về Đông đã đành, nhưng thêm Khảm Ly nữa vì Khảm Thủy với Mộc tương sanh và Ly Hỏa với Mộc cũng tương sanh. Bốn cung này đồng một phe phía với nhau cho nên gặp nhau tất hồ biến thành những du niên tốt (Xem cách Bát biến du niên bài 8).

Tây cũng gọi là Tây tứ cung vì nó gồm 4 cung: Kiền, Khôn, Cấn, Đoài. Kiền Đoài thuộc Kim đã đành, nhưng có thêm Khôn Cấn nữa vì Khôn Cấn Thổ với Kim là tương sanh. Bốn cung này đồng một phe phía với nhau cho nên gặp nhau tất hồ biến được những kiết du niên tốt (xem bài 8).

Nếu Đông tứ cung gặp Tây tứ cung hồ biến với nhau tất gặp những hung du niên, xấu – vì hai phe khác nhau, phe Đông Mộc với phe Tây Kim tương khắc (xem bài 8).

- Chú ý: Tây tứ cung là Kiền Khôn Cấn Đoài so với nhau đều đặn tương sanh hay ty hòa chứ không có tương khắc. Nhưng Đông tứ cung là Khảm Ly Chấn Tốn so – đối với nhau đa số cũng tương sanh và ty hòa, song có Khảm với Ly là tương khắc, mặc dầu hồ biến cũng được du niên tốt vậy. Đó là chỗ sai biệt vậy. – (Kiết du niên là du niên tốt gồm có: Sinh khí, Diên niên, Thiên y và Phục vị. Hung du niên gọi là du niên xấu gồm có: Tuyệt mệnh, Ngũ quỷ, Lục sát, Họa hại).

+ Đông tứ trạch: là nhà có Cửa cái và Chủ phòng hay Sơn chủ đều ở trong vòng 4 cung Khảm Ly Chấn Tốn thì nhà ở tất tốt vì cùng một phe với nhau. Nếu có lộn Tây tứ cung thì gọi là Đông Tây tương hỗn (hỗn loạn) nhà ở tất xấu.

+ Tây tứ trạch: là nhà có Cửa cái và Chủ phòng hay Sơn chủ đều ở trong vòng 4 cung Kiền Khôn Cấn Đoài thì nhà ở tất tốt vì cùng một phe với nhau. Nếu có lộn Đông tứ cung vào thì gọi là Đông Tây tương hỗn, nhà ở tất xấu.

+ Đông trù: là Bếp đông. Phàm Bếp đặt tại 1 trong 4 cung Khảm Ly Chấn Tốn thì gọi là Đông trù. Đông trù đem thịnh vượng cho Đông tứ trạch nhưng làm suy bại Tây tứ trạch.

+ Tây trù: là Bếp Tây. Phàm bếp đặt tại một trong 4 cung Kiền Khôn Cấn Đoài thì gọi là tây trù. Tây trù làm thịnh vượng cho Tây tứ trạch, nhưng gây suy bại cho Đông tứ trạch.

+ Đông mệnh: Mệnh của chủ nhà là 1 trong 4 cung Khảm Ly Chấn Tốn thì gọi là Đông Mệnh (xem cách tính ở bài 21). Đông Mệnh nên ở nhà Đông tứ trạch mới tốt, bằng ở nhà Tây tứ trạch không hợp, bất tốt.

Tóm lại:

- Ở Đông tứ trạch phải dùng Đông trù mới tốt. Nếu chủ nhà thuộc Đông mệnh nữa là nhà trọn tốt, bằng chủ nhà thuộc Tây mệnh thì bất tốt.

- Ở Tây tứ trạch phải dùng Tây trù mới tốt. Nếu chủ nhà thuộc Tây mệnh nữa là nhà trọn tốt, bằng chủ nhà Đông mệnh thì bất tốt.

- Ở Đông tứ trạch mà dùng Tây trù là cái nhà bất lợi, không thể thịnh vượng. Nếu chủ nhà Đông mệnh còn khá một ít, bằng chủ nhà Tây mệnh càng suy vi.

Dương trạch tam yếu

- Ở Tây tứ trạch mà dùng Đông trù là cái nhà bất lợi, không thịnh vượng được. Nếu chủ nhà thuộc Tây mệnh còn có thể đỡ một chút, bằng Đông mệnh càng suy vi.

- Cửa cái thuộc Đông tứ cung mà Chủ phòng hay Sơn chủ thuộc Tây tứ cung là cái nhà Đông Tây hỗn loạn, bất phát. Nếu dùng Đông trù có thể đủ ăn, bằng dùng Tây trù là suy sụp. Nếu dùng Tây trù mà chủ là tây mệnh nữa thì cùng khổ cực điểm.

- Cửa cái thuộc Tây tứ cung mà chủ phòng hay Sơn chủ thuộc Đông tứ cung là cái nhà Đông Tây hỗn loạn, chẳng phát lên được. Nếu dùng Tây trù còn có thể đủ ăn, bằng dùng Đông trù ắt suy sụp. Đã dùng Đông trù mà chủ nhà Đông mệnh nữa thì cùng khổ cực điểm.

BÀI 3: BẢY CHỖ QUAN HỆ VỚI NHÀ

- Một ngôi nhà có 7 chỗ quan hệ tức là có ảnh hưởng tốt xấu: Cửa - ngõ, Cửa - cái, Cửa - phòng, Cửa - bếp, Chủ - phòng hay Sơn - chủ, Bếp và Hướng - bếp. Sở dĩ nói Chủ - phòng hay Sơn - chủ bởi ở Tĩnh - trạch dùng Chủ - phòng làm chỗ chủ yếu, còn ở Động - trạch và Biến - Hóa - trạch dùng Sơn - chủ làm chỗ chủ yếu. (Chú ý: tên các chỗ quan hệ luôn luôn có gạch nối.)

- Trong 7 chỗ quan hệ có 3 chỗ chính yếu ảnh hưởng trọng đại để quyết định ngôi nhà tốt hay xấu. Còn 4 chỗ kia thuộc hàng thứ yếu (phụ thuộc), ảnh hưởng bình thường, chỉ có thể thêm bớt tốt xấu mà thôi.

- Ở Tĩnh - trạch, có 3 chỗ chính yếu là Cửa - cái, Chủ - phòng và Bếp. Còn 4 chỗ thứ yếu là Cửa - phòng, Cửa - bếp, Hướng - bếp và Cửa - ngõ.

- Ở Động - trạch và Biến - hóa - trạch, 3 chỗ chính yếu là Cửa - cái, Sơn - chủ và Bếp. Còn 4 chỗ thứ yếu cũng như ở Tĩnh - trạch là: Cửa - phòng, Cửa - bếp, Hướng bếp và Cửa - ngõ.

SỰ SAI BIỆT TRONG BA CHỖ CHÍNH YẾU

- Ở Tĩnh - trạch dùng Chủ - phòng chỉ thừa một du - niên mà thôi và lấy tên du - niên này mà đặt tên cho nhà, như Sinh - khí - trạch hay Thiên - y - trạch chẳng hạn. Còn ở Động - trạch và biến - hóa - trạch thì dùng một Sơn - chủ đã thừa một du - niên lại còn thêm ảnh hưởng với một “Sao - chúa” rất trọng hệ nữa, vậy lấy tên du - niên và cả Sao - chúa để đặt tên cho nhà, như Diên - niên - trạch, như Tham - lang - trạch, Vũ - khúc - trạch chẳng hạn.

- Cửa cái là một nơi chính yếu, vì nó là lối đi vào nhà, nếu dựng trướng tại cung tốt tức như người đi trướng vào chốn may mắn, bằng dựng tại cung xấu tức như người đi vào chốn nguy hiểm, tối - tăm, chông gai. Cửa - cái là mẹ sanh ra các du - niên cho chủ - phòng, cho Sơn - chủ và cho Bếp. Vì vậy, nên hễ Chủ - phòng, Sơn - chủ và bếp thừa du - niên tốt tức Cửa - cái tốt, vì mẹ tốt mới sanh ra các con tốt, bằng thừa du - niên xấu tức Cửa - cái xấu, vì mẹ xấu mới sanh con xấu.

- Chủ - phòng hay Sơn - chủ đều là những nơi chính yếu, trụ cột, chủ yếu, làm chủ toàn thể ngôi nhà cho nên gọi là Chủ - phòng, là Sơn - chủ. Nếu có được ở nhằm cung tốt và thừa du - niên tốt hay Sao tốt là nhà ở thịnh vượng và yên lành. Bằng ở nhằm cung xấu và thừa du - niên xấu hay sao xấu là nhà ở suy vi, chẳng yên.

- Bếp là chỗ chính yếu vì nơi sinh dưỡng, nuôi sống con người, nếu được an trí nơi cung tốt và thừa du - niên tốt thì sự sinh dưỡng mới đáng lợi ích, ít bệnh hoạn. Bằng

Dương trạch tam yếu

an trí tại cung xấu và thừa du – niên xấu khác nào sự sinh dưỡng bị đầu độc gây ra đủ các bệnh chứng cả tai họa. Trăm bệnh đa số do nơi ăn uống sinh ra.

TÓM LẠI: Ba chỗ chính yếu được đặt vào 3 cung tốt là đối với nhau được tương sinh hay tỵ hòa và 3 cung đều thừa kiết du – niên hay kiết – tinh thì quyết định một ngôi nhà thịnh vượng. Bằng trái lại đặt trùng vào 3 cung xấu là đối với nhau tương khắc và đồng thừa du – niên hay hung tinh thì quyết định ngôi nhà suy bại.

Nhan đề quyển sách có hai chữ Tam – yếu đó là 3 chỗ chính yếu nói trong bài vậy.

SỰ SAI BIỆT TRONG 4 CHỖ THỨ YẾU

- Trong 4 chỗ thứ yếu thì Hưởng – bếp có tầm quan trọng hơn cả, kế đó là Cửa – phòng và Cửa – bếp, sau hết là Cửa – ngõ. Người xưa không kể tới Cửa – ngõ, có lẽ vì nó không thuộc về ngôi nhà.

- Cửa – phòng và Cửa – bếp ở Tĩnh – trạch ít quan trọng, còn ở Động – trạch và Biến – hóa – trạch được quan trọng nhiều hơn. Đó là bởi ở Tĩnh – trạch thì Chủ – phòng và Bếp bị lệ thuộc, tất cả các cửa của nó cũng bị lệ thuộc, còn ở Động – trạch và Biến – hóa – trạch thì Phòng – chúa và Bếp chiếm riêng một ngăn nhà độc lập, tức nó có tầm quan trọng hơn trong hàng thứ yếu.

ĐO LƯỜNG TỐT XẤU CHO 7 CHỖ

- Cái việc đo lường tốt xấu không lấy đầu là quyết định cho đúng từng phân ly như việc trắc lượng bằng toán pháp, nhưng đại khái cũng có thể phân biệt chỗ khinh chỗ trọng, nhiên – hậu mới giảo định được một cái nhà thịnh hay suy, thịnh suy nhiều hay ít. Vả lại còn sự phân lượng tốt xấu cho chỗ chính yếu thì khác, cho những chỗ thứ yếu thì khác. Những chỗ chính yếu và thứ yếu của loại trạch này với loại trạch kia cũng lại không hoàn toàn bằng nhau. Vậy tạm định như sau:

- Ở Tĩnh – trạch có 3 chỗ chính yếu là Cửa – cái, Chủ – phòng và Bếp. Còn 4 chỗ phụ thuộc kia là Hưởng – bếp, Cửa – bếp, Cửa – phòng và Cửa – ngõ.

- Động – trạch và Biến – hóa – trạch cũng có 3 chỗ chính yếu là Cửa – cái, Sơn – chủ và Bếp. Lại phải kể Phòng – chúa có Sao – chúa là chỗ thiết yếu nhất hạng. Còn 4 chỗ phụ thuộc kia, cũng như ở Tĩnh – trạch, ảnh hưởng tam thường.

- Mỗi chỗ chính yếu trọn tốt thì được 30% tốt, trung bình thì được 15% tốt, bằng trọn xấu thì 30% xấu.

- Mỗi chỗ phụ thuộc trọn tốt thì được 10% tốt, trung bình thì được 5% tốt, bằng trọn xấu thì định 10% xấu.

Ba hạng: trọn tốt, trung bình và trọn xấu là như vậy:

. **Trọn tốt:** là chỗ gặp kiết du – niên hay kiết – tinh mà phải đắc vị hay đắc – diện. Có 3 kiết du – niên là Sinh – khí, Diên – niên và Thiên – y (Phục – vị cũng được gọi là kiết du – niên, nhưng chỉ tốt bằng phân nửa). Có 3 kiết tinh là Tham – lang, Vũ – khúc và Cự – môn (Phụ Bất cũng là kiết tinh nhưng chỉ tốt bằng phân nửa). Trọn tốt là được 30% tốt. Riêng Phục – vị và Phụ Bất trọn tốt là 15%.

. **Trung bình:** là chỗ gặp kiết du – niên hay kiết – tinh nhưng thất vị, được 15% tốt. Riêng Phục – vị và Phụ Bất chỉ được trên dưới 5% tốt.

Dương trạch tam yếu

. **Trộn xấu:** Là chỗ gặp hung du – niên như Tuyệt mệnh, Ngũ quỷ, Lục sát và Họa hại. Hoặc gặp hung tinh như Phá quân, Liêm trinh, Văn khúc và Lộc tồn. Phàm hung du – niên hay hung tinh cũng vậy, thì kể là trộn xấu 30%, dù đắc vị hay đăng diện cũng vậy.

- Phàm kiết du – nên hay kiết tinh cũng vậy, đối với nó gặp cung tương khắc là thất vị. Gặp cung tương sinh là đắc vị, gặp cung tỵ hòa (đồng loại) là đăng – diện tốt bậc nhất, đắc vị tốt bậc nhì, thất vị tốt bậc ba. Đắc vị mà có sinh cung tốt hơn cung sinh nó.

- Riêng kiết tinh đắc vị hay đăng diện mà được ở tại ngăn chót tức ngăn cuối cùng gọi là nhập miếu, không có cách nào tốt hơn nó được. Tính sẵn như sau:

. Sinh khí và Phục vị thuộc Mộc: gặp các cung Kiền Đoài Cấn Khôn là thất vị, gặp các cung Khảm Ly là đắc vị, gặp các cung Chấn Tốn là đăng diện.

. Thiên y thuộc Thổ: Gặp các cung Chấn Tốn Khảm là thất vị, gặp các cung Ly Đoài Kiền là đắc vị, gặp các cung Cấn Khôn là đăng diện.

. Diên niên thuộc Kim: gặp các cung Ly Chấn Tốn là thất vị, gặp các cung Cấn Khôn Khảm là đắc vị, gặp các cung Kiền Đoài là đăng diện.

. Tham lang và Phụ Bát thuộc Mộc: gặp các Sơn – chủ Kiền Đoài Cấn Khôn là thất vị, gặp các Sơn – chủ Khảm Ly là đắc vị, gặp các Sơn – chủ Chấn Tốn là đăng diện.

. Cự môn thuộc Thổ: gặp các sơn – chủ Chấn Tốn Khảm là thất vị, gặp các sơn – chủ Ly Kiền Đoài là đắc vị, gặp các sơn – chủ Cấn Khôn là đăng diện.

. Vũ khúc thuộc Kim: gặp các sơn – chủ Ly Chấn Tốn là thất vị, gặp các Sơn – chủ Cấn Khôn Khảm là đắc vị, gặp các sơn – chủ Kiền Đoài là đăng diện.

(Chú ý: Những kiết du – niên so đối với cung sở – thừa của nó mà tính. Còn những kiết tinh so đối với sơn – chủ mà tính.

VƯỢNG TRẠCH CÁCH VÀ SANH TRẠCH CÁCH

- Vượng trạch: phàm kiết tinh hay kiết du – niên đồng một loại với trạch là cách rất tốt, thêm sự thịnh vượng cho nhà. Như Đông – tứ – trạch (thuộc Mộc) mà dùng Tham lang Mộc tinh làm Sao – chúa, hoặc Chủ – phòng hay Sơn – chủ thừa sinh khí Mộc. Như Tây – tứ – trạch (thuộc Kim) mà dùng Vũ khúc Kim tinh làm Sao chúa hoặc Chủ – phòng hay Sơn – chủ thừa Diên – niên Kim.

- Sanh – trạch: Phàm kiết tinh hay kiết du – niên sanh trạch là cách tốt, thêm sự phát đạt cho nhà. Như tây – tứ – trạch (thuộc Kim) mà dùng Cự môn Thổ tinh làm Sao – chúa, hoặc Chủ – phòng hay Sơn – chủ thừa Thiên – y Thổ.

Phàm được hai cách trên (Vượng – trạch hay Sanh – trạch) mà kiết tinh hay kiết du – niên lại đăng diện hay đắc vị thì sự thịnh vượng, sự phát đạt càng mạnh càng lâu bền.

BÀI 4: NGŨ HÀNH

Ngũ hành là 5 hành: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Vạn vật đều do Ngũ hành kết tạo. Dù học môn nào cũng phải rành rẽ Ngũ hành của các loại rồi mới tính sinh khắc, tỵ hòa hầu hết sự tốt hay xấu.

A. Chữ loại thuộc ngũ hành

Dương trạch tam yếu

Trong môn Bát – trạch cần thiết biết ngũ hành của ba loại chính là: 8 cung, 8 du – niên và 8 sao. Kể chung như sau:

- Loại Kim có: Kiền, Đoài, Diên niên, Tuyệt mệnh, Vũ khúc, Phá quân.
- Loại Mộc có: Chấn, Tốn, Sinh khí, Phục vị, Thanh long, Phụ bát.
- Loại Thủy có: Khảm, Lục sát, Văn khúc.
- Loại Hỏa có: Ly, Ngũ quỷ, Liêm trinh.
- Loại Thổ có: Cấn, Khôn, Thiên y, Họa hại, Cự môn, Lộc tồn.

B. Ngũ hành tỷ – hòa (tức đồng loại)

- Kim gặp Kim là Tỷ – hòa. Loại Kim có Kiền, Đoài, Diên niên, Tuyệt mệnh, Vũ khúc, Phá quân... gặp nhau gọi là tỷ – hòa.
- Mộc gặp Mộc là tỷ – hòa. Loại Mộc có Chấn, Tốn, Sinh khí, Phục vị, Tham lang, Phụ Bát... gặp nhau gọi là tỷ – hòa.
- Thủy gặp Thủy là tỷ – hòa. Loại thủy có Khảm, Lục sát, Văn khúc.. gặp nhau gọi là tỷ – hòa.
- Hỏa gặp Hỏa là tỷ – hòa. Loại Hỏa có Ly, Ngũ quỷ, Liêm trinh... gặp nhau gọi là tỷ – hòa.
- Thổ gặp Thổ là tỷ – hòa. Loại Thổ có Cấn, Khôn, Thiên y, Họa hại, Cự môn, Lộc tồn... gặp nhau gọi là tỷ – hòa.

C. Ngũ hành tương sinh

- Kim sinh Thủy: loại Kim như Kiền, Đoài, Diên niên, Tuyệt mệnh, Vũ khúc, Phá quân đồng sinh loại Thủy như Khảm, Lục sát, Văn khúc.
- Thủy sinh Mộc: loại Thủy như Khảm, Lục sát, Văn khúc... đồng sinh loại Mộc như Chấn, Tốn, Sinh khí, Phục vị, Tham lang, Phụ Bát...
- Mộc sinh Hỏa: loại Mộc như Chấn, Tốn, Sinh khí, Phục vị, Tham lang, Phụ Bát... đồng sinh loại Hỏa như Ly, Ngũ quỷ, Liêm trinh.
- Hỏa sinh Thổ: loại Hỏa như Ly, Ngũ quỷ, Liêm trinh... đồng sinh loại Thổ như Cấn, Khôn, Thiên y, Họa hại, Cự môn, Lộc tồn.
- Thổ sinh Kim: loại Thổ như Cấn, Khôn, Thiên y, Họa hại, Cự môn, Lộc tồn... đồng sinh loại Kim như Kiền, Đoài, Diên niên, Tuyệt mệnh, Vũ khúc, Phá quân.

D. Ngũ hành tương khắc

- Kim khắc Mộc: loại Kim như Kiền, Đoài, Diên niên, Tuyệt mệnh, Vũ khúc, Phá quân... đồng khắc loại Mộc như Chấn, Tốn, Sinh khí, Phục vị, Tham lang, Phụ Bát... đồng khắc loại Thổ như Cấn, Khôn, Thiên y, Họa hại, Cự môn, Lộc tồn... đồng khắc loại Thủy như Khảm, Lục sát, Văn khúc... đồng khắc loại Hỏa như Ly, Ngũ quỷ, Liêm trinh.
- Hỏa khắc Kim: Loại Hỏa như Ly, Ngũ quỷ, Liêm trinh... đồng khắc loại Kim như Kiền, Đoài, Diên niên, Tuyệt mệnh, Vũ khúc, Phá quân.

E. Ngũ hành số mục

- Loại Thủy số 1 và số 6. Như thập bội thì thành 10, thành 60.
- Loại Hỏa số 2 và số 7. Như thập bội thì thành 20, thành 70.
- Loại Mộc số 3 và số 8. Như thập bội thì thành 30, thành 80.
- Loại Kim số 4 và số 9. Như thập bội thì thành 40, thành 90.
- Loại Thổ số 5 và số 10. Như thập bội thì thành 50, thành 100.

Dương trạch tam yếu

Thập bội là nhân cho 10. Gần và ít thì dùng nguyên số (số căn bản). Xa và nhiều thì dùng bội số (bằng 10 lần nhiều hơn). Thí dụ sửa được Bếp Sinh khí thuộc Mộc thì tới 3 tháng hay 8 tháng gặp việc may mắn, hoặc sau 30 ngày hay 80 ngày sẽ phát tài phát lộc. Thí dụ nhà dùng Vũ khúc thuộc Kim làm Sao – chúa thì sau 4 năm hoặc 9 năm nhà sẽ phát đạt tới 40 năm, nếu Vũ khúc đắc vị hay đăng – diện thì nhà đại thịnh vượng tới 90 năm...

G. Ngũ hành ứng kỳ

Suy theo Ngũ hành mà biết thời kỳ của sự tốt hay xấu, suy hay thịnh sẽ xảy đến. Kiết tinh và kiết du – niên ứng việc thịnh tốt, hung tinh và hung du – niên ứng việc hưng suy.

- Loại Thủy thì họa phúc ứng vào những năm nhâm Quý hay những năm thuộc Thủy cục là Thân Tí Thìn. Hoặc đến 10 ngày hay 60 ngày sẽ có điều may rủi đưa tới. Hoặc đến 1 năm hay 6 năm thì nhà cửa sẽ hưng suy tới 10 năm hay 60 năm. – Loại Thủy như: cung Khảm, du – niên. Lục sát, Văn khúc. Thí dụ: ở Động – trạch dùng Văn khúc làm Sao – chúa ắt tới năm Nhâm, Quý, Thân, Tí, Thìn xảy đến tai họa. Hoặc nhà ở tới 1 năm hay 6 năm thì tai họa khởi lên và suy vi cho tới 10 năm hay 60 năm. Ấy bởi Văn khúc là hung tinh tất ứng tai họa và suy vi.

- Loại Hỏa thì họa phúc ứng vào những năm Bính Đinh hay những năm thuộc Hỏa cục là Dần Ngọ Tuất. Hoặc tới 20 ngày hay 70 ngày ắt có điều may rủi đưa tới. Hoặc tới 2 năm hay 7 năm thì nhà ở sẽ hưng suy tới 20 năm hay 70 năm. – Loại Hỏa như: cung Ly, du – niên, Ngũ quỷ, Liêm trinh. Thí dụ Chủ – phòng thừa Ngũ quỷ là hung du – niên thì đến những năm Bính Đinh Dần Ngọ Tuất tai họa xảy đến. Thí dụ dùng Liêm trinh là hung tinh làm Sao – chúa thì nhà ở tới 2 năm hay 7 năm ắt suy bại mãi đến 20 năm hay 70 năm.

- Loại Mộc thì họa phúc ứng vào những năm Giáp Ất hay những năm thuộc Mộc cục là Hợi Mão Mùi. Hoặc đến 30 ngày hay 60 ngày sẽ có điều may rủi đưa tới. Hoặc tới 3 năm hay 8 năm thì nhà cửa sẽ hưng suy tới 30 năm hay 80 năm. – Loại Mộc như cung Chấn Tốn, du – niên Sinh khí và Phục vị, Tham lang và Phụ Bát. Thí dụ Chủ – phòng thừa Sinh khí là kiết du – niên thì những sự may mắn sẽ xảy ra trong những năm Giáp Ất, Hợi Mão Mùi hoặc tới 30 ngày hay 80 ngày thì được tài lộc. Thí dụ như dùng Tham lang là kiết tinh làm Sao – chúa thì nhà ở tới 3 năm hay 8 năm sẽ phát đạt lên tới 30 năm hay 80 năm.

- Loại Kim thì họa phúc ứng vào những năm Canh Tân hay những năm thuộc kim cục là Tỵ Dậu Sửu. Hoặc đến 40 ngày hay 90 ngày sẽ có điều may rủi đưa tới. Hoặc đến 4 năm hay 9 năm thì nhà ở sẽ hưng suy tới 40 năm hay 90 năm. – Loại Kim như cung Kiền Đoài, du – niên, Tuyệt mệnh và Diên – niên, Phá quân và Vũ khúc. Thí dụ, Chủ – phòng hay Sơn – chủ thừa Tuyệt mệnh là hung du – niên thì đến năm Canh Tân, Tỵ Dậu Sửu hoặc đến 40 ngày hay 90 ngày tai họa sẽ xảy tới. Thí dụ dùng Vũ khúc là kiết tinh làm Sao – chúa thì nhà ở tới 4 năm hay 9 năm sẽ phát đạt lên tới 40 năm hay 90 năm.

- Loại Thổ thì họa phúc ứng vào những năm Mậu Kỷ hay những năm thuộc Hỏa cục là dần Ngọ Tuất hay những năm Thổ là Thìn Tuất Sửu Mùi. Hoặc đến 50 ngày hay 100 ngày ắt có điều may rủi đưa tới. Hoặc đến 5 hay 10 năm thì nhà ở sẽ hưng suy tới 50 năm hay 100 năm.

Dương trạch tam yếu

- Loại Thổ là như cung Cấn Khôn, du – niên, Họa – hại và Thiên y, sao Lộc tồn và Cự môn. – Thí dụ Sơn – chủ hay Chủ – phòng thừa Họa – hại là hung du – niên hoặc dùng Lộc tồn là hung tinh làm Sao – chúa thì tai họa sẽ xảy tới trong những năm Mậu Ky, Dần Ngọ Thìn Tuất Sửu Mùi. Hoặc nhà ở tới 5 năm hay 10 năm thì khởi đầu suy bại cho đến 50 năm hay 100 năm. – Thí dụ: Sơn – chủ hay Chủ – phòng thừa Thiên y là kiết du – niên hay dùng Cự môn là kiết tinh làm Sao – chúa thì sự may mắn sẽ xảy đến trong những năm Mậu Ky, Dần Ngọ Thìn Tuất Sửu Mùi. Hoặc nhà ở đến 50 ngày hay 100 ngày sẽ gặp tài lộc. Hoặc nhà ở tới 5 hay 10 năm sẽ bắt đầu phát đạt tới 50 năm hay 100 năm. (Chú ý: Loại Hỏa và loại Thổ dùng chung Hỏa cục là Dần Ngọ Tuất. Loại Thổ mà dùng Hỏa cục là bởi giữa quả Địa cầu có khối lửa sinh ra núi lửa).

BÀI 5: BÁT CUNG SỞ – THUỘC, HÌNH – TƯỢNG

- Kiền có 3 gạch liền thuộc Dương kim, phương Tây Bắc, ứng về người là cha, ông, ông già...



- Khảm có gạch giữa liền thuộc Dương thủy, phương chánh Bắc, ứng về người là con trai giữa, đàn ông lứa tuổi và vừa.



- Cấn có gạch trên liền thuộc Dương thổ, phương Đông Bắc, ứng với người là thiếu nam, con trai nhỏ.



- Chấn có gạch dưới liền thuộc Dương mộc, phương chánh Đông, ứng về người là trưởng nam, con cháu trai lớn.



- Tốn có gạch dưới đứt thuộc Âm mộc, phương Đông Nam, ứng về người trưởng nữ, con cháu gái lớn.



- Ly có gạch giữa đứt thuộc Âm hỏa, phương chánh Nam, ứng về người là trung nữ, con cháu gái giữa.



- Khôn có 3 gạch đứt (thành 6 đoạn) thuộc Âm thổ, phương Tây Nam, ứng về người là mẹ, bà, bà già.



- Đoài có gạch trên đứt thuộc Âm kim, phương chánh Tây, ứng về người là thiếu nữ, con cháu gái nhỏ.



Bát cung là 8 cung: Kiền, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài. Mỗi cung nào cũng có 3 gạch song song với nhau: gạch trên, gạch giữa và gạch dưới, có gạch đứt có gạch liền, nhưng chỉ nói một gạch cũng đủ biết 2 gạch kia. Thí dụ nói cung Khảm gạch giữa liền tất nhiên là 2 gạch kia đứt. Hai gạch kia là gạch trên và gạch dưới vậy.

Dương trạch tam yếu

BÀI 6: BÁT CUNG THU KHẮC ĐOÁN

Thu khắc là bị khắc, như Hỏa thì bị Thủy khắc vậy.

- Kiền Dương kim gặp loại Hỏa như Ngũ quỷ, Liêm trinh thì Kiền thọ khắc, họa hoạn ứng cho bậc cha ông, bậc nam nhân trưởng thượng.
- Đoài Âm Kim gặp loại Hỏa như Ngũ quỷ và Liêm trinh thì Đoài thọ khắc, họa hoạn ứng cho con cháu gái, hạng thiếu nữ.
- Khảm Dương thủy gặp loại Thổ như Họa hại, Thiên y, Lộc tồn, Cự môn thì Khảm thọ khắc: tai họa ứng cho con cháu trai giữa, nam nhân tuổi vừa vừa.
- Cấn Dương thổ gặp loại Mộc thì thọ khắc, tai họa ứng cho con cháu trai, hàng trai trẻ tuổi. Loại Mộc là như Sinh khí, Phục vị, Tham lang, Phụ Bát.
- Khôn Âm thổ gặp loại Mộc thì thọ khắc: tai họa ứng cho mẹ, bà, phụ nữ trưởng thượng. Loại Mộc là sinh khí, Phục vị, Tham lang, Phụ Bát.
- Chấn Dương mộc gặp loại Kim thì thọ khắc: tai họa ứng cho hàng con cháu trai cả (lớn), hàng nam nhân trọng tuổi. Loại Kim như Diên niên, tuyệt mệnh, Vũ khúc, Phá quân.
- Tốn Dương mộc gặp loại Kim thì thọ khắc: tai họa ứng vào hàng con cháu gái cả, phụ nữ trọng tuổi. Loại Kim như Diên niên, Tuyệt mệnh, Vũ khúc, Phá quân.
- Ly Âm hỏa gặp loại Thủy thì thọ khắc: họa hoạn ứng trung nữ, con cháu gái giữa, phụ nữ lứa tuổi vừa vừa. Loại Thủy như Lục sát, Văn khúc.

- Chú ý: Cung thọ khắc có nặng có nhẹ. Cung kiết du – niên hay kiết tinh kắc thì tai họa nhẹ, bằng bị hung du – niên hay hung tinh khắc thì tai hại nặng nề. – Lại chỉ nói về 8 cung như vậy:

- . Khảm Thủy bị Cấn Khôn thổ khắc hại.
- . Cấn Khôn Thổ bị Chấn Tốn Mộc khắc hại.
- . Chấn Tốn Mộc bị Kiền Đoài Kim khắc hại.
- . Kiền Đoài Kim bị Ly Hỏa khắc hại.
- . Ly Hỏa bị Khảm Thủy khắc hại.

BÀI 7: NIÊN TINH TÙY THUỘC

Niên tức là 8 du – niên. Tùy thuộc là cùng thuộc một loại Ngũ hành và cùng có tam cách, ứng nghiệm như nhau.

- Du – niên Sinh khí tức sao Tham lang vì đồng thuộc Mộc (kiết).
- Du – niên Diên – niên tức sao Vũ khúc vì đồng thuộc Kim (kiết).
- Du – niên Thiên y tức sao Cự môn vì đồng thuộc Thổ (kiết).
- Du – niên Phục vị tức sao Phụ Bát vì đồng thuộc Mộc (bán kiết).
- Du – niên Tuyệt mệnh tức sao Phá quân vì đồng thuộc Kim (hung).
- Du – niên Ngũ quỷ tức sao Liêm trinh vì đồng thuộc Hỏa (hung).
- Du – niên bị Họa hại tức sao Lộc tồn vì đồng thuộc Thổ (hung).
- Du niên Lục sát tức sao Văn khúc vì đồng thuộc Thủy (hung).

BÀI 8: BÁT BIẾN DU – NIÊN

- Bát là 8. Bát biến du – niên là 8 lần biến ra du – niên. Cung nào cũng có 8 lần biến ra 8 du – niên cho 7 cung kia và bốn cung.

Dương trạch tam yếu

- Biến nghĩa là đổi: gạch Âm đổi thành gạch Dương, gạch Dương đổi thành gạch Âm. Nói chung có 3 gạch: gạch trên, gạch giữa, gạch dưới. Gạch liền (liền một lần) gọi là gạch Dương, gạch đứt (đứt làm 2 đoạn) gọi là gạch âm. Khi muốn biến gạch liền thì đổi nó ra gạch đứt, tức Dương biến thành Âm. Khi muốn biến gạch đứt thì đổi nó ra gạch liền, tức Âm biến thành Dương. Thí dụ mình biến 3 gạch của cung Ly như vậy:



. Gạch trên là gạch liền thì biến nó thành gạch đứt - -

. Gạch giữa - - là gạch đứt thì biến nó thành gạch liền

. Gạch dưới là gạch liền thì biến nó thành gạch đứt - -

- Mỗi lần biến là mỗi lần sanh ra một du – niên do theo lần biến đó là lần thứ mấy. Tám lần biến ra 8 du – niên có thứ tự như sau:

- Lần thứ 1 biến gạch trên sanh ra du – niên Sinh khí tức sao Tham lang.

- Lần thứ 2 - giữa - Ngũ quỷ - Liêm trinh.

- Lần thứ 3 - dưới - Diên niên - Vũ khúc.

- Lần thứ 4 - giữa - Lục sát - Văn khúc.

- Lần thứ 5 - trên - Họa hại - Lộc tồn.

- Lần thứ 6 - giữa - Thiên y - Cự môn.

- Lần thứ 7 - dưới - Tuyệt mệnh - Phá quân.

- Lần thứ 8 - giữa - Phục vị - Phụ Bát.

Suy theo trên thì biến từ gạch kế tiếp nhau mà khởi đầu là biến gạch trên. Sắp gom lại có thứ tự 8 lần biến như vậy: trên, giữa, dưới, giữa, trên, giữa, dưới, giữa. Nên chú ý: mỗi lần biến tuy chỉ biến có một gạch mà thôi, nhưng tên cung này đã đổi qua tên cung trước để làm ra tên cung kế sau đó. Và mỗi cung được đổi ra đó chính là một phương vị có thừa một du – niên. Bây giờ theo cách đã chỉ dẫn trên, mình biến ra 8 phương vị cho cung Kiền để làm kiểu mẫu. Cung Kiền có 3 gạch liền.



- Lần thứ 1 biến gạch trên của Kiền thành ra Đoài. Vậy Đoài là phương chánh tây thừa Sinh khí tức sao Tham lang thuộc Mộc (tốt).



- Lần thứ 2 biến gạch giữa của Đoài thành ra Chấn. Vậy Chấn là phương chánh Đông thừa Ngũ quỷ tức sao Liêm trinh thuộc Hỏa (xấu).



- Lần thứ 3 biến gạch dưới của Chấn thành ra Khôn. Vậy Khôn là phương tây Nam thừa Diên – niên tức sao Vũ khúc thuộc Kim (tốt).



- Lần thứ 4 biến gạch giữa của Khôn thành ra Khảm. Vậy Khảm là phương chánh Bắc thừa Lục sát tức sao Văn khúc thuộc Thủy (xấu).



- Lần thứ 5 biến gạch trên của Khảm thành ra Tốn. Vậy Tốn là phương Đông Nam thừa Họa hại tức sao Lộc tồn thuộc Thổ (xấu).



- Lần thứ 6 biến gạch giữa của Tốn thành ra Cấn. Vậy Cấn là phương Đông Bắc thừa Thiên y tức sao Cự môn thuộc Thổ (tốt).



Dương trạch tam yếu

- Lần thứ 7 biến gạch dưới của Cấn thành ra Ly là phương chánh Nam thừa Tuyệt mệnh tức sao Phá quân thuộc Kim (xấu).



- Lần thứ 8 biếc gạch giữa của Ly thành ra Kiền. Vậy Kiền là phương tây Bắc thừa Phục vị tức sao Phụ Bật thuộc Mộc (tốt ít).



(Chú ý: Cung nào cũng vậy, hề biến tới lần thứ 8 thì hoàn trở lại hình tượng của nó (trở lại bốn cung), đó là cái nghĩa hai chữ Phục vị. Như trên là cung Kiền có 3 gạch liền, khi biến tới lần thứ 8 thì hoàn trở lại Kiền tức trở lại 3 gạch liền, và thừa Phục vị).

LẬP THÀNH 8 CUNG BIẾN RA DU - NIÊN

Như trên đã chỉ dẫn cách biến 8 lần sanh ra 8 du – niên cho cung Kiền. Vậy 7 cung kia cũng theo cách đó mà biến ắt không sai trật. Còn sau đây là lối lập thành (tính sẵn) đủ 8 cung. Miễn dẫn giải.

- **KIỀN:** lần 1 biến ra Đoài thừa Sinh khí, lần 2 biến ra Chấn thừa Ngũ quỷ, lần 3 biến ra Khôn thừa Diên niên, lần 4 biến ra Khảm thừa Lục sát, lần 5 biến ra Tốn thừa Họa hại, lần 6 biến ra Cấn thừa Thiên y, lần 7 biến ra Ly thừa Tuyệt mệnh, lần 8 biến ra Kiền thừa Phục vị.

- **KHẢM:** Lần 1 biến ra Tốn thừa Sinh khí, lần 2 biến ra Chấn thừa Ngũ quỷ, lần 3 biến ra Khôn thừa Diên niên, lần 4 biến ra Kiền thừa Lục sát, lần 5 biến ra Đoài thừa Họa hại, lần 6 biến ra Chấn thừa Thiên y, lần 7 biến ra Khôn thừa Tuyệt mệnh, lần 8 biến ra Khảm thừa Phục vị.

- **CẤN:** Lần 1 biến ra Khôn thừa Sinh khí, lần 2 biến ra Khảm thừa Ngũ quỷ, lần 3 biến ra Đoài thừa Diên niên, lần 4 biến ra Chấn thừa Lục sát, lần 5 biến ra Ly thừa Họa hại, lần 6 biến ra Kiền thừa Thiên y, lần 7 biến ra Tốn thừa Tuyệt mệnh, lần 8 biến ra Cấn thừa Phục vị.

- **CHẤN:** lần 1 biến ra Ly thừa Sinh khí, lần 2 biến ra Kiền thừa Ngũ quỷ, lần 3 biến ra Tốn thừa Diên niên, lần 4 biến ra Cấn thừa Lục sát, lần 5 biến ra Khôn thừa Họa hại, lần 6 biến ra Khảm thừa Thiên y, lần 7 biến ra Đoài thừa Tuyệt mệnh, lần 8 biến ra Chấn thừa Phục vị.

- **TỐN:** lần 1 biến ra Khảm thừa Sinh khí, lần 2 biến ra Khôn thừa Ngũ quỷ, lần 3 biến ra Chấn thừa Diên niên, lần 4 biến ra Đoài thừa Lục sát, lần 5 biến ra Kiền thừa Họa hại, lần 6 biến ra Ly thừa Thiên y, lần 7 biến ra Cấn thừa Tuyệt mệnh, lần 8 biến ra Tốn thừa Phục vị.

- **LY:** lần 1 biến ra Chấn thừa Sinh khí, lần 2 biến ra Đoài thừa Ngũ quỷ, lần 3 biến ra Khảm thừa Diên niên, lần 4 biến ra Khôn thừa Lục sát, lần 5 biến ra Kiền thừa Tuyệt mệnh, lần 6 biến ra Ly thừa Phục vị.

- **KHÔN:** lần 1 biến ra Cấn thừa Sinh khí, lần 2 biến ra Tốn thừa Ngũ quỷ, lần 3 biến ra Kiền thừa Diên niên, lần 4 biến ra Ly thừa Lục sát, lần 5 biến ra Chấn thừa Họa hại, lần 6 biến ra Đoài thừa Thiên y, lần 7 biến ra Khảm thừa Tuyệt mệnh, lần 8 biến ra Khôn thừa Phục vị.

- **ĐOÀI:** lần 1 biến ra Kiền thừa Sinh khí, lần 2 biến ra Ly thừa Ngũ quỷ, lần 3 biến ra Cấn thừa Diên niên, lần 4 biến ra Tốn thừa Lục sát, lần 5 biến ra Khảm thừa Họa hại, lần 6 biến ra Khôn thừa Thiên y, lần 7 biến ra Chấn thừa Tuyệt mệnh, lần 8 biến ra Đoài thừa Phục vị.

LẬP THÀNH TÓM TẮT

Cách lập thành (tính sẵn) này rất gọn, rất dễ tìm cho mau lẹ để sử dụng, không cần phải biến gạch trên, gạch giữa, gạch dưới... cũng khỏi xét tới việc biến lần 1, lần 2 hay lần thứ mấy. Chỉ nói cung này gặp cung kia thì biến sanh ra một du niên. Như thấy Kiền gặp Kiền: Phục vị; Khảm: Lục sát... thì biết là Kiền gặp Kiền thì biến sanh ra du niên Phục vị; gặp Khảm thì biến sanh ra du niên Lục sát...

Cách lập thành tóm tắt này theo thứ tự 8 cung: Kiền, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài. Khởi đầu là kiền gặp Kiền, Khảm gặp Khảm, Cấn gặp Cấn...

KIỀN gặp:	KHẨM gặp:	CẤN gặp:	CHẤN gặp:
Kiền: Phục vị	Khảm: Phục vị	Cấn: Phục vị	Chấn: Phục vị
Khảm: Lục sát	Cấn: Ngũ quỷ	Chấn: Lục sát	Tốn: Diên niên
Cấn: Thiên y	Chấn: Thiên y	Tốn: Tuyệt mệnh	Ly: Sinh khí
Chấn: Ngũ quỷ	Tốn: Sinh khí	Ly: Họa hại	Khôn: Họa hại
Tốn: Họa hại	Ly: Diên niên	Khôn: Sinh khí	Đoài: Tuyệt mệnh
Ly: Tuyệt mệnh	Khôn: Tuyệt mệnh	Đoài: Diên niên	Kiền: Ngũ quỷ
Khôn: Diên niên	Đoài: Họa hại	Kiền: Thiên y	Khảm: Thiên y
Đoài: Sinh khí	Kiền: Họa hại	Khảm: Ngũ quỷ	Cấn: Lục sát

TỐN gặp:	LY gặp:	KHÔN gặp:	ĐOÀI gặp:
Tốn: Phục vị	Ly: Phục vị	Khôn: Phục vị	Đoài: Phục vị
Ly: Thiên y	Khôn: Lục sát	Đoài: Thiên y	Kiền: Sinh khí
Khôn: Ngũ quỷ	Đoài: Ngũ quỷ	Kiền: Diên niên	Khảm: Họa hại
Đoài: Lục sát	Kiền: Tuyệt mệnh	Khảm: Tuyệt mệnh	Cấn: Diên niên
Kiền: Họa hại	Khảm: Diên niên	Cấn: Sinh khí	Chấn: Tuyệt mệnh
Khảm: Sinh khí	Cấn: Họa hại	Chấn: Họa hại	Tốn: Lục sát
Cấn: Tuyệt mệnh	Chấn: Sinh khí	Tốn: Ngũ quỷ	Ly: Ngũ quỷ
Chấn: Diên niên	Tốn: Thiên y	Ly: Lục sát	Khôn: Thiên y

BÁT MÔN CÁC DU – NIÊN

Bát môn cũng tức là 8 cung Kiền, Khảm, cấn... các du – niên là theo khuôn khổ tóm lại mà biết tên 8 du niên của mỗi cung biến ra. – Các nhà chuyên môn Bát trạch đều thuộc nằm lòng bài này để tính ra du – niên một cách linh tiện, khỏi phải lật sách tìm, xem bài này vốn theo cách Lập thành tóm tắt trên, nhưng khác hơn 3 điều:

1. Không kể ra tên 8 cung gặp kia.
2. Tên du – niên nào cũng có 2 chữ, nhưng đây chỉ dùng một trong 2 chữ.
3. Bỏ du – niên Phục vị (vì mình đã rõ kiền gặp Kiền, Khảm gặp Khảm, Cấn gặp Cấn... đều là phục vị).
 - KIỀN lục, thiên, ngũ, họa, tuyệt, diên, sinh.
 - KHẨM quỷ, y, khí, niên, mệnh, hại, sát.
 - CẤN sát, tuyệt, họa, sinh, tuyệt, diên.
 - CHẤN niên, khí, hại, mệnh, quỷ, y, sát.
 - TỐN thiên, ngũ, lục, họa, sinh, tuyệt, diên.
 - LY sát, quỷ, mệnh, niên, hại, khí, y.
 - KHÔN y, diên, tuyệt, sinh, họa, ngũ, lục.

Dương trạch tam yếu

- ĐOÀI khí , hại, niên, mệnh, sát, quỷ, thiên.
- Dẫn giải câu đầu về cung Kiền: (bỏ Kiền gặp Kiền là Phục vị)
Kiền gặp Khảm là Lục sát, gặp Cấn là Thiên y, gặp Chấn là Ngũ quỷ, gặp Tốn là Hỏa hại, gặp Ly là Tuyệt mệnh, gặp Khôn là Diên niên, gặp Đoài là Sinh khí.
- . Câu 2: Khảm gặp Cấn là Ngũ quỷ, gặp Chấn là Thiên y, gặp Tốn...
- . Câu 3: Cấn gặp Chấn là Lục sát, gặp Tốn là Tuyệt mệnh, gặp Ly...
- . Câu 4: Chấn gặp Tốn là Diên niên, gặp Ly là Sinh khí, gặp Khôn...
- . Gặp 5: Tốn gặp Ly là Thiên y, gặp Khôn là ngũ quỷ, gặp Đoài...
- . Gặp 6: Ly gặp Khôn là Lục sát, gặp Đoài là Ngũ quỷ, gặp Kiền...
- . Câu 7: Khôn gặp Đoài là thiên y, gặp Kiền là Diên niên, gặp Khảm...
- . Câu 8: Đoài gặp Kiền là Sinh khí, gặp Khảm là Hỏa hại, gặp Cấn...

BÀI 9: CÁC ỨNG BIẾN VÀ HỖ BIẾN

Trong phép Bát biến du – niên (xem bài 8) có hai cách: chính biến và HỖ biến. Cần phân biệt để dùng cho đúng chỗ.

- Chính biến: là từ cung Cửa – cái biến tới mỗi cung của các chỗ kia. Mỗi khi biến tất được một du – niên. Từ cung Cửa – cái biến tới một cung nào thì an du – niên vào cung ấy chứ không an vào Cửa – cái. Thí dụ Cửa – cái tại Kiền và Bếp tại Đoài thì phải từ Kiền biến tới Đoài tất được Sinh khí, vậy an Sinh khí tại Bếp Đoài chứ không an tại Cửa – cái Kiền. Thí dụ Cửa – cái tại Khảm và Chủ – phòng hay Sơn – chủ tại Chấn thì phải từ Khảm biến tới Chấn tất được Thiên y, vậy an Thiên y tại Chủ – phòng hay Sơn – chủ Chấn. Thí dụ Cửa – cái tại Ly và Hương Bếp ngó về Đoài thì phải từ Ly biến tới Đoài tất được Ngũ quỷ, đó là Hương – Bếp ngó về Đoài Ngũ quỷ... Từ Cửa – cái biến tới Cửa Bếp, biến tới Cửa – phòng, biến tới Cửa – ngõ đều cũng gọi là Chính biến, nhưng 3 chỗ này ít quan trọng.

- HỖ biến là hai cung của hai chỗ biến qua biến lại với nhau và tất nhiên cùng được một du – niên giống tên. Du – niên này không chính thức ở bên nào, nhưng vẫn có ảnh hưởng cho cả hai bên (hai chỗ). Thí dụ từ Bếp Ly biến tới Sơn – chủ Tốn được Thiên y, rồi từ Sơn – chủ Tốn biến lại Bếp Ly tất cũng được Thiên y. Thiên y này ảnh hưởng cho cả hai bên Ly và Tốn, nhưng nhiều ít có khác. Bởi Thiên y Thổ nói với Ly Hỏa là tương sinh đắc vị, tốt nhiều, nhưng đối với Tốn Mộc là tương khắc thất vị, tốt ít.

Hỗ biến không dùng vào hết thấy 7 chỗ quan hệ, chỉ dùng vào 3 chỗ chính yếu mà thôi, tùy theo Tịnh – trạch, Động – trạch hay Biến – hóa – trạch. Ở Tịnh trạch thì dùng Cửa – cái, Chủ – phòng và Bếp hỗ biến với nhau. Ở Động trạch hay Biến hóa trạch thì dùng Cửa – cái, Sơn – chủ và Bếp hỗ biến với nhau. – Như 3 chỗ chính yếu hỗ biến với nhau được 3 du – niên tốt là Sinh khí, Diên niên và Thiên y thì gọi là Nhà ba tốt (nhà có 3 du – niên tốt). Bằng 3 chỗ chính yếu hỗ biến với nhau chỉ được một du – niên tốt mà tới 2 du – niên xấu là cái nhà bất lợi. (Không có trường hợp hai chỗ tốt và một chỗ xấu. Cũng không có trường hợp ba chỗ đều xấu).

Phàm ở nhà ba tốt sẽ phát đạt, giàu sang và yên lành. Thí dụ Cửa – cái tại Cấn, Phòng – chủ tại Khôn và Bếp tại Đoài. Vậy lấy Cấn Hỗ biến cùng được Sinh khí, lấy Khôn với Đoài hỗ biến cùng được Thiên y và lấy Đoài với Cấn hỗ biến cùng được Diên niên. Ba chỗ chính yếu này hỗ biến với nhau được Sinh khí, Diên niên và Thiên y là ba du – niên tốt cho nên gọi là Nhà ba tốt, ở sẽ thịnh vượng. – Thí dụ Cửa – cái tại Tốn, Sơn – chủ tại Kiền và Bếp tại Khảm. Vậy lấy Tốn với Kiền hỗ biến cùng được Hỏa hại,

Dương trạch tam yếu

lấy Kiền với Khảm hồ biến cùng được Lục sát, và lấy Khảm với Tốn hồ biến cùng được Sinh khí. Ba chỗ chính yếu này hồ biến với nhau được Họa hại, Lục sát và Sinh khí, tức là chỉ có một tốt mà tới hai xấu cho nên gọi là nhà bất lợi, ở chẳng thịnh vượng.

BÀI 10: DU – NIÊN SỞ – THUỘC, HUNG KIẾT

- Có 4 kết du – niên ứng điểm lành là: Sinh khí Diên niên, Thiên y và Phục vị. Và cũng có 4 hung du – niên ứng điểm dữ là: Tuyệt mệnh, Ngũ quỷ, Lục sát và Họa hại.

1) SINH KHÍ thuộc Mộc là du – niên rất tốt, đem sức sống mạnh và nguồn sanh lợi lộc vào nhà. Ở Đông tứ trạch thì hợp trạch (hợp với nhà), khiến cho nhà thịnh vượng lên, vì Mộc với Kim tương khắc. Sinh khí lâm Chấn Tốn Mộc là đắc diện tốt nhiều hơn lâm Khảm Ly Thủy là đắc vị, còn lâm Kiền Đoài Cấn Khôn là thất vị tốt ít. (Phàm du – niên gặp cung tỷ hòa là đắc diện tốt bậc nhất, gặp cung tương sanh là đắc vị tốt bậc nhì, gặp cung tương khắc là thất vị tốt bậc ba).

2) DIÊN NIÊN thuộc Kim là du – niên rất tốt, có nghĩa là tuổi thọ, làm bền sự phát đạt, thứ nhất là phát đạt tài ngân, châu báu. Cũng gọi nó là thần phúc đức. Ở Tây tứ trạch thì hợp trạch (hợp với nhà), khiến cho nhà thịnh vượng lên, vì Kim gặp Kim thành Vượng khí. Bằng ở Đông tứ trạch là không hợp với nhà, vì Kim với Mộc tương khắc. – Như Diên niên lâm Kiền Đoài là đắc diện tốt nhiều hơn lâm Cấn Khôn Khảm là đắc vị, còn lâm Chấn Tốn Ly là thất vị ít tốt.

3) THIÊN Y thuộc Thổ là du – niên rất tốt, làm hưng vượng điền sản, đất vườn, lục súc. Nó có tính cách như một lương y, một cứu tinh năng giải trừ tai họa, nâng gia tăng phúc đức. Ở Tây tứ trạch thì nó hợp với nhà vì Thổ sanh nhà Kim, bằng ở Đông tứ trạch không hợp với nhà vì nhà Mộc khắc Thổ. Thiên y lâm Cấn Khôn là tỷ hòa đắc diện tốt nhiều hơn lâm Kiền Đoài Ly là tương sanh đắc vị, còn lâm Chấn Tốn Khảm là tương khắc thất vị tốt ít.

4) PHỤC VỊ là du niên tốt phụ thuộc, có tánh cách phụ trợ, tiếp thêm. Ở chung với Phòng – chủ hay Sơn – chủ và Bếp thừa Sinh khí, Diên niên, Thiên y thì nó tốt theo, bằng thừa hung du – niên thì nó chẳng ra gì. Ở Đông tứ trạch thì nó hợp với nhà vì Mộc ập Mộc sanh vượng khí, bằng ở Tây tứ trạch thì nó không hợp với nhà vì nhà Kim khắc Mộc. – Phục vị lâm Chấn Tốn là tỷ hòa đắc diện tốt hơn lâm Khảm Ly là tương sanh đắc vị, bằng lâm Kiền Đoài Cấn Khôn là tương khắc thất vị tốt ít.

5) TUYỆT MỆNH là du – niên rất hung hại, đem tuyệt khí vào nhà, sinh kế rất bất lợi. Nó ở cung nào cũng gây tai họa, dù tỷ hòa hay tương sanh cũng vậy (dù đắc diện hay đắc vị cũng vậy). Đông tứ trạch có nó thì nguy lắm vì nó Kim khắc nhà Mộc.

6) NGŨ QUỶ thuộc Hỏa là du – niên rất hung, đem tai họa vào nhà, thứ nhất là những chuyện quái dị, bệnh hoạn và các tai nạn máu lửa. Bếp gặp nó xấu nhất. Ở Tây tứ trạch có nó thì nguy nhất vì nó Hỏa khắc nhà Kim. Dù nó đắc diện hay đắc vị cũng hung.

7) LỤC SÁT thuộc Thủy là hung du niên, đem sát khí vào nhà, chuyện ứng về các tai nạn nước, tà đại, dâm dăng. Nó ở Bếp hại nhiều hơn ở các chỗ khác. Cái sức lực gây tai họa của nó kém hơn Ngũ quỷ và Tuyệt mệnh, vì nó thuộc Thủy đối với Đông tứ trạch hay Tây tứ trạch đều tương sanh.

Dương trạch tam yếu

8) **HỌA HẠI** là một hung du – niên, đem hung khí vào nhà, sanh nhiều hao hại. Cái sức hung hại của nó tương đương hoặc nhẹ hơn Lục sát. Đối với Đông tứ trạch tương sanh, đối với Tây tứ trạch nó bị khắc, không nguy hại bằng Tuyệt mệnh và Ngũ quỷ.

(Chú ý: Sinh khí đồng ứng như sao Tham lang, Diên niên đồng ứng như sao Vũ khúc, Thiên y đồng ứng như sao Cự môn, Phục vị đồng ứng như sao Phụ Bát, Tuyệt mệnh, đồng ứng như sao Phá quân, ngũ quỷ đồng ứng như sao Liêm trinh, Lục sát đồng ứng như sao Văn khúc và Hỏa hại đồng ứng như sao Lộc tồn. Vậy nên xem bài 11 nữa mới đầy đủ).

BÀI 11: BÁT TINH SỞ THUỘC, HUNG KIẾT

Bát tinh là 8 sao (8 ngôi sao). Sao tốt gọi là kiết tinh ứng những việc lành; sao xấu gọi là hung tinh ứng các việc dữ. Có 4 kiết tinh: Tham lang, Vũ khúc, Cự môn và Phụ Bát. Có 4 hung tinh: Tuyệt mệnh, Liêm trinh, Văn khúc và Lộc tồn.

Chiếu theo bài 10 đã có nói những sự việc lành dữ của 8 du – niên, mình cũng biết được đại khái những sự việc lành dữ của 8 sao trong bài 11 này, vì 8 du – niên và 8 sao tùy thuộc nhau (xem bài 7). Nhưng 8 du – niên được dùng cả bốn loại trạch, còn 8 sao chỉ dùng ở Động trạch và Biến hóa trạch (Xem các thiên II, III, VI, V).

Những điều lành dữ của 8 sao trong bài này cốt ý nói là khi nó được dùng làm Sao – chúa tức ở tại Phòng – chúa. Phòng – chúa tức ở tại Phòng – chúa. Phòng – chúa tức ngăn cao rộng lớn nhất của Động trạch và Biến hóa trạch là những loại trạch được dùng tới cách phiên tinh.

Phàm hễ kiết tinh là tốt, nhưng kiết tinh đắc vị mới quý, kiết tinh đăng diện càng quý hơn, kiết tinh nhập miếu quý nhất bậc. Duy kiết tinh thất vị là sao mất ngôi chẳng còn quý nữa, tốt qua loa Kiết tinh đắc vị, đăng diện và nhập miếu gọi chung là kiết tinh đắc cách, nghĩa là được cách tốt. Còn hung tinh dù đắc cách cũng vẫn làm cho nhà suy vi hướng chi là hung tinh thất vị.

Trong bài 10 lấy 8 du – niên so đối với các cung của nó gặp mà tính ra đắc cách hay thất vị. Còn trong bài 11 này lấy 8 sao so đối với cung Sơn – chủ mà tính biết đắc cách hay thất vị. Sơn chủ là cung chính giữa mặt hậu nhà tại ngăn sau chót của Động trạch và Biến hóa trạch.

- Kiết tinh đắc vị là sao tốt được ngôi. Phàm kiết tinh sanh Sơn – chủ, Sơn chủ sanh kiết tinh thì gọi là kiết tinh đắc vị, nhưng kiết tinh sanh Sơn – chủ có phần tốt hơn Sơn – chủ sanh kiết tinh. Như Tham lang Mộc sanh Sơn – chủ Ly Hỏa hoặc Sơn – chủ Khảm Thủy sanh Tham lang Mộc. Như Cự môn Thổ gặp các Sơn – chủ Kiền Đoài Kim hay Ly Hỏa. Như Vũ khúc Kim gặp các Sơn – chủ Khảm Thủy hay Cấn Khôn Thổ...

- Kiết tinh đăng diện là sao tốt lên diện cao quý. Phàm kiết tinh và Sơn – chủ đồng thuộc một loại ngũ hành thì gọi là kiết tinh đăng diện. Như Tham lang Mộc hay Phụ Bát Mộc gặp các Sơn chủ Chấn Tốn cũng Mộc. Như Vũ khúc Kim gặp các Sơn – chủ Kiền Đoài cũng Kim. Như Thiên y Thổ gặp các Sơn – chủ Cấn Khôn cũng Thổ.

- Kiết tinh nhập miếu là sao tốt vào miếu vũ tôn thương. Phàm kiết tinh đắc vị hay đăng diện lại được ở ngăn mặt hậu tức là ngăn sau hết, trực ngôi với Sơn – chủ thì gọi là kiết tinh nhập miếu, quý hiển vô cùng. Như Động trạch 4 ngăn có Sơn – chủ Cấn tại mặt hậu nhà và ngăn thứ tư cao rộng lớn nhất là Phòng – chúa có sao Cự môn. Vậy Cự môn Thổ gặp Sơn – chủ Cấn cũng Thổ tức tỷ hòa (đồng một loại ngũ hành) cho nên gọi Cự môn là kiết tinh đăng diện. Đã đăng diện lại được ở ngăn thứ tư là ngăn sau hết

Dương trạch tam yếu

trực tiếp với Sơn – chủ cho nên lại gọi Cự môn là kiết tinh nhập miếu, thật quý hiển vô cùng. Thí dụ nhà này không phải Sơn – chủ Cấn Thổ mà Sơn – chủ Ly Hỏa thì Cự môn không đăng diện mà là Cự môn đắc vị, nhưng vẫn ở ngăn sau hết thì cũng gọi Cự môn nhập miếu. Và lẽ dĩ nhiên Cự môn đắc vị mà nhập miếu tốt không bằng Cự môn đăng diện mà nhập miếu.

- Kiết tinh thất vị là sao tốt mất ngôi. Phạm kiết tinh khắc Sơn – chủ khắc kiết tinh đều gọi là kiết tinh thất vị, tốt ít oi, dù ở ngăn sau hết được trực tiếp với Sơn – chủ cũng vậy. Như Tham lang hay Phụ Bát Mộc gặp các các Sơn – chủ Kiền Đoài Kim hay Cấn Khôn Thổ (Mộc với Kim tương khắc, mà Mộc với Thổ cũng tương khắc, mà Kim với Mộc cũng tương khắc. Như Cự môn Thổ gặp các Sơn – chủ Khảm Thủy hay Chấn Tốn Mộc (Thổ với Thủy tương khắc mà Thổ với Mộc cũng tương khắc).

Trên nói về kiết tinh đắc cách và thất vị mà không cần đề cập với hung tinh làm Sao – chúa. Còn sau đây là nói về tính cách của mỗi sao, kể cả kiết tinh và hung tinh.

- Tham lang là kiết tinh thuộc Mộc, rất hợp với Đông tứ trạch bởi sao Mộc ở nhà Mộc là vượng khí. Nó được dùng làm Sao – chúa (tức ở Phòng – chúa) ắt khiến gia đạo hưng long, sanh con anh hùng, nghề văn lập nên nhiều phái, viết nên nhiều bài văn cách tiếng tăm, rành rẽ và thông thạo trăm việc...

Sao – chúa Tham lang ở nhà có các Sơn – chủ Kiền Đoài Cấn Khôn là thất vị. Ở nhà có Sơn – chủ Khảm hay Ly là đắc vị, ở nhà có Sơn – chủ Chấn hay Tốn là đăng diện. Như đắc vị hay đăng diện lại ở tại ngăn sau chót trực ngộ với Sơn – chủ thì gọi là nhập miếu. – Tham lang thất vị cũng khiến cho nhà phát đạt nhỏ, đắc vị khiến cho nhà giàu có vừa vừa, đăng diện khiến cho nhà giàu sang lớn, nhập miếu khiến nên đại thịnh vượng và phú quý tột đỉnh.

Nhà có Sao – chúa Tham lang ở tới 3 năm hay 8 năm thì khởi đầu phát đạt. Sự phát đạt này kéo dài tới 30 năm. Nếu Tham lang ở Nhà ba tốt (xem bài 9) thì sự phát đạt tiến lên tới 80 năm, có thể nhiều hơn nữa nếu gia chủ nhân từ, thường làm ân đức.

- Vũ khúc là kiết tinh thuộc Dương Kim, rất hợp với tây tứ trạch vì Kim gặp Kim là vượng khí. Nó được dùng làm Sao chúa (tức ở Phòng – chúa) thì nhà rất thịnh mậu, sanh xuất bậc hào hoa, tài trí, xuất thân từ hai cửa vũ văn, võ dũng mà nhân từ, hiếu hạnh, có tài cán lớn mà hiểu rành lắm việc...

Sao – chúa Vũ khúc ở nhà có các Sơn chủ Ly Chấn Tốn là thất vị ở nhà có các Sơn – chủ Cấn Khôn Khảm là đắc vị, ở nhà có các Sơn – chủ Kiền Đoài là đăng diện lại ở nhằm ngăn sau chót trực ngộ với Sơn – chủ thì gọi là nhập miếu. Phạm Vũ khúc thất vị cũng khiến cho nhà phát đạt nhỏ, đắc vị khiến cho nhà giàu có vừa vừa, đăng diện ắt khiến cho nhà giàu sang lớn, nhập miếu khiến nên đại thịnh vượng và phú quý tột đỉnh.

Nhà có Sao – chúa là Vũ khúc, ở tới 4 năm hay 9 năm thì khởi đầu phát đạt. Sự phát đạt này kéo dài tới 40 năm. Nếu Vũ khúc được dùng trong Nhà ba tốt (xem bài 9) thì sự phát đạt tiến lên tới 90 năm. Có thể hơn nữa nếu gia chủ nhân từ, thường làm âm đức.

- Cự môn là kiết tinh thuộc Dương Thổ, rất hợp với Tây tứ trạch là bởi sao Thổ sanh nhà Kim. Nó được dùng làm Sao – chúa (tức ở Phòng – chủ) thì người cùng tiền bạc và gia đạo đều hưng vượng, công danh hiển hách, ba đạo (Nho, Thích, Lão) đều tinh thông. Người tánh trí thông minh trong nghề y dược và lý số. Nếu làm bác sĩ, dược sư, bốn sự rất được vang danh.

Dương trạch tam yếu

Sao – chúa Cự môn ở nhà có các Sơn chủ Khâm Chấn Tốn là thất vị, ở nhà có các Sơn – chủ Ly Kiền Đoài là đắc vị, ở nhà có các Sơn – chủ Cấn Khôn là đăng diện. Như đắc vị hay đăng diện lại ở nhằm ngăn sau chót trực ngộ với Sơn – chủ thì gọi là nhập miếu. – Phàm Cự môn thất vị cũng khiến cho nhà phát đạt nhỏ, đắc vị khiến cho nhà giàu có vừa vừa, đăng diện khiến cho nhà giàu sang lớn, nhập miếu khiến nên đại thịnh vượng và phú quý tốt đỉnh.

Phàm là nhà có Sao – chúa là Cự môn, ở tới 5 năm hay 10 năm thì khởi đầu phát đạt. Sự phát đạt này kéo dài tới 50 năm. Nếu Cự môn được dùng trong Nhà ba tốt (xem bài 9) thì sự phát đạt tiến tới 100 năm. Có thể hơn thế nữa nếu gia chủ nhân từ, thường làm âm đức.

- Phụ Bát cũng thuộc về kiết tinh nhưng chỉ tốt bằng phân nửa Tham lang, Vũ khúc và Cự môn. Nó là sao thuộc Mộc thứ nhì (Tham lang là Mộc thứ nhất) rất hợp với Đông tứ trạch, bởi sao Mộc gặp nhà Mộc thì vượng khí. Phụ Bát có nghĩa là theo giúp. Vì vậy nên có tốt hay xấu là tùy theo Sơn – chủ và Bếp. Như Sơn – chủ và Bếp thừa kiết du – niên (Sinh khí, Diên niên, Thiên y) thì nó trợ lực tốt thêm. Bằng Sơn – chủ và Bếp thừa hung du – niên (Tuyệt mệnh, Ngũ quỷ, Lục sát, Họa hại) thì nó vô dụng không ra gì.

Sao – chúa Phụ Bát ở nhà có các Sơn – chủ Kiền Đoài Cấn Khôn là thất vị, ở nhà có các Sơn – chủ Khâm Ly là đắc vị, ở nhà có các Sơn – chủ Chấn Tốn là đăng diện. Như đắc vị hay đăng diện lại ở nhằm ngăn sau chót trực ngộ với Sơn – chủ thì gọi là nhập miếu. - Phàm Phụ Bát thất vị thì nhà chỉ đủ ăn, đắc vị thì nhà khá giả, đăng diện là nhà giàu có vừa vừa, nhập miếu là nhà giàu sang trung bình.

Nhà có Sao – chúa là Phụ Bát, ở tới 3 năm hay 8 năm thì khởi đầu khá giả. Sự khá giả này kéo dài tới 15 năm. Nếu Phụ Bát được dùng trong cái Nhà ba tốt (xem bài 9) thì khá lâu tới 40 năm. Hoặc có thể nhiều hơn nữa nếu gia chủ nhân từ, thường làm âm đức. (Sự phát đạt và thời gian phát đạt của Phụ Bát chỉ bằng phân nửa của Tham lang).

- Đỉnh ngoa: Tham lang là sao Mộc phát đạt lớn, Phụ Bát cũng là sao Mộc nhưng phát đạt nhỏ. Đó là bởi danh từ và tính chất khác nhau. Nhưng cùng loại Mộc tất phải cùng ứng vào các số 3, 5, 30 và 50. Do đó thời gian phát đạt của Phụ Bát phải bằng thời gian phát đạt của Tham lang, mặc dù sự phát đạt hơn kém nhau rất xa. Xin thỉnh học giả suy nghiệm.

- Phá quân là đại hung tinh thuộc Kim, khắc phá Đông tứ trạch nhiều hơn Tây tứ trạch, là sao hung tợn khó nổi đương. Phòng – chúa có Phá quân sanh bệnh Huỳnh thũng (bệnh da vàng, phù thũng) làm khổ sở con người. Có con nhưng nó chẳng sống lâu, con gái bệnh lao mà mạng cũng yếu. Nó gây nhiều tai hoạn dữ tợn, chẳng luận là đắc cách hay thất vị.

- Liêm trinh là đại hung tinh thuộc Hỏa, khắc phá Tây tứ trạch nhiều hơn Đông tứ trạch. Phòng – chúa có Liêm trinh làm cho nhà cửa tiêu hoại. Tính cách của nó rất hung dữ và liêu lĩnh, nhưng nếu cầm thương ra trận là một chiến sĩ mạnh mẽ, hăng say. Nó thường gây bệnh hoạn và thị phi (khẩu thiệt) và hiềm khích.

- Văn khúc là hung tinh thuộc Thủy có tính thấm xuống cho nên khó mà tấn phát. Phòng – chúa có nó khiến cho người làm những chuyện điên cuồng, rồi đại kể ra chẳng hết, khiến cho nhà suy đồi, vận mệnh cùng khốn, hủy hoại tổ nghiệp, phá hết ruộng vườn. Nếu làm binh sĩ ắt vì ngộ nghịch mà bị đày ải.

Dương trạch tam yếu

- Lộc tồn là hung tinh thuộc Âm Thổ. Phong – chúa có nó ắt nhà không thịnh vượng, khiến người tàn tạ, nhân khẩu bớt dần, con cái chẳng hưng, e tuyệt tự phải lập phòng nhì mới tốt.

BÀI 12: NIÊN, TINH HUNG KIẾT TỔNG ĐOÁN.

Bài 10 đã nói sự tốt xấu của 8 du – niên và bài 11 đã nói sự tốt xấu của 8 sao, nhưng vì bổ khuyết là việc rất cần nên mới có bài 12 này luận đoán chung cho 8 du – niên và 8 sao.

Muốn chẳng tai họa thì nên gặp Thiên y, Phục vị, gặp Sinh khí, Diên niên đăng nhiều điều tốt lành. Ngũ quỷ, Liêm trinh gây lằm tai ương, làm hại tới mạng người. Lục sát làm thương vong Lục súc, xảy lằm việc kinh hoàng. Tuyệt mệnh làm bại thương nhân khẩu. Hỏa hại sanh điều bất lương. Tham lang, Sinh khí thêm quan lộc. Vũ khúc, Diên niên thọ mạng, lâu dài. Phục vị, việc việc y nhiên an ổn. Cự môn, Thiên y là kho tiền tài, bảo vật. Liêm trinh, Ngũ quỷ làm người mang bệnh. Tuyệt mệnh, Phá quân là mối dẫn tai ương. Lộc tồn, Hỏa hại chẳng kham nhân khẩu (số người hiếm hoi). Văn khúc, Lục sát phụ nữ bất tường (không tốt).

- **Sinh khí hay Tham lang** thuộc Mộc, gặp Khảm Ly đắc vị, gặp Chấn Tốn đăng diện ắt hưởng phước lộc lâu dài. Riêng nói Tham lang gặp Khảm thì thật là vẻ vang, thịnh vượng. – Như gặp Kiền Đoài thì nó bị Kiền Đoài khắc gọi là nội chiến. Như gặp Cấn Khôn thì nó khắc Cấn Khôn thì gọi là ngoại chiến. Nội chiến giảm bớt 50% tốt, ngoại chiến giảm bớt 30% tốt.

(Phàm Cung khắc Tinh gọi là nội chiến, còn Tinh khắc Cung gọi là ngoại chiến. Tinh là nói gồm 8 du – niên và 8 sao).

- **Thiên y hay Cự môn** thuộc Thổ, gặp Kiền Đoài Ly thì đắc vị, gặp Cấn Khôn thì đăng diện ắt đăng phát phước phát lộc lâu dài. Riêng nói Cự môn gặp Ly, con cháu rất cường thịnh. – Như gặp Chấn Tốn là nội chiến, gặp Khảm là ngoại chiến ắt bớt thịnh vượng.

- **Diên niên hay Vũ khúc** thuộc Kim, gặp Cấn Khảm là đắc vị, gặp Kiền Đoài là đăng diện đồng ứng về sự phát tài, phát lộc, phát phước lâu dài. Riêng nói Vũ khúc gặp Khôn Cấn rất hưng thịnh. – Như gặp cung Ly là nội chiến, gặp cung Chấn Tốn là ngoại chiến ắt bớt thịnh vượng.

- **Tuyệt mệnh hay Phá quân** thuộc Kim, gặp cung Ly là nó bị khắc, khác nào như thú dữ đường cùng bị bức, ắt nó quay trở lại cắn hại mình. Nó gặp Chấn Tốn thì ứng như kẻ gian thần đắc chí hại người trung lương, vì nó khắc Chấn Tốn. Nó gặp cấn Khôn gọi là thọ sanh (Thổ sanh Kim) tức như chứa đầy lương thực để nuôi giặc, như nuôi hổ chờ tai nạn. Nó gặp Khảm như đuổi ác thú vào hầm, nó càng la hét, giận dữ hơn. Nó gặp Kiền Đoài như loài mang thú lớn lên rồi hủy bỏ chỗ sanh (ổ đẻ) cắn lại mẹ.

- **Ngũ quỷ hay Liêm trinh** thuộc Hỏa, gặp Chấn Tốn là lửa sanh nơi cây, nung cạn ao đầm, đốt khô đồng nội. Nó gặp Kiền Đoài là Hỏa khắc Kim như gặp thời đại hạn thiêu tiêu, như lửa phừng phực đốt cháy đá vàng. Gặp Cấn Khôn như lửa diêm – diêm đốt côn sơn. Gặp Khảm như cây dã – cát hay cây ô dầu còn nguyên chất độc chưa được bào chế, vì phạm dụng mà nguy to. Gặp cung Ly như nấu thuốc cao mà thêm quá độ lửa, cao ắt hư (vì Hỏa gặp Hỏa là lửa quá nhiều làm hư thuốc).

Dương trạch tam yếu

- **Họa hại hay Lộc tồn thuộc Thổ**, gặp Chấn Tồn như hạng nô tỳ hung ác, ngoài mặt chịu chế phục nhưng trong lòng ẩn chứa độc họa. Gặp Kiền Đoài như thả giặc cướp về chủ nó, lúc đầu thuận lời giáo huấn rồi lâu lâu cũng lại phản phúc. Gặp Ly như nhận giặc làm con, nó sẽ cướp đoạt gia tài. Gặp Khảm như kẻ trộm ý mình, dựa thế mà làm việc điên cuồng, càn bậy, gặp Cấn Khôn là đồng loại với nó tất sanh ra những vụ hiệp lữ, hiệp đàn làm hư nền móng gia đạo, gia tộc, làm trở ngại chính quyền.

- **Lục sát hay Văn khúc thuộc Thủy**, gặp Kiền Đoài như kẻ hiển nộ cười, trang điểm dung nhan hầu được yết kiến, vượt tường dòm ngó nhà người rình rập, mưu toan việc gian tà. Gặp Cấn Khôn như vợ chồng già theo nhau làm càn bậy, xấu xa. Gặp Chấn Tồn như trinh nữ thất thân, mất tiết. Gặp Khảm như trên sông Bộc nam nữ đối đáp ca hát, như trong bờ dâu tặng thuốc... toàn là những việc gió trăng. Gặp Ly như ăn bà ghen ở chung một nhà, lời qua tiếng lại, thóa mạ hung hăng. (Lục sát và Văn khúc thuộc Nhâm Quý Thủy, chủ sự về phụ nữ bất chánh, vì thế nên đoạn này lấy tượng đó mà luận tùy theo các cung nó gặp).

- **Phục vị hay Phụ Bật** thuộc Mộc nên cùng ứng như Sinh khí hay Tham lang cũng thuộc Mộc, nhưng tốt rất ít, có khi chẳng đáng tốt. Xem bài 10 và 11.

(Xem thêm bài 16 và 17)

BÀI 13: BÁT TINH PHÂN PHÒNG HƯNG BẠI

- Phòng – chúa dùng Tham lang thì trưởng nam hưng phát, dùng Cự môn thì trung nam hưng phát, dùng Vũ khúc thì thiếu nam hưng phát. Trái lại phòng – chúa có Phá quân hay Liêm trinh thì trưởng nam suy bại, ắt chịu nghèo nàn và thường bị hình tụt, có Văn khúc thì trung nam suy bại, có Lộc tồn thì thiếu nam suy bại. (Trưởng nam là con trai cả hoặc nói chung là hạng con cháu trọng tuổi. Trung nam là con trai thứ, hoặc hoặc nói chung là hạng con cháu lứa tuổi vừa vừa. Thiếu nam là con trai út, hoặc nói chung là hạng con cháu nhỏ tuổi).

BÀI 14: BÁT TINH ĐỊNH TỬ TÔN

- Tham lang sanh 5 trai hiển đạt. Vũ khúc sanh 4 trai cường thịnh. Cự môn sanh 3 chàng hào hùng. Liêm trinh sanh 2 đứa. Văn khúc bất quá một trai. Phụ Bật chỉ có con rể. Phá quân là sao tuyệt khí ứng điềm góa bụa, cô độc. Lộc tồn khó con trai nhưng ứng điềm sống lâu.

Đại khái luận số con cho bát tinh là như vậy.

BÀI 15: HÓA TƯỢNG ỨNG, NỘI NGOẠI SINH KHẮC

- **Thuần Âm** là ròng một loại Âm, như Tồn Ly Khôn Đoài gặp nhau. Phàm thuần Âm thì chẳng sanh hóa, chẳng sanh con cái mà thường bị bệnh hoạn. Thí dụ: Cửa – cái tại Ly mà Chủ – phòng tại Đoài, Cửa – cái tại Tồn mà Bếp tại Ly, hoặc ba chỗ chính yếu là Cửa – cái, Chủ – phòng (hay Sơn – chủ) và Bếp tại Ly, hoặc ba chỗ chính yếu là Cửa – cái, Chủ – phòng (hay Sơn – chủ) và bếp đều ở trong vòng 4 cung Tồn Ly Khôn Đoài.

- **Thuần Dương** là ròng một loại Dương, như Kiền Khảm Cấn Chấn gặp nhau. Thuần Dương cũng như thuần Âm, chẳng sanh hóa, không sanh được con cái, nhưng lúc

Dương trạch tam yếu

đầu thịnh vượng. Thí dụ Cửa – cái tại Khảm mà Chủ – phòng cũng tại Khảm, Cửa – cái tại Kiền mà Bếp tại Cấn, Cửa – cái tại Kiền mà Sơn – chủ tại Chấn, hoặc ba chỗ chính yếu là Cửa – cái, Chủ – phòng (hay Sơn – chủ) và Bếp đều ở trong vòng 4 cung Kiền Khảm Cấn Chấn.

- **Nội sinh ngoại** là trong sanh ra ngoài gọi là sanh xuất ứng điềm phát đạt nhưng chậm và phải do công sức khó nhọc mà hưng lên. Phàm Chủ – phòng hay Sơn – chủ sanh Cửa – cái gọi là nội sinh ngoại, nhưng Chủ – phòng hay Sơn – chủ phải gặp Kiết du – niên mới tốt, bằng gặp hung du – niên cũng chẳng ra gì. Thí dụ Chủ – phòng tại Khôn Thổ sanh Cửa – cái tại Kiền Kim, đó là nội sinh ngoại và Chủ – phòng thừa Diên – niên là kiết du – niên. Thí dụ Chủ – phòng Ly gặp Hỏa – hại là hung du – niên chẳng tốt mà còn hao thoát rất nhiều.

- **Ngoại sinh nội** là ngoài sinh vào trong gọi là sanh nhập, ứng điềm phát đạt dễ dàng, gia đạo hưng khởi mau lẹ, hay có tiền của bất ngờ. Phàm Cửa – cái sanh Chủ – phòng hay sanh Sơn – chủ là ngoại sinh nội, nhưng Chủ – phòng hay Sơn – chủ phải thừa kiết du – niên mới tốt, bằng thừa hung du – niên ắt chẳng ra chi. Thí dụ Cửa – cái tại Khảm Thủy sanh Sơn – chủ tại Tốn Mộc và Sơn – chủ thừa Sinh khí là kiết du – niên rất tốt. Như Cửa – cái Kiền Kim sanh Chủ – phòng Khảm Thủy cũng là ngoại sinh nội, nhưng Chủ – phòng thừa Lục sát là hung du – niên tất không phải là cách hay.

(Luận về hai cách trên: nội sinh ngoại như phải đi câu mới được cá, mà nếu có nhiều thì cũng sẩy bớt cá. Còn ngoại sinh nội như người khác mang cá đến biếu cho mình, mình khỏi phải nhọc đi câu).

- **Nội khắc ngoại** là trong khắc ngoài tất ứng điềm bất lợi, tai họa từ trong khởi lên, hưng giặc trộm chẳng vào nhà được. Phàm Chủ – phòng hay Sơn – phòng khắc Cửa – cái thì gọi là nội khắc ngoại.

- **Ngoại khắc nội** là ngoài khắc trong tức tai họa từ bên ngoài đưa đến, điềm thân mình bị thương hại. Phàm Cửa – cái khắc Chủ – phòng hay khắc Sơn – chủ gọi là ngoại khắc nội.

- Âm nhập Dương cung hay là ngoài cung Âm trong cung Dương thì trước sanh con gái, bằng Dương nhập Âm cung hay là ngoài cung Dương trong cung Âm thì trước sanh con trai. Ngoài là Cửa – cái, trong là Chủ – phòng hay Sơn – chủ.

(Ở Tĩnh – trạch thì dùng Chủ – phòng, ở Động – trạch hay Biến – hóa – trạch thì dùng Sơn – chủ).

BÀI 16: KIẾT TINH ỨNG NGHIỆM NHẬT KỲ

(Kiết tinh là nói gồm 4 du – niên tốt và 4 sao tốt)

- Sinh khí hay Tham lang là Mộc tinh, ứng sanh 5 con, mau làm nên quan quý và phát lên làm nhà cự phú, trăm việc vui mừng giao hợp, thêm nhân khẩu (thêm đông người). Phàm trong những chỗ trọng yếu có sự xây dựng hay tu bổ mà gặp Sinh khí hay Tham lang thì đến 30 ngày hay 80 ngày ắt có việc vui may đưa tới, vì loại Mộc số 3 và số 8, thập bội là 30 và 80. (Những chỗ trọng yếu là Cửa – cái, Chủ – phòng, Sơn – chủ, Bếp, Phòng – chúa).

- Diên niên hay Vũ khúc là Kim tinh, ứng sanh 4 con, đã giàu lại còn trường thọ, ngày ngày vẫn có tiền bạc tới, sớm thành gia thất, hôn nhân, vợ chồng thuận hòa, ruộng nương cùng vườn tược thêm lợi ích, nhân khẩu và lục súc thịnh vượng, ự vui mừng thường xảy đến... Phàm trong những chỗ trọng yếu có sự xây dựng hay tu bổ mà gặp

Dương trạch tam yếu

Diên niên hay Vũ khúc thì đến 40 ngày hoặc 90 ngày sẽ có sự vui may khá lớn và sinh kế cùng tài lộc mỗi ngày một trội lên, vì loại Kim thuộc số 4 và số 9, thập bội là 40 và 90.

Thiên y hay Cự môn là Thổ tinh, là thọ tinh (sống lâu) và cũng là cứu tinh (cứu giúp), ứng vợ chồng hòa hảo, sanh 3 con, giàu có muôn chung, trong nhà rất ít đau yếu, không ai mang tật nguyên, người và lục súc đều bình yên và thêm số đông. Phàm trong những chỗ trọng yếu có sự xây dựng hay tu bổ lại mà gặp Thiên y hay Cự môn thì đến 50 hoặc 100 ngày sẽ có việc vui may hay tài lộc, bởi loại thổ thuộc số 5 và số 10, thập bội thành 50 và 100.

- Phục vị hay Phụ Bát là Mộc tinh thứ nhì, ứng với sự khá giả, tuổi thọ cũng vừa vừa, sanh gái nhiều mà trai hiếm hoi. Phàm có vụ xây dựng hay tu bổ những chỗ trọng yếu mà dùng Phục vị hay Phụ Bát thì đến 30 ngày hoặc 80 ngày ắt có sự vui mừng, bởi loại Mộc thuộc số 3 và số 8, nếu thập bội thành 30 và 80.

BÀI 17: HUNG TINH ỨNG NGHIỆM

(Bài này nói thêm những điều hung hại của 4 hung du – niên và 4 hung tinh)

- **Lục sát hay Văn khúc** ứng sự tà dâm, điều bất chính, hạng người trên bị tổn hại, lâm cảnh thảm thương.

- **Ngũ quỷ hay Liêm trinh** ứng về các tai họa máu lửa, những việc trốn lánh, mất mát, tâm bệnh buồn thương.

- **Tuyệt mệnh hay Phá quân** ứng về các việc phá tán, hư hao, tai họa tưng hình, quan sự nhiều nhương.

- **Họa hại hay Lộc tồn** là sao cô quả, hiếm hoi con cái, những chứng bệnh đau mắt, mất mù.

BÀI 18: NGŨ QUỶ XUYÊN CUNG

(Ngũ quỷ hay Liêm trinh cũng vậy, rất độc hại. Thế nên có bài này luận riêng về nó. Có cả nguyên âm kèm lời phóng dịch).

- Liêm Quỷ nhập Đoài, Kiền, tiểu khải định tai ương, trùng trùng tổn ngũ khẩu, gia trung bất an khương. – Dịch: Sao Liêm trinh hay du – niên Ngũ quỷ gặp Kiền Đoài thì con trẻ chịu tai ương, liên tiếp làm tổn hại 5 người, trong nhà chẳng yên ổn, khỏe mạnh.

- Liêm Quỷ nhập Thủy hương, khiếm tử tạo tai ương, trưởng tử tiểu – khẩu tử, lụy lụy bệnh đa thương, - Dịch: Liêm trinh hay Ngũ quỷ gặp Thủy thương là cung Khảm thì không có con trai mà hay gặp họa hoạn, con trưởng và trẻ nhỏ chết mất, thêm mãi bệnh hoạn và đau thương.

- Liêm Quỷ Chấn Tốn gian, mỗi tuế đạo tặc liên, gia trung tài thất tán, nam nữ thọ ngao tiên. – Dịch: Liêm trinh hay Ngũ quỷ gặp cung Chấn cung Tốn thì trộm cướp tới liên liên mỗi năm, trong nhà tiền bạc hao mất, cả trai và gái đều bị rang đốt tàn tệ.

- Liêm Quỷ đáo bổn cung, sơ niên nhị phòng vinh, trưởng nam chuyên quyền bính, tài tán họa sự sinh. – Dịch: Liêm trinh hay Ngũ quỷ gặp bổn cung là gặp cung của nó tức cung Ly (vì Ly đồng thuộc một loại Hỏa với Liêm Quỷ) thì lúc đầu hai phòng được vẻ vang, con trưởng nắm quyền hành, tiền tài hao tán và sanh tai họa.

Dương trạch tam yếu

- Liêm Quỷ nhập Cấn Khôn, lục súc tinh nan tồn, Tây Nam tổn ngũ khẩu, Đông Bắc thương tam nhân. – Dịch: Liêm trình hay Ngũ quỷ gặp cung Cấn cung Khôn thì lục súc đều chết toi. Nó ở Tây Nam (gặp Khôn) thì tổn hại 5 miệng (5 người), bằng ở Tây Bắc (gặp Cấn) làm thương hại 3 người.

BÀI 19: NGŨ HÀNH TẬT BỆNH LUẬN

(Bài này lấy Ngũ hành của 8 cung mà luận ra các chứng đau, tật bệnh).

- **Ngũ hành ứng vào ngũ tạng:** Loại Kim như Kiền Đoài ứng vào tạng phế là lá phổi. Loại Mộc như Chấn Tốn ứng vào tạng can là lá gan. Loại Thủy như Khảm ứng vào tạng thận là bầu thận. Loại Hỏa như Ly ứng vào tạng tâm là trái tim. Loại Thổ như Cấn Khôn ứng vào tạng tỳ là bao tử và lá lách. – Phàm tạng nào bị khắc thì tạng ấy bị bệnh và sanh ra các chứng đau ở những nơi hệ thuộc. Như Ly Hỏa bị Khảm Thủy khắc thì tim bị tổn thương và sanh ra các chứng đau tại đầu, óc, mắt, bụng... là những chỗ hệ thuộc tim.

- **Loại Kim** bị Hỏa khắc thì phổi thọ thương sanh ra bệnh ho, ho không đàm, ho có đàm, ho hen, suyễn, thân yếu ớt, hình tích gầy còm. Hoặc cũng là bệnh nung huyết, ung thư, gân cốt đau nhức khó chịu. Thí dụ Cửa – cái tại Ly Hỏa khắc Sơn – chủ tại Kiền Kim, tức là Kim vị khắc vậy.

- **Loại Mộc** bị Kim khắc thì gan thọ thương sanh ra các chứng phong, phong khí gan mật, tê một bên, miệng méo mắt lệch, tứ chi bất lợi. Thí dụ Cửa – cái tại Tốn Mộc bị khắc bởi Chủ – phòng tại Đoài Kim.

- **Loại Thủy** bị Thổ khắc thì thận thọ thương và sanh ra các chứng bệnh trầm lạnh mà khô khan, bệnh di tinh, lưng thận suy trệ, bệnh lậu, ỉa mửa, thủy trùng, lấm trật. Thí dụ: Bếp tại Khảm Thủy bị khắc bởi Cửa – cái đặt tại Khôn Thổ.

- **Loại Hỏa** bị Thủy khắc thì trái tim thọ thương và sanh các chứng đau đầu nhức đầu, có nóng ran, bao tử và bọng đất nhiễm trùng, miệng khô khát mà nói sảng cuồng làm nhảm, bệnh thương hàn, tim bụng đau nhói, bị ghẻ độc tât mắt. Thí dụ Cửa – cái tại Ly Hỏa bị khắc bởi Bếp đặt tại Khảm Thủy. Trường hợp loại Hỏa bị khắc này đỡ hơn bốn loại kia vì Ly với Khảm tác thành Diên – niên là một du – niên tốt.

- **Loại Thổ** bị Mộc khắc thì tỳ vị là lá lách và dạ dày thọ thương và sanh ra các chứng bao tử bị mềm nhũn, bụng phát trướng, bệnh sưng phù mà nước da vàng bệch, các chứng hư phù và ôn dịch do thời khí. Thí dụ Bếp tại Cấn Thổ bị khắc bởi Cửa – cái tại Chấn Mộc.

Lại nói rằng: Kim với Mộc phạm nhau (gặp nhau) sanh chứng bệnh phong điên, cuồng dại rồi chết một cách hung ác. Phàm Thủy với Thổ phạm nhau thì do thận kiệt (khô) mà sanh các bệnh. Phàm Mộc với Thổ phạm nhau ắt tổn thương tỳ vị. Phàm Thủy với Kim hiệp nhau tuy tương sanh nhưng tạo các chứng bệnh kết bạch ở phổi, ở ruột, ở khớp xương.

BÀI 20: GIẢI HUNG – TẮC PHÁP

Là phép giải khỏi các bệnh hoạn và tai họa do hung tác gây ra. Hung tác là Bếp xấu, Bếp đặt nhầm cung thừa hung du – niên như Ngũ quỷ, Lục sát, tuyệt mệnh, Họa hại. Bếp gây tai bệnh nhiều nhất là thừa Ngũ quỷ và Lục sát.

Dương trạch tam yếu

- Bếp là nơi nuôi dưỡng mạng sống con người, nhưng cũng là mối dây dẫn đến trăm thứ bệnh, bởi bệnh hoạn phần nhiều do ăn uống mà sanh ra. Vậy phải đặt Bếp tại những cung thừa kiết du – niên là Thiên y, Sinh khí, Diên niên. Thừa Phục vị tạm dùng được. Và Bếp sánh đối với Chủ – phòng hay Sơn – chủ cũng phải hổ biến sanh ra Kiết du – niên mới hoàn hảo, vì nó tạo được cái Nhà ba tốt qua loa, có khi không còn tốt.

- Nếu đã lỡ đặt Bếp xấu tức thừa hung du – niên, nay muốn giải khỏi các tai hại do Bếp gây ra thì phải hốt hết tro đất ở lò hay cà – ràng, đến ngày mùng 5 âm lịch đem đổ hết xuống sông hoặc đổ tại ngã ba hay ngã tư đường. Đó là muốn dùng lại lò cũ hay cà – ràng cũ. Bằng không dùng thì đổ bỏ luôn, mua lò cà – ràng mới. Cốt yếu là xây một cái Bếp khác tại cung thừa kiết du – niên. Tốt nhất là thừa Thiên y vì nó có năng lực và hiệu nghiệm tức khắc để giải trừ những tai hại do Bếp cũ gây ra. Bếp Sinh khí và Diên niên đều là những Bếp tốt. (Muốn giải trừ những tai hại chi phải tùy theo mỗi kiết du – niên được phân biện trong bài 21). Đã đổi được Bếp tốt ắt sẽ may mắn, nhưng còn phải lưu ý về cái Bếp và những đồ vật thường dùng nơi Bếp. Bếp cũ vốn xấu tất còn lưu trữ hung khí, nếu phá bỏ thì thôi, bằng muốn để dùng vào việc khác thì phải bỏ không đó sau 100 ngày cho hung khí tan hết đi rồi hãy sử dụng. Các đồ vật làm bằng sắt đá, chất cứng cũng vậy. Duy chén đĩa tô muống đĩa cứ dùng luôn chẳng hại.

- Xây được Bếp tốt ắt điều lành sẽ tới, như tài lộc biểu tượng... Muốn biết điều lành trong bao lâu sẽ đến thì xét Ngũ hành. Như Bếp đặt tại Chấn Tồn Mộc thì sau 30 hay 80 ngày sẽ được điều lành tốt, đặt tại Kiền Đoài Kim thì sau 40 hay 90 ngày, đặt tại Cấn Khôn Thổ thì sau 50 hay 100 ngày, đặt tại Khảm Thủy thì sau 10 hay 60 ngày, đặt tại Ly Hỏa thì sau 20 hay 70 ngày. – Luận về sự phát đạt trường kỳ, hễ dùng được Bếp thừa kiết du – niên thì trong 3 năm hoặc năm năm thì khởi đầu phát đạt lâu dài, công danh, con cháu đều hưng vượng. Như kiết du – niên đăng diện hay đắc vị thì đại thịnh vượng, bằng thất vị thì thịnh vượng ít.

- Những sự ứng nghiệm nói trên không thể không có được. Từ nghìn xưa, người trong cõi Á đông đã thực hành luôn luôn có kết quả hần hoi. Riêng tôi, tôi rất quả quyết, vì trong nghề chuyên khảo cứu, tôi đã giúp cho rất nhiều người được hiệu quả chắc chắn. Sẵn để lấy làm kinh nghiệm, tôi xin thuật thấy sự kết quả khả quan cho chính tôi trong việc sửa đổi Bếp xấu ra Bếp tốt như sau: Cửa – cái nhà tôi hiện tại Đông Nam cung Tồn Mộc, còn Bếp trước kia đặt tại Tây Bắc cung Kiền Kim. Như vậy Bếp kiền Kim thừa du – niên Họa hại và lại khắc Cửa – cái Tồn Mộc (Kim khắc Mộc) cho nên tôi bị bệnh phong, trúng gió, thường trực đau nhức gân và hay bị trặc gân vai... suốt trong 6 năm kể từ ngày mua được nhà này. Sở dĩ bị các chứng bệnh như thế bởi chỗ bị khắc là Cửa – cái Tồn (bị Kiền Kim khắc). Tồn vi phong tất hay bị cảm gió. Tồn thuộc Mộc ứng vào tạng gan, và hễ gan bị thọ thương (bị khắc) ắt sanh ra các chứng bệnh gân, phong, có thể tới tình trạng tê xuội, bại. Nhưng sau 6 năm tôi bỏ Bếp cũ tại Kiền và xây một Bếp khác tại cung Khảm chánh Bắc. Tính du – niên thì bỏ Bếp cũ thừa Họa hại và xây Bếp mới thừa Sinh khí. Tính theo cung sinh khắc thì bỏ Bếp Kiền khắc Cửa – cái Tồn và xây Bếp Khảm sanh Cửa – cái Tồn (Khảm Thủy sanh Tồn Mộc). Và đây là những việc ứng nghiệm: Kể từ ngày xây Bếp Khảm thừa Sinh khí, sau 48 ngày, qua ngày thứ 49 tôi đặn số tiền bất ngờ 6 ngàn đồng (ứng vào Khảm thuộc số 6). Lại sau 80 ngày tôi bỗng có 20 ngàn vào tay (ứng vào Sinh khí số 8 và thập bội thành 80 ngày) và từ đó, làm nhà tướng số tôi thường xem được quẻ 300 đồng mà lúc trước ít khi được (vì Sinh khí Mộc cũng thuộc số 3). Đó là những con số ứng rất chính xác. Còn số 20 ngàn đồng không thấy ứng. Duy số 48 ngày có ứng vào Khảm thừa Sinh khí, vì Khảm

Dương trạch tam yếu

số 6 và Sinh khí số 8 nhân cho nhau thành số 48. – Còn điều này hiệu nghiệm một cách xác đáng là từ khi dùng Bếp Khảm cho tới bây giờ trải qua mười mấy năm tôi chẳng bị đau gân và trẹo gân nữa, lại ít bị cảm gió. Tôi nghĩ rằng sự an bày luật lệ vô hình vẫn có ảnh hưởng hiển nhiên của Tạo hóa, thật là linh diệu và huyền bí vô cùng, nhưng chỉ có thể biện minh bằng khoa học và chứng minh bằng những kết quả đã ngó thấy. Không thể chỉ rõ ra bằng vật thể hữu hình.

BAI 21: KIẾT TÁO PHÂN BIỆN PHÁP

Bài này chuyên nói về mỗi Bếp tốt có thể giải trừ những việc hung hại thường xảy ra trong nhà.

1) Phàm nhà thừa thớt nhân đinh (số người ít oi), tiểu nhi khó nuôi, không sanh đẻ, tới tuổi già con cái chẳng còn, bệnh lâu chẳng mạnh, hoặc muốn cầu hôn nhân... thì nên đổi dùng Bếp Thiên y. Thí dụ Cửa – cái tại Cấn thì phải đặt Bếp tại Kiền, vì theo phép Bát biến (xem bài 8) từ Cấn biến 6 lần tới Kiền tất được Thiên y, Kiền Kim thừa Thiên y Thổ là tương sanh đắc vị, rất tốt.

2) Phàm đọc sách hay học không thành tài, công danh chẳng hiển đạt, nhà nghèo khổ, mỗi việc thiếu trước hụt sau... thì nên đổi dùng Bếp Sinh khí cũng Mộc tỷ hòa đẳng diện tốt bậc nhất.

3) Phàm nam nữ đoản thọ (chết sớm), không làm được tiền bạc, chẳng sắm được của quý... thì nên đổi dùng Bếp Diên niên. Thí dụ: Cửa – cái tại Tốn thì phải đặt Bếp tại Chấn, vì theo phép Bát biến (xem bài 8) từ Tốn biến 3 lần tới Chấn tất được Diên niên Kim là tương khắc thất vị, tốt vừa vừa.

BÀI 22: MỆNH – CUNG

Mệnh cung là nói Mệnh cung của chủ nhà. Tính Mệnh cung cho nam nhân khác với cho nữ nhân. Muốn tính Mệnh cung phải biết phân tam nguyên, số thứ tự của 60 tuổi, bản tính Mệnh cung cho nam nhân, bản tính Mệnh cung cho nữ nhân. Khi biết Mệnh cung rồi mới so đối nó với nhà và bếp coi hiệp nhau hay không hiệp. Hiệp ắt tốt, và nếu không hiệp tức bị tương khắc thì phải dùng cách giải hóa sự tương khắc hại đó. Bài này gồm có 5 phần: Phân tam nguyên, số thứ tự của 60 tuổi, Bản tính Mệnh cung cho nam nhân, Bản tính Mệnh cung cho nữ nhân và phần phụ: Cách tính Mệnh cung theo năm sanh Dương lịch, cách tính Mệnh cung theo số tuổi Âm lịch đang thọ.

a) Phân tam nguyên: Tam nguyên là 3 nguyên. Mỗi nguyên gồm 60 năm, 3 nguyên gồm 180 năm. Hết tam nguyên này tiếp qua tam nguyên khác cũng y như vậy. Phải biết năm sanh ra đời của chủ nhà thuộc về nguyên nào để tính Mệnh cung. Sau đây chỉ kể hai nguyên đã qua, một nguyên hiện tại và hai nguyên chưa tới:

Từ năm Giáp Tý 1864 tới năm Quý Hợi 1923 thuộc Thượng nguyên (đã qua lâu)

----- 1924 ----- 1983 ----- Trung nguyên (vừa qua)

----- 1984 ----- 2043 ----- Hạ nguyên (hiện tại)

----- 2044 ----- 2103 ----- Thượng nguyên (chưa tới)

----- 2104 ----- 2164 ----- Trung nguyên (chưa tới)

Dương trạch tam yếu

b) Số thứ tự của 60 tuổi:

(Chú ý: Số thứ tự của tuổi (nhất định) chứ không phải số tuổi đang thọ).

- | | | | | | |
|--------------|--------------|---------------|--------------|---------------|--------------|
| 1. Giáp Tí | 2. Ất Sửu | 3. Bính Dần | 4. Đinh Mẹo | 5. Mậu Thìn | 6. Kỷ Ty |
| 7. Canh Ngọ | 8. Tân Mùi | 9. Nhâm Thân | 10. Quý Dậu | 11. Giáp Tuất | 12. Ất Hợi |
| 13. Bính Tí | 14. Đinh Sửu | 15. Mậu Dần | 16. Kỷ Mẹo | 17. Canh Thìn | 18. Tân Ty |
| 19. Nhâm Ngọ | 20. Quý Mùi | 21. Giáp Thân | 22. Ất Dậu | 23. Bính Tuất | 24. Đinh Hợi |
| 25. Mậu Tí | 26. Kỷ Sửu | 27. Canh Dần | 28. Tân Mẹo | 29. Nhâm Thìn | 30. Quý Ty |
| 31. Giáp Ngọ | 32. Ất Mùi | 33. Bính Thân | 34. Đinh Dậu | 35. Mậu Tuất | 36. Kỷ Hợi |
| 37. Canh Tí | 38. Tân Sửu | 39. Nhâm Dần | 40. Quý Mẹo | 41. Giáp Thìn | 42. Ất Ty |
| 43. Bính Ngọ | 44. Đinh Mùi | 45. Mậu Thân | 46. Kỷ Dậu | 47. Canh Tuất | 48. Tân Hợi |
| 49. Nhâm Tí | 50. Quý Sửu | 51. Giáp Dần | 52. Ất Mẹo | 53. Bính Thìn | 54. Đinh Ty |
| 55. Mậu Ngọ | 56. Kỷ Mùi | 57. Canh Thân | 58. Tân Dậu | 59. Nhâm Tuất | 60. Quý Hợi |

Dẫn giải: Như nói số thứ tự của tuổi Giáp Tí là số 1, chứ không phải 1 tuổi là tuổi Giáp Tí. Như nói số thứ tự của tuổi Kỷ Mùi là 56, chứ không phải 56 tuổi là tuổi Kỷ Mùi...

c) Bản để tính Mệnh cung cho nam nhân:

		KIÊN		
Hạ nguyên Khởi 1,20,19,28,37,46,55	<u>ĐOÀI</u>		KHÔN	Trung nguyên Khởi 1,20,19,28,37,46,55
	CẤN		<u>TỐN</u>	
	LY		CHẤN	
Thượng nguyên Khởi 1,20,19,28,37,46,55	<u>KHẢM</u>		KHÔN	

Trong bản hình thiết lập trên có 4 điểm nên lưu ý:

- Trong 9 cung có tới 2 cung Khôn. Ba cung KHẢM ĐOÀI TỐN chữ lớn đều có gạch dưới vì là 3 chỗ khởi Tam nguyên.
- Từ chỗ khởi, đếm tới theo hướng mũi tên chỉ, tức là đếm kế tiếp theo thứ tự: Khảm, Ly, Cấn, Đoài, Kiền, Khôn, Tốn, Chấn, Khôn, rồi lại Khảm, Ly... Đếm cho tới số thứ tự của Tuổi thì ngừng. Và ngừng đúng vào cung nào thì chính thị cung đó là Mệnh cung của nam nhân.
- Nam nhân sanh ở Thượng nguyên khởi đếm từ cung KHẢM, sanh ở Trung nguyên khởi đếm từ cung TỐN, sanh ở Hạ nguyên khởi đếm từ cung ĐOÀI. Mỗi chỗ khởi đếm đều có ghi các số 1, 10, 19, 28, 36, 45, 55 là đã tính sẵn rồi để đếm tắt cho mau. Thí dụ: người tuổi Tân Hợi ất số thứ tự là 48 (xem phần b). Nếu khởi đếm từ 1 thì phải đếm trái

Dương trạch tam yếu

qua 48 cung mới tới Mệnh cung. Bằng đếm tắt, khởi từ 46 sắp lên thì chỉ đếm thêm 3 cung nữa là tới Mệnh cung.

4. Có thể suy theo bản hình 9 cung thiết lập trên để áp dụng vào ba ngón bên tay tả: ngón trỏ dùng 4 cung Khảm Ly Cấn Đoài, ngón giữa chỉ dùng một cung Kiền ở trên đầu ngón, và ngón áp út dùng 4 cung Khôn Tốn Chấn Khôn.

DẪN GIẢI CÁCH TÍNH

- Phàm nam nhân sanh ở Thượng nguyên thì khởi 1 tại KHẨM rồi đếm lần tới số thứ tự của Tuổi, hễ tới nhằm cung nào thì gọi cung đó là Mệnh cung. Thí dụ nam nhân ở Thượng nguyên tuổi Quý Tỵ tất số thứ tự là 30. Vậy khởi 1 tại KHẨM rồi đếm tới 2 tại LY, 3 tại CẤN, 4 tại ĐOÀI, 5 tại KIỀN... đếm mãi cho tới 30 (số thứ tự) ắt trúng vào cung Cấn. Vậy Cấn là Mệnh cung của nam nhân tuổi Quý Tỵ sanh trong Thượng nguyên. Nhưng khởi từ 1 đếm tới như vậy thì lâu lắm. Muốn mau nên khởi từ 28 tại KHẨM rồi đếm tới 29 tại LY và 30 tại CẤN chính là Mệnh cung.

- Phàm nam nhân sanh ở Trung nguyên thì khởi 1 tại TỐN rồi đếm lần tới số thứ tự của Tuổi, hễ tới nhằm cung nào thì gọi cung đó là Mệnh cung. Thí dụ: nam nhân sanh ở Trung nguyên tuổi Bính Tuất tất số thứ tự là 23. Vậy khởi 1 tại TỐN rồi đếm tới thì 2 tại Chấn, 3 tại Khôn, 4 tại Khảm, 5 tại Ly, 6 tại Cấn, 7 tại Đoài, 8 tại Kiền, 9 tại Khôn, 10 trở lại tại Tốn, 11 tại Chấn... đếm mãi cho tới 23 là số thứ tự thì gặp Ly. Vậy LY là Mệnh cung của nam nhân tuổi Bính Tuất sanh trong Trung nguyên. Nhưng khởi từ 1 đếm lần lần tới như vậy thì lâu lắm. Muốn mau hơn phải khởi từ 19 tại TỐN rồi đếm tới thì 20 tại Chấn, 21 tại Khôn, 22 tại Khảm và 23 tại Ly là Mệnh cung. Chỉ đếm qua 5 cung là tới nơi, mau hơn đếm qua tới 23 cung.

- Phàm nam nhân sanh ở Hạ nguyên thì khởi 1 tại ĐOÀI rồi đếm lần tới số thứ tự của Tuổi, hễ tới nhằm cung nào thì gọi cung đó là Mệnh cung. Thí dụ nam nhân sanh ở Hạ nguyên tuổi Canh Ngọ tất số thứ tự là 7. Vậy khởi 1 tại ĐOÀI rồi đếm lần tới thì 2 tại Kiền, 3 tại Khôn, 4 tại Tốn, 5 tại Chấn, 6 tại Khôn và 7 tại Khảm. Vậy Khảm chính là Mệnh cung của nam nhân tuổi Canh Ngọ sanh trong Hạ nguyên.

Như muốn khởi tính bằng cách đếm theo bản hình thiết lập trên thì phải lập thành, tức là tính sẵn và biên sẵn như sau đây:

Nam nhân	Thượng nguyên	Trung nguyên	Hạ nguyên
- Tuổi Giáp Tí sanh năm:	1864 cung Khảm, 1924 cung Tốn		1984 cung Đoài
- Tuổi Ất Sửu sanh năm:	1865 cung Ly, 1925 cung Chấn		1985 cung Kiền
- Tuổi Bính Dần sanh năm:	1866 cung Cấn, 1926 cung Khôn		1986 cung Khôn
- Tuổi Đinh Mẹo sanh năm:	1987 cung Đoài, 1927 cung Khảm		1987 cung Tốn
- Tuổi Mậu Thìn sanh năm:	1868 cung Kiền, 1928 cung Ly		1988 cung Chấn
- Tuổi Kỷ Tỵ sanh năm:	1869 cung Khôn, 1929 cung Cấn		1989 cung Khôn
- Tuổi Canh Ngọ sanh năm:	1870 cung Tốn, 1930 cung Đoài		1990 cung Khảm
- Tuổi Tân Mùi sanh năm:	1871 cung Chấn, 1931 cung Kiền		1991 cung Ly
- Tuổi Nhâm Thân sanh năm:	1872 cung Khôn, 1932 cung Khôn		1992 cung Cấn
- Tuổi Quý Dậu sanh năm:	1873 cung Khảm, 1933 cung Tốn		1993 cung Đoài
- Tuổi Giáp Tuất sanh năm:	1874 cung Ly, 1934 cung Chấn		1994 cung Kiền
- Tuổi Ất Hợi sanh năm:	1875 cung Cấn, 1935 cung Khôn,		1995 cung Khôn
- Tuổi Bính Tí sanh năm:	1876 cung Đoài, 1936 cung Khảm,		1996 cung Tốn
- Tuổi Đinh Sửu sanh năm:	1877 cung Kiền, 1937 cung Ly,		1997 cung Chấn
- Tuổi Mậu Dần sanh năm:	1878 cung Khôn, 1938 cung Cấn,		1998 cung Khôn

Dương trạch tam yếu

- Tuổi Kỷ Mão sinh năm: 1879 cung Tốn, 1939 cung Đoài, 1999 cung Khảm
- Tuổi Canh Thìn sinh năm: 1880 cung Chấn, 1940 cung Kiền, 2000 cung Ly
- Tuổi Tân Ty sinh năm: 1881 cung Khôn, 1941 cung Khôn, 2001 cung Cấn
- Tuổi Nhâm Ngọ sinh năm: 1882 cung Khảm, 1942 cung Tốn, 2002 cung Đoài
- Tuổi Quý Mùi sinh năm: 1883 cung Ly, 1943 cung Chấn, 2003 cung Kiền.

- Tuổi Giáp Thân sinh năm: 1884 cung Cấn, 1944 cung Khôn, 2004 cung Khôn -
- Tuổi Ất Dậu sinh năm 1885 cung Đoài, 1945 cung Khảm, 2005 cung Tốn
- Tuổi Bính Tuất sinh năm 1886 cung Kiền, 1946 cung Ly, 2006 cung Chấn
- Tuổi Đinh Hợi sinh năm 1887 cung Khôn, 1947 cung Cấn, 2007 cung Khôn
- Tuổi Mậu Tý sinh năm 1888 cung Tốn, 1948 cung Đoài, 2008 cung Khảm
- Tuổi Kỷ Sửu sinh năm 1889 cung Chấn, 1949 cung Kiền, 2009 cung Ly
- Tuổi Canh Dần sinh năm 1890 cung Khôn, 1950 cung Khôn, 2010 cung Cấn
- Tuổi Tân Mão sinh năm 1891 cung Khảm, 1951 cung Tốn, 2011 cung Đoài
- Tuổi Nhâm Thìn sinh năm 1892 cung Ly, 1952 cung Chấn, 2012 cung Kiền
- Tuổi Quý Tỵ sinh năm 1893 cung Cấn, 1953 cung Khôn, 2013 cung Khôn.

- Tuổi Giáp Ngọ sinh năm 1894 cung Đoài, 1954 cung Khảm, 2014 cung Tốn
- Tuổi Ất Mùi sinh năm 1895 cung Kiền, 1955 cung Ly, 2015 cung Chấn
- Tuổi Bính Thân sinh năm 1896 cung Khôn, 1956 cung Cấn, 2016 cung Khôn
- Tuổi Đinh Dậu sinh năm 1897 cung Tốn, 1957 cung Đoài, 2017 cung Khảm
- Tuổi Mậu Tuất sinh năm 1898 cung Chấn, 1958 cung Kiền, 2018 cung Ly
- Tuổi Kỷ Hợi sinh năm 1899 cung Khôn, 1959 cung Khôn, 2019 cung Cấn
- Tuổi Canh Tý sinh năm 1900 cung Khảm, 1960 cung Tốn, 2020 cung Đoài
- Tuổi Tân Sửu sinh năm 1901 cung Ly, 1961 cung Chấn, 2021 cung Kiền
- Tuổi Nhâm Dần sinh năm 1902 cung Cấn, 1962 cung Khôn, 2022 cung Khôn
- Tuổi Quý Mão sinh năm 1903 cung Đoài, 1963 cung Khảm, 2023 cung Tốn

- Tuổi Giáp Thìn sinh năm 1904 cung Kiền, 1964 cung Ly, 2024 cung Chấn
- Tuổi Ất Tỵ sinh năm 1905 cung Khôn, 1965 cung Cấn, 2025 cung Khôn
- Tuổi Bính Ngọ sinh năm 1906 cung Tốn, 1966 cung Đoài, 2026 cung Khảm
- Tuổi Đinh Mùi sinh năm 1907 cung Chấn, 1967 cung Kiền, 2027 cung Ly
- Tuổi Mậu Thân sinh năm 1908 cung Khôn, 1968 cung Khôn, 2028 cung Cấn
- Tuổi Kỷ Dậu sinh năm 1909 cung Khảm, 1969 cung Tốn, 2029 cung Đoài
- Tuổi Canh Tuất sinh năm 1910 cung Ly, 1970 cung Chấn, 2030 cung Kiền
- Tuổi Tân Hợi sinh năm 1911 cung Cấn, 1971 cung Khôn, 2031 cung Khôn
- Tuổi Nhâm Tý sinh năm 1912 cung Đoài, 1972 cung Khảm, 2032 cung Tốn
- Tuổi Quý Sửu sinh năm 1913 cung Kiền, 1973 cung Ly, 2033 cung Chấn

- Tuổi Giáp Dần sinh năm: 1914 cung Khôn, 1974 cung Cấn, 2034 cung Khôn
- Tuổi Ất Mão sinh năm : 1915 cung Tốn, 1975 cung Đoài, 2035 cung Khảm
- Tuổi Bính Thìn sinh năm: 1916 cung Chấn, 1976 cung Kiền, 2036 cung Ly
- Tuổi Đinh Tỵ sinh năm: 1917 cung Khôn, 1977 cung Khôn, 2037 cung Cấn
- Tuổi Mậu Ngọ sinh năm: 1918 cung Khảm, 1978 cung Tốn, 2038 cung Đoài
- Tuổi Kỷ Mùi sinh năm: 1919 cung Ly, 1979 cung Chấn, 2039 cung Kiền
- Tuổi Canh Thân sinh năm: 1920 cung Cấn, 1980 cung Khôn, 2040 cung Khôn

Dương trạch tam yếu

- Tuổi Tân Dậu sinh năm: 1921 cung Đoài, 1981 cung Khảm, 2041 cung Tốn
- Tuổi Nhâm Tuất sinh năm: 1922 cung Kiền, 1982 cung Ly, 2042 cung Chấn
- Tuổi Quý Hợi sinh năm: 1923 cung Khôn, 1983 cung Cấn, 2043 cung Khôn

d) BẢN ĐỒ TÍNH MỆNH CUNG CHO NỮ NHÂN

		LY		
Hạ nguyên Khởi 1,20,19,28,37,46,55	CẤN (H)		KHẢM	
	ĐÒAI		KHÔN	Trung nguyên Khởi 1,20,19,28,37,46,55
	KIỀN		CHẤN	
Thượng nguyên Khởi 1,20,19,28,37,46,55	CẤN (T)		TỐN	

Trong bản hình thiết lập trên có 4 điều nên chú ý:

- 1- Trong 9 cung có tới 2 cung Cấn: cung CẤN (T) và cung Cấn (H). Ba cung CẤN CẤN KHÔN chữ lớn đều có gạch dưới đều là 3 chỗ khởi của tam nguyên.
- 2- Từ chỗ khởi, đếm tới theo hướng mũi tên chỉ, tức là đếm kế tiếp theo thứ tự: Cấn, Kiền, Đoài, Cấn, Ly, Khảm, Khôn, Chấn, Tốn, rồi lại Cấn, Kiền... Đếm cho tới số thứ tự của Tuổi thì ngừng và ngừng đúng vào cung nào thì chính thị cung đó là Mệnh cung của nữ nhân.
- 3- Nữ nhân sanh ở Thượng nguyên khởi đếm từ cung CẤN (T), sanh ở Trung nguyên khởi đếm từ cung KHÔN, sanh ở Hạ nguyên khởi đếm từ cung CẤN (H). Mỗi chỗ khởi đếm đều có ghi số 1, 10, 19, 28, 37, 46, 55 là đã tính sẵn rồi để đếm cho mau. Thí dụ người tuổi Nhâm Tuất ất số thứ tự là 59 (xem ở phần b). Như khởi điểm từ 55 lên tới 59 thì mau đến. Bắt khởi từ 1 đếm lần tới 59 thì phải 11 lần lâu hơn.
- 4- Có thể suy theo bản hình 9 cung thiết lập trên để áp dụng vào ba ngón tay bên tay trái ngón trỏ dùng 4 cung Cấn Kiền Đoài Cấn, ngón giữa thì chỉ dùng một cung Ly trên đầu ngón, và ngón áp út dùng 4 cung Khảm Khôn Chấn Tốn.

- Phạm nữ nhân ở Thượng nguyên thì khởi 1 tại Cấn (T) rồi đếm lần tới số thứ tự của Tuổi, hề nhằm vào cung nào thì gọi cung đó là Mệnh cung. Thí dụ nữ nhân sanh ở Thượng nguyên tuổi Giáp Thân ất số thứ tự là 21. Vậy khởi 1 tại Cấn (T) rồi đếm tới 2 tại Kiền, 3 tại Đoài, 4 tại Cấn (H), 5 tại Ly, 6 tại Khảm... đếm mãi cho tới 21 (số thứ tự) ất trúng vào cung Đoài. Vậy ĐÒAI là Mệnh cung của nữ nhân tuổi Giáp thân sanh trong Thượng nguyên. Nhưng khởi từ 1 đếm tới như vậy thì lâu lắm. Muốn mau hơn nên khởi từ 19 rồi đếm tới thì 20 tại Kiền và 21 tại Đoài là Mệnh cung.

Dương trạch tam yếu

- Phàm nữ nhân sanh ở Trung nguyên thì khởi 1 tại KHÔN rồi đếm lần tới số thứ tự của Tuổi, hễ trúng vào cung nào thì gọi cung đó là Mệnh cung. Thí dụ nữ nhân sanh nhằm Trung nguyên tuổi Quý Sửu tất số thứ tự là 50. Vậy khởi 1 tại KHÔN rồi đếm lần tới thì 2 tại Chấn, 3 tại Tốn, 4 tại Cấn (T)... đếm mãi cho tới 50 là số thứ tự thì gặp Kiền. Vậy Kiền là Mệnh cung của nữ nhân tuổi Quý Sửu sanh trong Trung nguyên. Nhưng khởi từ 1 đếm lần lần tới 50 thì lâu lắm, chi bằng khởi từ 46 đếm lần tới 50 ắt đặng mau hơn chín lần mà cũng vẫn gặp Mệnh cung Kiền.

- Phàm nữ nhân sanh ở Hạ nguyên thì phải khởi 1 tại Cấn (H) rồi đếm lần lần tới số thứ tự của Tuổi thì ngừng, hễ trúng vào cung nào thì gọi đó là Mệnh cung. Thí dụ nữ nhân sanh nhằm Hạ nguyên tuổi Quý Hợi tất số thứ tự là 60. Vậy khởi 1 tại Cấn (H) rồi đếm lần lần tới thì 2 tại Ly, 3 tại Khảm, 4 tại Khôn, 5 tại Chấn, 6 tại Tốn, 7 tại Cấn (T), 8 tại Kiền... đếm mãi cho tới 60 là số thứ tự thì gặp TỐN là Mệnh cung. Nhưng khởi từ 1 mà đếm lần lần tới như vậy cho tới 60 thì lâu lắm, chi bằng khởi 55 đếm lần tới 60 cũng gặp Tốn song được mau hơn nhiều lắm, khởi đếm đi đếm lại trải qua tới những năm vòng.

Cách tính theo Tam nguyên và cách đếm theo bản hình thiết lập trên, lời dẫn giải tuy dài dòng, song khi hiểu rồi ắt tính Mệnh cung cũng mau lẹ vậy thôi. Nhưng nếu không muốn tính đếm theo cách đó, vì đôi khi cũng có thể lầm lẫn, thì phải lập thành tức là tính sẵn và biên sẵn như sau:

Nữ nhân	Thượng nguyên	Trung nguyên	Hạ nguyên
- Tuổi Giáp Tý	1864 cung Cấn	1924 cung Khôn	1984 cung Cấn
- Tuổi Ất Sửu	1865 cung Kiền	1925 cung Chấn	1985 cung Ly
- Tuổi Bính Dần	1866 cung Đoài	1926 cung Tốn	1986 cung Khảm
- Tuổi Đinh Mão	1867 cung Cấn	1927 cung Cấn	1987 cung Khôn
- Tuổi Mậu Thìn	1868 cung Ly	1928 cung Kiền	1988 cung Chấn
- Tuổi Kỷ Tỵ	1869 cung Khảm	1929 cung Đoài	1989 cung Tốn
- Tuổi Canh Ngọ	1870 cung Khôn	1930 cung Cấn	1990 cung Cấn
- Tuổi Tân Mùi	1871 cung Chấn	1931 cung Ly	1991 cung Kiền
- Tuổi Nhâm Thân	1872 cung Tốn	1932 cung Khảm	1992 cung Đoài
- Tuổi Quý Dậu	1873 cung Cấn	1933 cung Khôn	1993 cung Cấn
- Tuổi Giáp Tuất	1874 cung Kiền	1934 cung Chấn	1994 cung Ly
- Tuổi Ất Hợi	1875 cung Đoài	1935 cung Tốn	1995 cung Khảm
- Tuổi Bính Tý	1876 cung Cấn	1936 cung Cấn	1996 cung Khôn
- Tuổi Đinh Sửu	1877 cung Ly	1937 cung Kiền	1997 cung Chấn
- Tuổi Mậu Dần	1878 cung Khảm	1938 cung Đoài	1998 cung Tốn
- Tuổi Kỷ Mão	1879 cung Khôn	1939 cung Cấn	1999 cung Cấn
- Tuổi Canh Thìn	1880 cung Chấn	1940 cung Ly	2000 cung Kiền
- Tuổi Tân Tỵ	1881 cung Tốn	1941 cung Khảm	2001 cung Đoài
- Tuổi Nhâm Ngọ	1882 cung Cấn	1942 cung Khôn	2002 cung Cấn
- Tuổi Quý Mùi	1883 cung Kiền	1943 cung Chấn	2003 cung Ly
Nữ nhn	Thượng nguỷn	Trung nguỷn	Hạ nguỷn
- Tuổi Giáp Tý	1864 cung Cấn	1924 cung Khôn	1984 cung Cấn
- Tuổi Ất Sửu	1865 cung Kiền	1925 cung Chấn	1985 cung Ly
- Tuổi Bính Dần	1866 cung Đoài	1926 cung Tốn	1986 cung Khảm

Dương trạch tam yếu

- Tuổi Đinh Mẹo	1867 cung Cấn	1927 cung Cấn	1987 cung Khôn
- Tuổi Mậu Thìn	1868 cung Ly	1928 cung Kiền	1988 cung Chấn
- Tuổi Kỷ Tỵ	1869 cung Khảm	1929 cung Đồi	1989 cung Tốn
- Tuổi Canh Ngọ	1870 cung Khôn	1930 cung Cấn	1990 cung Cấn
- Tuổi Tân Mùi	1871 cung Chấn	1931 cung Ly	1991 cung Kiền
- Tuổi Nhâm Thìn	1872 cung Tốn	1932 cung Khảm	1992 cung Đồi
- Tuổi Quý Dậu	1873 cung Cấn	1933 cung Khôn	1993 cung Cấn
- Tuổi Giáp Tuất	1874 cung Kiền	1934 cung Chấn	1994 cung Ly
- Tuổi Ất Hợi	1875 cung Đồi	1935 cung Tốn	1995 cung Khảm
- Tuổi Bính Tý	1876 cung Cấn	1936 cung Cấn	1996 cung Khôn
- Tuổi Đinh Sửu	1877 cung Ly	1937 cung Kiền	1997 cung Chấn
- Tuổi Mậu Dần	1878 cung Khảm	1938 cung Đồi	1998 cung Tốn
- Tuổi Kỷ Mẹo	1879 cung Khôn	1939 cung Cấn	1999 cung Cấn
- Tuổi Canh Thìn	1880 cung Chấn	1940 cung Ly	2000 cung Kiền
- Tuổi Tân Tỵ	1881 cung Tốn	1941 cung Khảm	2001 cung Đồi
- Tuổi Nhâm Ngọ	1882 cung Cấn	1942 cung Khôn	2002 cung Cấn
- Tuổi Quý Mùi	1883 cung Kiền	1943 cung Chấn	2003 cung Ly

1) CÁCH TÍNH MỆNH CUNG THEO NĂM SANH DƯƠNG LỊCH

Như trên đã chỉ dẫn cách tính Mệnh cung theo Tam nguyên và theo Lục giáp gồm 60 năm cho nam nhân và 60 năm cho nữ nhân khác nhau. Đó là làm theo điển chương sách vở xưa. Tuy dài dòng nhưng nó đi sát với căn bản, nếu không học biết thì đâu gọi là thông đạt cổ kim mà phải gọi là bở gốc. Vả lại phải có cách tính cổ điển ấy, do cái gốc ấy mới tìm ra được cách tính gọn hơn và mau hơn (có xưa mới có nay). Và sau đây là một trong các cách tính rất gọn và rất mau, bởi nó không cần tới Tam nguyên và Lục giáp, mà cũng không tính cho nam nhân riêng và cho nữ nhân riêng, chỉ cần biết năm sinh Dương lịch mà thôi.

- Cách tính cộng lại hết thấy các con số của năm sinh Dương lịch. Cộng xong rồi lấy số kết quả dò vào cửu số để biết Mệnh cung của cả nam nhân và nữ nhân. Cửu số là chín con số chỉ thẳng vào Mệnh cung của nam nữ, kể ra như sau:

1. Khảm Cấn; 2. Ly Kiền; 3. Cấn Đoài; 4. Đoài Cấn; 5. Kiền Ly
6. Khôn Khảm; 7. Tốn Khôn; 8. Chấn Chấn; 9. Khôn Tốn

Mỗi con số dẫn đầu hai cung: cung đọc trước là Mệnh cung của nam nhân, cung đọc sau là Mệnh cung của nữ nhân.

Dẫn giải: Năm sinh Dương lịch, trong thế kỷ 20 này, chỉ có bốn con số thì cộng hết bốn con lại rồi coi số kết quả là một hay là hai con. Một con như là 1, 2, 3... cho tới 9 trở lại. Hai con là như 15, 27, 34... Như thấy số kết quả là một con thì liền lấy ngay nó dò vào Cửu số (đã kể trên) để biết Mệnh cung của Nam nhân và nữ nhân. Nếu thấy số kết quả có tới hai con thì phải cộng hai con đó lại cho thành một con rồi mới lấy nó dò vào Cửu số (vì trong Cửu số, mỗi số chỉ có một con chứ không có hai con). Nếu đã cộng lại con số đó rồi mà vẫn còn thấy hai con thì phải cộng một lần nữa, là cộng hai con số sau này lại cho thành một con, rồi mới lấy nó dò vào Cửu số. Những thí dụ:

- **Thí dụ 1:** Như người sinh năm 1024 thì lấy $1 + 0 + 2 + 4$ tất được số kết quả là 7, liền đem 7 dò vào Cửu số ấy thấy 7 Tốn Khôn. Vậy biết Tốn (cung đọc trước) là Mệnh cung của nam nhân và Khôn (cung đọc sau) là Mệnh cung của nữ nhân.

Dương trạch tam yếu

- **Thí dụ 2:** Như người sanh năm 1923 thì lấy $1 + 9 + 2 + 3$ tất được kết quả là 15. Số 15 có hai con cho nên phải cộng nó lại: $1 + 5 = 6$. Bây giờ mới đem 6 dò vào Cửu số thì thấy 6 Khôn Khảm. Vậy biết Khôn là Mệnh cung của nam nhân và Khảm là Mệnh cung của nữ nhân.

- **Thí dụ 3:** Như người sanh năm 2.999 thì lấy $2 + 9 + 9 + 9 = 29$. Số 29 có hai con cho nên phải cộng nó lại: $2 + 9 = 11$. Số 11 vẫn còn là số hai con, phải cộng lại một lần nữa: $1 + 1 = 2$. Bây giờ mới lấy 2 dò vào Cửu số thì thấy 2 Ly Kiền. Vậy biết Ly là Mệnh cung của nam nhân và Kiền là Mệnh cung của nữ nhân.

- **Thí dụ 4:** Như người sanh năm 1852, cộng hết bốn số này lại tất được 16. Số 16 là số hai con phải cộng lại cho thành một con: $1 + 6 = 7$. Bây giờ lấy 7 dò vào Cửu số thì thấy 7 Tôn Khôn tất biết Tôn là Mệnh cung của nam nhân và Khôn là Mệnh cung của nữ nhân.

- **Thí dụ 5:** Như người sanh năm 1625, cộng hết bốn số này lại được 14. Số 14 có hai con phải cộng nó lại: $1 + 4 = 5$. Vậy lấy 5 dò vào Cửu số thì thấy 5 Kiền Ly tất biết Kiền là Mệnh cung của nam nhân và Ly là Mệnh cung của nữ nhân.

- **Thí dụ 6 :** Như người sanh năm 1827, cộng hết bốn số này lại được 18. Số 18 có hai con, phải cộng nó lại: $1 + 8 = 9$. Vậy lấy 9 dò vào Cửu số thì thấy 9 Khôn Tốn tất biết Khôn là Mệnh cung của nam nhân và Tốn là Mệnh cung của nữ nhân.

- **Thí dụ 7:** Như người sanh 1332, cộng hết 4 số lại được 9. Số 9 là số một con liền đem 9 dò vào Cửu số thì thấy 9 Khôn Tốn. (in như thí dụ 6)

Như trên đã nói và đã thí dụ cộng hết 4 con số của năm sanh dương lịch là chỉ dẫn cách làm theo qui tắc, nhưng muốn linh tiện hơn thì bỏ số 0, bỏ số 9, bỏ cả 4 số nếu 4 số này cộng lại là 9. Nhưng nên nhớ: nếu bỏ cả bốn số thì phải kể kết quả là 9, tức 9 Khôn Tốn. Tuy bỏ ra như vậy song kết quả cuối cùng vẫn in nhau, không bao giờ khác. Bây giờ hãy xét theo từng thí dụ trên để dẫn chứng:

- Như ở thí dụ 1 là năm 1.024, bỏ con số 0 ra và chỉ cộng ba con 1, 2, 4 cũng vẫn kết quả 7 tức là 7 Tôn Khôn, in nhau.

- Như ở thí dụ 2 là năm 1923, bỏ con số 9 ra mà chỉ cộng ba con 1, 2, 3 cũng vẫn kết quả in nhau là 6, tức 6 Khôn Khảm.

- Như ở thí dụ 3 là năm 2.999, bỏ ba con số 9, 9, 9 ra thì chỉ còn lại 2 tức 2 Ly Kiền là kết quả in nhau.

- Như thí dụ 5 là năm 1.625, bỏ luôn ba con 1, 6, 2 ra vì ba con này cộng lại là 9. Chỉ còn số 5 tức Kiền Ly là kết quả in nhau.

- Như thí dụ 6 là năm 1827, bỏ con 1 và 8 ra vì hai con này cộng lại là 9. Lại bỏ luôn con 2 và 7 vì hai con này cũng cộng lại là 9. Thế bỏ hết cả bốn con. Phàm bỏ hết cả bốn con thì phải kết quả là 9 tức 9 Khôn Tốn cũng vẫn in nhau.

- Như ở thí dụ 7 là năm 1.332, bỏ luôn cả bốn con vì bốn con này cộng lại là 9. Phàm bỏ hết bốn con thì phải kể kết quả 9 tức 9 Khôn Tốn cũng in như nhau.

- **Điều cần yếu:** Có một điều rất nên chú ý và cẩn thận, nếu không ắt sẽ tính sai trật Mệnh cung. Đó là những người sanh trong tháng 11 hay tháng chạp âm lịch, dù đã qua mới dương lịch rồi, nhưng phải dùng theo năm dương lịch cũ thì tính Mệnh cung mới đúng. Vì nếu dùng năm sanh theo năm dương lịch mới mà tính Mệnh cung ắt phải sai trật. Vì sao? Vì tính Mệnh cung vốn là việc của năm âm lịch, nay âm lịch chưa hết (chưa qua năm âm lịch mới) thì con người cũng chưa thêm tuổi mới, dương lịch phải lệ thuộc theo năm cũ của nó vậy. Như năm Nhâm Tuất đối chiếu với dương lịch là 1982. Vậy người sanh trong Nhâm Tuất, kể từ ngày 1 tháng Giêng cho tới 30 tháng chạp, vẫn

Dương trạch tam yếu

kể năm sanh dương lịch là năm 1982 để tính Mệnh cung, mặc dù mới 18 tháng 11 năm âm lịch thì đã qua năm mới dương lịch là 1.1.1983. Đó là dương lịch tới năm mới sớm hơn âm lịch 48 ngày. Nếu người sanh nằm trong 48 ngày này, tuy thực tế và trên mặt giấy tờ đã thuộc về năm 1983 nhưng tính Mệnh cung vẫn phải kể năm sanh dương lịch là năm 1982.

Rất thường có những trường hợp như trên, vì từ xưa nay, dương lịch qua năm mới hầu hết ở tại trong tháng 11 hay tháng chạp của năm âm lịch cũ (cũ nghĩa là chưa hết năm). Ngoài ra, những người sanh trong khoảng từ tháng Giêng tới tháng Mười âm lịch tất khỏi lo lẫm lẫm trong việc tính Mệnh cung.

2) Cách tính Mệnh cung theo số tuổi âm lịch đang thọ.

Trước hết phải biết rõ số tuổi đang thọ, Lũy số và Bản Nam nữ trạch cung. Rồi sau đó sẽ dùng tới công thức (cách tính) mới được dễ dàng.

Số tuổi đang thọ

Số tuổi đang thọ là nói theo tuổi ta (âm lịch). Như năm hiện tại mình được 36 tuổi thì 36 đó là số tuổi đang thọ.

Lũy số

Lũy số là con số quy định dùng tròn một năm để trừ bớt số tuổi đang thọ. Cứ mỗi năm thêm 1 (gọi là lũy), thêm mãi cho tới 9 thì trở lại 1. Như khởi đầu từ năm Nhâm Tuất (1982), lập thành kế tiếp sau đây:

- Năm Nhâm Tuất (1982) dùng Lũy số 1. – Năm Quý Hợi (1983) dùng Lũy số 2.
- Năm Giáp Tý (1984) dùng Lũy số 3. – Năm Ất Sửu (1985) dùng Lũy số 4.
- Năm Bính Dần (1986) dùng Lũy số 5. – Năm Đinh Mão (1987) dùng Lũy số 6.
- Năm Mậu Thìn (1988) dùng Lũy số 7. – Năm Kỷ Tỵ (1989) dùng Lũy số 8.
- Năm Canh Ngọ (1990) dùng Lũy số 9. – Năm Tân Mùi (1991) dùng Lũy số 1.
- Năm Nhâm Thân (1992) dùng Lũy số 2. – Năm Quý Dậu (1993) dùng Lũy số 3...

Cứ mỗi năm lũy tiến 1 như trên thì tới năm Canh Thìn (2000) dùng Lũy số 1, tới năm Kỷ Sửu (2.009), tới năm Mậu Tuất (2.018), tới năm Đinh Mùi (2.027)... đều dùng Lũy số 1.

BẢN NAM NỮ TRẠCH CUNG

Mỗi số gồm 2 cung: cung đọc trước của nam, cung đọc sau của nữ :

- 1 Khảm Cấn (nam cung Khảm, nữ cung Cấn)
- 2 Khôn Tốn (nam cung Khôn, nữ cung Tốn)
- 3 Chấn Chấn (nam cung Chấn, nữ cung Chấn)
- 4 Tốn Khôn (nam cung Tốn, nữ cung Khôn)
- 5 Khôn Khảm (nam cung Khôn, nữ cung Khảm)
- 6 Kiền Ly (nam cung Kiền, nữ cung Ly)
- 7 Đoài Cấn (nam cung Đoài, nữ cung Cấn)
- 8 Cấn Đoài (nam cung Cấn, nữ cung Đoài)
- 9 Ly Kiền (nam cung Ly, nữ cung Kiền)

(nên học thuộc lòng)

CÔNG THỨC (Cách tính)

- Lấy số tuổi đang thọ trừ cho Lũy số. Trừ rồi coi số tuổi còn lại là một con số, hay là hai con số, hay là ba con số, hoặc là nhiều hơn nữa. Nếu số tuổi đang thọ và Lũy số bằng nhau, hoặc số tuổi đang thọ nhỏ hơn Lũy số thì phải lấy số tuổi đang thọ cộng

Dương trạch tam yếu

thêm 9 rồi mới trừ cho Lũy số. (Nhỏ hơn tức là ít hơn, như 1 thì nhỏ hơn 2, như 2 thì nhỏ hơn 3, như 5 thì nhỏ hơn 7 hoặc 8, 9) xem thí dụ 6 và 7.

- Như số tuổi còn lại là một con số (từ 9 trở lại 1) thì liền đem nó dò vào Bản nam nữ trạch cung tất sẽ biết nam cung gì nữ cung gì. Xem thí dụ 1.

- Như số tuổi còn lại là hai con số (từ 99 trở lại 10) thì phải cộng hai con số này lại thành một con số, rồi mới đem một con số này dò vào Bản nam nữ trạch cung để biết nam cung gì, nữ cung gì (xem thí dụ 2). Nếu cộng lại rồi vẫn còn thấy hai con số thì phải một lần nữa cộng hai con số này lại cho thành một con số, rồi mới đem một con số này dò vào Bản nam nữ trạch cung (xem thí dụ 3).

- Như số tuổi còn lại là ba con số từ 999 trở lại 100 thì phải cộng ba con số này lại cho thành một con số, rồi mới đem một con số này dò vào Bản nam nữ trạch cung để biết nam cung gì, nữ cung gì (xem thí dụ 4). Nếu cộng lại rồi mà vẫn còn thấy hai con số thì phải một lần nữa cộng hai con số sau này lại cho thành một con số, rồi mới đem một con số này dò vào Bản nam nữ trạch cung (xem thí dụ 5)

- **Nói tóm lại:** Lấy số tuổi đang thọ trừ cho Lũy số. Và như có tuổi còn lại có hai con số, hay có tới ba, bốn, năm con số hoặc nhiều hơn nữa cũng cứ cộng hết lại, dù cộng mấy lần cũng vậy, khi thấy nó chỉ còn lại một con số mới thôi. Rồi mới đem một con số này dò vào Bản nam nữ trạch cung để biết nam cung gì, nữ cung gì. Xem 7 thí dụ sau:

- **Thí dụ 1:** Thí dụ người 14 tuổi và trong năm Canh Ngọ 1990 phải dùng Lũy số 9. Vậy lấy 14 trừ bớt 9 tất còn lại 5. Số 5 chỉ là một con số cho nên đem ngay 5 này dò vào Bản nam nữ trạch cung thì thấy 5 Khôn Khảm, tất biết người 14 tuổi mà nam là cung Khôn, còn nữ là cung Khảm.

- **Thí dụ 2:** Như người 22 tuổi và trong năm Bính Dần 1986 ắt phải dùng Lũy số 5. Vậy 22 trừ bớt 5 tất còn lại 17. Số 17 có tới hai con số (số 1 với số 7), phải lấy $1 + 7 = 8$. Bây giờ đem số 8 để dò vào Bản nam nữ trạch cung thì 8 Cấn Đoài. Thế là biết người 22 tuổi mà nam thì cung Cấn, còn nữ cung Đoài.

- **Thí dụ 3:** Như người 88 tuổi năm Giáp Tuất 1994 ắt phải dùng Lũy số 4. Vậy lấy 88 trừ bớt 4 ắt còn lại 84. Số 84 là số có hai con (con 8 và con 4) cho nên phải cộng nó lại. Lấy $8 + 4 = 12$. Số 12 cũng là số có hai con (1 và 2) cho nên phải cộng lại một lần nữa thành một con số. Lấy $1 + 2 = 3$. Bây giờ mới đem số 3 này dò vào Bản nam nữ trạch cung thì thấy 3 Chấn Chấn. Thế là biết người 88 tuổi, nam hay nữ đều thuộc cung Chấn.

- **Thí dụ 4:** Như người 117 tuổi và trong năm Quý Dậu 1993 ắt phải dùng Lũy số 3. Vậy lấy 117 trừ bớt 3 tất còn lại 114 gồm có tới ba con số. Vậy phải cộng hết ba con số này lại: $1 + 1 + 4 = 6$. Số 6 là một số cho nên đem ngay số 6 này dò vào Bản nam nữ trạch cung thì thấy 6 Kiền Ly. Thế là biết người 117 tuổi mà nam cung Kiền, nữ cung Ly.

- **Thí dụ 5:** Như người 389 tuổi và trong năm Đinh Sửu 1997 ắt dùng Lũy số 7. Vậy lấy 389 trừ bớt 7 ắt còn lại 382. Số 382 gồm có tới ba con số, vậy phải cộng hết cả lại thì được 13. Số 13 gồm có 2 con, cho nên phải cộng lại một lần nữa cho nó thành một con số là 4. Bây giờ đem 4 dò vào Bản nam nữ trạch cung thì thấy 4 Tốn Khôn, tất biết nam cung Tốn nữ cung Khôn.

- **Thí dụ 6:** Như đứa trẻ 3 tuổi và trong năm Kỷ Ty 1989 ắt dùng Lũy số 8, tức số tuổi thọ nhỏ hơn Lũy số. Vậy phải lấy 3 cộng thêm 9 là 12. Rồi mới lấy 12 trừ bớt 8 chỉ

Dương trạch tam yếu

còn lại 4. Bây giờ đem 4 dò vào Bản nam nữ trạch cung thì thấy 4 Tốn Khôn tất biết đứa trẻ 3 tuổi, nếu con trai là cung Tốn, con gái cung Khôn.

- **Thí dụ 7:** Như đứa trẻ 5 tuổi và trong năm Nhâm Dần 2.022 ất dùng Lũy số 5, tất số tuổi đang thọ và Lũy số bằng nhau. Vậy phải lấy 5 (số + tuổi thọ) cộng thêm 9 là 14. rồi lấy 14 trừ bớt 5 (Lũy số) còn lại 9. Bây giờ đem 9 dò vào Bản nam nữ trạch cung thì thấy 9 Ly Kiền. Thế là biết đứa trẻ 5 tuổi, nếu con trai thì cung Ly, nếu con trai thì cung Ly, nếu con gái cung Kiền.

Chú ý: Phạm số tuổi đang thọ và Lũy số bằng nhau, kết quả của nó luôn luôn là 9 Ly Kiền, khỏi phải cộng hay trừ chi cả.

KẾT LUẬN BÀI 22: MỆNH CUNG

Trọn bài 22 chỉ dẫn cách tính Mệnh cung cho nam và nữ, gồm 3 cách:

- Cách 1: Tính Mệnh cung theo Tam nguyên (theo lối cổ điển)
- Cách 2: Tính Mệnh cung theo năm sinh Dương lịch
- Cách 3: Tính Mệnh cung theo số tuổi Âm lịch đang thọ.

Cách thứ nhất là cách tính theo nguồn gốc, nhưng rất đa đoan. Cách thứ nhì gọn hơn, nhưng phải tra cứu kỹ cho những người sinh trong tháng 1 Dương lịch mà vẫn chưa qua năm mới Âm lịch. Cách thứ ba thì dễ, gọn. Ít khi sai lầm, chỉ cần lũy số là cốt yếu.

BÀI 23: MỆNH CUNG ẢNH HƯỞNG VỚI NHÀ VÀ BẾP

Mệnh cung có ảnh hưởng với nhà và Bếp một phần khá lớn. Nhưng trước khi luận giải nên hiểu qua các danh từ sau đây để dễ dàng nhận định, và cũng nên xem lại Bài 2 cho rõ ràng thêm.

+ Đông tứ cung là nói gồm 4 cung Khảm Ly Chấn Tốn. Phạm các danh từ cổ chủ động đều không ngoài 4 cung này, như Đông Mệnh, Đông tứ trạch, Đông trù...

+ Tây tứ cung là nói gồm 4 cung Kiền Khôn Cấn Đoài. Phạm danh từ có chữ Tây là không ngoài 4 cung này, như Tây Mệnh, Tây tứ trạch, Tây trù...

+ Mệnh cung là cung của chủ nhà tính theo năm sinh ra đời (xem bài 22). Mệnh cung thuộc về Đông tứ cung gọi là Đông Mệnh. Mệnh cung thuộc về Tây tứ cung gọi là Tây Mệnh.

Nhà là nói Đông tứ trạch hay Tây tứ trạch.

+ Đông tứ trạch là Nhà có Cửa cái và Chủ phòng hay Sơn chủ, hai chỗ đều đặt tại Đông tứ cung (trong 4 cung Khảm Ly Chấn Tốn).

+ Tây tứ trạch là Nhà có Cửa cái, Chủ phòng hay Sơn chủ hai chỗ đều đặt tại Tây tứ cung (trong 4 cung Kiền Khôn Cấn Đoài). Phạm Tịnh trạch thì dùng Chủ phòng, còn Động trạch hay Biến hóa trạch thì dùng Sơn chủ. Ở Đông tứ trạch hay Tây tứ trạch cũng vậy.

+ Bếp là nói Đông trù hay Tây trù.

+ Đông trù là Bếp đặt tại Đông tứ cung (trong 4 cung Khảm Ly Chấn Tốn).

+ Tây trù là Bếp đặt tại tây tứ cung (trong 4 cung Kiền Khôn Cấn Đoài).

+ Hướng Bếp là chỗ cung mệnh Bếp ngó về. Chú ý: Bếp và Hướng bếp khác nhau. Thí dụ Bếp đặt tại cung Ly nhưng mệnh Bếp có thể cho ngó về Khảm, ngó về Chấn hay Đoài...

Dương trạch tam yếu

+ Giường ngủ với Đầu giường cũng như Bếp với hướng Bếp, nghĩa là khác nhau. Thí dụ giường ngủ đặt tại Chấn nhưng có thể cho Đầu giường chia về hướng Đoài, hướng Ly hay hướng Khảm...

Trong bài 23 này có 5 trường hợp kể ra như sau:

1. Phàm Đông tứ trạch dùng Đông trù là Nhà với Bếp đã được trăm phần tốt. Nếu tuổi chủ nhà thuộc Đông Mệnh nữa là thêm 30% tốt. Đó là vì Nhà, Bếp và Người cả ba đều hiệp nhau, không ngoài Khảm Ly Chấn Tốn.

2. Phàm Tây tứ trạch dùng Tây trù là Nhà với Bếp đã được trăm phần tốt. Nếu tuổi chủ nhà thuộc Tây Mệnh nữa là thêm 30% tốt. Đó là vì Nhà, Bếp và Người cả ba đều hiệp nhau, không ngoài Kiền Khôn Cấn Đoài.

3. Phàm Đông tứ trạch mà dùng Tây trù hay Tây tứ trạch mà dùng Đông trù là Nhà với Bếp nghịch phe nhau, vì Đông Mộc với Tây Kim tương khắc. Đó là loại nhà ở rất bất lợi. Dù chủ nhà Đông Mệnh hay Tây Mệnh vẫn không đổi được tình thế suy vi, vì hễ Mệnh cung hiệp với Nhà thì nghịch với Bếp, bằng hiệp với Bếp thì nghịch với nhà.

4. Phàm Đông tứ trạch dùng Đông trù là Nhà với Bếp hiệp nhau, ở tất thịnh vượng. Nhưng nếu chủ nhà Tây Mệnh thì Nhà với Bếp tuy hiệp nhau mà đồng không hiệp với Người. Không hiệp vì Đông với Tây tương khắc. Gặp trường hợp này phải dùng cách hóa giải sự tương khắc đó mới thật là diệu kế, mới khỏi bị mất 30% thêm tốt.

5. Phàm Tây tứ trạch dùng Tây trù là Nhà và Bếp hiệp nhau, ở tất sẽ thịnh vượng. Nhưng nếu chủ nhà Đông Mệnh thì Nhà với Bếp tuy hiệp nhau mà đồng không hiệp với Người. Không hiệp vì Tây với Đông tương khắc. Gặp trường hợp này phải dùng cách hóa giải sự tương khắc đó mới thật là diệu kế, mới khỏi bị mất 30% thêm tốt.

CÁCH HÓA GIẢI SỰ TƯƠNG KHẮC

- Theo trường hợp số 4 trên là Đông tứ trạch dùng Đông trù, nhưng chủ nhà Tây Mệnh thì hóa giải bằng cách đặt Hướng bếp, Giường ngủ và Đầu giường vào những cung hướng Kiền Khôn Cấn Đoài cho hiệp với Tây Mệnh. Thí dụ Cửa cái tại Khảm và Chủ phòng hay Sơn chủ tại Ly là Đông tứ trạch, Bếp tại Chấn là Đông trù, nhưng chủ nhà Mệnh cung Cấn là Tây Mệnh. Vậy phải đặt Hướng bếp, Giường ngủ và Đầu giường vào những cung hướng Kiền Khôn Cấn Đoài. Như đặt Giường ngủ tại Kiền, Đầu giường chia về Khôn, Hướng bếp ngó về Đoài...

Theo trường hợp số 5 trên là Tây tứ trạch dùng Tây trù, nhưng chủ nhà Đông Mệnh thì phải hóa giải bằng cách đặt Hướng bếp, Giường ngủ và Đầu giường vào những cung hướng Khảm Ly Chấn Tốn cho hiệp với Đông Mệnh. Thí dụ Cửa cái đặt tại cung Kiền và Chủ phòng hay Sơn chủ tại Cấn là Tây tứ trạch, Bếp tại Kiền là Tây trù, nhưng chủ nhà Mệnh cung Tốn là Đông Mệnh. Vậy phải đặt Giường ngủ, Đầu giường và Hướng bếp vào những cung hướng Khảm Ly Chấn Tốn cho hiệp với Đông Mệnh, như đặt Giường ngủ tại Khảm, Đầu giường chia về hướng Ly, Hướng bếp ngó về hướng Chấn tức miệng lò ngó về cung Chấn...

Nhưng tại sao lại dùng Giường ngủ, Đầu giường và Hướng bếp để hóa giải được sự tương khắc giữa Nhà cùng Bếp đối với Mệnh cung vì những lẽ như sau:

a) Nhà là chỗ để ở, tất Giường ngủ là nơi thiết dụng nhiều nhất của sự ở để nằm, ngồi, ngủ, nghỉ... Cho nên Nhà với Mệnh cung tương khắc thì phải xoay trở cách nào cho Giường ngủ hay Đầu giường hiệp với Mệnh cung để giải hòa, ví như hai quốc gia nghịch nhau, nay vua này đem con mình cho sang qua làm con nuôi hay con tin bên nước vua

Dương trạch tam yếu

kia tất sẽ hòa nhau mà không sanh ra chiến tranh. Giường ngủ và Đầu giường có tác dụng tương đương, nếu chỉ có một hiệp với Mệnh cung cũng đỡ dần được, bằng cả hai đều hiệp với Mệnh cung thì thật là hoàn hảo trong sự giải hóa tương khắc.

b) Bếp là chỗ nấu ăn thì Hương Bếp là mạch lạc của Bếp, là đường lối nấu ăn. Tuy chỗ nấu ăn không hợp với chủ nhà, nhưng đường lối nấu ăn tức như cách thức nấu ăn lại thích hợp với chủ nhà tất có thể ứng thuận. Cùng một ý – lý do, tuy Bếp không hợp với Mệnh cung chủ nhà, nhưng Hương bếp lại hiệp với Mệnh cung thì có thể hòa hảo được vậy. Lại như hai gia đình thù nghịch nhau, nay bên này đem con gái gả về bên kia tất hai bên thành sui gia mà hòa thuận nhau, ít nhất cũng không còn gây hấn với nhau nữa. Đó là Bếp ví như mẹ, Hương bếp ví như con gái, Mệnh cung ví như gia đình thù nghịch với gia đình Bếp. Hương bếp quan trọng hơn Giường ngủ và Đầu giường.

* Kết luận: Không phải chỉ ở hai trường hợp số 4 và 5 trên, dù cho Nhà và Bếp ở trường hợp nào cũng vậy, cũng nên đặt Giường ngủ, Đầu giường và Hương bếp hiệp với Mệnh cung chủ nhà. Đó là điều rất hữu ích.

BÀI 24: NHỮNG KIỂU NHÀ VÀ CẢNH VẬT CÓ ẢNH HƯỞNG

Nơi bài này, ngoài các kiểu nhà tốt xấu được chỉ dẫn nơi sách, còn có thêm góp nhặt những điều hiểu biết của người Á Đông từ ngàn xưa đã kinh nghiệm chắc chắn, chúng ta rất nên chú ý.

1) Xét theo chu vi nhà, trước hẹp mà sau rộng là nhà giàu sang tựa núi (phú quý như sơn), đã giàu có lớn lại sang trọng tốt đỉnh.

2) Xét về chu vi nhà, trước rộng sau hẹp là nhà rất tai hại: làm quan bị cách chức rồi chạy trốn (thất ấn, đào tẩu), nghèo khổ, đường cùng, tài năng suy thoái (hết thời), không con nối dòng.

3) Luận xét về nền nhà, trước thấp mà sau cao là nhà sanh xuất bậc anh hùng, hào kiệt trên thế gian (thế xuất anh hào). Trái lại nền nhà ở trước cao mà sau thấp là nhà không có nhân vật xuất chúng.

4) Ở Động trạch và Biến hóa trạch là các loại nhà nhiều ngăn, như ngăn đầu được vuông vức, chu vi bốn bề bằng nhau là tốt lắm. Nếu không đas8ng5 vuông vức thì thôi, chẳng có hại chi.

5) Nói về Bếp: Chẳng nên đặt miệng lò bếp ngó về hướng có buồng tắm, cầu tiêu, chuồng nuôi lục súc. Trang thờ Thần Táo cũng vậy.

6) Buồng tắm, cầu tiêu, chuồng lục súc nên đặt tại các cung thừa hung du niên để trấn áp hung khí.

7) Sách bảo: chớ chum củi dơ bẩn hoặc lấy guốc chẻ làm củ chum vì chum sẽ bay lên mùi uest trước. Chớ lấy củi hay đũa gỗ lên bếp, lò, cà ràng, bởi làm như vậy là vô lễ. Nên biết mùi uest trước và sự vô lễ, dù con người hay thánh thần cũng đều không ứng chịu.

8) Như nhà có mở cửa sau thì nên mở tại cung thừa hung du niên, vì cửa sau là cửa đi ra. Đi ra thì phải cho ra cái xấu. Nếu mở cung thừa kiết du niên là nó đem ra bớt cái tốt của mình. Cửa hông cũng như cửa sau. Trái lại, Cửa cái là cửa từ ngoài bước vào nhà, vào nhà thì phải cho vào cái tốt. Vì vậy Cửa cái phải đặt tại cung thừa kiết du niên. Đó là cái lý đương nhiên phải cho vào cái tốt mà cho ra cái xấu. Tuy nhiên, nếu cửa sau hay cửa hông đặt tại cung tốt thì chỉ bớt tốt chứ không có tai hại chi.

Dương trạch tam yếu

9) Như hai bên hông nhà có chùa đất rộng, và như muốn làm đường đi thì nên làm bên hông tay phải, còn bên hông tay trái nên trồng cây nuôi kiếng. Bởi sách địa lý có nói: Tả Thanh long, hữu Bạch hổ. Thanh long thuộc Mộc nên trồng cây bên tả, còn Bạch hổ thuộc Kim chủ sự đạo lộ cho nên phải làm đường đi bên hữu (tay phải). Phải đứng trong nhà ngó ra Cửa cái mà quyết định tả hữu.

10) Nhà gần đường lộ thì trở Cửa cái ra lộ, gần sông nên trở Cửa cái ra sông, gần núi thì mé sau nhà, tức là mặt hậu nhà phải tựa vào núi. (Dựa vào núi là ngó về hướng có núi)

11) Mồ mả ở trước nhà rất tốt rất thịnh vượng thứ nhất cho hàng chức tước. Trái lại, mồ mả ở sau nhà là tán gia bại sản.

12) Đường mương, ao, hồ, rãnh nước, đường thoát nước chặn ngang trước nhà ở hay trù phòng (nhà bếp) là tối kỵ, khiến suy sụp, băng hoại. Nhà ở khiến cho chủ nhà: nhân khẩu thất bại, quan thự khiến cho nhân dân trong vùng cùng khổ, am tự khiến cho suy đồi về đạo đồ phản phúc, hăng xướng khiến cho cơ nghiệp tiêu tan...

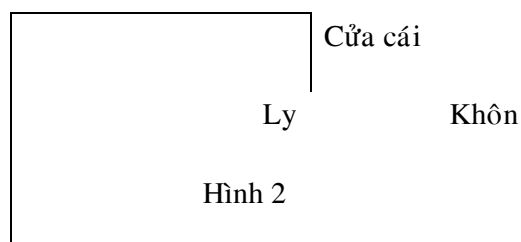
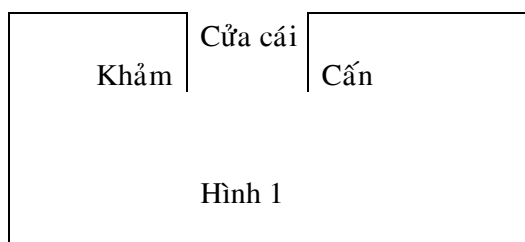
13) Nhà cất bên cạnh chùa, am, miếu có bên tốt bên xấu. Nhà bên cạnh phải thì hiền lương đạo đức và thịnh vượng. Nhà bên cạnh trái thì không thuận lý ắt phải suy vi và hay làm việc trái đạo. Lấy hai chữ phải và trái mà luận cũng y cái lý như vậy: Phải là phải thế phải đạo, trái là trái thế trái đạo. Trong chùa có ông Thiện và ông Ác đứng hai bên là như vậy.

14) Mặt tiền nhà chớ nên đối diện với cửa chùa, am, miếu, đền thần. Cũng chẳng nên đối diện với hình tượng lộ thiên (dựng ngoài trời) như tượng thần thánh, bồ tát...

15) Nhà cất nhằm phương hướng có đường lộ hay đường hẻm chĩa ngay vào mặt tiền nhà, dù cách con đường hay con sông chắn ngang cũng vậy, là nhà không thịnh phát được, sự ăn mặc lúc thiếu lúc đủ không chừng, mệnh vận gian truân.

16) Đối diện nhà mình, thấy có đồn đông của nhà khác đâm chĩa vào mặt tiền nhà mình, dù có con đường hay con sông chắn ngang cũng phải suy lụn, thiếu thốn, dù có tiền nhiều cũng không giữ được, lắm khi bị hình pháp nhiễu nhiễu. Đồn đông hay con lương cũng vậy. Ở thôn quê thường cất nhà theo kiểu bánh ích mới có con lương, đồn đông. Còn ở thành thị đa số là nhà nóc bằng nên không có đồn đông, con lương.

17) Nhà chẳng nên đặt Cửa cái nhằm một khoảng gồm 2 cung, nghĩa là phân nửa cửa thuộc về cung bên này và phân nửa cửa thuộc về cung kia. Nhà có cửa hai cung tất phải hỗn loạn, sự việc bất nhất, mưu động nghi nan. Nếu hai cung này đồng thuộc Tây tứ cung hay đồng thuộc Đông tứ cung thì ít hại, vì du sao hai cung hổ biến ra kiệt du niên. Bằng hai cung này khác phe nhau, một bên là Đông tứ cung và một bên là Tây tứ cung là một cái cửa tai hại vô cùng vì hai cung này hổ biến ra hung du niên – đem vào nhà những đổ vỡ, chủ nhà khó mà làm nên một công nghiệp khả quan, mỗi khởi động là mỗi thấy khó khăn. Xem như sau:



Dương trạch tam yếu

Theo hình số 1 trên thì Cửa cái chia ra phân nửa ở Khảm và phân nửa ở Cấn. Hai cung Khảm với Cấn hỗ biến ra Ngũ quỷ là du niên rất hung hại.

Theo hình số 2 trên thì Cửa cái chia ra phân nửa ở Ly thuộc Đông tứ cung và phân nửa ở Khôn. Hai cung Ly Khôn hỗ biến ra Lục sát cũng là một hung du niên. Cửa hung hại như vậy đã đành, lại còn thêm một điều khó khăn nữa là một cửa gồm hai cung thì biết lấy cung nào để tính du niên cho Bếp và Chủ phòng hay Sơn chủ: Nếu lấy cả hai cung để tính càng thêm hỗn loạn vì trong 7 chỗ, chỗ nào cũng có tới hai du niên. Nếu cung bên nhiều bên ít thì tạm lấy cung bên nhiều để tính, song cũng là điều bất ổn. Trường hợp này tất phải dời Cửa cái đến ở trọn vào một cung nào cho chính xác. Nếu không được ở trọn thì ít nhất cũng choán tới hai phần ba trong một cung.

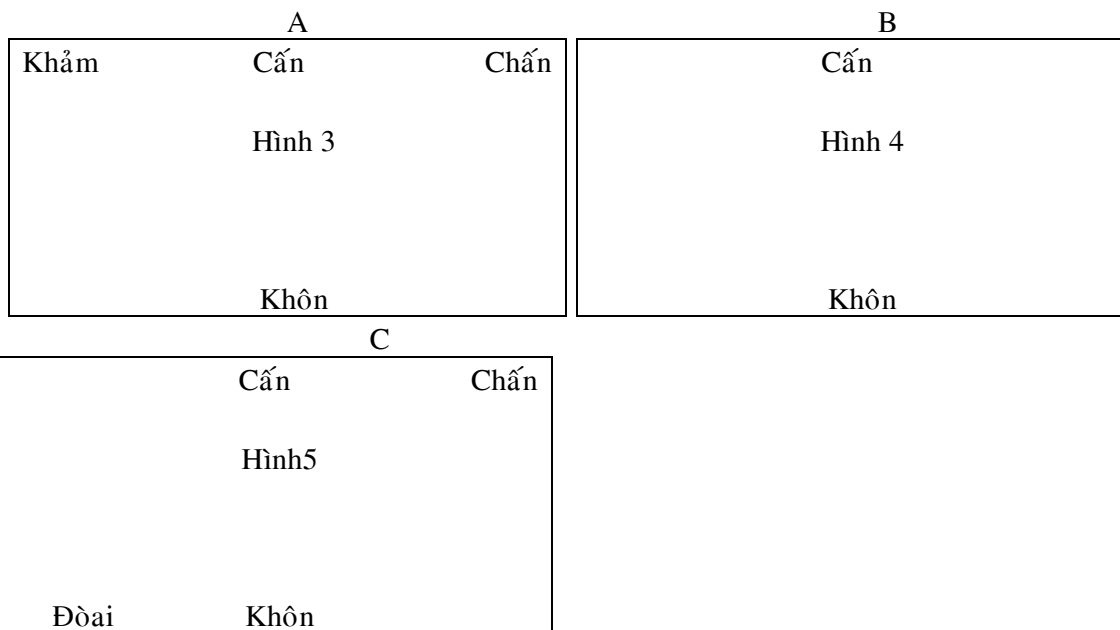
18) Nhà đặt đúng hướng ắt có lợi có lợi hơn đặt lệch hướng, còn nhà hai hướng rất bất lợi. Hãy lấy điểm hướng và cung tại hướng mà phân biệt ba loại nhà này:

- **Nhà đúng hướng:** Khi đặt la bàn xong mà thấy điểm hướng ở ngay chính giữa cung tại hướng, đó là nhà thật đúng hướng xem hình số 3. Nhà thật đúng hướng, tính du niên và phiên tinh cũng thật chính xác, không có chỗ nghi ngờ.

- **Nhà lệch hướng:** khi đặt la bàn mà thấy điểm hướng tuy cũng còn ở trong khoảng cung tại hướng, nhưng lệch ở một bên chứ không thật ngay chính giữa thì gọi là lệch hướng. Nhà lệch hướng tất sự ứng nghiệm không trọn tốt nếu là kiết trạch, không trọn xấu nếu là hung trạch.

- **Nhà hai hướng:** Khi đặt la bàn mà thấy điểm hướng ở nhằm chỗ phân giáp hai cung (tức là ở điểm chính giữa hai cung giáp giới nhau) thì gọi là nhà hai hướng. Nhà hai hướng, nếu là Tịnh trạch còn có thể đặt cửa một bên (thiên môn) để phân định Tam yếu hay lục xứ, còn ở Động trạch hay Biến hóa trạch thì thật là bất ổn, vì đặt cửa giữa (chính môn) hay đặt cửa một bên (thiên môn) cũng không có cách tính du niên cho gần đầu để phiên tinh. Mà phiên tinh là việc tối cần thiết để có thể tạo nên một cái nhà đại thịnh đại vượng. (Xem thiên III và thiên IV)

Sau đây là hình số 3 chỉ ngôi nhà đúng hướng, hình số 4 chỉ ngôi nhà lệch hướng, hình số 5 chỉ ngôi nhà hai hướng.



Dương trạch tam yếu

- Theo hình số 3 thì A là điểm hướng được chính giữa cung Cấn là cung tại hướng; đó là nhà đúng hướng vì hướng nhà rất trung chính.

- Theo hình số 4 thì B là điểm hướng cũng còn ở trong khoảng cung Cấn là cung tại hướng, nhưng ở lệch một bên chứ không được ở chính giữa, đó là nhà lệch hướng.

- Theo hình số 5 thì C là điểm hướng ở chỗ giáp nhau của hai cung Cấn và Chấn, đó là hai hướng (như hình số 1).

BÀI 25: DÙNG LA BÀN PHÂN CUNG ĐIỂM HƯỚNG

Muốn phân cung điểm hướng cho các chỗ cửa, phòng, bếp, tất phải dùng một la bàn có cây kim linh động ở giữa. Cây kim này được chế tạo bằng nhiều hình thức, đại khái như cây kim có cái chuỗi (cái cán) thì chuỗi nó luôn luôn chỉ vào chính giữa hướng Bắc và mũi nhọn nó chỉ vào chính giữa hướng Nam. Hoặc cây kim có hai đầu bằng nhau thì đầu đen chỉ vào chính giữa hướng Bắc và đầu trắng chỉ vào chính giữa hướng Nam. Hoặc cây kim có hai đầu bằng nhau thì đầu có lân tinh màu xanh chỉ vào chính giữa hướng Bắc và đầu kia không có lân tinh chỉ vào chính giữa hướng Nam... La bàn cũng gọi là địa bàn vậy.

Trên mặt vòng tròn la bàn nào cũng có ghi những điểm chính giữa của 8 hướng bằng những chữ tắt như sau: N thế chữ Nord là hướng Bắc, S thế chữ Soud là hướng Nam, E thế chữ Est là hướng Đông, W thế chữ West là hướng Tây; SE thế chữ Sud-est là hướng Đông nam, NE thế chữ Nort-est là hướng Đông bắc, SW thế chữ Sud-West là hướng Tây nam, NW thế chữ Nord-West là hướng Tây bắc.

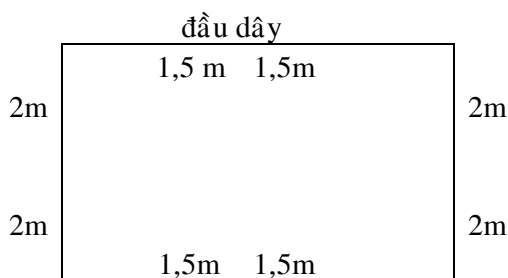
Vòng tròn trên mặt la bàn gồm 360 độ chia đều cho 8 cung hướng, tất mỗi cung hướng được 45 độ. Vậy trung tâm của mỗi cung hướng là mỗi điểm chính giữa của 45 độ.

Như muốn phân cung điểm hướng cho cửa, phòng, bếp thì dùng một cái la bàn đặt tại trung tâm của khu có làm cửa, làm phòng hay làm bếp. Khu đây là một căn nhà, một ngăn nhà, một cái buồng, một cái sân, một khoảng đất có ranh giới... Khi đặt la bàn đúng tại trung tâm một khu nào rồi thì xoay tròn cái la bàn cho đến khi thấy chữ N ở ngay một chuỗi kim, hay ở ngay đầu kim màu đen, hay ở đầu kim có lân tinh, đó là tùy theo ba loại kim đã đề cập trên. Khi đầu kim này ở ngay chữ N là hướng Bắc, tất nhiên đầu kim kia chỉ ngay chữ S là hướng Nam. Khi đã phân hướng Nam và hướng Bắc cũng như vậy, rồi thì 6 hướng kia tất cũng đúng theo vị trí của chúng nó. Chừng đó mới nhắm theo 8 hướng trên mặt la bàn mà biết cửa, phòng, bếp ở nhằm vào cung hướng nào. Phân cung điểm hướng là như vậy.

Như muốn lấy thật đúng trung tâm (tức điểm chính giữa) của một khu đất hay một căn nhà chẳng hạn thì nên giăng dây chữ THẬP. Phải phân đồng bốn bề chu vi căn nhà rồi dùng 2 sợi dây giăng thẳng thành hình chữ thập (+) mà bốn đầu dây đều ở tại 4 điểm phân đều. Khi giăng xong như vậy rồi thì chỗ hai đường dây gặp nhau giữa căn nhà chính là trung tâm vậy. Hãy đặt la bàn tại trung tâm mà phân cung điểm hướng. Thí dụ có căn nhà bề ngang 3 mét và bề dài 4 mét thì mình giăng dây chữ Thập như hình sau đây:

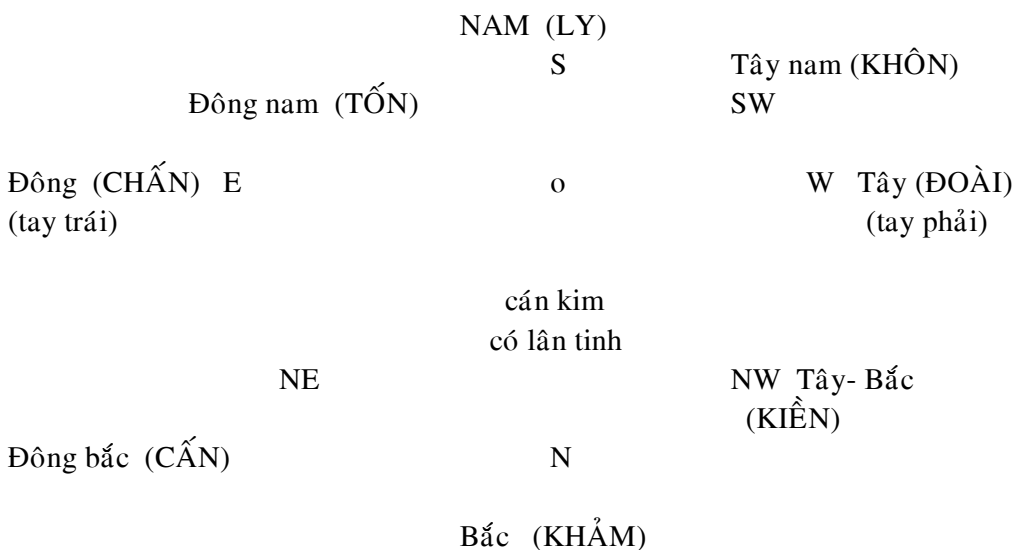
(hình vẽ)

Dường trạch tam yếu



Bề ngang 3 mét thì phân đồng mỗi bên 1,50m. Bề dài 4 mét phân đều mỗi bên 2,00m. A là chỗ hai đường dây gặp nhau là trung tâm chu vi của căn nhà. Vậy phải đặt la bàn tại A này mà phân cung điểm hướng.

- Sau đây là lược đồ một la bàn đã xoay kim chỉ đúng hướng:



Quan sát hình la bàn trên đã phân định 8 cung hướng như sau:

- Trung tâm cung hướng Bắc tại điểm có chữ N thuộc cung Khảm

-	Nam	S	Ly
-	Đông	E	Chấn
-	Tây	W	Đoài
-	Đông nam	SE	Tốn
-	Đông bắc	NE	Cấn
-	Tây nam	SW	Khôn
-	Tây bắc	NW	Kiến

Ngoài ra còn có một loại la bàn chỉ ghi các chữ tắt mà không có cây kim, rất tiện dụng vì bất cứ đặt nơi đâu, không cần xoay trở chỉ cả mà 8 cung hướng ghi trên mặt la bàn vẫn đúng theo vị trí thực tại trên quả địa cầu. Nghĩa là vẫn đúng như khi mình sử dụng đúng cái la bàn có kim.

CHẾ TẠO MỘT LA BÀN PHƯƠNG TIỆN

Muốn được dễ dàng và khỏi nhận lầm trong việc phân cung điểm hướng thì mình nên chế tạo một cái la bàn phương tiện như vậy: Dùng một miếng gỗ tròn đầy trục kính một tắc rưỡi hoặc lớn nhỏ tùy ý; khoét một lỗ tròn tại đúng trung tâm miếng gỗ vừa đặt

Dương trạch tam yếu

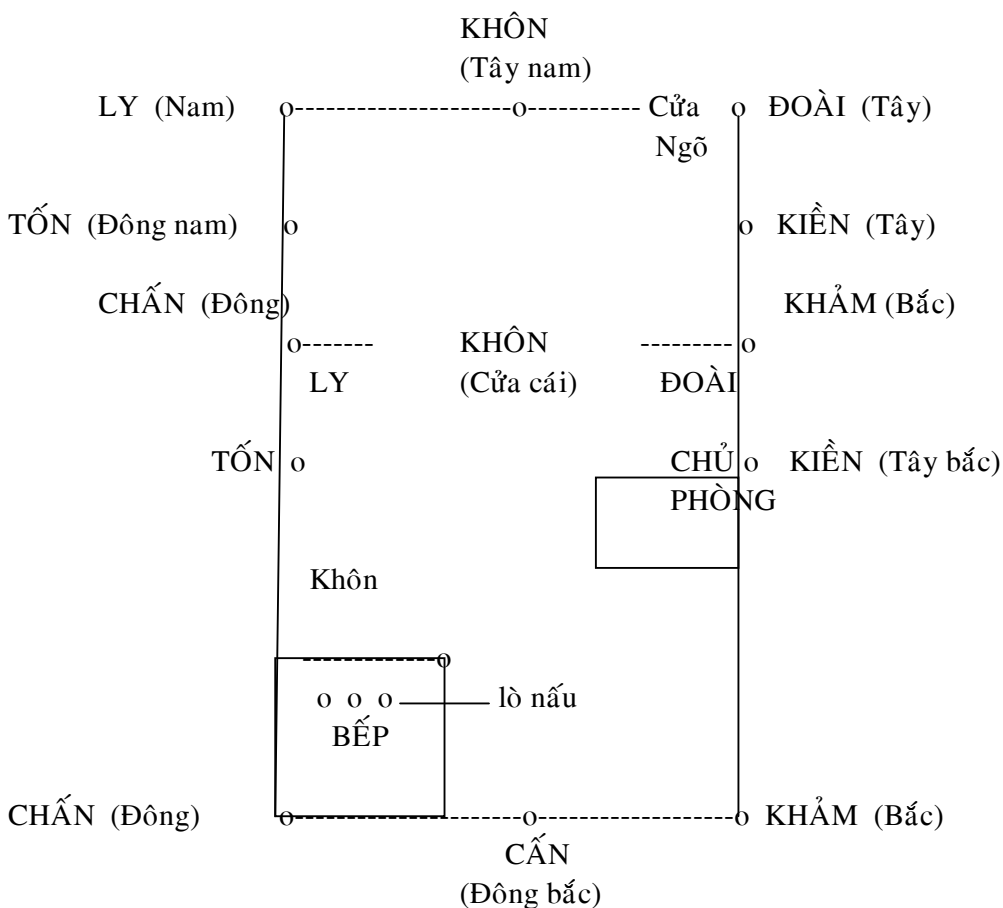
lọt vào một là bàn nhỏ. Trên mặt gỗ trên phân chia làm 8 phần bằng nhau, dùng mực làm giáp giới từ ngoài gạch thẳng vào chính giữa. Trên 8 phần bằng nhau biên đủ 8 cung Kiền, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài. Trong mỗi cung có ghi đủ âm dương ngũ hành và phương hướng của nó. Điều chú ý là khi gắn la bàn vào lỗ tròn miếng gỗ phải để chữ 8 trên mặt la bàn đúng ngay chính giữa phần cung LY trên miếng gỗ. Vì sao? – Vì chữ 8 tức là Sud phương Nam tất phải để cho ăn khớp với cung LY cũng thuộc phương Nam. Hễ một cung trên miếng gỗ ăn khớp với một chữ trên la bàn đồng thuộc một cung và đồng thuộc một phương hướng. Thay vì dùng miếng gỗ mình có thể dùng bìa giấy cứng bôi cho dày để chế tạo.

- Xem hình dưới đây là một la bàn nhỏ gắn giữa miếng gỗ tròn trên có phẩn vẽ đủ 8 cung bằng nhau, mỗi cung có ghi âm dương và phương hướng.

(hình vẽ)

Chú ý về hình vẽ trên: La bàn gắn giữa tấm gỗ. Vòng tròn và những chữ viết tắt dùng cây kim của nó đều được vẽ bằng mực đỏ. Chung quanh la bàn, trên mặt tấm gỗ được phân chia 8 phần tức là 8 cung bằng nhau. Bốn cung Kiền, Khôn, Cấn, Đoài được sơn bằng rỗng một màu xanh để biết là cùng một loại Tây tứ cung, một phe phía với nhau, và vì vậy hễ gặp nhau thì biến sanh toàn là kiết du niên. Bốn cung Khảm, Ly, Chấn, Tốn được sơn rỗng một màu đỏ để biết là cùng một loại Đông tứ cung, và vì vậy hễ gặp nhau thì biến sanh toàn là kiết du niên. Lại cũng nên biết cung màu xanh gặp cung màu đỏ khác phe khác loại tất biến sanh hung du niên.

- Để làm phương tiện chỉ dẫn, sau đây là một trạch đồ, ở trước nhà có sân có Cửa ngõ, tọa lạc tại Khôn - hướng Cấn – cung:



Dương trạch tam yếu

Theo hình trên thì la bàn đặt tại trung tâm cái sân đã được xoay cho chuỗi kim chĩa ngay vào chữ N là hướng Bắc và đầu kim chĩa ngay vào chữ 8 là hướng Nam. Như vậy 8 hướng ghi trên mặt la bàn đều đúng theo vị trí của chúng nó. Và nhắm theo đó thì mình thấy Cửa ngõ một đường thẳng với chữ W là hướng Tây thuộc cung Đoài.

Cái la bàn đặt tại trung tâm nhà cũng vậy, đã xoay đầu kim lân tinh chĩa ngay chữ N là hướng Bắc và đầu kim không có lân tinh chĩa vào S là hướng Nam và nhắm theo la bàn thì Cửa cái ở một đường thẳng với chữ SW là hướng Tây nam cung Khôn, thì Phòng chủ ở một đường thẳng với NW là hướng Tây bắc cung Kiền, và Bếp ở một đường thẳng với chữ E là hướng Đông cung Chấn. Tuy Bếp tại Chấn Đông nhưng hướng Bếp lại ngó về Tây nam cung Khôn, vì nếu mình đặt la bàn tại trung tâm khuôn bếp tất miệng lò ngó về Khôn là hướng Tây nam.

THIÊN II TỊNH TRẠCH

Tịnh trạch là loại nhà từ mặt tiền tới mặt hậu không có phân chia làm nhiều ngăn bởi tường vách. Nó khác với Động trạch và Biến hóa trạch là loại nhà có nhiều ngăn. Từ hai ngăn sắp lên gọi là nhiều ngăn. Những tủ và bình phong chắn ngang nhà không gọi là tường vách.

Trong thiên Tịnh trạch này có 4 việc phải làm cẩn thật rành:

- 1) An 8 cung và 8 du niên cho Tịnh trạch (chu vi nhà).
- 2) Phân cung điểm hướng cho 7 chỗ quan hệ.
- 3) Luận đoán tốt xấu cho Tịnh trạch.
- 4) Những Tịnh trạch đồ làm mẫu.

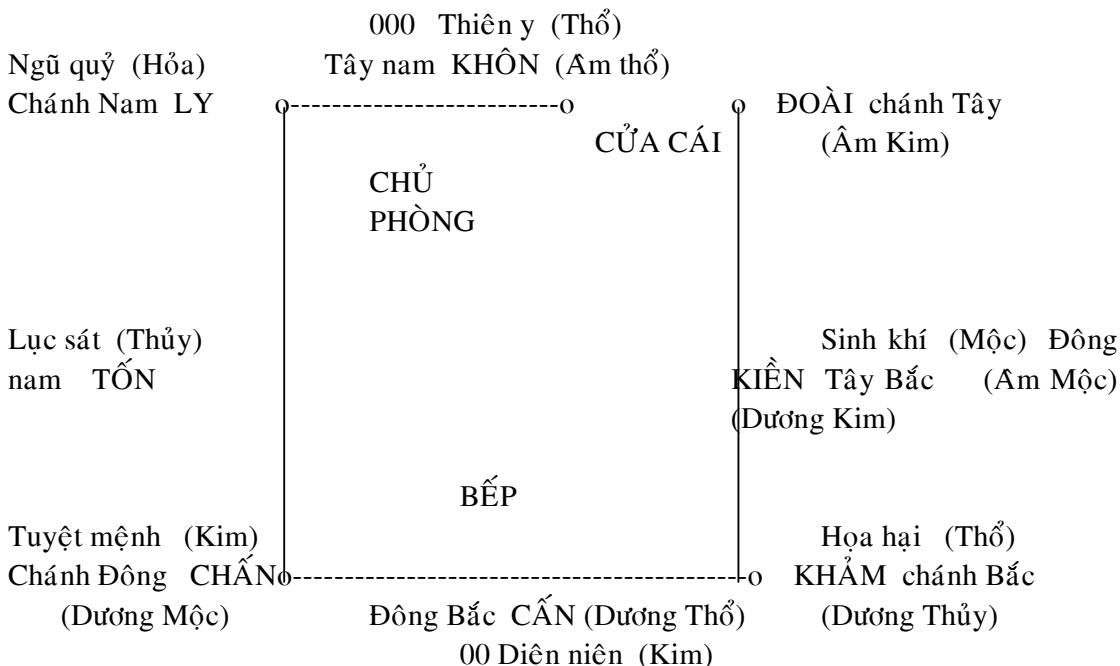
1) AN 8 CUNG VÀ 8 DU NIÊN CHO TỊNH TRẠCH

- An 8 cung là biên tên 8 cung: Kiền, Khảm, Cấn,... đúng theo vị trí chu vi ngôi nhà. Đặt đúng la bàn tại chu vi ngôi nhà để coi theo chỉ hướng 8 cung của la bàn mà an 8 cung theo chu vi. Đặt đúng la bàn là đặt cách nào cho chuỗi kim chỉ ngay vào chữ N là phương Bắc và tất nhiên mũi kim chỉ ngay vào chữ S là phương Nam (xem thiên I, bài 23).

- An 8 du niên là biên tên 8 du niên theo 8 cung, mỗi du niên theo mỗi cung do cách Bát biến du niên hay cách lập thành (Xem thiên I, bài 8).

Ngoài ra, còn phải ghi phương hướng, âm dương của ngũ hành cho mỗi cung và mỗi du niên để dễ phân định, suy cứu hầu chọn nơi tốt đặt Bếp và đặt Chủ phòng.

Thí dụ: Có một ngôi nhà đặt Cửa cái tại Đoài bên hữu mặt tiền. Khi đã an 8 cung và 8 du niên xong thì ngôi nhà sẽ y như trạch đồ sau đây:



Dương trạch tam yếu

- **An 8 cung:** Xem hình trên thấy chuôi kim chĩa ngay chữ N là đúng phương Bắc và mũi kim chĩa ngay chữ S là đúng phương Nam, như vậy gọi là đặt đúng la bàn. Đặt đúng la bàn tại trung tâm chu vi thì tất cả 8 cung, cung nào cũng ở đúng vị trí của nó.

- **An 8 du niên:** Theo cách Bát biến du niên hoặc cách lập thành du niên ở thiên I bài 8 thì Phục vị tại Đoài (vì Cửa cái tại Đoài), Sinh khí tại Kiền, Họa hại tại Khảm, Diên niên tại Cấn, Tuyệt mệnh tại Chấn, Lục sát tại Tốn, Ngũ quỷ tại Ly và Thiên y tại Khôn. Phàm Cửa cái tại đâu thì Phục vị tại đó, không cần phải an vào.

- Khi đã an xong 8 cung và 8 du niên tất thấy rõ có 3 chỗ tốt: tại Khôn có Thiên y là kiết du niên đăng diện có ghi ba vòng khuyên 000 tốt bậc nhất, tại Cấn có Diên niên là kiết du niên đặc vị có hai vòng khuyên 00 tốt bậc nhì và tại Kiền có Sinh khí thất vị có ghi một vòng khuyên 0 tốt bậc ba. (Phàm đăng diện thì được ghi 000, đặc vị được ghi 00, thất vị được ghi 0. Tính đăng diện, đặc vị và thất vị: xem thiên I, bài 3 và 10).

- Việc làm thứ nhất này là an 8 cung và 8 du niên để dùng vào 3 trường hợp: Một là khi nhà đã cất rồi, hai là sắp cất nhà, ba là sắp mua nhà. Như nhà đã cất rồi, thì cứ theo phương hướng của nhà mà làm việc thứ nhất này để coi Chủ phòng và Bếp, nếu đã đặt nhằm cung tốt thì thôi, bằng ở nhằm cung xấu tất phải dời lại cung có thừa Sinh khí, Diên niên, Thiên y.

Như nhà sắp cất trên một khu đất nào thì mình căn cứ theo phương hướng của khu đất đó mà làm việc, thứ nhất này để liệu định trước nên đặt Cửa cái tại cung nào, bên tả, bên hữu hay chính giữa cho thuận tiện phương hướng, để liệu định trước những chỗ đáng đặt Chủ phòng và Bếp. Có khi phải làm cái việc này tới đôi ba lần rồi mới tìm ra được phương hướng cất một cái nhà thuận tiện.

Nếu mình sắp mua thì cũng cần làm cái việc thứ này để coi ngôi nhà mình sắp mua đó tốt hay không, hoặc để coi có sửa chữa trở nên một cái nhà tốt hãy mua. Ở thiên VI có lập thành đủ 24 Tinh trạch đồ, bất cứ nhà đặt nhằm phương hướng nào, Cửa cái day về đâu cũng có một trạch đồ an sẵn 8 cung và 8 du niên. Tìm xem theo đó để sử dụng.).

2) PHÂN CUNG ĐIỂM HƯỚNG CHO 7 CHỖ

- Tinh trạch có 7 chỗ quan hệ, có ảnh hưởng tốt xấu. Phải dùng một cái la bàn để phân cung điểm hướng cho chính xác coi mỗi chỗ ở nhằm vào cung nào. (Xem cách dùng đúng la bàn ở Thiên I, bài 25). Xem việc làm trong phần thứ nhất cũng đã ý thức về việc phân cung điểm hướng. Nhưng trong việc làm thứ nhì này cần phải chú ý và đọc qua niều lượt mới có thể phân định để khỏi sai lầm, có hại.

1) Cửa ngõ là cửa từ ngoài bước vào sân. Cũng gọi nó là cửa rào cửa giậu. Nhà không có nó thì thôi, khỏi phải tạo tác.

Phải đặt la bàn tại điểm chính giữa chu vi cái sân, rồi từ trung tâm la bàn nhìn thẳng tới hoặc lấy dây giăng thẳng tới điểm giữa cửa ngõ. Và nhắm hay nhìn theo phương hướng la bàn, hãy thấy điểm giữa Cửa ngõ ở vào khoảng cung nào của la bàn thì gọi cung ấy là cung Cửa ngõ. (Xem Thiên I, bài 5).

Như nhà xây cất trên một khu đất có sân trước nhà mà xung quanh nhà hoặc sau nhà có đất dư thì phải đặt la bàn tại điểm chính giữa chu vi của trọn khu đất mà phân cung điểm hướng cho Cửa ngõ, vì Cửa ngõ này là Cửa của trọn khu đất, chứ không phải Cửa của cái sân như vừa chỉ dẫn ở đoạn trên.

2) Cửa cái: là cửa làm ở mặt tiền nhà liền với nhà, là cửa từ ngoài bước vào nhà. Dù lớn nhỏ bao nhiêu cũng gọi là Cửa cái. Về Tinh trạch, phân cung điểm hướng

cho Cửa cái có ba trường hợp. Một là chu vi nền nhà hình vuông vức, bốn bề thước tắc bằng nhau. Hai là chu vi nền nhà hình vuông dài mà chiều dọc dài hơn chiều ngang. Ba là chu vi nền nhà hình vuông dài nhưng chiều ngang dài hơn chiều dọc.

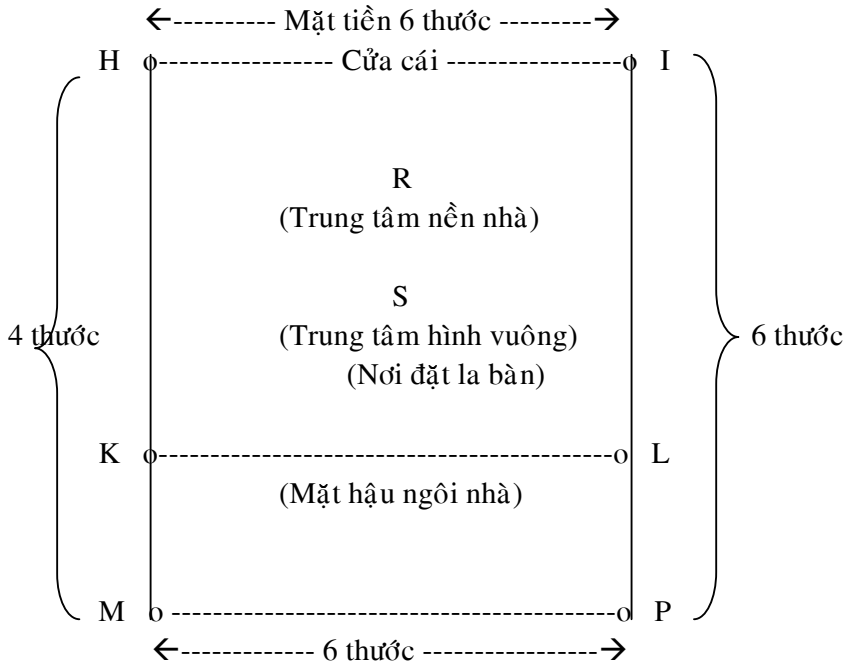
Như chu vi nền nhà hình vuông dài, chiều dọc dài hơn chiều ngang, hoặc chiều ngang dài hơn chiều dọc cũng thế, thì phải làm như sau: kể từ chiều ngang mặt tiền nhà trở vào, lấy thước đo và lấy phấn gạch thành một hình vuông vức, bốn bề thước tấc bằng nhau, bằng với thước tấc chiều ngang của mặt tiền nền nhà. Thí dụ chiều ngang của mặt tiền nền nhà là 3 thước thì ba bề kia mỗi bề cũng đều 3 thước. Xong rồi mới đặt đúng la bàn tại trung tâm của hình vuông vức này (chứ không phải tại trung tâm của nền nhà) mà so cung điểm hướng cho Cửa cái như đã chỉ trên.

The diagram shows a square layout with points A, B, C, D, E, G at the corners. Inside the square, there are labels T (đặt la bàn), N (trung tâm nền nhà), and CỬA CÁI. Dimensions are given as 3 thước and 5 thước. The text (mặt hậu ngôi nhà) is at the bottom. Dashed lines indicate specific measurements and boundaries.

46

Dương trạch tam yếu

Thí dụ: Nền nhà chiều ngang 6 thước, chiều dọc chỉ có 4 thước:



Coi theo hình trên thì H, I, K, L là chu vi nền nhà: chiều ngang 6 thước, chiều dọc 4 thước, trung tâm của nó tại R. Còn H, I, M, P là chu vi hình vuông vức bốn bề bằng nhau, bề nào cũng được 6 thước, tức là bằng chiều ngang của mặt tiền nhà, trung tâm của nó tại S. Vậy phải đặt đúng la bàn tại trung tâm S mà phân cung điểm hướng cho Cửa cái, chỗ đặt la bàn tại R là trung tâm của nền nhà.

3) Chủ phòng: là cái phòng chứa, là trụ cột ngôi nhà. Vì vậy dùng trên du niên tại Chủ phòng mà đặt tên cho ngôi nhà. Như trong nhà có dựng nhiều phòng thì lấy cái phòng nào cao lớn nhất gọi nó là Chủ phòng. Còn các phòng thấp nhỏ hơn, dù là cái phòng của người chủ nhà cũng chẳng luận. Nếu chỉ có một cái phòng duy nhất thì dù lớn nhỏ cũng gọi nó là Chủ phòng. Nên chọn nơi cung có thừa kiết du niên để dựng Chủ phòng. Chỗ đặt giường để ngủ nghỉ mà không được che bằng tường vách thì chưa đáng gọi là Chủ phòng.

Phải đặt đúng la bàn tại chính giữa chu vi ngôi nhà, rồi từ trung tâm la bàn nhìn thẳng tới Chủ phòng. Vậy nhắm theo phương hướng la bàn, hãy thấy Chủ phòng ở vào khoảng cung nào của la bàn thì gọi cung ấy là cung của Chủ phòng.

4) Cửa phòng: là cửa của Chủ phòng, là Cửa cái của phòng cao lớn nhất trong nhà nếu trong nhà có nhiều phòng.

Phải đặt đúng la bàn tại chính giữa chu vi Chủ phòng, rồi từ trung tâm la bàn nhìn thẳng tới giữa cửa Chủ phòng. Và nhắm theo phương hướng la bàn, hãy thấy điểm giữa cửa ở vào khoảng cung nào của la bàn thì gọi cung ấy là cung của Cửa phòng.

5) Bếp là chỗ có đặt lò hoặc cà ràng để nấu ăn. Thường thường người ta đặt lò và cà ràng trên một cái khuôn lát gạch hay tráng xi măng. Thuy nhiên, không có khuôn bếp mà chỉ đặt lò, cà ràng trên mặt đất thì cũng gọi chỗ đó là Bếp. Nếu có nhà bếp riêng cũng vậy, nơi chỗ đặt lò, cà ràng gọi là Bếp.

Phải đặt la bàn tại chính giữa chu vi ngôi nhà, rồi từ trung tâm la bàn nhìn thẳng tới khoảng giữa khuôn bếp hay nơi có đặt lò, cà ràng và nhắm theo phương hướng la

Dương trạch tam yếu

bàn, hãy thấy khoảng giữa đó ở vào khoảng cung nào của la bàn thì gọi cung đó là cung của Bếp. Nếu có nhà bếp riêng (không phải ở trong một ngôi nhà) thì phải đặt đúng la bàn tại chính giữa chu vi nhà bếp để phân cung điểm hướng cho Bếp.

6) Cửa Bếp: Như Bếp để trong thì thôi, không luận Cửa Bếp, bằng có đứng buồng che thì cái cửa bước vào buồng che gọi là Cửa Bếp. Như có nhà bếp riêng thì cửa của nhà này gọi là Cửa Bếp.

Phải đặt la bàn tại chính giữa chu vi cái buồng che, rồi từ trung tâm la bàn, hãy thấy điểm giữa cửa buồng ở vào khoảng cung nào của la bàn thì gọi cung đó là cung của Cửa Bếp. Hoặc đặt tại chính giữa chu vi nhà Bếp rồi từ trung tâm la bàn nhìn thẳng tới giữa cửa nhà bếp. Và nhắm theo phương hướng la bàn, hãy thấy điểm giữa của nhà bếp ở vào khoảng cung nào của la bàn thì gọi cung ấy là cung Bếp. Nói rõ lại: Cửa bếp là cửa của cái buồng, của cái phòng hay của cái nhà bếp có đặt bếp nấu ăn.

7) Hướng bếp: là nơi hướng miệng bếp ngó về, chứ không phải tại nơi cung có đặt lò, cà ràng. Nghĩa là Bếp đặt tại cung này nhưng miệng bếp ngó về cung hướng khác. Như cái bếp đặt tại cung Ly nhưng miệng bếp ngó về hướng Khảm hay hướng Khôn chẳng hạn.- Miệng bếp, ta thường gọi theo tiếng chữ Nho là Táo khẩu. Chỗ lăm miệng bếp với miệng cái lò (hay miệng cà ràng). Có thể miệng bếp ngó về hướng này, nhưng mình đặt miệng lò ngó về hướng khác. Mình phải tính du niên cho Hướng bếp chứ không tính du niên cho hướng miệng lò ngó về. Nhưng chẳng hạn đặt miệng lò ngó về các nơi có uế khí như cầu tiêu, chuồng súc vật... Đừng đặt giường ngủ nghỉ ngay Hướng bếp.

(Rất cần chú ý: Trong 7 đoạn trên đều có dặn: Phải đặt đúng la bàn. Là phải xoay cái la bàn cách nào cho mũi kim chỉ ngay chữ S là phương Nam và chuỗi kim ngay chữ N là phương Bắc).

3) LUẬN ĐOÁN TỐT XẤU CHO TỊNH TRẠCH

Những chỗ có quan hệ nơi Tịnh trạch được phân biệt 3 chỗ chính yếu và 3 chỗ thứ yếu. Ba chỗ chính yếu có ảnh hưởng trọng đại là: Cửa cái, Chủ phòng và Bếp. Ba chỗ thứ yếu có tính cách phụ thuộc là: Hướng bếp, Cửa bếp và Cửa phòng, nhưng Hướng bếp được quan trọng hơn 2 chỗ kia. Không kể Cửa ngõ, vì nó không hệ thuộc vào ngôi nhà.

Phàm 3 chỗ chính yếu ở tại 3 cung tương sanh hay tỷ hòa và Chủ phòng với Bếp đều thừa kiết du niên thì kể chắc là một ngôi nhà ở tốt, phát đạt. Dầu cho 3 chỗ thứ yếu hay phụ thuộc kia, tất cả đều hung hại (tương khắc, thừa hung du niên) cũng không đáng ngại.

Phàm 3 chỗ chính yếu ở tại 3 cung tương khắc và Chủ phòng cùng Bếp đều thừa hung du niên thì quyết định là một ngôi nhà bất lợi, suy vi. Dù hết thấy 3 chỗ thứ yếu kia đều tốt cũng không thể phát đạt.

Chú ý: Có vài trường hợp hai cung tương sanh nhưng hổ biến ra Lục sát hay Họa hại là hung du niên thì vẫn kể là xấu. Hoặc 2 cung tương khắc nhưng hổ biến được Diên niên là kiết du niên vẫn kể là tốt.

Phàm 3 chỗ chính yếu là 3 cung hổ biến với nhau có đủ Sinh khí, Diên niên và Thiên y thì gọi là nhà ba tốt tức vì nhà có 3 du niên tốt. Được ở Nhà ba tốt ắt có nhiều may mắn kết tụ.

Chủ phòng và Bếp đều thừa kiết du niên nhất định là tốt, nhưng kiết du niên đăng diện hay đắc vị mới quý, mới phát đạt lớn. Bằng kiết du niên thất vị thì không quý,

Dương trạch tam yếu

phát đạt ít. Trái lại Chủ phòng và Bếp đều thừa hung du niên, dù đăng diện hay đắc vị cũng vẫn hung hại, suy vi hướng chỉ là thất vị.

Ở Chủ phòng và Bếp có kiết du niên sanh trạch là thêm phần phát, tốt (như Thiên y thuộc Thổ sanh Tây tứ trạch Kim). Có kiết du niên vượng trạch tức là tỷ hòa với trạch càng thịnh vượng hơn (như Sinh khí Mộc tỷ hòa với Đông tứ trạch cũng Mộc, hoặc như Diên niên Kim tỷ hòa với Tây tứ trạch cũng Kim). Trái lại, kiết du niên với trạch tương khắc là nhà bất tốt (như Diên niên Kim hay Thiên y Thổ đối với Đông tứ trạch đều tương khắc, vì Kim khắc Mộc, Mộc khắc Thổ).

Chủ nhà thuộc Đông mệnh ở Đông tứ trạch hoặc chủ nhà thuộc Tây mệnh ở Tây tứ trạch, đó là Mệnh cung hiệp trạch, chủ nhà với nhà hiệp nhau ắt thêm 30% tốt. Trái lại chủ nhà là Đông mệnh lại ở Tây tứ trạch hoặc chủ nhà là tây mệnh lại ở Đông tứ trạch là tương khắc, là Mệnh cung chẳng hiệp trạch, là nhà với chủ chẳng hiệp nhau, ắt là phải mất 30% tốt. Mất đây có nghĩa là không thêm được 30% tốt, chứ không phải bị bớt 30% tốt.

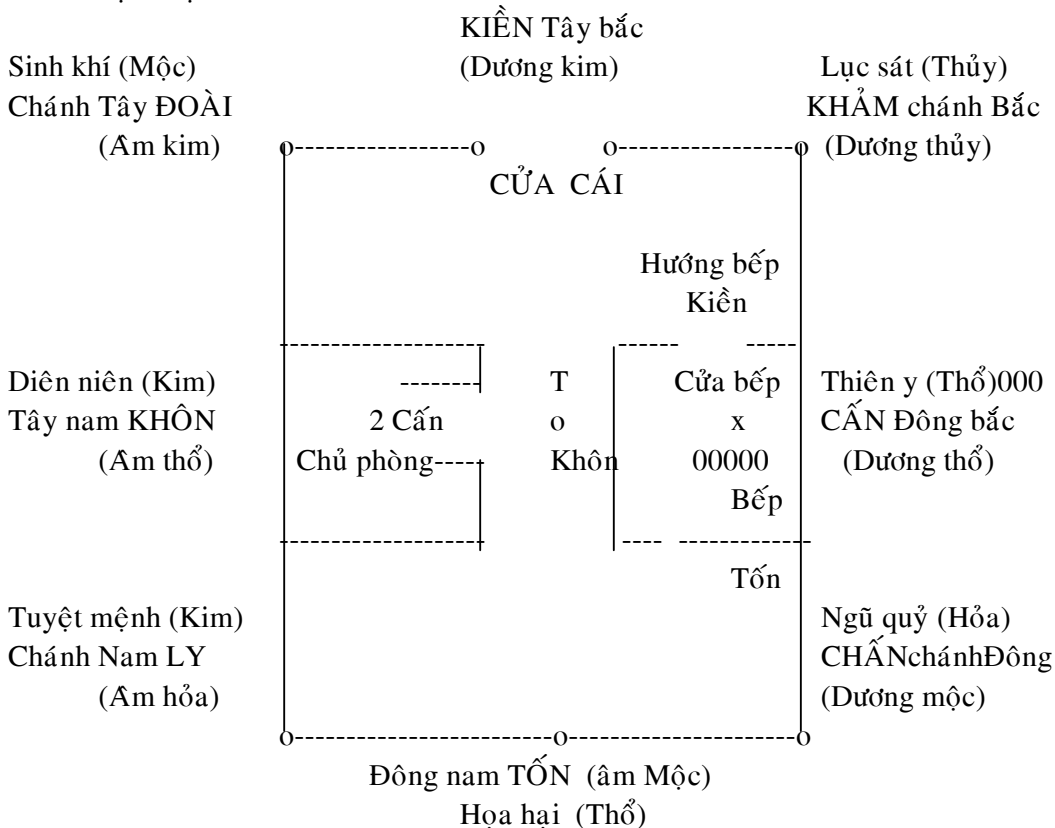
Gặp trường hợp này thì phải sắp đặt làm sao cho Hướng bếp, Giường ngủ và Đầu giường đều thuộc về các cung hướng hiệp với Mệnh cung chủ nhà mới khỏi bị mất nhiều phần tốt. (Xem nơi Thiên I bài 23 có chỉ dẫn rõ hơn).

Cần biết: Muốn tường tận những sự việc ứng nghiệm thịnh suy của mỗi ngôi nhà, mỗi ngôi Bếp, thỉnh xem nơi Thiên VII có luận đoán đầy đủ).

4) NHỮNG TÌNH TRẠCH ĐỒ LÀM MẪU

Vì muốn được nghiên cứu tường tận, cần có những trạch đồ giả dụ sau đây để luận giải cho thấy rõ ràng:

Tình trạch mẫu đồ số I:



Dương trạch tam yếu

NHỮNG VỊ TRÍ:

Hình trên là một Tịnh trạch đồ, những vị trí của 6 chỗ có ảnh hưởng với nhà như sau:

- Cửa cái mở tại Kiền (Tây bắc) ở vào khoảng chính giữa mặt tiền.
- Chủ phòng đặt tại Khôn (Tây nam) thừa Diên niên đắc vị, có ghi vòng 00.
- Bếp đặt tại Cấn (Đông bắc) thừa Thiên y đăng diện, có ghi 3 vòng 000.
- Hướng bếp tức là miệng lò ngó về Kiền (Tây bắc)
- Cửa bếp mở tại Kiền (Tây bắc)
- Cửa phòng tức là Cửa của Chủ phòng mở tại Cấn (Đông bắc).

Chú ý: Theo như trên thì Cửa cái mở tại Kiền ở khoảng giữa mặt tiền nhà. Giả như Cửa cái mở suốt hết mặt tiền nhà gồm cả 3 cung ... Kiền Khảm cũng vẫn qui định là Kiền, vì tuy mở suốt hết mà điểm trung tâm là điểm chính giữa cửa vẫn còn y tại Kiền. Việc phân cung điểm hướng luôn luôn dụng lấy cung điểm chính giữa là trung tâm Cửa cái hay các chỗ khác cũng vậy.

Chú ý: Cửa cái tại Kiền, Chủ phòng tại Khôn và Bếp tại Cấn, ba điểm này đều do đặt đúng la bàn tại trung tâm của chu vi ngôi nhà mà phân cung điểm hướng cho mọi chỗ. Cửa phòng là cửa của Chủ phòng ở tại là do đặt đúng la bàn tại chữ Trung Quoc mà phân cung điểm hướng cho nó. Vậy tất Cấn đây là Cấn của Chủ phòng chứ không phải Cấn của ngôi nhà.

Cửa bếp ở tại Kiền là do đặt đúng la bàn tại chữ X là trung tâm cái buồng bếp mà phân cung điểm hướng cho nó; như vậy Kiền đây là cửa cái buồng bếp chứ không phải là Kiền của ngôi nhà. Hướng bếp hướng mặt bếp tức miệng bếp ngó về Kiền là do đặt đúng la bàn tại lò, bếp (có 5 khoang tròn 00000) mà điểm cung hướng cho nó. Như vậy Kiền đây là Kiền của lò bếp chứ không phải Kiền của Buồng bếp, nhưng vì trường hợp này Kiền của hai chỗ gặp nhau.

Nhưng vì sao, như trên đã chỉ dẫn, phải đặt đúng la bàn ở khác nơi nhau như vậy? Vì theo lý đương nhiên: cái nào gọi là cửa cái nhà thì đặt la bàn tại trung tâm ngôi nhà, như Cửa cái, Chủ phòng và Bếp, hạ cái này đều gọi là cửa cái nhà. Cái nào gọi là cửa cái phòng thì phải đặt la bàn tại trung tâm cái phòng, như Cửa phòng chẳng hạn. Cái nào gọi là cửa buồng Bếp thì phải đặt la bàn tại trung tâm buồng bếp, như Cửa bếp chẳng hạn. Cái nào gọi là cửa lò bếp thì phải đặt la bàn tại trung tâm lò bếp hay khuông bếp, ...v ...v..

AN 8 CUNG VÀ 8 DU NIÊN

Đây là việc làm thứ nhất mà mình đã thấy sự an bài 8 cung và 8 du niên nơi trạch đồ, khỏi phải dẫn giải mất thì giờ.

PHÂN CUNG ĐIỂM HƯỚNG CHO 6 CHỖ

Đây là việc làm thứ nhì đã an bài nơi trạch đồ và như đã nói rõ ở những vị trí, khỏi phải dẫn giải mất thì giờ.

CHỌN CUNG TỐT ĐỂ ĐẶT CHỦ PHÒNG VÀ ĐẶT BẾP

Quan sát trong 8 cung, thấy có cung Cấn thừa Thiên y là kiết du niên đăng diện (có ghi 3 vòng khuyên 000) tốt bậc nhất, cung Khôn thừa Diên niên là kiết du niên đắc vị (có ghi 2 vòng khuyên 00) tốt bậc nhì và cung Đoài thừa Sinh khí thất vị (có ghi một vòng khuyên 0) tốt bậc ba. Vậy nên phải đặt Chủ phòng và Bếp tại hai cung Cấn và

Dương trạch tam yếu

Khôn túng chỗ lằm thì dùng cung Đoài cũng được. Còn 4 cung Khảm Ly Chấn Tốn đều thừa hung du niên chẳng nên dùng tới.

Chú ý: Kiết du niên nào cũng có điểm vòng khuyên.

LUẬN ĐOÁN 3 CHỖ CHÍNH YẾU

Luận đoán là nói ra những sự ứng nghiệm tốt xấu. Ba chỗ chính yếu là: Cửa cái, Chủ phòng và Bếp.

Ba chỗ chính của Tịnh trạch này ở tại 3 cung Kiền Khôn Cấn trọn thuộc về Tây tứ trạch. Kiền với Khôn tương sanh, Kiền với Cấn cũng tương sanh, Khôn với Cấn tỷ hòa. Đó là 3 cung so đối với nhau đều tương sanh cùng tỷ hòa, không có tương khắc, thật là tốt. Lưỡng thổ thành sơn là tượng đắp nên thành lũy, hai thổ sanh một kim là tượng có vàng ẩn trong đất, toàn là những cách tốt. Kiền với Khôn hổ biến được Sinh khí. Phàm 3 chỗ chính yếu hổ biến với nhau có đủ Sinh khí, Diên niên và Thiên y là 3 kiết du niên thì gọi là Nhà ba tốt (tam kiết trạch), là một ngôi nhà qui tụ đủ mọi sự phước hạnh.

Cửa cái Kiền phối với Chủ phòng Khôn thừa Diên niên cho nên gọi là Diên niên trạch. Kiền dương kim hợp với Khôn âm thổ là âm dương phối hợp mà tương sanh lại được Diên niên là kim tinh đắc vị, thật là một ngôi nhà phú quý vinh hoa đúng bậc, vợ chồng chánh phối, sanh 4 con, một nhà hòa mỹ, con cháu hiền, trường thọ... Bếp Cấn đối với Chủ phòng Khôn là tỷ hòa, đối với Cửa cái Kiền là tương sanh: nhà đã thịnh vượng mà nam nữ trong nhà ưa làm việc lành (Xem nhà số 7 trong thiên VII).

Bếp Cấn là một cái bếp rất tốt vì thừa Thiên y là kiết du niên đăng diện. Bếp Cấn phối với Cửa cái Kiền là Thổ với Kim tương sanh lại là tượng con xu phụ theo cha (Cấn là con trai, Kiền là cha), cha hiền lương con hiếu thảo, môn đình sáng lạng, hưng vượng, phát đạt hay đi chùa lễ Phật và làm các việc lành. Nhưng vì Cấn và Kiền là hai cung đều thuộc dương (thuần dương) không có âm cho nên dòng họ con trưởng bất lợi, lâu năm rồi cũng có khắc vợ hại con. Lại có thêm lời đoán rằng: Cấn phối Kiền, ở Dịch kinh gọi là quẻ Sơn thiên đại súc, phước đức cho nên con cháu đại phát. Duy phụ nữ và trẻ con bệnh tật là bởi Cấn phối Kiền, dương nhiều nên dương thắng ất âm phải suy, ám chỉ phụ nữ và trẻ con (Xem Bếp số 23 trong thiên VII).

LUẬN ĐOÁN 3 CHỖ PHỤ THUỘC

Ba chỗ phụ thuộc là Cửa phòng tại Cấn, Cửa bếp tại Kiền và Hưởng bếp cũng tại Kiền. Ba cung Cấn Kiền Kiền đều hợp với Tây tứ trạch tất phải có thêm phần tốt. Lại đại khái luận về cách Bát biến du niên như sau: Từ Cửa cái Kiền biến tới Cửa phòng Cấn thừa Thiên y đăng diện rất tốt. Từ Cửa cái Kiền biến tới Cửa phòng Cấn thừa Thiên y đăng diện rất tốt. Từ Cửa cái Kiền biến tới Cửa bếp Kiền và tới Hưởng bếp Kiền đồng đều thừa Phục vị thất vị. Phục vị du niên tốt ít ỏi lại thất vị thì kể như không thêm được phần tốt nào nhưng cũng không gây tai hại. Nếu đổi Cửa bếp và Hưởng bếp qua Khôn (Khôn của cái buồng bếp) thì được Diên niên đắc vị ất thêm tốt gần bằng Cửa phòng Cấn.

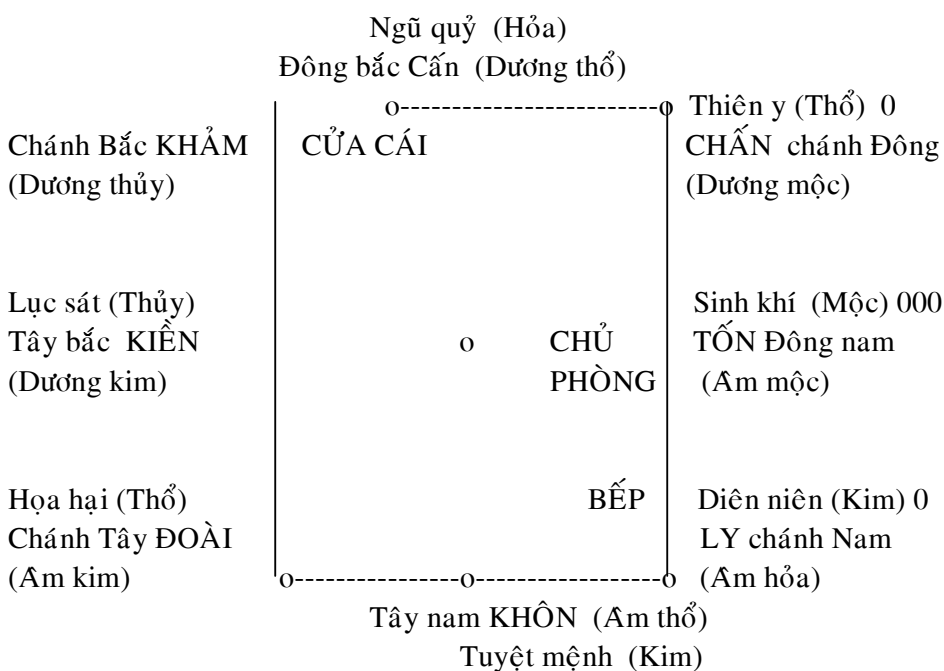
LUẬN VỀ MỆNH CUNG CỦA CHỦ NHÀ

Ngôi nhà này thuộc Tây tứ trạch. Nếu chủ nhà thuộc Tây mệnh (Kiền Khôn Cấn Đoài) là nhà với chủ hiệp nhau, thêm tốt nói chẳng hết. Rủi như chủ nhà Đông mệnh (Khảm Ly Chấn Tốn) là nhà với chủ không hiệp nhau tuy nhà không bớt phần tốt,

Dương trạch tam yếu

nhưng chủ nhà mất 30% tốt. Ở trường hợp này phải đổi Hướng bếp, tức là đổi mặt bếp ngó về một trong 4 cung Khảm Ly Chấn Tốn (Đông tứ cung) CHO HIỆP VỚI Đông mệnh của chủ nhà để hóa giải sự tương khắc Đông với Tây. Chiều theo trạch đồ này thuận tiện nhất là đổi hướng bếp ngó về cung Tốn, thay vì đứng ở trước chum vào, nay đứng ở sau chum tới. Ngoài ra, còn nên đặt giường ngủ và đầu giường chủ nhà ở Đông tứ cung (xem lại thiên I bài 23 để hiểu biết rõ ràng hơn).

TỊNH TRẠCH MẪU ĐỒ SỐ 2



NHỮNG VỊ TRÍ

Trên đây là một Tĩnh trạch đồ. Cửa cái tại Khảm (chánh Bắc), bên tả mặt tiền. Chủ phòng tại Tốn (Đông nam), bên hông phía hữu mặt tiền. Bếp tại LY (chánh Nam) bên hữu mặt hậu.

AN 8 CUNG VÀ 8 DU NIÊN

Đây là việc làm thứ nhì mà mình đã thấy sự an bài đủ 8 cung và 8 du niên nơi trạch đồ trên, khỏi phải dẫn giải.

PHÂN CUNG ĐIỂM HƯỚNG 3 CHỖ CHÍNH YẾU

Đây là việc làm thứ nhì mà mình đã thấy rõ Cửa cái tại Khảm, Chủ phòng tại Tốn và Bếp tại LY, khỏi phải dẫn giải.

CHỌN CUNG TỐT ĐỂ ĐẶT CHỦ PHÒNG VÀ BẾP

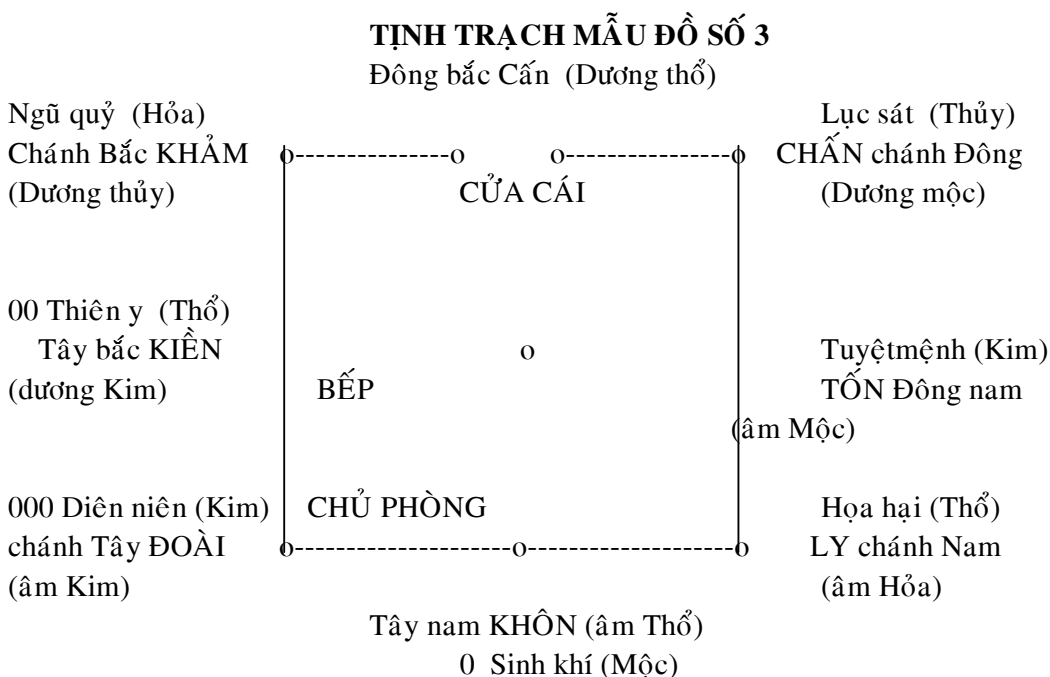
Ba chỗ chính yếu trong ngôi Tĩnh trạch này ở tại 3 cung Khảm Tốn Ly trọn thuộc về Đông tứ trạch, đó là một cách tốt. Khảm với Tốn là tương sanh và Ly với Tốn cũng tương sanh đều là hai chỗ tốt. Duy Khảm với Ly tương khắc là một chỗ khuyết điểm nhưng vẫn hỗ biến được Diên niên là kết du niên, tốt. Cửa Khảm khắc Bếp Ly là ngoài khắc vào trong: sự bất lợi thường từ bên ngoài đem đến. Cửa Khảm sanh Chủ phòng

Dương trạch tam yếu

Tổn là ngoài sanh vào trong cho nên phát đạt mau lăm. Đây cũng gọi là một cái Nhà ba tốt qui tụ đủ mọi điều phước hạnh vì 3 hồ biến với nhau có đủ 3 kết du niên là Sinh khí, Diên niên và Thiên y. Bởi Khảm với Tổn hồ biến được Sinh khí, Khảm với Ly hồ biến được Diên niên, và Tổn với Ly hồ biến được Thiên y.

Cửa cái Khảm phối với Chủ phòng Tổn thừa Sinh khí cho nên gọi nhà này là Sinh khí trạch. Khảm dương thủy với Tổn âm Mộc là âm dương phối hợp tương sanh lại được Sinh khí tức Tham lang mộc tinh đăng diện... thật là một ngôi nhà tuyệt hảo: sanh 5 con đỗ đạt, nam thông minh, nữ thuần tú, con hiếu cháu hiền, điền sản gia tăng, lộc sức hưng vượng, công danh hiển hách, nhân khẩu càng rất đông, đại khái mà nói là phú quý song toàn. Đặc điểm có Khảm sanh Tổn là ngoài sanh vào trong, nhà này đã phát đạt mà phát rất mau và bền lâu. (Mếu ngôi nhà này là Động trạch (xem thiên III) mà tạo tác cho gần thứ 2 hay thứ 3 cho rộng lớn nhất thì càng đại phát phú quý, dù ở bao nhiêu người, người nào cũng khá lên được). Trong nhà này có Bếp đặt tại Ly thừa Diên niên cũng là một cái bếp thịnh vượng, sanh được 4 hay 5 con (xem nhà số 36 trong thiên III).

Luận riêng về Bếp Ly phối với Cửa Khảm: Cửa Khảm phối với Bếp Ly thừa Diên niên cho nên gọi là Diên niên táo và ở Dịch kinh gọi là quẻ Hỏa thủy vị tể. Khảm dương Thủy thuộc trung nam gặp Ly âm Hỏa thuộc trung nữ là được cái đạo âm dương giao hiệp, cho nên vợ chồng chánh phối, tiền của cùng vãi lụa đầy rương, công danh sáng lạng, con cháu đầy nhà... Nhưng rồi ở nhiều năm sẽ khắc vợ, tim đau mất tật, hay bệnh hoạn. Đó là bởi Khảm Thủy khắc Ly Hỏa vậy. (Xem Bếp số 45 trong thiên VII).



NHỮNG VỊ TRÍ

Trên đây là một Tịnh trạch đồ. Cửa cái tại cung Cấn (Đông bắc) ở khoảng giữa mặt tiền. Chủ phòng tại cung Đoài (chánh Tây) bên tả mặt hậu. Bếp tại cung Kiền (Tây bắc) bên hông phía tả ngôi nhà. Còn 8 cung và 8 du niên đã an bài sẵn như trên đã thấy, khỏi phải dẫn giải.

LUẬN ĐOÁN 3 CHỖ CHÍNH YẾU

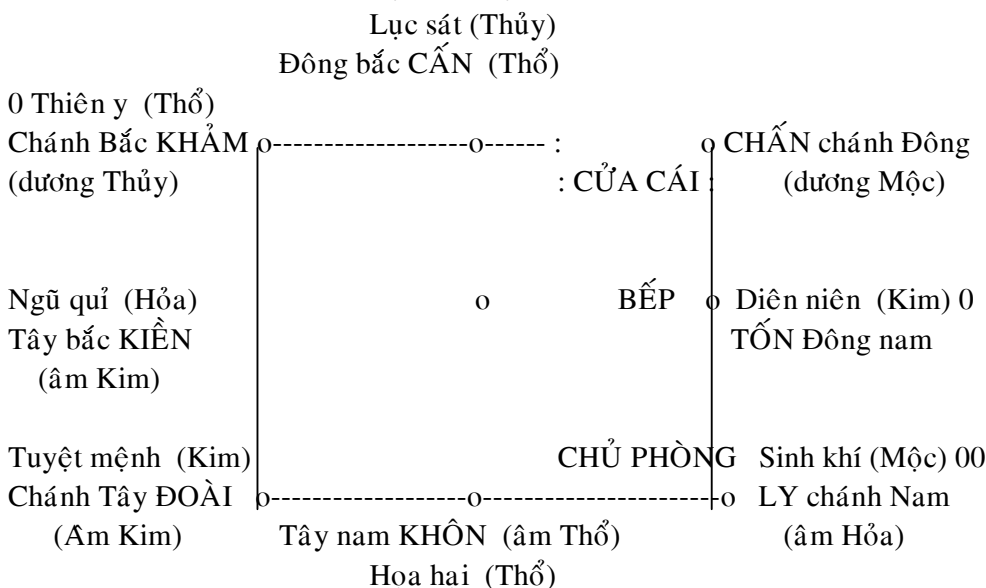
Ba chỗ chính yếu trong ngôi Trạch này ở tại Cấn Đoài Kiền là 3 cung trọn thuộc về Tây tứ trạch là một cách tốt. Ba cung so đôi với nhau đều đặn tương sanh cùng tỷ hòa, đó là một cách tốt nữa. Bởi Cấn với Đoài tương sanh, Cấn với Kiền cũng tương sanh và Đoài với Kiền tỷ hòa. Cửa cái Cấn sanh Chủ phòng, Đoài cũng sanh Bếp Kiền đều là từ ngoài sanh vào trong: sự phát đạt tiến lên mau lẹ. Đây cũng được mệnh danh là Nhà ba tốt, qui tụ mọi điều phước hạnh, vì 3 cung hỗ biến với nhau có đủ Sinh khí, Diên niên và Thiên y. Bởi Cấn với Đoài hỗ biến được Diên niên, Cấn với Kiền hỗ biến được Thiên y, Đoài với Kiền hỗ biến được Sinh khí. Ở Chủ phòng có Diên niên đăng diện lại vượng trạch, ở Bếp có Thiên y đắc vị lại sanh trạch, thật là hai chỗ hoàn toàn là loại trái rất ngon ngọt. (Vượng trạch tức tỷ hòa là vì Diên niên kim ở nhà Tây tứ trạch cũng kim, sanh trạch là vì Thiên y Thổ sanh Tây tứ trạch Kim). Một ngôi nhà có nhiều cách rất tốt như vậy tất phải phát đạt lớn chẳng sai.

Cửa cái Cấn phối với Chủ phòng Đoài thừa Diên niên cho nên gọi là Diên niên trạch. Cấn dương Thổ gặp Đoài âm Kim là được cái đạo âm dương giao hiệp nâng biến hóa thành hạp, lại tương sanh và thừa Diên niên tức Vũ khúc kim tinh đăng diện... Với những sự kiện tuyệt hảo như vậy tất phải là một ngôi nhà tuyệt hảo. Vậy cho nên luận đoán rằng: Vợ chồng chánh phối, tuổi nhỏ thì đỗ cao, được cửa bất ngờ, lục súc hưng vượng, điền sản có thêm, gia đạo hòa thuận, con hiếu cháu hiền, phụ nữ tuần tú mà có tài cán sánh bậc trượng phu, hưng gia lập nghiệp, sanh 4 con, con thứ hưng lòng. Xưa Cam La 12 tuổi làm tể tướng là nhờ ở ngôi nhà in như trạch đồ này. Lại đặt Bếp tại Kiền cho nên phát phú và phát quý liền nhau, rất trường thọ và hanh thông.

Luận riêng về Bếp kiền phối với Cửa Cấn: Bếp Kiền thừa Thiên y cho nên gọi là Thiên y táo. Thiên y thổ đắc vị sanh Kiền Kim và Cửa Cấn Thổ từ ngoài sanh vào Kiền Kim, ấy là một cái bếp khiến nên nhiều nam phú quý, làm cho ruộng vườn, lục súc và cửa cải rất thịnh vượng, công danh hiển đạt, cha hiền từ con hiếu để, con thứ làm nên, nam nữ đều ưa làm việc lành.. Nhưng trải qua nhiều năm tốt như vậy rồi cũng có việc không hay là hàng phụ nữ yếu thọ, cô độc, hiếm con. Đó là bởi Kiền với Cấn thuần dương không có âm. Phàm dương nhiều tất thắng âm phải suy vì vậy. (Xem Bếp số 3 trong thiên VII).

Dương trạch tam yếu

TỊNH TRẠCH MẪU ĐỒ SỐ 4



Trên đây là một Tịnh trạch đồ. Cửa cái tại cung Chấn góc hữu mặt tiền nhà. Chủ phòng tại cung Ly bên góc hữu mặt hậu nhà. Bếp tại cung Tốn bên hông phía hữu ngôi nhà. Đó là 3 chỗ chính yếu. Còn 8 cung và 8 du niên cũng đã an bài sẵn như trên đã thấy, khỏi phải dẫn giải. (Trạch đồ này được lập thành nơi Bốn loại trạch số 12, trong thiên VI).

LUẬN ĐOÁN 3 CHỖ CHÍNH YẾU

Ba chỗ chính trong ngôi Tịnh trạch này ở tại 3 cung Chấn Ly Tốn trọn thuộc về Đông tứ trạch là một cách tốt. Ba cung so đối với nhau đều đặn tương sanh và tỷ hòa là một cách tốt nữa. Bởi Chấn với Ly tương sanh, Ly với Tốn cũng tương sanh và Chấn với Tốn tỷ hòa. Cửa cái Chấn sanh Chủ phòng Ly là ngoài sanh vào trong, cách này ứng phát đạt tấn tốc. Cửa cái Chấn với Bếp Tốn là lưỡng mộc thành lâm, rất thịnh vượng. Đây cũng là cái Nhà ba tốt có nhiều điều may mắn tụ hội trong nhà, vì 3 cung hỗ biến với nhau đặn đủ 3 kiếp du niên: Sinh khí, Diên niên và Thiên y. Một ngôi nhà có nhiều điều tốt như vậy tất không thể không phát đạt lớn. Nhưng luận về du niên ở tại Chủ phòng và Bếp thì kém hơn nhà số 3 trước. Vì ở ngôi này Diên niên thất vị lại khắc Đông tứ trạch (Kim khắc Mộc), còn ở ngôi nhà số 3 thì Diên niên lại vượng Tây tứ trạch.

Cửa cái Chấn phối với Chủ phòng Ly thừa Sinh khí cho nên gọi là Sinh khí trạch. Chấn Mộc gặp Ly Hỏa tương sanh là được cách Mộc Hỏa thông minh, công danh hiển đạt. Sinh khí ở tại cung Ly tức Tham lang đắc vị (vì Sinh khí thuộc Tham lang) cũng là cách rất tốt. Đại khái ở ngôi nhà này sanh 5 con khoa trường đỗ đạt, chồng vợ hài hòa, gia đạo vinh xương, lục súc hưng vượng, công danh rạng rỡ, trai thông minh, gái tuần tú, con cháu đầy nhà, phụ nữ hiền lương, người sống lâu trăm tuổi... rất tốt. Lại được Bếp Tốn đối với Cửa cái Chấn tỷ hòa, đối với Chủ phòng Ly tương sanh cũng là cái bếp đại kiết đạt lợi. (Xem nhà số 51 trong thiên VII).

Luận riêng về Bếp Tốn phối với Cửa cái Chấn: Tốn âm Mộc với Chấn dương Mộc là âm dương phối kết, lưỡng mộc thành lâm, rất ư thịnh vượng, phát tài lại phát nhân đinh (thêm đông người), phú quý song toàn. Ở trong 6 năm đã ứng điềm lành, gặp các

năm Hợi Mẹo Mùi sanh quý tử lan tôn, trăm đám mây lành (tuồng vân) tập tụ... Thật là một cái Bếp trọn tốt. Lại đoán thêm như vậy: vợ chồng ba quý (ân, tình, nghĩa) càng sâu đậm, thêm người thêm phước, hưng vượng một bề, lập nên gia nghiệp rất hài lòng, cha con thi đỗ liên khoa thật là ít có, anh em một lòng không phân tán. Được Bếp này như tìm gặp loại quế quý Yên sơn, như người ở mái nhà tranh gai mà tạo nên một sự nghiệp vẻ vang. (Xem Bếp số 40 trong thiên VII).

Sinh khí (Mộc)

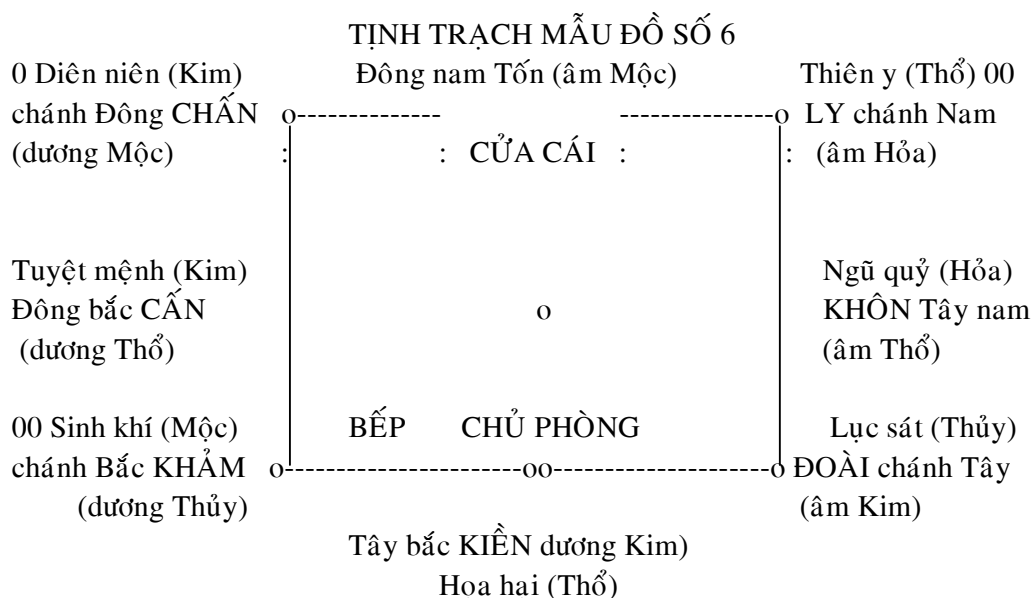
Chánh Tây ĐOÀI (âm Kim) :-----o-----o Họa hại (Thổ)
 CỬA CÁI : KHẢM chánh Bắc (dương Thủy)
 000 Thiên y (Thổ) Diên niên (Kim) 00
 Tây nam KHÔN : CHỦ PHÒNG o BẾP CẤN Đông bắc (dương Thổ)
 (âm Thổ)
 Ngũ quỷ (Hỏa) : Tuyệt mệnh
 Chánh Nam LY : CHẤN chánh Đông (dương Mộc)
 (âm Hỏa)
 Đông nam TỐN (âm Mộc)
 Luc sát (Thủy)

Ba chỗ chính yếu của ngôi Tịnh trạch trên đây ở tại 3 cung Đoài Khôn Cấn trọn thuộc về Tây tứ trạch tất phải thuộc về một ngôi nhà tốt vậy. Ba cung so đôi so với nhau đều đẳng tương sanh và tử hòa là một cách tốt nữa, bởi Khôn sanh Đoài mà Cấn cũng sanh Đoài và Khôn với Cấn tử hòa. Đó là nhị Thổ sanh nhất Kim và lưỡng thổ thành sơn đều là cách tốt. Đây cũng là một cái Nhà ba tốt, bởi ba cung hồ biến với nhau sanh ra đủ 3 kết du niên và Thiên y, Diên niên và Sinh khí; Đoài với Khôn hồ biến ra Thiên y, Đoài với Cấn hồ biến ra Diên niên và Khôn với Cấn hồ biến ra Sinh khí. Một ngôi nhà có nhiều cách tốt như vậy ắt phải phát đạt lớn chẳng sai.

56

Dương trạch tam yếu

Luận riêng về Bếp Cấn phối với Cửa Đoài: Từ Cửa Đoài theo phép Bát biến mà biến tới Bếp Cấn thừa Diên niên cho nên gọi là Diên niên tảo. Cấn là dương Thổ phối với Đoài là âm Kim, âm dương chính phối, Thổ với Kim tương sinh đều là tướng lý hòa mỹ. Bếp thừa Diên niên Kim lâm Cấn Thổ là đắc vị, lại Diên niên làm vượng cho Tây tứ trạch vì Kim gặp Kim tử hòa sinh vượng khí. Bếp như vậy khiến cho gia tài đại phát, công danh vinh hiển, phụ nữ hiền lương, nhất định sinh 4 con, con quý cháu hiền. Lại luận rằng: Cấn là thiếu nam và Đoài là thiếu nữ phối kết như chim loan chim phượng, hòa khí đầy cửa, hỷ khí xông nhà, cha mẹ sống lâu như núi, con trai con gái thơm phức như quế lan, nhờ bút mực mà nên danh lớn (thi đỗ bằng cao và làm chức lớn), vũ dũng lại vang rền trấn cội ngoài, hiếu nghĩa trung lương tánh vốn sẵn, ngũ cốc đầy kho mấy kẻ bằng. (Xem Bếp số 22 trong thiên VII).



Trên đây là một Tịnh trạch đồ, Cửa cái tại Tốn (Đông nam) ở khoảng giữa mặt tiền ngôi nhà. Chủ phòng tại Kiến (Tây bắc) ở khoảng chính giữa mặt hậu nhà. Bếp tại Khảm (chánh Bắc) một bên góc tả mặt hậu nhà. (Tịnh trạch đồ này được lập thành ở Bếp loại trạch số 14, thiên VI).

Theo phép Bát biến, từ Cửa cái Tốn biến 5 lần tới Chủ phòng, Kiến thừa Hỏa hại cho nên gọi là Hỏa hại trạch; Kiến dương Kim khắc Tốn âm Mộc tất dương thắng âm suy: phụ nữ đoản thọ, sinh con chết, thường bị các chứng đau mắt, lưng, móng, tim, bụng... Buổi đầu cũng có lúc phát tài, được công danh nhỏ, người thêm đông.

Chú ý: Nhà này nhờ có Bếp Khảm Thủy làm cứu tinh Hỏa cho nên giảm phần họa mà thêm phần phúc. Vì sao? Vì Chủ phòng Kiến Kim khắc Cửa cái Tốn Mộc nên mới sinh những tai họa đã nói, nhưng vì có Bếp Khảm tất Kiến Kim tham sinh Khảm Thủy ắt không còn nguyên khí lực để khắc cửa Cấn nữa mà Tốn lại còn được Khảm Thủy sinh, sẽ phát nhân khẩu đúng hơn là phát tài. (Xem nhà số 61, thiên VII).

Nếu nhà này vẫn dùng Bếp Khảm nhưng dời Chủ phòng lại cung Ly thừa Thiên y thì gọi là Thiên y trạch ắt sẽ giàu sang mà không có những tai họa nói trên. Vì Chủ phòng thừa Thiên y đắc vị, Bếp thừa Sinh khí cũng đắc vị, và 3

Dương trạch tam yếu

cung chính yếu Tốn Ly Khảm hồ biến thành Nhà ba tốt có đủ Sinh khí, Diên niên và Thiên y (Xem nhà số 58 trong Thiên VII). Càng tốt hơn, nên dời Chủ phòng lại cung Chấn (Xem nhà số 64 trong Thiên VII).

Luận riêng về Bếp Khảm phối Cửa Tốn; Khảm dương Thủy phối với Tốn âm Mộc là được cái đạo âm dương chính phối và Thủy Mộc tương sanh, lại thừa Sinh khí tức thị Tham lang đắc vị, đó là một cái bếp rất tốt. Đại khái sanh 5 con tranh hùng, ruộng tằm tươi tốt, tiền của đầy dẫy, mưu sanh thịnh vượng, khoa cử đậu liền năm, trai thông minh gái tuần tú, con hiếu cháu hiền, lục súc hưng vượng, phú quý chắc trong tay. (Xem Bếp số 12 trong Thiên VII).

TỊNH TRẠCH, MẪU ĐỒ SỐ 7

Chánh Tây – Đoài (Âm kim)	CỬA CÁI		Họa hại (Thổ) Khảm, chánh Bắc (dương thủy)
000 Thiên Y (thổ) Tây Nam (KHÔN) (âm thổ)	CHỦ PHÒNG (Chỗ tốt)	BẾP (Chỗ tốt)	Diên niên (Kim) CẤN Đông bắc (Dương thổ)
Ngũ quỷ (hỏa) Chánh Nam (LY) (Âm hỏa)	BẾP (Xấu)	CHỦ PHÒNG (Xấu)	Tuyệt mệnh (kim) CHẤN chánh đông (Dương mộc)
Đông Nam TỐN (âm mộc) Lục sát (Thủy)			

Trên đây là một Tịnh trạch đồ. Cửa cái tại Đoài (chánh Tây) bên góc tả mặt tiền ngôi nhà. Chủ phòng tại Chấn (chánh Đông) bên góc hữu mặt hậu nhà. Bếp tại cung Ly (chánh Nam) bên góc tả mặt hậu nhà. (Tịnh trạch này được lập thành ở 4 loại trạch số 22 trong Thiên VI).

Cửa cái Đoài Kim khắc Chủ phòng Chấn một thừa Tuyệt mệnh cho nên gọi là Tuyệt mệnh trạch. Là ngôi nhà sanh nhiều tai họa như: tuyệt tự, hại chồng khắc con, gia đạo bất hòa, ruộng vườn cùng tài sản thoái bại thường sinh các chứng bệnh nơi tim, ngực lưng, móng. Tai họa từ ngoài đem đến vì Cửa khắc phòng. Trưởng nam và trưởng nữ chết yếu bởi Đoài Kim khắc Chấn Tốn Mộc (Chấn thuộc trưởng nam, Tốn thuộc trưởng nữ, thứ nhất là trưởng nam, bởi Chấn có mặt ở ba chỗ chính yếu).

Bếp Ly hỏa thừa Ngũ quỷ lại khắc Cửa Đoài Kim là một cái bếp đại hại. Lửa đốt vàng tan, bếp này sanh nhiều chứng bệnh ốm o, lao nhọc, ho hen, đàm hỏa, huyết băng, mặt da vàng, đi tiểu khô khát, lọt thai, xuất huyết... Ngoài các bệnh, trong nhà còn có tà quỷ thất cổ, chìm sông, trộm cướp, lửa cاهی, tai họa quan làng, ruộng vườn cùng tài sản thua bán, đàn bà góa chuyên quyền, nhân khẩu tổn hại, khiếm con nối dòng... trẻ con, phụ nữ, thiếu nữ là những nạn nhân chính, vì Đoài và Ly thuộc âm nhân, thiếu nữ... Lại Đoài Ly thuần âm tất âm

Dương trạch tam yếu

mạnh và dương suy cho đến năm nhân không sống lâu. (Xem Thiên VII, nhà số 29: Cửa Đoàn với Chủ Chấn, phối Bếp Ly).

KẾT LUẬN VÀ SỬA ĐỔI

Nơi những lời đã luận đoán sự ứng nghiệm thì ngôi nhà trên bị rất nhiều điều hung hại do Chủ phòng và Bếp gây ra. Vậy tất nhiên phải mau mau sửa đổi bằng cách dời chúng lại các xung có thừa dư niên tốt như sau:

Chủ phòng dời lại cung Khôn được Thiên y đăng diện là chỗ tốt bậc nhất. Bếp dời lại cung Cấn được Diên niên đắc vị là chỗ tốt bậc nhì. Ba cung chính yếu nay là Đoàn Khôn Cấn trọn thuộc về Tây tứ trạch, so với nhau đều đặn tương sanh và tỷ hòa, lại hỗ biến với nhau thành cái Nhà ba tốt vì có đủ Sinh, Diên niên và Thiên y (Đoàn với Khôn hỗ biến được Thiên y, Đoàn với Cấn hỗ biến được Diên niên và Khôn với Cấn hỗ biến được Sinh khí). Một ngôi nhà như vậy không thể không phát lớn.

Chú ý: Ngôi nhà đã được sửa đổi này trở nên giống y như Tịnh trạch mẫu đồ số 5 cho nên các sự ứng nghiệm tốt xấu cũng giống in như vậy, thỉnh xem lại, khỏi phải biến ra đây nữa. Cả hai đều là Thiên y trạch và Diên niên táo. Cửa Đoàn với Bếp Cấn có đủ âm dương tốt nhiều hơn Cửa Đoàn với Phòng, Khôn thuần âm.

Như bây giờ dời lại Chủ phòng đem qua Cấn thừa Diên niên thì gọi là Diên niên trạch, và Bếp đem qua Khôn thừa Thiên y thì gọi là Thiên y táo. Nghĩa là chỗ Chủ phòng với chỗ Bếp đổi nhau tất sự ứng nghiệm cũng tương đương nhau. Có khác nhau là Cửa Đoàn với Chủ phòng Cấn đủ âm dương, còn Cửa Đoàn với Bếp Khôn thuần âm, tức ngược lại với trên là Chủ phòng tốt nhiều hơn Bếp.

Lại còn một cách sửa đổi hoàn toàn hơn nữa là đặt Chủ phòng tại Cấn thừa Diên niên gọi là Diên niên trạch và đem Bếp lại Kiền thừa Sinh khí gọi là Sinh khí táo. Ngôi nhà này tốt hơn hai ngôi nhà đã đổi trên, vì Cửa Đoàn phối với Chủ phòng Cấn có đủ âm dương và Cửa Đoàn phối với Bếp Kiền cũng có đủ âm dương. Nhưng cũng có chỗ kém hơn là Bếp thừa Sinh khí thất vị không bằng Bếp tại Cấn thừa Diên niên đắc vị, càng không bằng Bếp tại Khôn thừa Thiên y đăng diện. Vì kiệt dư niên đăng diện tốt hơn đắc vị và đắc vị tốt hơn thất vị.

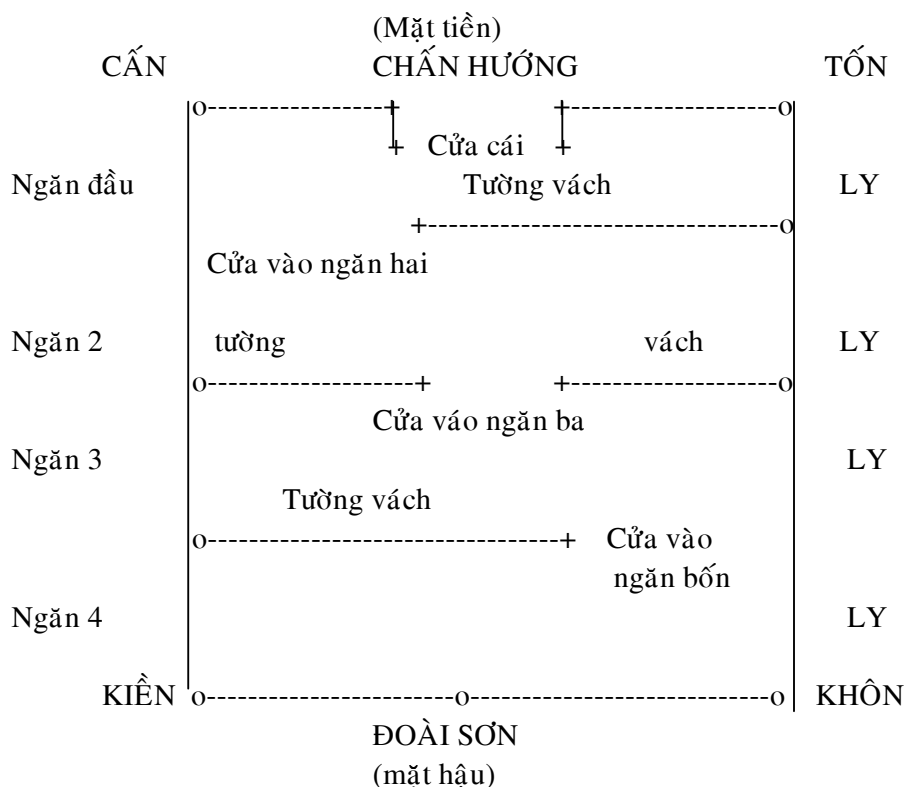
Chú ý: (Xem trong Thiên ứng nghiệm là Thiên VII có nói các sự ứng nghiệm của Cửa Đoàn, Chủ Khôn, Cửa Đoàn Chủ Cấn, Cửa Đoàn Bếp Cấn Cửa Đoàn Bếp Khôn và Cửa Đoàn Bếp Kiền.

Trong Thiên II này có 7 Tịnh trạch đồ giả dụ, kể cũng đủ để quan sát, khảo cứu, để xây dựng một ngôi nhà ở thịnh vượng và để sửa đổi ba chỗ chính yếu ở nhằm các cung bất lợi trong một ngôi nhà hung hại. Ngoài ra, thỉnh xem trong thiên VI là Thiên lập thành có đủ 24 Tịnh trạch đồ, gồm đủ hết thủy phương hướng ngôi nhà nào cũng có. Coi theo đó mà định phương lấp hướng tùy theo nơi chỗ mình chọn để tu tạo để đặt Cửa phòng Bếp nhằm các chỗ tốt).

(Hết thiên II)

THIÊN III ĐÔNG TRẠCH

Động trạch là ngôi nhà từ mặt tiền tới mặt hậu được phân chia từ 2 ngăn đến 5 ngăn trở lại. Phân chia bằng tường vách chắn ngang hoặc một bên hoặc hai bên và có chứa lối ra vào. Lối ra vào bao lớn cũng vậy, có gắn cánh cửa hay không cũng gọi là cửa ra vào. Như lược đồ sau đây:



Đây là sơ lược một Động trạch đồ được chia làm 4 ngăn phân biệt bởi tường vách chắn ngang. Ngăn đầu có Cửa cái tại khoảng giữa mặt tiền cho nên gọi là chính môn. Ngăn 2 có cửa bên tả (bên trái). Ngăn 3 có cửa giữa hai bên là tường vách. Ngăn 4 có cửa bên hữu (bên phải). Chấn là cung chính giữa mặt tiền cho nên gọi là Chấn hướng. Đoài là cung chính giữa mặt hậu cho nên gọi là Đoài sơn.

Cần hiểu rõ: Theo trạch đồ trên đây thì Cửa cái ở khoảng giữa mặt tiền gọi là chính môn, bằng ở hai bên góc gọi là thiên môn. Nhưng nếu Cửa cái này được làm lớn ra suốt hết cả mặt tiền, gồm cả 3 cung Cấn Chấn Tốn và gồm cả hai bên góc tả hữu... cũng vẫn quy định là Cửa Chấn và là chính môn/ không sai khác. Vì luôn luôn phải lấy điểm giữa cửa mà phân cung điểm hướng cho cửa. Vậy theo trạch đồ này, đầu cửa nhỏ và chỉ ở khoảng giữa mặt tiền hay cửa mở suốt cả mặt tiền cũng vậy, điểm chính giữa cửa vẫn tại cung Chấn không sai khác. Đừng thấy nó gồm cả khoảng giữa và hai bên góc tả hữu mà gọi nó là vừa chính môn vừa thiên môn.

Dương trạch tam yếu

Theo lược đồ trên, mỗi ngăn đều có vẽ cửa (chừa khoảng trống) là để dẫn giải cho rõ ràng, cho dễ nhận thức. Nhưng ở tiết 9 những Động trạch đồ kiểu mẫu trong thiên này không có vẽ chừa cửa cho mỗi ngăn. Lại không có vẽ Cửa ngõ cho nên trong những lời luận đoán không đề cập tới Cửa ngõ. Bởi như ở thiên trước đã có nói: Cửa ngõ không thuộc về ngôi nhà.

Động trạch có phần khó nhận định hơn Tịnh trạch, phải tận tâm khảo cứu cho rành mạch 9 tiết kế tiếp sau đây mới khỏi sai lầm khi dùng cho mình hay giúp cho người sửa đổi hoặc tạo dựng nên một ngôi nhà yên lành và thịnh vượng. Thứ tự 9 tiết là:

- Tiết 1: Động trạch có 7 chỗ quan hệ.
 - Tiết 2: Động trạch phân cung điểm hướng.
 - Tiết 3: Động trạch phân Đông Tây.
 - Tiết 4: Động trạch an du niên.
 - Tiết 5: Động trạch phiên tinh.
 - Tiết 6: Chọn ngăn làm Phòng chúa.
 - Tiết 7: Soa chúa đối với Sơn chủ.
 - Tiết 8: Luận đoán Động trạch 6 chỗ.
 - Tiết 9: Tám Động trạch đồ kiểu mẫu.
-

TIẾT I : ĐỘNG TRẠCH CÓ 7 CHỖ QUAN HỆ

Động trạch có 7 chỗ quan hệ nhau: Cửa cái, Hướng nhà, Sơn chủ, Bếp, Hướng bếp, Cửa bếp, Cửa phòng. Cửa cái, Sơn chủ và Bếp là ba chỗ chính yếu rất hệ trọng, còn 4 chỗ kia đều thứ yếu. Ngoài ra, còn Phòng chúa (hay Sao chúa) ảnh hưởng rất nhiều và có thể làm cứu tinh cho một ngôi nhà hung hại (Xem tới tiết 5 và 6).

- 1) **Cửa cái:** là cửa làm ở mặt tiền nhà. Phàm Cửa cái đặt ở khoảng chính giữa mặt tiền nhà gọi là chính môn, vì chính là chính giữa. Hoặc Cửa cái mở rộng suốt cả mặt tiền cũng gọi là chính môn, bởi điểm chính giữa mặt tiền cũng chính là điểm chính giữa của Cửa cái vậy. Còn như Cửa cái đặt một bên góc mặt tiền, bên góc trái cũng như bên góc phải, đều gọi là thiên môn, vì thiên là một bên. Sở dĩ phải phân biệt như vậy là bởi cách tính du niên và cách phiên tinh cho ngôi nhà có chính môn khác với ngôi nhà có thiên môn (sẽ học tới).
- 2) **Hướng nhà:** Là điểm chính giữa của bề ngang mặt tiền nhà.
- 3) **Sơn chủ:** là cung điểm chính giữa mặt hậu tức mặt sau ngôi nhà. Nó chịu ảnh hưởng cả hai: một du niên trực tiếp và một Sao chúa trọng đại, đem đến sự thịnh suy rất lớn rất mạnh cho ngôi nhà.
- 4) **Bếp** là chỗ đặt lò hay cà ràng để nấu ăn, không luận ở nhằm ngăn nào (Xem Bếp ở Tịnh trạch nói rõ hơn). Nó ảnh hưởng với Cửa cái với Sơn chủ và với du niên do cửa Cái biến xanh cho nó, chứ không có quan hệ chi với Sao chúa, dù Sao chúa ở tại ngăn của nó cũng vậy.
- 5) **Hướng bếp** là hướng miệng lò ngó về, ngó về cung hướng nào thì gọi cung hướng đó là Hướng bếp (đã nói rõ ở Tịnh trạch).
- 6) **Cửa bếp** là cái cửa bước vào ngăn hay vào phòng có đặt bếp. Chỗ định làm Cửa bếp là cửa của cái bếp hay cửa của khuôn bếp, vì cửa của khuôn bếp nếu có tức là hướng bếp vậy.

Dương trạch tam yếu

- 7) Cửa phòng là cái cửa bước vào ngăn cao rộng nhất, tức là cửa bước vào phòng chúa. Chờ làm Cửa phòng ở Động trạch này với Cửa phòng ở Tịnh trạch (thiên II).
-

TIẾT 2 : ĐỘNG TRẠCH PHÂN CUNG ĐIỂM HƯỚNG

Cũng như Tịnh trạch ở thiên trước, Động trạch này cũng phải dùng một cái la bàn để phân cung điểm hướng, để mỗi chỗ thuộc về cung hướng nào, niên hậu mới tính được du niên tốt/xấu cho mỗi chỗ.

1. **Phân cung cho Cửa cái và Hướng nhà:** Cũng làm y như cách phân cung cho Cửa cái của Tịnh trạch ở thiên trước. Kể từ mí của chiều ngang mặt tiền nhà trở vào, lấy thước đo và lấy phấn gạch thành một hình vuông vức (carré) trên nền nhà, bốn bề thước tắc bằng nhau, bằng y như thước tắc cửa mặt tiền nhà. Xong rồi, đặt đúng la bàn tại điểm chính giữa hình vuông vức này trên nền nhà. Rồi từ trung tâm la bàn nhìn thẳng tới hoặc lấy dây dăng thẳng tới điểm giữa Cửa cái để coi Cửa cái ăn thuộc vào cung nào của la bàn thì gọi cung ấy là cung Cửa cái. Thí dụ: Như thấy Cửa cái ở nhằm một đường thẳng với cung Chấn nơi la bàn thì nói là Cửa cái Chấn hay Cửa Chấn, vì đồng một đường thẳng với nhau là đồng một cung vậy. Lại cũng từ trung tâm la bàn nhìn thẳng tới hoặc lấy dây dăng thẳng tới Hướng nhà để coi Hướng nhà ăn thuộc vào cung nào của la bàn thì gọi cung ấy là cung Hướng nhà. Thí dụ: Như thấy Hướng nhà ở nhằm một đường thẳng với cung Khôn nơi la bàn thì gọi là Hướng nhà Khôn hay Hướng Khôn vì đồng một đường thẳng với nhau thì đồng một cung vậy.
2. **phân cung cho Sơn chủ:** Sơn chủ và Hướng nhà là hai chỗ đương đối nhau. Hướng nhà tại điểm chính giữa của bề ngang mặt tiền nhà, còn Sơn chủ tại điểm chính giữa của bề ngang mặt hậu là mặt sau ngôi nhà. Muốn phân cung cho Sơn chủ thì kể từ mí chiều ngang mặt hậu ngôi nhà trở ra trước, lấy thước đo và lấy phấn gạch thành một hình vuông vức (carré) trên nền nhà, bốn bề thước tắc bằng nhau, bằng y với thước tắc mặt hậu ngôi nhà. Xong rồi mới đặt đúng la bàn tại điểm chính giữa hình vuông vức này trên nền nhà. Rồi từ trung tâm của la bàn nhìn thẳng tới hoặc lấy dây dăng thẳng tới chỗ Sơn chủ để coi Sơn chủ ăn thuộc vào cung nào của la bàn thì gọi cung ấy là cung Sơn chủ. Thí dụ: Như thấy Sơn chủ ở nhằm một đường thẳng với cung Kiên nơi la bàn thì gọi là Sơn chủ Kiên, vì đồng một đường thẳng với nhau là đồng một cung vậy.
3. **phân cung cho Bếp:** Đặt la bàn tại chính giữa chu vi của ngăn nào có để bếp, rồi từ trung tâm la bàn nhìn một đường thẳng tới giữa chỗ có đặt lò bếp. Như thấy giữa chỗ đặt lò bếp ở nhằm cung nào của la bàn thì gọi cung đó là cung của Bếp. Như ở nhằm cung Cấn thì gọi là Bếp Cấn, ở nhằm cung Khôn thì gọi là Bếp Khôn.
4. **phân cung cho Hướng bếp:** Đặt la bàn tại chính giữa khoảng có để lò bếp, rồi nhìn thẳng theo la bàn coi miệng lò ngó về cung hướng nào thì gọi cung hướng đó là Hướng bếp. Như miệng lò ngó về hướng Tốn thì gọi là Hướng bếp Tốn, ngó về Đoài thì gọi là Hướng bếp Đoài.
5. **phân cung cho Cửa bếp:** Đặt la bàn tại chính giữa chu vi của ngăn có để bếp, rồi từ trung tâm la bàn nhìn thẳng một đường tới điểm giữa cửa của ngăn này. Như thấy điểm giữa cửa nhằm cung nào của la bàn thì gọi cung ấy là cung của

Dương trạch tam yếu

Cửa bếp. Như ở nhằm cung Ly thì nói là Cửa bếp Ly, ở nhằm cung Khôn thì nói là Cửa bếp Khôn.

6. **phân cung cho Cửa phòng:** Đặt la bàn tại chính giữa chu vi của ngăn phòng chứa (ngăn cao lớn rộng nhất), rồi từ trung tâm la bàn nhìn một đường thẳng tới điểm giữa cửa Phòng chứa. Điểm giữa cửa này ở nhằm cung nào của la bàn thì gọi cung ấy là cung của Cửa phòng. Như ở nhằm cung Ly thì gọi là Cửa phòng Ly, ở nhằm cung Khảm thì gọi là Cửa phòng Khảm.

TIẾT 3 : ĐÔNG TRẠCH PHÂN ĐÔNG TÂY

Đúng theo danh từ NHÀ thì chỉ lấy Cửa cái và Sơn chủ mà phân Đông với Tây. Phàm Cửa cái và Sơn chủ đều ở trong vòng 4 cung Khảm Ly Chấn Tốn thì gọi là Đông tứ trạch, bằng ở trong vòng 4 cung Kiên Khôn Cấn Đoài thì gọi là Tây tứ trạch. Đó là những ngôi nhà tốt. Nếu Cửa cái và Sơn chủ không ở một phe phía thì gọi là Đông Tây hỗn loạn, nhà ở bất lợi.

Đông tứ trạch mà dùng Đông trù hay Tây tứ trạch mà dùng Tây trù là những ngôi nhà đại phát. Bằng Đông tứ trạch mà dùng Tây trù hay Tây tứ trạch mà dùng Đông trù là những ngôi nhà bại lụn.

Ngoài ra còn ba chỗ phụ thuộc là Hướng bếp, Cửa bếp và Cửa phòng cũng có ảnh hưởng, thêm bớt tốt xấu. Nếu chúng ở Đông tứ cung (Khảm Ly Chấn Tốn) thì hiệp với Đông tứ trạch mà không hiệp với Tây tứ trạch. Nếu chúng ở Tây tứ cung (Kiên Khôn Cấn Đoài) thì hiệp với Tây tứ trạch nhưng không hiệp với Đông tứ trạch.

Nói riêng về Hướng bếp: Không luận là Đông tứ trạch hay Tây tứ trạch, Hướng bếp nên hiệp với Mệnh cung chủ nhà. Giường ngủ và đầu giường của chủ nhà cũng nên hiệp với Mệnh cung chủ nhà.

TIẾT 4: ĐÔNG TRẠCH AN DU NIÊN

Ở Đông trạch có 6 chỗ để tính và an du niên vào. Sáu chỗ đó là: Cửa cái, Sơn chủ, Bếp, Hướng bếp, Cửa bếp và Cửa phòng.

Muốn an du niên vào mỗi chỗ tất phải biết cách tính ra du niên. (Xem cách tính ở thiên I là thiên Dẫn lộ, bài 8). Phải lấy cung tại Cửa cái làm căn bản để khởi tiến tới từng chỗ, từng chỗ... biến tới cho kì hết thân 5 chỗ kia, mỗi chỗ ở tại một cung. Thí dụ như đã phân cung điểm hướng và được biết thấy Cửa cái tại Cấn, Sơn chủ tại Đoài, Bếp tại Khôn, Hướng bếp tại Khảm, Cửa bếp tại Cấn và Cửa phòng tại Chấn. Vậy cứ lấy CẤN (Cửa cái) làm căn bản để biến tới từng chỗ kín như vậy; Từ Cấn biến 3 lần tới Đoài được Diên niên, vậy an Diên niên cho Sơn chủ Đoài. Cũng từ Cấn biến một lần tới Khôn được Sinh khí vậy an Bình khí cho Bếp Khôn. Cũng từ Cấn biến tới 2 lần tới Khảm được Ngũ quý cho Hướng bếp Khảm. Cũng từ Cấn biến 8 lần tới Cấn được Phục vị, vậy an Phục vị cho Cửa bếp Cấn. Cũng từ Cấn biến 4 lần tới Chấn được Lục sát, vậy an Lục sát cho Cửa phòng Chấn.

Xét trên thì chỉ một Cửa cái mà biến sanh ra 5 du niên cho 5 chỗ kia, mỗi chỗ một du niên. Còn Cửa sát tuy không có du niên nào, kỳ thật nó gián tiếp có đủ 5 du niên kia. Vì theo phép hồ biến là hai cung biến đi rồi biến lại cũng vẫn gặp một du niên không khác. Như từ cửa Cấn biến tới bếp Khôn được Sinh khí thì từ bếp Khôn biến lại cửa Cấn tất

Dương trạch tam yếu

cũng được Sinh khí in nhau. Cấn biến tới Đoài rồi Đoài biến lại Cấn cũng vẫn được Diên niên. Cấn biến tới Khảm rồi Khảm biến lại Cấn cũng gặp Ngũ quỷ giống nhau...

An du niên vào các chỗ là xem chỗ nào gặp kiết du niên thì dùng tất có lợi, bằng chỗ nào gặp hung du niên thì dời đổi qua chỗ tốt khác. Kiết du niên là du niên tất có 4: Sinh khí, Diên niên, Thiên y và Phục vị (Phục vị tốt ít hơn 3 du niên kia). Hung du niên là du niên tai hại có 4: Tuyệt mệnh, Ngũ quỷ, Lục sát và Họa hại.

TIẾT 5 : ĐỘNG TRẠCH PHIÊN TINH

Điều quan trọng nhất của ngôi nhà Động trạch là việc phiên tinh. Phiên tinh là an các sao vào các ngăn nhà, mỗi ngăn chỉ được an một sao mà thôi. Nhà có mấy ngăn thì an vào mấy sao, nhưng Động trạch có giới hạn từ 2 ngăn tới 5 ngăn. Vì nếu 1 ngăn là Tịnh trạch ở Thiên II, còn quá 5 ngăn thì thuộc vào loại trạch khác, sẽ khảo cứu tới. Phiên tinh như vậy là cốt ý để coi ý để coi ngăn nào gặp kiết tinh(sao tốt) và là kiết tinh đăng điện hay đắc vị thì tu tạo (sửa, làm) cho ngăn đó được cao rộng hơn nhất để làm Phòng chúa. Bởi Phòng chúa gặp kiết tinh đăng điện hay đắc vị có năng lực làm cho nhà rất thịnh vượng. Năng lực của nó rất lớn, mạnh hơn những chỗ khác có thừa kiết du niên. Phàm hung trạch là ngôi nhà suy bại, nhưng Phòng chúa có kết tinh đăng điện hay đắc vị là cứu tinh, vì nó đủ sức trấn áp được sự suy bại mà còn làm cho nhà hưng phát được vài chục năm. Hướng chi kiết trạch là ngôi nhà tốt lại Phòng chúa gặp kiết tinh đăng điện hay đắc vị nữa thì sự yên lành và phú quý nói chẳng hết lời. (Sẽ dẫn giải rõ ở những Động trạch đồ kiểu mẫu sắp tới).

Trước khi phiên tinh cần phải rành mạch 10 điều sau đây:

1. **Sơn** (hay Sơn chủ) là cung ở chính giữa mặt hậu, mặt sau ngôi nhà
2. **Hướng** là cung chính giữa mặt tiền ngôi nhà.
3. **Chính môn** là Cửa cái được đặt tại khoảng giữa mặt tiền hoặc suốt cả mặt tiền ngôi nhà.
4. **Thiên môn** là Cửa cái được đặt một bên góc của mặt tiền ngôi nhà bên góc trái hay bên góc phải cũng vậy.
5. **Ngăn đầu** là ngăn trước nhất liền với mặt tiền có Cửa cái
6. **Ngũ hành của 8 du niên**: Sinh khí và Phục vị thuộc mộc, Ngũ quỷ thuộc hỏa. Thiên y và Họa hại đều thuộc thổ. Diên niên và Tuyệt mệnh đều thuộc kim. Lục sát thuộc thủy.
7. **Ngũ hành và thứ tự 5 sao**: Cự môn thuộc thổ. Vũ khúc thuộc kim. Văn khúc thuộc thủy. Tham lang thuộc mộc. Liêm trinh thuộc hỏa. Đây gọi là năm sao thuộc chánh ngũ hành, Động trạch dùng chúng nó để phiên tinh.
8. **Ngũ hành tương sanh**: Mộc sanh hỏa, Hỏa sanh thổ, Thổ sanh kim, Kim sanh thủy, Thủy sanh mộc.
9. **Ngũ hành sanh tiến (tấn)**: Sanh tiến là sanh tiến tới, là sanh chuyển kể tiếp tới. Như ngăn đầu là du niên thủy thì an sao mộc cho ngăn 2 (vì thủy sinh mộc). Ngăn 2 sao mộc thì phải an sao hỏa cho ngăn 3 (vì mộc sanh hỏa). Ngăn 3 sao hỏa thì phải an sao thổ cho ngăn 4 (vì hỏa sanh thổ), ngăn 4 sao thổ thì phải an sao kim cho ngăn 5 (vì thổ sanh kim)... Phiên tinh phải dùng cách sanh tiến ngũ hành như vậy.

Dương trạch tam yếu

10. **Trong việc phiên tinh...** ngắn đầu luôn luôn được an tên một du niên. Vì phải theo phép Bát biến mà tính ra một du niên cho ngắn đầu. Còn từ ngắn 2 sắp lên đều được an tinh (sao), mỗi ngắn một sao.

Khi rành mạch 10 điều trên rồi tuần tự làm 5 việc sau đây:

1. **An du niên vào ngắn đầu có chính môn:** Lấy từ cung Cửa cái biến tới cung tại Sơn, như được du niên nào thì biến tên du niên ấy vào ngắn đầu. Thí dụ Cửa cái là chính môn tại Khôn và Sơn tất tại Cấn thì lấy từ Khôn biến 1 lần tới Cấn tất được du niên Sinh khí, vậy biên hai chữ Sinh khí vào ngắn đầu hoặc như Cửa cái là chính môn tại Ly và Sơn tất tại Khảm thì lấy từ Ly biến 3 lần tới Khảm được Diên niên vậy biên hai chữ Diên niên vào ngắn đầu.
2. **An du niên vào ngắn đầu có thiên môn:** lấy từ cung Cửa cái biến tới cung tại Hưởng như được du niên nào thì biên tên du niên ấy vào ngắn đầu. Thí dụ Cửa cái là thiên môn tại Ly và Hưởng tại Tốn thì lấy từ Ly biến 6 lần tới Tốn được Thiên y, vậy biên hai chữ Thiên y vào ngắn đầu. Hoặc như Cửa cái là thiên môn tại Khảm và Hưởng tại Cấn, Cấn thì khởi tại Khảm biến 2 lần tới Cấn được Ngũ quỷ, vậy biến hai chữ Ngũ quỷ vào ngắn đầu.
3. **Phiên tinh cho các ngắn kế tiếp:** là biên tên các sao vào những ngắn tiếp tiến, khi đã an du niên cho ngắn đầu. Theo thứ tự biên vào ngắn 2 rồi mới tới ngắn 3, ngắn 4, ngắn 5. Phiên tinh cho Đông trạch phải theo lối ngũ hành sanh tiến của 5 sao, tức là cho ngày sanh chuyển lần tới sao khác. Như Tham lang Mộc thì sanh Liêm trinh Hỏa. Liêm trinh Hỏa sanh Cự môn Thổ. Cự môn Thổ sanh Vũ khúc Kim. Vũ khúc Kim sanh Văn khúc Thủy. Văn khúc Thủy sanh Tham lang Mộc. Đó là dùng 5 sao thuộc chánh ngũ hành.
Chú ý: Không phải Đông trạch nào cũng có đủ 5 ngắn. Chỉ có 2 ngắn hay 3 ngắn hoặc 4 ngắn cũng gọi là Đông trạch. Nhà có bao nhiêu ngắn mà thôi.
4. **Cách phiên tinh:** Lấy du niên đã an vào ngắn đầu mà khởi dung theo lối sanh tiến ngũ hành cho 5 sao để an kế tiếp vào mỗi ngắn một sao. Thí dụ ngắn đầu đã an du niên Sinh khí thuộc một tất phải an vào ngắn 2 sao Liêm trinh Hỏa (vì Mộc sanh Hỏa), rồi an vào ngắn 3 sao Cự môn Thổ (vì Hỏa sanh Thổ), rồi an vào ngắn 4 sao Vũ khúc Kim (vì Thổ sanh Kim), rồi an vào ngắn 5 sao Văn khúc Thủy (vì Kim sanh Thủy). Như vậy ngắn đầu là du niên Mộc, ngắn 2 là sao Hỏa, ngắn 3 sao Thổ, ngắn 4 sao Kim và ngắn 5 sao Thủy. Đó là lối sanh tiến ngũ hành: Mộc sanh Hỏa, Hỏa sanh Thổ, Thổ sanh Kim, Kim sanh Thủy. Khi đã dẫn giải rành rẽ tôi vẫn lập thành đủ 5 trường hợp để khỏi có sự sơ sót trong khi phiên tinh Đông trạch.
 - a) **Như ngắn đầu được an du niên Sinh khí (Mộc)** thì bốn ngắn kế tiếp mỗi ngắn được an một sao như vậy: Liêm trinh Hỏa ngắn 2, Cự môn Thổ ngắn 3, Vũ khúc Kim ngắn 4, Văn khúc Thủy ngắn 5. Đó là khởi đầu Mộc sanh Hỏa, rồi Hỏa sanh Thổ, Thổ sanh Kim, Kim sanh Thủy. (Chú ý: Phục vị cũng thuộc Mộc, nhưng không bao giờ có trường hợp ở ngắn đầu).
 - b) **Như ngắn đầu được an du niên Ngũ quỷ (Hỏa)** thì bốn ngắn kế tiếp mỗi ngắn được an một sao như vậy: Cự môn Thổ ngắn 2, Vũ khúc Kim ngắn 3, Văn khúc Thủy ngắn 4, Tham lang Mộc ngắn 5. Đó là khởi đầu Hỏa sanh Thổ, rồi Thổ sanh Kim, Kim sanh Thủy, Thủy sanh Mộc.

Dương trạch tam yếu

- c) **Như ngăn đầu được an du niên Thiên y (Thổ) hay Họa hại (Thổ)** cũng vậy thì 4 ngăn kế tiếp, mỗi ngăn được an một sao như vậy: Vũ khúc Kim ngăn 2, Văn khúc Thủy ngăn 3, Tham lang Mộc ngăn 4, Liêm trinh Hỏa ngăn 5. Đó là khởi đầu Thổ sanh Kim, rồi Kim sanh Thủy, Thủy sanh Mộc, Mộc sanh Hỏa.
- d) **Như ngăn đầu được an du niên Diên niên (Kim) hay Tuyệt mệnh (Kim) cũng vậy**, thì bốn ngăn kế tiếp mỗi ngăn được an một sao như vậy: Văn khúc Thủy ngăn 2, Tham lang Mộc ngăn 3, Liêm trinh Hỏa ngăn 4, Cự môn Thổ ngăn 5. Đó là khởi đầu Kim sanh Thủy, rồi Thủy sanh Mộc, Mộc sanh Hỏa, Hỏa sanh Thổ.
- e) **Như ngăn đầu được an du niên Lục sát (Thủy)** thì bốn ngăn kế tiếp mỗi ngăn được an một sao như vậy: Tham lang Mộc ngăn 2, Liêm trinh Hỏa ngăn 3, Cự môn Thổ ngăn 4, Vũ khúc Kim ngăn 5. Đó là khởi đầu Thủy sanh Mộc, rồi Mộc sanh Hỏa, Hỏa sanh Thổ, Thổ sanh Kim.

TIẾT 6 : CHỌN NGĂN LÀM PHÒNG CHÚA

Ở Động trạch là nhà có từ 2 đến 5 ngăn, thì ngăn nào cao rộng lớn nhất gọi là ngăn chúa tức Phòng chúa. Và tất nhiên sao nào ở Phòng chúa thì gọi nó là Sao chúa. Sao chúa phải là kiết tinh như Tham lang, Vũ khúc, Cự môn thì nhà ở mới phát đạt. Nhưng kiết tinh đắc vị, đăng diện, nhập miếu mới khiến cho nhà đại thịnh, đại vượng, phú quý song toàn. Còn kiết tinh thất vị bất quá khá giả vậy thôi. Trái lại, Phòng chúa gặp hung tinh như Liêm trinh, Phá quân, Văn khúc, Lộc tồn, dù đắc vị, đăng diện hay nhập miếu cũng suy bại, họa hoạn liên miên... hướng chỉ là gặp hung tinh đắc vị. Vì vậy cho nên sau khi phiên tinh là an các sao vào mỗi ngăn rồi, phải xem coi ngăn nào có kiết tinh đắc vị, đăng diện hay nhập miếu thì mình tạo tác hay hoán cải (sửa đổi) chỗ ngăn đó được cao rộng lớn hơn tất cả các ngăn khác để làm Phòng chúa. Nhưng nhớ không dùng ngăn đầu làm Phòng chúa. Vì Phòng chúa phải chịu ảnh hưởng với Sơn chủ mà làm ra họa phúc, nhưng ngăn đầu liên hệ với Hưởng chứ không ảnh hưởng với Sơn chủ. Nghĩa là từ 2 ngăn sắp lên mới có ảnh hưởng Sơn chủ. Giả như có thể chấp nhận ngăn đầu làm Phòng chủ và dù có được kiết tinh cũng không hợp về hình thể. Bởi nếu ngăn đầu cao rộng lớn nhất tất các ngăn kế sau phải nhỏ hẹp hơn khác chi đầu voi đuôi chuột, trước tốt sau xấu, trước thịnh mà sau suy.

Dương trạch tam yếu

Nhà chưa sửa (Tốn hướng)

Ngăn đầu – Hoạ Hại- Thổ
Ngăn 2: Vũ khúc – Kim (Kiết tinh đăng diện)
Phá bỏ tấm vách tường này
Ngăn 3: Văn khúc - Thủy (Hung tinh) - Đây là ngăn rộng lớn nhất làm phòng chứa rất tai hại

Kiền Sơn

Nhà đã sửa (Tốn hướng)

Ngăn đầu – họa hại - Thổ
Ngăn 2: Vũ khúc - Kim (Kiết tinh nhập miếu)
Đây là ngăn rộng lớn nhất làm phòng chứa rất tốt

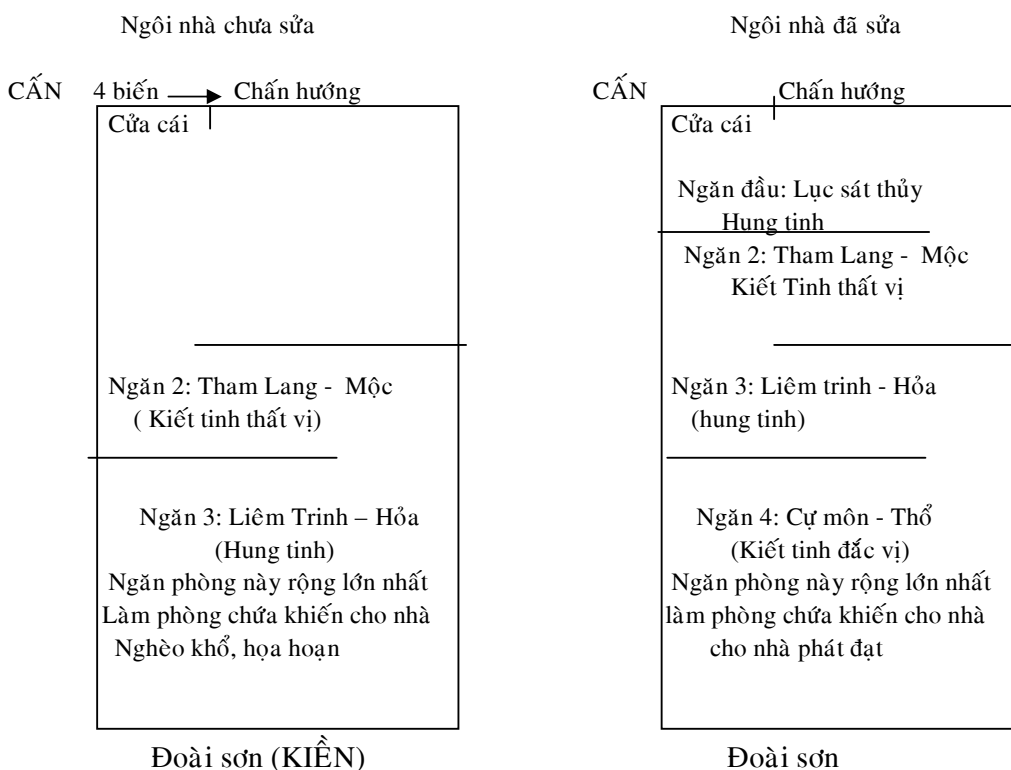
Kiền Sơn

Ngôi nhà chưa sửa được phân chia làm ba ngăn và ngăn thứ 3 được làm Phòng chứa vì nó rộng lớn nhất. Nhưng vì gặp sao Văn khúc là hung tinh sẽ sanh ra nhiều tai quái khiến cho nhà lụn bại, cần phải sửa đổi. Xét trong ba ngăn có ngăn 2 được an Vũ khúc là kiết tinh đăng diện (vì Vũ khúc thuộc Kim với kiền sơn cũng Kim là tỷ hòa). Nhưng tiếc vì ngăn này không phải là Phòng chứa nên không ảnh hưởng chi tới ngôi nhà. Vậy muốn sửa đổi phải phá bỏ tấm vách tường ở giữa ngăn 2 và ngăn 3. Phá xong thì nhà chỉ còn lại có hai ngăn mà thôi, và ngăn 2 khi trước nhỏ hẹp nay trở nên Phòng chứa. Khi trước Vũ khúc đăng diện hay Vũ khúc trở nên nhập miếu vì đã thành ngăn chót trực tiếp với Kiền sơn.

Kết luận: Sửa đổi được Phòng chứa có Vũ khúc Kim tinh nhập miếu là một ngôi nhà đại thịnh vượng. Đó là theo cách bớt một ngăn tức dồn hai ngăn làm một cho rộng lớn. (Xem như ngôi nhà đã sửa)...

Sau đây là một trường hợp sửa đổi tốt bằng cách ngăn thêm một ngăn:

Dương trạch tam yếu



Như ngôi nhà chưa sửa có ba ngăn và ngăn thứ 3 rộng lớn nhất làm Phòng chúa có Liêm trinh là đại hung tinh tất sanh nhiều tai họa cho ngôi nhà suy bại. Xem ngôi nhà đã sửa thì ngăn đầu được phân ra làm hai ngăn bằng cách dựng thêm một tấm vách tường. Như vậy nhà chưa sửa chỉ có 3 ngăn, còn nhà sửa rồi (thêm vách) có tới bốn ngăn. Nhà chưa sửa thì ngăn 3 rộng nhất làm Phòng chúa và gặp Liêm trinh là hung tinh, còn nhà sửa rồi ngăn 3 trở thành ngăn 4 cũng rộng lớn nhất và cũng làm Phòng chúa, nhưng lại gặp Cự môn là kiết tinh đắc vị rất tốt. (Đắc vị là bởi Cự môn Thổ với Sơn chủ Đoài Kim tương sanh). Cự môn đắc vị lại được ở ngăn chót trực tiếp với Sơn chủ cũng được gọi là nhập miếu, nhà ở càng lâu càng phát đạt.

Cũng còn nhiều cách sửa đổi, nhưng nơi đây chỉ nêu lên đôi cách bớt ngăn hay thêm ngăn mà thôi. Một ngôi nhà bất lợi, dù khó sửa đổi tới mức nào, nhưng cố gắng suy tính và nhận xét tất cũng có lối thoát khả quan hơn là để vậy.

PHỤ LUẬN VỀ CÁC NGĂN NHỎ HẸP HƠN PHÒNG CHÚA

Ngăn làm Phòng chúa càng cao rộng lớn càng có nhiều ảnh hưởng hoặc tốt hay xấu là do Sao chúa kiết tinh hay hung tinh. Còn những ngăn khác thấp nhỏ hẹp hơn ảnh hưởng qua loa không đáng kể. Tuy nhiên có phương tiện cũng nên tạo tác ngăn có kiết tinh rộng lớn hơn ngăn có hung tinh.

PHỤ LUẬN VỀ CHỦ PHÒNG Ở ĐỘNG TRẠCH

Chủ phòng vốn ở Tịnh trạch (Thiên II) mới quan trọng. Nhưng ở Động trạch hay Biến hóa trạch cũng có đề cập tới Chủ phòng vì nó cũng có ảnh hưởng tốt xấu nhưng không sánh bằng Phòng chúa và Sơn chủ.

Như trong Phòng chúa có dựng lên một cái phòng để ngủ nghỉ thì gọi cái phòng để ngủ nghỉ này là Chủ phòng. Vậy đặt la bàn tại trung tâm Phòng chúa để phân cung

Dương trạch tam yếu

cho Chủ phòng. Nếu Chủ phòng ở nhằm cung tốt là thêm tốt, ở nhằm cung xấu thì bất lợi. (Tính du niên cho Chủ phòng như ở Tịnh trạch).

Nếu trong ngăn Phòng chúa không có dựng cái phòng nào thì thôi, khỏi tính. Nếu chỉ dựng có một phòng mà thôi thì dùng ngay phòng đó làm Chủ phòng, còn các phòng thấp nhỏ hẹp hơn không kể tới. Và những phòng dù lớn rộng cao hơn nhưng không phải ở trong ngăn Phòng chúa cũng không kể tới.

TIẾT 7 : SAO CHÚA ĐỐI VỚI SƠN CHỦ

Sao được an vào ngăn Phòng chúa gọi là Sao chúa, Sơn chủ là cung ở giữa mặt hậu ngôi nhà, là chỗ định phương hướng ngôi nhà, là nền tảng chủ yếu, rất quan trọng.

Sao chúa ảnh hưởng mật thiết với Sơn chủ. Vì vậy cho nên nếu Sao chúa là hung tinh tất làm hại Sơn chủ, gây tai họa cho nhà. Hung tinh là Liêm trinh với Văn khúc. Hung tinh ở cách ngăn Sơn chủ tai họa chậm, ở cùng một ngăn chót với Sơn chủ tai họa mau mà nặng nề. Hung tinh đắc vị hay đăng diện là có thể lục hại Sơn chủ, bằng nó thất vị khác nào hổ đói ăn thấy người. Vì vậy cho nên Sao chúa hung tinh làm nguy hại cho nhau, không luận đắc vị, đăng diện hay thất vị. Sơn chủ khắc hung tinh tai họa có thể giảm một ít, bằng hung tinh khắc Sơn chủ tai họa khó đương. Còn trái lại, Sao chúa là kiết tinh tất làm lợi cho Sơn chủ, tức đem sự thịnh vượng cho ngôi nhà. Kiết tinh là Tham lang, Vũ khúc, Cự môn. Nhưng kiết tinh thất vị thì lợi lộc ít ỏi, còn kiết tinh đắc vị hay đăng diện thì nhà mới phát đạt lớn. Nó ở cách ngăn Sơn chủ phước lộc đến chậm, bằng ở cùng ngăn với Sơn chủ (ngăn chót) thì phước lộc đến mau mà trực tiếp. Thỉnh xem thiên I bài 11 nói rõ các sao thất vị, đắc vị, đăng diện, nhập miếu. Ở tiết này chỉ luận 3 kiết tinh cho Động trạch như sau:

- Tham lang: gặp các sơn Kiền Đoài Cấn Khôn là thất vị, gặp các sơn Khảm Ly là đắc vị, gặp các sơn Chấn Tốn là đăng diện.
- Vũ khúc gặp các sơn Chấn Tốn Ly là thất vị, gặp các sơn Cấn Khôn Khảm là đắc vị, gặp các sơn Kiền Đoài là đăng diện.
- Cự môn gặp các sơn Chấn Tốn Khảm là thất vị, gặp các sơn Kiền Đoài Ly là đắc vị, gặp các sơn Cấn Khôn là đăng diện.

Phàm kiết tinh đắc vị hay đăng diện mà ở nhằm ngăn chót thì gọi là nhập miếu, tốt bậc nhất. Đăng diện ở ngăn chót tốt hơn đắc vị ở ngăn chót. Phàm Sơn chủ sinh kiết tinh hay kiết tinh sinh Sơn chủ đều gọi là kiết tinh đắc vị, nhưng kiết tinh sinh Sơn chủ có lợi nhiều hơn Sơn chủ sinh kiết tinh.

TIẾT 8 : LUẬN ĐOÁN ĐỘNG TRẠCH 6 CHỖ

Động trạch có 6 chỗ quan hệ, nhưng cũng như Tịnh trạch, chỉ có 3 chỗ chính yếu để quyết định một ngôi nhà tốt hay xấu mà thôi. Ba chỗ chính yếu đó là: Cửa cái, Sơn chủ và Bếp. Cửa cái là chính yếu vì nó đem vào nhà mọi điều họa phước, vì nó sinh ra tốt cả du niên cho những chỗ khác, và theo phép hổ biến thì nó có tất cả du niên mà nó đã sinh ra. Sơn chủ là chỗ chính yếu vì nó là chỗ chính yếu vì nó là chỗ liệu định sự hưng thịnh hay suy bại. Bếp là chỗ chính yếu vì nó là nơi sinh dưỡng mạng sống con người. Ba chỗ chính yếu này, nếu đăng tương sinh hay tỷ hòa và toàn gặp kiết du niên với kiết tinh thì kể chắc là một ngôi nhà thịnh vượng, phú quý song toàn. Bằng như ba chỗ chính yếu này tương khắc và thừa hung du niên với hung tinh thì định chắc là ngôi nhà

Dương trạch tam yếu

ở suy bại. Dù còn ba chỗ phụ thuộc thêm bớt tốt xấu cũng không thay đổi ngược lại được. Ba chỗ phụ thuộc đó là: Hướng bếp, Cửa bếp và Cửa phòng. Đôi khi cũng có thêm Chủ phòng (xem phụ luận ở tiết 7), nhưng không kể Cửa ngõ. (Cú ý: Có 3 trường hợp tương sinh vẫn xấu và tương khắc vẫn tốt. Đó là: Kiền với Khảm tương sinh nhưng hồ biến thành Lục sát (xấu), Ly với Khảm tương sinh nhưng hồ biến thành Lục sát (xấu). Khảm với Ly tương khắc nhưng hồ biến thành Diên niên (tốt).

Những kiết du niên và kiết tinh ở các chỗ chnh yếu phải đặc vị đăng diện, nhập miếu nhà mới thịnh vượng, bằng chứng thất vị thì chẳng phát đạt lớn được. (Chú ý: Tính ra thất vị, đắc vị, đăng diện cho kiết du niên thì lấy kiết du niên so đối với cung của nó gặp, còn tính cho kiết tinh thì lấy kiết tinh so đối với Sơn chủ).

Trong 3 chỗ chính yếu, Sơn chủ quan trọng nhiều hơn hết, vì nó đã thừa một du niên lại còn chịu ảnh hưởng rất mạnh của Sao chúa được an nơi Phòng chúa khi phiên tinh.

Một ngôi nhà thịnh tốt vô song là nhà Sơn chủ gặp cả kiết du niên và Sao chúa là kiết tinh đều đắc vị hay đăng diện. Sơn chủ thừa kiết du niên thất vị nhưng được Sao chúa là kiết tinh đắc vị hay đăng diện là ngôi nhà tốt bậc nhì. Sơn chủ thừa kiết du niên đắc vị hay đăng diện nhưng Sao chúa là kiết tinh thất vị là ngôi nhà tốt bậc ba. Sơn chủ thừa kiết du niên nhưng Sao chúa là hung tinh: nhà ở vẫn không tốt, vì kiết du niên không đủ sức chống với hung tinh. Sơn chủ thừa hung du niên nhưng Sao chúa là kiết tinh thì nhà ở có thể tốt. Nếu kiết tinh đắc vị hay đăng diện đủ sức trấn áp hung du niên, nhà có thể phát đạt lớn tới trên dưới 30 năm, rồi sau đó mới dần dần kém phát.

Dùng Tham lang mộc tinh làm Sao chúa rất hợp với Đông tứ trạch vì mộc hợp mộc vượng khí, nhưng bớt tốt ở Tây tứ trạch bởi mộc với kim tương khắc. Dùng Vũ khúc kim tinh làm Sao chúa, thêm tốt cho Tây tứ trạch vì kim gặp kim vượng khí, nhưng bớt tốt ở Đông tứ trạch bởi kim với mộc tương khắc. Dùng Cự môn thổ tinh làm Sao chúa thêm tốt cho Tây tứ trạch vì thổ với Kim tương sinh, nhưng bớt tốt ở Đông tứ trạch bởi thổ với mộc tương khắc.

Bếp là chỗ nấu vật ăn uống, nếu thừa hung du niên khác gì trong món ăn vật uống có chất độc, đầu khởi sanh ra bệnh hoạn, bởi 90% bệnh đều do ăn uống sinh ra. Bằng như Bếp thừa kiết du niên khác nào trong món ăn có chất bổ dưỡng tinh khiết ắt sanh thêm sức khỏe cho con người. Luận về cách ăn uống; nếu Bếp thừa hung du niên là nhà ăn uống cực khổ, phải tần tiện mới đủ ăn. Nếu Bếp thừa kiết du niên đắc vị hay đăng diện ắt là nhà ăn uống đầy đủ món ngon vật quý. Luận về tính chất du niên thì Bếp thừa Thiên y là tốt nhất hạng, thứ đến Sinh khí, rồi tới Diên niên, rồi Phục vị. Luận về vật chất ăn uống: như Bếp thừa Thiên y là nhà tốt nhất hạng, thứ đến Sinh khí, rồi tới Diên niên, rồi Phục vị. Luận về vật chất ăn uống: như Bếp thừa Thiên y là nhà hay dùng những món ăn thêm thuốc hoặc nấu với các vị thuốc, nhà Sinh khí là nhà thường dùng những món ăn hầm nấu lên giờ, thừa Phục vị là nhà ít thay đổi món ăn.

(Chú ý: Đừng hiểu lầm Bếp chỉ ứng về bệnh hoạn, sức khỏe và thức ăn của con người. Phải biết Bếp và Sơn chủ giống nhau, đều ứng nghiệm về công danh, tài lợi, hôn nhân, con cái... mỗi sự việc thịnh suy, hung bại trên mỗi phương diện).

Dương trạch tam yếu

Phàm ba cung chính yếu đồng thuộc một phe phía Đông tứ cung hay một phe phía Đông tứ cung hay một phe phía Tây tứ cung thì hô biến với nhau ắt phải được toàn là kiết du niên, tất nhiên là ngôi nhà tốt. Nhưng nếu có đủ 3 du niên: Sinh khí, Diên niên và Thiên y thì được mệnh danh là Nhà ba tốt: phước, lộc, thọ kiêm toàn. Bằng không có đủ 3 du niên đó thì không gọi là Nhà ba tốt, tất nhiên là tốt ít hơn, như có hai Thiên y và một Sinh khí, hoặc có hai Sinh khí và một Thiên y, hoặc có hai Diên niên và một Sinh khí...

Phàm 3 chỗ chính yếu ở tại đủ 3 cung Thủy Mộc Hỏa là được cách rất quý: Thủy Mộc tương sanh và Mộc Hỏa thông minh. Nhà được cách này hanh thông và phát đạt lắm. Như Sơn chủ tại Khảm Thủy, Bếp tại Chấn hay Tốn Mộc và Cửa cái tại Ly Hỏa (Xem tới Động trạch đồ kiểu mẫu thứ tư ở tiết 9).

Hướng Bếp, Cửa Bếp và Cửa phòng là ba chỗ thứ yếu, phụ thuộc nhưng cũng được luận tốt xấu như Sơn chủ và Bếp. Đại khái thừa hung du niên thì ứng xấu, thì kiết du niên ứng tốt. Thừa kiết du niên đắc vị hay Đãng diện hoặc hiệp trạch ắt tốt hơn thừa kiết du niên thất vị hoặc không hiệp trạch. Thừa Tuyệt mệnh và Ngũ quỷ ắt sự hung hại nhiều hơn Lục sát, Họa hại.

Gia chủ Đông mệnh ở nhà Đông tứ trạch và dùng Đông trù; hoặc gia chủ Tây mệnh ở nhà Tây tứ trạch và dùng Tây trù thì gọi là Mệnh cung hiệp trạch trù, thật là hoàn hảo, lại ví như thuyền buồm gặp nước gió xuôi thuận, toại tình hợp cách, phú quý dễ như chơi. Trái lại, gia chủ Đông Mệnh ở nhà Tây tứ trạch và dùng Tây trù hoặc gia chủ Tây mệnh ở nhà Đông tứ trạch và dùng Đông trù thì gọi là Mệnh cung không hiệp trạch trù, ví như thuyền buồm rất tốt mà gặp sóng gió thổi ngang, tuy cũng vẫn giàu có nhưng vất vả. Trường hợp này phải xây Hướng bếp cho hiệp với Mệnh cung là hòa giải rất kiến hiệu, cũng như thuyền tuy gặp gió thổi ngang song có cách dằng nghiêng nghiêng cho buồm bọc gió thổi tới. Ngoài ra, muốn thêm phần chắc, giường ngủ và đầu giường cũng nên đặt xoay tại cung hướng hiệp với Mệnh cung gia chủ. (Xem thiên I, bài 23).

Phàm kiết du niên là Sinh khí, Diên niên và Thiên y thì ứng điềm lành. Nhưng nếu du niên khác cung thì gọi là ngoại chiến, bất tốt 3/10. Như Sinh khí Mộc lâm cấn Thổ chẳng hạn. Nếu cung khắc du niên thì gọi là ngoại chiến, bất tốt 5/10. Như Thiên y Thổ lâm Tốn Mộc chẳng hạn. Du niên khắc cung hay cung khắc du niên đều nói chung là du niên thất vị. Nếu du niên với cung tương sanh gọi là đắc vị đúng bậc tốt, nhưng du niên sanh cung tốt hơn cung sanh du niên.

Như Sinh khí Mộc lâm Ly Hỏa là du niên sanh cung. Như Sinh khí Mộc lâm Khảm Thủy là cung sanh du niên. Nếu du niên với cung tỷ hòa gọi là du niên đặng diện thì sự tốt lớn càng ngày càng thêm. Như Sinh khí Mộc lâm Chấn cũng Mộc, như Diên niên Kim lâm Đoài cũng Kim, như Thiên y Thổ lâm Khôn cũng Thổ.

Phàm hung du niên là Tuyệt mệnh, Ngũ quỷ, Lục sát, Họa hại dù đắc vị hay thất vị, dù ở đâu cũng ứng tai họa, hung hại. Nhưng nó với cung tỷ hòa hay tương sanh thì đỡ một chút, bằng tương khắc thì tai họa nặng nề.

Sinh khí Mộc là kiết du niên rất hợp với Đông tứ trạch và Đông trù vì Mộc gặp Mộc sanh ra vượng khí, nhưng bất tốt ở Tây tứ trạch và Tây trù vì Mộc bị Kim khắc. Diên niên Kim là kiết du niên rất hợp với Tây tứ trạch và Tây trù vì Kim gặp Kim, đồng loại sanh ra vượng khí, nhưng bất tốt ở Đông tứ trạch và Đông trù vì Mộc khắc Thổ.

Dương trạch tam yếu

Ở Tịnh trạch lấy du niên tại Chủ phòng mà đặt tên cho nhà, như Chủ phòng thừa Thiên y thì gọi là Thiên y trạch, thừa Tuyệt mệnh gọi là Tuyệt mệnh trạch. Còn Đông trạch cũng như biến hóa trạch lấy tên Sao chúa tại Phòng chúa đặt tên cho nhà, như Sao chúa Vũ khúc thì gọi là Vũ khúc trạch, Liêm trinh thì gọi là Liêm trạch. Lại cũng lấy du niên tại Sơn chủ mà đặt tên cho nhà như Sơn chủ thừa Sinh khí thì gọi là Sinh khí trạch, thừa Ngũ quý thì gọi là Ngũ quý trạch... Nhưng bởi sao ở Tịnh trạch chỉ dùng Chủ phòng, còn ở Động trạch dùng cả Phòng chúa và Sơn chủ? Vì Sơn chủ vốn có chữ Chủ, Phòng chúa vốn có chữ Phòng, nói ghép lại cũng thành Chủ phòng. Tuy hai mà dồn lại một, như người có hai con đều gọi chúng là con. Vì vậy cho nên tuy Sao chúa là sao của Phòng chúa nhưng vẫn có ảnh hưởng lớn mạnh với Sơn chủ.

Phàm trong một ngôi nhà, 6 chỗ đều ở trong vòng Đông tứ cung (Khảm Ly Chấn Tốn) là một Đông tứ trạch thuần chất, là một ngôi nhà đại cát, đại lợi. Nếu được Sao chúa là kiết tinh đắc vị hay đăng diện nữa thì thật là một ngôi nhà đệ nhất tốt, càng ở lâu càng thịnh vượng hơn lên. Gia chủ Đông mệnh ở nhà này là tuyệt hảo, phú quý song toàn.

Phàm trong một ngôi nhà, 6 chỗ đều ở trong vòng Tây tứ cung (Kiền Khôn Cấn Đoài) là một Tây tứ trạch thuần chất, là một ngôi nhà đại cát, đại lợi. Nếu được Sao chúa là kiết tinh đắc vị hay đăng diện nữa thì thật là một ngôi nhà đệ nhất tốt, càng ở lâu càng thịnh vượng hơn lên. Gia chủ thuộc Tây mệnh ở nhà này là tuyệt hảo, phú quý.

Phàm trong 6 chỗ, Cửa cái ở tại mộ, trong Đông tứ cung, còn 5 chỗ kia đều ở trong vòng Tây tứ cung là một ngôi nhà đại hung, đại bại, vì theo phép Bát biến thì 5 chỗ kia toàn thừa hung du niên. Nếu Sao chúa cũng là hung tinh nữa thì tai họa liên miên, đủ mọi thứ bệnh hoạn, kiện thưa, tù tội, hao tiền mất vật, thật suy vi vô cùng, đệ nhất nguy hại. Người Đông mệnh 1 gia chủ ở nhà này nhiều họa hại hơn người Tây mệnh.

Phàm trong 6 chỗ thấy Cửa cái ở tại một trong Tây tứ cung, còn 5 chỗ kia đều ở trong vòng Đông tứ cung là một ngôi nhà đại hung, đại bại, ví theo phép Bát biến, lấy Cửa cái biến tới 5 chỗ kia tất chỗ nào cũng thừa một hung du niên. Nếu Sao chúa cũng là một hung tinh nữa là ngôi nhà sanh ra tai họa liên miên, suy vi, cùng khổ, kể chẳng hết những việc không may, thật là một đệ nhất nguy hại. Gia chủ là Tây mệnh ở nhà này họa hoạn nặng nề hơn người Đông mệnh.

Hai mẫu nhà đệ nhất tốt và hai mẫu nhà đệ nhất hung hại đã vừa kể trên rất hi hữu, còn nhà nửa tốt nửa xấu hoặc tốt nhiều xấu ít hay xấu nhiều tốt ít chiếm đa số trên thế gian.

Hãy quan sát tổng hợp hết thấy 6 chỗ: hễ chỗ nào tốt thì thôi, chỗ nào xấu thì phải mau sửa đổi, chậm một ngày là thêm một ngày chịu rủi mà mất may. Tuy nói chung là 6 chỗ, nhưng đừng quên ba chỗ chính yếu phải lo liệu trước tiên. Một ngôi nhà được 3 chỗ chính yếu đều tốt là đã giữ chắc phần may mắn, dù các chỗ kia cũng ở nhằm những cung tốt thì nhà sẽ thịnh vượng biết dường nào.

(Cần nhớ: Ở Biến trạch và Hóa trạch trong thiên IV và thiên V cũng phải nương theo tiết 8 này mà luận đoán).

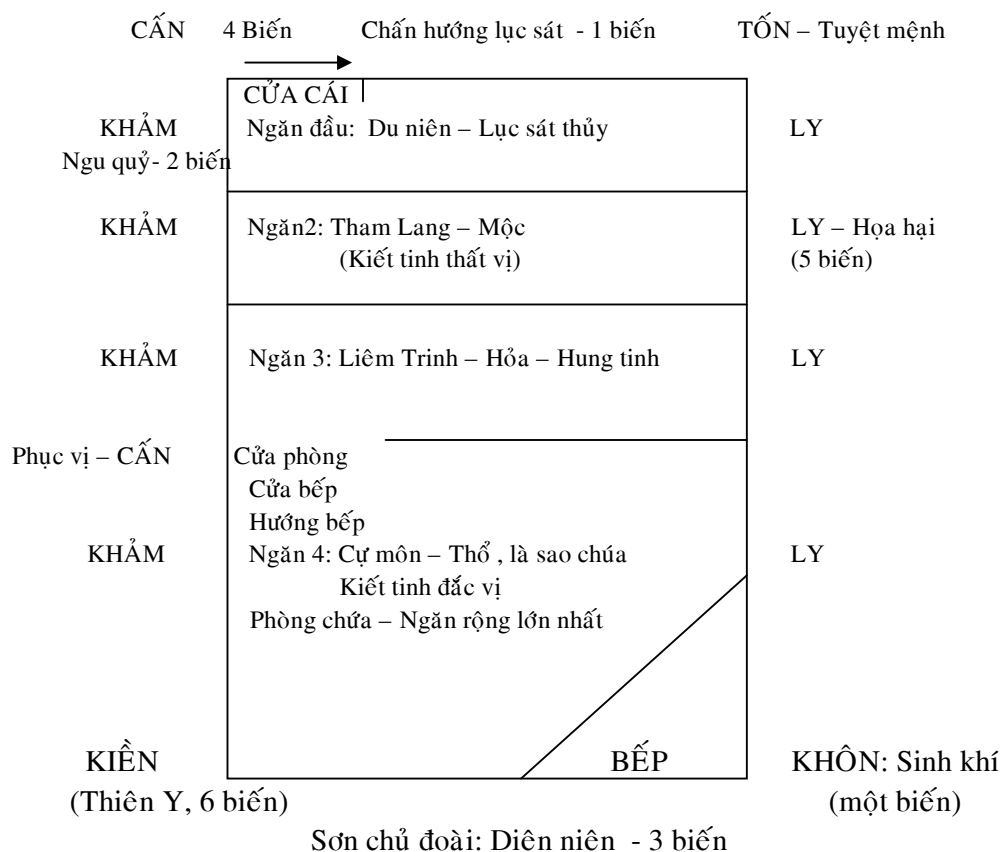
TIẾT 9: NHỮNG ĐỘNG TRẠCH ĐỒ KIỂU MẪU

Trong tiết thứ 9 này có 8 Động trạch đồ giả dụ làm kiểu mẫu. Mỗi trạch đồ nào cũng đủ 3 chỗ chính yếu và 3 chỗ phụ thuộc, dẫn giải cách du niên, cách chọn ngan làm phòng chúa để được Sao chúa là kiết tinh, cách luận đoán những điều thịnh suy

Dương trạch tam yếu

chính xác do ba chỗ chính yếu, những tốt xấu thêm bớt do ba chỗ phụ thuộc. Rồi sau rớt, luận về sự sửa đổi và sai biệt.

Động trạch đồ kiểu mẫu thứ nhất (4 ngăn)
(Xem Bốn loại trạch số 7 trong Thiên VI lập thành)



VỊ TRÍ

Ngôi nhà trên đặt tại Đoàn Sơn (chánh Tây) và Chấn hướng (chánh Đông). Cửa cái là thiên môn (ở một bên) tại Cấn (Đông bắc); Sơn chủ tại Đoàn (chánh Tây). Bếp tại Khôn (Tây nam). Hướng bếp, Cửa bếp và chúa Cự môn là kiết tinh.

AN DU NIÊN

An du niên phải dùng phép Bát biến (xem bài 8 thiên I) là lấy từ Cửa cái khởi biến tới 5 chỗ kia. Vậy lấy Cửa cái Cấn biến 3 lần tới Sơn chủ Đoàn thừa Diên niên đăng diện (đăng diện vì Đoàn và Diên niên đồng thuộc Kim, tỷ hòa). Lại lấy Cửa cái Cấn biến 1 lần tới Bếp Khôn thừa Sinh khí thất vị (thất vị bởi Sinh khí Mộc gặp Khôn Thổ tương khắc). Lại lấy Cửa cái Cấn biến 8 lần tới Cửa bếp Cấn, tới Hướng bếp Cấn và tới Cửa phòng cũng Cấn ông thừa Phục vị thất vị (thất vị bởi Phục vị Mộc gặp Cấn Thổ tương khắc). Ngoài ra, còn lấy Sơn chủ Đoàn với Bếp Khôn hồ biến ra được Thiên Y.

PHIÊN TINH

Cửa cái Cấn là thiên môn (vì ở một bên góc mặt tiền) cho nên phải ấy Cấn biến 4 lần tới Chấn hướng được du niên Lục sát, vậy an Lục sát vào ngăn đầu. Lục sát thuộc

Dương trạch tam yếu

Thủy sanh Tham lang Mộc, vậy an Tham lang vào ngăn 2. Tham lang Mộc sanh Liêm trình Hỏa, vậy an Liêm trình vào ngăn 3. Liêm trình Hỏa sanh Cự môn Thổ, vậy an Cự môn vào ngăn 4.

CHỌN NGĂN LÀM PHÒNG CHÚA VÀ SAO CHÚA

Chọn ngăn làm Phòng chúa tất phải chọn ngăn nào có kiết tinh. Xét trong 4 ngăn nhà thấy có ngăn 2 được Tham lang và ngăn 4 được Cự môn đều là kiết tinh. Nhưng Tham lang Mộc đối với Sơn chủ Đoài Kim tương khắc là thất vị, còn Cự môn thổ đối với Sơn chủ Đoài Kim tương sanh là đắc vị lại còn được trực ngộ với Sơn chủ tạo ngăn chốt gọi là nhập miếu rất tốt. Vì thế nên phải chọn ngăn 4 tạo tác cho rộng lớn nhất để làm Phòng chúa và để được Sao chúa Cự môn là kiết tinh đắc vị và nhập miếu. (Thí dụ: như Tham lang và Cự môn đồng tốt bằng nhau cũng phải đành bỏ Tham lang mà chọn Cự môn, vì Cự môn Thổ hợp với Tây tứ trạch là ngôi nhà này, còn Tham lang Mộc không hợp với Tây tứ trạch Kim).

LUẬN ĐOÁN BA CHỖ CHÍNH YẾU

Ba chỗ chính yếu trong ngôi nhà này là Cửa cái Cấn, Sơn chủ Đoài và Bếp Khôn. Ba cung Cấn Đoài Khôn trọn thuộc về Tây tứ trạch là một điều tốt trước nhất phải có, rất hợp với gia chủ Tây mệnh. Ba cung này so với nhau đều đẳng tương sanh và tỷ hòa là một điều tốt nữa (Cấn với Đoài tương sanh, Đoài với Khôn tương sanh, Cấn với Khôn là tỷ hòa). Ba cung này tạo nên một cái Nhà ba tốt, vì hổ biến với nhau được có đủ Sinh khí, Diên niên và Thiên y (Cấn với Đoài hổ biến được Diên niên, Đoài với Khôn hổ biến được Thiên y, và Khôn với Cấn hổ biến được Sinh khí). Lại còn một chỗ rất quan trọng được rất tốt nữa là Sao chúa Cự môn là kiết tinh đắc vị và nhập miếu. Tóm lại ngôi nhà này hội đủ 4 điều tốt như vậy tất phải đại hưng phát phú quý chẳng sai.

Luận đoán Cửa cái: Cửa cái tại Cấn tuy không thấy an du niên nào, kỳ thật gián tiếp có tới hai kiết du niên. Vì từ Sơn chủ Đoài biến lại Cửa cái Cấn tất Cấn được Diên niên và từ Bếp Khôn biến lại Cửa cái Cấn tất Cấn được Sinh khí. Suy vậy thì biết rằng: hễ Sơn chủ thừa du niên nào tất Cửa cái cũng gián tiếp thừa du niên ấy. Ở những trạch đồ kiểu mẫu sắp tới cũng được tính y cách đó, khỏi dẫn giải lại nữa.

Luận đoán Sơn chủ: Sơn chủ nhà nào cũng ảnh hưởng với du niên của nó, với Sao chúa và với Cửa cái, hết thấy là ba chỗ, luận giải như sau:

- Sơn chủ Đoài thuộc âm Kim, Cửa cái Cấn thuộc dương Thổ. Thổ sanh Kim, đó là từ ngoài sanh vào trong, hưng phát cấp kỳ. Lại âm dương có đủ là vợ chồng chánh phối, sự hưng phát rất bền.

- Sơn chủ Đoài thừa Diên niên đăng diện: tuổi trẻ thi đỗ, thường phát hoạnh tài (có cửa bất ngờ), lục súc hưng vượng, điền sản tiến thêm, chồng vợ thuận hòa, con hiếu cháu hiền, phụ nữ tài trí sánh bậc trượng phu, thọ trăm tuổi, cất nên nhà, làm nên sự nghiệp, sanh 4 con, con cháu đàn em thịnh vượng... Diên niên đăng diện đã tốt như vậy, lại còn hợp với Tây tứ trạch chính là ngôi nhà này đệ nhất tốt.

- Sơn chủ Đoài được Cự môn là một kiết tinh đắc vị lại trực ngộ Sơn chủ (tức nhập miếu) có sức phát đạt mạnh, khiến cho người lữ nhà đều thịnh vượng, công danh hiển hách, ba đạo (Nho, Thích, Lão) tinh thông, tánh trí con người minh mẫn, làm thầy thuốc hay bốc sư (tướng số) ắt đăng vang danh, Cự môn ứng vào hạng trung nam và

Dương trạch tam yếu

những sự việc may mắn thường xảy đến vào những năm tháng ngày giờ Dần Ngọ Tuất, vì Hỏa cục sanh Cự môn Thổ.

- Cự môn Thổ ứng vào số 5 và số 10, còn Diên niên thuộc Kim ứng vào số 4 và 9; thế cho nên sau khi tu tạo xong (cất hoặc sửa đổi xong) người vào ở nhà này từ 40 đến 50 ngày ắt đăng việc tốt nhỏ. Từ 90 đến 100 ngày ắt có sự vui mừng theo ý mong mỗi từ bên ngoài đưa đến. Từ 1 năm đến 5 năm tiền tài và nhân khẩu đều thịnh vượng (thêm tiền của và thêm người). Từ 40 đến 50 năm phú quý song toàn chẳng mấy nhà sánh kịp. Từ 90 đến 100 năm ắt nhà xuất đại vị, có bậc nguyên thủ ra đời giúp dân độ thế. Bởi đến thời gian này hai Kim một Thổ đầy đủ khí lực phải kết thành việc lớn như rồng tu lâu rồi mọc vẩy biến hóa. Nói hai Kim một Thổ là Sơn chủ Đoàn Kim gặp Diên niên Kim tỷ hòa là vượng khí, lại Kim gặp Cự môn Thổ tương sanh là tướng khí. Vượng khí và tướng khí gặp nhau thì là đại phát phú quý. Người dòng họ hiếm hoi mà ở nhà này cũng sanh đặng 4 hay 5 con và tiếp nối con cái sau đều đặng giàu có lớn, sang trọng và trường thọ. Người ăn ở thất đức cũng được phát đạt nhưng không bền. Người Tây mệnh thêm phước đức, người Đông mệnh không bằng.

- Luận đoán Bếp: Luận chung thì Bếp Khôn phối với Cửa cái Cấn và Sơn chủ Đoàn đều được tỷ hòa và tương sanh. Đây là một cái bếp rất tốt: sanh 3 hoặc 5 con, phước lộc thọ đầy đủ (tam đa), mỗi việc mỗi tốt lớn. Nhưng trọng yếu hơn chỉ luận Bếp Khôn phối với Cửa cái Cấn như vậy: Khôn phối với Cấn là hai Thổ đắp nên thành lũy cao. Lại cũng gọi: mẹ gặp con là tượng vui mừng, mẹ hiền từ con hiếu nghĩa (Khôn là mẹ, Cấn là con trai nhỏ). Bếp Khôn do Cửa Cấn biến mà được Sinh khí Mộc là tượng Thanh long vào nhà, chủ sự ăn uống đầy đủ, tích tụ tiền tài và châu ngọc... Nhưng vì Sinh khí Mộc khắc Khôn Cấn Thổ cho nên về sau lâu bị bệnh phù thũng, da vàng, tim bụng đau nhức, tỳ vị suy nhược, ăn không ngon. Lại đoán rằng: Khôn vi địa, Cấn vi sơn cho nên ở Kinh Dịch gọi là quẻ địa sơn khiêm ứng rằng: giàu nhiều, hưng vượng cũng nhiều, lực sức và tiền tài cũng đồng phát đạt, từ 2 năm tới 5 năm dựng nên cơ nghiệp, văn chương nổi tiếng, khoa cử vang danh, người hiền lương làm nên nhà cửa nhưng mẹ già khá lo tử bệnh.

(Những việc ứng nghiệm đã luận đoán trên cho ba chỗ chính yếu đều do trong Thiên I ở các bài 10, 11, 12, 16 và do trong Thiên VII).

LUẬN ĐOÁN BA CHỖ THỨ YẾU (phụ thuộc)

Tuy là phụ thuộc vẫn có thể thêm bớt kiết hung (tốt xấu) mà không thay đổi được đại thể. Hướng bếp, Cửa bếp và Cửa phòng, nói chung là ba chỗ thứ yếu, Hướng bếp kỳ thực quan trọng hơn hai chỗ kia.

Ở ngôi nhà này Hướng bếp, Cửa bếp và Cửa phòng đều thuộc về cung hướng Cấn và đồng thừa Phục vị thất vị. Phục vị là du niên tốt qua loa lại bị thất vị, không chắc có giúp thêm tốt cho ngôi nhà. Cấn Thổ hiệp với Tây tứ trạch, nhưng Phục vị Mộc không hợp.

Chú ý về Hướng bếp: Hướng bếp là nơi miệng lò ngó về, hãy xem như trong Động trạch đồ kiểu mẫu này thì thấy Bếp đặt tại cung Khôn còn miệng lò ngó về cung Cấn, vậy tất Cấn là Hướng bếp. Nếu tuổi chủ nhà thuộc Tây mệnh mà được Hướng bếp này là hiệp mệnh, ắt tốt lắm; ví bằng chủ nhà thuộc Đông mệnh, đối với Cấn là nghịch phe thì phải đổi Hướng bếp lại, cho Hướng bếp hướng ra mặt tiền cung Chấn mới hiệp với Đông mệnh và mới đặng tốt. Lại nên phân biệt: Miệng bếp (táo khẩu) với miệng lò khác nhau, cho nên chúng có thể ngó về hai chỗ khác nhau. Nhưng trong cách này, bất

Dương trạch tam yếu

cứ ở trạch đồ kiểu mẫu nào cũng vẽ miệng Bếp với miệng lò đồng ngó về một phương hướng. Và tại chỗ Bếp có những đầu 00000000 là để hình thức cho các miệng lò hay miệng cà ràng.

KẾT LUẬN NGÔI NHÀ

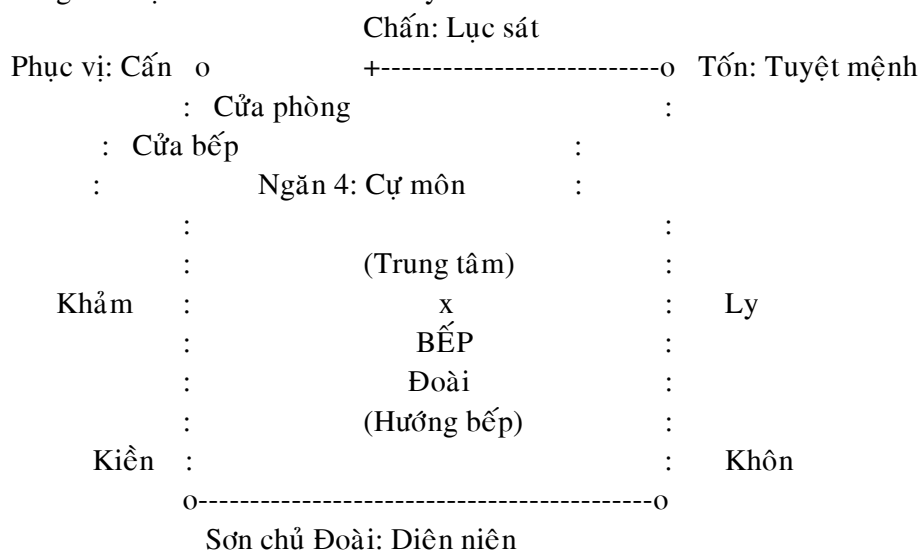
Ba chỗ chính yếu tốt 90%. Ba chỗ phụ thuộc thêm tốt cho nhà một phần ít vì: tuy không hợp du niên nhưng hiệp cung (Cấn).

LUẬN VỀ SỰ SỬA ĐỔI VÀ SAI BIỆT

Giả sử như ngôi nhà này chỉ có hai ngăn mà thôi thì đành tu tạo cho ngăn 2 rộng lớn hơn ngăn đầu để làm Phòng chứa, vì ngăn 2 này có sao Tham lang là kiết tinh. Mặc dù Tham lang thất vị không đăng phát lớn, nhưng cũng còn khá hơn nếu ngăn đầu rộng lớn hơn ngăn 2, vì đã không phát đạt mà còn suy vì thậm tệ.

Giả sử như ngôi nhà này chỉ có 3 ngăn mà thôi thì nên thêm vách ngăn cho ngăn đầu hoặc cho ngăn 2 để hoán cải nhà ba ngăn trở thành bốn ngăn. Và tu tạo cách nào cho ngăn 4 rộng lớn nhất để làm Phòng chứa hầu được Sao chứa Cự môn là kiết tinh đắc vị lại nhập miếu, nhà sẽ thịnh phát tới 100 năm vì nó đã trở nên giống y như trạch đồ hiện hữu.

Theo vị trí trạch đồ kiểu mẫu này, trong ngăn 4 chỉ có 3 chỗ Cấn Chấn và Tốn để đặt Cửa phòng và Cửa bếp. Và tất nhiên phải đặt tại Cấn cho hợp với Tây tứ trạch, tuy thừa Phục vị thất vị chẳng đáng cho là tốt song không có hại. Bằng đặt tại Chấn thừa Lục sát hay tại Tốn thừa Tuyệt mệnh đều là hung du niên, lại Chấn Tốn không hợp với Tây tứ trạch. Duy Hưởng bếp có thể hoán cải cho tốt hơn là dời bếp lại cung Đoài gần trung tâm ngăn 4 và đặt miệng lò cũng ngó về cung Đoài (ngó về Sơn chủ). Hễ dời lại như vậy thì được Bếp Diên niên đăng diện và Hưởng bếp cũng Diên niên, rất tốt, tốt hơn Bếp cũ tại Khôn thừa Sinh khí thất vị và Hưởng bếp Cấn thừa Phục vị cũng thất vị. Xem hình vẽ sau đây:



Cũng nên biết dời Bếp lại Đoài thì ngôi nhà này không còn mệnh danh là Nhà ba tốt nữa, vì ba chỗ chính yếu là Cấn Đoài Đoài hồ biến thiếu Sinh khí. Nhưng lại có tới hai Diên niên đăng diện là sự bù đắp có dư rồi.

ĐỘNG TRẠCH ĐỒ KIỂU MẪU THỨ 2 (YẾM SÁT TRẠCH)

Dương trạch tam yếu

(Xem bốn loại trạch đồ số 2 trong Thiên VI lập thành)

KIỀN hướng			
Đoài	o-----o	o-----o	Khảm
:	CỬA CÁI		:
Khôn	: Ngăn đầu: du niên Họa hại Thổ	:	Cấn

	Ngăn 2 : Vũ khúc Kim	:	
Khôn	: (Kiết tinh thất vị)	:	Cấn
o-----			
Sinh khí	: Cửa bếp	:	
(ĐOÀI):	Ngăn 3 : Văn khúc Thủy	:	
	(Hung tinh)	BẾP	: CẤN : Thiên y
Diên niên	Hướng bếp		
:Khôn)	:		
	: Cửa phòng		
	: ĐOÀI: Sinh khí		
	: Ngăn 4: THAM LANG Mộc Sao chúa		
	: (kiết tinh đăng diện)		Cấn
	: Phòng chúa: Ngăn rộng lớn nhất	:	

Khôn	: Ngăn 5 : Liêm trinh Hỏa	:	Cấn
	(Hung tinh)		
Ly	o-----o		Chấn
SƠN CHỦ TỐN : Họa hại			

VỊ TRÍ

Ngôi nhà này đặt tại Tốn sơn (Đông nam) và Kiền hướng (Tây bắc). Cửa cái là chính môn tại Kiền (Tây bắc), Sơn chủ tại Tốn (Đông nam), Bếp tại Cấn (Đông bắc), Hướng bếp ngó về Khôn (Tây nam). Cửa bếp và Cửa phòng đồng tại Đoài (Chánh tây). Phòng chúa tại ngăn 4 có Sao chúa Tham lang kiết tinh.

AN DU NIÊN

Theo phép Bát biến mà an du niên. Lấy từ Cửa cái Kiền biến 5 lần tới Sơn chủ Tốn thừa Họa hại, biến 6 lần tới Bếp Cấn thừa Thiên y đăng diện, biến 3 lần tới Hướng bếp Khôn thừa Diên niên đắc vị, biến 1 lần tới Cửa bếp Đoài và Cửa phòng cũng Đoài đồng thừa Sinh khí thất vị. Ngoài ra còn lấy Sơn chủ Tốn với Bếp Cấn hổ biến ra Tuyệt mệnh. (Cách tính đăng diện, đắc vị và thất vị: xem Thiên I, bài 10).

PHIÊN TINH

Cửa cái Kiền ở khoảng giữa mặt tiền thuộc chính môn cho nên phải từ Kiền biến 5 lần tới Sơn chủ Tốn thừa du niên Họa hại, vậy an Họa hại vào ngăn đầu. Họa hại thuộc Thổ sanh Vũ khúc Kim, vậy an Vũ khúc vào ngăn 2, Vũ khúc Kim sanh Văn khúc Thủy, vậy an Văn khúc vào ngăn 3. Văn khúc Thủy sanh Tham lang Mộc, vậy an Tham lang vào ngăn 4. Tham lang Mộc sanh Liêm trinh Hỏa, vậy an Liêm trinh vào ngăn 5.

CHỌN NGĂN LÀM PHÒNG CHÚA VÀ SAO CHÚA

Dương trạch tam yếu

Xem xét trong 5 ngấn nhà thấy có ngấn 2 được Vũ khúc là kết tinh và ngấn 4 được Tham lang cũng là kết tinh. Nhưng Vũ khúc Kim là thất địa vì đối với Sơn chủ Tồn Mộc tương khắc, còn Tham lang Mộc đối với Sơn chủ Tồn cũng Mộc là tỷ hòa đăng diện tốt hơn thập phần. Vì thế phải chọn ngấn 4 tạo tác cho rộng lớn nhất để làm Phòng chúa, cũng tức là để được Sao chúa Tham lang là kết tinh đăng diện có năng lực khiến cho ngôi nhà phát đạt lớn.

LUẬN ĐOÁN BA CHỖ CHÍNH YẾU

Luận Đông tây: Lấy chính danh mà nói thì ngôi nhà này là Đông tứ trạch vì Sơn chủ là chỗ làm chủ ngôi nhà ở tại Tồn. Như lấy số nhiều mà nói thì ngôi nhà thuộc Tây tứ trạch, vì Cửa cái Kiền, Bếp Cấn, Hướng bếp Khôn, Cửa bếp Đoài và Cửa phòng cũng Đoài đều thuộc về Tây tứ cung. Như vậy là Đông Tây tương hỗn, chính là một chỗ không hay.

Luận đoán Cửa cái Kiền: Cửa cái là chỗ đem họa phước vào nhà. Hay Cửa cái Kiền đem Họa hại cho Sơn chủ Tồn nhưng đem Thiên y cho Bếp Cấn, như vậy một họa một phước bằng nhau, nếu luận về danh từ hung với kiết (một hung du niên một kiết du niên); còn luận về phẩm lượng do địa thế thì có khác nhau nhiều. Vì Sơn chủ Tồn Mộc khắc được Họa hại Thổ, tai họa chẳng nặng nề, còn Bếp Cấn Thổ thừa Thiên y cũng Thổ là tỷ hòa vượng khí cho nên phước lợi rất nhiều.

Luận đoán Bếp Cấn: Bếp Cấn thừa Thiên y đăng diện là một cái Bếp thượng kiết. Nhà này ăn uống rất đầy đủ, sự dưỡng sinh đúng mực, đương thời rất ít bệnh hoạn. Ít bệnh hoạn vì Thiên y có nghĩa là thuốc giải trừ bệnh hoạn, tức món ăn bổ dưỡng mà không sanh bệnh (Các Bếp Diên niên và Sinh khí sánh không bằng). Nếu trước là Bếp ở chỗ xấu nay dời lại được Bếp Thiên y này sẽ giải được các việc như sau: chẳng sanh con cái, tuổi già cô độc vì con cái chẳng còn, trong nhà chẳng yên, bệnh lâu không lành, hôn nhân trở trệ... Khi đổi được Bếp này, sau 50 ngày sẽ hiệu nghiệm: việc xui xẻo trôi qua mà việc hên đưa đến (xem Thiên I, bài 4).

Lại luận rằng Bếp Cấn phối Cửa cái Kiền theo Kinh Dịch gọi là quẻ Sơn thiên đại súc. Cấn với Kiền tương sanh, tượng con trai xưa theo cha, cha nhân từ con hiếu hạnh, gia đình sáng chói, con cháu hưng vượng, hay lễ Phật và ưa làm việc thiện... Nhưng vì Cấn với Kiền thuần dương hay sanh bệnh tật, con cháu chi trưởng bất lợi, ở lâu năm sẽ khắc vợ con. Lại nói dương thịnh thì âm suy, phụ nữ trẻ con hay bệnh hoạn. Lại nói: Bếp Cấn đối với Cửa cái Kiền tương sanh nhưng đối với Sơn chủ Tồn tương khắc ất về sau hiểm hoi con cháu.

Luận đoán Sơn chủ Tồn: Sơn chủ Tồn Mộc bị Cửa cái Kiền Kim khắc, đó là ngoài khắc vào trong, tai họa từ bên ngoài xâm nhập vào nhà, rất bất lợi cho bản thân. Sơn chủ Tồn thừa Họa hại cho nên gọi là Họa hại trạch, tức là nhà này hay sanh ra tai họa, đáng ngại nhất là bọn nô tỳ rất hung ác, ngoài mặt tuy chịu chế phục mà trong lòng chứa việc chẳng hiền. Tuy nhiên, ở lúc đầu cũng có phát tài và thêm người, nhưng về sau lâu năm phụ nữ tai nạn chết mất, trộm cướp và quan tụng nhiều nường.

Nhưng rất may, ngoài du niên Họa hại, Sơn chủ Tồn còn ảnh hưởng mạnh lớn với Sao chúa Tham lang là kết tinh đăng diện khiến cho gia đạo hưng long, sanh 5 con trai anh hùng, do nghề văn lập nên nhiều phú, viết nên nhiều bài sách giá trị, rành rẽ và thông thạo nhiều việc... Ngôi nhà có Tham lang đăng diện làm Sao chúa tất phải phú quý, ở 3 năm phát giàu có, đến 30 năm giàu sang đúng mực, đến 80 tột bậc giàu sang; đáng lẽ thì phải được như vậy, nhưng vì hiểm như trên đã kể Sơn chủ thừa Họa hại là

Dương trạch tam yếu

hung du niên lại còn bị Cửa cái khắc (Kiền khắc Tốn) cho nên thời gian phát phú quý giảm, chỉ còn thịnh vượng tới 30 năm và sau đó dần dần bất phát.

Cũng bởi trường hợp nói trên, ngôi nhà này gọi là **Yểm sát trạch** tức dùng kết tinh đẳng diện, trấn áp hung sát. Đó là nói Tham lang đẳng diện trấn áp Hỏa hại, bởi sao tốt có thể lực lớn mạnh hơn du niên xấu. Thí dụ: nhà này chọn ngăn 2 làm Phòng chúa thì được Vũ khúc là kết tinh nhưng thất vị chỉ vừa đủ trấn áp Hỏa hại, dù có phát tới 15 hay 20 năm chẳng nữa, sự phát lên rất yếu ớt. Thí dụ nhà này chọn ngăn 3 làm Phòng chúa tất gặp Văn khúc hung tinh sẽ khiến cho nhà này suy lụn, tai họa đến tận cùng. Vì sao? Vì Sơn chủ bị tới 3 thứ sát hại: bị Cửa cái khắc vào, thừa Hỏa hại là hung du niên, thừa Văn khúc là hung tinh. Một B6ép Thiên y tuy tốt nhưng không đủ sức giải ba thứ hung đó. Và như ba chỗ phụ thuộc đều tốt cũng chỉ giải được sự hung hại một phần mà thôi.

LUẬN ĐOÁN BA CHỖ PHỤ THUỘC

Cửa phòng Đoài Kim thừa Sinh khí Mộc là kết du niên thất vị, tốt trung bình. Cửa Bếp cũng tại Đoài thừa Sinh khí thất vị, tốt trung bình. Bếp đặt tại Cấn nhưng ngó qua Khôn cho nên gọi Khôn là Hưởng bếp thừa Diên niên Kim tương sanh đắc vị, tốt nhiều hơn Cửa phòng và Cửa bếp. Nói chung là ba chỗ đều tốt, ở tại 3 cung Đoài Đoài Khôn đều thuộc Tây tứ cung là một phe phía với Cửa cái Kiền ắt thêm lợi lộc cho nhà.

LUẬN VỀ SỰ SỬA ĐỔI VÀ SAI BIỆT

Ở trạch đồ thứ nhì này Sao chúa Tham lang đẳng diện tại ngăn 4 rất tốt. Nhưng muốn tốt hơn phải phá bỏ tấm vách tường chặn ngang giữa ngăn 4 và ngăn 5. Làm như vậy sẽ không còn ngăn 5 nữa, mà ngăn 4 trở nên rộng lớn hơn khi trước và lại thành ngăn chót. Tham lang khi trước ở cách Sơn chủ một ngăn, nay ở ngăn chót là trực ngộ Sơn chủ tức được nhập miếu, sự thịnh vượng càng lớn mạnh. Và hễ Phòng chúa (ngăn 4) càng rộng lớn càng phát đạt to.

Ví như nhà này chỉ có hai ngăn thì cực chẳng đã phải tu tạo cho ngăn 2 lớn nhất làm Phòng chúa vì nó có Vũ khúc Kim là kết tinh. Nhưng Vũ khúc thất địa vì nó thuộc Kim khắc Sơn chủ Tốn thuộc Mộc, chẳng thể phát đạt nhiều. Tuy nhiên, vẫn còn khá hơn để ngăn đầu lớn mà ngăn hai nhỏ hơn, nhà sẽ phải suy vi.

Lại ví như nhà này có 3 ngăn thì phải thêm vách vào khoảng giữa ngăn đầu hay ngăn 2 để biến đổi thành nhà bốn ngăn, và phải tu tạo cho ngăn 4 rộng lớn nhất làm Phòng chúa để được Tham lang là kết tinh đẳng diện, nhà sẽ thịnh vượng tới 30 năm (như trên đã luận giải).

ĐỘNG TRẠCH ĐỒ KIỂU MẪU HỨ 3 (ba ngăn)

(Xem bốn loại trạch số 6 trong Thiên IV lập thành)

(Hình vẽ trang 100)

VỊ TRÍ

Ngôi nhà này đặt tại Tốn sơn (Đông nam) và Kiền hướng (Tây bắc), Cửa cái ở một bên là thiên môn tại Khảm (chánh Bắc). Sơn chủ tại Tốn (Đông nam). Bếp tại Ly (chánh Nam). Hưởng Bếp ngó về Khảm và Cửa bếp cũng tại Khảm (chánh Bắc). Phòng chúa là ngăn 2 rộng lớn nhất, có Sao chúa Tham lang là kết tinh đẳng diện. Cửa phòng tại Khảm (chánh Bắc).

AN DU NIÊN

Từ Cửa cái Khảm biến 1 lần tới Sơn chủ Tốn thừa Sinh khí đăng diện rất tốt (đăng diện vì Sinh khí Mộc gặp Tốn cũng Mộc là tỷ hòa). Sơn chủ thừa Sinh khí gọi là Sinh khí trạch. Từ Cửa cái Khảm biến 3 lần tới Bếp Ly thừa Diên niên thất vị, tốt ít (thất vị bởi Diên niên Kim gặp Ly Hỏa tương khắc). Từ Cửa cái Khảm biến 8 lần tới Cửa bếp Khảm, tới Hưởng bếp cũng Khảm và tới Cửa phòng cũng Khảm, ba chỗ đồng thừa Phục vị đắc vị khá tốt (đắc vị bởi Phục vị Mộc gặp Khảm Thủy tương sanh). Ngoài ra, còn lấy Sơn chủ Tốn với Bếp Ly hổ biến được Thiên y là kiết du niên.

PHIÊN TINH

Cửa cái Khảm là thiên môn (cửa ở một bên) thì phải từ Khảm biến 4 lần tới Kiền hưởng tất được Lục sát vào ngăn đầu. Lục sát thuộc Thủy sanh Tham lang Mộc, vậy an sao Tham lang vào ngăn 2. Tham lang Mộc sanh Liêm trinh Hỏa, vậy an sao Liêm trinh vào ngăn 3.

CHỌN NGĂN LÀM PHÒNG CHÚA VÀ SAO CHÚA

Xem xét 3 ngăn nhà chỉ có ngăn 2 được Tham lang là kiết tinh nên phải chọn ngăn 2 tu tạo cho nó rộng lớn nhất để làm Phòng chúa và như vậy Tham lang được làm Sao chúa. Tham lang Mộc đối với Sơn chúa Tốn cũng Mộc tỷ hòa là Tham lang đăng diện, đệ nhất khiến cho nhà thịnh vượng.

LUẬN GIẢI BA CHỖ CHÍNH YẾU

Ba chỗ chính yếu: Cửa cái, Sơn chủ và Bếp ở tại 3 cung Khảm Tốn Ly trọn thuộc về Đông tứ trạch (không bị xen cung khác phe). Đó là một điều kiện ưu tiên cần phải có cho một ngôi nhà tốt. Cửa cái Khảm sanh Sơn chủ Tốn Mộc và Sơn chủ Tốn Mộc lại sanh Bếp Ly Hỏa, như vậy gọi là Thủy Mộc tương sanh, Mộc Hỏa thông minh, toàn các cách hay. Ba cung Khảm Tốn Ly hổ biến với nhau được Sinh khí, Diên niên và Thiên y là một bộ ba du niên tốt cho nên nhà này được mệnh danh là Nhà ba tốt (Bởi Khảm với Tốn hổ biến với nhau được Sinh khí, Khảm với Ly hổ biến được Diên niên, Tốn với Ly hổ biến được Thiên y). Phòng chúa có Sao chúa Tham lang Mộc là đại kiết tinh đăng diện hợp với Đông tứ trạch, đó là một cách tốt mạnh nhất.

Nói tóm lại: Đây là một ngôi nhà rất thịnh vượng, phú quý bậc nhất, và luận giải riêng từng chỗ như sau đây:

- Cửa cái Khảm: Cửa cái Khảm tuy không thấy an du niên nào, kỳ thật gián tiếp nó có tới 2 du niên tốt. Vì từ Sơn chủ Tốn hổ biến lại Khảm, tất Khảm cũng thừa Sinh khí như Tốn. Và từ Bếp Ly hổ biến lại Khảm cũng thừa Diên niên như Ly.

- Bếp Ly: Bếp Ly thừa Diên niên là kiết du niên, nhưng Diên niên Kim gặp Ly Hỏa tương khắc thất vị, chỉ tốt vừa vừa thôi, cách ăn uống ở bậc trung lưu. (Luận thêm: cách ăn uống và thức ăn ít khi thay đổi bởi có Cửa bếp và Hưởng bếp thừa Phục vị có ý nghĩa là trở lại thức ăn cũ, nhưng Phục vị đắc vị, món ăn vẫn tốt). Bếp Diên niên có tính cách làm cho gia đạo yên lành, sống lâu, mạnh khỏe và phát tài. Bếp Ly đối với Cửa cái Khảm, ở Kinh Dịch gọi là quẻ: Hỏa Thủy vị tề. Ly trung nữ, Khảm trung nam, vợ chồng chánh phối, tiền bạc đủ đầy, công danh hiển hách, con cháu nhiều... Nhưng ở lâu năm sẽ khắc vợ, tim đau mắt bệnh. (Đó là bởi Khảm khắc Ly, mà Ly thuộc vợ, tim, mắt).

Dương trạch tam yếu

- Sơn chủ Tốn: Sơn chủ là chỗ hệ trọng tối đa vì nó đã trực tiếp thừa một du niên, lại còn ảnh hưởng mạnh nhất với Sao chúa. Nhà này Cửa cái Khảm Thủy sinh Sơn chủ Tốn Mộc là ngoài sinh vào trong (sinh hoạnh tài và sinh kế thật phát đạt. Khảm thuộc Dương và Tốn thuộc Âm có Dương phối hợp, là điềm thịnh vượng lâu dài, con cháu đông đảo... Lại phú quý về vang, gái đẹp làm nên).

Sơn chủ Tốn thừa Sinh khí là một đại kiết du niên đăng diện là hợp trạch (loại Mộc hợp với Đông tứ trạch) khiến cho nhà hưng thịnh vô cùng, đem sự sống mạnh khỏe, mức sống rất cao cho trọn số nhân khẩu, dù sinh kế là nghề nào cũng trội hơn thiên hạ.

Sơn chủ Tốn ảnh hưởng với Sao chúa Tham lang Mộc là một kiết tinh đăng diện lại hợp trạch (Loại Mộc hợp với Đông tứ trạch), làm cho gia đạo hưng long, mau làm nên quan quý và lên tới bậc đại phú, hàng đầu lập nên nhiều phái nổi tiếng, viết nên nhiều sách hay ho, khéo léo và thông thạo mọi việc, nếu ăn ở có đạo đức sẽ là bậc vĩ nhân trong đời giúp ích cho nhân loại.

Như trên đã nói riêng Sơn chủ Tốn thừa Sinh khí và Sơn chủ Tốn ảnh hưởng với Tham lang. Giờ luận chung như vậy: Sơn chủ Tốn thừa Sinh khí gọi là Sinh khí trạch, lại ảnh hưởng với Tham lang nên cũng gọi là Tham lang trạch. Nhưng Sinh khí tức Tham lang, Tham lang tức Sinh khí (vì chúng tùy thuộc nhau) đều là tượng Thanh long cho nên gọi là lưỡng long nhập trạch (hai rồng vào nhà). Sinh khí và Tham lang tùy thuộc nhau tất ứng nghiệm in nhau như vậy: Hai rồng lên điện (đăng diện), kiết sự trùng lai (đến một lần hai việc tốt hoặc việc tốt đến hai lần giống nhau), 5 trai thi đỗ, trai thông minh, gái tuần tú, con hiếu cháu hiền, ruộng nương cùng gia sản lần lần sấm thêm, lục súc đầy chuồng, công danh vinh hiển, càng ở lâu càng thêm nhân khẩu mà không ai tay trắng (người nào cũng có cửa cải), gia tướng dư dùng, phát đạt cấp kỳ tới mãi lâu xa. Thật chính là một ngôi nhà phú quý song toàn, khó nhà nào bì kịp. Sơn chủ Tốn thuộc Mộc, gặp Sinh khí và Tham lang cũng Mộc, rất hợp với Đông tứ trạch. Và vì là loại Mộc cho nên những sự việc may mắn thường xảy đến nhằm năm tháng ngày giờ Giáp Ất (Mộc) hoặc Hợi Mẹo (Mộc cục). Ảnh hưởng tốt nhiều nhất cho hàng trưởng nữ, vì Tốn thuộc trưởng nữ. Loại Mộc ứng vào số 3 và số 8. Người chiếu theo trạch đồ này mà xây cất lên hay sửa chữa lại thì đến 30 ngày đăng sự vui mừng nhỏ, đến 80 ngày thành tựu việc khá hệ trọng, ở từ 3 đến 8 năm đã khá giàu, đến 30 năm phú quý song toàn, đến 80 năm đại phú đại quý.

(Chú ý: Ở trước, Động trạch đồ thứ nhì nơi gần 4 cũng được Tham lang đăng diện nhưng Sơn chủ thừa Hỏa hại là hung du niên lại bị Cửa cái khắc cho nên chỉ phát tới 30 năm mà thôi, không thể sánh bằng Động trạch thứ ba này cũng được Tham lang đăng diện nhưng Sơn chủ thừa Sinh khí là kiết du niên đăng diện).

LUẬN GIẢI BA CHỖ PHỤ THUỘC

Cửa phòng, Cửa bếp và Hương bếp đều ở tại Khảm thừa Phục vị đắc vị. Phục vị tuy tốt ít nhưng đắc vị lại hợp với Đông tứ trạch cho nên sự tốt được phục trợ, giúp cho nhà thịnh vượng không phải ít (khác với ba chỗ Phục vị thất vị ở Động trạch đồ thứ nhất).

KẾT LUẬN

Các sao và du niên đều thuộc Mộc rất hợp với 6 chỗ đồng thuộc Đông tứ trạch. Nhà này thuần một khí chất Mộc, phú quý song toàn. Như muốn tốt hơn một bậc nữa thì

Dương trạch tam yếu

sửa đổi ngăn 2 và ngăn 3 thành một ngăn chót, vì Tham lang sẽ trực ngộ với Sơn chủ trở nên nhập miếu, phát đạt hơn lên.

ĐÔNG TRẠCH ĐỒ KIỂU MẪU THỨ TƯ (ba ngăn)

(Xem bốn loại trạch số 17 trong Thiên VI lập thành)

(Hình vẽ trang 103)

VỊ TRÍ

Khảm sơn (chánh Bắc), Ly hướng (chánh Nam). Cửa cái là chính mộc môn tại Ly (chánh Nam). Sơn chủ tại Khảm (chánh Bắc). Bếp tại Chấn (chánh Đông). Hướng bếp ngó về Ly (chánh Nam). Cửa bếp tại Tốn (Đông nam). Phòng chúa tại ngăn 3 rộng lớn nhất có Sao chúa Tham lang. Cửa phòng chúa tại Ly (chánh Nam).

AN DU NIÊN

Chiếu theo cách lập thành nơi bài 8 trong Thiên I (Dẫn lộ) thì: Cửa cái tại Ly tất Sơn chủ Khảm thừa Diên (đắc vị), tất Bếp Chấn thừa Sinh khí (đăng diện), tất Hưởng bếp Ly thừa Phục vị (đắc vị) tất Cửa bếp Tốn thừa Thiên y (thất vị), tất Cửa phòng Ly thừa Phục vị (đắc vị). Ngoài ra, còn lấy Sơn chủ Khảm với Bếp Chấn hổ biến được Thiên y (Thiên y này ở trung gian ảnh hưởng với cả Sơn chủ và Bếp).

PHIÊN TINH

Cửa cái Ly ở chính giữa mặt tiền (thuộc chính môn) phải từ Ly biến 3 lần tới Sơn chủ Khảm tất được Diên niên; vậy an diên niên vào ngăn đầu. Diên niên thuộc Kim sanh Văn khúc Thủy., vậy an Văn khúc vào ngăn 2. Văn khúc Thủy sanh Tham lang Mộc, vậy an Tham lang vào ngăn 3.

CHỌN NGĂN LÀM PHÒNG CHÚA VÀ SAO CHÚA

Xem xét trong 3 ngăn nhà có ngăn đầu được Diên niên tức Vũ khúc là kết tinh đắc vị và ngăn 3 được Tham lang cũng là kết tinh đắc vị. Hai ngăn tốt bằng nhau nhưng không dùng ngăn đầu vì nó trực thuộc với Hưởng chớ không hệ thuộc về Sơn chủ. Vậy nên phải chọn ngăn 3 có Tham lang đắc vị, tu tạo nó cho cao rộng lớn nhất để làm Phòng chúa và tất nhiên Tham lang là Sao chúa.

- Nên chú ý: Dù cho Diên niên có thể dùng được cũng chẳng nên dùng vì nó thuộc Kim khắc Đông tứ trạch (Mộc) là ngôi nhà này: Lại như vậy nữa: nếu dùng ngăn đầu tu tạo rộng lớn nhất để làm Phòng chúa tất các ngăn đầu nhỏ hơn. Đó là trước lớn rộng mà sau nhỏ hẹp, tượng hình con cá đói lâu ngày, đầu nó to mà thân mình ôm nhỏ, đồng với ý nghĩa trước tốt sau xấu, có tiếng mà không có miếng.

LUẬN GIẢI BA CHỖ CHÍNH YẾU

Ba chỗ chính yếu là Cửa cái, Sơn chủ và Bếp ở nhằm cung Ly Khảm Chấn trọn thuộc về Đông tứ trạch là điều kiện ưu tiên cần phải có một ngôi nhà ở tốt. Nếu gia chủ Đông mệnh thì hợp với nhà này hơn Tây mệnh. Ngoài ra, nhà còn có những cách tốt như sau: sanh kế phát đạt. Bếp Chấn Mộc sanh Cửa cái Ly Hỏa gọi là Mộc Hỏa thông minh, ứng điềm công danh hiển hách. Ba cung Khảm Ly Chấn hổ biến được ba du niên tốt là Sinh khí, Diên niên và Thiên y cho nên nhà này được mệnh danh là Nhà ba tốt, các việc may mắn tụ tập vào nhà. (Chấn với Ly hổ biến được Sinh khí, Ly với Khảm hổ

Dương trạch tam yếu

biến được Diên niên, Khảm với Chấn hổ biến được Thiên y). Luận riêng cho Sơn chủ Khảm và Bếp Chấn như sau:

- Sơn chủ Khảm: thừa Diên niên đắc vị cũng đã quá tốt, hưởng chi còn được ảnh hưởng lớn lao của Sao chúa Tham lang đắc vị và nhập miếu lại hợp với Đông tứ trạch. Như vậy ngôi nhà này đã gọi là Diên niên trạch mà cũng gọi là Tham lang trạch, ứng nghiệm như sau: năm phước tròn đủ (phú, quý, thọ, khang, ninh), sống lâu nhờ mạnh khỏe, nam thông minh, nữ tuần tú, con hiếu cháu hiền, ruộng nương cùng sản nghiệp thêm nhiều, lục súc hưng vượng, khoa cử đỗ liền liền, áo trắng bước lên cung điện, tay đỡ làm nên nhà, phú quý tốt cao, nhân khẩu càng đông. Ở nhà này tới 3 năm hay 8 năm đã hưng phát, ở tới 30 hay 80 năm hưng phát lớn. Đáng gọi đây là một ngôi nhà cứu bản đệ nhất mau (dạng nghèo mau trở nên giàu). Nếu năm Dần tu tạo được ngôi nhà này thì qua năm Mẹo đã phát lên (vì Dần Mẹo Mộc hợp với Đông tứ trạch). Những sự việc may mắn thường đưa đến nhằm năm tháng ngày giờ Hợi Mẹo Mùi (Mộc cục).

- Bếp Chấn: Bếp tại Chấn thuộc Mộc đối với Cửa cái tại Ly thuộc Hỏa, ở Kinh Dịch gọi là quẻ Lôi hỏa phong, ở dương trạch gọi là Mộc hỏa thông minh, lại cũng gọi là Thanh long nhập trạch vì Sinh khí tượng Thanh long, chánh hiệu là Đông trù tư mạng của Đông tứ trạch, tốt bậc nhất. Bếp này phải ở trong một ngôi nhà vừa phú vừa quý, gia tăng ruộng nương sản nghiệp, con người và tài năng đều trong sạch, tốt đẹp, thi đỗ liên kỳ cập đệ, phụ nữ cũng làm nên nhà cửa. Lại đoán rằng: Bếp Sinh khí, rồng tiến tới cửa nhà bạc, danh lớn như sấm nổ, vận lên như nước sóng lên, khoa danh cầm chắc, tiền tài cùng tràn bửu như mây tụ lại, oán trên ban đầm vũ lộ, không có ý cầu mà được phú quý, những vinh quang tự nó dâng tới cho mình.

(Cần chú ý: Phạm các Bếp thừa Sinh khí thì chẳng nên khai hậu môn tức mở cửa sau cho ngăn nhà có Bếp vì sợ Sinh khí tiết tán ra bớt tốt).

Kết luận ba chỗ chính yếu: Ngôi nhà này đáng lẽ chẳng hoàn toàn như lời đã luận ở trên, vì trong ba chỗ chính yếu có Sơn chủ Khảm Thủy khắc Cửa cái có Ly Hỏa, ở lâu năm rồi gia đạo sanh bất hòa, khắc hại vợ sanh chứng đau tim bụng, tật bệnh mất... Nhưng nhờ có Bếp Chấn Mộc giải hết các tai hại ấy mà nhà trở nên hoàn toàn tốt. Bởi Sơn chủ Khảm Thủy bị bệnh sanh Bếp Chấn Mộc làm trung gian cho Sơn chủ Khảm chẳng còn hơi sức đâu mà khắc được Cửa cái Ly Hỏa. Lại nói rằng Khảm Thủy sanh Chấn Mộc rồi Chấn Mộc sanh Ly Hỏa, ấy là ba chỗ chính yếu sanh chuyển (đệ sanh), nhà ở lần lần hưng phát lên. Nếu dùng Bếp Tốn Mộc cũng có thể tốt gần bằng như Bếp Chấn. Còn dùng các Bếp Ly Bếp Khảm cũng là những Bếp tốt, song không giải được những tai hại như trên đã kể.

LUẬN GIẢI BA CHỖ PHỤ THUỘC

Miệng lò Bếp ngó về hướng Ly cho nên gọi Ly là Hướng Bếp thừa Phục vị đắc vị, khá tốt. Cửa Bếp Tốn thừa Thiên y thất vị, tốt bình thường. Cửa phòng Ly cũng như Hướng bếp Ly thừa Phục vị đắc vị, khá tốt.

Tóm lại, ba chỗ phụ thuộc đều được du niên tốt vừa vừa, nhưng điều hệ trọng là ba cung Ly Tốn Ly đều hợp với ngôi nhà Đông tứ trạch tất phải có phụ thêm phước lộc cho nhà, chẳng có chỗ nào làm hao giảm.

ĐÔNG TRẠCH ĐỒ KIỂU MẪU THỨ NĂM (năm ngấn)

(Xem 4 loại trạch số 17 trong Thiên VI lập thành)

(Hình vẽ trang 106)

Dương trạch tam yếu

Chú ý: Với kiểu mẫu khác, ngôi nhà này không phải nóc bằng mà là nóc nhọn vì được cất làm hai mái đầu lại bởi cái rường nhà là chỗ cao nhất trong nhà, (Rường nhà tục gọi là con lươn, nếu là nhà cất bằng cây lá tất có gác cái đòn dông xuôi theo rường nhà. Nhà này giả dụ có năm ngăn và ngăn chính giữa bốn ngăn kia là ngăn thứ 3 ở nhằm ngay rường nhà, tức thị ngăn 3 này là ngăn trung tâm và cao vót hơn tất cả bốn ngăn kia.

VỊ TRÍ

Sơn tại Khảm (chánh Bắc). Hưởng tại Ly (chánh Nam). Cửa cái là chính môn tại Ly. Sơn chủ tại Khảm. Bếp tại Chấn (chánh Đông). Hưởng bếp ngó về Khảm (chánh Bắc). Cửa bếp tại Tốn (Đông nam). Phòng chúa tại ngăn 5 có Sao chúa Cự môn. Cửa phòng chúa tại Tốn (Đông nam).

AN NIÊN

Chiếu theo cách lập thành nơi bài 8 trong thiên Dẫn lộ: Cửa cái tại Ly tất Sơn chủ Khảm Thủy thừa Diên niên Kim (đắc vị); tất Bếp Chấn Mộc thừa Sinh khí Mộc (đăng diện), tất Hưởng bếp Khảm Thủy thừa Diên niên Kim (đắc vị), tất Cửa bếp và Cửa phòng đồng tại Tốn Mộc thừa Thiên y Thổ (thất vị). Ngoài ra, còn lấy Sơn chủ Khảm với Bếp Chấn hổ biến được Thiên y (ảnh hưởng tốt cho cả Sơn chủ và Bếp).

PHIÊN TINH

Cửa cái tại Ly là chính môn, phải khởi từ Ly biến 3 lần tới Sơn chủ Khảm tất được du niên Diên niên, vậy an Diên niên vào ngăn đầu. Diên niên thuộc Kim sanh Văn khúc Thủy, vậy an Văn khúc vào ngăn 2. Văn khúc Thủy sanh Tham lang Mộc, vậy an Tham lang vào ngăn 3. Tham lang Mộc sanh Liêm trinh Hỏa, vậy an Liêm trinh vào ngăn 4. Liêm trinh Hỏa sanh Cự môn Thổ, vậy an Cự môn vào ngăn 5.

CHỌN NGĂN LÀM PHÒNG CHÚA VÀ SAO CHÚA

Xem xét trong năm ngăn nhà, ngăn 3 có Tham lang và ngăn 5 có Cự môn đều là kiết tinh. Nhưng Tham lang Mộc đắc vị vì Mộc đối với Sơn chủ Khảm tương sanh, còn Cự môn Thổ thất vị vì Thổ với Thủy tương khắc. Theo lẽ đó tất phải chọn ngăn 3 có Tham lang đắc vị làm Phòng chúa và Sao chúa (bởi đắc vị tốt hơn thất vị). Nhưng vì theo như trên đã nói, ngôi nhà này có cái nóc cao vót do hai mái đầu lị và ngăn 3 là ngăn trung tâm ở chính giữa bốn ngăn kia (trước hai ngăn sau hai ngăn) lại ở trúng nhằm ngay cái nóc cao vót, nghĩa là ngăn 3 này ở trung tâm và cao hơn tất cả bốn ngăn kia, không nên chọn nó làm Phòng chúa và Sao chúa. Bởi sao? Bởi sách có câu: Tâm cao tài tứ tán. Tâm cao là nói ngăn trung tâm cao hơn tốt. Tài tứ tán là nói tiền bạc hao tứ tung. Nhưng nên hiểu: nếu ngăn cao chót vót này không phải là ngăn trung tâm của năm ngăn thì vô hại, mà lại còn nên chọn lấy nó làm Phòng chúa như ở Động trạch đồ kiểu mẫu thứ tư chẳng hạn. Và cũng nên hiểu nếu là nhà quan chức thì không có cái hệ Tâm cao tài tứ tán mà trái lại rất tốt cho đường công danh sẽ tiến lên tới hàng thượng phẩm. Nhà nóc bằng không có trường hợp cao này.

Kết luận: Nhà dân thì nên chọn ngăn 5 có Cự môn là kiết tinh thất vị làm Phòng chúa và Sao chúa. Còn nhà quan chức thì nên chọn ngăn 3 có Tham lang là kiết tinh đắc vị làm Phòng chúa và Sao chúa.

Dương trạch tam yếu

LUẬN GIẢI BA CHỖ CHÍNH YẾU

Ba chỗ chính yếu ngôi nhà này ở nhằm ba cung Ly Khảm Chấn là Đông tứ trạch giống y như ngôi nhà Động trạch kiểu mẫu thứ tư, nghĩa là hợp với gia chủ Đông mệnh hơn Tây mệnh và cũng có y như nhau 3 cách tốt: Thủy Mộc tương sanh, Mộc Hỏa thông minh và là Nhà ba tốt. Thủy Mộc tương sanh thì nhà làm ăn phát đạt. Mộc Hỏa thông minh thì nhà công danh rực rỡ; Nhà ba tốt là nhà tụ hợp những sự may mắn. Luận riêng cho Sơn chủ Khảm và Bếp Chấn như sau:

Sơn chủ Khảm phối với Cửa cái Ly, ở Kinh Dịch gọi là quẻ Thủy Hỏa ký tể. Khảm phối Ly có đủ âm dương là vợ chồng chánh phối. Sơn chủ Khảm thừa Diên niên Kim đắc vị tạo thành cuộc phú quý, phước lộc tròn đầy, con cháu đầy nhà mà trung hiếu hiền lương... (đáng lẽ phải nói thêm như vậy: nhưng ở lâu năm thì khắc hại vợ, tìm bụng đau nhức, mất hay bị bệnh, đó là bởi Sơn chủ Khảm khắc Cửa cái Ly, song đây không kể vào là bởi có Bếp Chấn Mộc làm cứu tinh, giải khỏi hết các tai ách đó. Vì sao gọi là cứu tinh? Vì Sơn chủ Khảm Thủy tham sanh Bếp Chấn Mộc không còn có ý khắc Cửa cái Ly Hỏa. Sách có câu: Hung khắc tham sanh vô úy kỵ là nói chỗ hung khắc tham sanh không còn kỵ sợ nó nữa. Trường hợp này in như ở Động trạch thứ tư).

Sơn chủ Khảm ảnh hưởng mạnh với Sao chúa Cự môn Thổ là một kiết tinh có năng lực sanh phát tiền tài, khiến cho gia đạo và công danh hưng vượng, Nho Thích Lão ba đạo đều rành, được sư và tướng số là hai ngành nghề làm nên danh tiếng. Nhưng hiềm một nỗi Cự môn thất vị lại là sao Thổ không hợp với Đông tứ trạch cho nên sự phát đạt đứng vào hạng trung bình (Cự môn thất vị không bằng Cự môn đắc vị rất tốt ở Động trạch đồ thứ nhất).

Bếp Chấn Mộc này cũng y như Bếp Chấn Mộc ở Động trạch đồ thứ 4 cho nên những lời luận giải in nhau, thỉnh xem trở lại.

LUẬN GIẢI BA CHỖ PHỤ THUỘC

Ba chỗ phụ thuộc là Hướng bếp, Cửa bếp và Cửa phòng. Ngôi nhà này ếp đặt tại Chấn nhưng miệng lò ngó về hướng Khảm. Hướng bếp Khảm thừa Diên niên đắc vị rất tốt. Cửa bếp và Cửa phòng đồng tại Tốn thừa Thiên y thất vị tốt vừa vừa. Tóm lại ba chỗ phụ thuộc đều thừa kiết du niên và Khảm Tốn Tốn là ba cung đều hợp với Đông tứ trạch tất nhiên thêm tốt cho ngôi nhà khá nhiều.

Như chủ nhà Đông mệnh là hợp trạch rất tốt, bằng chủ nhà Tây mệnh tất không hợp trạch, bất tốt. Nếu chủ nhà Tây mệnh thì phải sửa Hướng bếp là để miệng lò ngó về hướng Tây Đoài cho hợp với mệnh cung chủ nhà ắt khỏi bị bất sự tốt. Cho đến giường ngủ và đầu giường của chủ nhà cũng nên đặt vào các phương hướng thuộc Tây ứ cung (Kiền Khôn Cấn Đoài), như vậy mới không còn nói là không hợp nữa.

ĐỘNG TRẠCH ĐO KIỂU MẪU THỨ SÁU (Năm ngấn)

(Xem bốn loại trạch số 7 trong Thiên VI lập thành)

(Hình vẽ trang 109)

VỊ TRÍ

Sơn tại Đoài (chánh Tây). Hướng tại Chấn (chánh Đông), Cửa cái tại Cấn (Đông bắc) là thiên môn. Sơn chủ tại Đoài (chánh Tây). Bếp tại Khôn (Tây nam). Hướng bếp, Cửa bếp và Cửa phòng chúa đồng tại Cấn (Đông bắc). Phòng chúa tại ngấn 5 rộng lớn nhất có Sao chúa Vũ khúc kiết tinh đăng diện lại nhập miếu.

Dương trạch tam yếu

AN DU NIÊN

Chiếu theo cách lập thành nơi bài 8 trong Thiên I: Cửa cái tại Cấn tất Sơn chủ Đoài thừa Diên niên Kim (đăng diện), tất Bếp Khôn thừa Sinh khí Mộc (thất vị), tất Hưởng bếp, Cửa bếp và Cửa phòng đồng tại Cấn thừa Phục vị Mộc (thất vị). Ngoài ra, còn lấy Sơn chủ Đoài với Bếp Khôn hỗ biến được Thiên y rất tốt cho cả hai bên (vì Thiên y Thổ đối với Đoài Kim, Kim là tương sinh đắc vị, đối với Khôn Thổ tỷ hòa là đăng diện).

PHIÊN TINH

Cửa cái Cấn ở một bên là thiên môn tất phải lấy từ Cấn biến 4 lần tới Chấn hưởng được Lục sát Thủy cho nên phải an Lục sát vào ngăn đầu Lục sát Thủy sinh Tham lang Mộc, vậy an Tham lang vào ngăn 2. Tham lang Mộc sinh Liêm trinh Hỏa, vậy an Liêm trinh vào ngăn 3. Liêm trinh Hỏa sinh ự môn Thổ, vậy an Cự môn vào ngăn 4. Cự môn Thổ sinh Vũ khúc Kim, vậy an Vũ khúc vào ngăn 5.

CHỌN NGĂN LÀM PHÒNG CHÚA VÀ SAO CHÚA

Xem xét trong năm ngăn nhà thì: ngăn 2 có Tham lang, ngăn 4 có Cự môn và ngăn 5 có Vũ khúc đều là kiết tinh nhưng vẫn khác nhau. Tham lang Mộc thất vị, vì đối với Sơn chủ Đoài Kim tương khắc. Cự môn Thổ đắc vị vì đối với Sơn chủ Đoài Kim tương sinh. Vũ khúc Kim đăng diện vì đối với Đoài Kim tỷ hòa.

Kết luận: Kiết tinh thất vị tốt không bằng kiết tinh đắc vị. Kiết tinh đắc vị tốt không bằng kiết tinh đăng diện. Vì vậy nên chọn ngăn 5 có Vũ khúc Kim tinh đăng diện làm Phòng chúa. Ngoài ra, Vũ khúc còn được hai điều tốt nữa là ngăn chót trực ngộ với Sơn chủ gọi là nhập miếu tất có cái sức thịnh vượng rất lớn mạnh, và Vũ khúc Kim rất hợp với Tây tứ trạch. Lại nữa Vũ khúc Kim hiệp với Diên niên cũng Kim tùy thuộc nhau mà ra vượng khí cho ngôi nhà đại phú. Có thể gọi ngôi nhà này là Vũ khúc trạch hay Diên niên trạch. Hoặc nói ngôi nhà này có hai sao Vũ khúc hay hai du niên diên niên, vì Vũ khúc tức Diên niên, Diên niên tức là Vũ khúc.

LUẬN ĐOÁN BA CHỖ CHÍNH YẾU

Cái tốt trước nhất của ngôi nhà này là Tây tứ trạch, vì ba chỗ chính yếu ở tại Cấn Đoài Khôn không có lân vào Đông tứ cung. Ba cung này so với nhau đều đăng tương sinh và tỷ hòa và hỗ biến với nhau được mệnh danh là Nhà ba tốt vì có đủ Sinh khí, Diên niên và Thiên y (Cấn với Khôn hỗ biến được Sinh khí, Cấn với Đoài hỗ biến được Diên niên, Đoài với Khôn hỗ biến được Thiên y). Tóm lại, ba chỗ chính yếu đều tốt. Và nếu chủ nhà Tây mệnh rất hợp ở ngôi nhà này, bằng Đông mệnh thì bớt tốt.

Sơn chủ Đoài: Sơn chủ thừa Diên niên lại gặp Vũ khúc đồng thuộc Kim nên tùy thuộc nhau cho nên có cái sức rất lớn rất mạnh để vượt lên phú quý tốt đỉnh. Có lời đoán như vậy: Vũ khúc trạch nhà sanh 4 trai cường thịnh. Diên niên trạch tuổi thọ thêm nhiều. Hai Kim đăng diện tiền bạc đầy rương, châu báu đầy tráp, cự phú chẳng sai. Diên niên và Vũ khúc, hợp thay Tây tứ trạch, nhà cửa hạng bậc hào hoa, tài trí, xuất thân từ hai cửa vũ văn, uy dũng mà nhân từ và hiếu hạnh, có tài cán lớn làm nên việc lớn, thông thạo trăm việc.

Lại luận đoán rằng: Cửa cái Cấn dương Thổ sanh Sơn chủ Đoài âm Kim là ngoài sanh vào trong: phước lộc phát lên mau, là âm dương có đủ, vợ chồng chánh phối. Sơn chủ Đoài thừa Diên niên đăng diện: tuổi nhỏ thi đỗ cao, hay có cửa bất ngờ, lộc sức

Dương trạch tam yếu

hưng vượng, ruộng nương và sản nghiệp có thêm, chồng vợ hòa hài, con cháu hiếu hiền, phụ nữ tuần tú và có chí khí và tài năng như bậc trưởng phu lập nghiệp tạo nên nhà cửa, con cháu đàn em hưng long, phát phước... Thật đây là một ngôi nhà Tây tứ trạch đệ nhất tốt. Ngày xưa Cam La 12 tuổi làm nên tể tướng là do ở ngôi nhà này vậy.

Diên niên và Vũ khúc đồng thuộc Kim ứng vào số 4 và số 9. Thế nên người chiếu theo Động trạch đồ mà cất lên hoặc sửa đổi cho giống y thì 40 đến 90 ngày ắt đặng việc tốt nhỏ. Ở từ 4 năm đến 9 năm thì tiền tài và nhân khẩu đều thịnh vượng. Từ 40 đến 90 năm phú quý song toàn. Phàm gia đình ăn ở theo đạo đức thì sau 90 năm hoặc sớm hơn ắt có sanh xuất bậc cái thế anh hùng làm nên đại sự trong thế gian.

Bếp Khôn: Bếp Khôn thuộc Thổ phối với Cửa cái Cấn cũng thuộc Thổ là tượng hai Thổ hợp nên thành lũy cao. Lại cũng gọi: mẹ gặp con là tượng vui mừng, mẹ hiền từ, con hiếu nghĩa (Khôn thuộc mẹ, Cấn thuộc con trai nhỏ). Bếp Khôn do Cửa cái Cấn mà được Sinh khí Mộc là tượng Thanh long vào nhà, chủ sự ăn uống đầy đủ, tích tụ tiền tài và châu ngọc. Nhưng vì Sinh khí Mộc khắc Khôn với Cấn Thổ cho nên về sau lâu bị bệnh phù thũng da vàng, tím bụng đau nhức, tỳ vị suy nhược, ăn không ngon. Lại đoán rằng: Khôn vi địa, Cấn vi sơn cho nên ở Kinh Dịch gọi là quẻ Địa sơn khiêm ứng như vậy: giàu nhiều mà sự hưng vượng mọi thứ cũng nhiều, lục súc và tiền tài đồng thời phát đạt. Từ 2 tới 5 năm dựng nên nhà cửa, mẹ già khá lo tử bệnh (Bếp Khôn này cũng y như Bếp Khôn ở Động trạch đồ thứ nhất).

LUẬN ĐOÁN BA CHỖ PHỤ THUỘC

Hướng bếp, Cửa bếp và Cửa phòng đồng ở tại Cấn Thổ thừa Phục vị Mộc thất vị (vì Mộc với Thổ tương khắc). Phục vị là du niên tốt rất ít lại bị thất vị và Mộc thì không hợp với Tây tứ trạch, hóa cho nên không thể thêm phước lợi vào nhà, nhưng cũng không làm giảm sự thịnh phát lớn của ngôi nhà.

LUẬN VỀ SỬA ĐỔI VÀ SAI BIẾT

Bếp Khôn Thổ thừa Sinh khí Mộc thất vị cũng là một cái bếp tốt, nhưng vì Mộc Thổ tương khắc nên về sau lâu sẽ bệnh hoạn như nói trên như đời Bếp qua Kiền Kim tất thừa Thiên y Thổ đắc vị sẽ tốt hơn, nhưng lại vì Kiền thuộc dương phối với Cửa cái Cấn cũng dương: dương khí nhiều mạnh tất âm phải suy khiến phụ nữ không thọ và về sau lâu con cháu tuyệt tự. Duy đời Bếp lại Đoài Kim tất thừa Diên niên Kim đăng diện ắt tốt trội hơn hai, Bếp Khôn Kiền tuy cũng có khuyết mất một điểm mà chẳng hại chi. Điểm khuyết đó là ba cung chính yếu Cấn Đoài Đoài hổ biến được hai Diên niên và một Phục vị tức không còn được mệnh danh Nhà ba tốt.

Kết luận: Sự tốt còn nguyên đủ mà có cái hại khác, chi bằng bớt một ít tốt mà chẳng có hại, vậy nên dùng Bếp Đoài cũng tốt như Sơn chủ Đoài vậy.

Ngôi nhà này là Tây tứ trạch, vậy nên chủ nhà Tây mệnh thì hợp với nhà, rất tốt. Bằng chủ nhà Đông mệnh tất không hợp với nhà thì phải chuyển hướng bếp ngó về Đông tứ cung (Khảm Ly Chấn Tốn) cho hợp với Đông mệnh của chủ nhà. Cho tới giường ngủ và đầu giường của chủ nhà cũng nên đặt để theo các phương hướng Đông tứ cung. Được như vậy thì không còn nói là không hợp nữa. Theo ngôi nhà này Bếp đặt tại Khôn Đoài Kiền đều là Bếp tốt, và cả ba đều có thể xoay trở cho Hướng bếp ngó về Đông tứ cung:

(Hình vẽ trang 112)

Dương trạch tam yếu

Xem như trên thì Bếp Khôn miệng lò ngó về hướng Khảm, Bếp Đoài miệng lò ngó về hướng Chấn, Bếp Kiền ngó về hướng Ly. Ba hướng Khảm Chấn Ly đều thuộc về Đông tứ cung.

ĐỘNG TRẠCH ĐỒ KIỂU MẪU THỨ BẢY (Yểm sát trạch)

(Xem Bốn loại trạch số 14 trong Thiên VI lập thành)

(Hình vẽ trang 112 và 113)

VỊ TRÍ

Sơn và Sơn chủ tại Kiền (Tây bắc). Hướng tại Tốn (Đông nam). Cửa cái là chính môn tại Tốn hướng Đông nam. Bếp tại Khảm (chánh Bắc). Cửa bếp thuộc ngăn 3 và Cửa phòng chúa thuộc ngăn 2 đều ở tại Chấn (chánh Đông). Tạo tác ngăn 2 rộng lớn nhất làm Phòng chúa để được Sao chúa Vũ khúc Kim là kiết tinh đăng diện. Trong phạm vi Phòng chúa có dựng Phòng ngủ và Cửa phòng ngủ đồng tại Đoài (chánh Tây).

AN DU NIÊN

Từ Cửa cái Tốn biến 5 lần tới Sơn chủ Kiền thừa Hỏa hại, biến 1 lần tới Bếp Khảm thừa Sinh khí (đắc vị), biến 3 lần tới Cửa bếp Chấn thừa Diên niên (thất vị), biến 3 lần tới Cửa phòng Chấn thừa Diên niên thất vị, biến 2 lần tới Hướng bếp Khôn thừa Ngũ quỷ, biến 4 lần tới Phòng ngủ Đoài thừa Lục sát. Ngoài ra, Sơn chủ Kiền Với Bếp Khảm hổ biến gặp Lục sát.

PHIÊN TINH

Cửa cái Tốn ở khoảng giữa mặt tiền (chính môn) thì phải từ Tốn biến 5 lần tới Sơn chủ Kiền được du niên Hỏa hại, vậy an Hỏa hại vào ngăn đầu. Hỏa hại thuộc Thổ sanh Vũ khúc Kim, vậy an Vũ khúc vào ngăn 2. Vũ khúc Kim sanh Văn khúc Thủy, vậy an Văn khúc vào ngăn 3.

CHỌN NGĂN LÀM PHÒNG CHÚA VÀ SAO CHÚA

Xem xét trong ba ngăn nhà thấy có 2 ngăn đặt an Vũ khúc là kiết tinh đăng diện. Vậy nên phải chọn ngăn 2 này tu tạo cho rộng lớn nhất để làm Phòng chúa và để được dùng Vũ khúc đăng diện làm Sao chúa.

LUẬN ĐOÁN BA CHỖ CHÍNH YẾU

Ba chỗ chính yếu của ngôi nhà này là Cửa cái Tốn, Bếp Khảm và Sơn chủ Kiền. Luận riêng từng chỗ như sau:

- Cửa cái Tốn: đem Sinh khí cho Bếp Khảm rất tốt, nhưng đem Hỏa hại cho Sơn chủ Kiền là điều bất lợi cũng không phải ít. Cũng như Cửa cái Tốn Mộc đối với Bếp Khảm thủy tương sanh là lợi, nhưng đối với Sơn chủ Kiền Kim tương khắc là hại.

- Bếp Khảm Thủy phối với Cửa cái Tốn Mộc là tương sanh, âm dương có đủ lại

thừa Sinh khí đặc vị toan la những cách tốt, ở Kinh Dịch tiền tài đều phong thịnh, khoa

giáp đỗ liền liền, nam thông minh, nữ tuấn tú, con hiếu cháu hiền, lục súc hưng vượng,

thật là một cái Bếp đại kiết đem đến phú quý và đông cháu con. Nhưng vì nó (Khảm)

Dương trạch tam yếu

đối với Sơn chủ Kiền hồ biến ra Lục sát là hung du niên cho nên phải bị giảm bớt phát đạt, vượng nhân đinh (thêm đông người) hơn là vượng tiền tài.

- Sơn chủ Kiền thừa Hỏa hại là một hung du niên lại cùng với Bếp Khảm hồ biến ra Lục sát cũng là một hung du niên nữa. Như vậy Sơn chủ là trụ cột ngôi nhà mà phạm tới 2 hung sát (Hỏa hại và Lục sát). Đó là chưa kể Sơn chủ khắc Cửa cái là điều nguy hại chẳng vừa. Do đó luận đoán như vậy: Sơn chủ Kiền thuộc dương Kim khắc Cửa cái Tốn thuộc âm Mộc, ấy là Dương thắng Âm suy cho nên phụ nữ không trường thọ, sanh sản chết mất, thường bị các chứng đau mắt và lưng mông, tim, bụng. Sơn chủ Kiền thừa Hỏa hại gọi là Hỏa hại trạch, tức là ngôi nhà sanh họa hoạn và tai họa. Hỏa hại lâm Kiền như thả giaặc về chủ nó, sẽ có sự phản phúc không sai. Tuy nhiên, lúc đầu cũng phát tài phát lộc, phát công danh nhỏ và thêm người, vì Hỏa hại tức sao Lộc tồn tuy có hại mà cũng có lộc. Và Hỏa hại Thổ sanh Kiền Kim như người đau nhưng bệnh chứng không hành hung quá đổi. Sơn chủ Kiền với Bếp Khảm tuy tương sanh mà hồ biến ra Lục sát là hợp nhau để gây nên hại. Lục sát có tánh cách bất chánh, thường sanh ra việc gió trăng, vượt tường dòm ngó... Nhưng tai họa không trọng đại vì Lục sát Thủy đối với Khảm Thủy tỷ hòa, đối với Kiền Kim tương sanh. Còn một điều rất đáng chú ý: tuy Sơn chủ Kiền khắc Cửa cái Tốn và biến sanh du niên Hỏa hại là ngôi nhà tai hại chẳng ít, nhưng nhờ Bếp Khảm đứng trung gian có thể giải được sự khắc hại đó. Vì Kiền Kim mắc lo sanh Khảm Thủy không còn để tâm khắc Tốn Mộc nữa, trí lại nó đổi thành một cuộc tấn sanh rất tốt (Kiền Kim sanh Khảm Thủy, rồi Khảm Thủy sanh Tốn Mộc). (Động trạch đồ kiểu mẫu thứ tư cũng có trường hợp như vậy).

Suy theo trên thì ngôi Hỏa hại trạch này do Sơn chủ Kiền làm chủ, không thể phát lên được. Nhưng rất may Sơn chủ Kiền còn ảnh hưởng với Sao chúa Vũ khúc Kim là kết tinh đẳng diện thừa sức trấn áp du niên Hỏa hại hóa nên ngôi nhà này rất tốt có thể phát lên giàu sang tới 40 năm hoặc hơn, rồi sau đó mới suy kém dần dần. Đáng lẽ

Dương trạch tam yếu

chỉ nói phát lên có 30 năm thôi, nhưng nhờ Bếp Khảm giải được cái khác của Sơn chủ Kiền khắc Cửa cái Tốn như trên đã dẫn giải. Như vậy, ngôi nhà này cũng gọi là Yểm sát trạch, nghĩa là dùng kiết tinh đăng diện ở Phòng chúa để trấn áp hung du niên tại Sơn chủ. (Động trạch kiểu mẫu thứ nhì cũng là Yểm sát trạch, nhưng chỉ phát tới 30 năm mà thôi, nhưng nhờ Bếp Khảm giải được cái khác của Sơn chủ Kiền Cửa cái Tốn như trên đã dẫn giải. Như vậy ngôi nhà này cũng gọi là Yểm sát trạch, nghĩa là dùng kiết tinh đăng diện ở Phòng chúa để trấn áp hung du niên tại Sơn chủ. (Động trạch kiểu mẫu thứ nhì cũng là Yểm sát trạch, nhưng chỉ phát tới 30 năm mà thôi vì không có cái Bếp để hóa giải sự tương khắc của Sơn chủ với Cửa cái).

(Xem những sự việc ứng nghiệm của Sao chúa Vũ khúc ở bài 11 và 16 trong Thiên dẫn lộ).

LUẬN GIẢI BA CHỖ PHỤ THUỘC VÀ PHÒNG NGỦ TẠI ĐOÀI

Cửa phòng và Cửa bếp đồng tại Chấn thừa Diên niên là du niên tốt, nhưng thất vị chỉ toot vừa vừa. Duy Hưởng bếp ngó về Khôn thừa Ngũ quỷ là đại hung sát, nhưng nếu chủ nhà là Tây mệnh thì lại tốt vì Khôn đồng một phe phía với Tây mệnh. Ngoài ra trong ngăn 2 còn có dựng một Phòng ngủ chủ nhà tại Đoài. Phòng ngủ và cửa phòng ngủ đồng ở tại Đoài của ngăn 2, thừa Lục sát là hung du niên. Phòng ngủ chủ nhà cũng có một phần ảnh hưởng tốt xấu. Nếu chủ nhà Tây mệnh thì hợp với Phòng ngủ Đoài này, bằng chủ nhà Đông mệnh tất không hợp, phải dời Phòng ngủ tại Ly thừa Thiên y, đã hợp mệnh mà lại hợp trạch nữa. (Chớ làm Phòng ngủ này với Chủ phòng ở Tịnh trạch Thiên II).

ĐỘNG TRẠCH ĐỒ KIỂU MẪU THỨ TÁM (Yểm sát trạch)

(Xem Bốn loại trạch đồ số 11 Thiên VI Lập thành)

(Hình vẽ trang 115)

VỊ TRÍ

Đoài sơn (chánh Tây), Chấn hướng (chánh Đông. Cửa cái là chính môn tại Chấn (Chánh Đông). Sơn chủ tại Đoài (chánh Tây). Bếp tại Khôn (Tây nam). Hưởng bếp ngó về Khảm (chánh Bắc). Cửa bếp và Cửa phòng chúa đồng tại Cấn (Đông bắc). Phòng chúa tại ngăn 5 có Sao chúa Cự môn là kiết tinh đắc vị và nhập miếu Trong phạm vi của Phòng chúa có dựng Phòng ngủ và Cửa phòng ngủ đều ở trong khoảng cung Tốn.

AN DU NIÊN

Từ Cửa cái Chấn biến 7 lần tới Sơn chủ Đoài thừa Tuyệt mệnh (hung), biến 5 lần tới Bếp Khôn thừa Hỏa hại (hung), biến 4 lần tới Cửa bếp Cấn và Cửa phòng cũng Cấn đồng thừa Lục sát (hung), biến 6 lần tới Hưởng bếp Khảm thừa Thiên y (kiết), biến 3 lần tới Phòng ngủ Tốn thừa Diên niên (kiết). Ngoài ra, Sơn chủ Đoài với Bếp Khôn hổ biến được Thiên y (kiết).

PHIÊN TINH

Cửa cái là chính môn tại Chấn tất phải lấy Chấn biến 7 lần tới Sơn chủ Đoài thừa Tuyệt mệnh, vậy an Tuyệt mệnh vào ngăn đầu. Tuyệt mệnh Kim sinh Văn khúc Thủy, vậy an Văn khúc vào ngăn 2. Văn khúc Thủy sinh Tham lang Mộc, vậy an Tham

Dương trạch tam yếu

lang vào ngăn 3. Tham lang Mộc sinh Liêm trình Hỏa, vậy an Liêm trình vào ngăn 4. Liêm trình Hỏa sinh Cự môn Thổ, vậy an Cự môn vào ngăn 5 là ngăn cuối cùng.

CHỌN NGĂN LÀM PHÒNG CHÚA VÀ SAO CHÚA

Xem xét trong năm ngăn nhà thì thấy ngăn 3 có Tham lang và ngăn 5 có Cự môn đều là kiết tinh, nhưng Tham lang Mộc đối với Sơn chủ Đoài Kim tương khắc là thất vị không tốt bằng Cự môn Thổ đối với Sơn chủ Đoài Kim tương sinh là đắc vị lại ở ngăn cuối cùng là nhập miếu. Vậy nên chọn ngăn 5 tu tạo cho rộng lớn nhất làm Phòng chúa để được Sao chúa Cự môn là kiết tinh đắc vị lại nhập miếu rất tốt.

LUẬN GIẢI BA CHỖ CHÍNH YẾU

Cửa cái Chấn biến sanh ra Tuyệt mệnh cho Sơn chủ Đoài lại biến sanh ra Hỏa hại cho Bếp Khôn, đó là một cái cửa rất bất lợi. Sơn chủ Đoài thừa Tuyệt mệnh là du niên đại hung lại còn khắc Cửa cái Chấn thật là tai họa vô cùng. Bếp Khôn thừa Hỏa hại là cái bếp gây nên họa bệnh.

Tóm lại, ba chỗ chính yếu nói trên toàn thừa hung sát, ở ngôi nhà này tất phải suy vi. Nhờ ở Phòng chúa có Sao chúa Cự môn là kiết tinh đắc vị lại nhập miếu, các hung sát phải thoái phục (lui ẩn) cho nên nhà này tạm phát phú quý trong 20 hay 25 năm là nhiều, rồi sau đó, khi kiết khí của Cự môn đã suy yếu, các hung sát nổi dậy, gây nên tai biến theo sự ứng nghiệm của chúng như sau: Sơn chủ Đoài thừa Tuyệt mệnh như loài mang thú lớn lên rồi phá hủy chỗ sanh ra nó và cắn lại mẹ nó. Cửa cái Cấn thuộc dương Mộc phối với Sơn chủ Đoài thuộc Kim là âm với dương tương khắc có tượng rồng với hổ tranh đấu nhau làm thương sấu tới bậc tôn trưởng, số người ở chẳng thêm, tiền tài lần lần hao hụt, thường sanh bệnh nơi lưng, tim bụng, hiếm con nối dòng, linh đình cô quả, người ra riêng cũng sống độc thân. Bếp Khôn thổ bị Cửa cái Chấn Mộc khắc hại làm thương tổn lão mẫu, âm nhân cùng tiểu nhi đau chứng trong ngực chứa hòn cục, phụ nữ bệnh da vàng, trưởng nữ nghịch với mẹ với dì, cờ bạc ham vui, phá gia bại sản, cổ họng chẳng thông, khí độc xông tim, bụng dạ bành trướng, chẳng muốn ăn, người chết rồi tài sản tiêu ma, thật đáng thương cho người vậy.

LUẬN GIẢI BA CHỖ PHỤ THUỘC

Cửa phòng và Cửa bếp đều đặt tại Cấn và đồng thừa Lục sát, còn Hướng bếp ngó về Khảm thừa Thiên y. Như vậy hai xấu một tốt. Trong thời kỳ hưng thịnh (lúc đầu) chẳng hại chi lắm, nhưng đến lúc suy vi thêm một ít họa cũng là nặng nề.

LUẬN VỀ SỰ SỬA ĐỔI VÀ SAI BIỆT

Như trên đã luận ngôi nhà này chỉ phát đạt vài chục năm. Vậy khi ở được lối 15 năm phải lo cất lại hay sửa đổi lại, sớm hơn càng hay. Như muốn sửa đổi cho tốt hơn thì chỉ cần có một việc là dời Cửa cái là nhà trở nên rất thịnh vượng lâu dài. Cửa cái tại Chấn dời qua Cấn bên tả mặt tiền, trạch đồ sẽ biến đổi lại như sau:

(Hình vẽ trang 117, 118)

HƯỚNG CHỖ KHÁC NHAU VỀ TRẠCH ĐỒ

Chỉ có một việc là dời Cửa cái mà ngôi nhà trước với ngôi nhà sau khác nhau đại khái có 5 điểm:

Dương trạch tam yếu

1) Ngôi nhà trước Cửa cái là chính môn tại Chấn, còn ngôi nhà sau Cửa cái là thiên môn tại Cấn, vì vậy cách phiên tinh khác nhau.

2) Ngôi nhà trước Sơn chủ Đoài thừa Tuyệt mệnh, còn ngôi nhà sau cũng Sơn chủ Đoài thừa Diên niên đăng diện rất tốt.

3) Ngôi nhà trước Bếp Khôn thừa Họa hại, còn ngôi nhà sau cũng Bếp Khôn nhưng thừa Sinh khí là kết du niên.

4) Ngôi nhà trước dùng Cự môn đắc vị làm Sao chúa, còn ngôi nhà sau dùng Vũ khúc đăng diện làm Sao chúa. Dùng Vũ khúc tốt hơn Cự môn 2 điểm: một là đăng diện tốt hơn đắc vị. Hai là Vũ khúc đem vượng khí cho Tây tứ trạch tốt hơn Cự môn đem tướng khí cho Tây tứ trạch (Tỷ hòa gọi là vượng khí, tướng sanh gọi là tướng khí).

5) Ngôi nhà trước Cửa cái là Đông tứ cung mà Bếp và Sơn chủ là Tây tứ cung, đó là ngôi nhà hỗn loạn. Còn ngôi nhà sau ba chỗ chính yếu lập tại Cấn Đoài Khôn trọn bộ Tây tứ cung là thuần túy Tây tứ trạch, ba cung đối với nhau hổ biến được toàn là kết du niên.

KẾT LUẬN

Ngôi nhà trước miễn cưỡng phát đạt tới 25 năm đầu mà vẫn ứng có tai họa. Còn ngôi nhà sau tự nhiên hưng phát tới 90 năm và có thể không ứng với tai họa (vì không có hung du niên).

Chú ý: Thỉnh xem những lời giải đoán và các sự việc ứng nghiệm của Đông trạch đồ thứ Sáu, vì ngôi nhà sau này hầu hết giống như Đông trạch thứ Sáu đó. Duy có một chỗ khác là Hưởng bếp của Đông trạch thứ Sáu ngó về Cấn, còn Hưởng bếp của ngôi nhà sau này ngó về Khảm. Vậy nếu chủ nhà Tây mệnh thì nên dùng Hưởng bếp Cấn, còn chủ nhà Đông mệnh ắt nên dùng Hưởng bếp Khảm.

LỜI DẶN THIẾT YẾU: Phàm các ngôi nhà thuộc về Yểm sát trạch (như Đông trạch thứ Nhì, thứ Bảy và thứ Tám) phải trừ liệu sửa đổi lại trong lúc còn đang hưng phát. Đừng đợi tới thời gian suy bại mới chịu tu tạo lại e không kịp, bởi tới lúc suy vi rồi rất khó có phương tiện hoàn thành ý muốn.

HẾT THIÊN ĐỘNG TRẠCH

BIẾN – TRẠCH

Biến trạch là ngôi nhà từ mặt tiền tới mặt hậu được phân làm từ 6 ngăn tới 10 ngăn. Lấy tường, vách, cửa làm hình tượng phân chia. Ngoài ra, tủ và màn dăng ngang hoặc các vật có thể di động dùng để chắn ngang không thay thế cho tường vách được, tức là chẳng phải hình thức phân chia.

Tất cả các việc phải làm theo Biến trạch, như phân cung, điểm hướng, an du niên, chọn ngăn làm Phòng chúa và Sao chúa, cách luận đoán ...v...v... đều giống như Động trạch (Thiên III), chỉ khác một việc phiên tinh mà thôi. Vậy phiên tinh cho Biến trạch cần thấu đáo trước 8 điều sau đây:

- Điều 1: Tính du niên cho ngăn đầu:

Do Cửa cái là chính môn hay thiên môn mà tính du niên cho ngăn đầu. Cách tính này giống y như ở Động trạch (Thiên III) nơi tiết 5 có chỉ dẫn rõ cách an du niên vào ngăn sau có chính môn và an du niên vào ngăn đầu có thiên môn xem lại.

Dương trạch tam yếu

- Điều 2: Đổi tên du niên ra tên sao:

Đồ bài 7 là niên tinh tùy thuộc trong Thiên I mà đổi tên du niên ở ngăn đầu ra tên sao như vậy:

- . Du niên Sinh khí đổi ra sao Tham lang (vì đồng thuộc chính Mộc)
- . Du niên Phục vị tức là sao Phụ bát (vì đồng thuộc phụ Mộc)
- . Du niên Ngũ quỷ đổi ra sao Liêm trinh (vì đồng thuộc chính Hỏa)]. Du niên Thiên y đổi ra sao Cự môn (vì đồng thuộc chính Thổ).
- . Du niên Họa hại đổi ra sao Lộc tồn (vì đồng thuộc phụ Thổ)
- . Du niên Diên niên đổi ra sao Vũ khúc (vì đồng thuộc chánh Kim)
- . Du niên Tuyệt mệnh đổi ra sao Phá quân (vì đồng thuộc phụ Kim)
- . Du niên Lục sát đổi ra sao Văn khúc (vì đồng thuộc chánh Thủy)

Chú ý: Ngăn đầu không bao giờ gặp du niên Phục vị tức sao Phụ bát.

- Điều 3: Năm sao chánh Ngũ hành và 3 sao phụ hành:

Như ở điều 2 cũng đã nêu trong bộ sao có 5 sao thuộc chánh Ngũ hành và 3 sao thuộc phụ Ngũ hành.

Năm sao thuộc chánh Ngũ hành là: Tham lang thuộc chánh Mộc, Liêm trinh thuộc chánh Hỏa, Cự môn thuộc chánh Thổ, Vũ khúc thuộc chánh Kim, Văn khúc thuộc chánh Thủy. Còn ba sao thuộc phụ Ngũ hành là: Phụ bát thuộc phụ Mộc, Lộc tồn thuộc phụ Thổ, Phá quân thuộc phụ Kim.

Chú ý: Ở Động trạch Thiên III chỉ dùng 5 sao chánh Ngũ hành để phiên tinh, còn ở Biến trạch trong Thiên IV này dùng luôn các sao phụ Ngũ hành khi gặp song tinh (xem tới điều 4 và 7).

- Điều 4: Ba song tinh:

Suy theo bài 2 và bài 3 thì trong 8 sao có ba song tinh. Song nghĩa là đôi. Song tinh là 2 sao cùng thuộc một loại Ngũ hành và thuộc phụ Ngũ hành. Mỗi song tinh nào cũng có một sao thuộc chánh Ngũ hành và thuộc phụ Ngũ hành:

- . Song Mộc: Tức 2 sao đồng thuộc Mộc. Đó là Phụ bát thuộc phụ Mộc và Tham lang thuộc chánh Mộc.
- . Song Thổ: Tức 2 sao thuộc Thổ. Đó là Lộc tồn thuộc phụ Thổ và Cự môn thuộc chánh Thổ.
- . Song Kim: Tức 2 sao thuộc Kim. Đó là Vũ khúc thuộc chánh Kim và Phá quân thuộc phụ Kim.

Chú ý: Không có song Thủy và song Hỏa, vì chỉ có một sao chánh Thủy là Văn khúc và một sao chánh Hỏa là Liêm trinh mà thôi.

- Điều 5: Ngũ hành sinh tấn:

Ngũ hành là 5 loại: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Sinh tấn là sinh tiến tới. Là theo phép Ngũ hành tương sinh mà liên tiếp sinh chuyển tới từ ngăn nhà khác, từ ngăn mặt tiền sinh lần tới ngăn mặt hậu (từ ngăn đầu sinh tới ngăn cuối cùng). Ví dụ ngăn đầu được sao Thủy thì ngăn 2 phiên vào Mộc (vì Thủy sinh Mộc). Hoặc ngăn 4 được sao Hỏa thì phải phiên vào ngăn 5 sao Thổ (vì Hỏa sinh Thổ),...v...v...

- Ngũ hành tương sinh: Kim sinh Thủy – Thủy sinh Mộc – Mộc sinh Hỏa – Hỏa sinh Thổ – Thổ sinh Kim.

- Điều 6: Tám sao sinh tấn:

Có 8 sao sắp theo thứ tự Ngũ hành sinh tấn như vậy: Liêm trinh (Hỏa), Lộc tồn (Thổ), Cự môn (Thổ), Vũ khúc (Kim), Phá quân (Kim), Văn khúc (Thủy), Phụ bát (Mộc), Tham lang (Mộc), Liêm trinh (Hỏa)...

Dương trạch tam yếu

- Suy theo thứ tự trên thì: một ngăn sao Hỏa sanh hai ngăn sao Thổ sanh 2 ngăn sao Kim, 2 ngăn sao Kim sanh 1 ngăn sao Thủy, 1 ngăn sao Thủy sanh 2 ngăn sao Mộc, 2 ngăn sao Mộc sanh 1 ngăn sao Hỏa,...v.v... Nói cho gọn là: 1 Hỏa sanh 2 Thổ, Thổ sanh 2 Kim, 2 Kim sanh 1 Thủy, 1 Thủy sanh 2 Mộc, 2 Mộc sanh 1 Hỏa...

- Như vậy Biến trạch dùng 8 sao trong đó có 1 sao Hỏa, 1 sao Thủy, 2 sao Mộc, 2 sao Kim và 2 sao Thổ. Hóa trạch sắp học tới cũng vậy. Đó là phải dùng cho ứng hợp Bát quái. Vì Bát quái cũng có 8 cung, trong đó cũng có 1 cung Hỏa là Ly, 1 cung Thủy là Khảm, 2 cung Mộc là Chấn Tốn, 2 cung Kim là Kiền Đoài, 2 cung Thổ là Cấn Khôn.

- Vạn vật được hình thành trong vũ trụ không ngoài Bát quái, Âm dương và Ngũ hành. Tám sao dùng cho Biến trạch và Hóa trạch cũng như vậy.

- Điều 7: Cách dùng ba song:

Như ở điều 4 đã kể thì trong 8 sao có 3 ba song: song Mộc là 2 sao Mộc, song Thổ là 2 sao Thổ và song Kim là 2 sao Kim.

Song là đôi, là 2 sao. Vì vậy khi nói dùng song là dùng luôn cả 2 sao đồng thuộc một loại Mộc, đồng thuộc một loại Thổ, đồng thuộc một loại Kim. Mỗi sao phiên vào một ngăn, hai sao phiên vào hai ngăn kế tiếp nhau, nhưng phiên sao nào trước và sao nào sau có hai trường hợp cần rõ như vậy:

- Cách dùng song Mộc: Theo lệ thường, khi phiên tinh mà gặp song Mộc thì phải dùng Phụ bát trước mà Tham lang sau. Duy gặp trường hợp tính du niên cho ngăn đầu được Sinh khí thì trái lại phải dùng Tham lang trước mà Phụ bát sau, vì Sinh khí phải đổi ra Tham lang mới tùy thuộc nhau; vậy trước phiên Tham lang vào ngăn đầu và sau phiên Phụ bát vào ngăn 2. Còn từ ngăn 3 sắp lên, nếu gặp song Mộc thì theo lệ thường là dùng Phụ bát trước mà Tham lang sau.

- Cách dùng song Thổ: Theo lệ thường, khi phiên tinh mà gặp song Thổ thì phải dùng Lộc tồn trước mà Cự môn sau. Duy gặp trường hợp tính du niên cho ngăn đầu được Thiên y thì trái lại phải dùng Cự môn trước mà Lộc tồn sau, vì Thiên y phải đổi ra Cự môn mới tùy thuộc nhau, chứ không đổi ra Lộc tồn được; vậy trước phiên Cự môn vào ngăn đầu và sau phiên Lộc tồn vào ngăn 2. Còn từ ngăn 3 sắp lên và ngoài trường hợp đó, nếu gặp song Thổ thì theo lệ thường là dùng Lộc tồn trước mà Cự môn sau.

- Cách dùng song Kim: Theo lệ thường, khi phiên tinh mà gặp song Kim thì phải dùng Vũ khúc trước mà Phá quân sau. Duy trường hợp tính du niên cho ngăn đầu được Tuyệt mệnh thì trái lại phải dùng Phá quân trước để phiên vào ngăn đầu, vì Tuyệt mệnh phải đổi ra Phá quân mới tùy thuộc nhau, rồi sau mới dùng Vũ khúc phiên vào ngăn 2. Còn từ ngăn 3 sắp lên và ngoài trường hợp đó, nếu gặp song Kim cứ theo lệ thường là dùng Vũ khúc trước mà Phá quân sau.

- Điều 8: Tùy theo số ngăn nhà mà dùng số song tinh:

Biến trạch là nhà có từ 6 đến 10 ngăn. Biến trạch thì phải dùng song tinh, nhưng không phải gặp bao nhiêu song tinh thì đều dùng hết thấy bấy nhiêu song tinh. Phải tùy theo số ngăn của ngôi nhà mà dùng số song tinh. Phân biệt như sau:

- Biến trạch 6 ngăn: thì được dùng 1 song tinh mà thôi, mặc dù trong 6 ngăn có gặp tới 2 song tinh. Khi tính du niên và phiên tinh, hễ gặp song tinh nào trước thì dùng ngay song tinh ấy. Và nên nhớ: trừ ra 2 ngăn đã được dùng song tinh tức dùng luôn một sao chính Ngũ hành và một sao phụ ngũ hành, còn lại 4 ngăn kia chỉ được dùng các sao chính Ngũ hành để phiên tinh chứ chẳng được dùng các sao phụ Ngũ hành.

- Biến trạch 7 ngăn: Phải dùng đúng 2 song tinh không hơn không kém, mặc dù trong 7 ngăn có gặp tới 3 song tinh. Khi tính du niên và phiên tinh, hễ gặp song tinh nào

Dương trạch tam yếu

thì dùng song tinh ấy ngay không được nhảy bỏ, dùng đủ 2 song tinh rồi thì thôi không dùng thêm song tinh nào nữa. Nhưng nên nhớ: trừ ra 4 ngăn đã được dùng song tinh thì còn lại 3 ngăn kia chỉ được dùng các sao chính Ngũ hành để phiên tinh chớ chẳng dùng các sao phụ Ngũ hành.

- Biến trạch 8 ngăn, 5 ngăn và 10 ngăn thì dùng được hết thấy các song tinh, gặp 3 song thì dùng hết 3 song, gặp cả 4 song thì dùng hết 4 song, khi tính du niên hay phiên tinh, hễ gặp song tinh nào thì dùng ngay song tinh ấy, không được nhảy bỏ song tinh nào cả. Phàm dùng tới 4 song tinh tất gặp lại song tinh đầu đã dùng.

* Vấn đề cần dẫn giải:

- Hỏi: Tại sao Biến trạch 6 ngăn chỉ được dùng 1 song tinh mà thôi, mặc dù trong 6 ngăn có tới 2 song? – Đáp: Vì nếu dùng tới 2 song tinh thì ngôi nhà không trọn đủ Ngũ hành (tức không đủ mặt 5 sao: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ). Phải biết ở Thiên III Động trạch chỉ có 5 ngăn cũng đã phải dùng đủ Ngũ hành, huống chi Biến trạch có tới 6 ngăn mà chẳng đủ Ngũ hành là một điều sai lầm, không thể chấp nhận.

- Hỏi: Tại sao 7 ngăn tuy có tới 3 song tinh nhưng chỉ được dùng 2 song tinh mà thôi? – Đáp: Vì nếu dùng tới 3 song tinh thì ngôi nhà sẽ không đủ Ngũ hành. Phải biết Động trạch chỉ có 5 ngăn cũng đã phải dùng đủ Ngũ hành, huống chi Biến trạch có tới 7 ngăn mà chẳng đủ Ngũ hành là một điều sai lầm, không thể chấp nhận.

- Hỏi: Tại sao Biến trạch 8 ngăn, 9 ngăn và 10 ngăn có thể dùng tới 3 song tinh hoặc 4 song tinh, ngôi nhà vẫn có đủ Ngũ hành. Vậy gặp bao nhiêu song tinh cũng cứ dùng hết bấy nhiêu. (Ở Thiên V Hóa trạch có từ 2 ngăn tới 15 ngăn cũng vậy, gặp bao nhiêu song tinh cứ dùng hết thấy bấy nhiêu song tinh).

Khi đã rõ 8 điều dẫn giải trên rồi mới có thể phiên tinh cho 3 thứ Biến trạch A, B, C sau đây:

A)- PHIÊN TINH CHO BIẾN TRẠCH ĐÚNG 6 NGĂN:

Trước hết tính du niên cho ngăn đầu rồi đổi tên du niên ấy ra tên sao. Kế đó mới dùng các sao chính Ngũ hành và 1 song tinh gặp trước hết để phiên tinh vào hết 6 ngăn theo lối Ngũ hành sinh tấn, mỗi ngăn 1 sao.

Chỉ dẫn: Tính du niên cho ngăn đầu: Xem điều 1. Đổi tên du niên ra tên sao: Xem điều 2. Các sao chính Ngũ hành: Xem điều 3. Dùng một song gặp trước: Xem điều 4. Gặp song Mộc gặp song Thổ trước thì dùng song Thổ, gặp song Kim trước thì dùng song Kim. Ngũ hành sinh tấn: xem điều 5.

Biến trạch 6 ngăn dùng 1 song, mẫu đồ thứ nhất:

(Xem bốn loại trạch số 6 trong Thiên VI lập thành).

ĐOÀI	o-----	CỬA CÁI	o	KHẨM
	:	- Ngăn đầu: Du niên Lục sát Thủy	:	
KHÔN	:	đổi thành sao Văn khúc Thủy.	:	CẤN
	o-----o			
KHÔN	:	- Ngăn 2: Phụ bát Mộc (đăng diện)	:	CẤN
	o-----o			
	:	- Ngăn 3: THAM LANG Mộc Sao chúa	:	
KHÔN	:	là kết tinh đăng diện	:	CẤN
	:	- Phòng chúa: ngăn rộng lớn nhất	:	
	o-----o			
	:	- Ngăn 4: Liêm trinh Hỏa (hung tinh)	:	
KHÔN	:		:	CẤN

Dương trạch tam yếu

ĐOÀI o-----o
KHÔN : - Ngăn 5: Cự môn Thổ (thất vị) :
o-----o
: - Ngăn 6: Vũ khúc Kim (thất vị) :
KHÔN : : CẤN
: BẾP :
LY o-----o CHẤN: Thiên y
Sơn chủ Tốn: Sinh khí

VỊ TRÍ

Tốn sơn (Đông nam), Kiền hướng (Tây bắc). Cửa cái là thiên môn tại Khảm (chánh Bắc), Sơn chủ tại Tốn (Đông nam), Bếp tại Chấn (chánh Đông). Hướng bếp ngó về Kiền (Tây bắc). Kiền vẽ cửa Phòng chúa và cửa ngăn Bếp. Dùng ngăn 3 làm Phòng chúa để đặt Sao chúa Tham lang là kiết tinh đẳng diện.

- Tính du niên và đổi ra tên sao cho ngăn đầu:

Cửa cái Khảm là thiên môn cho nên phải từ Khảm biến 4 lần tới Kiền hướng tất được du niên Lục sát. Lục sát thuộc Thủy tùy thuộc với sao Văn khúc Thủy, vậy du niên Văn khúc vào ngăn đầu.

PHIÊN TINH CHO 6 NGĂN NHÀ

Dùng các sao chính Ngũ hành vào một song gấp trước rồi theo cách sanh tẩn để phiên vào những ngăn kế tiếp như vậy: Ngăn đầu có sao Văn khúc Thủy tất sanh song Mộc là Phụ bật và Tham lang, vậy theo lệ thường trước phiên Phụ bật vào ngăn 2 và sau phiên Tham lang vào ngăn 3. (Đã dùng một song Mộc rồi thôi, không được dùng thêm 1 song nữa cả). Tham lang Mộc tất sanh Liêm trinh là sao chánh Hỏa, vậy phiên Liêm trinh vào ngăn 4. Liêm trinh Hỏa tất sanh Cự môn là sao chánh Thổ, vậy phiên Cự môn vào ngăn 5. Cự môn Thổ tất sanh Vũ khúc là sao chánh Kim, vậy phiên Vũ khúc vào ngăn thứ 6.

Chú ý: Trừ song Mộc ra thì các sao kia đều thuộc chính Ngũ hành.

Văn khúc chính Thủy, Liêm trinh chính Hỏa, Cự môn chính Thổ và Vũ khúc chính Kim.

CHỌN NGĂN LÀM PHÒNG CHÚA VÀ SAO CHÚA

Xem xét trong 6 ngăn nhà thấy có Phụ bật cùng Tham lang đều là “kiết tinh đẳng diện” và Cự môn với Vũ khúc đều là kiết tinh thất vị. Thất vị tốt không bằng đẳng diện. Phụ bật không bằng Tham lang. Vậy phải nên tu tạo ngăn 3 cho rộng lớn nhất để làm Phòng chúa, tức để được Sao chúa Tham lang là kiết tinh đẳng diện.

LUẬN ĐOÁN ĐẠI KHÁI CHO NGÔI NHÀ

Do từ Cửa cái Khảm biến tới Sơn chủ Tốn tất thừa Sinh khí, biến tới Bếp Chấn tất thừa Thiên y và Sơn chủ Tốn với Bếp Chấn hỗ biến được Diên niên, toàn là kiết du niên. Phàm nhà có cả Sinh khí, Thiên y và Diên niên được mệnh danh là Nhà ba tốt. Biết bao sự may mắn kết tụ trong nhà. Cửa cái Khảm Thủy sanh Chấn Tốn Mộc (Bếp và Sơn chủ) là ngoài sanh vào trong, sự thịnh vượng đến cấp kỳ, Sơn chủ Tốn thừa Sinh khí đẳng diện cũng gọi là Sinh khí trạch tốt bậc nhất. Lại Sao chúa Tham lang đẳng diện gọi là Tham lang trạch, tốt chẳng nhà nào bì kịp. Sinh khí và Tham lang đều thuộc Mộc

Dương trạch tam yếu

tượng Thanh long cho nên gọi nhà này là lưỡng long nhập trạch, một rồng vào nhà cũng đã rất tốt, hướng chi hai rồng, ngôi nhà này tất phải phú quý tốt đời. Dù chủ nhà kém phúc âm cũng phát tới 50 năm, bằng chủ nhà có nhiều phúc âm và năng làm việc thiện ắt sẽ phát giàu sang tới 100 năm hoặc nhiều hơn nữa và trong nhà sẽ sanh xuất một bậc cái thể anh hùng.

Ngoài những sự tốt kể trên, ngôi nhà này còn một điều rất tốt nữa. Vì 3 chỗ chính yếu ở nhằm 3 cung Khảm Chấn Tốn là thuận nhất Đông tứ trạch, Sinh khí và Tham lang đều thuộc Mộc rất hợp với người Đông tứ trạch.

BIẾN TRẠCH 6 NGĂN DỪNG 1 SONG, MẪU ĐỒ THỨ NHÌ

(Xem bốn loại trạch số 10 trong Thiên VI lập thành)

(Hình vẽ trang 131)

VỊ TRÍ

Sơn tại Kiền (Tây bắc), hướng tại Tốn (Đông nam), Cửa cái là thiên môn tại Chấn (chánh Đông), Sơn chủ tại Kiền (Tây bắc), Bếp tại Khảm (chánh Bắc), Hướng bếp ngó về Tốn (Đông nam), miễn vẽ Cửa phòng và Cửa bếp. Dừng ngăn 6 làm Phòng chúa để lấy Cự môn làm Sao chúa là iết tinh đắc vị, nhập miếu.

Tính du niên và đổi tên sao cho ngăn đầu

Cửa cái Chấn ở một bên là thiên môn, phải từ Chấn biến 5 lần tới Tốn hướng tất được Diên niên là du niên tùy thuộc với sao Vũ khúc Kim vào ngăn đầu.

Phiên tinh cho 6 ngăn nhà

Dùng các sao chính Ngũ hành và 1 song gặp trước rồi theo cách sanh tẩn để phiên vào những ngăn kế tiếp như vậy: ngăn đầu có Vũ khúc Kim tất phải dùng ngay song Kim, đúng theo lệ thường trước đã dùng Vũ khúc phiên vào ngăn đầu thì sau phải dùng Phá quân Kim phiên vào ngăn 2. (Chú ý: đã dùng 1 song rồi không được dùng thêm song nào nữa cả mà chỉ còn dùng các sao chính Ngũ hành). Phá quân Kim tất sanh Văn khúc là sao chánh Thủy vậy phiên Văn khúc vào ngăn 3. Văn khúc Thủy tất sanh Tham lang chính Mộc, vậy phiên Tham lang vào ngăn 4. Tham lang Mộc tất sanh Liêm trinh là sao chính Hỏa, vậy phiên Liêm trinh vào ngăn 5. Liêm trinh Hỏa tất sanh Cự môn là sao Chính Thổ, vậy phiên Cự môn vào ngăn 6.

Chọn ngăn làm Phòng chúa và Sao chúa

Xem xét trong 6 ngăn nhà thấy có ngăn 4 có Tham lang là kiết tinh thất vị và ngăn 6 có Cự môn là kiết tinh đắc vị. Thất vị không tốt bằng đắc vị, vậy phải chọn ngăn 6 làm Phòng chúa và sẽ được Sao chúa Cự môn là kiết tinh đắc vị lại nhập miếu (ở ngăn chót, trực ngộ Sơn chủ Kiền).

Luận đoán đại khái cho ngôi nhà

Sơn chủ Kiền thừa Ngũ quĩ là một du niên đại hung, lại thêm Kiền Kim khắc Cửa cái Chấn Mộc, đó là ngôi nhà ở rất bất lợi. Nhưng nhờ có Bếp Khảm Thủy thừa Thiên y có thể giải được hai điều đại hung ấy, đó là Thiên y có thể tương đương chống lại Ngũ quĩ, nhưng quan trọng hơn là nhờ Khảm Thủy trung gian ngăn được sự hại nặng của Sơn chủ Kiền khắc Cửa cái Chấn Mộc. Bởi sao? – Bởi Kiền Kim mắc tham sanh Bếp Khảm Thủy, chẳng còn có ý và sức để khắc của Chấn Mộc nữa. Nội các vụ đó kể như nguy mà khỏi nguy. Ngoài ra còn nhờ Sao chúa Cự môn Thổ sanh Sơn chủ (nhập miếu) cho nên có thể vừa trấn áp hung sát (Ngũ quĩ) vừa đem thịnh vượng cho nhà, phát lên tới thiểu 30 năm, tối đa 40 năm nếu chủ nhà ăn ở có phước đức. (Nếu Sơn

Dương trạch tam yếu

chủ không thừa Ngũ quỷ mà thừa kiết du niên thì ngôi nhà này phát ít nhất cũng tới 50 năm, nhiều thì thêm vài chục năm nữa. Đó là nhờ Cự môn đắc vị và nhập miếu m2 không phí sức trấn áp Ngũ quỷ. Thỉnh xem các sự việc ứng nghiệm tốt của Cự môn trong Thiên I, bài 1 và 12. Và muốn biết những sự việc ứng nghiệm tốt xấu của Sơn chủ Kiền cùng Bếp Khảm phối với Cửa cái Chấn thì hãy tìm xem trong Thiên VII có nói đủ.

Chú ý: Nếu ngôi nhà này dời Bếp tại Ly thừa Sinh khí đắc vị ắt tốt hơn Bếp Khảm thừa Thiên y thất vị. Nhưng vì Ly Hỏa khắc Sơn chủ Kiền Kim là tai hại lớn mà không giải được cái khắc của Sơn chủ Kiền khắc Cửa cái Chấn. Dù vẫn có Cự môn đắc vị cũng chỉ phát tới 15 năm là nhiều.

BIẾN TRẠCH 6 NGĂN DỪNG MỘT SONG, MẪU ĐỒ THỨ BA.

(Xem bốn loại trạch số I trong Thiên VI lập thành)

(Hình vẽ trang 134)

VỊ TRÍ

Sơn tại Đoài (chánh Tây), Hưởng tại Chấn (chánh Đông), Cửa cái ở khoảng giữa mặt tiền là chính môn tại Chấn (chánh Đông). Sơn chủ tại Đoài (chánh Tây), Bếp tại Ly (chánh Nam), Hưởng bếp ngó về Khảm (chánh Bắc). Miền vẽ Cửa phòng và Cửa bếp. Dừng ngăn 2 làm Phòng chứa tu tạo rộng lớn nhất để lấy Vũ khúc Kim làm Sao chúa là kiết tinh đẳng diện.

Tính du niên và đổi sao cho ngăn đầu

Cửa cái Chấn là chính môn cho nên phải từ Chấn biến 7 lần tới Sơn chủ Đoài tất được du niên Tuyệt mệnh Kim tùy thuộc với sao Phá quân Kim.

Phiên tinh vào 6 ngăn nhà

Dùng các sao chính Ngũ hành và 1 song gặp trước theo cách sanh tấn mà phiên vào những ngăn kế tiếp như vậy: ngăn đầu được phiên sao Phá quân Kim tức gặp song Kim, vậy phải đứng ngay song Kim. Theo lệ thường gặp song Kim phải dùng Vũ khúc trước và Phá quân sau, nhưng gặp trường hợp của Biến trạch này thì dùng ngược lại. Vì tính du niên cho ngăn đầu được Tuyệt mệnh là du niên tùy thuộc với sao Phá quân cho nên trước phải phiên Phá quân Kim vào ngăn đầu rồi sau mới phiên Vũ khúc Kim vào ngăn 2. (Đã dùng một song Kim này rồi thôi, không được dùng thêm song nào nữa cả). Vũ khúc Kim tất sanh Văn khúc là sao chính Thủy vậy phiên Văn khúc vào ngăn 3. Văn khúc Thủy tất sanh Tham lang là sao chính Mộc, vậy phiên Tham lang vào ngăn 4. Tham lang Mộc tất sanh Liêm trinh là sao chánh Hỏa vậy phiên Liêm trinh vào ngăn 5. Liêm trinh Hỏa tất sanh Cự môn là sao chính Thổ, vậy phiên Cự môn vào ngăn 6.

Chú ý: Trong 6 ngăn, trừ song Kim ra thì các sao kia đều thuộc sao chính Ngũ hành.

Chọn ngăn làm Phòng chứa và Sao chúa

Xem xét trong 6 ngăn nhà thấy ngăn 2 có Vũ khúc, ngăn 4 có Tham lang và ngăn 6 có Cự môn đều là kiết tinh, nhưng Tham lang thất vị tốt ít không kể đến, duy còn Vũ khúc và Cự môn tốt nhiều và tương đương nhau. Vũ khúc đẳng diện tốt bậc nhất, Cự môn đắc vị tốt bậc nhì nhưng được nhập miếu là thêm tốt. Cự môn đắc vị lại trực ngộ Sơn chủ ví như mình được nhà triệu phú thân cận và trực tiếp giúp đỡ mình, còn Vũ khúc đẳng diện ở cách ngăn Sơn chủ ví như mình được nhà tỷ phú ở xa nhưng cho mình số lượng tiền bạc to hơn. Luận về nhà cửa cần sự hưng phát hơn, vậy nên chọn ngăn 2 tu tạo cho rộng lớn nhất để làm Phòng chứa tức như để dùng Vũ khúc Kim làm Sao chúa

Dương trạch tam yếu

là kiết tinh đẳng diện. Hoặc vì lẽ có phương tiện hơn thì dùng ngăn 6 làm Phòng chúa để được Cự môn đắc vị và nhập miếu cũng tốt tương đương với ngăn 2 vậy.

Luận đoán đại khái cho ngôi nhà

Lấy ba chỗ chính yếu mà luận thì đây là ngôi nhà hưng ít mà bại nhiều. Ba chỗ chính yếu là Cửa cái Chấn, Sơn chủ Đoài và Bếp Ly. Chấn với Ly tương sinh tác Sinh khí đắc vị là một chỗ rất tốt. Chấn với Đoài tương khắc tác Tuyệt mệnh là một chỗ rất hung hại. Đoài với Ly tương khắc tác Ngũ quỷ là một chỗ rất tác hại nữa. Ba cung so đối với nhau chỉ được một chỗ rất tốt mà gặp tới 2 chỗ rất xấu, tất nhiên là ngôi nhà suy bại. Tuy nhiên, nhờ dùng Vũ khúc là kiết tinh đẳng diện làm Sao chúa trấn áp được sự suy bại mà khiến cho nhà thịnh vượng giàu có tới 30 năm rồi sau đó Vũ khúc bị hao giảm sức tốt, hung khí của Tuyệt mệnh và Ngũ quỷ dậy lên là nhà bắt đầu suy giảm dần dần. Nếu ở ngôi nhà Sơn chủ và Bếp đều thừa kiết du niên thì Vũ khúc đẳng diện sẽ khiến nhà phát đạt tới 90 năm.

B)- PHIÊN TINH CHO BIẾN TRẠCH ĐÚNG 7 NGĂN:

Trước hết tính du niên cho ngăn đầu rồi đổi tên du niên ấy ra Sao. Kế đó mới dùng các sao chính Ngũ hành và 2 song để phiên vào hết thấy 7 ngăn theo lối Ngũ hành sanh tẫn, cứ mỗi ngăn một sao.

Cũng in như cách phiên tinh cho Biến trạch 6 ngăn, chỉ khác là phải dùng tới hai song, dùng hai song là trong khi phiên tinh hề gặp song nào thì dùng ngay song ấy chớ không nhảy bỏ song nào và trong 7 ngăn phải dùng đúng đủ hai song không hơn không kém.

Biến trạch 7 ngăn dùng hai song, mẫu đồ thứ nhất

(Xem 4 loại trạch số I trong Thiên 6, Thiên lập thành)

KHẨM HƯỚNG

Tây bắc KIÊN	o	CỬA CÁI	o-----o	CẤN	Đông bắc
Đoài	:	- Ngăn đầu	:	Du niên Lục sát Thủy	: Chấn
		o-----:		tức sao Văn khúc Thủy	:
		o-----o			
Đoài	:	- Ngăn 2	:	Phụ bật Mộc (đắc vị)	: Chấn
		o-----o			
		- Ngăn 3	:	Tham lang Mộc làm Sao chúa:	
		: là kiết tinh đắc vị (sinh Sơn chủ)	:		
Đoài	o			o	Chấn
		- Ngăn này làm Phòng chúa rộng lớn nhất	:		
		o-----o			
Đoài	:	- Ngăn 4	:	Liêm trinh Hỏa (hung tinh)	: Chấn
		o-----o			
Đoài	:	- Ngăn 5	:	Lộc tồn Thổ (hung tinh)	: Chấn
		o-----o			
Đoài	:	- Ngăn 6	:	Cự môn Thổ (đắc vị)	: Chấn
		o-----o			
		- Ngăn 7	:	Vũ khúc Kim (thất vị)	:
Đoài	:	- Bếp KHÔN	:		
Tây nam KHÔN	o-----o				TỐN Đông nam

Dương trạch tam yếu

Diên niên đặc vị

Sơn chủ LY : Tuyệt mệnh

VỊ TRÍ

Sơn tại Ly (chánh Nam), Hưởng tại Khảm (chánh Bắc). Cửa cái là thiên môn tại Kiền (Tây bắc). Sơn chủ tại Ly (chánh Nam). Bếp tại Khôn (Tây nam). Hưởng bếp ngó về Khảm (chánh Bắc). Miễn vẽ Cửa phòng. Dùng ngăn 3 làm Phòng chứa để được Sao chúa Tham lang là kiết tinh đặc vị sanh Sơn chủ (Tham lang Mộc sanh Ly Hỏa).

Tính du niên và đổi ra tên Sao cho ngăn đầu

Cửa cái Chấn là thiên môn cho nên phải từ Chấn biến 4 lần tới Khảm hưởng được du niên Lục sát. Lục sát thuộc Thủy tùy thuộc với sao Văn khúc Thủy, vậy phiên Văn khúc vào ngăn đầu.

Phiên tinh vào 7 ngăn nhà

Dùng các sao chính Ngũ hành và hai song gặp trước, theo cách sanh tấn mà phiên vào những ngăn kế tiếp như vậy: Ngăn đầu đã được phiên vào Văn khúc Thủy tất sanh song Mộc là Phụ bật và Tham lang. Vậy trước phiên Phụ bật Mộc và Tham lang. Vậy trước phiên Phụ bật Mộc vào ngăn 2 và sau phiên Tham lang Mộc vào ngăn 3. Tham lang Mộc tất anh Liêm trinh là sao chánh Hỏa, vậy phiên Liêm trinh vào ngăn 4. Liêm trinh Hỏa tất sanh song Thổ là Lộc tồn và Cự môn, vậy trước phiên Lộc tồn Thổ vào ngăn 5 sau phiên Cự môn Thổ vào ngăn 6. Cự môn Thổ tất sanh Vũ khúc là sao chánh Kim, vậy phiên vũ khúc vào ngăn 7.

Kết luận: Ngôi nhà Biến trạch 7 ngăn này được phiên vào bằng 3 sao chính Ngũ hành là Văn khúc, Liêm trinh, Vũ khúc và hai song là song Mộc (Phụ bật cùng Tham lang) với song Thổ (Lộc tồn cùng Cự môn).

Chọn ngăn làm Phòng chứa và Sao chúa

Xem xét trong 7 ngăn nhà thì thấy có Tham lang và Cự môn là 2 kiết tinh đồng đặc vị. Như luận về chỗ tương sanh thì nên dùng kiết tinh sanh Sơn chủ lợi ích nhiều hơn là Sơn chủ sanh kiết tinh, Tham lang Mộc sanh Sơn chủ Ly Hỏa, còn Sơn chủ Hỏa sanh Cự môn Thổ. Vậy nên chọn ngăn 3 tu tạo cho rộng lớn nhất làm Phòng chứa để được Tham lang Mộc làm Sao chúa là kiết tinh đặc vị sanh Sơn chủ Ly Hỏa.

Luận đoán đại khái cho ngôi nhà

Bếp Khôn Thổ thừa Diên niên đặc vị lại sanh Cửa Kiền Kim là một cái Bếp rất tốt. Nhưng Sơn chủ Ly tác Tuyệt mệnh là một du niên hung tợn rất đáng ngại. Lại Sơn chủ Ly Hỏa khắc Cửa Kiền Kim là một điều tai hại nữa, nhưng điều ấy có thể nhờ Bếp Khôn ngăn trở được sự tai hại đó, vì Ly Hỏa mắc lo sanh Khôn Thổ không còn có ý khắc Cửa Kiền. Lại luận rằng: Tuy Ly sanh Khôn mà vẫn tác Lục sát là không phải thật tốt. Giải một cái khắc nặng mà sanh ra một cái hại nhẹ là như vậy.

Đại khái ba chỗ chính yếu là Kiền Khôn Ly hổ biến được một kiết du niên là Diên niên nhưng có tới hai hung du niên là Tuyệt mệnh và Lục sát: như vậy ở ngôi nhà này sẽ bất lợi, chủ nếu là tại Tuyệt mệnh. Nhưng nhờ có cứu tinh Tham lang làm sao chúa là kiết tinh đặc vị trấn áp Tuyệt mệnh mà khiến cho nhà phát phú tới lối 30 năm rồi sau đó mới suy dần dần. Nếu không bị hao sức để dần ép hung sát (Tuyệt mệnh) thì sau 30 năm phát đạt, Tham lang đặc vị có thể khiến cho nhà rất thịnh vượng thêm 50 năm nữa.

(Chú ý: Luôn rõ các sự việc ứng nghiệm của Tham lang, của Sơn chủ Ly khắc Cửa Kiền, Cửa bếp Khôn phối Cửa Kiền... thỉnh tìm xem trong Thiên I và Thiên VII).

Dương trạch tam yếu

Biến trạch 7 ngăn dùng hai song, mẫu đồ thứ nhì

(Xem bốn loại trạch số 2 trong thiên VI lập thành)

KIỀN HƯỚNG

ĐOÀI	o-----o	CỬA CÁI	-----o	KHẨM
Khôn	:	- Ngăn đầu : du niên Họa hại Thổ tức	:	Cấn
	:	sao Lộc tồn Thổ	:	
	o-----o			
Khôn	:	- Ngăn 2 : CỰ MÔN Thổ (thất vị)	:	Cấn
	o-----o			
Khôn	:	- Ngăn 3 : Vũ khúc Kim (thất vị)	:	Cấn
	o-----o			
Khôn	:	- Ngăn 4 : Phá quân Kim (hung tinh)	:	Cấn
	o-----o			
Khôn	:	- Ngăn 5 : Văn khúc Thủy (hung tinh)	:	Cấn
Đoài	o-----o			Khảm
	:	- Ngăn 6 : THAM LANG Mộc Sao chúa	:	
	:	là kết tinh đăng diện	:	
	:		-----:	
Hướng	:		: BẾP	: CẤN: Thiên y
bếp	:		: CẤN	:
KHÔN	:		-----:	
	:	- Ngăn này làm Phòng chúa rộng lớn nhất	:	
Ly	o-----o			Chấn
	:	- Ngăn 7 : Liêm trinh : Liêm trinh Hỏa (hung tinh)	:	
LY	o-----o			CHẤN

Sơn chủ TỐN : Họa hại

VỊ TRÍ

Sơn và Sơn chủ tại Tốn (Đông nam). Cửa cái tại Kiền hướng (Tây bắc). Bếp tại Cấn (Đông bắc). Hướng bếp tại Khôn (Tây nam). Phòng chúa tại ngăn 6 dùng Sao chúa là Tham lang kết tinh đăng diện.

Tính du niên và đổi ra tên sao cho ngăn đầu

Cửa cái tại Kiền là chính môn cho nên phải từ Kiền biến ra 5 lần tới Sơn chủ Tốn tất được họa hại Thổ là du niên tùy thuộc với sao Lộc tồn Thổ, vậy phiên Lộc tồn vào ngăn đầu.

Phiên tinh vào 7 ngăn nhà

Dùng các sao chính Ngũ hành và hai song gặp trước, theo lối Ngũ hành sinh tấn mà phiên vào những ngăn kế tiếp như vậy: Ngăn đầu được phiên sao Thổ tức đã gặp ngay song Thổ là Lộc tồn và Cự môn. Nhưng Lộc tồn đã dùng cho ngăn đầu rồi tất phải phiên Cự môn Thổ vào ngăn 2. Như vậy là đã dùng một song rồi. Cự môn Thổ tất sinh song Kim là Vũ khúc và Phá quân, vậy phiên Vũ khúc vào ngăn 3 và phiên Phá quân vào ngăn 4. Như vậy là đã dùng đủ hai song rồi, không được dùng thêm song nào nữa cả. Phá quân Kim tất sinh Văn khúc là sao chánh Thủy, vậy phiên Văn khúc vào ngăn 5. Văn khúc Thủy tất sinh Tham lang là sao chánh Mộc, vậy phiên Tham lang vào ngăn 6. Tham lang Mộc tất sinh Liêm trinh là sao chánh Hỏa, vậy phiên Liêm trinh vào ngăn

Dương trạch tam yếu

7. (Chú ý: Trong 7 ngăn, trừ song Thổ và song Kim thì các sao Văn khúc, Tham lang và Liêm trinh đều thuộc chánh Ngũ hành).

Chọn ngăn làm Phòng chúa và Sao chúa

Xem xét trong 7 ngăn, có Cự môn, Vũ khúc và Tham lang đều là kiết tinh, nhưng Cự môn và Vũ khúc đều thất vị không sánh bằng Tham lang đăng diện. Ấy nên phải tu tạo ngăn 6 rộng lớn nhất để dùng Tham lang Mộc đăng diện làm Sao chúa.

Luận đoán đại khái cho ngôi nhà

Ba chỗ chính yếu cho ngôi nhà là Cửa cái tại Kiền, Sơn chủ tại Tốn và Bếp tại Cấn. Kiền với Tốn hồ biến sanh ra Hỏa hại. Tốn với Cấn hồ biến sanh ra Tuyệt mệnh và Cấn với Kiền hồ biến sanh ra Thiên y. Như vậy, đại khái ngôi nhà này có hai phần xấu mà chỉ có một phần tốt, ở tất bị hại nhiều hơn được lợi. Tuy nhiên có cứu tinh xuất sắc là Sao chúa Tham lang kiết tinh đăng diện thừa sức trấn áp được du niên Hỏa hại và Tuyệt mệnh mà khiến cho nhà thịnh phát trên 30 năm, rồi sau đó vì khí lực của Tham lang bị thoái giảm, hung khí của Hỏa hại và Tuyệt mệnh nổi lên khiến cho nhà suy vi dần. Nếu ở trong cái Nhà ba tốt thì Tham lang đăng diện này sẽ khiến cho nhà phát phú quý tới 80 năm hoặc hơn nữa, vì Tham lang không bị mất sức đàn áp hung khí lại còn được 3 kiết du niên hộ lực cho thêm thịnh vượng.

(Thỉnh xem sự ứng nghiệm tốt của Tham lang trong Thiên I bài 11, 12 và những việc tốt xấu do Sơn chủ Tốn cùng Bếp Cấn phối Cửa Kiền trong thiên ứng nghiệm Thiên VII).

Biến trạch 7 ngăn dùng hai song, mẫu đồ thứ ba

(Xem bốn loại trạch số 13 trong thiên VI lập thành)

Đông nam

LY HƯỚNG

TỐN	o CỬA CÁI :-----o	KHÔN	Tây nam
Chấn	: - Ngăn đầu : du niên Thiên y Thổ tức	: Đòai	
	: CỰ MÔN Thổ	:	
	o-----o		
Chấn	: - Ngăn 2 : Lộc tồn Thổ (hung tinh)	: Đòai	
	o-----o		
	: - Ngăn 3 : VŨ KHÚC Kim làm Sao chúa là	:	
	: kiết tinh đắc vị	:	
	:-----		
Diên niên	: BẾP :	: Đòai	
CHẤN	:-----		
	: - Ngăn này làm Phòng chúa rộng lớn nhất	:	
	o-----o		
Chấn	: - Ngăn 4 : Phá quân Kim (hung tinh)	: Đòai	
	o-----o		
Chấn	: - Ngăn 5 : Văn khúc Thủy (hung tinh)	: Đòai	
	o-----o		
Chấn	: - Ngăn 6 : THAM LANG Mộc đắc vị	: Đòai	
	o-----o		
Chấn	: - Ngăn 7 : Liêm trinh Hỏa (hung tinh)	:	
Đông bắc	:-----o	KIỀN	Tây bắc
CẤN	Sơn chủ KHẮM : Sinh khí		

VỊ TRÍ

Sơn tại Khảm (chánh Bắc), Hưởng tại Ly (chánh Nam). Cửa cái là thiên môn tại Tốn (Đông nam). Sơn chủ tại Khảm (chánh Bắc), Bếp tại Chấn (chánh Đông). Hưởng bếp ngó về Ly (chánh Nam). Phòng chứa rộng lớn nhất tại ngăn 3 có Sao chúa Vũ khúc là kiết tinh đắc vị.

Tính du niên và đổi ra tên sao cho ngăn đầu

Cửa cái Tốn là Thiên môn cho nên phải từ Tốn biến 6 lần tới Ly hưởng tất được Thiên y là du niên được đổi thành sao Cự môn, vì Thiên y Thổ tùy thuộc với Cự môn Thổ. Vậy phiên Cự môn Thổ vào ngăn đầu.

Phiên tinh vào 7 ngăn nhà

Dùng các sao chính Ngũ hành và hai song gặp trước, theo lối Ngũ hành sinh tấn mà phiên vào những ngăn kế tiếp như vậy: Ngăn đầu đã được phiên Cự môn Thổ tức gặp ngay song Thổ. Đáng lẽ gặp song Thổ phải phiên Lộc tồn trước rồi mới phiên Cự môn sau. Nhưng vì ngăn đầu được tình ra Thiên y là du niên tùy thuộc với Cự môn chứ không tùy thuộc với Lộc tồn. Vậy nên phiên Cự môn vào ngăn đầu rồi mới phiên Lộc tồn vào ngăn 2. (Như vậy là đã dùng rồi một song). Lộc tồn Thổ sinh Kim là Vũ khúc và Phá quân, vậy trước phiên Vũ khúc Kim vào ngăn 3 và sau phiên Phá quân Kim vào ngăn 4. (Như vậy là đã dùng đủ hai song rồi, song Thổ và song Kim, không được dùng thêm song nào nữa). Phá quân Kim sinh Văn khúc là sao chánh Thủy, vậy phiên Văn khúc vào ngăn 5. Văn khúc Thủy sinh Tham lang là sao chánh Mộc, vậy phiên Tham lang vào ngăn 6. (Chú ý: vì đã dùng đủ hai song rồi nên gặp sao Mộc mà không được dùng song Mộc). Tham lang Mộc sinh Liêm trinh là sao chánh Hỏa, vậy phiên Liêm trinh vào ngăn 7.

Chọn ngăn làm Phòng chứa và Sao chúa

Xem

xét trong 7 ngăn nhà thấy có Vũ khúc Kim và Tham lang Mộc đều là kiết tinh đắc vị. Nhưng Sơn chủ Khảm Thủy sinh Tham lang Mộc, còn Vũ khúc Kim sinh Sơn chủ Khảm Thủy. Sơn chủ là trụ cột ngôi nhà, được sinh tốt hơn sinh, như người nuôi mình được lợi hơn mình nuôi người, vậy đáng dùng Vũ khúc hơn dùng Tham lang. Lại luận rằng: ngôi nhà này ba chỗ chính yếu là Tốn Khảm Chấn trọn thuộc Đông tứ trạch cho nên dùng Tham lang Mộc là Vượng trạch, bằng Vũ khúc Kim là khắc trạch. Kết luận: Vũ khúc và Tham lang là tốt tương đương, vậy muốn dùng Vũ khúc hay Tham lang cũng vậy, hoặc dùng cả hai, nghĩa là ngăn 3 Vũ khúc và ngăn 6 có Tham lang tạo tác cho rộng lớn bằng nhau và rộng lớn hơn ngăn 5 kia. Theo mẫu đồ này thì chọn 3 ngăn rộng lớn nhất để dùng Vũ khúc Kim làm Sao chúa là kiết tinh đắc vị sinh Sơn chủ Khảm.

Luận đoán đại khái cho ngôi nhà

Cửa cái Tốn âm Mộc phối với Sơn chủ Khảm dương Thủy, Mộc với Thủy tương sinh mà có đủ âm dương là cách rất tốt. Cửa cái Tốn âm Mộc phối với Bếp Chấn dương Mộc là lưỡng Mộc thành lâm mà có đủ âm dương tức thêm một cách tốt nữa. Sơn chủ Khảm thừa Sinh khí, Bếp Chấn thừa Diên niên và Chấn với Khảm hỗ biến được Thiên y; phần nhà có đủ 3 kiết du niên đó được gọi là Nhà ba tốt biết bao điều phước hạnh sẽ kết tụ nơi nhà. Ngoài ra còn được Sao chúa là Vũ khúc Kim tinh đắc vị sinh Sơn chủ Khảm khiến cho nhà thịnh vượng lâu dài, phát đạt lớn lao, hội lại bốn điều rất tốt đã kể thì ngôi nhà này ắt phải được phú quý song toàn, đầy đủ 5 điều: Phước, lộc, thọ, khang, ninh. Ở được nhà này tới 4 năm sẽ phát vừa vừa lên tới 9 năm, rồi sau đó phát lớn tới 40

Dương trạch tam yếu

năm, tới 90 năm. Bình sanh chủ nhà nhân đạo, làm nhiều âm đức thì sự giàu sang nói chẳng hết lời. (Tới đây Biến trạch 7 ngăn đã có 3 mẫu đồ tạm đủ để chỉ dẫn cách phiên tinh. Ngoài ra, thỉnh xem trong Thiên VI có lập thành và phiên tinh của 24 Biến trạch 7 ngăn để tiện việc khảo cứu).

C) PHIÊN TINH CHO BIẾN TRẠCH TỪ 8 NGĂN TỚI 10 NGĂN

Trước hết tính du niên cho ngăn đầu và đổi tên du niên ấy ra tên sao. Rồi sau đó không luận Ngũ hành chính hay phụ, cứ theo thứ tự 8 sao sanh tấn mà phiên vào hết thấy các ngăn. Trong 8 sao sanh tấn có đủ ba song, hề gặp song nào thì dùng ngay song ấy, không bỏ song nào cả. Biến trạch 8 ngăn hay 9 ngăn chỉ gặp ba song mà thôi. Còn Biến trạch 10 ngăn có khi gặp ba song, có khi gặp bốn song, tất gặp trở lại song đầu tiên cũng cứ dùng như thường. (Thứ tự 8 sao: xem điều 6. Cách dùng song: xem điều 7).

Biến trạch 8 ngăn dùng ba song, mẫu đồ thứ nhất

(Xem bốn loại trạch số 9 trong Thiên VI lập thành)

(Hình vẽ trang 145)

VỊ TRÍ

Sơn và Sơn chủ tại Ly (chánh Nam). Hưởng tại Khảm (chánh Bắc). Cửa cái là thiên môn tại Cấn (Đông bắc). Bếp tại Khôn (Tây nam). Hưởng bếp ngó về Cấn (Đông bắc). Phòng chúa tại ngăn 8, dùng Tham lang làm Sao chúa là kết tinh đắc vị sanh Sơn chủ (Tham lang Mộc sanh Ly Hỏa).

Tính du niên và đổi nó ra tên sao ngăn đầu

Cửa cái là thiên môn tại Cấn cho nên phải từ Cấn biến 5 lần tới Khảm hưởng tất sanh Ngũ quỷ Hỏa là du niên được đổi thành sao Liêm trinh Hỏa, vì hai Hỏa tùy thuộc nhau. Vậy phiên Liêm trinh vào ngăn đầu.

Phiên tinh vào 8 ngăn nhà

Ngăn đầu được phiên Liêm trinh Hỏa tất sanh song Thổ là Lộc tồn và Cự môn, vậy trước phiên Lộc tồn Thổ vào ngăn 2 và sau phiên Cự môn Thổ vào ngăn 3, Cự môn Thổ tất sanh song Kim là Vũ khúc và Phá quân, vậy trước phiên Vũ khúc Kim vào ngăn 4 và sau phiên Phá quân Kim vào ngăn 5, Phá quân Kim tất sanh Văn khúc Thủy, vậy Văn khúc Thủy vào ngăn 6. Văn khúc Thủy tất sanh song Mộc là Phụ bật Mộc vào ngăn 7 và Tham lang Mộc vào ngăn 8. (Như vậy Biến trạch 8 ngăn này đã có dùng đủ ba song: song Thổ, song Kim và song Mộc).

Chọn ngăn làm Phòng chúa và Sao chúa

Xem xét trong 8 ngăn nhà thấy có Cự môn, Phụ bật và Tham lang đều là kết tinh đắc vị. Nhưng Phụ bật là sao phụ giúp, sự tốt sánh chẳng bằng Cự môn và Tham lang. Sơn chủ Ly Hỏa sanh Cự môn Thổ gọi là sanh thoát như mình nuôi kẻ khác phải tốn hao, còn Tham lang Mộc sanh Sơn chủ Ly Hỏa gọi là sanh nhập như người khác nuôi mình có lợi hơn; vậy nên chọn Tham lang làm Sao chúa và tất nhiên phải tu tạo ngăn 8 cho rộng lớn nhất để làm Phòng chúa.

Luận đoán đại khái cho ngôi nhà

Ba chỗ chính yếu của ngôi nhà này ở tại Cấn Ly Khôn. Ba cung này hỗ biến với nhau được ba du niên: Sinh khí, Họa hại và Lục sát. Như vậy là một phần tốt mà hai phần xấu, đại khái mà nói là ngôi nhà bất lợi. Nhưng nhờ có cứu tinh là Tham lang Mộc tinh đắc vị sanh Sơn chủ và lại trực ngộ với Sơn chủ (nhập miếu) cho nên có thể đàn áp được sự suy vi mà khiến cho nhà hưng phát giàu sang tối thiểu tới 30 năm. Tùy theo

Dương trạch tam yếu

phúc âm (phước đức của tổ phụ để lại) và cuộc sống lương thiện hay chẳng lương thiện mà thêm bớt cái dung lượng của sự phú quý vậy.

(Muốn rõ các sự việc ứng nghiệm của Tham lang và sự phối hợp của Cửa Kiền, Sơn chủ Ly và Bếp Khôn, thỉnh tìm xem trong Thiên I và VII).

Biến trạch 9 ngăn dùng ba song, mẫu đồ thứ nhì

(Xem bốn loại trạch số 17 trong Thiên VI lập thành)

LY HƯỚNG

Đông nam	TỐN	o-----	CỬA CÁI	-----o	KHÔN	Tây nam
			: - Ngăn đầu: du niên Diên niên Kim	:		
			:			
			tức sao Vũ khúc Kim	:		
			o-----	o		
	Chấn		: - Ngăn 2: Phá quân Kim (hung tinh)	:	Đoài	
			o-----	o		
	Chấn		: - Ngăn 3: Văn khúc Thủy (hung tinh)	:	Đoài	
			o-----	o		
	Chấn		: - Ngăn 4: Phụ bật Mộc (đắc vị)	:	Đoài	
			o-----	o		
	Chấn		: - Ngăn 5: THAM LANG Mộc (đắc vị)	:	Đoài	
			o-----	o		
	Chấn		: - Ngăn 6: Liêm trinh Hỏa (hung tinh)	:	Đoài	
			o-----	o		
	Chấn		: - Ngăn 7: Lộc tồn Thổ (hung tinh)	:	Đoài	
			o-----	o		
	Chấn		: - Ngăn 8: CỰ MÔN Thổ thất vị	:	Đoài	
			o-----	o		
			: - Ngăn 9: VŨ KHÚC Kim làm Sao	:		
			:			
			chúa là kết tinh đắc vị sanh	:		
			:-----o Sơn chủ Khảm Thủy	:		
Sinh khí	CHẤN	:	BẾP	:	Đoài	
			:-----o – Dừng ngăn này làm	:		
			:			
			Phòng chúa rộng lớn nhất	:		
			:			
			:			
Đông bắc	CẤN	o-----		-----o	KIỀN	Tây bắc
			Sơn chủ Khảm: Diên niên			

VỊ TRÍ

Sơn và Sơn chủ tại Khảm (chánh Bắc). Cửa cái ở khoảng giữa mặt tiền (chánh môn) tại Ly hướng (chánh Nam). Bếp tại Chấn (chánh Đông). Hướng bếp ngó về Khảm (chánh Bắc). Phòng chúa tại ngăn 9, dừng Vũ khúc là kết tinh đắc vị sanh và trực ngộ Sơn chủ Khảm.

Tính du niên và đổi tên nó ra tên sao cho ngăn đầu

Cửa cái là chính môn tại Ly cho nên phải từ Ly biến 3 lần tới Sơn chủ Khảm được Diên niên Kim là du niên tùy thuộc với sao Vũ khúc Kim, vậy phiên Vũ khúc Kim, vậy phiên Vũ khúc Kim vào ngăn đầu.

Phiên tinh vào 9 ngăn nhà

Dương trạch tam yếu

Ngăn đầu có sao Kim tức gặp ngay song Kim. Vậy đã phiên Vũ khúc Kim vào ngăn đầu tất phải phiên Phá quân Kim vào ngăn 2. Phá quân Kim sanh Văn khúc Thủy, vậy phiên Văn khúc vào ngăn 5. Văn khúc Thủy sanh song Mộc, vậy trước phiên Phụ bát Mộc vào ngăn 4 và sau phiên Tham lang Mộc vào ngăn 5. Tham lang Mộc sanh Liêm trinh Hỏa, vậy phiên Liêm trinh vào ngăn 6. Liêm trinh Hỏa sanh song Thổ, vậy trước phiên Lộc tồn Thổ vào ngăn 7 và sau phiên Cự môn Thổ vào ngăn 8. Cự môn Thổ sanh trở lại song Kim (song đầu tiên) là Vũ khúc và Phá quân, nhưng vì nhà có đúng 9 ngăn cho nên chỉ phiên Vũ khúc Kim vào ngăn 9 rồi thôi, hết.

Chọn ngăn làm Phòng chúa và Sao chúa

Quan sát trong 9 ngăn nhà thấy ở ngăn 4, 5, 9 có Phụ bát, Tham lang và Vũ khúc đều là kiết tinh đắc vị. Nhưng Phụ bát là sao tốt phụ thuộc, chỉ còn đáng kể là Tham lang và Vũ khúc là hai sao tốt tương đương. Như luận về tương sanh thì Sơn chủ Khảm Thủy sanh Tham lang Mộc là sanh xuất không bằng Vũ khúc Kim sanh Sơn chủ nhập. Nhưng luận về nhà thì ba cung chính yếu của ngôi nhà này là Ly Khảm Chấn thuộc Đông tứ trạch tất nên dùng Tham lang Mộc sẽ thịnh vượng hơn dùng Vũ khúc Kim. Vì Mộc gặp Mộc vượng khí, còn Kim thì khắc Đông tứ trạch Mộc. Kết luận: Hai sao tốt bằng nhau. Vậy hễ Mệnh chủ nhà thuộc Đông tứ cung thì nên dùng Tham lang Mộc cho hợp Mệnh. Bằng Mệnh chủ nhà thuộc Tây tứ cung thì nên dùng Vũ khúc Kim cho hợp Mệnh. Theo ngôi nhà này, chọn Vũ khúc Kim làm Sao chúa là thí dụ như chủ nhà là Tây mệnh. Một trong bốn cung Kiền Khôn Cấn Đoài. Cũng nên biết Vũ khúc trực tiếp với Sơn chủ tất hưng phát mạnh hơn Tham lang ở cách Sơn chủ ba ngăn.

Luận đoán đại khái cho ngôi nhà

Sơn chủ Khảm thừa Diên niên gọi là Diên niên trạch, lại Diên niên đắc vị rất tốt. Bếp Chấn thừa Sinh khí gọi là Sinh khí tảo, lại Sinh khí đăng diện càng tốt hơn. Ba chỗ chính yếu của ngôi nhà ở tại ba cung Ly Chấn Khảm hồ biến được Sinh khí, Diên và Thiên y gọi là Nhà ba tốt. Đáng lẽ Sơn chủ Khảm Thủy khắc Cửa cái Ly Hỏa là điều hung hại, nhưng nhờ có Bếp Chấn Mộc làm trung gian hóa giải cái khắc đó, vì Khảm Thủy thêm sanh Chấn Mộc cho nên không còn có ý khắc Ly Hỏa nữa. Và trái lại còn thêm được hai cách tốt. Bởi Khảm Thủy sanh Chấn Mộc là cây gặp nước thì ươm bông trở trái và Chấn Mộc sanh Ly Hỏa là lửa gặp cây cháy sáng tức thị hanh thông, minh mẫn. Kết luận: đây là một ngôi nhà hoàn hảo. Ngoài ra còn được Sao chúa là Vũ khúc Kim tinh đắc vị khiến cho nhà phú quý song toàn. Vũ khúc Kim thuộc số 4 và số 9, ứng cho nhà này hưng phát tới 40 năm, rồi đại phát tới 90 năm (xem Thiên I, bài 4 và 11).

Biến trạch 10 ngăn dùng bốn song, mẫu đồ thứ ba

(Xem Bốn loại trạch số 23 trong Thiên VI lập thành)

(Hình vẽ trang 150)

Sơn và Sơn chủ tại Chấn (chánh Đông). Cửa cái ở khoảng giữa mặt tiền tại Đoài hướng (chánh Tây). Bếp tại Khôn (Tây nam), Hướng bếp ngó về Cấn (Đông bắc). Phòng chúa tại ngăn 5 rộng lớn nhất có Tham lang Mộc làm Sao chúa là kiết tinh đăng diện.

Tính du niên và đổi nó ra tên sao cho ngăn đầu

Cửa cái là chính môn tại Đoài, cho nên phải từ Đoài biến 7 lần tới Sơn chủ Chấn thừa Tuyệt mệnh là du niên được đổi ra sao Phá quân, vì Tuyệt mệnh Kim tùy thuộc với Phá quân Kim. Vậy phiên Phá quân vào ngăn đầu.

Phiên tinh vào 10 ngăn nhà

Dương trạch tam yếu

Vào đầu đã gặp song Kim, nhưng như trên đã phiên Phá quân Kim vào ngăn đầu rồi tất phải phiên Vũ khúc Kim vào ngăn 2. Vũ khúc Kim sinh Văn khúc Thủy, vậy phiên Văn khúc vào ngăn 3. Văn khúc Thủy sinh song Mộc, vậy trước phiên Phụ bát Mộc vào ngăn 4 và sau phiên Tham lang Mộc vào ngăn 5. Tham lang Mộc sinh Liêm trinh Hỏa, vậy phiên Liêm trinh vào ngăn 6. Liêm trinh Hỏa sinh song Thổ, vậy trước phiên Lộc tồn Thổ vào ngăn 7 rồi sau phiên Cự môn Thổ vào ngăn 8. Cự môn Thổ sinh song Kim, vậy trước phiên Vũ khúc Kim vào ngăn 9, rồi sau phiên Phá quân Kim vào ngăn 10. (Chú ý: Ngôi nhà này dùng tới hai song Kim. Nhưng ngăn đầu và ngăn 2 nhằm ngoại lệ phải phiên Phá quân trước mà phiên Vũ khúc sau, còn ngăn 9 và ngăn 10 nhằm thường lệ nên phiên Vũ khúc trước mà phiên Phá quân sau).

Chọn ngăn làm Phòng chúa và Sao chúa

Xem xét trong 10 ngăn nhà thấy ở ngăn 4 và ngăn 5 có Phụ bát và Tham lang đều là kiết tinh đẳng diện. Nhưng Phụ bát là sao phụ giúp, còn Tham lang là sao chánh Mộc, vậy nên chọn ngăn 5 làm Phòng chúa để dùng Tham lang làm Sao chúa khiến cho nhà phát đạt nhiều hơn dùng Phụ bát.

Luận đoán đại khái cho ngôi nhà

Ba cung chính yếu của ngôi nhà này là Đoài Khôn Chấn hồ biến được Tuyệt mệnh, Thiên y và Họa hại. Một kiết mà hai hung tất phải là ngôi nhà bất lợi, chủ yếu là tại Tuyệt mệnh làm Sơn chủ Chấn. Nhưng nhờ có Sao chúa là Tham lang đẳng diện trấn áp Tuyệt mệnh mà khiến cho nhà được phát phú quý, vinh hoa tới 30 năm rồi sau đó mới dần dần suy giảm.

----- (Hết Thiên Biến trạch) -----

Thiên V

HÓA TRẠCH

Hóa trạch là nhà từ mặt tiền tới mặt hậu được phân làm từ 2 ngăn tới 15 ngăn. Lấy tường, vách, cửa làm hình tượng phân chia. Còn tủ và màn dăng ngang hoặc dùng các vật có thể di động để chắn ngang không thay thế cho tường vách được, tức chẳng phải hình thức phân chia ngăn.

Tất cả các việc phải làm cho Hóa trạch: Phân cung, điểm hướng, an du niên, chọn ngăn làm Phòng chúa và Sao chúa, cách luận đoán 3 chỗ chính yếu và các chỗ phụ thuộc...v...v... đều giống y ở Động trạch Thiên III. Nhưng cách phiên tinh lại in như Biến trạch từ 8 tới 10 ngăn. Vì vậy cho nên ở Thiên VI lập thành ghi cung như vậy: Biến hóa trạch từ 8 tới 10 ngăn. Như vậy, có Thiên hóa trạch này là chỉ để phân biệt danh từ do theo số ngăn của ngôi nhà mà thôi.

Cách phiên tinh cho Hóa trạch:

(In như cách phiên tinh cho Biến trạch từ 8 ngăn tới 10 ngăn).

Trước hết tinh du niên cho ngăn đầu và đổi tên du niên ấy ra tên sao. Rồi sau đó, không luận là Ngũ hành chính hay phụ, cứ theo thứ tự 8 sao sinh tấn mà phiên tinh vào hết thấy các ngăn. Trong 8 sao sinh tấn có đủ ba song, hễ gặp song nào dùng ngay song đó, không bỏ qua song nào cả. Hóa trạch từ 2 ngăn tới 15 ngăn có thể gặp bốn song, năm song hay sáu song. Như vậy tất phải có dùng trở lại các song đã dùng. (Thứ tự 8 sao sinh tấn: xem Thiên IV điều 6. Cách dùng ba song: xem Thiên IV điều 7).

Rất ít có Hóa trạch là nhà từ 2 tới 15 ngăn. Sau đây là 3 mẫu đồ Hóa trạch 2, 13, 15 ngăn được an lập để thấy lối dùng nhiều song. Ngoài ra, muốn khảo cứu thêm cho đầy đủ thỉnh xem Thiên VI có lập thành sẵn đủ 24 Biến hóa trạch từ 8 ngăn tới 15 ngăn.

Dương trạch tam yếu

HÓA TRẠCH 11 NGĂN DỪNG BỐN SONG, MẪU ĐỒ THỨ NHẤT

(Chú ý: Biến trạch 8, 9, 10 ngăn cũng phiên tinh in như Hóa trạch. Xem bốn loại trạch số 7 trong Thiên VI lập thành).

CHẤN hướng

Đông bắc CẤN o CỬA CÁI :-----o TỐN Đông nam

Khảm : - Ngăn đầu : Du niên Lục sát Thủy tức : Ly
: : sao Văn khúc Thủy :
o-----o

Khảm : - Ngăn 2 : Phụ bát Mộc thất vị : Ly
o-----o

Khảm : - Ngăn 3 : Tham lang Mộc thất vị : Ly
o-----o

Khảm : - Ngăn 4 : Liêm trinh Hỏa (hung tinh) : Ly
o-----o

Khảm : - Ngăn 5 : Lộc tồn Thổ (hung tinh) : Ly
o-----o

Khảm : - Ngăn 6 : CỰ MÔN Thổ (đắc vị) : Ly
o-----o

: - Ngăn 7 : VŨ KHÚC Kim làm Sao chúa :

Khảm : : là kiết tinh đẳng diện : Ly

: Ngăn này làm Phòng chúa rộng lớn nhất :
o-----o

Khảm : - Ngăn 8 : Phá quân Kim (hung tinh) : Ly
o-----o

Khảm : - Ngăn 9 : Văn khúc Thủy (hung tinh) : Ly
o-----o

Khảm : - Ngăn 10 : Phụ bát Mộc thất vị : Ly
o-----o

Khảm : - Ngăn 11 : THAM LANG Mộc o Ly

:----- là kiết tinh thất vị :

: BẾP : :

Thiên y KIỀN o-----o-----:

Sơn chủ ĐOÀI : Diên niên

VỊ TRÍ

Sơn tại Đoài (chánh Tây), Hướng tại Chấn (chánh Đông). Cửa cái là thiên môn tại Cấn (Đông bắc). Bếp tại Kiền (Tây bắc), Sơn chủ tại Đoài (chánh Tây). Phòng chúa tại ngăn 7 có Vũ khúc Kim là kiết tinh đẳng diện.

PHIÊN TINH

Cửa cái là thiên môn (ở một bên mặt tiền) tại Cấn cho nên phải là Cấn biến 6 lần tới Chấn hướng tất được Lục sát, Lục sát Thủy được đổi thế bằng sao Văn khúc Thủy, vậy phiên Văn khúc vào ngăn đầu. Văn khúc sanh song Mộc, vậy trước phiên Phụ bát Mộc vào ngăn 2 và sau phiên Tham lang Mộc vào ngăn. Tham lang Mộc sanh Liêm trinh Hỏa, vậy phiên Liêm trinh vào ngăn 4. Liêm trinh Hỏa sanh song Thổ, vậy

Dương trạch tam yếu

trước phiên Lộc tồn Thổ vào ngăn 5 rồi sau phiên Cự môn Thổ vào ngăn 6. Cự môn Thổ sanh song Kim, vậy trước phiên Vũ khúc Kim vào ngăn 7 rồi sau phiên Phá quân kim vào ngăn 8. Phá quân Kim sanh Văn khúc này, vậy phiên Văn khúc vào ngăn 9 (dùng trở lại sao ngăn đầu). Văn khúc Thủy sanh song Mộc, vậy trước phiên Phụ bát Mộc vào ngăn 10 rồi sau phiên Tham lang Mộc vào ngăn 11 (dùng trở lại song Mộc).

Chọn ngăn làm Phòng chúa và Sao chúa

Xem xét trong 11 ngăn nhà, chỉ có ngăn 7 được Vũ khúc Kim là kiết tinh đăng diện, vậy nên tạo tác ngăn 7 rộng lớn nhất để dùng làm Phòng chúa và cũng để được Vũ khúc là Sao chúa.

Luận đoán đại khái cho ngôi nhà

Cửa cái cần dương Thổ sanh Sơn chủ Đoài âm Kim thừa Diên niên đăng diện rất tốt, lại ngoài sanh vào trong hội đủ âm dương cho nên phát đạt mau và thịnh vượng lớn. Cửa cái Cần sanh Bếp Kiền thừa Thiên y đắc vị và cũng là ngoài sanh vào trong, đó là một cái Bếp tốt vô cùng. Ba chỗ chính yếu ở tại 3 cung Cần Đoài Kiền hỗ biến với nhau được Diên niên, Thiên y và Sinh khí được gọi là Nhà ba tốt, gồm đủ Phước, Lộc, Thọ, Khang, Ninh. Ngoài ra còn được Sao chúa là Vũ khúc Kim tinh đăng diện, nhà ở càng lâu càng đại phát phú quý cho tới 90 năm, con cháu nối dõi hùng cường.

HÓA TRẠCH 13 NGĂN DỪNG NĂM SONG, MẪU ĐỒ THỨ NHÌ

(Chú ý: Biến trạch 8, 9, 10 ngăn hay Hóa trạch 11, 12 ngăn cũng phiên tinh in như Hóa trạch 13 ngăn này. Xem bốn loại trạch số 20 trong Thiên VI).

KHÔN hướng		
Chánh Nam LY	o----- CỬA CÁI -----o	ĐOÀI chánh Tây
Tốn	: - Ngăn đầu : Du niên Sinh khí Mộc	: Kiền
	: tức sao Tham lang Mộc	:
	o-----o	
Tốn	: - Ngăn 2 : Phụ bát Mộc thất vị	: Kiền
	o-----o	
Tốn	: - Ngăn 3 : Liêm trinh Hỏa (hung tinh)	: Kiền
	o-----o	
Tốn	: - Ngăn 4 : Lộc tồn Thổ (hung tinh)	: Kiền
	o-----o	
Tốn	: - Ngăn 5 : CỰ MÔN Thổ đăng diện	: Kiền
	: ngăn này đang làm Phòng chúa	:
	o-----o	
Tốn	: - Ngăn 6 : VŨ KHÚC Kim đắc vị	: Kiền
	o-----o	
Tốn	: - Ngăn 7 : Phá quân Kim (hung tinh)	: Kiền
	o-----o	
Tốn	: - Ngăn 8 : Văn khúc Thủy (hung tinh)	: Kiền
	o-----o	
Tốn	: - Ngăn 9 : Phụ bát Mộc thất vị	: Kiền
	o-----o	
Tốn	: - Ngăn 10 : THAM LANG Mộc thất vị	: Kiền
	o-----o	

Dương trạch tam yếu

Tốn	: - Ngăn 11 : Liêm trinh Hỏa (hung tinh)	:	
	o-----o		
Tốn	: - Ngăn 12 : Lộc tồn Thổ (hung tinh)	:	Kiên
	o-----o		
	: - Ngăn 13 : CỰ MÔN Thổ làm Sao chúa	:	
	kiết tinh đăng diện	:	
Tốn	:	-----:	
	:	: BẾP	: KIÊN Diên niên
	:	-----:	
	: Ngăn làm Phòng chúa	:	
	: rộng lớn nhất	:	
chánh Đông	o-----o-----o		KHẢM
CHẤN	Sơn chủ CẤN: Sinh khí		chánh Bắc

VỊ TRÍ

Sơn tại Cấn (Đông bắc), Hưởng tại Khôn (Tây nam). Cửa cái ở khoảng giữa mặt tiền gọi là chánh môn tại Khôn (Tây nam). Sơn chủ tại Cấn (Đông bắc), Bếp tại Kiên (Tây bắc). Phòng chúa tại ngăn 13 có Cự môn làm Sao chúa là kiết tinh đăng diện và nhập miếu.

PHIÊN TINH

Cửa cái thuộc chánh môn tại Kiên cho nên phải từ Khôn biến 1 lần tới Sơn chủ Cấn được Sinh khí Mộc là du niên tùy thuộc với sao Tham lang Mộc, vậy phải phiên Tham lang vào ngăn đầu. Đây là trường hợp ngoại lệ thường gặp song Mộc mà phải dùng Tham lang trước và tất nhiên phải phiên Phụ bát Mộc sau vào ngăn 2. Phụ bát Mộc sanh Liêm trinh Hỏa. Vậy phiên Liêm trinh vào ngăn 3. Liêm trinh Hỏa sanh song Thổ, vậy trước phiên Lộc tồn Thổ vào ngăn 4 rồi Cự môn Thổ vào ngăn 5. Cự môn Thổ sanh song Kim, vậy trước phiên Vũ khúc Kim vào ngăn 6 rồi sau phiên Phá quân Kim vào ngăn 7. Phá quân Kim sanh Văn khúc Thủy, vậy phiên Văn khúc vào ngăn 8. Văn khúc Thủy sanh song Mộc, vậy trước phiên Phụ bát Mộc vào ngăn 9 rồi sau phiên Tham lang Mộc vào ngăn 10. (Dùng trở lại song Mộc, nhưng theo lệ thường phiên Phụ bát trước mà Tham lang sau). Tham lang Mộc sanh Liêm trinh Hỏa, vậy phiên Liêm trinh vào ngăn 11 (dùng lại Liêm trinh lần thứ nhì). Liêm trinh Hỏa sanh song Thổ, vậy trước phiên Lộc tồn Thổ vào ngăn 12 rồi sau phiên Cự môn Thổ vào ngăn 13 (dùng lại song Thổ lần thứ nhì).

Chọn ngăn làm Phòng chúa và Sao chúa

Xem xét trong 13 ngăn nhà thấy có Vũ khúc là kiết tinh đắc vị và Cự môn là kiết tinh đăng diện. Kiết tinh đắc vị tốt không bằng kiết tinh đăng diện, vậy nên chọn Cự môn làm Sao chúa. Nhưng lại có tới hai Cự môn, một ở ngăn 5 và một ở ngăn 13. Cự môn ở ngăn 5 ở cách Sơn chủ bảy ngăn tất nhiên cái sức hưng phát không mau mạnh bằng Cự môn ngăn 13 trực ngộ Sơn chủ cũng gọi là Cự môn nhập miếu. Kết luận: Nên tạo tác ngăn 13 cho rộng lớn nhất để làm Phòng chúa và cũng để được Sao chúa Cự môn là kiết tinh đăng diện và nhập miếu. Hoặc cũng có thể dùng cả ngăn 5 và ngăn 13 đồng làm Phòng chúa.

Luận đoán đại khái cho ngôi nhà

Cửa cái Khôn âm Thổ tỷ hòa với Sơn chủ Cấn dương Thổ có đủ âm dương lại

Dương trạch tam yếu

thừa Sinh khí là một cái nhà phát đạt. Cửa cái Khôn âm Thổ sanh vào Bếp Kiền dương Kim là ngoài sanh vào trong hội đủ âm dương lại thừa Diên niên đăng diện là một cái Bếp tốt thượng hạng. Ba cung Khôn Cấn Kiền đối với nhau đều tỷ hòa và tương sanh hỗ biến được ba kết du niên (Sinh khí, Diên niên và Thiên y) gọi là Nhà ba tốt (Tam kết trạch) ắt năm phước vào cửa (ngũ phúc lâm môn). Ngoài ra còn được Sao chúa là Cự môn đăng diện: nhà cự phú chẳng sai. Nếu chủ nhà ăn ở phước hậu khác nào gấm tốt thêu hoa đẹp, càng ở lâu càng thịnh vượng thêm lên, có thể phát tới 100 năm, con cháu đều vinh hạnh, có người làm tới bậc đại quý.

HÓA TRẠCH 15 NGĂN DỪNG SÁU SONG, MẪU ĐỒ THỨ BA

(Biến trạch 8, 9, 10 ngăn hay Hóa trạch 11, 12, 13, 14 ngăn cũng phiên tinh theo lối Hóa trạch 15 ngăn này. Xem bốn loại trạch số 24 trong Thiên VI).

KHÔN HƯỚNG

Chánh Nam LY o----- CỬA CÁI --o ĐOÀI chánh Tây

	: - Ngăn đầu : du niên Thiên y Thổ :	
Tốn	: o-----o	tức sao CỰ MÔN Thổ : Kiền
Tốn	: - Ngăn 2 : Lộc tồn Thổ (hung tinh) :	Kiền
Tốn	: - Ngăn 3 : VỮ KHÚC Kim đắc vị :	Kiền
Tốn	: - Ngăn 4 : Phá quân Kim (hung tinh) :	Kiền
Tốn	: - Ngăn 5 : Văn khúc Thủy (hung tinh) :	Kiền
Tốn	: - Ngăn 6 : Phụ bật Mộc thất vị :	Kiền
Tốn	: - Ngăn 7 : THAM LANG Mộc thất vị :	Kiền
Tốn	: - Ngăn 8 : Liêm trinh Hỏa (hung tinh) :	Kiền
Tốn	: - Ngăn 9 : Lộc tồn Thổ (hung tinh) :	Kiền
	: - Ngăn 10: CỰ MÔN Thổ là Sao chúa :	
	: là kết tinh đăng diện. :	
Tốn	: Phòng chúa rộng lớn nhất :	Kiền
	: o-----o	
	: Bếp KHÔN :	
	: Thiên y :	
Tốn	: o-----o	: Kiền
	: - Ngăn 11 : VỮ KHÚC Kim đắc vị :	
	: o-----o	
Tốn	: - Ngăn 12 : Phá quân Kim (hung tinh) :	Kiền
	: o-----o	
Tốn	: - Ngăn 13 : Văn khúc Thủy (hung tinh) :	Kiền
	: o-----o	

Dương trạch tam yếu

Tốn : - Ngăn 14 : Phụ bát Mộc thất vị : Kiền
o-----o
Tốn : - Ngăn 15 : THAM LANG Mộc thất vị :
o-----o
Sơn chủ CẤN : Diên niên

VỊ TRÍ

Sơn tại Cấn (Đông bắc) hướng tại Khôn (Tây nam). Cửa cái ở một bên góc mặt tiền là thuộc về thiên môn tại Đoài (chánh Tây). Sơn chủ tại Cấn (Đông bắc). Bếp tại Khôn (Tây nam) của ngăn 2. Hướng bếp ngó về Kiền (Tây bắc). Dùng ngăn 10 làm Phòng chứa để được Sao chúa Cự môn là kết tinh đăng diện.

PHIÊN TINH

Cửa cái là thiên môn tại Đoài cho nên phải từ Đoài biến 6 lần tới Khôn hướng được du niên Thiên y Thổ đối thế sao Cự môn Thổ, vậy phiên Cự môn vào ngăn đầu rồi mới phiên Lộc tồn Thổ vào ngăn 2. (Đây là song Thổ gặp trường hợp ngoại lệ dùng Cự môn trước, dùng Lộc tồn sau). Lộc tồn Thổ sanh song Kim, vậy trước phiên Vũ khúc Kim vào ngăn 3 rồi sau phiên Phá quân Kim vào ngăn 4. Phá quân Kim sanh Văn khúc Thủy, vậy phiên Văn khúc Thủy vào ngăn 5, Văn khúc Thủy sanh song Mộc, vậy trước phiên Phụ bát Mộc vào ngăn 6 rồi sau phiên Tham lang Mộc vào ngăn 7. Tham lang Mộc sanh Liêm trinh Hỏa, vậy phiên Liêm trinh vào ngăn 8. Liêm trinh Hỏa sanh song Thổ, vậy trước phiên Lộc tồn Thổ vào ngăn 9 rồi sau phiên Cự môn Thổ vào ngăn 10. Cự môn Thổ sanh song Kim, vậy trước phiên Vũ khúc Kim vào ngăn 11 rồi sau phiên Phá quân vào ngăn 12. Phá quân Kim sanh Văn khúc Thủy, vậy phiên Văn khúc vào ngăn 13, Văn khúc Thủy sanh song Mộc, vậy trước phiên Phụ bát Mộc vào ngăn 14 rồi sau phiên Tham lang Mộc vào ngăn 15.

Ngôi nhà 15 ngăn này được dùng tới hai song Thổ, hai song Kim và hai song Mộc, cộng chung là sáu song.

Chọn ngăn làm Phòng chứa và Sao chúa

Xem xét trong 15 ngăn nhà thấy có ngăn 3 và ngăn 2 đồng được Vũ khúc Kim là kết tinh đắc vị, nhưng không bằng ngăn đầu và ngăn 10 được Cự môn Thổ là kết tinh đăng diện tốt hơn đắc vị một bậc và phải chọn Cự môn ngăn 10 làm Sao chúa mới thật tốt, bằng chọn Cự môn ngăn đầu là thất sách, vì sao ngăn đầu ảnh hưởng với Hướng chớ không ảnh hưởng với Sơn (Sơn chủ). Vả lại nếu chọn ngăn đầu làm Phòng chứa tất phải tạo tác cho nó rộng lớn nhất, lớn hơn tất cả các ngăn kế sau thì hình tượng ngôi nhà tựa như con cá đuối, đầu to mình ốm nhỏ, có giàu được cũng không tồn. Hơn nữa Cự môn ở ngăn đầu quá xa, còn Cự môn ngăn 10 ở gần Sơn chủ hơn tất có năng lực hưng phát mau và mạnh hơn.

Luận đoán đại khái cho ngôi nhà

Cửa cái Đoài với Sơn chủ Cấn là âm dương tương sanh rất tốt, nhưng trong sanh ra ngoài thì phát đạt chậm. Bếp với Cửa cái Đoài cũng tương sanh và thừa Thiên y đăng diện là một cái Bếp thượng kết, nhưng hiểm vì Khôn và Đoài thuần âm có tính cách hôn mê, về sau lâu bất tốt. Sơn chủ Cấn thừa Diên niên, Bếp Khôn thừa Thiên y, Cấn với Khôn hồ biến sanh ra Sinh khí, phạm nhà có đủ ba kết du niên đó gọi là Nhà ba tốt, năm phước gom về. Dùng Cự môn Thổ đăng diện làm Sao chúa khiến cho nhà phát đạt

Dương trạch tam yếu

lớn, thịnh vượng tới 50 năm rồi đại phát phú quý tới 100 năm. Thời gian hưng tiến và số lượng phát đạt có thể gia giảm là so sánh ăn ở của chủ nhà vậy.

(Hết Thiên Hóa trạch)

PHỤ TRANG BỔ KHUYẾT

Thêm những trang bổ khuyết này làm toát yếu, để phânbiệt và để nhắc gọn lại một số chi tiết trong năm Thiên đã khảo cứu. Tuy ít song chẳng phải là vô ích.

1)- Có tất cả 4 loại trạch (nhà): Tịnh trạch, Động trạch, Biến trạch và Hóa trạch. Biến trạch và Hóa trạch được gọi chung là Biến hóa trạch.

- Tịnh trạch là nhà từ mặt tiền suốt tới mặt hậu không có phân ngăn bằng tường vách.

- Động trạch là nhà từ mặt tiền tới mặt hậu được phân làm từ 2 ngăn tới 5 ngăn bởi tường vách chắn ngang.

- Biến trạch là nhà từ mặt tiền từ mặt hậu được phân chia từ 6 ngăn tới 10 ngăn bởi những tường vách chắn ngang.

- Hóa trạch là nhà từ mặt tiền tới mặt hậu được phân từ 11 ngăn tới 15 ngăn bởi những tường vách chắn ngang.

2)- Tịnh trạch chỉ dùng 8 du niên mà không dùng 8 sao. Còn Động trạch và Biến hóa trạch dùng cả 8 du niên và 8 sao. Dùng 8 sao cốt yếu là để phiên tinh. Phiên tinh là cách biến tên các ao vào các ngăn.

3)- Động trạch dùng những sao thuộc chính Ngũ hành (chính Kim, chính Mộc...) để phiên mà không dùng một song nào cả. Biến trạch là nhà từ 6 ngăn tới 10 ngăn, có 3 cách phiên tinh khác nhau: Biến trạch đúng 6 ngăn dùng một song và những sao chính Ngũ hành để phiên tinh. Biến trạch đúng 7 ngăn dùng đủ hai song và những sao chính Ngũ hành để phiên tinh. Biến trạch 8 ngăn, 9 ngăn hay 10 ngăn dùng đủ ba song và những sao chính Ngũ hành để phiên tinh. Hóa trạch là nhà từ 2 ngăn tới 15 ngăn dùng hết thấy các song và những sao chính Ngũ hành để phiên tinh. Có thể dùng tới bốn song, năm song hay sáu song, gặp song nào dùng song ấy, không bỏ song nào cả. Song là song đôi, là hai sao cùng thuộc một loại Ngũ hành, một chánh một phụ. Như nói song Kim là Vũ khúc với Phá quân đồng thuộc một loại Kim, những Vũ khúc thuộc chính Kim, còn Phá quân thuộc phụ Kim.

3)- Ba chỗ chính yếu của Tịnh trạch là Cửa cái, Chủ phòng và Bếp. Khác nhau là ở Tịnh trạch dùng Chủ phòng còn ở Động trạch và Biến hóa trạch dùng Sơn chủ, Chủ phòng là cái phòng lớn nhất ở Tịnh trạch (cũng như Phòng chúa là ngăn lớn nhất ở ba loại trạch kia vậy). Nếu trong nhà chỉ có một cái phòng duy nhất thì gọi ngay phòng đó là Chủ phòng, không luận lớn nhỏ. Sơn chủ là cung ở khoảng giữa mặt hậu.

4)- Ở Tịnh trạch không có phiên tinh nên không dùng Sao chúa. Còn ở Động trạch và Biến hóa trạch phải phiên tinh nên mới có Sao chúa và dùng Sao chúa. Sao chúa chiếm phần quan hệ rất lớn đối với ngôi nhà. Rất cần Sao chúa là kiết tinh đăng diện hay đắc vị để khiến cho nhà phát đạt lớn và để làm cứu tinh cho ngôi nhà bất lợi. Ngôi nhà bất lợi là Sơn chủ hay Chủ phòng thừa hung du niên.

5)- Cách tính đăng diện, đắc vị và thất vị cho kiết du niên khác với cách tính cho kiết tinh. Tính cho kiết du niên thì lấy kiết du niên so đối với cung sở thừa (cung nó gặp). Còn tính cho kiết tinh thì lấy kiết tinh so đối với Sơn chủ. Kiết du niên là Sinh khí,

Dương trạch tam yếu

Diên niên, Thiên y và phúc vị (nhưng phúc vị tốt ít). Kiết tinh là Tham lang, Vũ khúc, Cự môn và Phụ bát (nhưng Phụ bát tốt ít). Đẳng diện tốt bậc nhất, đắc vị tốt bậc nhì, thất vị tốt bậc ba..

6)- Sao chúa đẳng diện hay đắc vị mà ở nhằm ngăn chót (trục ngọ Sơn chủ) đều gọi là nhập miếu, sự phát đạt mau và mạnh hơn ở các ngăn kia. Và lẽ dĩ nhiên đẳng diện mà nhập miếu tốt hơn đắc vị mà nhập miếu.

7)- Ở Tịnh trạch muốn cho nhà phát đạt thì Chủ phòng phải thừa kiết du niên đẳng diện hay đắc vị. Và muốn cho Bếp thật tốt thì Bếp phải thừa kiết du niên đẳng diện hay đắc vị. Cả hai chỗ tưng lăm mới dùng kiết du niên thất vị, phát đạt ít nhưng cũng không tai họa. Nếu dùng hung du niên ắt phải nguy khốn. Còn ở Động trạch và Biến hóa trạch muốn nhà phát đạt lớn phải được tốt hai chỗ: Sơn chủ thừa kiết du niên và Sao chúa phải là kiết tinh đẳng diện hay đắc vị. Và muốn Bếp tốt thì phải thừa kiết du niên hay đắc vị. Dùng kiết tinh hay kiết du niên thất vị chỉ tốt vừa vừa thôi. Nhưng Chủ phòng hay Sơn chủ với Cửa cái có đủ âm dương thì nhà tốt mới bền bỉ mà khỏi lo hậu hoạn. Bếp cũng vậy, Bếp với Cửa cái có đủ âm dương thì Bếp tốt bền bỉ mà khỏi lo hậu hoạn. Vì thuần dương hay thuần âm thì bị hậu hoạn.

8)- Ở Tịnh trạch Chủ phòng không phải cố định, vậy thấy Chủ phòng thừa hung du niên thì mình dời qua cung có kiết du niên là tốt, rất dễ. Còn ở Động trạch và Biến hóa trạch Sơn chủ cố định: luôn luôn tại Sơn là cung chính giữa mặt hậu, không dời đổi qua nơi khác được, nhưng cụ thể đổi tên du niên bằng cách dời Cửa cái. Như rui Sơn chủ thừa hung du niên mà nhằm trường hợp không đổi được kiết du niên thì chỉ còn cách dùng Sao chúa là kiết tinh đẳng diện hay đắc vị để trấn áp (dẫn ép) hung du niên thì nhà mới phát lên được lối 30 năm. Hoặc có thể phát tới bằng nửa số năm của kiết tinh hưng vượng, như Tham lang đẳng diện hưng vượng tới 80 năm, nhưng vì Sơn chủ thừa hung du niên nên chỉ còn 40 năm. Nếu dùng kiết tinh thất vị e không đủ sức trấn áp hung du niên.

9)- Ở Tịnh trạch lấy tên du niên tại Chủ phòng mà đặt tên cho nhà như Chủ phòng thừa Sinh khí thì gọi là Sinh khí trạch, thừa Ngũ quỷ gọi là Ngũ quỷ trạch... Còn ở Động trạch và Biến hóa trạch lấy tên du niên tại Sơn chủ thừa Diên niên gọi là Diên niên trạch, thừa Lục sát gọi là Lục sát trạch... Lại cũng lấy tên Sao chúa mà đặt tên cho nhà như Sao chúa Tham lang gọi là Tham lang trạch, Sao chúa Vũ khúc gọi là Vũ khúc trạch...

10)- Ba chỗ chính yếu của ngôi nhà ở tại ba cung. Ba cung này hổ biến với nhau được ba kiết du niên thì đại khái phải kể là ngôi nhà tốt, bằng hổ biến được một kiết du niên và hai hung du niên thì đại khái phải cho là ngôi nhà bất lợi. (Không có trường hợp hổ biến gặp cả 3 hung du niên). Làm ba cung hổ biến có đủ Sinh khí, Diên niên và Thiên y thì gọi là Nhà ba tốt, tốt lớn. Nếu hổ biến được 3 kiết du niên nhưng có lẫn Phúc vị vẫn tốt, nhưng không đáng gọi là Nhà ba tốt, vì Phúc vị là sao tốt phụ thuộc như hổ biến được hai Sinh khí và một Phúc vị không đáng gọi là Nhà ba tốt.

11)- Phiên tinh cho ngăn đầu phải cần rõ Cửa cái là chính môn hay thiên môn mới có thể tính đúng du niên rồi đổi ra tên sao. Cửa cái ở tại khoảng giữa mặt tiền (tại Hưởng) gọi là chính môn, bằng ở bên góc tả hay góc hữu mặt tiền đều gọi là thiên môn.

12)- Khi đã tính biết tên sao tại ngăn đầu rồi phải theo lối Ngũ hành sinh tấn mà phiên tinh cho những ngăn kế tiếp. Ngũ hành sinh tấn là Kim sinh Thủy, Thủy sinh Mộc, Mộc sinh Hỏa, Hỏa sinh Thổ, Thổ sinh Kim... Như ngăn trước được phiên sao

Dương trạch tam yếu

Mộc thì ngăn kế tiếp phải phiên sao Hỏa, vì Mộc sinh Hỏa. Như ngăn trước được phiên sao Thổ thì ngăn kế tiếp phải phiên sao Kim, vì Thổ sinh Kim,...

13)- Thiên I là Thiên dẫn lộ. Trước hết rất cần am hiểu thiên dẫn lộ rồi sau mới được dễ dàng khảo cứu các thiên kế tiếp, vì trong thiên này có nhiều bài thiết yếu. Như muốn tính du niên thì xem bài 8, muốn biết thời gian ứng nghiệm xem Ngũ hành số mục và Ngũ hành ứng kỳ trong bài 4, muốn luận đoán những sự việc tốt xấu xảy ra xem bài 10, 11, 12, 16, 17,...

14)- Thiên II là thiên Tịnh trạch, dùng để khảo cứu những ngôi nhà không có phân ngăn, dùng 8 du niên mà chẳng dùng 8 sao.

15)- Thiên III là Thiên Động trạch, dùng khảo cứu những ngôi nhà có từ 2 tới 5 ngăn. Số nhà ở của nhân loại hiện nay chiếm 80% thuộc về Động trạch. Sự luận đoán thiên này gồm hết các loại nhà.

16)- Thiên IV là thiên Biến trạch, dùng khảo cứu những ngôi nhà có từ 6 ngăn tới 10 ngăn. Cách phiên tinh phải dùng số song tùy theo số ngăn.

17)- Thiên V là thiên Hóa trạch, dùng khảo cứu những ngôi nhà có từ 11 ngăn tới 15 ngăn. Cách phiên tinh không giới hạn số song và không khác chi Biến trạch 8, 9, 10 ngăn.

18)- Thiên VI là thiên lập thành, qui hoạch sẵn du niên và phiên sẵn các sao. Bất cứ phương hướng hay vị trí ngôi nhà nào cũng nằm trong thiên lập thành này. Dùng nó khỏi mất công tính toán nhiều.

19)- Thiên VII là thiên ứng nghiệm có nói đủ những sự tốt xấu do 3 chỗ chính yếu phối hợp, có luận đủ 64 nhà và 64 Bếp.

20)- Táo tọa là chỗ (cung) đặt Bếp phải do Cửa cái mà tính ra du niên, Sinh khí, Thiên y, Diên niên,... Nhưng Táo hướng là phương hướng nơi cái Bếp ngó về phải do Mệnh cung của chủ nhà mà tính ra du niên. Nghĩa là Táo hướng với Mệnh cung của chủ nhà cần hỗ biến được kiết du niên là Sinh khí, Diên niên, Thiên y, Phúc vị mới tốt. Và tuy hỗ biến được kiết du niên, nhưng muốn được trọn tốt thì chẳng nên đặt miệng lò hay miệng cà ràng ngó về các nơi uế trước như cầu xí, nhà tắm, chuồng lợn, chuồng gà vịt, thùng rác. Đối diện với miệng lò, cà ràng cũng chẳng nên đặt phòng giường để ngủ nghỉ, hay đặt nơi có dùng nước như những chỗ rửa chén rửa mặt, giặt giũ quần áo,... phải biết: cái lưng của Bếp có năng lực ngăn trở, nhưng trái lại miệng lò, cà ràng có tính hút vào, thu về. Vì vậy chẳng nên để miệng lò miệng cà ràng hút vào trước khí. Thường thì Táo hướng và miệng lò cà ràng đồng ngó về một phương hướng, nhưng đôi khi vì sự lựa chọn thay vì tránh né, mình cũng có thể đặt Táo hướng ngó về cung này mà để miệng lò cà ràng ngó về cung khác.

21)- Dùng Mệnh cung của chủ nhà hay dùng Hướng nhà để tính du niên cho Cửa, Phòng, Bếp đều là điều sai lầm. Hướng nhà là điểm trung tâm của mặt tiền nh. Lại có người bảo: người vợ thường nấu ăn, coi sóc Bếp, vậy phải đặt Bếp tại cung nào hợp với Mệnh cung của người vợ, đó cũng là điều sai lầm của người dùng môn Bát trạch.

22)- Chỉ có Hướng bếp, Giường ngủ và Đầu giường là các chỗ nên do theo Mệnh cung của chủ nhà mà tính ra du niên Sinh khí, Thiên y,... kỳ dư đều do Cửa cái mà tính ra du niên. Không luận về miệng lò, cà ràng.

23)- Chỉ có chủ nhà là cần thiết, còn những thân nhân trong nhà, nếu có phương tiện cũng nên đặt giường ngủ và Đầu giường theo phương hướng hợp với Mệnh cung cá nhân ngủ nơi giường, bằng cách có phưng tiện thì thôi vậy, không quan trọng.

Dương trạch tam yếu

24)- Chủ nhà Tây mệnh mà ở Đông tứ trạch thì không được thêm 30% tốt, chớ không phải bị bớt 30% tốt.

(Hết phụ trang bổ khuyết)

THIÊN VI

LẬP THÀNH

Sở dĩ có thiên Lập thành này không ngoài ý muốn cho người khảo cứu cũng như dùng đến khỏi mất nhiều thì giờ mỗi khi muốn xem xét hay xây cất một ngôi nhà, bất cứ trên địa thế hay cho phương hướng nào. Vì trong thiên VI này đã lập thành đủ 120 mẫu nhà được phân bố sẵn tất cả những cung vị Sơn, Hướng, Cửa cái, những phương hướng chu vi, những ngăn nhà phiên tinh... hết thấy đều đặn an 8 du niên và 8 sao tốt xấu có đánh dấu sẵn những kiết du niên và kiết tinh đăng diện, đắc vị hay thất vị,... Ngoài 120 mẫu nhà trong thiên lập thành này không còn mẫu nhà nào chính xác hơn nữa. Dù người chưa thật rành mạch môn Bát trạch cũng có thể nom theo đây mà sửa chữa một ngôi nhà ở suy bại trở nên thịnh vượng, hoặc để xây dựng nên một ngôi nhà đại phát phú quý, nhưng một nhà khoa học, một học giả chân chính chẳng nên vì thế, đã biết dụng thiên lập thành này mà không chịu khó khảo cứu cho rốt ráo môn Dương trạch tam yếu.

Lập thành là tính sẵn rồi ghi ra thật rành trong 5 việc cho 120 mẫu nhà của bốn loại trạch, kể đủ trọn thiên như sau đây:

- An du niên cho 24 Tịnh trạch.
- Phiên tinh cho 24 Động trạch đủ 5 ngăn.
- Phiên tinh cho 24 Biến trạch đúng 6 ngăn.
- Phiên tinh cho 24 Biến trạch 7 ngăn.
- Phiên tinh cho 24 Biến hóa trạch đủ 15 ngăn.

Dẫn giải cách lập thành và các điều lệ:

Trong thiên VI có 24 trang lập thành. Mỗi trang nào cũng gồm có:

- a)- Một hàng chữ trên hết (đầu trang)
- b)- Một Tịnh trạch có vẽ chu vi.
- c)- Một Động trạch đủ 5 ngăn, không vẽ chu vi.
- d)- Một Biến trạch đúng 6 ngăn, không vẽ chu vi.
- e)- Một Biến trạch đúng 7 ngăn, không vẽ chu vi.
- g)- Một Biến hóa trạch đủ 15 ngăn, không vẽ chu vi.

a)- Dẫn giải hàng chữ trên hết (gồm 16 chữ)

Hàng chữ trên hết tức là hàng đầu trang có ghi số mục cho năm mẫu nhà và chỉ rõ Cửa cái chung của của 5 mẫu nhà được lập thành chung trên một trang. Vị trí Cửa cái là một trong 8 cung có chỉ luôn phương hướng và một trong ba khoảng của mặt tiền nhà: bên tả, bên hữu, chính giữa. Phải nói rõ như vậy là bởi: tuy cũng đồng một cung, nhưng nó ở bên tả khác với bên hữu và cũng khác với chính giữa; do đó cách phiên tinh cũng khác nhau. (Hãy xem tới Cửa Kiền của năm mẫu nhà số 1 khác với Cửa Kiền của năm mẫu nhà số 2 và cũng khác với Cửa Kiền của năm mẫu nhà số 3).

b)- Dẫn giải Tịnh trạch đồ:

Kế dưới hàng chữ đầu trang, Tịnh trạch đồ được vẽ bằng một chu vi hình vuông có biên hai chữ CỬA CÁI tại một trong 3 cung của mặt tiền nhà. Tịnh trạch được phân bố 8 cung cũng như 8 phương hướng theo chung quanh chu vi. Mỗi cung an một du niên,

Dương trạch tam yếu

nhưng không có an du niên Phục vị tại Cửa cái. Mỗi cung và mỗi du niên đều có ghi Ngũ hành: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Lại cũng có ghi âm dương cho mỗi cung. Có 3 kiết du niên là: Sinh khí, Diên niên và Thiên y, kiết du niên đăng diện thì được khuyên 3 vòng tròn 000 – tốt bậc nhất, kiết du niên đắc vị được khuyên 2 vòng tròn 00 – tốt bậc nhì, kiết du niên thất vị được khuyên 1 vòng tròn 0 – tốt bậc ba. Còn kỳ d là những hung du niên không được gạch dưới cũng không được khuyên vòng tròn.

Phàm muốn cho nhà được thịnh vượng, giàu sang, nhân khẩu sống yên lành ít đau ốm, thì phải đặt Chủ phòng và Bếp tại các cung thừa kiết du niên đăng diện hay đắc vị, túng lẫm mới đặt tại cung thừa kiết du niên thất vị.

- Điều rất cần chú ý: Chu vi của Tịnh trạch này được dùng chung cho tất cả mẫu nhà dùng một trang với nhau. Vì thế nên không cần vẽ chu vi cho Động trạch từ 2 ngăn tới 5 ngăn cho Biến trạch đúng 6 ngăn, cho Biến trạch đúng 7 ngăn, cho Biến hóa trạch từ 8 ngăn tới 15 ngăn. Nói rõ hơn phải lấy chu vi của Tịnh trạch làm chu vi của mỗi mẫu nhà được lập thành chung trên một trang.

c)- Dẫn Động trạch từ 2 ngăn tới 5 ngăn:

Động trạch là nhà từ 2 ngăn tới 5 ngăn, nghĩa là nhà có 3 ngăn hay 4 ngăn cũng đều gọi là Động trạch, nhưng trong sự lập thành tất phải có đủ 5 ngăn mới đủ dùng toàn bộ.

Trên mỗi trang, Động trạch 5 ngăn được đặt trong lòng chu vi của Tịnh trạch, gồm có năm hàng biên tên sao, mỗi hàng một sao, duy hàng đầu được tính bằng một du niên để phiên tính. Năm hàng sao này chính là năm ngăn nhà đã được phiên tính: hàng số 1 là ngăn đầu, hàng số 2 là ngăn 2... và hàng số 5 là ngăn 5. Không kể ngăn đầu, hễ có Tham lang, Vũ kúc, Cự môn đều là kiết tinh thì gạch dưới và được khuyên vòng tròn, nhưng kiết tinh đăng diện thì được 3 vòng tròn 000, kiết tinh đắc vị được khuyên 2 vòng tròn 00, kiết tinh thất vị được khuyên một vòng tròn 0. Kỳ dư là hung tinh (sao xấu) không được gạch dưới mà cũng không được khuyên vòng tròn nào cả.

Phàm chọn ngăn có kiết tinh đăng diện làm Phòng chúa thì nhà sẽ đại phát phú quý, chọn ngăn có kiết tinh đắc vị cũng rất thịnh vượng, duy chọn ngăn có kiết tinh thất vị thì nhà chỉ được khá giả vậy thôi. Bằng chọn ngăn có hung tinh làm Phòng chúa tốt nhà ở sẽ suy bại, nghèo nàn, họa hoạn.

Điều cần chú ý: Động trạch không có vẽ chu vi nhà, nhưng như trên đã nói thì chu vi của Tịnh trạch chính là chu vi của Động trạch nào vậy. Đó là vì Năm mẫu nhà cùng trên một trang mà đồng có một vị trí Cửa cái tất cũng có chu vi 8 cung giống in nhau. Thỉnh xem lại các Động trạch đồ kiểu mẫu có vẽ chu vi trong thiên III.

d)- Dẫn giải Biến trạch đúng 6 ngăn:

Biến trạch đúng 6 ngăn gồm có sáu hàng biên tên sao, mỗi hàng một sao, riêng hàng đầu có biên thêm tên du niên để đổi ra tên sao, sáu hàng sao này chính là sáu ngăn nhà đã được phiên tính: hàng số 1 là ngăn đầu, hàng số 2 là ngăn 2, hàng số 3 là ngăn 3..., và hàng số 6 là ngăn 6.

Những kiết tinh đăng diện, đắc vị và thất vị đều được gạch dưới và được khuyên các vòng tròn in như đã dẫn giải ở Động trạch trên. Ở Biến trạch có dùng tới Phụ bát tạm thuộc về kiết tinh cho nên cũng được gạch dưới, nhưng đăng diện chỉ được khuyên 2 vòng tròn 00, đắc vị chỉ được khuyên 1 vòng 0, còn thất vị thì không được khuyên vòng tròn song vẫn được gạch dưới. Sao Phụ bát ở Biến trạch đúng 7 ngăn và ở Biến hóa trạch từ 8 ngăn tới 15 ngăn cũng được đánh dấu y như vậy.

Dương trạch tam yếu

Cách dùng ngăn tốt làm Phòng chúa cho nhà hưng thịnh giống như lời dẫn giải ở Động trạch.

- Điều cần chú ý: Động trạch đúng 6 ngăn không có vẽ chu vi, nhưng vẫn phải biết chu vi của Tịnh trạch trên chính là chu vi của Biến trạch này vậy. Nghĩa là tất cả vị trí của Cửa cái và của phương hướng 8 cung thừa 8 du niên không khác chi cả. Mình hãy lấy trí tưởng tượng đặt 6 ngăn nhà Biến trạch vào lòng chu vi của Tịnh trạch tất đúng và rõ hơn hết (in như Động trạch 5 ngăn đang nằm trong lòng chu vi của Tịnh trạch). Thỉnh xem lại các Biến trạch đồ 6 ngăn có vẽ chu vi ở Thiên VI.

c)- Dẫn giải Biến trạch đúng 7 ngăn:

Biến trạch đúng 7 ngăn gồm có bảy hàng biên tên sao, hàng biên một sao, duy hàng đầu có thêm biên tên du niên để đổi ra tên sao. Bảy hàng sao này chính là bảy ngăn nhà đã được phiên tinh: hàng số 1 là ngăn đầu, hàng số 2 là ngăn 2, hàng số 3 là ngăn 3,... và hàng số 7 là ngăn 7.

Những kết tinh đẳng diện, đắc vị, thất vị..., cách dùng ngăn tốt làm Phòng chúa, điều chú ý về chu vi không vẽ ra,... các việc ấy đều dẫn giải in như ở Biến trạch đúng 6 ngăn. Thỉnh xem thêm trong Thiên IV có những mẫu đồ Biến trạch được vẽ chu vi.

g)- Dẫn giải Biến hóa trạch từ 8 ngăn tới 15 ngăn:

Biến hóa trạch là nói gồm loại Biến trạch và Hóa trạch. Bởi sao? – Bởi nhà có 8, 9 hay 10 ngăn thì thuộc về Biến trạch, còn nhà có 11, 12, 13, 14 hay 15 ngăn thì thuộc về Hóa trạch. Sở dĩ nói gồm lại là vì cách phiên tinh của hai loại nhà này cùng một lối giống nhau, nếu theo số ngăn đã kể (xem Thiên IV và Thiên V).

Trên chỉ nói là 8 ngăn tới 15 ngăn tất không dùng từ 1 ngăn tới 7 ngăn. Không dùng nhưng vẫn phải có, vì không khởi đầu tính từ ngăn 1, ngăn 2, ngăn 3,... thì làm sao tính ra được ngăn 8, 9, 10 cho tới ngăn 15.

Biến hóa trạch này gồm có 15 hàng biên tên sao, mỗi hàng biên một sao, duy hàng đầu có biên thêm tên du niên để đổi ra tên sao, hầu phiên tinh cho dễ, đúng. Mười lăm hàng sao này chính là 15 ngăn nhà: hàng số 1 là ngăn đầu, hàng số 2 là ngăn 2, hàng số 3 là ngăn 3,... và hàng số 15 là ngăn 15.

Những kết tinh đẳng diện hay đắc vị hoặc thất vị, cách dùng ngăn tốt làm Phòng chúa, điều cần chú ý về chu vi không vẽ... các việc ấy đều được dẫn giải in như ở Biến trạch đúng 6 ngăn. Thỉnh xem thêm trong Thiên V có những mẫu đồ Biến hóa trạch được vẽ chu vi.

Bản tra mặt tiền với Cửa cái của mỗi Năm mẫu nhà cùng trên một trang

--Số--:	Tả	: Chính	: Hữu	:	Số	: Tả	: Chính	: Hữu	:
: 1	: KIỀN	: Khảm	: Cấn	:	: 13	: TỐN	: Ly	: Khôn	:
: 2	: Đoài	: KIỀN	: Khảm	:	: 14	: Chấn	: TỐN	: Ly	:
: 3	: Khôn	: Đoài	: KIỀN	:	: 15	: Cấn	: Chấn	: TỐN	:
: 4	: KHẨM	: Cấn	: Chấn	:	: 16	: Ly	: Khôn	: Đoài	:
: 5	: Kiền	: KHẨM	: Cấn	:	: 17	: Tốn	: LY	: Khôn	:
: 6	: Đoài	: Kiền	: KHẨM	:	: 18	: Chấn	: Tốn	: LY	:
: 7	: CẤN	: Chấn	: Tốn	:	: 19	: KHÔN	: Đoài	: Kiền	:
: 8	: Khảm	: CẤN	: Chấn	:	: 20	: Ly	: KHÔN	: Đoài	:
: 9	: Kiền	: Khảm	: CẤN	:	: 21	: Tốn	: Ly	: KHÔN	:
: 10	: CHẤN	: Tốn	: Ly	:	: 22	: ĐOÀI	: Kiền	: Khảm	:
: 11	: Cấn	: CHẤN	: Tốn	:	: 23	: Khôn	: ĐOÀI	: Kiền	:
: 12	: Khảm	: Cấn	: CHẤN	:	: 24	: Ly	: Khôn	: ĐOÀI	:

Dương trạch tam yếu

Bản tra trên không khác chi mục lục, cốt ý để tìm thấy cho mau lẹ và cho đúng các mẫu nhà đã lập thành đồng vị trí với ngôi nhà nào mà mình muốn xem xét coi tốt xấu, hoặc với ngôi nhà nào mình muốn xây cất. Bảng tra có tất cả 24 hàng. Mỗi hàng gồm có một con số và ba cung. Con số chỉ vào số mục của mỗi Năm mẫu nhà được lập thành chung trên một trang như nói: Năm mẫu nhà số 1, Năm mẫu nhà số 2, Năm mẫu nhà số 3,... Còn ba cung là ba cung của mặt tiền nhà: một bên tả, một bên hữu và một chính giữa. Trong ba cung có một cung chữ lớn được gạch đất, đó là cung Cửa cái. Mặt tiền và Cửa cái đây là của chung Năm mẫu nhà, nghĩa là mẫu nhà nào ở chung trên một trang cũng có vị trí mặt tiền và Cửa cái in nhau như vậy. – Như thấy rằng: 1 KIỀN Khảm Cấn, đó là ba cung mặt tiền của Năm mẫu nhà số 1. Và Cửa cái tại KIỀN bên tả mặt tiền vì chữ KIỀN được viết lớn và gạch đất. Thí dụ mình đi coi nhà cho ai mà thấy mặt tiền nhà càng Cửa cái có vị trí in như vậy thì mình phải lật tìm tới trang có Năm mẫu nhà số 1 để xem xét coi Cửa, Phòng, Bếp nhà này đang đặt nhằm chỗ tốt hay xấu, hoặc coi Phòng chúa có kiết tinh hay hung tinh. Do đó mình thấy chỗ nào hung hại sẽ chỉ dẫn cho chủ nhà sửa chữa hoặc dời đổi lại chỗ tốt...

- Như thấy hàng 8: Khảm CẤN Chấn, thì đó là ba cung mặt tiền của Năm mẫu nhà số 8, và Cửa cái tại Cấn có chính giữa mặt tiền vì Cấn là chữ viết lớn được gạch đất. Thí dụ: muốn xây cất một ngôi nhà với mặt tiền có Cửa cái in như vậy thì mình lật tìm tới trang có Năm mẫu nhà số 8, rồi chiếu theo các mẫu nhà Tịnh trạch, Động trạch hay Biến hóa trạch mà liệu định đặt Cửa, Phòng, Bếp vào những cung tốt, hoặc chọn ngăn có kiết tinh đăng diện hay đắc vị làm Phòng chúa,...

Nói cho gọn thì chỉ nhìn vào Bản tra và lấy vị trí Cửa cái mà làm chỗ tìm như vậy: - Phàm nhà thấy Cửa cái tại Kiền bên tả mặt tiền thì tìm nơi trang có Năm mẫu nhà số 1, thấy Cửa cái tại Kiền ở chính giữa mặt tiền thì tìm nơi trang có Năm mẫu nhà số 2, thấy Cửa cái tại Kiền bên hữu mặt tiền thì tìm xem nơi trang có Năm mẫu nhà số 3, thấy Cửa cái tại Khảm bên tả mặt tiền thì tìm xem nơi trang có Năm mẫu nhà số 4, thấy Cửa cái tại Khảm ở chính giữa mặt tiền thì tìm xem nơi trang có Năm mẫu nhà số 5, thấy Cửa cái tại Khảm bên hữu mặt tiền thì tìm xem nơi trang có Năm mẫu nhà số 6, thấy Cửa cái tại Cấn bên tả mặt tiền thì tìm xem nơi trang có Năm mẫu nhà số 7,... thấy Cửa cái tại Chấn ở chính giữa mặt tiền thì tìm xem nơi trang có Năm mẫu nhà số 11,... thấy Cửa cái tại Tốn bên hữu mặt tiền thì tìm xem nơi trang có Năm mẫu nhà số 15, thấy Cửa cái tại Ly bên tả mặt tiền thì tìm xem nơi trang có Năm mẫu nhà số 16,... thấy Cửa cái tại Khôn ở chính giữa mặt tiền thì tìm xem nơi trang có Năm mẫu nhà số 20, thấy Cửa cái tại phải bên hữu mặt tiền thì tìm xem nơi trang có Năm mẫu nhà số 21.

- Trên, tuy dẫn giải nhiều lời, nhưng khi hiểu rồi, nhìn vào là thấy rõ và tìm gặp ngay, đúng liền, khỏi có sự lầm lẫn. (Từ trang sau, khởi đầu lập thành 120 mẫu nhà cho bốn loại trạch. Có tất cả 24 trang, mỗi trang lập thành 5 mẫu nhà).

Năm mẫu nhà số 1: Cửa cái đồng tại KIỀN Tây bắc bên tả mặt tiền:

		Lục sát (Thủy)			
		Hướng KHẨM (dương Thủy)		Thiên y (Thổ) 000	
Tây bắc KIỀN 0	o	:-----o-----o		CẤN Đông bắc	
(Dương Kim)	:CỬA CÁI :		:	(Dương Thổ)	
	:		:		
	:	: Động trạch từ 2 ngăn tới 5 ngăn	:		
0 Sinh khí (Mộc)	: 1	: Lục sát Thủy (hung tinh)	:	Ngũ quỷ (Hỏa)	

Dương trạch tam yếu

chánh Tây ĐOÀI o 2 : Tham lang Mộc đắc vị 00 o CHẤN chánh Đông
(âm Kim) : 3 : Liêm trinh Hỏa (hung tinh) : (dương Mộc)
: 4 : Cự môn Thổ đắc vị 00 :
00 Diên niên (Kim) : 5 : Vũ khúc Kim thất vị 0 : Họa hại (Thổ)
Tây nam KHÔN o-----o-----o TỐN Đông nam
(âm Thổ) Sơn LY (âm Hỏa) (âm Mộc)
Tuyệt mệnh (Kim)

Biến trạch đúng 6 ngăn :

1. Lục sát tức Văn khúc Thủy
2. Phụ bật Mộc đắc vị 0
3. Tham lang Mộc đắc vị 00
4. Liêm trinh Hỏa (hung tinh)
5. Cự môn Thổ đắc vị 00
6. Vũ khúc Kim thất vị 0

Biến trạch đúng 7 ngăn :

1. Lục sát tức Văn khúc Thủy
2. Phụ bật Mộc đắc vị 0
3. Tham lang Mộc đắc vị 00
4. Liêm trinh Hỏa (hung tinh)
5. Lộc tồn Thổ (hung tinh)
6. Cự môn Thổ đắc vị 00
7. Vũ khúc Kim thất vị 0

Biến hóa trạch từ 8 tới 15 ngăn :

1. Lục sát tức Văn khúc Thủy
2. Phụ bật Mộc đắc vị 0
3. Tham lang Mộc đắc vị 00
4. Liêm trinh Hỏa (hung tinh)
5. Lộc tồn Thổ (hung tinh)
6. Cự môn Thổ đắc vị 00
7. Vũ khúc Kim thất vị 0
8. Phá quân Kim (hung tinh)
9. Văn khúc Thủy (hung tinh)
10. Phụ bật Mộc đắc vị 0
11. Tham lang Mộc đắc vị 00
12. Liêm trinh Hỏa (hung tinh)
13. Lộc tồn Thổ (hung tinh)
14. Cự môn Thổ đắc vị 00
15. Vũ khúc Kim thất vị 0

Năm mẫu nhà số 2 : Cửa cái đồng tại KIÊN Tây bắc, chính giữa mặt tiền:

Hướng KIÊN Tây bắc

0 Sinh khí (Mộc) (dương Kim) Lục sát (Thủy)
chánh Tây ĐOÀI o-----o-----o KHẢM chánh Bắc
(âm Kim) : CỬA CÁI : (dương Thủy)
: **Động trạch từ 2 ngăn tới 5 ngăn:** :
00 Diên niên Kim : 1 : Họa hại Thổ (hung du niên) : Thiên y (Thổ)
Tây nam KHÔN o 2 : **Vũ khúc Kim thất vị 0** : CẤN Đông bắc
(âm Thổ) : 3 : Văn khúc Thủy (hung tinh) : (dương Thổ)
: 4 : **Tham lang Mộc đăng diện 000** :
: 5 : Liêm trinh Hỏa (hung tinh) :
Tuyệt mệnh (Kim) o-----o-----o Ngũ quỷ (Hỏa)
Chánh Nam LY Sơn TỐN (âm Mộc) CHẤN chánh Đông
(âm Hỏa) Họa hại (Thổ) (dương Mộc)

Biến trạch đúng 6 ngăn:

- 1 : Họa hại tức Lộc tồn Thổ
- 2 : Cự môn Thổ thất vị 0
- 3 : Vũ khúc Kim thất vị 0
- 4 : Văn khúc Thủy (hung tinh)
- 5 : Tham lang Mộc đăng diện 000

Biến hóa trạch từ 8 tới 12 ngăn:

- 1 : Họa hại tức Lộc tồn Thổ
- 2 : Cự môn Thổ thất vị 0
- 3 : Vũ khúc Kim thất vị 0
- 4 : Phá quân Kim (hung tinh)
- 5 : Văn khúc Thủy (hung tinh)

Dương trạch tam yếu

6 : Liêm trình Hỏa (hung tinh)

6 : Phụ bật Mộc đăng diện 00

7 : **Tham lang Mộc đăng diện** 000

8 : Liêm trình Hỏa (hung tinh)

9 : Lộc tồn Thổ (hung tinh)

10 : Cự môn Thổ thất vị 0

11 : Vũ khúc Kim thất vị 0

12 : Phá quân Kim (hung tinh)

13 : Văn khúc Thủy (hung tinh)

14 : **Phụ bật Mộc đăng diện** 00

15 : Tham lang Mộc đăng diện 000

Biến trạch đúng 7 ngăn :

1 : Hòa hại tức Lộc tồn Thổ

2 : Cự môn Thổ thất vị 0

3 : **Vũ khúc Kim thất vị 0**

4 : Phá quân Kim (hung tinh)

5 : Văn khúc Thủy (hung tinh)

6 : **Tham lang Mộc đăng diện** 000

7 : Liêm trình Hỏa (hung tinh)

Năm mẫu nhà đồng tại KIẾN Tây bắc, bên tả mặt tiền

Sinh khí (Mộc) 0

00 Diên niên (Kim)

Hướng Đoài (âm Kim)

Tây nam KHÔN o-----

o KIẾN Tây bắc

(âm Thổ) :

CỬA CÁI : (DƯƠNG Kim)

: **Động trạch từ 2 tới 5 ngăn** :

Tuyệt mệnh (Kim): 1 : Sinh khí Mộc (kiết du niên) : Lục sát (Thủy)

Chánh Nam LY o 2 : Liêm trình Hỏa (hung tinh) o

o KHẢM chánh Bắc

(âm Hỏa)

: 3 : **Cự môn Thổ thất vị 0**

: (dương Thủy)

: 4 : **Vũ khúc Kim thất vị 0** :

Hòa hại (Thổ)

: 5 : Văn khúc Thủy (hung tinh)

: Thiên y (Thổ) 000

Đông nam TỐN o-----

o Cấn Đông bắc

(âm Mộc)

SƠN CHẤN (dương Mộc)

(dương Thổ)

Ngũ quỷ (Hỏa)

Biến trạch đúng 6 ngăn :

1 : Sinh khí tức Tham lang Mộc

2 : Phụ bật Mộc đăng diện 00

3 : Liêm trình Hỏa (hung tinh)

4 : Cự môn Thổ thất vị 0

5 : Vũ khúc Kim thất vị 0

6 : Văn khúc Thủy (hung tinh)

Biến Hóa trạch từ 8 tới 12 ngăn :

1 : Sinh khí tức Tham lang Mộc

2 : Phụ bật Mộc đăng diện 00

3 : Liêm trình Hỏa (hung tinh)

4 : Lộc tồn Thổ (hung tinh)

5 : Cự môn Thổ thất vị 0

6 : Vũ khúc Kim thất vị 0

7 : Phá quân Kim (hung tinh)

8 : Văn khúc Thủy (hung tinh)

9 : Phụ bật Mộc đăng diện 00

10: Tham lang Mộc đăng diện 000

11: Liêm trình Hỏa (hung tinh)

12: Lộc tồn Thổ (hung tinh)

13: Cự môn Thổ thất vị 0

14: Vũ khúc Kim thất vị 0

15: Phá quân Kim (hung tinh)

Biến trạch đúng 7 ngăn :

1 : Sinh khí tức Tham lang Mộc

2 : Phụ bật Mộc đăng diện 00

3 : Liêm trình Hỏa (hung tinh)

4 : Lộc tồn Thổ (hung tinh)

5 : Cự môn Thổ thất vị 0

6 : Vũ khúc Kim thất vị 0

7 : Văn khúc Thủy (hung tinh)

Năm mẫu nhà số 4 : Cửa cái đồng tại KHẢM chánh Bắc, bên tả mặt tiền :

Ngũ quỷ (Hỏa)

Hướng CẤN (DƯƠNG Thổ)

Thiên y (Thổ) 0

Dương trạch tam yếu

Chánh Bắc KHẨM o :-----o-----o
 (dương Thủy) : CỬA CÁI : CHẤN chánh Đông
 : Động trạch từ 2 tới 5 ngăn :
 Lục sát (Thủy) : 1 : Ngũ quỷ Hỏa (hung du niên) : Sinh khí (Mộc) 000
 Tây bắc KIẾN o 2 : Cự môn Thổ đẳng diện 000 o TỐN Đông nam
 (dương Kim) : 3 : Vũ khúc Kim đắc vị 00 : (âm Mộc)
 : 4 : Văn khúc Thủy (hung tinh) :
 : 5 : Tham lang Mộc thất vị 0 :
 Họa hại (Thổ) : : Diên niên (Kim) 0
 Chánh Tây ĐOÀI o-----o-----o LY chánh Nam
 (âm Kim) Sơn KHÔN (âm Thổ) (âm Hỏa)
 Tuyệt mệnh (Kim)

Biến trạch đúng 6 ngăn :

1 : Ngũ quỷ tức Liêm trình Hỏa
 2 : Lộc tồn Thổ (hung tinh)
 3 : Cự môn Thổ đẳng diện 000
 4 : Vũ khúc Kim đắc vị 00
 5 : Văn khúc Thủy (hung tinh)
 6 : Văn khúc Thuỷ (hung tinh)

Biến trạch đúng 7 ngăn :

1 : Ngũ quỷ tức Liêm trình Hỏa
 2 : Lộc tồn Thổ (hung tinh)
 3 : Cự môn Thổ đẳng diện 000
 4 : Vũ khúc Kim (hung tinh) 00
 5 : Phá quân Kim (hung tinh)
 6 : Văn khúc Thủy (hung tinh)
 7 : Tham lang Mộc thất vị 0

Biến hóa trạch từ 8 tới 15 ngăn :

1 : Ngũ quỷ tức Liêm trình Hỏa
 2 : Lộc tồn Thổ (hung tinh)
 3 : Cự môn Thổ đẳng diện 000
 4 : Vũ khúc Kim đắc vị 00
 5 : Phá quân Kim (hung tinh)
 6 : Văn khúc Thủy (hung tinh)
 7 : Phụ bật Mộc thất vị 0
 8 : Tham lang Mộc thất vị 0
 9 : Liêm trình Hỏa (hung tinh)
 10: Lộc tồn Thổ (hung tinh)
 11: Cự môn Thổ đẳng diện 000
 12: Vũ khúc Kim đắc vị 00
 13: Phá quân Kim (hung tinh)
 14: Văn khúc Thủy (hung tinh)
 15: Phụ bật Mộc thất vị.

Năm mẫu nhà số : Cửa cái đồng tại KHẨM chánh Bắc, chính giữa mặt tiền:

KHẨM Bắc

Lục sát (Thủy) (dương Thủy) Ngũ quỷ
 Tây bắc KIẾN o-----: :-----o CẤN Đông bắc
 (dương Kim) : CỬA CÁI : (dương Thổ)
 : Động trạch từ 2 tới 5 ngăn :
 Họa hại (Thổ) : 1 : Diên niên Kim (hung tinh) : Thiên y (Thổ) 0
 Chánh Tây ĐOÀI 2 : Văn khúc Thủy (hung tinh) o CHẤN chánh Đông
 (âm Kim) : 3 : Tham lang Mộc đắc vị 00 : (dương Mộc)
 : 4 : Liêm trình Hỏa (hung tinh) :
 : 5 : Cự môn Thổ đắc vị 00 :
 Tuyệt mệnh (Kim) : Sinh khí (Mộc) 000
 Tây nam KHÔN o-----o-----o TỐN Đông nam
 (âm Thổ) Nam LY (âm Hỏa) (âm Mộc)
 Diên niên (Kim) 0

Dương trạch tam yếu

Biến trạch đúng 6 ngăn :

- 1 : Diên niên tức Vũ khúc Kim.
2 : Phá quân Kim (hung tinh)
3 : Văn khúc Thủy (hung tinh)
4 : Tham lang Mộc đắc vị 00
5 : Liêm trinh Hỏa (hung tinh)
6 : Cư môn Thổ đắc vị 00

Biến trạch đúng 7 ngăn :

- 1 : Diên niên tức Vũ khúc Kim
- 2 : Phá quân Kim (hung tính)
- 3 : Văn khúc Thủy (hung tính)
- 4 : Phụ bát Mộc đắc vị 0
- 5 : Tham lang Mộc đắc vị 00
- 6 : Liêm trinh Hỏa (hung tính)
- 7 : Cư môn Thổ đắc vị 00

Biến hóa trach từ 8 tới 15 ngấn :

- 1 : Diên niên tức Vũ khúc Kim
- 2 : Phá quân Kim (hung tinh)
- 3 : Văn khúc Thủy (hung tinh)
- 4 : Phụ bát Mộc đắc vị 0
- 5 : Tham lang Mộc đắc vị 00
- 6 : Liêm trinh Hỏa (hung tinh)
- 7 : Lộc tồn Thổ (hung tinh)
- 8 : Cự môn Thổ đắc vị 00
- 9 : Vũ khúc Kim thất vị 0
- 10: Phá quân Kim (hung tinh)
- 11: Văn khúc Thủy (hung tinh)
- 12: Phụ bát Mộc đắc vị 0
- 13: Tham lang Mộc đắc vị 00
- 14: Liêm trinh Hỏa (hung tinh)
- 15: Lộc tồn Thổ (hung tinh)

Năm mẫu nhà số 6 : Cửa cái đồng tai KHẢM chánh Bắc, bên hữu mặt tiền.

Lục sát (Thủy)

Tây bắc KIỀN (dương Kim)

Họa hại (Thổ)	o-----o-----:	o KHẢM chánh Bắc
Chánh Tây ĐOÀI (âm Kim) :	CỬA CÁI :	(dương Thủy)
:	Động trạch từ 2 tới 5 ngăn:	:
Tuyệt mệnh (Kim) :	1 : Lục sát Thủy (hung du niên) :	Ngũ quỷ (Hỏa)
Tây nam KHÔN (âm Thổ) :	o 2 : Tham lang Mộc đăng diện 000 CẤN Đông bắc	
:	3 : Liêm trinh Hỏa (hung tinh) :	(dương Thổ)
:	4 : Cự môn Thổ Thất vị 0 :	
:	5 : Vũ khúc Kim thất vị 0 :	
Diên niên (Kim) 0 :	:	Thiên y (Thổ) 0
Chánh Nam LY 0 o-----o-----o	CHẤN chánh Đông	
(âm Hỏa)	Đông nam TỐN (ÂM Mộc)	(dương Mộc)
	Sinh khí (Mộc) 000	

Biến trạch đúng 6 ngăn :

- 1 : Lục bát tức Văn khúc Thủy
2 : Phụ bát Mộc đăng diện 00
3 : Tham lang Mộc đăng diện 000
4 : Liêm trình Hỏa (hung tinh)
5 : Cự môn Thổ thất vị 0
6 : Vũ khúc Kim thất vị 0

Biến trạch đúng 7 ngăn :

- 1 : Lục sát tức Văn khúc Thủy
2 : Phụ bát Mộc đăng diện 00
3 : Tham lang Mộc đăng diện 000

Biến hóa trạng từ 8 tới 15 ngày :

- 1 : Lục sát tức Văn khúc Thủy
- 2 : Phụ bát Mộc đăng diện 00
- 3 : Tham lang Mộc đăng diện 000
- 4 : Liêm trinh Hỏa (hung tinh)
- 5 : Lộc tồn Thổ (hung tinh)
- 6 : Cự môn Thổ thất vị 0
- 7 : Vũ khúc Kim thất vị 0
- 8 : Phá quân Kim (hung tinh)
- 9 : Văn khúc Thủy (hung tinh)
- 10 : Phụ bát Mộc đăng diện 00
- 11 : Tham lang Mộc đăng diện 000

Dương trạch tam yếu

4 : Liêm trinh Hỏa (hung tinh)

5 : Lộc tồn Thổ (hung tinh)

6 : Cự môn Thổ thất vị 0

7 : Vũ khúc Kim thất vị 0

12 : Liêm trinh Hỏa (hung tinh)

13 : Lộc tồn Thổ (hung tinh)

14 : Cự môn Thổ thất vị 0

15 : Vũ khúc Kim thất vị 0

Năm mẫu nhà số 7 : Cửa cái đồng tại CÁN Đông bắc, bên tả mặt tiền

Lục sát (Thủy)		
Hương CHẤN (dương Mộc)		
Tuyệt mệnh (Kim)		
Đông bắc CÁN	o	:-----o-----o TỐN Đông nam
(dương Thổ)	:	CỬA CÁI :
	:	Động trạch từ 2 tới 5 ngăn :
Ngũ quỷ (Hỏa)	:	1 : Lục sát Thủy (hung du niên) :
Chánh Bắc KHẢM	Mo 2 :	Tham lang Mộc thất vị 0 o LY chánh Nam
(dương Thủy)	:	:
	:	3 : Liêm trinh Hỏa (hung tinh) :
	:	4 : Cự môn Thổ đắc vị 00 :
Thiên y (Thổ) 00	:	5 : Diên niên Kim đăng diện 000 :
Tây bắc KIÊN	o-----o-----o	KHÔN Tây nam
(dương Kim)		Sơn ĐOÀI (âm Kim) (âm Thổ)
		Diên niên (Kim) 000

Biến trạch đúng 6 ngăn

1 : Lục sát tức Văn khúc Thủy

2 : Phụ bát Mộc thất vị

3 : Tham lang Mộc thất vị 0

4 : Liêm trinh Hỏa (hung tinh)

5 : Cự môn Thổ đắc vị 00

6 : Vũ khúc Kim đăng diện 000

Biến hóa trạch từ 8 tới 15 ngăn

1 : Lục sát tức Văn khúc Thủy

2 : Phụ bát Mộc thất vị

3 : Tham lang Mộc thất vị 0

4 : Liêm trinh Hỏa (hung tinh)

5 : Lộc tồn Thổ (hung tinh)

6 : Cự môn Thổ đắc vị 00

7 : Vũ khúc Kim đăng diện 000

8 : Phá quân Kim (hung tinh)

9 : Văn khúc Thủy (hung tinh)

10: Phụ bát Mộc thất vị

11: Tham lang Mộc thất vị 0

12: Liêm trinh Hỏa (hung tinh)

13: Lộc tồn Thổ (hung tinh)

14: Cự môn Thổ đắc vị 00

15: Vũ khúc Kim đăng diện 000

Năm mẫu nhà số 8 : Cửa cái đồng tại CÁN Đông bắc, chính giữa mặt tiền:

Hương CÁN Đông bắc		
Lục sát (Thủy)		
Ngũ quỷ (Hỏa)	(dương Thổ)	
Chánh Bắc KHẢM	o-----:	:-----o CHẤN chánh Đông
(dương Thủy)	:	CỬA CÁI :
	:	Động trạch từ 2 tới 5 ngăn: :
Thiên y (Thổ) 000	:	1 : Sinh khí Mộc (kiết du niên) :
Tây bắc KIÊN	o 2 :	Liêm trinh Hỏa (hung tinh) o TỐN Đông nam

Dương trạch tam yếu

(dương Kim) : 3 : Cự môn Thổ đăng diện 000 : (âm Mộc)
: 4 : Vũ khúc Kim đắc vị 00 :
Diên niên (Kim) 000 : 5 : Văn khúc Thủy (hung tinh) : Họa hại (Thổ)
Chánh Tây ĐOÀI o-----o-----o LY chánh Nam
(âm Kim) Sơn KHÔN (âm Thổ) (âm Hỏa)
Sinh khí (Mộc) 0

Biến trạch đúng 6 ngăn

1 : Sinh khí tức Tham lang Mộc
2 : Phụ bật Mộc thất vị
3 : Liêm trình Hỏa (hung tinh)
4 : Cự môn Thổ đăng diện 000
5 : Vũ khúc Kim đắc vị 00
6 : Văn khúc Thủy (hung tinh)

Biến trạch đúng 7 ngăn

1 : Sinh khí tức Tham lang Mộc
2 : Phụ bật Mộc thất vị
3 : Liêm trình Hỏa (hung tinh)
4 : Lộc tồn Thổ (hung tinh)
5 : Cự môn Thổ đăng diện 000
6 : Vũ khúc Kim đắc vị 00
7 : Văn khúc Thủy (hung tinh)

Biến hóa trạch từ 8 tới 15 ngăn

1 : Sinh khí tức Tham lang Mộc
2 : Phụ bật Mộc thất vị
3 : Liêm trình Hỏa (hung tinh)
4 : Lộc tồn Thổ (hung tinh)
5 : Cự môn Thổ đăng diện 000
6 : Vũ khúc Kim đắc vị 00
7 : Phá quân Kim (hung tinh)
8 : Văn khúc Thủy (hung tinh)
9 : Phụ bật Mộc thất vị
10: Tham lang Mộc thất vị 0
11: Liêm trình Hỏa (hung tinh)
12: Lộc tồn Thổ (hung tinh)
13: Cự môn Thổ đăng diện 000
14: Vũ khúc Kim đắc vị 00
15: Phá quân Kim (hung tinh)

Năm mẫu nhà số 9 : Cửa cái đồng tại CÁN Đông bắc bên hữu mặt tiền

Ngũ quỷ (Hỏa)
Thiên y (Thổ) 00 Hưởng KHẨM (dương Thủy)
Tây bắc KIỀN o-----o-----: CÁN Đông bắc
(dương Kim) : : CỬA CÁI : (dương Thổ)
: Động trạch từ 2 tới 5 ngăn :
Diên niên (Kim) 000 1 : Ngũ quỷ Hỏa (hung du niên) : Lục sát (Thủy)
Chánh Tây ĐOÀI o 2 : Cự môn Thổ đắc vị 00 : CHẤN chánh Đông
(âm Kim) : 3 : Vũ khúc Kim thất vị 0 :
: 4 : Văn khúc Thủy (hung tinh) :
: 5 : Tham lang Mộc đắc vị 00 :
Sinh khí (Mộc) 0 : : Tuyệt mệnh (Kim)
Tây nam KHÔN o-----o-----o TỐN Đông nam
(âm Thổ) Sơn LY (âm Hỏa) (âm Mộc)
Họa hại (Thổ)

Biến trạch đúng 6 ngăn

1 : Ngũ quỷ tức Liêm trình Hỏa
2 : Lộc tồn Thổ (hung tinh)
3 : Cự môn Thổ đắc vị 00
4 : Vũ khúc Kim thất vị 0
5 : Văn khúc Thủy (hung tinh)

Biến Hóa trạch từ 2 tới 15 ngăn

1 : Ngũ quỷ tức Liêm trình Hỏa
2 : Lộc tồn Thổ (hung tinh)
3 : Cự môn Thổ đắc vị 00
4 : Vũ khúc Kim thất vị 0
5 : Phá quân Kim (hung tinh)

Dương trạch tam yếu

6 : Tham lang Mộc đắc vị 00

Biến trạch đúng 7 ngăn

1 : Ngũ quỷ tức Liêm trình Hỏa

2 : Lộc tồn Thổ (hung tinh)

3 : Cự môn Thổ đắc vị 00

4 : Vũ khúc Kim thất vị 0

5 : Phá quân Kim (hung tinh)

6 : Văn khúc Thủy (hung tinh)

7 : Tham lang Mộc đắc vị 00

6 : Văn khúc Thủy (hung tinh)

7 : Phụ bát Mộc đắc vị 0

8 : Tham lang Mộc đắc vị 00

9 : Liêm trình Hỏa (hung tinh)

10: Lộc tồn Thổ (hung tinh)

11: Cự môn Thổ đắc vị 00

12: Vũ khúc Kim thất vị 0

13: Phá quân Kim (hung tinh)

14: Văn khúc Thủy (hung tinh)

15: Phụ bát Mộc đắc vị 0

Năm mẫu nhà số 10 : Cửa cái đồng tại CHẤN chánh Đông, bên tả mặt tiền

Diên niên (Kim) 0		
Hương Tốn (âm Mộc)		
Sinh khí (Mộc) 00		
Chánh Đông CHẤN o	:---o-----o	LY chánh Nam
(dương Mộc)	: CỬA CÁI :	: (âm Hỏa)
: Động trạch từ 2 tới 5 ngăn: :		
Lục sát (Thủy)	: 1 : Diên niên Kim (kiết du niên)	: Họa hại (Thổ)
Đông bắc CẤN o	2 : Văn khúc Thủy (hung tinh)	o KHÔN Tây nam
(dương Thổ)	: 3 : Tham lang Mộc thất vị 0	: (âm Thổ)
	: 4 : Liêm trình Hỏa (hung tinh)	:
	: 5 : Cự môn Thổ đắc vị 00	:
Thiên y (Thổ) 0	:	: Tuyệt mệnh (Kim)
Chánh Bắc KHẢM o	o-----o-----o	ĐOÀI chánh Tây
(dương Thủy)	Sơn KIỀN (dương Kim)	(âm Kim)
	Ngũ quỷ (Hỏa)	

Biến trạch đúng 6 ngăn :

1 : Diên niên tức Vũ khúc Kim

2 : Phá quân Kim (hung tinh)

3 : Văn khúc Thủy (hung tinh)

4 : Tham lang Mộc thất vị 0

5 : Liêm trình Hỏa (hung tinh)

6 : Cự môn Thổ đắc vị 00

Biến trạch đúng 7 ngăn :

1 : Diên niên tức Vũ khúc Kim

2 : Phá quân Kim (hung tinh)

3 : Văn khúc Thủy (hung tinh)

4 : Phụ bát Mộc thất vị

5 : Tham lang Mộc thất vị 0

6 : Liêm trình Hỏa (hung tinh)

7 : Cự môn Thổ đắc vị 00

Biến hóa trạch từ 8 tới 15 ngăn :

1 : Diên niên tức Vũ khúc Kim

2 : Phá quân Kim (hung tinh)

3 : Văn khúc Thủy (hung tinh)

4 : Phụ bát Mộc thất vị

5 : Tham lang Mộc thất vị 0

6 : Liêm trình Hỏa (hung tinh)

7 : Lộc tồn Thổ (hung tinh)

8 : Cự môn Thổ đắc vị 00

9 : Vũ khúc Kim đẳng diện 000

10: Phá quân Kim (hung tinh)

11: Văn khúc Thủy (hung tinh)

12: Phụ bát Mộc thất vị

13: Tham lang Mộc thất vị 0

14: Liêm trình Hỏa (hung tinh)

15: Lộc tồn Thổ (hung tinh)

Năm mẫu nhà số 11 : Cửa cái đồng tại CHẤN chánh Đông, chính giữa mặt tiền : Hương CHẤN Đông

Dương trạch tam yếu

Lục sát (Thủy) (dương Mộc) Diên niên (Kim) 0
 Đông bắc CÁN o-----: :-----o TỐN Đông nam
 (dương Thổ) : CỬA CÁI : (âm Mộc)
 : Động trạch từ 2 tới 5 ngăn : :
 Thiên y (Thổ) 0 : 1 : Tuyệt mệnh Kim (hung du niên) : Sinh khí (Mộc) 00
 Chánh Bắc KHẨM o 2 : Văn khúc Thủy (hung tinh) o LY chánh Nam
 (dương Thủy) : 3 : Tham lang Mộc thất vị 0 : (âm Hỏa)
 : 4 : Liêm trinh Hỏa (hung tinh) :
 : 5 : Cự môn Thổ đắc vị 00 :
 Ngũ quỷ (Hỏa) : : Họa hại (Thổ)
 Tây bắc KIỀN o-----o-----o KHÔN Tây nam
 (dương Kim) Sơn ĐOÀI (âm Kim) (âm Thổ)
 Tuyệt mệnh (Kim)

Biến trạch đúng 6 ngăn :

1 : Tuyệt mệnh tức Phá quân Kim
 2 : Vũ khúc Kim đăng diện 000
 3 : Văn khúc Thủy (hung tinh)
 4 : Tham lang Mộc thất vị 0
 5 : Liêm trinh Hỏa (hung tinh)
 6 : Cự môn Thổ đắc vị 00

Biến hóa trạch từ 2 tới 15 ngăn :

1 : Tuyệt mệnh tức Phá quân Kim
 2 : Vũ khúc Kim đăng diện 000
 3 : Văn khúc Thủy (hung tinh)
 4 : Phụ bát Mộc thất vị
 5 : Tham lang Mộc thất vị 0
 6 : Liêm trinh Hỏa (hung tinh)
 7 : Lộc tồn Thổ (hung tinh)
 8 : Cự môn Thổ đắc vị 00
 9 : Vũ khúc Kim đăng diện 000
 10 : Phá quân Kim (hung tinh)
 11 : Văn khúc Thủy (hung tinh)
 12 : Phụ bát Mộc thất vị
 13 : Tham lang Mộc thất vị 0
 14 : Liêm trinh Hỏa (hung tinh)
 15 : Lộc tồn Thổ (hung tinh)

Biến trạch đúng 7 ngăn :

1 : Tuyệt mệnh Kim Phá quân Kim
 2 : Vũ khúc Kim đăng diện 000
 3 : Văn khúc Thủy (hung tinh)
 4 : Phụ bát Mộc thất vị
 5 : Tham lang Mộc thất vị 0
 6 : Liêm trinh Hỏa (hung tinh)
 7 : Cự môn Thổ đắc vị 00

Năm mẫu nhà số 12 : Cửa cái đồng tại CHẤN chánh Đông, bên hữu mặt tiền:

Lục sát (Thủy)
 Thiên y (Thổ) 0 Hưởng CÁN (dương Thổ)
 Chánh Bắc KHẨM o-----o-----o CHẤN chánh Đông
 (dương Thủy) : CỬA CÁI : (dương Mộc)
 : Động trạch từ 2 tới 5 ngăn : :
 Ngũ quỷ (Hỏa) : 1 : Lục sát Thủy (hung du niên) : Diên niên (Kim) 0
 o 2 : Tham lang Mộc thất vị 0 o TỐN Đông nam
 (dương Kim) : 3 : Liêm trinh Hỏa (hung tinh) : (âm Mộc)
 : 4 : Cự môn Thổ đắc diện 000 :
 : 5 : Vũ khúc Kim đắc vị 00 :
 Tuyệt mệnh (Kim) : : Sinh khí (Mộc) 00
 Chánh Tây ĐOÀI o-----o-----o LY chánh Nam
 (âm Hỏa) Sơn KHÔN (âm Thổ) (âm Hỏa)
 Họa hại (Thổ)

Dương trạch tam yếu

Biến trạch đúng 6 ngăn :

- 1 : Lục sát tức Văn khúc Thủy
- 2 : Phụ bật Mộc thất vị
- 3 : Tham lang Mộc thất vị 0
- 4 : Liêm trình Hỏa (hung tinh)
- 5 : Cự môn Thổ đăng diện 000
- 6 : Vũ khúc Kim đắc vị 00

Biến trạch đúng 7 ngăn :

- 1 : Lục sát tức Văn khúc Thủy
- 2 : Phụ bật Mộc thất vị
- 3 : Tham lang Mộc thất vị 0
- 4 : Liêm trình Hỏa (hung tinh)
- 5 : Lộc tồn Thổ đăng diện 000
- 6 : Cự môn Thổ đăng diện 000
- 7 : Vũ khúc Kim đắc vị 00

Biến hóa trạch từ 8 tới 15 ngăn :

- 1 : Lục sát tức Văn khúc Thủy
- 2 : Phụ bật Mộc thất vị
- 3 : Tham lang Mộc thất vị 0
- 4 : Liêm trình Hỏa (hung tinh)
- 5 : Lộc tồn Thổ (hung tinh)
- 6 : Cự môn Thổ đăng diện 000
- 7 : Vũ khúc Kim đắc vị 00
- 8 : Phá quân Kim (hung tinh)
- 9 : Văn khúc Thủy (hung tinh)
- 10 : Phụ bật Mộc thất vị
- 11 : Tham lang Mộc thất vị 0
- 12 : Liêm trình Hỏa (hung tinh)
- 13 : Lộc tồn Thổ (hung tinh)
- 14 : Cự môn Thổ đăng diện 000
- 15 : Vũ khúc Kim đắc vị 00

Năm mẫu nhà số 13 : Cửa cái đồng tại TỐN Đông nam, bên tả mặt tiền :

	Thiên y (Thổ) 00	
	Hướng LY (âm Hỏa)	Ngũ quỷ (Hỏa)
Đông nam TỐN	o :-----o-----o	KHÔN Tây nam
(âm Mộc)	: CỬA CÁI :	: (âm Thổ)
	: Động trạch từ 2 tới 5 ngăn :	:
Diên niên (Kim) 0	: 1 : Thiên y Thổ (kiết du niên)	: Lục sát Thủy
Chánh Đông CHẤN	2 : Vũ khúc Kim đắc vị 00	o ĐOÀI chánh Tây
(dương Mộc)	: 3 : Văn khúc Thủy (hung tinh)	: (âm Kim)
	: 4 : Tham lang Mộc đắc vị 00	:
	: 5 : Liêm trình Hỏa (hung tinh)	:
Tuyệt mệnh (Kim) :		: Họa hại (Thổ)
Đông bắc CẤN	o-----o-----o	KIÊN Tây bắc
(dương Thổ)	Sơn KHẨM (dương Thủy)	(dương Kim)
	Sinh khí (Mộc) 00	

Biến trạch đúng 6 ngăn :

- 1 : Thiên y tức Cự môn Thổ
- 2 : Lộc tồn Thổ (hung tinh)
- 3 : Vũ khúc Kim đắc vị 00
- 4 : Văn khúc Thủy (hung tinh)
- 5 : Tham lang Mộc đắc vị 00
- 6 : Liêm trình Hỏa (hung tinh)

Biến trạch đúng 7 ngăn :

- 1 : Thiên y tức Cự môn Thổ
- 2 : Lộc tồn Thổ (hung tinh)
- 3 : Vũ khúc Kim đắc vị 00
- 4 : Phá quân Kim (hung tinh)

Biến hóa trạch từ 8 tới 15 ngăn :

- 1 : Thiên y tức Cự môn Thổ
- 2 : Lộc tồn Thổ (hung tinh)
- 3 : Vũ khúc Kim đắc vị 00
- 4 : Phá quân Kim (hung tinh)
- 5 : Văn khúc Thủy (hung tinh)
- 6 : Phụ bật Mộc đắc vị 00
- 7 : Tham lang Mộc đắc vị 00
- 8 : Liêm trình Hỏa (hung tinh)
- 9 : Lộc tồn Thổ (hung tinh)
- 10 : Cự môn Thổ thất vị 0
- 11 : Vũ khúc Kim đắc vị 00
- 12 : Phá quân Kim (hung tinh)

Dương trạch tam yếu

4 : Phá quân Kim (hung tinh)
6 : Tham lang Mộc đắc vị 00
7 : Liêm trinh Hỏa (hung tinh)

13: Văn khúc Thủy (hung tinh)
14: Phụ bật Mộc đắc vị 0
15: Tham lang Mộc đắc vị 00

Năm mẫu nhà số 14 : Cửa cái đồng tại TỐN Đông nam, chính giữa mặt tiền :

Hướng TỐN Đông nam

Diên niên (Kim) 0		Thiên y (Thổ) 00
Chánh Đông CHẤN o-----:	:-----o	LY chánh Nam
(dương Mộc)	: CỬA CÁI :	
	: Động trạch từ 2 tới 5 ngăn :	:
Tuyệt mệnh (Kim)	: 1 : Họa hại Thổ (hung du niên)	: Ngũ quỷ (Hỏa)
Đông bắc CẤN	: 2 : Vũ khúc Kim đăng diện 000	:
(dương Thổ)	: 3 : Văn khúc Thủy (hung tinh)	o KHÔN Tây nam
	: 4 : Tham lang Mộc thất vị 0	: (âm Thổ)
	: 5 : Liêm trinh Hỏa (hung tinh)	:
Sinh khí (Mộc) 00	:	: Lục sát (Thủy)
Chánh Bắc KHẨM o-----o-----o		ĐOÀI chánh Tây
(dương Thủy)	Sơn KIẾN (dương Kim)	(âm Kim)
	Họa hại (Thổ)	

Biến trạch đúng 6 ngăn :

1 : Họa hại tức Lộc tồn Thổ
2 : Cự môn Thổ đắc vị 00
3 : Vũ khúc Kim đăng diện 000
4 : Văn khúc Thủy (hung tinh)
5 : Tham lang Mộc thất vị 0
6 : Liêm trinh Hỏa (hung tinh)

Biến trạch đúng 7 ngăn :

1 : Họa hại tức Lộc tồn Thổ
2 : Cự môn Thổ đắc vị 00
3 : Vũ khúc Kim đăng diện 000
4 : Phá quân Kim (hung tinh)
5 : Văn khúc Thủy (hung tinh)
6 : Tham lang Mộc thất vị 0
7 : Liêm trinh Hỏa (hung tinh)

Biến hóa trạch từ 8 tới 15 ngăn :

1 : Họa hại tức Lộc tồn Thổ
2 : Cự môn Thổ đắc vị 00
3 : Vũ khúc Kim đăng diện 000
4 : Phá quân Kim (hung tinh)
5 : Văn khúc Thủy (hung tinh)
6 : Phụ bật Mộc thất vị 0
7 : Tham lang Mộc thất vị 0
8 : Liêm trinh Hỏa (hung tinh)
9 : Lộc tồn Thổ (hung tinh)
10: Cự môn Thổ đắc vị 00
11: Vũ khúc Kim đăng diện 000
12: Phá quân Kim (hung tinh)
13: Văn khúc Thủy (hung tinh)
14: Phụ bật Mộc thất vị
15: Tham lang Mộc thất vị 0

Năm mẫu nhà số 15 : Cửa cái đồng tại TỐN Đông nam, bên hữu mặt tiền :

	Diên niên (Kim) 0	
Tuyệt mệnh (Kim)	Hướng CHẤN (dương Mộc)	
Đông bắc CẤN o-----o-----:	o TỐN Đông nam	
(dương Thổ)	: CỬA CÁI :	(âm Mộc)
	: Động trạch từ 2 tới 5 ngăn :	:
Sinh khí (Mộc) 00	: 1 : Diên niên Kim (kiết du niên)	: Thiên y (Thổ) 00
Chánh Bắc KHẨM o	2 : Văn khúc Thủy (hung tinh)	o LY chánh Nam

Dương trạch tam yếu

(dương Thủy) : 3 : Tham lang Mộc thất vị 0 : (âm Hỏa)
 : 4 : Liêm trinh Hỏa (hung tinh) :
 : 5 : Cự môn Thổ đắc vị 00 :
 Họa hại (Thổ) : : Ngũ quỷ (Hỏa)
 Tây bắc KIÊN o-----o-----o KHÔN Tây nam
 (dương Kim) Sơn ĐOÀI (âm Kim) (âm Thổ)
 Lục sát (Thủy)

Biến trạch đúng 6 ngăn :

1 : Diên niên tức Vũ khúc Kim
 2 : Phá quân Kim (hung tinh)
 3 : Văn khúc Thủy (hung tinh)
 4 : Tham lang Mộc thất vị 0
 5 : Liêm trinh Hỏa (hung tinh)
 6 : Cự môn Thổ đắc vị 00

Biến trạch đúng 7 ngăn :

1 : Diên niên tức Vũ khúc Kim
 2 : Phá quân Kim (hung tinh)
 3 : Văn khúc Thủy (hung tinh)
 4 : Phụ bát Mộc thất vị 0
 5 : Tham lang Mộc thất vị 0
 6 : Liêm trinh Hỏa (hung tinh)
 7 : Cự môn Thổ đắc vị 00

Biến hóa trạch từ 8 tới 15 ngăn :

1 : Diên niên tức Vũ khúc Kim
 2 : Phá quân Kim (hung tinh)
 3 : Văn khúc Thủy (hung tinh)
 4 : Phụ bát Mộc thất vị 0
 5 : Tham lang Mộc thất vị 0
 6 : Liêm trinh Hỏa (hung tinh)
 7 : Lộc tồn Thổ (hung tinh)
 8 : Cự môn Thổ đắc vị 00
 9 : Vũ khúc Kim đăng diện 000
 10 : Phá quân Kim (hung tinh)
 11 : Văn khúc Thủy (hung tinh)
 12 : Phụ bát Mộc thất vị 0
 13 : Tham lang Mộc thất vị 0
 14 : Liêm trinh Hỏa (hung tinh)
 15 : Lộc tồn Thổ (hung tinh)

Năm mẫu nhà số 16 : Cửa cái đồng tại LY chánh Nam, bên tả mặt tiền :

Lục sát (Thủy)
 Hưởng KHÔN (âm Thổ) Ngũ quỷ (Hỏa)

Chánh Nam LY o :-----o-----o ĐOÀI chánh Tây
 (âm Hỏa) : CỬA CÁI : :
 : Động trạch từ 2 tới 5 ngăn : :
 Thiên y (Thổ) 0 : 1 : Lục sát Thủy (hung du niên) : Tuyệt mệnh (Kim)
 Đông nam TỐN o 2 : Tham lang Mộc thất vị 0 o KIÊN Tây bắc
 (âm Mộc) : 3 : Liêm trinh Hỏa (hung tinh) : (dương Kim)
 : 4 : Cự môn Thổ đăng diện 000 :
 : 5 : Vũ khúc Kim đắc vị 00 :
 Sinh khí (Mộc) 000: : Diên niên Kim 00
 Chánh Đông CHẤN-----o-----o KHẢM chánh Bắc
 (dương Mộc) Sơn CẤN (dương Thổ) (dương Thủy)
 Họa hại (Thổ)

Biến trạch đúng 6 ngăn :

1 : Lục sát tức Văn khúc Thủy
 2 : Phụ bát Mộc thất vị
 3 : Tham lang Mộc thất vị 0
 4 : Liêm trinh Hỏa (hung tinh)
 5 : Cự môn Thổ đăng diện 000

Biến hóa trạch từ 8 tới 15 ngăn :

1 : Lục sát tức Văn khúc Thủy
 2 : Phụ bát Mộc thất vị
 3 : Tham lang Mộc thất vị 0
 4 : Liêm trinh Hỏa (hung tinh)
 5 : Lộc tồn Thổ (hung tinh)

Dương trạch tam yếu

6 : Vũ khúc Kim đắc vị 00

6 : Cự môn Thổ đẳng diện 000

7 : Vũ khúc Kim đắc vị 00

Biến trạch đúng 7 ngăn :

1 : Lục sát tức Văn khúc Thủy

8 : Phá quân Kim (hung tinh)

2 : Phụ bát Mộc thất vị

9 : Văn khúc Thủy (hung tinh)

3 : Tham lang Mộc thất vị 0

10: Phụ bát Mộc thất vị

4 : Liêm trình Hỏa (hung tinh)

11: Tham lang Mộc thất vị 0

5 : Lộc tồn Thổ (hung tinh)

12: Liêm trình Hỏa (hung tinh)

6 : Cự môn Thổ đẳng diện 000

13: Lộc tồn Thổ (hung tinh)

7 : Vũ khúc Kim đắc vị 00

14: Cự môn Thổ đẳng diện 000

15: Vũ khúc Kim đắc vị 00

Năm mẫu nhà số 17 : Cửa cái đồng tại LY chánh Nam, chính giữa mặt tiền :

Hướng LY chánh Nam		
Thiên y (Thổ) 0	(âm Hỏa)	Lục sát (Thủy)
Đông nam TỐN	o-----:	:-----o KHÔN Tây nam
(âm Mộc)	:	: CỬA CÁI :
	: Động trạch từ 2 tới 5 ngăn :	:
Sinh khí Mộc 000	: 1 : Diên niên Kim (kiết du niên)	: Ngũ quỷ (Hỏa)
Chánh Đông CHẤN	o 2 : Văn khúc Thủy (hung tinh)	: ĐOÀI chánh Tây
(dương Mộc)	: 3 : Tham lang Mộc đắc vị 00	: (âm Kim)
	: 4 : Liêm trình Hỏa (hung tinh)	:
	: 5 : Cự môn Thổ thất vị 0	:
Họa hại (Thổ)	:	: Tuyệt mệnh Kim
Đông bắc CẤN	o-----o-----o	o KIẾN Tây bắc
(dương Thổ)	Sơn KHẢM (dương Thủy)	(dương Kim)
	Diên niên (Kim) 00	

Biến trạch đúng 6 ngăn :

1 : Diên niên tức Vũ khúc Kim

Biến hóa trạch từ 8 tới 15 ngăn :

1 : Diên niên tức Vũ khúc Kim

2 : Phá quân Kim (hung tinh)

2 : Phá quân Kim (hung tinh)

3 : Văn khúc Thủy (hung tinh)

3 : Văn khúc Thủy (hung tinh)

4 : Tham lang Mộc đắc vị 00

4 : Phụ bát Mộc đắc vị 00

5 : Liêm trình Hỏa (hung tinh)

5 : Tham lang Mộc đắc vị 00

6 : Cự môn Thổ thất vị 0

6 : Liêm trình Hỏa (hung tinh)

7 : Lộc tồn Thổ (hung tinh)

Biến trạch đúng 7 ngăn :

1 : Diên niên tức Vũ khúc Kim

8: Cự môn Thổ thất vị 0

2 : Phá quân Kim (hung tinh)

9 : Vũ khúc Kim đắc vị 00

3 : Văn khúc Thủy (hung tinh)

10: Phá quân Kim (hung tinh)

4 : Phụ bát Mộc đắc vị 00

11: Văn khúc Thủy (hung tinh)

5 : Tham lang Mộc đắc vị 00

12: Phụ bát Mộc đắc vị 0

6 : Liêm trình Hỏa (hung tinh)

13: Tham lang Mộc đắc vị 00

7 : Cự môn Thổ thất vị 0

14: Liêm trình Hỏa (hung tinh)

15: Lộc tồn Thổ (hung tinh)

Năm mẫu nhà số 18 : Cửa cái đồng tại LY chánh Nam, bên hữu mặt tiền :

Dương trạch tam yếu

	Thiên y (Thổ) 0	
Sinh khí (Mộc) 000	Hướng TỐN (âm Mộc)	
Chánh Đông CHẤN	o-----o-----:	o LY chánh Nam
(dương Mộc)	:	: CỬA CÁI : (âm Hỏa)
	: Động trạch từ 2 tới 5 ngăn :	:
Họa hại (Thổ)	: 1 : Thiên y Thổ (kiết du niên)	: Lục sát (Thủy)
Đông bắc CẤN	o 2 : Vũ khúc Kim đăng diện 000	: KHÔN Tây nam
(dương Thổ)	: 3 : Văn khúc Thủy (hung tinh)	: (âm Thổ)
	: 4 : Tham lang Mộc thất vị 0	:
	: 5 : Liêm trinh Hỏa (hung tinh)	:
Diên niên (Kim) 00	:	: Ngũ quỷ (Hỏa)
Chánh Bắc KHẢM	o-----o-----o	ĐOÀI chánh Tây
(dương Thủy)	Sơn KIỀN (dương Kim)	(âm Kim)
	Tuyệt mệnh (Kim)	

Biến trạch đúng 6 ngăn :

- 1 : Thiên y tức Cự môn Thổ
- 2 : Lộc tồn Thổ (hung tinh)
- 3 : Vũ khúc Kim đăng diện 000
- 4 : Văn khúc Thủy (hung tinh)
- 5 : Tham lang Mộc thất vị 0
- 6 : Liêm trinh Hỏa (hung tinh)

Biến trạch đúng 7 ngăn :

- 1 : Thiên y tức Cự môn Thổ
- 2 : Lộc tồn Thổ (hung tinh)
- 3 : Vũ khúc Kim đăng diện 000
- 4 : Phá quân Kim (hung tinh)
- 5 : Văn khúc Thủy (hung tinh)
- 6 : Tham lang Mộc thất vị 0
- 7 : Liêm trinh Hỏa (hung tinh)

Biến hóa trạch từ 8 tới 15 ngăn :

- 1 : Thiên y tức Cự môn Thổ
- 2 : Lộc tồn Thổ (hung tinh)
- 3 : Vũ khúc Kim đăng diện 000
- 4 : Phá quân Kim (hung tinh)
- 5 : Văn khúc Thủy (hung tinh)
- 6 : Phụ bát Mộc thất vị
- 7 : Tham lang Mộc thất vị 0
- 8 : Liêm trinh Hỏa (hung tinh)
- 9 : Lộc tồn Thổ (hung tinh)
- 10 : Cự môn Thổ đắc vị 00
- 11 : Vũ khúc Kim đăng diện 000
- 12 : Phá quân Kim (hung tinh)
- 13 : Văn khúc Thủy (hung tinh)
- 14 : Phụ bát Mộc thất vị
- 15 : Tham lang Mộc thất vị

Năm mẫu nhà số 19 : Cửa cái đồng tại KHÔN Tây nam, bên tả mặt tiền :

	Thiên y (Thổ) 00	
	Hướng ĐOÀI (âm Kim)	Diên niên (Kim) 000
Tây nam KHÔN	o :-----o-----o	KIỀN Tây bắc
(âm Thổ)	: CỬA CÁI :	: (dương Kim)
	:	:
	: Động trạch từ 2 ngăn tới 5 ngăn :	:
Lục sát (Thủy)	: 1 : Thiên y Thổ (kiết du niên)	: Tuyệt mệnh (Kim)
Chánh Nam LY	o 2 : Vũ khúc Kim thất vị 0	: KHẢM chánh Bắc
(âm Hỏa)	: 3 : Văn khúc Thủy (hung tinh)	: (dương Thủy)
	: 4 : Tham lang Mộc đăng diện 000	:
	: 5 : Liêm trinh Hỏa (hung tinh)	:
Ngũ quỷ (Hỏa)	:	: Sinh khí (Mộc) 0
Đông nam TỐN	o-----o-----o	Sinh khí (Mộc) 0

Dương trạch tam yếu

(âm Mộc)

Sơn CHẤN (dương Mộc)

(dương Thổ)

Họa hại (Thổ)

Biến trạch đúng 6 ngăn :

- 1 : Thiên y tức Cự môn Thổ
- 2 : Lộc tồn Thổ (hung tinh)
- 3 : Vũ khúc Kim thất vị 0
- 4 : Văn khúc Thủy (hung tinh)
- 5 : Tham lang Mộc đăng diện 000
- 6 : Liêm trinh Hỏa (hung tinh)

Biến trạch đúng 7 ngăn :

- 1 : Thiên y tức Cự môn Thổ
- 2 : Lộc tồn Thổ (hung tinh)
- 3 : Vũ khúc Kim thất vị 0
- 4 : Phá quân Kim (hung tinh)
- 5 : Văn khúc Thủy (hung tinh)
- 6 : Tham lang Mộc đăng diện 000
- 7 : Liêm trinh Hỏa (hung tinh)

Biến hóa trạch từ 8 tới 15 ngăn :

- 1 : Thiên y tức Cự môn Thổ
- 2 : Lộc tồn (hung tinh)
- 3 : Vũ khúc Kim thất vị 0
- 4 : Phá quân Kim (hung tinh)
- 5 : Văn khúc Thủy (hung tinh)
- 6 : Phụ bát Mộc đăng diện 00
- 7 : Tham lang Mộc đăng diện 000
- 8 : Liêm trinh Hỏa (hung tinh)
- 9 : Lộc tồn Thổ (hung tinh)
- 10 : Cự môn Thổ thất vị 0
- 11 : Vũ khúc Kim thất vị 0
- 12 : Phá quân Kim thất vị 0
- 13 : Văn khúc Thủy (hung tinh)
- 14 : Phụ bát Mộc đăng diện 00
- 15 : Tham lang Mộc đăng diện 000

Năm mẫu nhà số 20 : Cửa cái đồng tại KHÔN Tây nam , chính giữa mặt tiền :

Hướng KHÔN Tây nam

Lục sát (Thủy)

(âm Thổ)

Thiên y (Thổ) 00

Chánh Nam LY

o-----: :-----o

ĐOÀI chánh Tây

(âm Hỏa)

: : CỬA CÁI :

: (âm Kim)

:

:

: Động trạch từ 2 tới 5 ngăn :

:

Ngũ quỷ (Hỏa)

: 1 : Sinh khí Mộc (kiết du niên)

: Diên niên (Kim)

000

Đông nam TỐN

o 2 : Liêm trinh Hỏa (hung tinh)

o KIẾN Tây bắc

(âm Mộc)

: 3 : Cự môn Thổ đăng diện 000

: (dương Kim)

: 4 : Vũ khúc Kim đắc vị 00

:

Họa hại (Thổ)

: 5 : Văn khúc Thủy (hung tinh)

: Tuyệt mệnh (Kim)

Chánh Đông CHẤN

-----o-----o

KHẢM chánh Bắc

(dương Mộc)

Sơn CẤN (dương Thổ)

(dương Thủy)

Sinh khí (Mộc)

Biến trạch đúng 6 ngăn :

- 1 : Sinh khí tức Tham lang Mộc
- 2 : Phụ bát Mộc thất vị
- 3 : Liêm trinh Hỏa (hung tinh)
- 4 : Cự môn Thổ đăng diện 000
- 5 : Vũ khúc Kim đắc vị 00
- 6 : Văn khúc Thủy (hung tinh)

Biến trạch đúng 7 ngăn :

- 1 : Sinh khí tức Tham lang Mộc

Biến hóa trạch từ 8 tới 15 ngăn :

- 1 : Sinh khí tức Tham lang Mộc
- 2 : Phụ bát Mộc thất vị
- 3 : Liêm trinh Hỏa (hung tinh)
- 4 : Lộc tồn Thổ (hung tinh)
- 5 : Cự môn Thổ đăng diện 000
- 6 : Vũ khúc Kim đắc vị 00
- 7 : Phá quân Kim (hung tinh)
- 8 : Văn khúc Thủy (hung tinh)
- 9 : Phụ bát Mộc thất vị

Dương trạch tam yếu

2 : Phụ bát Mộc thất vị	10: Tham lang Mộc thất vị 0
3 : Liêm trình Hỏa (hung tinh)	11: Liêm trình Hỏa (hung tinh)
4 : Lộc tồn Thổ (hung tinh)	12: Lộc tồn Thổ (hung tinh)
5 : Cự môn Thổ đăng diện 000	13: Cự môn Thổ đăng diện 000
6 : Vũ khúc Kim đắc vị 00	14: Vũ khúc Kim đắc vị 00
7 : Văn khúc Thủy (hung tinh)	15: Phá quân Kim (hung tinh)

Năm mẫu nhà số 21 : Cửa cái đồng tại KHÔN Tây nam, bên hữu mặt tiền :

Lục sát (Thủy)	
Ngũ quỷ (Hỏa)	Hướng Ly (âm Hỏa)
Đông nam TỐN o-----o-----:	o KHÔN Tây nam
(âm Mộc) :	CỬA CÁI : (âm Thổ)
:	:
: Động trạch từ 2 tới 5 ngăn :	
Họa hại (Thổ) : 1 : Lục sát Thủy (hung du niên) :	Thiên y (Thổ) 00
Chánh đông CHẤN: 2 : Tham lang Mộc đắc vị 00 o	ĐOÀI chánh Tây
(dương Mộc) : 3 : Liêm trình Hỏa (hung tinh) :	(âm Kim)
: 4 : Cự môn Thổ thất vị 0 :	:
Sinh khí (Mộc) 0 : 5 : Vũ khúc Kim đắc vị 00 :	Diên niên (Kim) 0 Đông
bắc CẤN o-----o-----o	KIỀN Tây bắc
(dương Thổ) Sơn KHẢM (dương Thủy)	(dương Kim)
Tuyệt mệnh (Kim)	

Biến trạch đúng 6 ngăn :

- 1 : Lục sát tức Văn khúc Thủy
- 2 : Phụ bát Mộc đắc vị 0
- 3 : Tham lang Mộc đắc vị 00
- 4 : Liêm trình Hỏa (hung tinh)
- 5 : Cự môn Thổ thất vị 0
- 6 : Vũ khúc Kim đắc vị 00

Biến trạch đúng 7 ngăn :

- 1 : Lục sát tức Văn khúc Thủy
- 2 : Phụ bát Mộc đắc vị 0
- 3 : Tham lang Mộc đắc vị 00
- 4 : Liêm trình Hỏa (hung tinh)
- 5 : Lộc tồn Thổ (hung tinh)
- 6 : Cự môn Thổ thất vị 0
- 7 : Vũ khúc Kim đắc vị 00

Biến hóa trạch từ 8 tới 15 ngăn :

- 1 : Lục sát tức Văn khúc Thủy
- 2 : Phụ bát Mộc đắc vị 0
- 3 : Tham lang Mộc đắc vị 00
- 4 : Liêm trình Hỏa (hung tinh)
- 5 : Lộc tồn Thổ (hung tinh)
- 6 : Cự môn Thổ thất vị 0
- 7 : Vũ khúc Kim đắc vị 00
- 8 : Phá quân Kim (hung tinh)
- 9 : Văn khúc Thủy (hung tinh)
- 10: Phụ bát Mộc đắc vị 0
- 11: Tham lang Mộc đắc vị 00
- 12: Liêm trình Hỏa (hung tinh)
- 13: Lộc tồn Thổ (hung tinh)
- 14: Cự môn Thổ thất vị 0
- 15: Vũ khúc Kim đắc vị 00

Năm mẫu nhà số 22 : Cửa cái đồng tại Đoài chánh Tây, bên tả mặt tiền :

Sinh khí (Mộc) 0	
Hướng KIỀN (dương Kim)	
Họa hại (Thổ)	
Chánh Tây ĐOÀI o	:-----o-----o KHẢM chánh Bắc
(âm Kim) :	CỬA CÁI : (dương Thủy)
:	:

Dương trạch tam yếu

: Động trạch từ 2 tới 5 ngăn :
 Thiên y (Thổ) 000 : 1 : Sinh khí Mộc (kiết du niên) : Diên niên (Kim) 00
 Tây nam KHÔN o 2 : Liêm trinh Hỏa (hung tinh) : (dương Thổ)
 (âm Thổ) : 3 : Cự môn Thổ thất vị 0 :
 : 4 : Vũ khúc Kim thất vị 0 :
 Ngũ quái (Hỏa) : 5 : Văn khúc Thủy (hung tinh) : Tuyệt mệnh (Kim)
 : :
 chánh Nam LY o-----o-----o CHẤN chánh Đông
 (âm Hỏa) Sơn TỐN (âm Mộc) (dương Mộc)
 Lục sát (Thủy)

Biến trạch đúng 6 ngăn :

1 : Sinh khí tức Tham lang Mộc
 2 : Phụ bát đặng diện 00
 3 : Liêm trinh Hỏa (hung tinh)
 4 : Cự môn Thổ thất vị 0
 5 : Vũ khúc Kim thất vị 0
 6 : Văn khúc Thủy (hung tinh)

Biến trạch đúng 7 ngăn :

1 : Sinh khí tức Tham lang Mộc
 2 : Phụ bát Mộc đặng diện 00
 3 : Liêm trinh Hỏa (hung tinh)
 4 : Lộc tồn Thổ (hung tinh)
 5 : Cự môn Thổ thất vị 0
 6 : Vũ khúc Kim thất vị 0
 7 : Văn khúc Thủy (hung tinh)

Biến hóa trạch từ 8 tới 15 ngăn :

1 : Sinh khí tức Tham lang Mộc
 2 : Phụ bát Mộc đặng diện 00
 3 : Liêm trinh Hỏa (hung tinh)
 4 : Lộc tồn Thổ (hung tinh)
 5 : Cự môn Thổ thất vị 0
 6 : Vũ khúc Kim thất vị 0
 7 : Phá quân Kim (hung tinh)
 8 : Văn khúc Thủy (hung tinh)
 9 : Phụ bát Mộc đặng diện 00
 10 : Tham lang Mộc đặng diện 000
 11 : Liêm trinh Hỏa (hung tinh)
 12 : Lộc tồn Thổ (hung tinh)
 13 : Cự môn Thổ thất vị 0
 14 : Vũ khúc Kim thất vị 0
 15 : Phá quân Kim (hung tinh)

Năm mẫu nhà số 23 : Cửa cái đồng tại ĐOÀI chánh Tây, chính giữa mặt tiền :

Hướng ĐOÀI chánh Tây
 Thiên y (Thổ) 000 (âm Kim) Sinh khí (Mộc) 0
 Tây nam KHÔN o-----: :-----o KIẾN Tây bắc
 (âm Thổ) : : CỬA CÁI : : (dương Kim)
 : :
 Ngũ quái (Hỏa) : 1 : Tuyệt mệnh từ 2 tới 5 ngăn : :
 Chánh Nam LY o 2 : Văn khúc Thủy (hung tinh) o KHẢM chánh Bắc
 (âm Hỏa) : 3 : Tham lang Mộc đặng diện 000 : (dương Thủy)
 : 4 : Liêm trinh Hỏa (hung tinh) :
 Lục sát (Thủy) : 5 : Cự môn Thổ thất vị 0 : Diên niên (Kim) 00
 Đông nam TỐN o-----o-----o CẤN Đông bắc
 (âm Mộc) Sơn CHẤN (dương Mộc) (dương Thổ)
 Tuyệt mệnh (Kim)

Biến trạch đúng 6 ngăn :

1 : Tuyệt mệnh tức Phá quân Kim
 2 : Vũ khúc Kim thất vị 0

Biến hóa trạch từ 8 tới 15 ngăn :

1 : Tuyệt mệnh tức Phá quân Kim
 2 : Vũ khúc Kim thất vị 0

Dương trạch tam yếu

3 : Văn khúc Thủy (hung tinh)
 4 : Tham lang Mộc đăng diện 000
 5 : Liêm trình Hỏa (hung tinh)
 6 : Cự môn Thổ thất vị 0

3 : Văn khúc Thủy (hung tinh)
 4 : Phụ bát Mộc đăng diện 00
 5 : Tham lang Mộc đăng diện 000
 6 : Liêm trình Hỏa (hung tinh)
 7 : Lộc tồn Thổ (hung tinh)

Biến trạch đúng 7 ngăn:

1 : Tuyệt mệnh tức Phá quân Kim
 2 : Vũ khúc Kim thất vị 0
 3 : Văn khúc Thủy (hung tinh)
 4 : Phụ bát Mộc đăng diện 00
 5 : Tham lang Mộc đăng diện 000
 6 : Liêm trình Hỏa (hung tinh)
 7 : Cự môn Thổ thất vị 0

8 : Cự môn Thổ thất vị 0
 9 : Vũ khúc Kim thất vị 0
 10: Phá quân Kim (hung tinh)
 11: Văn khúc Thủy (hung tinh)
 12: Phụ bát Mộc đăng diện 00
 13: Tham lang Mộc đăng diện 000
 14: Liêm trình Hỏa (hung tinh)
 15: Lộc tồn Thổ (hung tinh)

Mẫu nhà số 24 : Cửa cái đồng tại ĐOÀI chánh Tây , bên hữu mặt tiền:

	Thiên y (Thổ) 000	
Ngũ quỷ (Hỏa)	Hương KHÔN (âm Thổ)	
Chánh Nam LY	o-----o-----:	o ĐOÀI chánh Tây
(âm Hỏa)	:	: CỬA CÁI : (âm Kim)
	:	:
	: Động trạch từ 2 tới 5 ngăn :	:
Lục sát (Thủy)	: 1 : Thiên y Thổ (kiết du niên)	: Sinh khí (Mộc) 0
Đông nam TỐN	o 2 : Vũ khúc Kim đắc vị 00	o KIỀN Tây bắc
(âm Mộc)	: 3 : Văn khúc Thủy (hung tinh)	: (dương Kim)
	: 4 : Tham lang Mộc thất vị 0	:
Tuyệt mệnh (Kim)	: 5 : Liêm trình Hỏa (hung tinh)	: Họa hại (Thổ)
Chánh Đông CHẤN	-----o-----o	o KHẢM chánh Bắc
(dương Mộc)	Sơn CẤN (dương Thổ)	(dương Thủy)
	Diên niên (Kim) 00	

Biến trạch đúng 6 ngăn :

1 : Thiên y tức Cự môn Thổ
 2 : Lộc tồn Thổ (hung tinh)
 3 : Vũ khúc Kim đắc vị 00
 4 : Văn khúc Thủy (hung tinh)
 5 : Tham lang Mộc thất vị 0
 6 : Liêm trình Hỏa (hung tinh)

Biến hóa trạch từ 8 tới 15 ngăn :

1 : Thiên y tức Cự môn Thổ
 2 : Lộc tồn Thổ (hung tinh)
 3 : Vũ khúc Kim đắc vị 00
 4 : Phá quân Kim (hung tinh)
 5 : Văn khúc Thủy (hung tinh)
 6 : Phụ bát Mộc thất vị
 7 : Tham lang Mộc thất vị 0
 8 : Liêm trình Hỏa (hung tinh)
 9 : Lộc tồn Thổ (hung tinh)
 10: Cự môn Thổ đăng diện 000
 11: Vũ khúc Kim đắc vị 00
 12: Phá quân Kim (hung tinh)
 13: Văn khúc Thủy (hung tinh)
 14: Phụ bát Mộc thất vị
 15: Tham lang Mộc thất vị 0

Biến trạch đúng 7 ngăn :

1 : Thiên y tức Cự môn Thổ
 2 : Lộc tồn Thổ (hung tinh)
 3 : Vũ khúc Kim đắc vị 00
 4 : Phá quân Kim (hung tinh)
 5 : Văn khúc Thủy (hung tinh)
 6 : Tham lang Mộc thất vị 0
 7 : Liêm trình Hỏa (hung tinh)

HẾT - THIÊN LẬP THÀNH

THIÊN VII

ỨNG NGHIỆM

Thiên Ứng nghiệm là thiên nói lên những sự hưng phát hay suy bại, những điều phước đức hay tai họa, giàu sang hay nghèo nàn... sẽ xảy ra do ba chỗ chính yếu liên hệ như: tương sanh hay tương khắc, thừa kiết du niên hay hung du niên, có đủ âm dương hay thuần âm hoặc thuần dương, v...v... Ba chỗ chính yếu nơi Thiên này được nói gọn lại là: CỬA, CHỦ VÀ BẾP. Cửa là chỉ nói Cửa cái chứ không phải Cửa phòng hay Cửa bếp. Chủ là nói Chủ phòng ở Tịnh trạch, là nói Sơn chủ ở Động trạch và Biến hóa trạch. Bếp là nói tại chỗ đặt lò hay cà ràng nấu ăn chứ chẳng luận tới Hưởng bếp.

- Thiên này chia làm hai phần: Phần A và phần B.
- Phần A: Sự ứng nghiệm hay hưng suy của 64 kiểu nhà.
- Phần B: Sự ứng nghiệm họa phước của 64 kiểu Bếp.

Phần A tuy chỉ nói 64 kiểu nhà là lấy Cửa với Chủ làm chính ứng việc hưng suy và đặt tên cho nhà. Tuy nhiên, mỗi nhà nào cũng có phối với B Bếp, mỗi Bếp mỗi nói việc ứng nghiệm tốt xấu tùy theo nó đối với Cửa (Cửa cái) chứ không luận với Chủ (Chủ phòng hay Sơn chủ).

PHẦN A

SỰ ỨNG NGHIỆM HƯNG SUY CỦA 64 KIỂU NHÀ

NHÀ SỐ 1 : Cửa KIỀN với Chủ KIỀN (Phục vị trạch)

(Cửa cái tại Kiền, Chủ phòng hay Sơn chủ cũng tại Kiền)

- Lời tương ứng về ngôi nhà: Kiền Kiền thuần dương, thương phụ nữ.

Ý nghĩa: Kiền gặp Kiền là thuần dương (2 cung đều thuộc dương) ất âm phải suy. Âm chỉ vào phụ nữ.

- Cửa Kiền và Chủ cũng Kiền thuộc về Tây tứ trạch. Từ Cửa Kiền biến 8 lần tới Chủ Kiền tất được Phục vị cho nên kiểu nhà này gọi là Phục vị trạch. (Phàm Chủ thừa du niên nào thì lấy tên du niên ấy đặt tên cho trạch (nhà). Tiếp tục còn 63 nhà sắp tới cũng vậy). Phục vị Mộc làm Kiền Kim tương khắc là thất vị: phẩm và lượng đều kém.

- Phục vị trạch, Cửa Kiền và Chủ Kiền tỷ hòa cho nên: những năm đầu phát lên giàu sang, nhưng vì dương nhiều ất thắng và lẩn ất âm phải suy, ở lâu năm rồi hàng phụ nữ chết yểu. Và vì thuần dương bất quá như hai nam nhân ở chung nhau tới bao lâu cũng không sanh hóa chi được, ứng về sự cô quả, lẻ loi, không con nối dòng. Kết luận: Nhà này tốt rất ít, trước tạm hưng mà sau bại.

Cửa Kiền và Chủ Kiền phối 8 Bếp :

(Hết thấy 8 Bếp sau đây đều thuộc về nhà số I)

1) Bếp Kiền: Bếp Kiền thuộc Tây trù hợp với Tây tứ trạch. Cửa Kiền, Chủ Kiền lại Bếp cũng Kiền, cả ba đều thuộc dương Kim tỷ hòa sanh vượng khí ở chung trong một nhà, cái thế dương khí tiến lên rất mạnh cho nên lúc đầu phát phúc lộc mau lắm. Nhưng hễ bạo phát bạo tàn, lại toàn là dương không sanh hóa ra được nữa cho nên tài lộc sẽ suy giảm mãi và về sau không con cháu nối dòng, hàng phụ nữ bất lợi, người làm vợ tai ương. – Lại luận rằng: cả 3 chỗ đều là Kiền hổ biến tất được 3 du niên Phục vị.

Dương trạch tam yếu

Phục vị là trở lại ngôi cũ, là tượng dặm chân tại một chỗ. Phục vị thuộc Mộc là du niên tốt ít oi lại bị Kiền Kim khắc là mất ngôi (thất vị), chẳng phát lên nổi. – Đặt Bếp Kiền cho ngôi nhà số I này tốt chẳng bao lâu rồi tới bất hạnh.

2) Bếp Khảm: Từ Cửa Kiền biến 4 lần tới Khảm thừa Lục sát cho nên gọi là Bếp Lục sát. Khảm Thủy đối với Kiền Kim tương sinh nhưng chính Thủy cũng làm tiết khí Kim (là làm hao mất khí lực) cho nên lúc đầu cũng có tốt qua loa rồi về sau hao tán tiền của đến mức sống cùng khổ. Lại thừa Lục sát Thủy là du niên khiến cho trụ lạc, dâm dăng, cờ bạc... vợ con bị tổn thương, tuyệt tự, bệnh ho khạc đàm. Kết luận: Bếp Khảm gây họa cho nhà số I này chẳng ít.

3) Bếp Cấn: Từ Cửa Kiền biến 6 lần tới Cấn được Thiên y cho nên gọi Bếp Cấn là Bếp Thiên y. Thiên y Thổ lâm Cấn cũng Thổ là tỷ hòa đẳng diện. Bếp Cấn hỗ biến với Chủ Kiền cũng lại được Thiên y. Phàm Bếp thừa Thiên y tốt nhất hạng, hướng chi Thiên y đẳng diện, cho nên sơ niên phú quý song toàn, sanh được 3 con, nhưng về sau lâu xa (đến đời cháu chắt) hàng phụ nữ sẽ gặp nhiều tang thương và lại hiếm con cái, cưới lấy thê thiếp lắm lần, nuôi con người khác để thừa tự. Đó là ba chỗ chính yếu Kiền Cấn thuận dương mà khuyết âm, sự hưng phát lúc đầu không kéo dài mãi được.

4) Bếp Chấn: Từ Cửa Kiền biến 2 lần tới Chấn tất phạm Ngũ quỷ cho nên gọi Bếp Chấn là Ngũ quỷ. (Lại Bếp Chấn hỗ biến với Chủ Kiền cũng tác thành Ngũ quỷ). Bếp Ngũ quỷ hung hại bậc nhất, gây loạn tới cùng. Bếp Chấn Mộc đối với Cửa Kiền và Chủ Kiền Kim đều bị khắc, ở nhà này ắt lâm đại nguy hại; quỷ ma nhiễu loạn, quan tụng lo buồn, khẩu thiệt thị phi làm nhiều điều bức bối, tiền tài rất hao tán mà người mang họa hoạn có thể mất mạng vì bọn cướp. Chấn thuộc trưởng nam thừa Ngũ quỷ lại bị 2 Kiền khắc cho nên sự hung hại ứng vào hạng con trai cả, bất cứ ở thời gian hiện tại hay tới đời con, cháu, chắt cũng vậy. Những tai họa rất thường ứng vào số 4 hay số 5, vì chỗ khắc hại là Kiền Kim thuộc số 4 và Ngũ quỷ thì Ngũ là số 5. Ví dụ đến 4 năm hoặc trong tháng 5 hay ngày mùng 5 xảy ra tai họa, hoặc chịu tai họa trong 4 hay 5 ngày, trong 4 hay 5 tháng hoặc hao mất số tiền 4 trăm hay 5 ngàn, ..v...v...

5) Bếp Tốn: Từ Cửa Kiền biến 5 lần tới Tốn sanh Họa hại, cho nên gọi Bếp Tốn là Bếp Họa hại. Lại Bếp Tốn hỗ biến với Chủ Kiền cũng sanh Họa hại. Họa hại tức sao Lộc tồn Thổ sanh 2 Kiền Kim, nghiệm cũng có tốt chút ít, nhưng Họa hại là hung du niên và Tốn Mộc là cung thừa nó bị 2 Kiền Kim khắc cho nên tốt sơ sài chẳng đáng bao năm rồi đến hồi suy vi. Tốn thuộc âm bị khắc ứng điềm phụ nữ bị đoán thọ, lưng mông đau nhức, tim bụng thọ thương. Kết luận: Bếp Tốn này cũng bất lợi như Bếp Chấn trên nhưng Tốn thuộc âm khiến cho nhà khỏi bị cái hại thuận dương, xấu ít hơn.

6) Bếp Ly: Từ Cửa Kiền biến 7 lần tới Ly ngộ Tuyệt mệnh cho nên gọi Bếp Ly là Bếp Tuyệt mệnh. Như vậy là Bếp Ly sanh ra tới 2 Tuyệt mệnh, ắt gây ra nhiều hung hại trong nhà và những sự việc có tánh đoạn tuyệt. Ly là âm Hỏa khắc cả 2 dương Kim tại Cửa và Chủ, như vậy âm Hỏa là chỗ chính ứng, thế cho nên luận về nhân khẩu thì nhà này nhiều nữ mà ít nam, phụ nữ tánh khí ngoan cường, ở lâu chừng nào thì nhân khẩu và tiền tài càng suy kém, đến nổi có lắm người ở góa, không con thừa tự, người người thường mang bệnh nhức đầu, đau mắt và các chứng ghê độc (vì Ly Hỏa thuộc về đầu và về mắt).

7) Bếp Khôn: Từ Cửa Kiền biến 3 lần tới Khôn thừa Diên niên cho nên gọi Bếp Khôn là Bếp Diên niên. Bếp Khôn hỗ biến với Chủ Kiền cũng được Diên niên. Như vậy Bếp Khôn tạo cho nhà này được 2 Diên niên là kết du niên. Diên niên Kim lâm Khôn Thổ tương sanh đắc vị, lại Khôn Thổ sanh Cửa Kiền và Chủ Kiền, âm hiệp với

Dương trạch tam yếu

dương, vợ chồng chánh phối, sanh đặng 4 con, phước lộc thọ đều đủ cả. Bếp Diên niên này tốt hơn tất cả các Bếp khác thuộc nhà số I, đáng gọi là một cái Bếp đại cát (tốt lớn).

8) Bếp Đoàn: Từ Cửa Kiền biến 1 lần tới Bếp Đoàn thừa Sinh khí cho nên gọi Bếp Đoàn là Bếp Sinh khí. Bếp Đoàn hồ biến với Chủ Kiền cũng được Sinh khí. Vậy Bếp Đoàn tạo ra 2 Sinh khí cho nhà. Tuy Sinh khí Mộc lâm Đoàn Kim thất vị nhưng vẫn là kết du niên. Gia dĩ Bếp Đoàn đối với 2 Kiền tỷ hòa và có đủ âm dương cho nên sơ niên phát tài, phát lộc, nhân khẩu cũng nhiều, nhưng ở lâu năm rồi cũng dần dần bớt phát đạt, cưới lấy thì thiếp nhiều lần rồi ra cũng lắm người cô độc. Đó là bởi Kiền Kiền Đoàn Kim quá nhiều có tánh đoạn cát. Lại nhà Phục vị, Bếp Sinh khí tàn du niên thuộc Mộc đồng bị 3 Kim khác hại, sự hưng thịnh đâu đặng bền. Tuy vậy vẫn kể Bếp Đoàn này là một cái Bếp tốt, tốt vừa vừa.

Nhà số 2 : CỬA KIỀN với CHỦ KHẨM

(Lục sát trạch)

(Cửa cái tại Kiền, Chủ phòng hay Sơn chủ tại Khảm).

- Lời tương ứng về ngôi nhà: Thiên môn lạc thủy, xuất dâm cuồng. Chữ Thiên ám chỉ Kiền (Kiền vi Thiên). Lạc thủy là rơi vào nước, tức là nói gặp Khảm (Khảm vi thủy). Đại ý nói, Cửa Kiền với Chủ Khảm là ngôi nhà ứng ra các việc dâm dăng, cuồng dại.

- Cửa Kiền biến 4 lần tới Chủ Khảm thừa Lục sát cho nên gọi là Lục sát trạch, một ngôi nhà hung hại. Lục sát Thủy là du niên vốn có tánh cách dâm cuồng lại lâm Khảm Thủy đồng tính chất với nó cho nên nhà sanh ra những việc dâm bôn, bất chính, trụy lạc, lầm lỗi. Tuy nhiên, cũng có một điểm tốt là Cửa Kiền Kim sanh Chủ Khảm Thủy, ấy là ngoài sanh vào trong, ở sơ niên cũng có lúc hưng tài, phát lộc. Nhưng vốn là Lục sát, tất chẳng bao lâu rồi cũng khắc hại vợ con, sống cô đơn, vắng hieu con cái, khiến cho vong gia, bại sản. Khảm với Kiền thuần dương tất lẫn hại âm và kết thành sát khí (Lục sát) khiến cho âm nhân, phụ nữ tử vong.

Cửa Kiền với Chủ Khảm phối 8 Bếp :

1) Bếp Kiền: Bếp Kiền với Cửa Kiền là hai Kim tỷ hòa và đồng cung nên gọi là Bếp Phục vị, tuy cũng có thoảng qua một ít tốt, rồi rốt cuộc nó vẫn bị lôi cuốn theo các nẻo dữ. Bởi Bếp Kiền cũng như Cửa Kiền biến tới Khảm hóa nên Lục sát, vậy cũng ứng theo lời tượng nhà số 2: Thiên môn lạc thủy xuất dâm cuồng.

2) Bếp Khảm: Cửa Kiền thì Chủ Khảm thừa Lục sát tất Bếp Khảm cũng thừa Lục sát. Cả nhà đầy sát khí, lắm chuyện bất tường xảy ra. Một Kiền với hai Khảm toàn là dương, không thể sanh phát. Và bởi không có sự kết phối âm dương mà lại nước quá nhiều tất làm hao tiết mất cái thịnh khí của Kiền Kim (Thủy năng thoát Kim), ứng ra điềm tiêu tán tiền của, thiếu thốn cháu con. (Sở dĩ nói nước quá nhiều là 2 Khảm cộng với 2 Lục sát thành 4 Thủy).

3) Bếp Cấn: Cửa Kiền Kim với Bếp Cấn Thổ tương sanh và phối biến thành Bếp Thiên y đặng diện rất tốt, điềm sanh 3 con quý. Tuy đối với Cửa Kiền tốt như vậy, nhưng đối với Chủ Khảm lại ứng điềm hung vì Cấn với Khảm hồ biến ra Ngũ quỷ, khiến cho tiểu nhi khó nuôi dưỡng, hàng trung nam đoản thọ, hiếm hoi con cái, tim bụng đau nhức, thường bị các chứng no hơi, phình trưởng và nghẹn ngực. (Cấn thuộc thiếu nam ứng về tiểu nhi, Khảm thuộc trung nam ứng với hạng trung nam).

Dương trạch tam yếu

4) Bếp Chấn: Cửa Kiền Kim khắc với Bếp Chấn thuộc Mộc và biến thành Bếp Ngũ quỷ hung hại bậc nhất. Nhà Lục sát chứa Bếp Ngũ quỷ tài nào mà chẳng suy vi, cho nên càng ở lâu càng lụn bại. Sơ niên có tốt chút ít và sự tai hại qua loa là nhờ Bếp Chấn với Chủ Khảm hỗ biến được du niên Thiên y. (Cửa với Chủ đối nhau hay Cửa với Bếp đối nhau gọi là chính biến. Còn chủ với Bếp đối nhau gọi là hỗ biến. Chính biến thì họa phước chính xác và hệ trọng, còn hỗ biến thì họa phước nhẹ hơn).

5) Bếp Tốn: bếp Tốn hỗ biến với Chủ Khảm được Sinh khí nhưng chính biến với Cửa Kiền là Bếp Họa hại. Sơ niên phát cả tiền tài và nhân khẩu (thêm nời), nhưng ở lâu rồi bệnh đau gân cốt nổi lên, âm nhân chết sớm, phụ nữ suy thận, lưng nhức mỏi. Tốn thuộc trường nữ, thừa Họa hại lại bị Cửa Kiền khắc cho nên tai họa qui về phụ nhân. Tốn Mộc thuộc về lá gan, bị Kiền khắc cho nên gan bị thọ thương tất sanh chứng đau gân cốt, Khảm Thủy ứng về bầu thận, thừa Lục sát hung nên ứng điềm thận suy).

6) Bếp Ly: Ly âm Hỏa đối với Cửa Kiền dương Kim tương khắc và chính biến thành Bếp Tuyệt mệnh ứng điềm nam nữ yếu vong (chết non), trong nhà sanh nhiều rắc rối. Tuy trong 10 phần xấu cũng có 3 phần tốt là nhờ Bếp Ly với Chủ Khảm hỗ biến được Diên niên. Tuyệt mệnh với Diên niên ứng nghịch nhau: Tuyệt mệnh chết sớm, Diên niên sống lâu, nhưng chính biến hệ trọng hơn hỗ biến.

7) Bếp Khôn: Đối với Cửa Kiền thì Bếp Khôn tương sanh và thừa Diên niên đắc vị, đó là điềm tiền tài và nhân khẩu cả hai đều thịnh vượng. Nhưng vì Bếp Khôn khắc chủ Khảm và hỗ biến ra Tuyệt mệnh cho nên hạng trung nam (Khảm thuộc trung nam) trong nhà thọ khổ, điềm ứng nghiệm là ở góa, là bật hơi con cái, là những sự việc có tính cách đoạn tuyệt.

8) Bếp Đoài: Đối với Cửa Kiền thì Bếp Đoài tử hòa thừa Sinh khí. Nhưng Sinh khí Mộc đồng bị Kiền Đoài khắc thành ra nhà chỉ được phát nhân đinh (thêm đông người) mà tiền bạc và công danh chẳng hưng khởi được. Còn Bếp Đoài với Sơn chủ Khảm hỗ biến sanh Họa hại, ấy là cái hại phụ nữ (Đoài thuộc phụ nữ) không trường thọ mà về sau ở góa, dâm dăng, phóng túng, xa hoa, lổi lẫm (Khảm gặp Họa hại).

- Kết luận 8 Bếp: Vốn là Lục sát trạch đã hung hại, nếu gặp Bếp xấu tất phải hung hại hơn, bằng gặp Bếp tốt chỉ giảm bớt sự hung hại của nhà hoặc cũng có sự tốt, nhưng không thể khiến cho nhà phát đạt to.

Nhà số 3 : CỬA KIỀN với CHỦ CẤN

(Thiên y trạch)

(Cửa cái tại Kiền, Chủ phòng hay Sơn chủ tại Cấn)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Thiên lâm sơn thượng: gia phú quý. Ý nghĩa: Chữ Thiên chỉ vào cung Kiền (Kiền vi thiên), chữ Sơn chỉ vào cung Cấn (Cấn vi sơn). Gia phú quý là nhà giàu sang (tiền nhiều chức lớn). Đại ý nói Cửa cái tại Kiền và Chủ phòng hay Sơn chủ tại Cấn là ngôi nhà giàu có lại sang trọng.

- Từ Cửa Kiền biến 6 lần tới Chủ Cấn được Thiên y cho nên gọi là Thiên y trạch. Thiên y là phúc thần lâm Cấn tử hòa dăng diện ất làm cho nhà cửa kiện vượng, sanh 5 con trai (Thổ số 5), ruộng vườn ba bốn cánh (Kiền Kim số 4), người người thường niệm Phật, thích xem Kinh (tánh chất Thiên y). Sơ niên vừa sang, vừa thọ và người khá đông, trai ăn ở nhân từ, gái giữ gìn tiết nghĩa... Nhưng về sau cái khí thế của Thiên y giảm sút lần lần mà không sanh hóa được (Kiền với Cấn thuần dương, không có âm), thành thử khắc hại vợ con, tới đời con cháu sau chịu cô đơn, phải tính việc nuôi con kẻ khác nổi dòng. Tuy thật tốt, song không đủ âm dương thì chẳng phải là kế lâu dài vậy.

Dương trạch tam yếu

Cửa Kiền với Chủ Cấn phối 8 Bếp :

(Tám cái Bếp sau đây, Bếp nào cũng thuộc về nhà số 3 trên. Nhà Thiên y vốn đã tốt, nếu được Bếp tốt nữa ắt đại phát phú quý, bằng gặp Bếp xấu sẽ giảm bớt sự hưng thịnh của nhà, nhưng không làm cho cùng khốn).

1) Bếp Kiền: Bếp Kiền đối với Cửa Kiền là Bếp Phục vị thất vị (Phục vị bị Kiền khắc), nhưng đối với Chủ Cấn tương sanh và hỗ biến được Thiên y. Bếp như vậy cũng thuộc về Bếp tốt, có thể phát lên giàu sang một lúc lâu, nhưng về sau rồi sẽ khắc hại vợ con và lần tới sự cô độc, tuyệt tự. Bởi đây là Bếp Phục vị thất vị (mất ngôi) và ba chỗ chính yếu là Kiền Kiền Khảm thuần dương (thiếu âm) là điều không tấn tới mãi được mà về sau phải sứt lui.

2) Bếp Khảm: Đối với Cửa Kiền thì Bếp Khảm thừa Lục sát, đối với Chủ Cấn thì Bếp Khảm phạm Ngũ quỷ, đối với chỗ nào Bếp cũng sanh mầm tai hại. Lại Chủ Cấn khắc Bếp Khảm và Bếp Khảm hao thoát Cửa Kiền toàn là khắc với thoát. (Phạm Khảm gặp Kiền là Thủy gặp Kim tương sanh nhưng thừa hung du niên thì Thủy làm hao thoát khí lực của Kim chứ không nói là tương sanh). Nhà Thiên y đăng diện là nhà phát phú quý, nhưng gặp Bếp như vậy cũng phải sanh bệnh đau tim bụng, các chứng hư lao, dư thịt, kết hờn kết khối trong ngũ tạng, tiểu nhi khó nuôi, trai gái đều yếu vong, cưới đi gả ại nhiều lần, tà ma tác loạn trong nhà. – Ngôi nhà này Cửa Kiền Chủ Cấn thuộc Tây tứ trạch mà dùng Bếp Khảm là Đông trù tất sanh tai hoạ, vậy nên bỏ đi mà dùng Tây trù cho hợp với Tây tứ trạch sẽ khỏi hại mà thêm lợi vậy Tây trù là Bếp đặt tại các cung Kiền Khôn Cấn Đoài.

3) Bếp Cấn: Bếp Cấn với Cửa Kiền tương sanh và theo phép Bát biến là được Bếp Thiên y. Thiên y lâm Cấn là tỷ hòa đăng diện, rất tốt, làm cho hưng vượng điền sản. Còn Bếp Cấn hỗ biến với Chủ Cấn tuy tỷ hòa nhưng tác Phục vị thất v, kể như không có lợi ích chi. Ba chỗ chính yếu là Kiền Cấn Cấn thần dương bất hóa, số người chẳng thêm mà hạng nhi nữ phải lâm tai hoạ.

4) Bếp Chấn: Bếp Chấn đối với Cửa Kiền tương khắc và là Bếp Ngũ quỷ rất hung hại. Bếp Chấn với Chủ Cấn tương khắc và hỗ biến ra Lục sát. Đối với hai chỗ đều bất lợi, cái Bếp đại hung này sanh bệnh huỳnh thũng, chứng hư lao, tỷ vị thọ thương (nhiễm trùng). Lại ba cung Kiền Chấn Cấn thuần dương ắt không con thừa tự.

5) Bếp Tốn: Bếp Tốn đối với Cửa Cấn tương khắc và là Bếp Họa hại, đối với Chủ Cấn cũng tương khắc và hỗ biến ra Tuyệt mệnh, toàn là những hung du niên. Bếp như vậy làm cho vợ con mang họa, bệnh sản lao, bệnh da vàng, gân cốt đau nhức, trẻ con mang tật phong.

6) Bếp Ly: Bếp Ly đối với Cửa Kiền tương khắc và là Bếp Tuyệt mệnh, đối với Chủ Cấn tương sanh nhưng hỗ biến ra Họa hại. Bếp như vậy khiến cho phụ nữ tính cương liệt đáng kinh sợ, hiếm hoi con cháu. Ly thuộc về đầu mắt cho nên đầu óc tối tăm, mắt tật bệnh.

7) Bếp Khôn: Bếp Khôn đối với Cửa Kiền tương sanh và là Bếp Diên niên đắc vị, đối với Chủ Cấn tỷ hòa và hỗ biến được Sinh khí. Đây là cái Bếp đại cát khiến cho gia đạo rất hưng long. Bếp Khôn đối với Cửa Kiền có đủ âm dương, đối với Chủ Cấn cũng có đủ âm dương, đối với Chủ Cấn cũng có đủ âm dương, lại ba cung Kiền Cấn Khôn trọn thuộc về Tây tứ trạch (không bị hỗn loạn Đông Tây) hỗ biến với nhau được đủ ba du niên tốt là Sinh khí, Diên niên và Thiên y, được mệnh danh là Nhà ba tốt, một ngôi nhà đủ mọi việc hạnh phúc và may mắn.

Dương trạch tam yếu

8) Bếp Đoài: Bếp Đoài đối với Cửa Kiền tử hòa có đủ âm dương và là Bếp Sinh khí, đối với Chủ Cấn cũng tương sanh và hỗ biến được Diên niên hữu khí (đắc vị, đắc diện). Đây là một cái Bếp gồm đủ mọi điều thuận lợi, các việc tốt lành. Ngoài ra còn nhờ Bếp Đoài này hợp với Cửa Kiền và Chủ Cấn mà tạo nên cái Nhà ba tốt (như Bếp Khôn)

Nhà số 4 : **Cửa KIỀN với Chủ CHẤN**

(Ngũ quỷ trạch)

(Cửa cái tại Kiền, Chủ phòng hay Sơn chủ tại Chấn)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Quỷ nhập lôi môn, thương trưởng tử. Ý nghĩa: Quỷ chỉ vào Kiền. Bởi Kiền khắc Chấn nên nói là Quỷ (khắc ngã vi Quan quỷ). Lại bởi từ Kiền biến tới Chấn sanh Ngũ quỷ cho nên nói Kiền là Quỷ. Lôi môn là Cửa sấm tức thị Chấn (Chấn vi lôi). Thương trưởng tử là làm hại con trai lớn, vì Chấn bị khắc và Chấn thuộc trưởng nam. (Trưởng nam của gia chủ hay trưởng nam của con cháu gia chủ cũng bị ảnh hưởng).

Từ Cửa Kiền biến 2 lần tới Chủ Chấn tất sanh Ngũ quỷ cho nên nhà này gọi là Ngũ quỷ trạch. Cửa Kiền khắc Chủ Cấn là bên ngoài khắc vào trong, tai họa đến cấp kỳ, nào là quan tụng, nào là khẩu thiệt, hỏa hoạn, trộm cướp, ma quỷ làm loạn, trai gái chưa thành hôn đã chết, tim bụng đau đớn, điền sản tiêu hoại, sinh kế thoái bại, lục súc chết toi, cha con bất hòa, con cháu nhánh trưởng đành tuyệt hậu mà nhánh thứ cũng bất kham... Thật là một ngôi nhà đại hung.

Cửa Kiền với Chủ Cấn phối 8 Bếp :

(Tám cái Bếp sau đây, Bếp nào cũng thuộc nhà số 4 là Cửa Kiền với Chủ Cấn. Như vậy dùng cái Bếp nào cũng không thoát khỏi hẳn những điều đã ứng và luận theo nhà số 4 trên. Nhưng lẽ tất nhiên, gặp Bếp xấu thì nhà thêm xấu, gặp Bếp tốt cũng được sự tốt và bớt điều hung).

1) Bếp Kiền: Ba chỗ chính yếu Kiền Chấn Kiền là ba cung thuần dương (thiếu âm) và hai Kim khắc một Mộc, điềm tuyệt dứt rõ ràng. Đối với Cửa Kiền thì Bếp Kiền là Bếp Phục vị thất vị chẳng có lợi ích chi cả, còn đối với Chủ Cấn thì Bếp Kiền là Ngũ quỷ rất tai hại. Kể chung ba cung hỗ biến nhau gặp 1 Phục vị thất vị và 2 Ngũ quỷ ắt là cái nhà đại hung vậy. Kết luận: Bếp Kiền rất bất lợi cho nhà số 4.

2) Bếp Khảm: Bếp Khảm đối với Cửa Kiền tương sanh nhưng tác Lục sát, như vậy cái đó là sanh ra tai hại. Còn đối với Chủ Chấn thì Bếp Khảm cũng tương sanh tai hại. Còn đối với Chủ Chấn thì Bếp Khảm cũng tương sanh mà tác Thiên y, vậy cái sanh đó là sanh ra phước đức. Một sanh ra tai họa, một sanh ra phước đức, cái Bếp này nửa tốt nửa xấu, sơ niên làm ăn khá khá, nhưng hậu vận khuyết nhân đinh, số người càng thưa thớt.

3) Bếp Cấn: Từ Cửa Kiền biến tới Bếp Cấn được Thiên y cho nên gọi Bếp Cấn là Bếp Thiên y. Thiên y làm Cấn đắc diện nên tài lộc thịnh phát tới đa, song vì Kiền phối Cấn thuần dương chẳng phát nhân đinh. Còn Bếp Cấn đối với Chủ Chấn tương khắc và hỗ biến ra Lục sát khiến cho tiểu nhi bệnh hoạn liên miên. (Cấn thuộc tiểu nhi).

4) Bếp Chấn: Bếp Chấn đối với Cửa Kiền tương khắc và là Bếp Ngũ quỷ. Nhà Ngũ quỷ lại dùng Bếp Ngũ quỷ nữa, tà khí đầy đủ, tai họa tứ tung, trông gì phát đạt! Ba cung Kiền Chấn Chấn thuần dương lấy đâu sanh hóa?!

Dương trạch tam yếu

5) Bếp Tốn: Bếp Tốn đối với Cửa Kiền tương khắc và là Bếp Hỏa hại. Bếp Tốn thuộc âm ứng về phụ nữ, trong ngũ tạng nó là lá gan, nay Tốn thọ thương (bị Kiền khắc) cho nên phụ nữ chưa già mà chết, gan mật suy vì làm cho gân cốt đau nhức, phụ nữ chẳng sa thai cũng vì sanh đẻ khó mà vong mạng. Dù Bếp Tốn với Chủ Chấn hổ biến được Diên niên tốt cũng không đủ chống đỡ, vì Chấn Tốn đều bị Kiền khắc. Vả lại hổ biến không có sức mạnh bằng chính biến.

6) Bếp Ly: Cửa Kiền thì Bếp Ly là Bếp Tuyệt mệnh. Nhà Ngũ quỷ chứa Bếp Tuyệt mệnh thật là nguy hại: làm ăn suy vi, mưu toan thất bại, cả nam lẫn nữ đều chẳng sống lâu. Duy Bếp Ly với Chủ Chấn hổ biến được Sinh khí hữu khí, khá hơn Bếp Tốn.

7) Bếp Khôn: Bếp Khôn với Cửa Kiền tương sanh có đủ âm dương và là Bếp Diên niên đắc vị, nhưng đối với Chủ Chấn tương khắc và hổ biến ra Hỏa hại. Như vậy Bếp này tốt nhiều hơn xấu vì Diên niên đắc vị chính biến nó có thể lấn át Hỏa hại hổ biến.

8) Bếp Đoài: Bếp Đoài với Cửa Kiền tỷ hòa và là Bếp Sinh khí ất tốt, nhưng Bếp Đoài với Chủ Chấn tương khắc và hổ biến Tuyệt mệnh ất hung. Lấy đại khái mà luận, một Sinh khí lành và một Tuyệt mệnh dữ là họa phước phân đôi (bằng nhau). Lấy chính biến và hổ biến mà luận thì Sinh khí mạnh hơn Tuyệt mệnh. Nhưng xét cho kỹ Sinh khí tuy chính biến mà thất vị và Tuyệt mệnh Kim khắc Sinh khí Mộc, chớ Mộc suy đầu khắc được Kim. Vậy Bếp Đoài hại nhiều hơn lợi.

Nhà số 50 : Cửa KIỀN với Chủ TỐN (Họa hại trạch)

(Cửa cái tại Kiền, Chủ phòng hay Sơn chủ tại Tốn)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà : Kiền Tốn sản vong, tâm thối thối.

Ý nghĩa: Nhà mở Cửa cái tại Kiền và Chủ phòng hay Sơn chủ đặt tại Tốn thì vì sanh đẻ mà chết, tim và mộng đau nhức.

- Từ Cửa Kiền biến 5 lần tới Chủ Tốn tất sanh Hỏa hại cho nên gọi là Hỏa hại trạch, nhà sanh nhiều họa hoạn, tai hại đến lung tung. Kiền khắc Tốn là dương khắc âm cũng có một thuận lý trong sự khắc và Mộc gặp Kim là cây được đẽo chuốt thành vật quý. (Bởi Tốn âm Mộc tức Ất và Kiền dương Kim tức Canh. Ất với Canh là Can hợp, là Trắc – luân – khóa , lấy kim khí đẽo gỗ làm xe). Vì vậy cho nên tuy tương khắc mà ở khoảng giữa sơ niên cũng được tấn tài, hưng danh và vượng nhân đinh. Song sự phát đạt này hay bị gián cách. Nhưng khi ở lâu năm rồi hóa ra suy vi. Tốn là cung bị khắc cho nên phụ nữ tử vong, sanh sản khó khăn. Và Cửa khắc Chủ là ngoài khắc vào trong, điềm thương bại thân mình, đạo tặc xâm nhập vào nhà, hao tài tổn của, thừa kiện rồi ren, thật lắm điều bất lợi. Tốn thuộc gan (lá gan) bị Kiền khắc nên thường bị các chứng phong, ghe chốc, da liễu...

Cửa Kiền với Chủ Tốn phối 8 Bếp :

(Tám cái Bếp sau đây đều thuộc về nhà số 5 nói trên. Nhà Tốn xấu, vậy gặp Bếp tốt cũng khá hay nhưng không làm sao cho nhà trở nên thật tốt. Bằng gặp Bếp xấu thì xấu hơn.

1) Bếp Kiền: Cửa với bếp đồng cung Kiền là Bếp Phục vị thất vị. Phục vị là du niên xu hướng theo, ở trong nhà Hỏa hại tất cũng sanh ra Hỏa hại. Bếp Kiền hổ biến với Chủ Tốn cũng sanh Hỏa hại. Vậy nhà này có tới 2 Hỏa hại, chẳng đáng lợi ích mà vợ con còn phải lâm Họa nạn.

Dương trạch tam yếu

2) Bếp Khảm: Từ Cửa Kiền biến 4 lần tới Khảm cho nên Bếp Khảm là Bếp Lục sát, Nhà Hỏa hại dùng Bếp Lục sát là thêm sát hại, không thể thịnh vượng được. Tuy vậy nhưng Bếp Khảm Thủy đối với Cửa Kiền và Chủ Tồn đều tương sanh, lại cùng Chủ Tồn hỗ biến được Sinh khí hữu khí. Nhờ vậy lúc sơ niên cũng có nhiều tiền của, số người khá đông, nhưng về sau lần lần kém khuyết.

3) Bếp Cấn: Từ Cửa Kiền biến 6 lần tới Bếp Cấn thừa Thiên y đăng diện là một cái Bếp rất tốt, khiến cho yên lành và may mắn, nhưng phải chịu quạnh hiu con cái. Quạnh hiu con cái là vì Cấn với Kiền thuần dương và Bếp Cấn hỗ biến với Chủ Tồn sanh ra Tuyệt mệnh.

4) Bếp Chấn: Cửa Kiền biến 2 lần tới bếp Chấn thừa Ngũ quỷ là một cái Bếp đại hung hại. Nhà Hỏa hại chứa Bếp Ngũ quỷ, đâu kham ở, ở càng lâu càng lụn bại. Duy có một điểm tốt sơ sai là Bếp Chấn hỗ biến với Chủ Tồn được Diên niên vô khí. (Vô khí cũng như thất vị, bởi Diên niên Kim khắc cả Chấn Tồn).

5) Bếp Tốn: Bếp Tốn cũng như Chủ Tồn đồng tác Hỏa hại và đồng bị Kiền khắc, sanh nhiều tai hại, thường bị bệnh gân cốt, tim, mông và các chứng phong. Phụ nữ chịu ảnh hưởng xấu, thứ nhất trưởng nữ (vì Tốn âm Mộc bị khắc).

6) Bếp Ly: từ Cửa Kiền biến 7 lần tới Bếp Ly thừa Tuyệt mệnh, ấy là cái Bếp sanh Tuyệt khí. Chủ Tồn âm Mộc sanh Bếp Ly âm Hỏa cho nên Ly Hỏa cường thịnh khắc hại Kiền dương Kim. Đó là cái tai họa phụ nữ (Ly) chuyển quyền lẫn át nam nhân (Kiền). Cái Bếp này rất hại hàng nam nhân gặp nhiều điều đoạn tuyệt mà chẳng sống tới già.

7) Bếp Khôn: Cửa Kiền biến 3 lần tới Bếp Khôn thừa Diên niên đắc vị, ấy là một cái Bếp khá tốt. Nhưng Bếp Khôn hỗ biến với Chủ Tồn sanh ra Ngũ quỷ Hỏa khắc lại Diên niên Kim. Vì vậy Diên niên không giúp cho thịnh lớn, và Khôn thuộc lão âm ứng điềm lão mẫu tàn vong.

8) Bếp Đoài: Cửa Kiền biến 1 lần tới Bếp Đoài thừa Sinh khí là một cái Bếp tốt. Nhưng Sinh khí thất vị (bị Đoài khắc), sinh kế chẳng đáng dãi dầm. Còn Bếp Đoài với Chủ Tồn tương khắc và hỗ biến thành Lục sát là hung du niên khiến cho nam nữ đều chẳng trường thọ. Vậy Bếp Đoài vừa tác Sinh khí vừa tác Lục sát, một lành một dữ, lành cho sinh kế mà dữ cho thọ mạng.

Nhà số 6 : Cửa KIỀN với Chủ LY

(Tuyệt mệnh trạch)

(Cửa cái tại Kiền, Chủ phòng hay Sơn chủ tại Ly)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Kiền Ly – quả cư sinh nhân tật. Ý nghĩa: Nhà đặt Cửa cái tại Kiền và Chủ phòng hay Sơn chủ tại Ly thì ở góa, sinh bệnh tật mất.

- Từ Cửa Kiền biến 7 lần tới Chủ Ly thừa Tuyệt mệnh cho nên gọi là Tuyệt mệnh trạch. Là một cái nhà đầy dẫy tuyệt khí, sinh ra tán tài, bị trộm cướp, mất mát, sống cảnh cô đơn, không con nối hậu. Ly thừa Tuyệt mệnh tức Ly chủ động tai họa. Ly thuộc Hỏa mà Hỏa vọng lên thì hay làm ra chứng mờ mắt, nhức đầu, sinh ghẻ độc. Ly khắc Kiền tức Kiền thọ thương. Kiền thuộc cha ông, già cả, thế nên các bậc hạng người đó phải chịu tai ương và hay bị chết ngang (không đáng chết mà chết).

Cửa Kiền với Chủ Ly phối 8 Bếp

Dương trạch tam yếu

(Tám cái Bếp sau đây đều thuộc về nhà số 6 nói trên. Nhà Tuyệt mệnh vốn quá hung hại, dầu gặp Bếp tốt cũng không biến đổi cho nhà trở nên tốt, huống chi gặp Bếp xấu ắt thêm tai họa).

1) Bếp Kiền: Cửa Kiền mà Bếp cũng Kiền là Bếp Phục vị thất vị, chẳng được lợi ích chi. Bếp Kiền hồ biến với Chủ Ly sanh ra Tuyệt mệnh, rất tai hại vậy, tai họa chẳng ít. Đây là một cái Bếp hung họa chẳng vừa.

2) Bếp Khảm: Bếp Khảm đối với Cửa Kiền tương sanh nhưng biến thành Bếp Lục sát thì cái tương sanh ấy không có cái khí thể tự tại, chẳng khác nào mình được kẻ hung ác thương yêu dăm đầu cho là hữu hạnh. Đúng hơn là phải nói Khảm Thủy làm tiết khí Kiền Kim, ấy là Bếp làm cho Cửa tiêu mòn khí lực. Vậy nên Bếp Lục sát khiến cho tán tài, khắc vợ, khiến cho con người sa ngã tửu sắc, phóng túng, dâm dăng. Cũng có một chỗ tốt là Bếp Khảm hồ biến với Chủ Ly được Diên niên, bớt được một phần tai họa, nhưng yếu lắm vì Diên niên Kim không hợp với Chủ Ly là Đông tứ trạch. (Trong 3 cung chính yếu, cung Chủ gọi là cung trạch).

3) Bếp Cấn: Từ Cửa Kiền biến 6 lần tới Bếp Cấn thừa Thiên y đăng diện. Ấy là một cái Bếp rất tốt cho con cháu, thứ nhất là cho hạng thiếu nam (Cấn thuộc thiếu nam), con hiếu cháu hiền. Nhưng phụ nữ hay có tính bạo tợn lắm, vì Bếp Cấn hồ biến với Chủ Ly sanh Họa hại (Ly ứng phụ nữ).

4) Bếp Chấn: Cửa Kiền mà đặt tại Bếp Chấn là Bếp Ngũ quỷ. Bếp Ngũ quỷ rất nguy hại, ở chung với nhà Tuyệt mệnh nó càng nguy hại hơn. Ở càng lâu càng sinh nhiều hoạn nạn cho gia chủ, cho mọi người trong nhà, thứ nhất là cho hạng trưởng nam (Chấn vi trưởng nam). Duy có một điều tốt là Bếp Chấn hồ biến với Chủ Ly được Sinh khí hữu khí, sinh kế khá được.

5) Bếp Tốn: Cửa Kiền mà đặt Bếp tại Tốn là Bếp Họa hại. Tốn thuộc âm và thuộc trưởng nữ thừa Họa hại lại bị Kiền khắc cho nên tai họa ứng vào hạng trưởng phụ, hàng con cái cả, chẳng bị sa thai hay con chết trong bụng thì cũng vì sự sanh sản mà lâm bệnh rồi tử vong, yếu thọ.

6) Bếp Ly: Cửa Kiền mà đặt Bếp Ly là Bếp Tuyệt mệnh, một cái Bếp rất hung nguy. Bếp Tuyệt mệnh lại ở trong nhà Tuyệt mệnh, tuyệt khí đầy nhà khiến cho hao tài, mất cửa, bị trộm cướp, quạnh hiu không con cái, bệnh hoạn tại mắt và đầu. Kiền là hạng ông, cha. Ly là hạng trung nữ phải chịu ảnh hưởng nhiều hơn những người khác.

7) Bếp Khôn: Cửa tại Kiền mà đặt Bếp tại Khôn là Bếp Diên niên đắc vị, ấy là một cái bếp tốt. Tuy Bếp Khôn hồ biến với Chủ Ly gặp Lục sát, nhưng cũng còn được cái Khôn với Ly tương sanh. Tóm lại Bếp Khôn chính biến tốt mà hồ biến xấu là phần lợi nhiều hơn hại.

8) Bếp Đoài: Cửa tại Kiền thì Bếp Đoài là bếp Sinh khí, nhưng Sinh khí thất vị. Còn Bếp Đoài hồ biến với Chủ Ly sanh ra Ngũ quỷ. Như vậy, tuy Sinh khí chính biến nhưng thất vị không hẳn bù bằng với cái hại của Ngũ quỷ. Vả lại không bao giờ nên cho Ngũ quỷ dính lú tới Bếp.

Nhà số 7 : Cửa KIỀN với Chủ KHÔN

(Diên niên trạch)

(Cửa cái tại Kiền, Chủ phòng hay Sơn chủ tại Khôn)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Thiên môn đáo Địa chủ Vinh hoa. Ý nghĩa: Thiên môn là cửa Trời, ám chỉ vào Kiền (Kiền vi thiên). Đáo địa là đến đất, ám chỉ vào Khôn (Khôn vi địa). Phàm Cửa tại Kiền, Chủ tại Khôn là ngôi nhà giàu có, vẻ vang.

Dương trạch tam yếu

- Từ Cửa Kiền biến 3 lần tới Khôn được Diên niên cho nên gọi Chủ Khôn là Diên niên trạch. Diên niên lâm Khôn tương sanh đắc vị đem vượng khí cho tây tứ trạch là ngôi nhà này, ứng nhiều điều kiết tường, vợ chồng chánh phối (có đủ âm dương), sanh 4 con (Diên niên Kim số 4), một nhà hòa mỹ, con hiếu thảo, cháu hiền lương, giàu sang một cách vẻ vang, sống lâu thường được biếu tặng lễ vật, được ban thưởng... thật là một kiểu nhà rất tốt, rất hi hữu vậy.

Cửa Kiền với Chủ Khôn phối 8 Bếp :

(Tám cái Bếp sau đây đều thuộc về ngôi nhà nói trên. Nhà vốn rất tốt, nhưng gặp Bếp tốt thì thật trọn tốt. Nhà thuộc Tây tứ trạch dùng Tây trù thêm tốt, dùng Đông trù hại bớt tốt. Tây trù là các Bếp Kiền, Khôn, Cấn, Đoài. Đông trù là những Bếp Khảm, Ly, Chấn, Tốn). Tây trù tạo Nhà ba tốt, Đông trù tạo 2 hung du niên.

1) Bếp Kiền: Cửa Kiền mà đặt Bếp cũng tại Kiền là Bếp Phục vị thất vị, nhưng nó hỗ biến với Chủ Khôn được Diên niên. Vậy ba cung Kiền Khôn Kiền hỗ biến với nhau được 2 Diên niên và một Phục vị. Phục vị thất vị tự nó không giúp thêm tốt, nhưng nó ở chung với 2 Diên niên thì nó xu hướng theo cái tốt của Diên niên. Kết luận là một cái Bếp tốt.

2) Bếp Khảm: Cửa Kiền đặt Bếp tại Khảm là Bếp Lục sát. Khảm Thủy làm hao khí lực của Kiền Kim, vì nước chảy mòn kim. Lại Bếp Khảm ỗ biến với Chủ Khôn sanh ra Tuyệt mệnh. Một Bếp mà tạo ra tới hai hung du niên (Lục sát và Tuyệt mệnh) rất nguy hại. Trong 3 cung Kiền Khôn Khảm, chỉ Khảm bị khắc cho nên trung nam chịu khổ nạn, thọ mạng chẳng lâu dài, thường sanh bệnh dạ dày, bụng đau nhức.

3) Bếp Cấn: Cửa tại Kiền thì Bếp cấn thừa Thiên y là một phúc thần đắc lực nhất ở tại Bếp, giải trừ được mọi bệnh hoạn, tai nạn. Thiên y Thổ lâm Cấn Thổ đăng diện khiến nên nhiều việc may, nam nữ trong nhà đều hảo thiện, thường tổ nhân lợi vật. Bếp Cấn hỗ biến với Chủ Khôn được Sinh khí là thêm tốt. Tóm lại Bếp Cấn hợp với Cửa Kiền và Chủ Khôn hợp thành Nhà ba tốt, vì 3 cung hỗ biến có đủ Sinh khí, Diên niên và Thiên y, một ngôi nhà hoàn hảo, giàu có thiên trùng, công danh rạng rỡ.

4) Bếp Chấn: Cửa tại Kiền thì Bếp Chấn là Bếp Ngũ quỷ. Lại Bếp Chấn hỗ biến với Chủ Khôn tác thành Họa hại. Bếp Chấn Mộc đối với Cửa Kiền tương khắc, đối với Chủ Khôn cũng tương khắc lại làm ra Ngũ quỷ và Họa hại, thật là một cái Bếp sanh tai họa này còn đâu hạnh phúc.

5) Bếp Tốn: Cửa tại Kiền thì Bếp Tốn là Bếp Họa hại. Lại Bếp Tốn hỗ biến với Chủ Khôn sanh ra Ngũ quỷ. Bếp Tốn Mộc đối với Cửa Kiền và Chủ Khôn đều tương khắc làm ra Họa hại và Ngũ quỷ là một cái Bếp đại hung không khác chi Bếp Chấn trên, không nên dùng nó. Nếu gượng dùng nó thì hạng bà hoặc đàn bà lớn tuổi chịu nhiều họa hoạn và không sống lâu.

6) Bếp Ly: Cửa tại Kiền thì Bếp Ly là Bếp Tuyệt mệnh, và Bếp Ly hỗ biến với Chủ Khôn tác thành Lục sát. Vậy Bếp Ly khắc Cửa Kiền lại sanh ra Tuyệt mệnh và Lục sát ắt phải là một cái bếp bất lợi. Nó ít xấu hơn Bếp Chấn Tốn mà hung hại ngang hàng với Bếp Khảm.

7) Bếp Khôn: Bếp Khôn cũng như Chủ Khôn, đối với Cửa Kiền tương sanh có đủ âm dương và đồng tác Diên niên đắc vị. Nó làm gia tăng Thổ lượng các điều tốt của Diên niên trạch (xem lời ứng nghiệm nhà số 7).

8) Bếp Đoài: Đối với Cửa Kiền thì Bếp Đoài là Bếp Sinh khí, đối với Chủ Khôn thì Bếp Đoài hỗ biến được Thiên y hữu khí. Vậy ba cung Kiền Khôn Đoài hỗ biến với

Dương trạch tam yếu

nhau được Sinh khí, Diên niên và Thiên y là tam tinh hỷ hội, là cái Nhà ba tốt. Nhà vậy Bếp vậy, hỷ khí đầy nhà như vườn hoa trăm đóa nở, tiền tài lợi lộc như nước bể tràn sông, công danh thắng đạt như chim Hồng thuận gió, điền sản tăng tích, nhân khẩu yên lành và hay làm điều phúc thiện. Phái nữ phát đạt hơn phái nam.

Nhà số 8 : Cửa KIỀN với Chủ ĐOÀI
(Sinh khí trạch)

(Cửa cái tại Kiền, Chủ phòng hay Sơn chủ tại Đoài)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Thiên trạch: tài vượng, đa dâm loạn. Ý nghĩa: Thiên tức Kiền (Kiền vị thiên). Trạch tức Đoài (Đoài vị trạch). Kiền Đoài phối nhau thì tiền của thịnh vượng nhưng hay dâm loạn.

- Từ Cửa Kiền biến 2 lần tới Đoài thừa Sinh khí cho nên gọi Chủ Đoài là Sinh khí trạch. Sinh khí tuy tốt nhưng lâm Đoài Kim thất vị, tức làm cho bị giảm không ít. Kiền với Đoài là âm dương tỷ hòa tương phối rất tốt, nhưng Kiền là ông già. Đoài là thiếu nữ hiệp nhau chẳng khỏi sẽ có sự trở ngại vì bất tương xứng như người già cưới vợ trẻ. Ở nhà này lúc sơ niên cũng được phát đạt lắm, phú quý song toàn, số người cư trú cũng khá đông và khá trường thọ. Nhưng về sau lâu, do trên đã luận mà suy ra: Kiền đã già nay sẽ quá già, Đoài quá trẻ nay vẫn còn trẻ, sự tương ứng không thể còn mãi như trước mà lại sanh ra điều dâm loạn, lầm lạc. Cũng dường thế người chồng đã quá già bạc nhược mà người vợ còn đang xuân trẻ sẽ sanh tâm lầm lỗi. Vả lại, với ý đầu tiên, già cưới trẻ, trẻ ứng già đâu khỏi đa dâm loạn. Rồi ra gia cảnh sẽ cô đơn, mẹ góa chồng vắng gia đình, đàn ông cưới nhiều lần vợ. - Kết luận: nhà này tốt vừa vừa.

Cửa Kiền với Chủ Đoài phối 8 Bếp :

(Tám cái Bếp sau đây, Bếp nào cũng thuộc về kiểu nhà số 8 nói trên. Nhà vốn tốt trung bình, có thể gặp Bếp tốt hóa nên rất tốt, bằng gặp Bếp xấu thì nhà chỉ còn được chút ít may mắn, hoặc có thể sanh ra tai hại nhiều hơn lợi ích).

1) Bếp Kiền: Cửa tại Kiền mà Bếp cũng tại Kiền là Bếp Phục vị. Bếp Phục vị nương theo cái tốt của Sinh khí trạch, nhưng cả hai đều thuộc Mộc không hợp với Tây tứ trạch Kim là ngôi nhà này. Vì vậy, tuy là Sinh khí trạch mà khó phát đạt nhiều. Hai Kiền dương cương ngạnh thẳng hiếp một Đoài âm non nớt khiến cho phụ nữ yếu vong, góa bụa, dâm dăng.

2) Bếp Khảm: Cửa tại Kiền thì Bếp Khảm là Bếp Lục sát. Bếp Khảm hổ biến với Chủ Đoài sanh ra Họa hại. Một Bếp vừa Lục sát vừa Họa hại khiến cho tán tài, hiểm hoi con cái, khắc thù thiếp, lại còn sanh ra các vụ dâm dật, phóng dăng. (Chú ý: Bếp Khảm Thủy đối với Cửa Kiền và Chủ Đoài đều được tương sanh, nhưng hễ tương sanh mà gọi là tiết khí, tức là làm cho tiêu mòn khí lực: nước chảy đá mòn).

3) Bếp Cấn: Cửa tại Kiền thì Bếp Cấn là Bếp Thiên y đáng diện đem lợi vào nhà mà xua đuổi tai họa cho nhân khẩu. Lại Bếp cấn với Chủ Đoài tương sanh hổ biến được Diên niên hữu khí, thật là một cái Bếp tấn lợi và hưng phú bậc nhất vậy. Nhờ Bếp này mà tạo nên cái Nhà ba tốt: có đủ Sinh khí, Diên niên và Thiên y.

4) Bếp Chấn: Cửa tại Kiền thì Bếp Chấn là Bếp Ngũ quỷ. Lại Bếp Chấn hổ biến với Chủ Đoài sanh ra Tuyệt mệnh. Ngũ quỷ và Tuyệt mệnh là hai du niên đại hung, gây ra lắm sự tiêu tàn, đoạn, dứt, tai hoạn. Tính về sự hơn thua, nhà Sinh khí mà gặp Bếp này là thua lỗ rõ rệt.

Dương trạch tam yếu

5) Bếp Tốn: Cửa tại Kiền thì Bếp Tốn là Bếp Hỏa hại. Lại Bếp Tốn hổ biến với Chủ Đoài sanh ra Lục sát. Nhà Sinh khí không đương nổi với một cái Bếp sanh ra hai du niên Hỏa hại và Lục sát, gây ra tai họa gần bằng Bếp Chấn. Bếp Tốn bị Kiền Đoài khắc, khiến cho âm nhân tai nạn, phụ nữ do sanh đẻ mà chết, thường bị bệnh đau nhức thấu gân cốt.

6) Bếp Ly: Bếp Ly Hỏa khắc cả Cửa Kiền và Chủ Đoài, nội sự đó cũng đủ thấy Bếp Ly rất bất lợi rồi. Hướng chi Bếp đối với Cửa Kiền là Tuyệt mệnh, đối với Chủ Đoài là Ngũ quỷ. Bếp như vậy tai hại cũng như Bếp Chấn Tốn, làm tiêu pha cái hay của Sinh khí trạch mà khiến cho hao tiền mất vật, nam nữ chẳng sống lâu, lần đến cảnh suy tàn, thảm hại.

7) Bếp Khôn: Bếp Khôn Thổ sanh Kiền Đoài Kim, là cái Bếp đem nhiều sự lợi tốt cho Cửa và Chủ. Bếp Khôn đối với Cửa Kiền là Diên niên đắc vị, đối với Chủ Đoài là Thiên y hữu khí, cộng với Chủ thừa Sinh khí làm nên cái Nhà ba tốt, phú quý nói chẳng hết lời.

8) Bếp Đoài: Cửa tại Kiền thì Bếp Đoài là bếp Sinh khí. Nhà Sinh khí Bếp cũng Sinh khí, ấy là lưỡng long nhập trạch, hai rồng vào nhà (Sinh khí Mộc tượng Thanh long) sanh kế dồi dào, điềm lành tấn tiếp, sự may mắn thường đến có đôi hoặc dồn dập. Tuy vậy chưa phải Tuyệt mệnh lắm, vì Sinh khí Mộc không hiệp với Tây tứ trạch.

Nhà số 9 : Cửa KHÔN với Chủ KHÔN

(Phục vị trạch)

(Cửa cái tại Khôn, Chủ Phòng hay Sơn chủ cũng tại Khôn)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Trùng Địa cô quả chưởng gia viên. Ý nghĩa: Trùng địa là hai Đất chỉ vào Cửa Khôn gặp Chủ Khôn (Khôn vi Địa). Nhà như vậy tất ứng điềm mồ côi, người góa bụa coi sóc lấy nhà vườn.

- Cửa tại Khôn mà Chủ cũng tại Khôn, ấy là Phục vị trạch. Hai Khôn gặp nhau có câu: nhị Thổ đồng điền, tất nhà giàu có ruộng vườn sanh nhiều lợi tức. Sơ niên phát đạt vô ngần, nhưng vì thuần âm thì âm thịnh dương phải suy, về sau lâu nam nhơn bị tổn hại, và vì quạnh hieu có cái phải nuôi con nuôi, phụ nữ cầm quyền, nắm giữ gia sản. (Nhà này thiếu dương, vậy đặt Bếp tại Kiền Cấn thì hoàn hảo, sẽ hưng tiến lâu dài mà khỏi cảnh tuyệt tự).

Cửa Khôn với Chủ Khôn phối 8 Bếp :

(Tám cái bếp sau đây đều thuộc về kiểu nhà số 9 nói trên).

1) Bếp Kiền: Cửa Khôn mà Chủ cũng Khôn, nhà âm khí dày đặc, nay có Bếp Kiền là dương Kim phối hiệp lại tương sanh ất làm cho điều hòa âm dương. Nhà vốn tốt vừa vừa nay trở nên rất tốt. Và lại Bếp Kiền đối với Cửa Khôn là Bếp Diên niên đăng diện, hổ biến với Chủ Khôn cũng được Diên niên hữu khí, khiến cho nhà đã giàu ruộng đất lại cũng giàu tiền tài.

2) Bếp Khảm: Khảm Thủy đối với Khôn Khôn (Cửa và Chủ) tương khắc biến thành hai Tuyệt mệnh, khiến cho hư hại thân tâm, tim bụng đau đớn, sanh chứng hư lao, sanh bệnh lồi xương thịt hoặc bệnh tích tụ khí huyết kết thành hòn cục trong kinh tạng.

3) Bếp Cấn: Bếp Cấn dương Thổ đối với Cửa Khôn và là Chủ Khôn đều đặn tỷ hòa có đủ âm dương tạo nên vượng khí rất thịnh, giải được cái họa cô quả của nhà thuần âm lại tạo biến nên hai Sinh khí. Thật là một cái Bếp tốt vậy.

Dương trạch tam yếu

4) Bếp Chấn: Cửa Khôn thì Bếp Chấn tương khắc và Bếp Hỏa hại, Bếp Chấn đối với Chủ Khôn cũng vậy cũng tương khắc và hồ biến sanh ra Hỏa hại. Bếp Chấn đối với Chủ Khôn cũng vậy cũng tương khắc và hồ biến sanh ra Hỏa hại. Một cái Bếp mà làm ra hai Hỏa hại khiến cho khuyết điểm tiền tài và rất thường bị nhiều đường thiệt hại do tự mình tạo ra.

5) Bếp Tốn: Bếp Tốn cũng như Bếp Chấn khắc cả Cửa Khôn và Chủ Khôn, phối biến thành 2 Ngũ quỷ. Bếp Ngũ quỷ làm loạn mệnh lăm, gây ra lăm tai hoạn thứ nhất là bệnh hoạn. Đã tương khắc lại thuần âm cho nên nhân khẩu suy tổn, nam nữ chẳng trường thọ. Nhà Phục vị ở chung Bếp Ngũ quỷ tất bị Ngũ quỷ lôi cuốn theo, không hưng tiến được.

6) Bếp Ly: Cửa tại Khôn thì Bếp Ly là Bếp Lục sát. Bếp Ly hồ biến với Chủ Khôn cũng là Lục sát. Sát khí nhiều quá lại thuần âm rất bất lợi, sanh ra dâm dật, phóng túng, lỗi lằm.

7) Bếp Khôn: Ba cung Khôn gặp nhau (Cửa, Chủ, Bếp), âm Thổ tỷ hòa, đa Thổ sanh Kim cho nên phát tiền tài, hưng thổ sản. Nhưng thuần Âm thì hiểm hoi con cái, lạnh lùng hương lửa, gọi là nhà mẹ góa nuôi con. Âm Thổ nặng mà trì trệ khó có sự hưng phát mới.

8) Bếp Đoài: Đoài Kim hiệp với hai Khôn Thổ tương sanh và phối biến thành hai Thiên y hữu khí. Đó là phúc thần an trụ tại Nhà tại Bếp, giàu có lại rạng rỡ công danh. Người người trong nhà có tâm phúc thiện, hay độ người giúp vật. Bếp này tạo nên một nhà hiền lương nhân hòa bậc nhất. Nhưng rồi cũng không thoát khỏi cái hệ tam âm đông cư (Khôn Khôn Đoài đều thuộc Âm cả), ở lâu năm sẽ đến cái tình trạng cô quả, tuyệt tự, lại sanh ra, cái cảnh mẹ rể nuông chiều chàng rể và cái cảnh nuôi con họ khác làm kế thừa tự.

Nhà số 10 : Cửa KHÔN với Chủ ĐOÀI

(Thiên y trạch)

(Cửa cái tại Khôn, Chủ phòng hay Sơn chủ tại Đoài)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Địa trạch tán tài, tuyệt hậu tự. Ý nghĩa: Địa chỉ vào Khôn, trạch chỉ vào Đoài (Khôn vi Địa, Đoài vi trạch). Đây là kiểu nhà giàu có lớn nhưng không con nối dòng.

Từ Cửa Khôn biến 6 lần tới Đoài được Thiên y cho nên gọi là Thiên y trạch. Khôn với Đoài đều thuộc Âm và tương sanh lại có phúc thần (Thiên y) cho nên nhà này phụ nữ ưa làm việc thiện, tâm tánh hiền hòa. Cửa Khôn sanh Chủ Đoài là bên ngoài sanh vào trong cho nên nhà phát tài phát phước mau lăm, nhưng về sau lâu bởi âm khí thuần thịnh mà dương phải suy nhược, nam nhân chết sớm, trẻ nhỏ khó nuôi, mẹ góa cầm quyền gia đình, Cửa nhà chẳng thanh khiết, nuông chiều con gái, sủng ái chàng rể, bảo dưỡng con người khác làm thừa kế thừa tự.

Cửa Khôn với Chủ Đoài phối 8 Bếp :

(Tám cái Bếp sau đây đều thuộc về nhà số 10 nói trên)

1) Bếp Kiền: Cửa tại Khôn thì Bếp Kiền là Bếp Diên niên đăng diện rất tốt. Bếp Kiền đối với Cửa Khôn tương sanh, đối với Chủ Đoài tỷ hòa ấy là một cái Bếp thịnh vượng vô song. Cũng nhờ Bếp Kiền dương Kim mới giải được cái bất lợi thuần Âm Cửa Khôn và Chủ Đoài. Lại Bếp Kiền hồ biến với Chủ Đoài được Sinh khí, khiến cho nhà

Dương trạch tam yếu

này được mệnh danh là Nhà ba tốt, vì có đủ Sinh khí, Diên niên và Thiên y, ở lâu càng phát đạt lớn, người vượng mà tiền tài cũng vượng, công danh hiển đạt, trường thọ.

2) Bếp Khảm: Cửa tại Khôn thì Bếp Khảm tương khắc và là Bếp Tuyệt mệnh. Lại Bếp Khảm hổ biến với Chủ Đoài sanh ra Họa hại. Như vậy là một cái Bếp nguy hại, khiến cho nhà Thiên y chẳng còn tốt được bao nhiêu.

3) Bếp Cấn: Cửa tại Khôn thì Bếp Cấn tỷ hòa lại có đủ âm dương và là Bếp Sinh khí. Bếp Cấn hổ biến với Chủ Đoài được Diên niên hữu khí và cũng tương sanh mà có đủ âm dương. Vậy ba cung Khôn Đoài Cấn phối kết với nhau đều được tương sanh và tỷ hòa lại hổ biến thành Nhà ba tốt: có đủ Sinh khí, Diên niên và Thiên y. Bếp như vậy, nhà như vậy ứng hiện biết bao điềm lành, làm ăn phần chấn, danh vị cao thăng, mưu tính gặp thời, khởi làm hợp cảnh.

4) Bếp Chấn: Bếp Chấn đối với Cửa Khôn tương khắc, đối với Chủ Đoài cũng tương khắc, nó làm đảo loạn trong nhà, gây nhiều trở ngại. Đối với Cửa Khôn nó là Bếp Họa hại, đối với Chủ Đoài nó sanh ra Tuyệt mệnh, gây ra những sự bại tuyệt không vữa.

5) Bếp Tốn: Bếp Tốn đối với Cửa Khôn tương khắc mà đối với Chủ Đoài cũng tương khắc, Mộc khắc Thổ, Kim khắc Mộc. Ba cung chính yếu Khôn Đoài Tốn thuần Âm khắc đi khắc lại như vậy, Bếp này còn xấu hơn Bếp Chấn một phần. Bếp Tốn với Cửa Khôn là Bếp Ngũ quỷ rất nguy hại, và hổ biến với Chủ Đoài sanh ra Lục sát cũng rất đáng ngại. Những việc quỷ quái, bất chính, tà tâm, phóng đảng thường xảy ra do cái Bếp Tốn này.

6) Bếp Ly: Bếp Ly phối với Cửa Khôn và Chủ Đoài ba cung thuần Âm đã là một việc bất lợi không sanh hóa được. Bếp Ly đối với Cửa Khôn tương sanh mà biến ra Lục sát thì dễ làm điều tà vạy trong bóng tối. Bếp Ly lại khắc Chủ Đoài hổ biến ra Ngũ quỷ hay sanh ra tai nạn máu lửa. Nói chung nó thường khiến đưa đến những điều không hay do kẻ lòng ma dạ quỷ, kể nó là cái Bếp đại hung.

7) Bếp Khôn: Cửa tại Khôn thì Bếp Khôn là Bếp Phục vị. Bếp Khôn đối với Chủ Đoài tương sanh hổ biến được Thiên y hữu khí. Như vậy kể chung nhà này có một Phục vị và hai Thiên y. Phục vị thất vị chẳng lợi chi, nhưng có tới hai phúc thần năng trừ họa hoạn và hai Thổ sanh một Kim thì Kim phải thịnh, chủ sự tấn phát tiền tài, châu ngọc. Nhưng cũng nên biết Khôn Khôn Đoài huân Âm, chẳng khỏi kém khuyết nhân đinh và lục súc hay bị chết mất.

8) Bếp Đoài: Cửa Khôn thì Bếp Đoài tương sanh và là Bếp Thiên y đắc vị, tài lộc dồi dào, công danh tấn tới. Nhưng ba cung chính yếu là Khôn Đoài Đoài thuần Âm (không có Dương) khiến cho quạnh hiu con cái, số người ở càng ngày càng thưa thớt. Bếp Đoài này tương tự với Bếp Khôn trên về sự tốt xấu.

Nhà số 11 : Cửa KHÔN với Chủ KIỀN

(Diên niên trạch)

(Cửa cái tại Khôn, Chủ phòng hay Sơn chủ tại Đoài)

Lời tượng ứng về ngôi nhà: Địa khởi Thiên môn phú quý cương. Ý nghĩa: Địa tức Đất chỉ vào Khôn (Khôn vi Địa), Thiên môn là Cửa Trời chỉ vào Kiền (Kiền vi Thiên). Phú quý là giàu có danh vọng. Cương là thịnh vượng và tươi đẹp.

- Từ Cửa Khôn biến 3 lần tới Chủ Kiền được Diên niên cho nên gọi là Diên niên trạch. Diên niên Kim lâm Kiền Kim tỷ hòa đăng diện, nhà này nam nữ đều trường thọ,

Dương trạch tam yếu

chồng vợ thuận hảo, nhi nữ đầy nhà, con cháu hiếu hạnh và hiền lương. Giàu có là bậc nhất, sang trọng là bậc nhì, vẻ vang thịnh tốt là bậc ba (phú, quý, cường). Thật là một ngôi nhà tận thiện, tận mỹ. Ngoài ra còn được Cửa Khôn sanh Chủ Kiền là ngoài sanh vào trong: phát giàu sang mau lẹ, thường được hoạnh tài, mưu tính sự việc chi cũng dễ dàng thành tựu.

Cửa Khôn với Chủ Kiền phối 8 Bếp :

(Tám cái bếp sau đây, Bếp nào cũng thuộc về nhà số 11 trên. Đại khái 4 Bếp Kiền Khôn Cấn Đoài đều tốt, thêm tốt cho nhà, còn 4 Bếp Khảm Ly Chấn Tốn đều không hay, làm bớt tốt cho nhà).

1) Bếp Kiền: Bếp Kiền đối với Cửa Khôn tương sanh, đối với Chủ Kiền tỷ hòa đều là cách hay. Cửa tại Khôn thì Bếp Kiền là Bếp Diên niên. Nhà Diên niên lại được Bếp cũng Diên niên đồng đẳng diện sự phú quý, vinh hoa ắt phải gia tăng.

2) Bếp Khảm: Cửa tại Khôn mà bếp tại Khảm là tương khắc và là Bếp Tuyệt mệnh. Bếp Khảm hồ biến với Chủ Kiền sanh ra Lục sát. Tuyệt mệnh và Lục sát do Bếp tạo ra làm suy giảm Diên niên trạch.

3) Bếp Cấn: Cửa tại Khôn thì Bếp Cấn tỷ hòa. Đối với Chủ Kiền thì Bếp Cấn được Thiên y. Nói chung nhà Diên niên có thêm Sinh khí và Thiên y là Nhà ba tốt, hạnh phúc mọi điều, thế lực to rộng lắm.

4) Bếp Chấn: Cửa tại Khôn thì bếp Chấn tương khắc và là Bếp Họa hại. Bếp Chấn hồ biến với Chủ Kiền cũng tương khắc và sanh ra Ngũ quỷ, đó là một cái Bếp đại hung, Diên niên trạch không đủ sức giải tỏa những sự việc tai hại của nó.

5) Bếp Tốn: Bếp Tốn khắc Cửa Khôn và là bếp Ngũ quỷ rất hung tợn. Bếp Tốn đối với Chủ Kiền cũng tương khắc và hồ biến sanh ra Họa hại. Bếp Tốn này còn xấu hơn Bếp Chấn trên một phần. Vì Bếp Chấn là Bếp Họa hại, còn Bếp Tốn là Bếp Ngũ quỷ. Ngũ quỷ hung dữ hơn Họa hại.

6) Bếp Ly: Cửa tại Khôn thì Bếp Ly là Bếp Lục sát. Lại Bếp Ly hồ biến với Chủ Kiền sanh ra Tuyệt mệnh. Lục sát và Tuyệt mệnh phá mất 90% sự tốt của Diên niên trạch.

7) Bếp Khôn: Bếp Khôn với Cửa Khôn tỷ hòa và cũng đối với Chủ Kiền đều tương sanh và biến sanh hai Diên niên hữu khí. Cả thấy đều hiệp với tây tứ trạch là ngôi nhà này, càng ở lâu Bếp đem thêm thịnh vượng, tài, danh, lợi, lộc... đều tấn phát.

8) Bếp Đoài: Cửa tại Khôn thì Bếp Đoài tương sanh và là Bếp Thiên y đắc vị, phúc thần đương thời. Lại Bếp Đoài với Chủ Kiền tỷ hòa và hồ biến được Sinh khí. Như vậy Diên niên nhờ Bếp này mà có thêm Sinh khí, Thiên y cho nên được gọi là Nhà ba tốt, ở càng lâu càng phát đạt.

(Đoạn này luận riêng cho 4 Bếp không tốt là Khảm Ly Chấn Tốn: Sự hung hại của Bếp Ly và Bếp Khảm tương đương nhau. Nhưng hai Bếp Chấn Tốn nguy hại nặng hơn và cả hai đều có Ngũ quỷ đối với Cửa Chủ đều tương khắc. Còn hai Bếp Khảm Ly nguy hại nhẹ hơn vì cả hai không biến sanh Ngũ quỷ và Bếp nào cũng có một chỗ tương sanh).

Nhà số 12 : Cửa KHÔN với Chủ KHẢM

(Tuyệt mệnh trạch)

(Cửa cái tại Khôn, Chủ phòng hay Sơn chủ tại Khảm).

Dương trạch tam yếu

Lời tượng ứng về ngôi nhà: Khôn Khảm trung nam mạng bất tồn. Ý nghĩa: Phàm nhà Cửa cái tại Khôn, còn Chủ phòng hay Sơn chủ tại Khảm thì hạng trung nam mạng chẳng còn (chẳng trường thọ). Luận về con cái thì trung nam là hạng con trai thứ sinh sau con trai cả, nhưng không phải là con trai nhỏ hoặc con trai út. Luận về tổng quát số tuổi thì trung nam là hạng nam nhơn lớn cỡ trung niên, từ 21 tới 30 tuổi. Khảm là dương Thủy bị Khôn âm Thổ khắc và Khảm thuộc trung nam nên lời tượng nói hạng trung nam chẳng sống lâu.

- Từ Cửa Khôn biến 7 lần tới Cửa Khảm thừa Tuyệt mệnh cho nên gọi Chủ Khảm là Tuyệt mệnh trạch. Vì Khảm Thủy bị khắc cho nên sanh ra các bệnh chứng như sau: tim bụng đau, bệnh huỳnh đản (nước da vàng bạch), bệnh phù thũng (sưng phù), bệnh tích khối (kết hờn cục, sạn nơi ngũ tạng, thịt dư, khí huyết ứ đọng...). Hạng trung nam đoản thọ, các vụ ở góa, nuôi nghĩa tử, điền sản thoái bại, đạo tặc hoành hành (làm ngang) đối trá, quan tụng, khẩu thiệt trong gia đạo có phòng riêng cảnh khác...

Cửa Khôn với Chủ Khảm phối 8 Bếp :

(Tám cái Bếp sau đây đều thuộc về nhà số 12 nói trên. Phàm là hung trạch (nhà xấu) thì không có cái bếp nào hoàn hảo cả, vì đối với Cửa và Chủ, hễ tốt với Cửa thì xấu với Chủ, bằng xấu với Cửa thì tốt với Chủ. Nhưng đối với Cửa là chỗ chính biến để đặt tên Bếp, còn đối với Chủ là chỗ hổ biến. Chỗ chính biến tất quan trọng hơn chỗ hổ biến. Lại luận rằng: Đối với hung trạch, Bếp nào cũng biến sanh một kiết du niên và một hung du niên. Nếu kiết du niên hữu khí (đăng diện, đắc vị) mới áp đảo được hung du niên mà khiến cho Bếp lợi nhiều hơn hại, bằng kiết du niên thất vị không áp đảo nổi hung du niên là Bếp hại nhiều hơn lợi. Như vậy hai chỗ luận tốt xấu cho Bếp trong đoạn này có khi tương phản nhau, như trường hợp kiết du niên chính biến nhưng thất vị hoặc trường hợp kiết du niên hổ biến nhưng hữu khí. Gặp đôi trường hợp đó chỉ còn cách kết luận tốt xấu bằng nhau. Lại còn phải biết: Bếp Ngũ quỷ và Bếp Lục sát tai hại nặng hơn Bếp Họa hại và bếp Tuyệt mệnh).

1) Bếp Kiền: Cửa tại Khôn thì Bếp Kiền Kim tương sanh và là Bếp Diên niên đăng diện, rất tốt. Nhưng Bếp Kiền với Chủ Khảm tuy tương sanh nhưng hổ biến ra Lục sát, dữ nhiều hơn lành. Kết luận: bếp Kiền lợi nhiều hơn hại.

2) Bếp Khảm: Cửa tại Khôn thì Bếp Khảm Thủy tương khắc và là Bếp Tuyệt mệnh, rất xấu. Nhưng Bếp Khảm với Chủ Khảm tỷ hòa và hổ biến ra Phục vị hữu khí. Kết luận: Bếp Khảm hại nhiều hơn lợi, vì Phục vị tốt qua loa và là chỗ hổ biến không đương nổi với Tuyệt mệnh hung hại nặng lại là chỗ chính biến.

3) Bếp Cấn: Cửa tại Khôn thì Bếp Cấn Thổ tỷ hòa và là Bếp Sinh khí tốt nhưng thất vị. Bếp Cấn với Chủ Khảm tương khắc và hổ biến sanh ra Ngũ quỷ rất hung. Kết luận: Bếp Sinh khí thất vị tốt vừa vừa còn phạm Ngũ quỷ rất hung, hại nhiều hơn lợi.

4) Bếp Chấn: Cửa tại Khôn thì Bếp Chấn tương khắc và là Bếp Họa hại. Nh7ng Bếp Chấn đối với Chủ Khảm tương sanh và hổ biến được Thiên y Thổ vô khí (Thổ đối với Chấn Khảm đều tương khắc). Kết luận: Bếp này tốt xấu tương đương, không thêm bớt chi cho Tuyệt mệnh trạch.

5) Bếp Tốn: Bếp Tốn khắc Cửa Khôn và phạm Ngũ quỷ là đại hung. Nhưng Bếp Tốn với Chủ Khảm tương sanh và hổ biến được Sinh khí hữu khí rất tốt. Một bên đại hung một bên đại kiết tương đương nhau.

Dương trạch tam yếu

6) Bếp Ly: Cửa tại Khôn thì Bếp Ly Hỏa tương sanh nhưng là Bếp Lục sát. Bếp Ly với Chủ Khảm tuy tương khắc nhưng chánh phối thành Diên niên. Bếp Ly này lợi nhiều hơn hại.

7) Bếp Khôn: Cửa Khôn mà bếp cũng Khôn là tỷ hòa Phục vị thất vị. Bếp Khôn đối với Chủ Khảm tương khắc và hồ biến ra Tuyệt mệnh rất tai hại. Vậy Bếp này hại nhiều hơn lợi.

8) Bếp Đoài: Cửa tại Khôn thì Bếp Đoài Kim tương sanh và là Bếp Thiên y đắc vị rất tốt. Nhưng Bếp Đoài với Chủ Khảm tương sanh hồ biến ra Hỏa hại. Vậy Bếp Đoài phần tốt thì tốt mạnh, phần xấu thì xấu nhẹ, có thể án bớt cái tuyệt khí của Tuyệt mệnh trạch.

Nhà số 13 : Cửa KHÔN với Chủ CẤN

(Sinh khí trạch)

(Cửa cái tại Khôn, Chủ phòng hay Sơn chủ tại Cấn)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Địa sơn Thổ trùng, điền sản tức. Ý nghĩa: Địa chỉ vào Khôn, Sơn chỉ vào cấn (Khôn vi Địa, Cấn vi Sơn). Thổ trùng là hai Thổ. Điền sản tức là ruộng vườn và sản vật đầy đủ.

- Từ Cửa Khôn biến 1 lần tới Chủ Cấn được Sinh khí cho nên gọi là Sinh khí trạch. Khôn với Cấn là hai Thổ tỷ hòa có đủ âm dương, ở nhà này ruộng đất có dư sanh nhiều lợi tức, lục súc hưng vượng, nam nữ đều sống lâu, nhi nữ đầy nhà, con hiếu cháu hiền. Nhưng ngại rằng Sinh khí Mộc khắc Khôn Cấn Thổ, lại Khôn Cấn là tây tứ trạch Kim khắc Sinh khí Mộc. Vì sự đảo khắc qua lại như thế cho nên về sau lâu sẽ suy dần, chẳng khỏi tai họa dấy lên. Kiểu nhà này tốt bậc nhất.

Cửa Khôn với Chủ Cấn phối 8 Bếp :

(Tám cái Bếp sau đây đều thuộc về kiểu nhà số 13 trên. Đại khái 4 Bếp Kiền Khôn Cấn Đoài (Tây trù) hiệp với Tây tứ trạch kể là các Bếp tốt. Còn 4 Bếp Khảm Ly Chấn Tốn (Đông trù) không hiệp với Tây tứ trạch kể là các Bếp bất lợi).

1) Bếp Kiền: Cửa tại Khôn Thổ thì Bếp Kiền Kim tương sanh và là Bếp Diên niên đăng diện lại hiệp với Tây tứ trạch khiến cho nhà rất thịnh vượng. Bếp Kiền đối với Chủ Cấn cũng tương sanh và hồ biến được Thiên y hữu khí và sanh Tây tứ trạch Kim tức làm cho nhà thêm tốt. Như vậy một Bếp Kiền mà làm cho kiện vượng cả hai nơi (Cửa và Chủ) là một cái Bếp đại cát. Lại nhờ nó mà Sinh khí trạch có thêm Diên niên và Thiên y hợp thành Nhà ba tốt. Lại luận rằng: Bếp Diên niên ở trong cái nhà hai Thổ sanh một Kim (Khôn Cấn Kiền) là nhà giàu kim ngân, người sống lâu như Bành tổ.

2) Bếp Khảm: Bếp Khảm đối với Cửa Khôn tương khắc biến ra Tuyệt mệnh, đối với Chủ Cấn cũng tương khắc biến ra Ngũ quỷ. Một cái Bếp mà sanh ra hai hung thần, ác quỷ, thật là đại hung.

3) Bếp Cấn: Bếp Cấn cũng như Chủ Cấn, đối với Chủ Khôn tỷ hòa mà có đủ âm dương và biến sanh Sinh khí. Vậy nhà Sinh khí lại Bếp cũng Sinh khí, Cửa, Chủ và Bếp là ba cung Thổ tỷ hòa làm vượng khí lẫn nhau (tỷ hòa vi vượng khí). Kết luận: Đây là một cái Bếp tốt, làm thịnh vượng cho nhà.

4) Bếp Chấn: Bếp Chấn Mộc đối với Cửa Khôn Thổ tương khắc và là Bếp Hỏa hại, đối với Chủ Cấn cũng tương khắc và hồ biến ra Lục sát. Một cái Bếp khắc hại cả Cửa và Chủ, biến sanh ra hai hung du niên chẳng nên dùng nó. Dùng nó sẽ bị bệnh

Dương trạch tam yếu

huỳnh đản và phù thũng, làm thương hại tỳ vị và tim, trong nhà nam nữ đều chẳng trường thọ mà quạnh hiu con cái.

5) Bếp Tốn: Bếp Tốn Mộc khắc Cửa Khôn và phạm Ngũ quỷ, lại cũng khắc Chủ Cấn và biến sanh Tuyệt mệnh. Như vậy Bếp Tốn này còn hư hại hơn Bếp Chấn, vì Ngũ quỷ và Tuyệt mệnh gây tai họa mạnh hơn Hỏa hại và Lục sát. Nó gây họa hoạn cho bậc bà, bậc mẹ, sanh ra nhiều bệnh nguy như huỳnh đản và phù thũng, bệnh lao hoặc vì sanh sản mà chết, hay bị trộm đạo khiến hao tán tiền tài. Khôn Tốn Cấn là 2 Âm 1 Dương, trong đó có Âm Tốn khắc Dương Cấn, đó là Âm hiếp Dương, điềm phụ nữ nắm quyền nhà cửa.

6) Bếp Ly: Bếp Ly là Đông trù không hiệp với tây trạch, đối với Cửa Khôn tương sanh nhưng biến thành Lục sát, đối với Chủ cấn cũng tương sanh nhưng biến thành Hỏa hại. Vậy Bếp Ly cũng như Bếp Chấn sanh ra Lục sát và Hỏa hại, nhưng tai họa êm nhẹ hơn vì đối với Cửa và Chủ tương sanh chỗ không tương khắc như Bếp Chấn. Bếp Ly thuộc Hỏa đốt Khôn Cấn Thổ cho nên trong nhà phụ nữ điều ngoa, gian ác, kinh mạch chẳng điều hòa, tiểu nhi khó nuôi dưỡng.

7) Bếp Khôn: Bếp Khôn là Tây trù hiệp với tây tứ trạch, đối với Cửa Khôn và Chủ Cấn đồng dạng tỷ hòa. Đây là một cái bếp đại cát vậy.

8) Bếp Đoài: Cửa tại Khôn thì Bếp Đoài tương sanh và là Bếp Thiên y đắc vị. Bếp Đoài với Chủ Cấn cũng tương sanh và hỗ biến được Diên niên hữu khí. Thật là một cái bếp đại lợi, hiệp với Sinh khí trạch thành Nhà ba tốt, cũng gọi là Tam tinh hỷ hội chi trạch, là nhà có ba ngôi sao tốt tụ hội vui mừng.

Nhà số 14 : Cửa KHÔN với Chủ CHẤN

(Hỏa hại trạch)

(Cửa cái tại Khôn, Chủ phòng hay Sơn chủ tại Chấn)

Lời tượng ứng về ngôi nhà: Nhân lâm long vị, mẫu sản vong. Ý nghĩa: Nhân là người ám chỉ vào Khôn (vì Khôn là mẹ mà con người ai cũng từ bụng mẹ sinh ra). Long vị là ngôi rồng ám chỉ vào Chấn (bởi Long vị tức Thanh long dương Mộc mà Chấn cũng thuộc dương Mộc). Nhân lâm long vị, người tới ngôi rồng, là nói Cửa Khôn với Chủ Chấn vậy. Mẫu sản vong là mẹ chết vì sanh sản vậy.

- Từ Cửa Khôn biến 5 lần tới Chấn sanh Hỏa hại cho nên gọi Chủ Chấn là Hỏa hại trạch. Ở nhà này có người mẹ vì sanh con mà chết. Bởi Chấn Mộc là con trai khắc Khôn Thổ là người mẹ (Nói theo lời tượng ứng trên). Lại luận: Chấn Khôn tương khắc là mẹ con bất hòa, trước tổn hao tiền của, sau bại hại nhân đinh. Phàm ở nhà này mà giàu có thì số người thừa thớt, bằng nhà có đông người thì phải nghèo nàn. Đó là tiền tài với nhân khẩu khôngặng lưỡng toàn vậy. Cung thọ khắc là Khôn thuộc Thổ nên ứng sanh các bệnh về tỳ vị (tỳ vị thuộc Thổ), bệnh huỳnh đản và phù thũng.

Cửa Khôn với Chủ Chấn phối 8 Bếp :

(Tám cái Bếp sau đây đều thuộc về nhà số 14 là Hỏa hại trạch nói trên là hung trạch thì Bếp nào cũng biến sanh một hung du niên và một kiết du niên, sự lợi hại hơn kém chẳng được bao nhiêu. Và vì vậy sự lợi hại cho nhà cũng vậy).

1) Bếp Kiền: Cửa tại Khôn thì Bếp Kiền tương sanh và là Bếp Diên niên đăng diện rất tốt. Nhưng Bếp Kiền đối với Chủ Chấn tương khắc và hỗ biến ra Ngũ quỷ rất hung. Vậy Bếp này nửa tốt nửa xấu.

Dương trạch tam yếu

2) Bếp Khảm: Cửa tại Khôn thì Bếp Khảm tương khắc và là Bếp Tuyệt mệnh, hạng trung nam không khỏi đoản thọ, sanh các chứng bệnh tích khối (kết hờn nổi cục). Cũng có chỗ tốt là Bếp Khảm đối với Chủ Chấn tương sanh và hỗ biến được Thiên y, nhưng Thiên y vô khí không san bằng nổi với Họa hại là chnánh hung du niên tại Chủ Chấn.

3) Bếp Cấn: Cửa tại Khôn thì Bếp Cấn tỷ hòa và Bếp Sinh khí Mộc lâm Thổ thất vị, tốt vừa vừa. Nhưng vì Bếp Cấn với Chủ Chấn tương khắc và hỗ biến sanh ra Lục sát ất sanh điều hung: nam nữ bất lợi, tiểu nhi khó dưỡng nuôi.

4) Bếp Chấn: Cửa tại Khôn thì Bếp Chấn tương khắc và là Bếp Họa hại. Bếp Họa hại ở trong nhà Họa hại là cái Bếp chẳng hay. Tuy Bếp Chấn với Chủ Chấn tỷ hòa nhưng tác Phục vị và là cái tốt chẳng bù cái xấu.

5) Bếp Tốn: Cửa tại Khôn thì Bếp Tốn khắc Cửa và phạm Ngũ quỷ là cái Bếp đại hung. Tuy Bếp Tốn đối với Chủ Chấn tỷ hòa và hỗ biến được Sinh khí hữu khí rất tốt, nhưng cũng không đủ chống cái hung của Ngũ quỷ.

6) Bếp Ly: Cửa Khôn thì Bếp Ly tương sanh nhưng Bếp Lục sát là chỗ hung vừa vừa. Bếp Ly đối với Chủ Chấn tương sanh và hỗ biến được Sinh khí Mộc hữu khí là chỗ tốt nhiều. Vả lại còn nhà có bếp Ly mà được Tam yếu độ sinh cách (Chủ Chấn sanh Bếp Ly rồi Bếp Ly sanh Cửa Khôn). Kết luận: Bếp Ly lợi nhiều hơn hại.

7) Bếp Khôn: Bếp Khôn đối với Cửa Khôn tỷ hòa tác Phục vị, đối với Chủ Chấn tương khắc biến ra Họa hại. So lại thì tỷ hòa san bằng với tương khắc, nhưng Phục vị tốt qua loa không đủ san bằng với Họa hại xấu nhiều. Vậy Bếp Khôn hại nhiều hơn lợi.

8) Bếp Đoài: Cửa tại Khôn thì Bếp Đoài tương sanh song bị thuận Âm và là Bếp Thiên y đắc vị khá tốt. Nhưng Bếp Đoài đối với Chủ Chấn xung khắc và biến sanh ra Tuyệt mệnh không khỏi cái hại nam nữ đoản thọ.

Nhà số 15 : Cửa KHÔN với Chủ CHẤN TỐN

(Ngũ quỷ trạch)

(Cửa cái tại Khôn, Chủ phòng hay Sơn chủ tại Chấn).

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Nhân mai mộ địa, lão mẫu tử. Ý nghĩa: Người chôn cửa Đất, mẹ già chết. Khôn với Tốn thuận âm tác Ngũ quỷ tượng cho người thành quỷ (chết) trong côi âm, thế nên nói là người bị chôn. Khôn âm Thổ thuộc lão mẫu bị Tốn Mộc khắc hại, nên nói là mẹ già chết. Nhân là người ám chỉ vào Khôn. Địa độ là Cửa đất ám chỉ vào Tốn (Kiền vi Thiên môn, Tốn vi địa hộ).

- Từ Cửa Khôn biến 2 lần tới Chủ Tốn sanh Ngũ quỷ cho nên gọi là Ngũ quỷ trạch, ngôi nhà đầy đầy yêu khí và những điều lỗi lầm. Khôn bị Tốn khắc cho nên sự tai hại qui về mẹ già vong mạng. Lại luận rằng Khôn với Tốn tương khắc và thuận âm lẫn áp dương: nam nhân đoản thọ mà phụ nữ cũng bất lợi. Khôn Thổ thọ khắc ứng về bệnh huỳnh thũng và tỳ vị. Lại vì quan tụng, khẩu thiệt, dâm đảng điên cuồng, bài bạc, hút sách, tửu sắc... mà phải vong gia, bại sản. Sợ niên tuy cũng sanh được hai con nhưng về sau lâu mất hậu tự, phải nuôi nghĩa tử nối dòng tổ tiên.

Cửa Khôn với Chủ Tốn phối 8 Bếp :

(Tám cái Bếp sau đây đều thuộc về nhà số 15 là Ngũ quỷ trạch. Phàm là hung trạch thì Bếp nào cũng biến sanh một hung du niên và một kiết du niên cho nên sự lợi hại hơn kém chẳng bao nhiêu).

Dương trạch tam yếu

1) Bếp Kiền: Cửa tại Khôn thì Bếp Kiền tương sanh mà có đủ âm dương và là bếp Diên niên đáng diện rất tốt vậy. Nhưng Bếp Kiền khắc Chủ Tốn Âm Mộc thì phụ nữ đoản thọ.

2) Bếp Khảm: Cửa Khôn thì Bếp Khảm tương khắc và là Bếp Tuyệt mệnh đại hung. Nhưng Bếp Khảm đối với Chủ Tốn tương sanh mà có đủ âm dương và hồ biến được Sinh khí Mộc hữu khí, đại cát. Một bên đại hung một bên đại cát bằng nhau, vậy là một cái Bếp nửa xấu nửa tốt.

3) Bếp Cấn: Cửa Khôn thì Bếp Cấn tỷ hòa và là Bếp Sinh khí Mộc thất vị, tốt ít. Nhưng Bếp Cấn đối với Chủ Tốn tương khắc và hồ biến ra Tuyệt mệnh rất hại, thường khiến có tới ba quả phụ, không con phụ nữ cầm quyền gia đình.

4) Bếp Chấn: Cửa tại Khôn thì Bếp Chấn là Bếp Họa hại và dương Chấn khắc âm Khôn khiến cho hàng phụ nữ bất lợi. Còn bếp Chấn đối với Chủ Tốn tỷ hòa và hồ biến được Diên niên, nhưng Diên niên thuộc Kim khắc cả Chấn Tốn (gọi là tinh khắc cung) sự tốt rất yếu.

5) Bếp Tốn: Cửa tại Khôn thì Bếp Tốn phạm Ngũ quỷ. Nhà Ngũ quỷ, Bếp cũng Ngũ quỷ, lai hai Mộc khắc một Thổ, đã hung lại hung, nam nữ đều yếu (Trong 8 cái Bếp, Bếp Tốn này hung hại nhiều hơn hết).

6) Bếp Ly: Bếp Ly Hỏa đối với Cửa Khôn và Chủ Tốn đều tương sanh, nhưng với Cửa Khôn và Bếp Lục sát với Chủ Tốn là Thiên y. Như vậy Bếp Ly nửa tốt nửa xấu.

7) Bếp Khôn: Bếp Khôn với Cửa Khôn tỷ hòa tác Phục vị là chỗ tốt qua loa, còn Bếp Khôn đối với Chủ Tốn tương khắc và hồ biến ra Ngũ quỷ là chỗ hung hại nhiều.

8) Bếp Đoài: Bếp Đoài đối với Cửa Khôn tương sanh và là Bếp Thiên y đắc vị là một phúc thần đương thời đủ sức giải cái hại của bếp Đoài đối với Chủ Tốn tương khắc và hồ biến ra Lục sát. Nhưng hiểm vì Đoài Khôn Tốn gặp nhau là tam âm (ba cung thuộc âm), trong nhà toàn là âm khí, nam nữ đều khổ yếu vong (chết sớm).

Nhà số 16 : Cửa KHÔN với Chủ LY

(Lục sát trạch)

(Cửa cái tại Khôn, Chủ phòng hay Sơn Chủ tại Ly)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Nhân môn kiếm Hỏa, đa quả mẫu. Ý nghĩa: Nhân môn là cửa người, ám chỉ vào Khôn (xem giải nghĩa nhà số 14). Kiến Hỏa là thấy Hỏa (lửa), chỉ vào Ly, vì Ly thuộc Hỏa. Đa quả phụ là nhiều mẹ góa.

- Từ Cửa Khôn biến 4 lần tới Chủ Ly sanh Lục sát cho nên gọi là Lục sát trạch. Lục sát trạch cũng gọi là Tiết khí trạch, như cái hồ rỉ nước lần lần cạn sạch. Tuy Ly Hỏa sanh Khôn Thổ nhưng không gọi là sanh mà là tiết khí (hao mòn khí lực) như người nuôi nấng kẻ khác lần lần hết của cải. Khôn với Ly thuần âm nên Âm thịnh mà Dương suy, phụ nữ nắm quyền hành nhà cửa, nam nhân yếu thọ, nhà sanh nội loạn bất kham (không chịu nổi), ở lâu không khỏi tuyệt hậu tự.

Cửa Khôn với Chủ Ly phối 8 Bếp :

(Tám cái Bếp sau đây đều thuộc về nhà số 16 là Lục sát trạch. Và Bếp nào, đối với Cửa Chủ, cũng biến sanh một hung du niên và một kiết du niên, đại khái bằng nhau nhưng chi tiết có hơn có kém về sự tốt xấu).

Dương trạch tam yếu

1) Bếp Kiền: Đối với Cửa Khôn thì Bếp Kiền tương sinh và là Bếp Diên niên đăng diện, rất tốt về mặt tài ngân. Nhưng đối với Chủ Ly thì Bếp Kiền thọ khắc và tác sinh Tuyệt mệnh khiến cho nam đoản thọ, nữ ở góa.

2) Bếp Khảm: Đối với Chủ Ly thì Bếp Khảm tác sinh Diên niên nhưng cũng có chỗ tương khắc. Đối với Cửa Khôn thì Bếp Khảm thọ khắc và là bếp Tuyệt mệnh không tốt.

3) Bếp Cấn: Cửa tại Khôn thì Bếp Cấn tỷ hòa và là Bếp Sinh khí. Tuy Sinh khí thất vị, nhưng hai Thổ vượng khí sanh Kim vẫn phát tài. Nhưng Bếp Cấn đối với Chủ Ly tương sanh nhưng hồ biến ra Hỏa hại khiến cho phụ nữ (Ly Hỏa) thấy tao nhả (tương sanh) kỳ thật gian xảo và hung hăng).

4) Bếp Chấn: Đối với Cửa Khôn thì Bếp Chấn tương khắc sinh Hỏa hại, nhưng đối với Chủ Ly thì Bếp Chấn tương sanh hồ biến được Sinh khí hữu khí. Vậy Bếp này nửa tốt nửa xấu.

5) Bếp Tốn: Bếp Tốn khắc Cửa Khôn và là Bếp Ngũ quỷ rất hung hại. Bếp Tốn đối với Chủ Ly tuy tương sanh và hồ biến Thiên y nhưng thuần âm không đủ chống với Ngũ quỷ đại kỵ về bếp.

6) Bếp Ly: Cửa tại Khôn thì Bếp Ly là Bếp Lục sát, lại ba cung Khôn Ly Ly toàn Âm, ở càng lâu càng thua thốt nhân đinh. Tuy nhiên bếp Ly đối với Cửa Khôn và Chủ Ly đều tương sanh và tỷ hòa, nhờ vậy sơ niên (lúc đầu) cũng đăng phát tài.

7) Bếp Khôn: Bếp Khôn đối với Cửa Khôn và Chủ Ly đều được tỷ hòa và tương sanh, nhưng Bếp Khôn với Chủ Ly hồ biến ra Lục sát và thuần Âm. Như vậy là cái Bếp nửa hung nửa kiết.

8) Bếp Đoài: Cửa Khôn thì Bếp Đoài tương sanh và là bếp y đắc vị rất tốt. Nhưng Bếp Đoài đối với Chủ Ly tương khắc phạm Ngũ quỷ đại hung, lại thêm ba cung Khôn Ly Đoài toàn Âm. Vậy Bếp Đoài này hung nhiều hơn kiết, chẳng nên dùng.

Nhà số 17 : Cửa CẤN với Chủ CẤN

(Phục vị trạch)

(Cửa cái tại Cấn, Chủ phòng hay Sơn chủ cũng tại Cấn).

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Trùng trùng, điệp điệp, thê tử thương. Trùng trùng, điệp điệp là nhiều tầng nhiều lớp. Cấn thuộc núi (Cấn vi sơn). Cấn lại gặp cấn tức như núi này liên tiếp tới núi kia cho nên nói là trùng trùng, điệp điệp. Thê tử thương là vợ con lâm hại.

- Từ Cửa Cấn biến 8 lần tới Chủ Cấn là Phục vị, cho nên gọi là Phục vị trạch. Hai Thổ gồm hợp nhau đồng một ruộng làm nên giàu có. Sơ niên rất phát tài và thuận lợi, nhưng về lâu sau, thì vì thuần dương chẳng sinh hóa được cho nên khắc hại vợ, bại tửm con, người ở càng ngày càng thưa dần (gia cảnh sẽ như chợ nhóm tan).

Cửa Cấn với Chủ cấn phối 8 Bếp:

(Tám cái Bếp sau đây đều thuộc về nhà số 17 trên. Nhà này thuộc Tây tứ trạch cho nên Tây trù là 4 bếp Kiền Khôn Cấn Đoài đều tốt, vì Bếp nào cũng biến sinh được hai kiết du niên. Còn Đông trù là 4 Bếp Khảm Ly Chấn Tốn đều bất lợi, vì Bếp nào cũng biến sinh hai hung du niên.

1) Bếp Kiền: Cửa Cấn thì Bếp Kiền tương sinh và là Bếp Thiên y Thổ đắc vị, hiệp với tây tứ trạch rất tốt. Nhà phát phú quý kiêm toàn, cha con hay làm việc lành

Dương trạch tam yếu

(Kiền Cấn chỉ vào cha và con trai, Thiên y ưa làm việc lành). Nhưng ba cung Cấn Cấn Kiền toàn Dương mà khuyết âm là chỗ bất lợi cho vợ và tiểu nhi, về lâu sau ắt tuyệt tự.

2) Bếp Khảm: Cửa Cấn thì bếp Khảm tương khắc và phạm Ngũ quỷ đại hung, mọi sự đều chẳng có lợi. Bếp Khảm với Chủ cấn cũng tương khắc và hổ biến cũng Ngũ quỷ, thêm hung.

3) Bếp Cấn: Bếp Cấn đối với Cửa Cấn và Chủ Cấn đều đặng tỷ hòa và do Thổ sanh Kim, nhà có nhiều tiền của. Nhưng số người quá ít vì Cấn Cấn Cấn thuần Dương chẳng sinh hóa được.

4) Bếp Chấn: Bếp Chấn Mộc khắc cả Cửa cấn và Chủ Cấn và biến sinh toàn là Lục sát lại thuần Dương: hại vợ, không con.

5) Bếp Tốn: Bếp Tốn Mộc khắc cả Cửa Cấn và Chủ Cấn, biến sinh hai Tuyệt mệnh, tuyệt khí đầy nhà, ở góa, dùng con nuôi nối dõi tông môn. Tốn là Âm Mộc khắc 2 Dương Thổ (Cấn Cấn), đó là Âm đoạt quyền, phụ nữ nắm giữ gia sản, tiểu nhi mang bệnh huỳnh thũng và tỳ vị bị tật. (Huỳnh thũng là nói chung 2 thứ bệnh: Huỳnh đản bệnh da vàng và phù thũng bệnh da thịt).

6) Bếp Ly: Bếp Ly Hỏa đồng sanh Cửa Cấn và Chủ Cấn nhưng cũng đồng biến sanh Họa hại, vì vậy sơ niên phát phước nhưng về sau lâu phụ nữ hưng cường, đảo loạn gia cang.

7) Bếp Khôn: Bếp Khôn là một cái Bếp tốt, vì Khôn Âm Thổ đối với hai Cấn đều tỷ hòa mà có đủ Âm dương và đồng biến Sinh khí (mặc dù Sinh khí thất vị).

8) Bếp Đoài: Bếp Đoài Âm Kim phối hiệp với 2 Cấn Dương Thổ là tương sanh, chánh phối, đồng biến sinh 2 Diên niên Kim hữu khí. Đây là một cái bếp đại kiết, đại lợi, trong 8 Bếp chẳng Bếp nào sánh kịp.

Nhà số 18 : Cửa CẤN với Chủ CHẤN

(Lục sát trạch)

(Cửa cái tại Cấn, Chủ Phòng hay Sơn chủ tại Chấn)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Sơn lô tương kiến, tiểu nhi ương. Ý nghĩa: Sơn là núi chỉ vào Cấn (Cấn vi Sơn). Lô là sấm chỉ vào Chấn (Chấn vi Lô). Tương kiến là gặp nhau. Tiểu nhi ương là trẻ con tai ương. Cửa Cấn gặp Chủ Chấn là ngôi nhà sanh họa ương cho trẻ con. Vì Cấn thuộc thiếu nam bị Chấn khắc nên nói trẻ con bị họa ương.

- Từ Cửa Cấn biến 4 lần tới Chủ Chấn tất sinh Lục sát cho nên gọi là kiểu nhà này là Lục sát trạch. Chủ Chấn khắc Cửa Cấn là trong khắc ngoài, lại Cửa Cấn khắc Lục sát Thủy là ngoài khắc vào trong. Trong ngoài đều có giao chiến khiến cho gia đạo chẳng yên lành, tiền tài hao tán, bệnh huỳnh thũng và tỳ vị mang tật. Sơ niên cùng khổ nhưng cũng có nhân đinh, còn về sau khắc hại vợ và tuyệt tự.

Cửa Cấn và Chủ Chấn phối 8 Bếp :

(Tám cái Bếp sau đây đều thuộc về ngôi nhà số 18 là Lục sát trạch. Bếp nào cũng biến sanh một kiết du niên và một hung du niên, không có Bếp nào trọn tốt hay trọn xấu.

1) Bếp Kiền: Cửa Cấn thì Bếp Kiền là Bếp Thiên y đắc vị, nhưng bị thuần dương bất tốt, còn Bếp Kiền khắc Chủ Chấn và hổ biến ra Ngũ quỷ đại hung là du niên chẳng nên liên hệ tới Bếp. Vậy Bếp này hung du nhiều mà kiết ít.

Dương trạch tam yếu

2) Bếp Khảm: Cửa Cấn thì Bếp Khảm thọ khắc và phạm Ngũ quỷ rất hung tợn. Bếp Kiền trên hồ biến ra Ngũ quỷ còn phải sợ, huống chi Bếp Khảm này chính biến ra Ngũ quỷ tất phải đáng sợ hơn.

3) Bếp Cấn: Bếp cấn đối với Cửa Cấn là Bếp Phục vị thất vị, đối với Chủ Chấn hồ biến ra Lục sát, cái tốt của Phục vị thất vị rất ít, cái hại của Lục sát rất nhiều vậy, Bếp này hung nhiều hơn kiết.

4) bếp Chấn: Bếp Chấn khắc Cửa Cấn và là Bếp Lục sát. Nhà Lục sát lại Bếp cũng Lục sát khiến cho tán tài và mọi sự bất lợi. Bếp Chấn đối với Chủ Chấn được Phục vị không đủ chống với Lục sát. (Bếp kỵ nhất là Ngũ quỷ, thứ nhì là Lục sát, thứ ba là Tuyệt mệnh, thứ tư là Hỏa hại).

5) bếp Tốn khắc Cửa cấn và là Bếp Tuyệt mệnh sanh ra các việc góa bụa, tuyệt tự, bệnh huỳnh thũng, tật tỳ vị, các chứng phong. Bếp Tốn đối với Chủ Chấn hồ biến được Diên niên, nhưng Diên niên Kim khắc cả Chấn Tốn Mộc (tinh khắc cung) thì sự lợi chẳng còn bao nhiêu, không đương nổi với Tuyệt mệnh là chỗ chính biến.

6) Bếp Ly: Bếp Ly đối với Cửa cấn bị tiết khí và là Bếp Hỏa hại, nhưng đối với Chủ Tốn tương sanh và hồ biến được Sinh khí. Bếp này kiết hung tương đương.

7) Bếp Khôn: Bếp Khôn đối với Cửa cấn tỷ hòa và là Bếp Sinh khí thất vị. Nhưng đối với Chủ Chấn tương khắc và hồ biến ra Hỏa hại. So sánh lại: Sinh khí là chỗ tốt nhưng thất vị bất tốt, Hỏa hại là chỗ hại nhưng hồ biến thì hại nhẹ. Vậy Bếp này hung kiết tương đương.

8) Bếp Đoài: Cửa Cấn sanh Bếp Đoài khắc Chủ Chấn hồ biến Tuyệt mệnh thì khắc hại nam nhân và đàn bà góa cầm quyền gia đình.

Nhà số 19 : Cửa CẤN với Chủ TỐN

(Tuyệt mệnh trạch)

(Cửa cái tại Cấn, Cửa phòng hay Sơn chủ tại Tốn).

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Sơn ngộ Phong môn: quả mẫu tuyệt. Ý nghĩa: Sơn là núi chỉ vào Cấn. – Ngộ phong môn là gặp cửa gió. Cửa gió chỉ vào Tốn (Tốn vi phong). Quả mẫu tuyệt là mẹ góa tuyệt tự. Cửa Cấn Chủ Tốn là nhà mẹ góa và không con thừa tự.

- Từ Cửa Cấn biến 7 lần tới Chủ Tốn gặp Tuyệt mệnh cho nên gọi là Tuyệt mệnh trạch. Cấn thuộc thiếu nam bị Tốn khắc là nhà khó nuôi sống bọn tiểu nhi. Tốn thuộc trưởng nữ thừa Tuyệt mệnh là nhà mẹ góa, nuôi con nuôi, tôi tớ chạy trốn. – Luận về bệnh: Cấn Thổ thuộc tỳ vị bị Tốn khắc chgo nên lá lách và dạ dày thọ thương, ăn uống không tiêu, sanh bệnh huỳnh đản (da vàng) và phù thũng (sưng da thịt). Lại Tốn thừa Tuyệt mệnh và bị Tuyệt mệnh khắc sanh bệnh phong.

Cửa Cấn với Chủ Tốn phối 8 Bếp :

(Tám cái Bếp sau đây đều thuộc về kiểu nhà số 19 là Tuyệt mệnh trạch. Phàm là hung trạch thì bếp nào cũng tạo sinh hai du niên: một hung và một kiết. Vậy kể luôn về Chủ thừa Tuyệt mệnh thì ngôi nhà nào cũng gồm có 2 hung du niên và 1 kiết du niên, thế nên chẳng có Bếp nào khiến cho nhà trở nên thật phát đạt được. Và cũng không có Bếp nào trọn kiết hay trọn hung).

1) Bếp Kiền: Cửa tại Cấn thì Bếp Kiền tương sanh và là Bếp Thiên y đắc vị rất có lợi cho bọn con trai (Cấn) và hàng ông cha (Kiền). Nhưng Bếp Kiền khắc Chủ Tốn

Dương trạch tam yếu

cho nên hạng trưởng nữ, phụ nữ vì sanh sản mà chết hoặc bị sa thai, sanh bệnh đau nhức gân cốt.

2) Bếp Khảm: Cửa Cấn thì Bếp Khảm tương khắc và là Bếp Ngũ quỷ hay làm ra tai nạn, bệnh hoạn. Còn Bếp Khảm đối với Chủ Tốn tương sanh và hồ biến được Sinh khí đắc vị là chỗ tốt, nhưng đã là Bếp Ngũ quỷ chính biến thì cái tốt của Sinh khí thì không đủ bù trừ.

3) Bếp Cấn: Cửa Cấn thì Bếp cấn tỷ hòa và là Bếp Phục vị thất vị, sự tốt phớt qua như làn mây mỏng. Còn Bếp Cấn đối với Chủ Tốn tương khắc và hồ biến ra Tuyệt mệnh, sự hung có phần nặng hơn. Bếp này không tốt.

4) Bếp Chấn: Bếp Chấn là Bếp Lục sát hung lại khắc Cửa Cấn cho nên tiểu nhi khó nuôi dưỡng và không khỏi tuyệt tự. Bếp Chấn đối với Chủ Tốn tỷ hòa và hồ biến Sinh khí hữu khí là chỗ tốt của trưởng nam và trưởng nữ.

5) Bếp Tốn: Cửa tại Cấn thì Bếp Tốn khắc Cửa và là Bếp Tuyệt mệnh. Nhà Tuyệt mệnh lại thêm Bếp cũng Tuyệt mệnh, tài nào cho khỏi các sự việc bất hạnh: mẹ góa, con mồ côi, nuôi con khác họ... Còn Bếp Tốn với Chủ Tốn hồ biến ra Phục vị là du niên tốt qua loa. Sự chênh lệch thấy rõ.

6) Bếp Ly: Cửa Cấn tiết khí Bếp Ly và biến sinh Hỏa hại. Ly thuộc Âm Hỏa khiến cho phụ nữ hung dữ chuyên quyền, kinh mạch chẳng điều hòa, để lâu sanh ra cái cảnh núi máu đổ chảy (huyết sơn băng lậu). Còn Bếp Ly đối với Chủ Tốn hồ biến Thiên y vô khí bất quá là một cứu tinh nhu nhược.

7) Bếp Khôn: Cửa tại Cấn thì Bếp Khôn tỷ hòa và là Bếp Sinh khí thất vị, tốt ít. Còn Bếp Khôn đối với Chủ Tốn tương khắc và là hồ biến ra Ngũ quỷ là chỗ hung hại nhiều, nam nữ đều bất lợi.

8) Bếp Đoài: Cửa Cấn thì Bếp Đoài tương sanh và là Bếp Diên niên, rất tốt cho hạng thiếu nam và thiếu nữ. Nhưng Bếp Đoài khắc Chủ Tốn là Âm Mộc và biến sinh Lục sát, lại Diên niên và Tuyệt mệnh đồng thuộc Kim, đồng ám khắc Tốn nữa, cho nên không khỏi cái họa phụ nữ chết yểu (Tốn vi trưởng nữ).

Nhà số 20 : Cửa CẤN với Chủ LY

(Họa hại trạch)

(Cửa cái tại Cấn, Chủ phòng hay Sơn chủ tại Ly)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Sơn phùng Hỏa hủy, phụ nữ cương. Ý nghĩa: Núi gặp Lửa đốt, phụ nữ cứng cỏi. Sơn là núi chỉ vào Cấn. Hỏa là lửa chỉ vào Ly – Ly Âm Hỏa thuộc phụ nữ đốt Cấn Thổ nên nói là phụ nữ cứng cỏi.

- Từ Cửa Cấn biến 5 lần tới Chủ Ly ra Hỏa hại cho nên gọi là Họa hại trạch. Cấn Dương Thổ là đất khô ráo lại còn bị lửa Ly thiêu hủy quá khô dòn, vô dụng. Ly Âm đốt Cấn Dương là Âm thịnh Dương suy, nhà này nam nhân nhu nhược mà phụ nữ rất cương ngạnh, hung hăng tác loạn, gia đạo bất hòa. Hoặc vì ghét vợ chánh mà yêu vợ thứ, hoặc vì kẻ được yêu sanh ra kiêu cuồng... cho nên trong nhà rối ren vô cùng. Ở lâu tuyệt tự, kinh mạch chẳng đều sanh bệnh huyết băng.

Cửa Cấn với Chủ Ly phối 8 Bếp :

(Tám cái Bếp sau đây đều thuộc về nhà số 20 là Họa hại trạch. Đối với Cửa và Chủ, Bếp nào cũng biến sanh một kết du niên và một hung du niên).

Dương trạch tam yếu

1) Bếp Kiền: Cửa tại Cấn thì Bếp Kiền là Bếp Thiên y đắc vị, rất tốt. Nhưng vì Bếp Kiền mặt khác bị Chủ Ly Hỏa khắc khiến cho hạng bậc ông cha già cả khó thêm tuổi thọ (Kiền với Ly hổ biến ra Tuyệt mệnh).

2) Bếp Khảm: Cửa tại Cấn thì Bếp Khảm bị khắc và phạm Ngũ quỷ là cái Bếp đại hung hại. Tuy Bếp Khảm với Chủ Ly hổ biến được Diên niên nhưng sự lợi không đủ bù vào sự hại của Ngũ quỷ.

3) Bếp Cấn: Cửa Cấn với Bếp Cấn là hai Thổ tỷ hòa, sơ niên cũng vượng phát tài qua loa. Còn về sau không tốt vì Bếp cấn với Chủ Ly tác Họa hại.

4) Bếp Chấn: Bếp Chấn Mộc khắc Cửa Cấn và là Bếp Lục sát hiểm con. Nhưng Bếp Chấn với Chủ Ly tương sanh và hổ biến được Sinh khí hữu khí là mặt rất tốt. Bếp này lợi nhiều hơn hại.

5) Bếp Tốn: Bếp Tốn Mộc khắc Cửa Cấn và là Bếp Tuyệt mệnh: ở góa, không con thừa tự. Nhưng Bếp Tốn đối với Chủ Ly tương sanh và hổ biến được Thiên y là cứu thần, giải bớt hung khí của Tuyệt mệnh.

6) Bếp Ly: Bếp Ly Hỏa đốt khô Cấn Thổ và là Bếp Họa hại, vợ đoạt quyền chồng, phụ nữ cầm nắm gia sản. Còn Bếp Ly đối với Chủ Ly là Phục vị, chẳng đỡ chút nào.

7) Bếp Khôn: Cửa tại Cấn thì Bếp Khôn có đủ Âm Dương và là Bếp Sinh khí ứng về sự phát đạt tiền tài. Bếp Khôn với Cửa Ly thuận Âm và hổ biến Lục sát là Trưng Triệu cô đơn.

8) Bếp Đoài: Cửa Cấn thì Bếp Đoài tương sanh và là Bếp Diên niên đăng diện rất tốt. Nhưng cũng không khỏi một điều rất hung vì Bếp Đoài bị Chủ Ly khắc và hổ biến ra Ngũ quỷ khiến cho thiếu phụ chết một cách hung dữ (Đoài thuộc thiếu nữ, thiếu phụ).

Nhà số 21 : Cửa CẤN với Chủ KHÔN

(Sinh khí trạch)

(Cửa cái tại Chấn, Chủ phòng hay Sơn chủ tại Khôn)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Sơn Địa điền sản đa tấn ích. Ý nghĩa: Sơn là núi chỉ vào Cấn, Địa là đất chỉ vào Khôn (Cấn vi Sơn, Khôn vi Địa). – Điền sản đa tấn ích là ruộng đất tiến thêm nhiều.

Từ Cửa Cấn biến 1 lần tới Chủ Khôn được Sinh khí nên gọi là Sinh khí trạch. Cấn Thổ mà Khôn cũng Thổ, hai Thổ cùng nhà ất giàu có lớn (nhị Thổ đồng điền vi phú). Đây là ngôi nhà khiến gia đạo hưng long, ruộng đất cùng sản nghiệp có nhiều thêm lên mãi, công danh hiển đạt, con hiếu cháu hiền, vợ chồng đều sống lâu, hưởng thụ nhiều việc tốt đẹp. Thật là một cái nhà vừa phú vừa quý vừa thọ, lắm cuộc vinh xương. Lại nhờ Cấn với Khôn có đủ Âm Dương tương phối cho nên số người càng đông. Suy có một điều không hay là ở lâu rồi bọn tiểu nhi hay bị phong bệnh và tật ở tỳ vị (lá lách và dạ dày) đó là bởi Sinh khí Mộc khắc Cấn Khôn Thổ (tinh cung tương khắc).

Cửa Cấn và Chủ Khôn phối 8 Bếp :

(Tám cái Bếp sau đây đều thuộc về nhà số 21 nói trên là Sinh khí trạch. Cấn Khôn thuộc Tây tứ trạch cho nên Tây trù là các Bếp Kiền Khôn Cấn Đoài đều hiệp với nhà. Bếp nào cũng biến sinh được hai kết du niên. Còn Tây trù là các Bếp Khảm Ly Chấn Tốn đều không hiệp với nhà, Bếp nào cũng biến sinh hai hung du niên).

Dương trạch tam yếu

1) Bếp Kiền: Bếp Kiền đối với Cửa Cấn tương sanh và là Bếp Thiên y đắc vị, rất tốt. Bếp Kiền đối với Chủ Khôn tương sanh có đủ Âm Dương và hổ biến được Diên niên hữu khí càng tốt hơn. Hơn thế nữa là nhà Sinh khí nay nhờ Bếp mà có Thiên y và Diên niên hợp thành Nhà ba tốt, tốt lắm.

2) Bếp Khảm: Đối với Cửa Cấn thì Bếp Khảm thọ khắc và là Bếp Ngũ quỷ, không có Bếp nào hung hại hơn nó. Đối với Chủ Khôn thì Bếp Khảm cũng bị khắc và hổ biến ra Tuyệt mệnh, tai hại cũng chẳng phải ít. Kết luận: Bếp Khảm đại hung, gây họa hoạn nhiều hơn các Bếp Ly, Chấn, Tốn.

3) Bếp Cấn: Bếp Cấn đối với Cửa Cấn tỷ hòa và là Bếp Phục vị đối với Chủ Khôn cũng tỷ hòa và hổ biến được Sinh khí. Nói gom lại nhà Sinh khí nhờ có Bếp Cấn mà thêm được một Sinh khí nữa và một Phục vị đều được gọi là kiết du niên, nhưng Bếp này chỉ tốt vừa vừa mà thôi, vì 2 Sinh khí và 1 Phục vị đồng thuộc Mộc, đồng bị Tây tứ trạch khắc.

4) Bếp Chấn: Đối với Cửa Cấn thì Bếp Chấn khắc và là Bếp Lục sát, đối với Chủ Khôn thì Bếp Chấn cũng khắc và hổ biến ra Họa hại. Nó khắc cả Cửa và Chủ lại biến sinh Lục sát với Họa hại tất phải là cái Bếp rất bất lợi (nhưng ít nguy hại hơn Bếp Khảm). Nó sanh ra có việc quan tụng, khẩu thiệt, gia đạo bất hòa, nam nữ chết sớm, tiểu nhi khó nuôi.

5) Bếp Tốn: Bếp Tốn Mộc khắc cả Cửa Cấn với Chủ Khôn, biến sinh Tuyệt mệnh và Ngũ quỷ (tương tự Bếp Khảm) chẳng khỏi điều tuyệt tự.

6) Bếp Ly: Bếp Ly Hỏa tuy sanh Cửa Cấn Chủ Khôn, nhưng không phải sanh mà là tiết khí, vì nó biến sinh ra Họa hại và Lục sát. Nó khiến có ra hạng đàn bà hung dữ.

7) Bếp Khôn: Bếp Khôn Thổ đối với Cửa Cấn và Chủ Khôn đều tỷ hòa, biến sinh ra Sinh khí và Phục vị. Bếp này tương tự như Bếp Cấn và cũng tốt vừa vừa như Bếp cấn.

8) Bếp Đoài: Bếp Đoài Kim đối với Chủ Cấn Khôn Thổ đều được tương sanh và biến sinh Diên niên với Thiên y. Nhà Sinh khí có thêm Diên niên và Thiên y gọi là Nhà ba tốt. Vậy Bếp Đoài đại lợi, đại kiết.

Nhà số 22 : Cửa CẤN với Chủ ĐOÀI

(Diên niên trạch)

(Cửa cái tại Cấn, Chủ phòng hoặc Sơn chủ tại Đoài)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Sơn trạch: nhân vượng, gia phú quý. Ý nghĩa: Sơn là núi chỉ vào cấn, Trạch là cái đầm chỉ vào Đoài (Cấn vì sơn, Đoài vì trạch). Nhân vượng là người thêm đông. Gia phú quý là nhà giàu và sang (giàu là chỉ về tiền của, sang là nói về quyền chức). – Cửa Cấn với Chủ Đoài là mẫu nhà đông người, giàu có và danh vọng.

- Từ Cửa Cấn biến ba lần tới Chủ Đoài được Diên niên cho nên gọi là Diên niên trạch. Diên niên Kim lâm Đoài là tỷ hòa đẳng diện. Đối với Cửa Cấn Thổ thì Diên niên Kim cũng tương sanh đắc vị. Cửa Cấn và Chủ Khôn thuộc tây tứ trạch chỉ có Diên niên Kim là tốt đệ nhất, đem vượng khí vào nhà, không nhà nào hơn nó được. Cửa Cấn với Chủ Đoài là Âm với Dương thông khí tương sanh và Cửa sanh Chủ là từ ngoài sanh vào trong thì nhà mau phát đạt lắm, thường hay được cửa bất ngờ. Tóm lại nhà số 22 này được nhiều điều tốt nên ứng nhiều sự may mắn: vợ chồng chánh thức và ăn ở rất hòa hài, tuổi trẻ đỗ cao, lục súc hưng vượng, điền sản có thêm, con hiếu cháu hiền, phụ nữ tuần tú mà có chí khí trọng phu, nam nữ đều sống lâu mà hưng gia lập nghiệp, sanh 4

Dương trạch tam yếu

trai, thường ứng con nhỏ làm nên gia sản (Cấn, Đoài và Diên niên đều thuộc hạng thiếu nam và thiếu nữ). Xưa Ca, La 12 tuổi làm tể tướng là do ở nhà này vậy.

Nếu ngôi nhà là Động trạch mà Cửa Cấn gó bên trái mặt tiền thì nên chọn ngăn 5 làm Phòng chứa ất được Cự môn Thổ tinh đắc vị hay chọn ngăn 5 làm Phòng chứa ất được Vũ khúc Kim tinh đắc diện thì nhà thêm tốt trăm phần trăm. Hoặc Cửa Cấn ở chính giữa mặt tiền thì nên chọn ngăn 3 làm Phòng chứa ất được Cự môn Thổ tinh đắc diện thì nhà cũng tốt thêm trăm phần trăm (Xem thiên VI Lập thành trong năm mẫu nhà số 7 và số 8).

Cửa Cấn với Chủ Đoài phối 8 Bếp :

(Tám cái Bếp sau đây đều thuộc về kiểu nhà số 22 là Diên niên trạch nói trên. Đây là Tây tứ trạch cho nên các Tây trù hiệp với nhà, Bếp nào đối với Cửa Chủ cũng biến sinh được hai kiết du niên. Còn Đông trù không hiệp với nhà. Bếp nào cũng biến sinh ra hai hung du niên).

1) Bếp Kiền: Cửa tại Cấn thì Bếp Kiền được sanh và là Bếp Thiên y đắc vị. Đối với Chủ Đoài thì Bếp Kiền tỷ hòa và hỗ biến được Sinh khí. Vậy nhà Diên niên nhờ có bếp Kiền mà thêm Thiên y và Sinh khí hợp nên Nhà ba tốt. Bếp này khiến cho liên tục phát phú quý, hanh thông và trường thọ tới 60, 90 tuổi, là một cái Bếp đại kiết.

2) Bếp Khảm: Cửa tại Cấn thì Bếp Khảm bị khắc và là Bếp Ngũ quỷ, chẳng Bếp nào hung hại bằng. Huống chi Bếp Khảm đối với Chủ Đoài là bị tiết khí và hỗ biến ra Họa hại.

3) Bếp Cấn: Đối với Cửa Cấn tỷ hòa, đối với Chủ Đoài thì Bếp Cấn tương sanh và hỗ biến được Diên niên, rất tốt.

4) Bếp Chấn: Cửa tại Cấn thì Bếp Chấn khắc Cửa và là Bếp Lục sát. Bếp Chấn đối với Chủ Đoài là bị khắc và hỗ biến ra Tuyệt mệnh. Vậy Bếp Chấn là Bếp hung.

5) Bếp Tốn: Bếp Tốn khắc Cửa Cấn lại bị Chủ Đoài khắc lại, chính biến là Tuyệt mệnh, hỗ biến là Lục sát. Bếp này khiến phụ nữ đoản thọ, hiếm con thừa tự, chẳng tốt chút nào.

6) Bếp Ly: Bếp Ly tiết khí Cửa Cấn và là Bếp Họa hại, lại khắc Chủ Đoài và hỗ biến ra Ngũ quỷ, thiếu phụ chết một cách hung dữ.

7) Bếp Khôn: Đối với Cửa Cấn thì Bếp Khôn tỷ hòa và chính biến Sinh khí, đối với Chủ Đoài thì Bếp Khôn tương sanh và hỗ biến được Thiên y. Vậy nhờ Bếp Khôn mà Diên niên trạch có thêm Sinh khí và Thiên y hợp lại thành Nhà ba tốt. Bếp này sanh 3 con, 5 con, phước lộc thọ ba thứ gom đủ, trăm việc đều đại kiết. Bếp Khôn còn tốt hơn Bếp Kiền một bậc, vì Khôn với Cửa Cấn có đủ âm dương.

8) Bếp Đoài: Bếp Đoài nào khắc Chủ Đoài, đối với Cửa Cấn tương sanh và là Bếp Diên niên đắc diện, rất tốt, có hiền phụ chăm sóc cửa nhà, sanh xuất bậc nữ tú (con gái tuần tú).

Nhà số 23 : Cửa CẤN với Chủ KIỀN

(Thiên y trạch)

(Cửa cái tại Cấn, Chủ phòng hay Sơn chủ tại Kiền)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Sơn khởi Thiên trung, tử quý hiền. Ý nghĩa: Núi dựng trong Trời, con sang hiển. Sơn chỉ về Cấn, Thiên chỉ về Kiền. Cửa tại Cấn, Chủ tại Kiền là ngôi nhà sanh con sang trọng và hiền hậu.

Dương trạch tam yếu

- Từ Cửa Cấn biến 6 lần tới Chủ Kiền được Thiên y cho nên gọi là Thiên y trạch. Thiên y Thổ lâm Kiền Kim tương sanh đắc vị, và Cửa Cấn sanh Chủ Kiền là ngoài sanh vào trong, tốt lắm. Trọn nhà hiền lương, ưa làm điều phước đức, sanh ba con, phát đạt mau, tiền bạc nhiều, sang trọng chẳng ít, nam nhân sống lâu. Nhưng về sau lâu trở nên kém tốt, và vì Cấn phối Kiền thuần dương bất hóa, khắc hại vợ con, cô đơn, nuôi con khác họ. Kiểu nhà này tốt bậc thứ.

Cửa Cấn với Chủ Kiền phối 8 Bếp:

(Tám cái Bếp sau đây đều thuộc về nhà số 23 là Thiên y trạch nói trên. Tây tứ trạch cho nên Tây trù là các Bếp Kiền Khôn Cấn Đoài đều tốt. Nhưng hai Bếp Khôn Đoài tốt nhiều vì Bếp Ấm phối với nhà thuần Dương (có đủ âm dương) và Bếp nào cũng biến sinh 2 kiết du niên, còn hai Bếp Cấn Kiền đều thuộc Dương phối với nhà thuần Dương thì cái lẽ Dương quá nhiều mạnh tất Âm phải suy đã thấy rõ ràng, dù Bếp nào cũng biến sinh 2 kiết du niên nhưng tốt ít. Duy Đông trù là các Bếp Khảm Ly Chấn Tốn, Bếp nào cũng biến sinh 2 hung du niên đều thuộc về hung tảo (Bếp sanh ra hung hại).

1) Bếp Kiền: Bếp Kiền Kim đối với Cửa Cấn tương sanh, đối với Chủ Kiền tỷ hòa thuộc về kiết tảo (Bếp tốt). Nhưng Cấn Kiền Kiến là thuần Dương mà thiếu Âm, ba Dương đồng cư (ở chung) chẳng khỏi hiểm con để thừa tự và khắc hại vợ.

2) Bếp Khảm: Cửa tại Cấn thì Bếp Khảm thọ khắc và là Bếp Ngũ quỷ khiến cho tiểu nhi chết yểu. Bếp Khảm đối với Chủ Kiền cũng không tốt vì hổ biến ra Lục sát.

3) Bếp Cấn: Bếp Cấn đối với Cửa Cấn và Chủ Kiền đều đặn tỷ hòa và tương sanh là Bếp tốt, nhưng vì thuần Dương (Cấn Kiền Cấn) tốt bậc thứ.

4) Bếp Chấn: Bếp Chấn đối với Cửa Cấn là Bếp Lục sát, đối với Chủ Kiền là phạm Ngũ quỷ, rất hung.

5) Bếp Tốn: Bếp Tốn Mộc khắc Cửa Cấn rồi Chủ Kiền khắc lại Bếp Tốn, toàn là tương khắc lại biến sinh Tuyệt mệnh và Họa hại, toàn là hung du niên. Bếp này bất lợi, khiến cho nam nữ đều yếu vong.

6) Bếp Ly: Bếp Ly tiết khí Cửa Cấn biến sinh Họa hại thuộc về Bếp hung. Hung hại hơn nữa là Bếp Ly hổ biến với Chủ Kiền sinh ra Tuyệt mệnh, khiến nên cô quả, tán tài và tuyệt tự.

7) Bếp Khôn: Bếp Khôn với Cửa Cấn tỷ hòa, với Chủ Kiền tương sanh, biến sinh được Sinh khí và Diên niên hiệp cùng Thiên y trạch thành Nhà ba tốt. Đây là cái Bếp đại kiết, đại lợi.

8) Bếp Đoài: Bếp Đoài với Cửa Cấn còn tương sanh, với Chủ Kiền tỷ hòa, biến sinh được Diên niên và Sinh khí hợp cùng Thiên y trạch thành Nhà ba tốt, rất tốt vậy.

Nhà số 24 : Cửa CẤN với Chủ KHẢM

(Ngũ quỷ trạch)

(Cửa cái tại Cấn, Chủ phòng hay Sơn chủ tại Khảm).

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Quỷ ngộ ông dương, Lục thủy thương. Ý nghĩa: Quỷ gặp thế nước mạnh, rơi xuống nước thương tổn. Quỷ là nói Cửa Cấn phối với Chủ Khảm chính biến ra Ngũ quỷ. Ngộ ông dương là gặp thế nước mạnh tuông trôi, chỉ vào Khảm thuộc Thủy. Lục thủy thương là bị thương tổn vì rơi xuống nước, ám chỉ các tai họa chìm đắm như nhảy sông tự tử. – Cửa tại Cấn và Chủ tại Khảm là ngôi nhà sanh ra nạn chìm đắm.

Dương trạch tam yếu

- Từ Cửa Cấn biến 2 lần tới Chủ Khảm phạm Ngũ quỷ cho nên gọi là Ngũ quỷ trạch. Nhà Ngũ quỷ sanh ra lắm tai nạn và nhiều điều bất lợi thái quá. Nào là nhảy sông tự vẫn, nào là tai họa phỏng cháy (Ngũ quỷ thuộc Hỏa), kiện tụng, khẩu thiệt, trộm cắp, bại sản vong gia, cha con huynh đệ đều bất hòa bất thuận, khắc vợ hại con, ngộ nghịch, bất hiếu... Nói về bệnh thì trong bụng kết chửa hòn cục, đau nhức.

Cửa Cấn với Chủ Khảm phối 8 Bếp :

(Tám cái Bếp sau đây đều thuộc về nhà số 24 là Ngũ quỷ trạch nói trên. Kiểu nhà Đông Tây hỗn loạn thì Bếp nào đối với Cửa và Chủ cũng biến sinh một hung du niên và một kiết du niên, tốt xấu lẫn lộn. – Kiểu nhà Đông Tây hỗn loạn là Cửa thuộc Đông tứ cung (Khảm Ly Chấn Tốn) mà Chủ thuộc Tây tứ cung (Kiền Khôn Cấn Đoài), hoặc ngược lại. Như kiểu nhà số 24 này Cửa Cấn là tây mà Chủ Khảm là Đông, như vậy là Đông Tây hỗn loạn (lộn xộn). Tất cả kiểu nhà Đông Tây hỗn loạn đều thuộc về hung trạch.

1) Bếp Kiền: Cửa tại Cấn thì Bếp Kiền tương sanh và là Bếp Thiên y đắc vị rất tốt nhưng thuần dương chẳng bền. Còn Bếp Kiền bị Chủ Khảm làm tiết khí hóa ra Lục sát khiến cho khắc vợ hại con, hao tài tán của, dâm dăng, bài bạc.

2) Bếp Khảm: Cửa Cấn khắc Bếp Khảm là người khắc vào trong lại là Bếp Ngũ quỷ đại hung, Trời giáng họa. Bếp Khảm Phục vị không đáng kể.

3) Bếp cấn: Bếp Cấn với Cửa Cấn tỷ hòa Phục vị tốt ít., nhưng Bếp Cấn với Chủ Khảm tương khắc và hổ biến Ngũ quỷ hung hại nhiều.

4) Bếp Chấn: Bếp Chấn khắc Cửa Cấn và là Bếp Lục sát, bất lợi. Bếp Chấn với Chủ Khảm tương sanh và hổ biến Thiên y thất vị là chỗ tốt ít.

5) Bếp Tốn: Bếp Tốn Mộc khắc Cửa Cấn và là Bếp Tuyệt mệnh: ở góa, bệnh da vàng, sưng da thịt, bệnh phong. Bếp Tốn với Chủ Khảm tương sanh và hổ biến Sinh khí hữu khí. Kết luận: Bếp này hung nhiều mà kiết cũng nhiều, nhưng Tuyệt Mệnh Kim khắc được Sinh khí Mộc và chính biến mạnh hơn hổ biến cho nên hung nhiều hơn kiết.

6) Bếp Ly: Bếp Ly thoát khí Cửa Cấn và là Bếp Họa hại: phụ nữ hung dữ nhiều loạn gia đình. Bếp Ly với Chủ Khảm hổ biến Diên niên khá tốt, song không đủ bù trừ cái hại của Họa hại do chính biến sanh ra.

7) Bếp Đoài: Bếp Đoài với Cửa Cấn tương sanh có đủ Âm Dương và là Bếp Diên niên đăng diện, một cái Bếp rất bình yên. Bếp Đoài với Chủ Khảm hổ biến Họa hại, xấu qua loa.

Nhà số 25 : Cửa ĐOÀI với Chủ ĐOÀI

(Phục vị trạch)

(Cửa cái tại Đoài, Chủ phòng hay Sơn chủ cũng tại Đoài)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Trạch trùng thiếu phụ chưởng binh quyền. Ý nghĩa: Đầm trùng nhau, phụ nữ trẻ cầm binh quyền. – Trạch là cái đầm nước chỉ vào Đoài (Đoài vị trạch). Trạch trùng là Đoài gặp Đoài. Thiếu phụ là hạng con gái hoặc đàn bà trẻ tuổi. – Chưởng binh quyền là ý nói cầm cán gia đình.

- Từ Cửa Đoài biến 8 lần tới Chủ Đoài được Phục vị cho nên gọi là Phục vị trạch. Hai Đoài Kim tỷ hòa vượng khí, sơ niên khá được phát tài, nhưng Đoài Đoài thuần âm tất làm cho Dương suy, về sau nam nhân đoản thọ, nhân đinh lần lần thưa

Dương trạch tam yếu

thốt, cho đến cảnh mẹ góa con mồ côi. Tóm lại nhà này tốt ít. Nếu đặt Bếp tại Kiên hay Cấn thuộc Dương lại biến sinh toàn là kiết du niên thì giải hóa được các sự bại thuận Âm.

Cửa Đoài với Chủ Đoài phối 8 Bếp :

(Tám cái Bếp đều thuộc về ngôi nhà số 25 là Phục vị trạch nói trên. Nhà thuộc Tây tứ trạch cho nên các Bếp Kiên Khôn Cấn Đoài đều tốt, còn các Bếp Khảm Ly Chấn tốn đều bất lợi).

1) Bếp Kiên: Cửa tại Đoài thì Bếp Kiên Kim tử hòa và là Bếp Sinh khí. Bếp Kiên đối với Chủ Đoài cũng hỗ biến được Sinh khí. Đây là một cái Bếp tốt, nhưng tốt vừa vừa thôi vì Sinh khí Mộc gặp Kiên Đoài Kim thất vị. Tuy nhiên nó là một cứu tinh rất cần vì có Bếp Kiên Dương Kim thì nhà khỏi thuận âm.

2) Bếp Khảm: Bếp Khảm Thủy tiết khí hai Đoài và biến sinh hai Lục sát khiến cho hao tán tiền của và khắc vợ.

3) Bếp Cấn: Bếp Cấn Dương Thổ sanh hai Đoài Âm Kim, Âm Dương có đủ, biến sinh ra hai Diên niên hữu khí, là một cái Bếp đại kiết đại lợi, vợ chồng chánh phối, khiến nên việc may, hay. Bếp này còn tốt hơn Bếp Kiên.

4) Bếp Chấn: Bếp Chấn Mộc bị hai Đoài khắc và biến sinh ra hai Tuyệt mệnh là một cái Bếp hung hại, tuyệt khí đầy nhà.

5) Bếp Tốn: Bếp Tốn Âm Mộc bị hai Đoài Âm Kim khắc, đó là âm khắc âm và 3 âm ở chung (thuần Âm) khiến cho phụ nữ làm loạn, chết yểu, tuyệt tự.

6) Bếp Ly: Bếp Ly Âm Hỏa khắc hai Đoài Âm Kim, biến sinh hai Ngũ quỷ, cũng như Bếp Tốn trên: Âm khắc Âm và thuần Âm. Nhưng Bếp Ly này còn hung hại hơn: yêu ma vào nhà, những chuyện quỷ quái xuất hiện hoài hoài.

7) Bếp Khôn: Bếp Khôn với hai Đoài là thuận Âm, ba nữ ở chung – Âm thắng Dương suy, nam nữ đoản thọ, tuyệt tự.

8) Bếp Đoài: Ba cung Đoài ở chung, Kim vượng khí nhưng là thuận Âm. Vì vậy tài ngân thì có mà nhân đinh thì không.

Nhà số 26 : Cửa ĐOÀI với Chủ KIÊN

(Sinh khí trạch)

(Cửa cái tại Đoài, Chủ phòng hay Sơn chủ tại Kiên)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Trạch thiên, quả mẫu chưởng tài nguyên. Ý nghĩa: Trạch chỉ vào Đoài (Đoài vi trạch). – Thiên chỉ vào Kiên (Kiên vi thiên). – Quả mẫu chưởng tài nguyên là mẹ góa nắm nguồn tiền bạc. Đoài phối với Kiên là tượng gái nhỏ lấy ông già. Già chết trước gái nhỏ thành mẹ góa cai quản gia tài, ý nghĩa như vậy.

Theo phép Bát biến thì từ Đoài biến 1 lần tới Chủ Kiên tất được Sinh khí cho nên gọi là Sinh khí trạch. Đoài và Kiên là hai Kim tử hòa có đủ Âm Dương và chính biến Sinh khí là kiểu nhà tốt, diên sản tiến thêm, số người ở càng đông. Nhưng về sau lâu không còn tốt nữa, thế tiếp cưới nhiều lần, lắm người ở góa. Đó là bởi Sinh khí Mộc lâm Kiên Kim thất vị, lại không hiệp với Tây tứ trạch là ngôi nhà này. Và bởi Đoài phối Kiên là thiếu nữ với lão ông có sự chênh lệch ất sinh điều bất lợi về sau.

Cửa Đoài với Chủ Kiên phối 8 Bếp :

Dương trạch tam yếu

(Tám cái bếp sau đây đều thuộc về nhà số 26 là tây tứ trạch nói trên. Đại khái 4 Tây trạ (Kiền Khôn cần Đoài) là những Bếp tốt, còn 4 Đông trạ (Khảm Ly Chấn Tốn) là những Bếp bất lợi. Bởi Tây trạ hiệp với Tây tứ trạch còn Đông trạ khác phe, là phe nghịch).

1) Bếp Kiền: Bếp Kiền Kim đối với Cửa Đoài tỵ hòa và chính biến Sinh khí, đối với Chủ Kiền cũng tỵ hòa Phục vị, thuộc về kiết tảo (Bếp tốt).

2) Bếp Khảm: Bếp Khảm làm tiết khí cả Cửa Đoài và Chủ Kiền, biến sinh hai du niên Họa hại và Lục sát thuộc về hung tảo (Bếp hung hại). Nó khiến cho hao tán tiền của và nam nữ chết sớm.

3) Bếp Cấn: Bếp cấn Thổ đối với Cửa Đoài tương sanh và là Bếp Diên niên đắc vị, đối với Chủ Kiền cũng tương sinh và hỗ biến Thiên y. Đây là một cái bếp đại lợi hiệp với Sinh khí trạch thành Nhà ba tốt, rất tốt.

4) Bếp Chấn: Chấn Mộc bị Đoài Kiền khắc lại biến sinh Tuyệt mệnh và Ngũ quỷ, rất xấu. Chết yếu và ở góa là tại Bếp Chấn này.

5) Bếp Tốn: Bếp Tốn Mộc đồng bị Cửa Đoài và Chủ Kiền khắc, biến sinh Lục sát và Họa hại, khiến hàng phụ nữ chết sớm, rất bất lợi cho trưởng phụ (đàn bà lớn) và trưởng nam.

6) bếp Ly: Bếp Ly thuộc Hỏa khắc cả Đoài Kiền, biến sinh Ngũ quỷ và Tuyệt mệnh là cái bếp đại hung.

7) Bếp Khôn: bếp Khôn thuộc Thổ sanh Cửa Đoài và Chủ Kiền, biến sinh Thiên y đăng diện và Diên niên hữu khí, là một cái Bếp đại lợi.

8) Bếp Đoài: Bếp Đoài thuộc Kim đối với Cửa Đoài và Chủ Kiền đều tỵ hòa, biến sinh Phục vị và Sinh khí là một cái Bếp khá tốt.

Nhà số 27 : Cửa ĐOÀI với Chủ KHẢM

(Họa hại trạch)

(Cửa cái tại Đoài, Chủ phòng hay Sơn chủ tại Khảm).

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Bạch hổ đầu giang, lục súc thương. Ý nghĩa: Cọp trắng giao sông, sáu vật bị tổn hại. – Bạch hổ là cọp trắng ám chỉ vào Cửa Đoài, vì Đoài thuộc Kim màu trắng ở chánh Tây là tượng ngôi của bạch hổ. Đầu giang là gieo mình xuống sông, ám chỉ vào Khảm Thủy. Lục súc thương là sáu khí bị thương tổn (bệnh, mất, chết). Sáu thú là nói chung: trâu, bò, dê, lợn, chó, gà.

- Theo phép bát biến thì từ Cửa Đoài biến 5 lần tới Chủ Khảm gặp Họa hại cho nên gọi là Họa hại trạch. (Cũng gọi là Tiết khí trạch vì Khảm Thủy vốn là hao thoát khí Đoài Kim, nước chảy làm hao mòn kim thạch). Ở nhà này ất sản nghiệp thoái bại, sanh những việc dâm dăng, rượu chè, cờ bạc, hút sách, hàng thiếu phụ chết non... Ở càng lâu càng thêm sự bại tuyệt.

Cửa Đoài với Chủ Khảm phối 8 Bếp :

Tám Bếp sau đây đều thuộc về nhà số 27 là Họa hại trạch nói trên. Cửa Đoài thuộc Tây tứ cung, còn Chủ Khảm thuộc Đông tứ cung cho nên nhà này thuộc loại Đông Tây tương hỗn trạch. Ở loại nhà này bếp nào cũng biến sinh một kiết du niên và một hung du niên, như vậy không có bếp nào trọn hung hay trọn kiết).

1) Bếp Kiền: Bếp Kiền đối với Cửa Đoài tỵ hòa và là Bếp Sinh khí thất vị là cái bếp tốt thông thường, nhưng cũng chẳng khỏi tán tài và tổn hại nhân đinh vì Bếp Kiền

Dương trạch tam yếu

bị tiết khí Cửa Đoài và là Bếp Hỏa hại khiến cho phụ nữ đoản thọ. Còn bếp Khảm với Chủ Khảm hổ biến Phục vị Mộc hữu khí là chỗ khá tốt.

2) Bếp Khảm: Bếp Khảm cũng như Chủ Khảm làm tiết khí Cửa Đoài và là bếp Hỏa hại khiến phụ nữ đoản thọ. Còn Bếp Khảm với Chủ Khảm hổ biến Phục vị Mộc hữu khí là chỗ khá tốt.

3) Bếp Cấn: Bếp cấn Thổ đối với Cửa Đoài tương sinh và là bếp Diên niên đắc vị, là cái Bếp tốt. Nhưng Cấn khắc Chủ Khảm và phạm Ngũ quỷ khiến cho tiểu nhi chết yểu, hiếm con nối dòng họ.

4) Bếp Chấn: Bếp Chấn Mộc bị Cửa Đoài khắc và là bếp Tuyệt mệnh bất lợi. Nhưng Bếp Chấn được Chủ Khảm sinh và hổ biến được Thiên y vô khí là chỗ tốt bình thường.

5) Bếp Tốn: Bếp tốn Mộc bị Cửa Đoài khắc là Bếp Lục sát khiến cho hàng phụ nữ bất lợi. Nhưng Bếp Tốn được Chủ Khảm sinh và hổ biến được Sinh khí hữu khí là chỗ rất tốt vậy.

6) Bếp Ly: Bếp Ly Hỏa khắc Cửa Đoài là phạm Ngũ quỷ là cái Bếp đại hung. Tuy Ly với chủ Khảm hổ biến được Diên niên là mặt tốt song đủ bù vào cái hại lớn của Ngũ quỷ.

7) Bếp Khôn: Bếp Khôn Thổ, sinh Cửa Đoài Kim và là bếp Thiên y đăng diện, đại kiết, đại lợi. Nhưng Khôn với Chủ Khảm tương khắc và hổ biến Tuyệt mệnh, khiến cho hạng trung nam yếu thọ, ở góa, hiếm con thừa tự.

8) Bếp Đoài: Với Cửa Đoài biến sinh Phục vị, thất vị, sự tốt quá ít ỏi. Còn Đoài với Chủ Khảm tiết khí và Chủ hổ biến Hỏa hại khiến phụ nữ đoản Mệnh, bất lợi.

Nhà số 28 : Cửa ĐOÀI với Chủ CẤN

(Diên niên trạch)

(Cửa cái tại Đoài, Chủ phòng hay Sơn chủ tại Cấn)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Trạch sơn tăng phúc, tiểu phòng vi vinh. Ý nghĩa: Hẻm núi thêm phúc, phòng nhỏ vẻ vang. Trạch là cái đầm nước, chỉ vào Đoài (Đoài vi trạch), Sơn là núi, chỉ vào Cấn (Cấn vi sơn). Tăng phúc là phước. Tiểu phòng là phòng nhỏ, nói về thế thiếp là vợ thứ nói về tôn tử là con thứ cũng ứng về hàng con cái nhỏ tuổi con cái hàng thứ thê, thứ đệ. Vinh là vẻ vang tốt tươi.

- Theo phép Bát biến thì từ Cửa Đoài biến 3 lần tới Chủ phòng Cấn được Diên niên cho nên gọi là Diên niên trạch. Diên niên Kim đối với Cửa Đoài Kim là tỷ hòa vượng khí, lâm Cấn Thổ là tương sinh, chánh nam thông minh, nữ tuần tú, nam nữ đều trung hiếu hiền lương và sống lâu và gia đạo thuận hòa, giàu có sang trọng, vẻ vang, khoa giáp đỗ liền liền. Phát đạt nhất là mạng Kim ứng vào số 4 và số 9, cho nên ở tới 4 hay 9 năm thì phát phước, và những năm thuộc Kim cục là Tỵ, Dậu, Sửu thì ứng cát tường (đem đến việc lành).

Cửa Đoài với Chủ Cấn phối 8 Bếp :

(Tám cái bếp sau đây đều thuộc về nhà số 28 là Diên niên trạch nói trên. Là Tây tứ trạch thì các Tây trù thuộc kiết tảo, mà Đông trù là 4 Bếp Khảm, Ly, Chấn, Tốn).

1) Bếp Kiền: Bếp Kiền Kim đối với Cửa Đoài tỷ hòa là Bếp Sinh khí, đối với Chủ Cấn tương sinh hổ biến được Thiên y. Đây là 1 cái Bếp đại kiết. Hơn nữa là nhờ

Dương trạch tam yếu

Bếp này mà nhà Diên niên có thêm Sinh khí và Thiên y, hợp thành Nhà ba tốt, phước lộc thọ đầy đủ.

2) Bếp Khảm: Bếp Khảm Thủy tiết khí Cửa Đoài và là Bếp Hỏa hại đối với Chủ căn, tương khắc hồ biến Ngũ quý. Hỏa hại đã hung, Ngũ quý còn hung hại hơn.

3) Bếp Cấn: Bếp Cấn Thổ với Cửa Đoài tương sinh và là Bếp biến Tuyệt mệnh, đối với Chủ Căn cũng tương khắc và hồ biến Lục sát: hung tảo.

4) Bếp Chấn: Bếp Chấn Mộc đối với Cửa Đoài vào Chủ Căn đều tương khắc và biến sinh Hỏa hại với Tuyệt mệnh, đối với Chủ Căn cũng tương khắc và hồ biến Lục sát: hung tảo.

5) Bếp Tốn: Bếp Tốn Mộc đối với Cửa Đoài vào Chủ Căn đều tương khắc và biến sinh Hỏa hại với Tuyệt mệnh. Cũng như Bếp Chấn, là hung tảo.

6) Bếp Ly: Khắc Cửa Đoài và là Bếp Ngũ quý đại hung.. Bếp Ly với Chủ căn hồ biến Hỏa hại, cũng chẳng tốt.

7) Bếp Khôn: Bếp Khôn Thổ sanh Cửa Đoài và chính biến Thiên y đăng diện rất tốt, đối với Chủ Căn tỷ hòa và hồ biến được Sinh khí tuy vô khí nhưng cũng vẫn tốt. Vả lại, nhờ Bếp Khôn mà nhà Diên niên có thêm Thiên y với Sinh khí hợp lại mà thành Nhà ba tốt, rất tốt.

8) Bếp Đoài: Bếp Đoài Kim đối với Cửa Đoài Kim tỷ hòa Phục vị chẳng tốt bao nhiêu, nhưng đối với Chủ Căn tương sinh và hồ biến được Diên niên hữu khí rất tốt. Như vậy, Bếp này tốt vừa vừa.

Nhà số 29 : Cửa ĐOÀI với Chủ CHẤN

(Tuyệt mệnh trạch)

(Cửa cái tại Đoài, Chủ phòng hay Sơn chủ tại Chấn)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Hổ nhập long oa, lao cổ phế. Ý nghĩa: Cọp vào hang rồng; bệnh lao, bệnh cổ, phế tật. Hổ là Bạch hổ ám chỉ vào Đoài (xem lời giải ở nhà số 27). Long oa là hang rồng chỉ vào Chấn (xem lời giải long vị ở nhà số 14). Lao là bệnh lao, mỗi mết. Cổ là bệnh tâm thần mê man. Phế là bị phế tật, không còn làm được việc gì.

- Từ Cửa Đoài biến 7 lần tới Chủ Khảm thì ra Tuyệt mệnh cho nên gọi là Tuyệt mệnh trạch, là ngôi nhà góa bụa, tuyệt tự. Trưởng nam và trưởng nữ chẳng sống lâu, hại chồng, khắc con, gia đạo bất hòa, điền sản thoái bại, , thường sanh các bệnh đau nhức tim, bụng, lưng, móng... Cửa tại Đoài thuộc phương chánh Tây. Đúng là một ngôi nhà Đông Tây hỗn loạn (loại hung trạch).

Cửa Đoài với Chủ Chấn phối 8 Bếp :

(Tám cái bếp sau đây đều thuộc nhà số 29 Tuyệt ệnh trạch là Đông Tây hỗn loạn nói ở trên. Ở hỗn loạn trạch, không có Bếp nào trọn tốt hay trọn xấu vì Bếp nào cũng biến sinh 1 hung du niên và 1 kiết du niên, lợi cho Cửa thì hại cho Chủ, hại Cửa thì lợi Chủ).

Cửa Đoài với Chủ Chấn phối 8 Bếp :

1) Bếp Kiền: Bếp Kiền Kim đối với Cửa Đoài, tỷ hòa và là Bếp Sinhkhí thất vị, tốt vừa vừa. Nhưng Kiền đối với Chủ Chấn tương khắc và hồ biến rất tai hại.

Dương trạch tam yếu

2) Bếp Khảm: Bếp Khảm Thủy đối với Cửa Đoài bị tiết khí và là Bếp Hỏa hại, hại nam nhân, tổn con, khắc vợ, nhưng Khảm với Chủ Chấn tương sinh và hổ biến Thiên y vô khí, giảm bớt tai họa.

3) Bếp Cấn: Bếp cấn, Thổ đối với Cửa Đoài tương sinh và là bếp Diên niên đắc vị rất tốt, nhưng Cấn đối với Chủ Chấn tương khắc và hổ biến Lục sát, làm giảm bớt sự tốt của Diên niên.

4) Bếp Chấn: Bếp Chấn, Mộc đối với Cửa Đoài tương khắc và là Bếp Tuyệt mệnh. Nhà Tuyệt mệnh, Bếp cũng Tuyệt mệnh, cái hại bằng hai. Còn bếp Chấn đối với Chủ Chấn tỷ hòa Phục vị, đăng diện cũng khá tốt, nhưng cũng không đủ bù trừ Tuyệt mệnh.

5) Bếp Tốn: Bếp Tốn, Mộc đối với Cửa Đoài tương khắc và là Bếp Lục sát, khiến cho đàn bà chết sớm. Nhưng Bếp Tốn với Chủ Chấn tỷ hòa và hổ biến được Diên niên vô khí, chỉ có lợi qua loa.

6) Bếp Ly: Bếp Ly Hỏa khắc Cửa Đoài và phạm Ngũ quỷ, đại hung. Tuy Ly với Chủ Chấn tương sinh và hổ biến Sinh khí hữu khí là tốt lắm nhưng không đủ sức bù trừ Ngũ quỷ.

7) Bếp Khôn: Bếp Khôn Thổ đối với Cửa Đoài tương sinh và là Bếp Thiên y đăng diện, rất tốt. Nhưng Khôn bị Chủ Chấn khắc và hổ biến và Hỏa hại làm giảm sự tốt của Thiên y.

8) Bếp Đoài: Bếp Đoài Kim đối với Cửa Đoài là Bếp Phục vị thất vị, kể như không có lợi chi, còn Đoài khắc Chủ Chấn hổ biến ra Tuyệt mệnh, hung hại chẳng ít.

Nhà số 30 : Cửa ĐOÀI với Chủ TỐN

(Lục sát trạch)

(Cửa cái tại Đoài, Chủ phòng hay Sơn chủ tại Tốn)

Lời tượng ứng về ngôi nhà: Hổ phùng hạn địa diệc âm dương. Ý nghĩa: Con hổ gặp địa Thổ hiểm trở cũng âm là thương tổn. Hổ tức bạch hổ ám chỉ Đoài (xem lời giải bạch hổ ở nhà số 27). Phùng là gặp. Hạn địa là thổ đất trở ngại, ám chỉ Tốn bị khắc (Đoài Kim khắc Tốn Mộc). Diệc là cũng, theo âm là thuần Âm, chỉ vào Đoài với Tốn. Thương là thương tổn, làm tổn hại. Cửa Đoài gặp Chủ Tốn nên thợ khắc như con hổ gặp địa Thổ ngăn trở.

Từ Cửa Đoài biến bốn lần ra Lục sát cho nên gọi là Lục sát trạch. Đoài với Tốn tương khắc, là tượng hai nữ ở chung mà chẳng thuận ắt sanh sự chẳng sai. Đoài với Tốn thuộc Âm tức Âm thịnh Dương suy, khiến cho các nam nhân bất lợi. Nhà này khắc chồng, hại con, nhân khẩu và tiền tài đều rơi vào cảnh bại tuyệt hay sanh cái họa bệnh đau nhức.

Cửa Đoài với Chủ Tốn phối 8 Bếp :

(Tám cái Bếp sau đây đều thuộc về nhà số 30 là Lục sát trạch nói trên. Nhà này thuộc Đông Tây tương hỗn trạch vì Cửa Đoài là Tây tứ cung mà Chủ Tốn là tây tứ cung. Là hỗn loạn trạch thì Bếp nào cũng sinh hai du niên, một hung, một kiết, không có Bếp nào trọn hung hay trọn kiết.

1) Bếp Kiền: Bếp Kiền Kim đối với Cửa Đoài tỷ hòa là bếp Sinh khí thất vị là tốt vừa vừa. Nhưng Kiền Kim với Chủ Tốn là Kim với Mộc, bình chiếu và hổ biến ra Hỏa Hại khiến cho phụ nữ đoản thọ.

Dương trạch tam yếu

2) Bếp Khảm: Bếp Khảm tiết khí Cửa Đoài và là Bếp Hỏa hại, rất bất lợi. Nhưng Khảm với Tốn tương sanh và hồ biến được Sinh khí hữu khí có Thổ Dương đối với Hỏa hại.

3) Bếp Cấn: Bếp Cấn Thổ đối với Cửa Đoài tương sanh là Bếp Diên niên đắc vị rất tốt. Nhưng Cấn với Tốn tương khắc và hồ biến ra Tuyệt mệnh khiến bất lợi cho tiểu nhi, góa phụ, tuyệt tự.

4) Bếp Tốn: Bếp Tốn Mộc bị Cửa Đoài khắc và là Bếp Lục sát, nhưng Tốn với Chủ Tốn tỷ hòa Phục vị đăng diện. Bếp này sanh sự bất hòa nhưng khoảng sơ niên phát tài. Đoài, Tốn, Tốn là ba Âm ở chung, cưới ba vợ mà chẳng sanh một con.

5) Bếp Chấn: Bếp Chấn Mộc bị Cửa Đoài khắc và là bếp Tuyệt mệnh khiến cho nam nữ yếu vong. Còn Chấn với Chủ Tốn tỷ hòa và hồ biến được Diên niên là chỗ tốt, nhưng Diên niên Kim khắc Chấn, Tốn là vô khí, tốt chẳng đáng bao nhiêu.

6) Bếp Ly: Bếp Ly Hỏa khắc Cửa Đoài lại phạm Ngũ quỷ, đại hung. Tuy Ly với Chủ Tốn tương sanh và hồ biến được Thiên y nhưng vô khí, sự tốt không đủ bù trừ Ngũ quỷ.

7) Bếp Khôn: Bếp Khôn Thổ đối với Cửa Đoài tương sanh và là Bếp Thiên y đăng diện rất tốt, có thể áp đảo nổi Ngũ quỷ do Bếp Khôn với Chủ Tốn hồ biến ra.

8) Bếp Đoài: Bếp Đoài Kim với Cửa Đoài tỷ hòa và là Bếp Phục vị thất vị, sự tốt ít ỏi. Còn Bếp Đoài với Chủ Tốn tương khắc và hồ biến ra Lục sát bất lợi.

Nhà số 31 : Cửa Đoài với Chủ Ly

(Ngũ quỷ trạch)

(Cửa cái tại Đoài, Chủ phòng hay Sơn chủ tại Ly)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Hỏa Hỏa viêm chung, nữ thiếu vong. Ý nghĩa: Con hổ bị lửa nung đốt; người nữ trẻ chết. – Hỏa tức Bạch hổ ám chỉ vào Đoài (Xem lời giải Bạch hổ nhà số 27). Hỏa là lửa chỉ vào Ly, vì Ly thuộc Hỏa. Viêm chung là hơi lửa nóng đốt. Nữ thiếu vong là hàng phụ nữ trẻ chết, vì Đoài thuộc hàng thiếu nữ và Ly cũng vào hàng trung nữ.

- Từ Cửa Đoài biến 2 lần tới Chủ Ly thì ra Ngũ quỷ cho nên gọi là Ngũ quỷ trạch, thuộc loại Đông tây tương hỗn trạch (Đoài là Tây tứ cung gặp Ly là Đông tứ cung, hai phe nghịch nhau mà gặp nhau) Ly là Âm Hỏa khắc Đoài là Âm Kim và là thuận Âm, phụ nữ làm loạn, vợ đoạt quyền chồng, nam nhân đoản thọ mà phụ nữ cũng yếu vong, số người không thêm mà còn bị chết cách hung dữ, gia sản tiêu bại, tuyệt tự, ma quỷ tác loạn, bệnh ho hen khạc đàm, bệnh lao, thật là một ngôi nhà tai họa.

Cửa Đoài với Chủ Ly phối 8 Bếp :

(Tám Bếp sau đây đều thuộc về ngôi nhà số 31 là Đông Tây tương hỗn trạch. Vì vậy bếp nào cũng biến sinh một hung du niên và một kiết du niên, không có Bếp nào trọn hung hay trọn kiết).

1) Bếp Kiền: Bếp Kiền Kim với Cửa Đoài tương sanh và là Bếp Sinh khí Mộc thất vị, tốt vừa vừa, nhưng Kiền với Chủ Ly tương khắc và hồ biến ra Tuyệt mệnh khiến cho nam nữ đoản thọ.

2) Bếp Khảm: Bếp Khảm Thủy tiết khí Cửa Đoài là Bếp Hỏa hại khiến cho nam nữ chẳng sống lâu. Nhưng Khảm với Ly tuy tương khắc song hồ biến được Diên niên hữu khí là chỗ khá tốt.

Dương trạch tam yếu

2) Bếp Khảm: Bếp Khảm Thủy tiết khí Cửa Đoài và là Bếp Hỏa hại khiến cho nam nữ chẳng sống lâu. Nhưng Khảm với Ly tuy tương khắc song hổ biến được Diên niên hữu khí là chỗ khá tốt.

3) Bếp Cấn: Bếp cấn Thổ sanh Cửa Đoài có đủ Âm Dương và là Bếp Diên niên đắc vị rất tốt. Còn Cấn với Chủ Ly tuy tương sanh nhưng hổ biến ra Hỏa hại là chỗ bất lợi bình thường.

4) Bếp Chấn: Bếp Chấn Mộc bị Cửa Đoài khắc và là Bếp Tuyệt mệnh. Nhà Ngũ quỷ chứa Bếp Tuyệt mệnh sự hung hại chẳng vừa. Tuy Bếp Chấn với Chủ Ly hổ biến Sinh khí tốt nhưng không đủ bù trừ sự hung hại.

5) Bếp Tốn: Bếp Tốn Mộc với Cửa Đoài Kim hình chiến nhau mà làm ra Bếp Lục sát bất lợi. Nhưng Tốn với Chủ Ly tương sanh và hổ biến được Thiên y là chỗ tốt đủ san bằng sự bất lợi do Lục sát sanh ra.

6) Bếp Ly: Bếp Ly Hỏa khắc Cửa Đoài Kim và chính biến ra Bếp Ngũ quỷ đại hung hại. Bếp Ly với Chủ Ly hổ biến ra Phục vị tốt tầm thường.

7) Bếp Khôn: Bếp Khôn Thổ với Cửa Đoài chính biến ra Thiên y, với Chủ Ly hổ biến ra Lục sát. Đây là cái Bếp nửa tốt nửa xấu.

8) Bếp Đoài: Bếp Đoài Kim với Cửa Đoài tác Phục vị thất vị chẳng tốt bao nhiêu. Còn Đoài với Chủ Ly tương khắc và hổ biến ra Ngũ quỷ rất hại.

Nhà số 32 : Cửa Đoài với Chủ Khôn

(Thiên y trạch)

(Cửa cái tại Đoài, Chủ phòng hay Sơn chủ tại Khôn)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Trạch Địa: Tài long dị tánh cư. Ý nghĩa: Trạch là đầm nước chỉ vào Đoài (Đoài vi trạch). Địa là đất chỉ vào Khôn (Khôn vi Địa). Tài long là tiền tài hưng long (thịnh phát). Dị tánh cư là khác họ ở chung. Phàm Cửa tại Đoài và Chủ tại Khôn là ngôi nhà phát đạt tiền của, nhưng có người khác họ ở chung (ý nói là vì không có con nối dòng nên phải nuôi con họ khác làm kế thừa tự, bởi Đoài với Khôn thuận Âm).

- Từ Cửa Đoài biến 6 lần tới Chủ Khôn tất được Thiên y cho nên gọi là Thiên y trạch. Và cũng thuộc về Tây tứ trạch, vì Đoài với Khôn đều là Tây tứ cung. Tjiên y Thổ lâm Khôn tỳ hòa là phúc thần đăng diện khiến cho gia đạo hưng long, trọn nhà ưa làm việc lành, hay lễ Phật, niệm Phật và tụng niệm kinh pháp. Nhưng vì Đoài với Khôn thuận Âm tất Âm thịnh Dương suy cho nên nữ nhiều mà nam ít, mẹ và con gái hay làm phước, thương gái, chuộng rể, nuôi con nuôi. Nói tóm lại nhà này trước tốt mà sau mất hay.

Cửa Đoài với Chủ Khôn phối 8 Bếp :

(Tám Bếp sau đây đều thuộc về nhà số 32 là tây tứ trạch nói trên. Vì là Tây tứ trạch nên tây trù là kiệt tảo mà Đông trù là hưng tảo. Tây trù là 4 Bếp Kiền Khôn Cấn Đoài, mỗi Bếp đều biến sinh hai kiệt du niên. Đông trù là 4 Bếp Khảm Ly Chấn Tốn, mỗi Bếp đều biến sinh hai hưng du niên).

1) Bếp Kiền: Bếp Kiền Dương Kim đối với Cửa Đoài tỳ hòa có đủ Âm Dương và là Bếp Sinh khí, đối với Chủ Khôn tương sanh có đủ Âm Dương và hổ biến được Diên niên. Đây là một cái bếp đại kiệt, đại lợi, vì Kiền thuộc Dương Thổ được cái thuận Âm

Dương trạch tam yếu

của nhà. Lại nhờ Kiền biến sinh Sinh khí và Diên niên hiệp với Thiên y trạch thành Nhà ba tốt, rất tốt.

2) Bếp Khảm: Bếp Khảm Thủy đối với Cửa Đoài là Bếp Hỏa hại, đối với Chủ Khôn là Tuyệt mệnh khiến cho nam nữ chẳng sống lâu.

3) Bếp Cấn: Bếp Cấn Dương Thổ đối với Cửa đoài là Âm Dương tương sanh và chính biến Diên niên đắc vị, đối với Chủ Khôn là Âm Dương tử hòa và hỷ biến được Sinh khí. Đây là cái Bếp thuận lợi trong mỗi sự việc. Nhưng cũng nhờ Bếp Cấn thuộc Dương phá được cái thuần Âm của nhà, và còn biến sinh Diên niên với Sinh khí hiệp với Thiên y trạch thành Nhà Ba tốt, rất tốt.

4) Bếp Chấn: Bếp Chấn Mộc đối với Cửa Đoài tương khắc và là Bếp Tuyệt mệnh, đối với Chủ Khôn cũng tương khắc và hỷ biến ra Hỏa hại. Như vậy là hung tảo.

6) Bếp Ly: Bếp Ly Hỏa đối với Cửa Đoài chính biến Ngũ quý, đối với Chủ Khôn hỷ biến Lục sát. Bếp này còn hung hại hơn Bếp Tốn một bậc, Bếp Tốn hỷ biến Ngũ quý, còn bếp Ly chính biến Ngũ quý. Chính biến hại mạnh hơn hỷ biến.

7) Bếp Khôn: Bếp Khôn Âm Thổ, đối với Cửa Đoài tương sanh và là bếp Thiên y đăng diện, đối với Chủ Khôn là Phục vị. Bếp này cũng thuộc về kiết tảo, tiền bạc nhiều mà nhân đinh thưa thớt. Đó là vì được phúc thần đăng diện (Thiên y), nhưng bởi Đoài Khôn Khôn thuần Âm. Chớ dùng Bếp này tới lâu sau ắt tuyệt tự.

8) Bếp Đoài: Bếp Đoài Âm Kim, đối với Cửa Đoài là Bếp Phục vị thất vị, đối với Chủ Khôn được Thiên y hữu khí. Bếp này cũng thuộc hàng bếp tốt, nhưng Đoài Khôn Đoài toàn Âm cung khiến hại chồng khắc con.

Nhà số 33 : Cửa KHẨM với Chủ KHẨM

(Phục vị trạch)

(Cửa cái tại Khảm, Chủ phòng hay Sơn chủ cũng tại Khảm).

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Thủy nhược trùng phùng; thê tử nạn. Ý nghĩa: Nước bằng gặp nhau thì vợ con lâm nạn. Đó là nói Khảm Thủy lại gặp Khảm Thủy, tức là Cửa tại Khảm mà Chủ cũng tại Khảm vậy.

- Từ Cửa Khảm biến 8 lần đoá lại Chủ Khảm được Phục vị cho nên gọi là Phục vị trạch. Khảm Thủy gặp Khảm Thủy là tử hòa và được Phục vị Mộc đắc vị cho nên lúc đầu phát đạt lớn, nhưng vì hai Khảm thuần Dương chẳng sinh hóa được, về lâu sau ắt khắc vợ hại con, sanh ra các vụ ở góa, không con nối dòng. Hai Khảm thuộc Dương tức như hai nam nhân ở chung mà không có thê thiếp vậy.

Cửa Khảm với Chủ Khảm phối 8 Bếp :

(Tám Bếp sau đây đều thuộc về nhà số 33 là Đông tứ trạch. Vì vậy Đông trù là 4 Bếp Khảm Ly Chấn Tốn đều tốt, còn tây trù là 4 Bếp Kiền Khôn Cấn Đoài đều bất lợi).

1) Bếp Kiền: Cửa tại Khảm thì Bếp Kiền là bếp Lục sát và Kiền với Khảm thuần Âm, khắc vợ hại con, phạm vào lời tượng: Thiên môn lạc thủy xuất dân cuồng (xem lời tượng ứng về ngôi nhà số 2).

2) Bếp Khảm: Cửa tại Khảm thì Bếp Khảm là Bếp Phục vị đắc vị. Bếp Khảm với Chủ Khảm cũng vậy. Như vậy là 3 Khảm Thủy tử hòa, chính biến hỷ biến được 3 Phục vị Mộc đắc vị, đồng hợp với Đông tứ trạch là ngôi nhà này. Nhờ vậy sơ niên đại phát phú quý, nhân khẩu cùng gia đạo đều đặn an toàn. Nhưng vì 3 Khảm thuần Dương (không có Âm) ở lâu sau khắc vợ, hiếm con nối dòng họ.

Dương trạch tam yếu

3) Bếp cần: Bếp cần Thổ đối với Cửa Khảm Chủ Khảm đều tương khắc và biến sinh 2 Ngũ quỷ đại hung, hàng trung nam bất lợi, trẻ nhỏ chết mất.

4) Bếp Chấn: Bếp Chấn Mộc đối với 2 Khảm đều đặn tương sinh và biến sinh 2 Thiên y là phúc thần, sơ niên phát phước, ưa làm việc lành. Nhưng Chấn Khảm Khảm thuần Dương, ở lâu khắc vợ hại con.

5) bếp Tốn: Bếp Tốn Âm Mộc đối với 2 Khảm tương sinh mà có đủ Âm Dương, sinh biến được 2 Sinh khí Mộc hữu khí rất hợp với Đông tứ trạch là ngôi nhà này. Vậy nên phúc lộc thọ là ba tốt hoàn toàn thật là đại kiết, đại lợi được mệnh danh là Ngũ tử đăng khoa tảo (Bếp 5 con thi đỗ).

6) bếp Ly: Bếp Ly Âm Hỏa đối với Cửa Khảm và Chủ Khảm là Âm Dương chính phối, biến sinh hai Diên niên. Bếp này khiến sinh được 4 con và cũng phát phước, nhưng kém hơn Bếp Tốn.

7) Bếp Khôn: Bếp Khôn Âm Thổ khắc 2 Khảm (Cửa, Chủ) và biến sinh hai Tuyệt mệnh, gây bất lợi cho hạng trung nam.

8) Bếp Đoài: Bếp Đoài Âm Kim đối với 2 Khảm tuy tương sinh nhưng là tiết khí (vì biến sinh 2 Họa hại) khiến cho hàng thiếu phụ yếu vong.

Nhà số 34 : Cửa KHẨM với Chủ CẤN

(Ngũ quỷ trạch)

(Cửa cái tại Khảm, Chủ phòng hay Sơn chủ tại Cấn)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Thủy ngộ Sơn khắc tu pháp tự. Ý nghĩa: Nước gặp núi khắc tựa thiếu con nối dòng. Thủy là nước chỉ vào Khảm. Sơn là núi chỉ vào Cấn. Khảm Thủy bị Cấn Thổ khắc hại nên nói nước gặp núi khắc. Pháp tự là thiếu con thừa tự.

- Từ Cửa Khảm biến 2 lần tới Chủ Cấn phạm Ngũ quỷ cho nên gọi là Ngũ quỷ trạch. Cấn thuộc thiếu nam phạm Ngũ quỷ cho nên trẻ con gặp điều bất lợi, khó có sanh con, có sanh cũng khó dưỡng nuôi, cho nên lời tượng nói là pháp tự. Nhà Ngũ quỷ sanh ra lắm sự khổ hại: quan tụng, khẩu thiệt, thị phi, bệnh hoạn, thất cổ, trầm sông (tự vận), bị trộm cướp, vong gia bại sản, tà ma nhập trạch... Thật là nhiều bệnh tật, nhiều tai họa, trăm việc chẳng hay ho chút nào.

Cửa Khảm với Chủ Cấn phối 8 Bếp :

(Tám Bếp sau đây đều thuộc về nhà số 34 là Đông Tây tương hỗn trạch, cho nên Bếp nào đối với Cửa Chủ cũng biến sanh một kiết du niên và một hung du niên. Vậy không có Bếp nào trọn tốt hay trọn xấu).

1) Bếp Kiên: Bếp Kiên Kim bị Cửa Khảm tiết khí và là bếp Lục sát thuần dương. Dừng lâu Bếp này khắc vợ lại hiếm con thừa tự. Nhưng lúc đầu cũng có tốt là nhờ Kiên với Chủ Cấn tương sinh hỗ biến Thiên y hữu khí.

2) Bếp Khảm: Bếp Khảm Thủy đối với Cửa Khảm tỵ hòa Phục vị tốt qua loa, nhưng đối với Chủ cần tương khắc hỗ biến Ngũ quỷ hại người, hao của, đoản thọ, tuyệt tự.

3) Bếp Cấn: Bếp Cấn Thổ đối với Chủ Khảm tương khắc và là Bếp Ngũ quỷ rất tai hại, đối với Chủ cần tỵ hòa Phục vị vô khí tốt ít oi.

Dương trạch tam yếu

4) Bếp Chấn: Bếp Chấn Mộc đối với Cửa Khảm tương sanh và là Bếp Thiên y khá tốt, nhưng đối với Chủ Cấn tương khắc và hồ biến Lục sát tai hại. Vậy Bếp này nửa tốt nửa xấu, lợi hại tương đương.

5) Bếp Bếp Tốn: Bếp Tốn Âm Mộc đối với Chủ Khảm Dương Thủy là Âm dương tương sanh và là bếp Sinh khí đăng diện đại kiết, nhưng Tốn khắc Chủ cấn hồ biến Tuyệt mệnh bất lợi cho tiểu nhi.

6) Bếp Ly: Bếp Ly Âm Hỏa đối với Cửa Khảm là Bếp Diên niên tốt, đối với Chủ Cấn tuy Hỏa hại nhưng cũng được tương sanh. Vậy Bếp này kiết nhiều hơn hung. Duy Ly Hỏa nóng đốt Cấn Thổ khô là tượng phụ nữ tánh cương ngạnh (chỉ vào Ly) và tiểu nhi bất lợi (chỉ vào Cấn).

7) Bếp Khôn: Bếp Khôn Thổ đối với Cửa Khảm tương khắc và là Bếp Tuyệt mệnh gây bất lợi cho hàng trung nam và lão mẫu lại sanh các chứng bệnh da vàng, phù thũng, kết đọng hòn cục, tim bụng đau nhức. Còn như Bếp Khôn đối với Chủ Cấn tỷ hòa và hồ biến Sinh khí Mộc vô khí tốt qua loa.

8) Bếp Đoài: Bếp Đoài Kim sanh Cửa Khảm nhưng là Bếp Hỏa hại, không tốt, bất lợi cho hàng phụ nữ. Nhưng Đoài với Chủ Cấn tương sanh và hồ biến Diên niên hữu khí kiết nhiều hơn hung.

Nhà số 35 : Cửa KHẢM với Chủ CHẤN

(Thiên y trạch)

(Cửa cái tại Khảm, Chủ phòng hay Sơn chủ tại Chấn)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Thủy lô phát phúc, cửu tuyệt tự. Ý nghĩa: Nước Sấm phát phúc, lâu không con nối dòng. Thủy là nước chỉ vào Khảm. Lô là sấm chỉ vào Chấn. Nhà có Cửa Khảm với Chủ Chấn thì phát phúc vì Khảm với Chấn chính biến được Thiên y. Nhưng ở lâu không con thừa tự là bởi Khảm Chấn thuần dương.

- Từ Cửa Khảm biến 6 lần tới Chủ Chấn được Thiên y cho nên gọi là Thiên y trạch, là nhà cứu bần đệ nhất (giải trừ sự nghèo nàn rất hay). Sơ niên (những năm đầu) số người thêm rất đông, công danh hiển đạt, khoa giáp đỗ liền liền, toàn gia vui tốt, ưa chứa đức, giúp người lợi vật. Nhưng có thể giàu vừa vừa chứ không giàu lớn, vì Thiên y thuộc Thổ gặp Khảm Chấn vô khí (tương khắc). Lại vì Khảm Chấn thuần Dương không có Âm cho nên ở lâu năm quá sẽ cô độc, góa bụa, tuyệt tự, phụ nữ chường quản nhà cửa.

Cửa Khảm với Chủ Chấn phối 8 Bếp :

(Tám Bếp sau đây đều thuộc về nhà số 35 là Thiên y trạch và là Đông tứ trạch. Phạm là Đông tứ trạch thì 4 Bếp Khảm Ly Chấn Tốn đều có lợi, còn 4 Bếp Kiền Khôn Cấn Đoài đều bất lợi).

1) Bếp Kiền: Bếp Kiền Kim đối với Cửa Khảm là Bếp Lục sát phạm âm cuồng, đối với Chủ Chấn phạm Ngũ quỷ đại hung, mọi sự bất lợi. Khảm Chấn Kiền là 3 Dương đồng cư, ở lâu sẽ tuyệt tự.

2) Bếp Khảm: Bếp Khảm với Cửa Khảm tỷ hòa Phục vị đắc vị, với Chủ Chấn tương sanh hồ biến Thiên y là phúc thần, sơ niên đại phát phú quý, phúc lộc kiêm toàn. Nhưng về sau lâu góa bụa, tuyệt tự, vì Khảm Chấn Khảm toàn là Dương không có Âm, chẳng sinh hóa được.

Dương trạch tam yếu

3) Bếp Cấn: Bếp Cấn Thổ đối với Cửa Khảm Chủ Chấn đều tương khắc, biến sinh Ngũ quỷ và Lục sát là cái Bếp bất lợi trong mỗi sự việc, rất hại.

4) Bếp Chấn: Bếp Chấn Dương Mộc đối với Cửa Khảm Chủ Chấn đều tương sinh cùng tử hòa, biến sinh Phục vị đắc vị và Thiên y là phúc thần. Nhờ vậy sơ niên đại kiết, đại lợi (tốt lớn, lợi lớn), nhưng về lâu sau chẳng mấy hay. Đó là bởi Khảm Chấn Cấn thuần Dương không có Âm.

5) Bếp Tốn: Bếp Tốn Âm Mộc đối với Cửa Khảm Âm Dương tương sinh và là Bếp Sinh khí đăng diện, đối với Chủ Chấn Âm Dương tử hòa và hỗ biến được Diên niên hiệp với Thiên y trạch thành Nhà ba tốt, phước, lộc, thọ trọn đủ (Thiên y là phước thần, Sinh khí là lộc thần, Diên niên là thọ thần). Đây là một cái Bếp tốt bậc nhất.

6) Bếp Ly: Bếp Ly Âm Hỏa đối với Cửa Khảm là Tuyệt mệnh, đối với Chủ Chấn là Hỏa hại lại toàn là tương khắc. Bếp này rất bất lợi.

8) Bếp Đoài: Bếp Đoài Kim đối với Cửa Khảm là Bếp Hỏa hại, đối với Chủ Chấn hình khắc và hỗ biến Tuyệt mệnh khiến cho nam nữ đều bất lợi, là hung tảo vậy.

Nhà số 36 : Cửa KHẨM với Chủ TỐN

(Sinh khí trạch)

(Cửa cái tại Khảm, Chủ phòng hay Sơn chủ tại Tốn)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Thủy Mộc vinh hoa, phát nữ tú. Ý nghĩa: Nước cây tươi tốt, phụ nữ tuần tú phát lên. Thủy là nước chỉ vào Khảm. Mộc là cây chỉ vào Tốn. Nhà có Cửa tại Khảm và Chủ tại Tốn như nước tưới cây hoa nở tươi tốt, hàng phụ nữ đẹp dễ phát giàu sang, vẻ vang (bởi Tốn thuộc phụ nữ).

- Từ Cửa Khảm biến 1 lần tới Chủ Tốn được Sinh khí cho nên gọi là Sinh khí trạch. Sinh khí Mộc lâm Tốn tử hòa đăng diện, đối với Khảm là được sinh. Đây là một ngôi nhà thuộc Đông tứ trạch đệ nhất phát đạt, không có ngôi nhà nào sánh bằng: sinh 5 con, nam thông minh, nữ tuần tú, con hiếu cháu hiền, điền sản tiến thêm, lộc sức hưng vượng, công danh hiển hách, phú quý song toàn, nhân đinh đông đảo ở tới bao lâu cũng vậy. Lại còn một điều rất tốt nữa là Cửa Khảm sinh Chủ Tốn là ngoài sinh vào trong, sự phát đạt tấn tốc (tiến lên rất mau). Nếu ngôi nhà này là Động trạch và Cửa Khảm là thiên môn bên hữu mặt tiền nhà thì nên chọn ngăn 2 làm Phòng chứa để được Tham lang đăng diện, nhà sẽ phát đại phú, đại quý tới 80 năm hoặc hơn nữa, sẽ sinh xuất bậc cái thể anh hùng làm nên sự nghiệp tốt đỉnh (xem Thiên VI Lập thành: Năm mẫu nhà số 6).

Cửa Khảm với Chủ Tốn phối 8 Bếp:

(Tám Bếp sau đây đều thuộc về nhà số 36 là Đông tứ trạch cho nên 4 Bếp Khảm Ly Chấn Tốn là Đông trù đều tốt, còn 4 Bếp Kiền Khôn Cấn Đoài là Tây trù đều bất lợi).

1) Bếp Kiền: Bếp Kiền Kim đối với Cửa Khảm phạm Lục sát đối với Chủ Tốn phạm Hỏa hại, khiến cho hàng trưởng phụ phạm bất lợi, tìm mông đau nhức, vì sanh đẻ mà vong mạng hoặc mang tật.

2) Bếp Khảm: Bếp Khảm Thủy là Bếp Phục vị đắc vị hiệp với Đông tứ trạch rất tốt, lại hai Khảm một Tốn là hai Thủy sinh một Mộc đại đại lợi.

3) Bếp Cấn: Bếp Cấn Thổ đối với cửa Khảm và Chủ Tốn đều tương khắc biến sinh Ngũ quỷ và Tuyệt mệnh là cái Bếp sanh ra lắm tai hại: thừa kiện, khẩu thiệt thị

Dương trạch tam yếu

phi, tiểu nhi khó nuôi sống, tuyệt tự, góa bụa, các bệnh chứng phong tật, tỳ vị, tim, miệng, bụng đau nhức.

4) Bếp Chấn: Bếp Chấn Mộc đối với Cửa Khảm và Chủ Tồn đều đặn tương sanh cùng tỷ hòa, biến sinh Thiên y với Diên niên, hiệp với Sinh khí thành Nhà ba tốt, gồm đủ tam đa ngũ phúc (Tam đa là ba thứ nhiều: nhiều con trai, nhiều lộc và nhiều thọ (sống lâu). Ngũ phúc là 5 phúc: giàu, sang, sống lâu, mạnh khỏe và yên lành). Đông tứ trạch có bếp Chấn là tốt bậc nhất, đặc danh nó là Đông trù tư mệnh (Đông trù gồm 4 bếp: Khảm Ly Chấn Tồn, nhưng Chấn mới thật là chánh Đông).

5) Bếp Tồn: Bếp Tồn Mộc đối với Cửa Khảm và Chủ Tồn đều đặn tương sanh cùng tỷ hòa, biến sinh Sinh khí Mộc đẳng diện và Phục vị Mộc hữu khí, tất cả cung tinh đều thuộc phe phía Đông. Thật là một cái bếp đại kiết, đại lợi (như Bếp Khảm).

6) Bếp Ly: Bếp Ly Hỏa đối với Cửa Khảm là bếp Diên niên, đối với Chủ Tồn là Thiên y rất tốt: giàu có, danh vọng, sanh 4 con.

7) Bếp Khôn: Bếp Khôn Thổ đối với Cửa Khảm và Chủ Tồn đều bị tương khắc, biến sinh Tuyệt mệnh và Ngũ quỷ rất hung hại: nam nữ đều chẳng sống lâu, hàng trung nam tuyệt tự.

8) Bếp Đoài: Bếp Đoài Kim sanh Cửa Khảm có một phần tốt nhỏ cho hàng trung nam, nhưng Đoài khắc chủ Tồn bất lợi cho âm nhân thứ nhất cho hàng trưởng nữ (Tồn). Bếp Đoài đối với Khảm Tồn biến sinh Họa hại và Lục sát.

Nhà số 37 : Cửa KHẢM với CHỦ LY

(Diên niên trạch)

(Cửa cái tại Khảm, Chủ phòng hay Sơn chủ tại Ly)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Thủy Hỏa ký tể, đại kiết xương. Ý nghĩa: Nước lửa đã điều hòa, thịnh tốt lớn. Thủy là nước chỉ vào Khảm, Hỏa là lửa chỉ vào Ly. Nước và lửa vốn khắc kỵ nhau, nhưng đã điều hòa Âm Dương (Khảm Dương, Ly Âm) cho nên vẫn có lợi ích (ký tể). Thủy Hỏa ký tể là một trong 64 quẻ nơi Kinh Dịch. Kiết tức là cát là tốt. Xương là thịnh.

- Từ Cửa Khảm biến 3 lần tới Chủ Ly được Diên niên cho nên gọi là Diên niên trạch, Diên niên tức Vũ khúc Kim tinh sanh 4 con cường thịnh, vợ chồng chánh phối, giàu có thì chắc mà cũng được phần sang (danh vọng). Diên sản, lục súc và nhân khẩu là ba thứ, thứ nào cũng hưng vượng. Nhưng ở lâu năm rồi khiến khắc hại vợ, bụng cùng dạ dày đau nhức, mắt tật, đó là vì nước với lửa vốn khắc nhau. Nếu dùng Bếp Chấn Tồn Mộc thì khỏi các tai hại này, vì Cửa Khảm mắc lo sanh Bếp Chấn Tồn mà không còn khắc Ly nữa, rồi Chấn Tồn lại sanh Chủ Ly rất tốt.

Cửa Khảm với Chủ Ly phối 8 bếp :

(Tám Bếp sau đây đều thuộc về nhà số 37 là Đông tứ trạch cho nên 4 bếp Khảm Ly Chấn Tồn đều tốt, còn 4 Bếp Kiền Khôn Cấn đoài đều bất lợi).

1) Bếp Kiền: Bếp Kiền Kim bị Cửa Khảm tiết khí và là Bếp Lục sát, lại bị Chủ Ly khắc và hổ biến Tuyệt mệnh làm tổn hại hàng lão ông, sanh ghẻ độc, hại mắt, góa bụa, nam nữ đoản thọ.

2) Bếp Khảm: Bếp Khảm thủy đối với Cửa Khảm tỷ hòa và là Bếp Phục vị đắc vị rất hợp cho Đông tứ trạch, đối với Chủ Tồn là Âm Dương chánh phối tương sanh và hổ biến được Sinh khí hữu khí rất hợp cho Đông tứ trạch. Bếp Khảm là kiết tảo vậy.

Dương trạch tam yếu

3) Bếp Cấn: Bếp cấn Thổ đối với Chủ Ly là Hỏa hại, đối với Cửa Khảm là phạm Ngũ quỷ rất bất lợi cho tiểu nhi, phụ nữ điều ác, cưới bậy bạ nhiều lần thê thiếp.

4) Bếp Chấn: Bếp Chấn Mộc đối với Cửa Khảm Chủ Ly đều đặn tương sinh, biến sinh Thiên y và Sinh khí, hiệp với Diên niên trạch thành Nhà ba tốt. Đây là một cái Bếp đại kiết, đại lợi, không có điều gì chẳng thuận chẳng toại, sanh 3 con, con hiếu cháu hiền.

5) Bếp Tốn: Bếp Tốn Âm Mộc đối với Cửa Khảm Dương Thủy là Âm Dương tương sanh và là bếp Sinh khí đăng diện, đối với Chủ Ly cũng tương sanh và hỗ biến Thiên y hiệp với Diên niên trạch thành Nhà ba tốt, nam thông minh, nữ tuần tú, sanh xuất bậc phụ nữ hiền đức, đệ nhất tạo nên nhà cửa, người vượng (đông) mà tiền bạc cũng vượng (nhiều) khoa cử đậu liên miên. Bếp Tốn này có phần tốt hơn Bếp Chấn, vì Tốn với cửa Khảm có đủ Âm Dương.

6) Bếp Ly: Bếp Ly Hỏa đối với chủ Khảm là Bếp Diên niên, Âm Dương kết hợp, vợ chồng chính phối, rất tốt. Bếp Ly với Chủ Ly tỷ hòa Phục vị Mộc là tinh sanh cung (Phục vị sanh cung) cũng tốt.

7) Bếp Khôn: Bếp Khôn Thổ khắc Cửa Khảm Thủy và là bếp Tuyệt mệnh khiến cho hàng trung nam thọ khổ, đoản thọ, hiếm con nối dòng. Bếp Khôn tiết khí Chủ Ly hỗ biến ra Lục sát cũng là chỗ bất lợi.

8) Bếp Đoài: Bếp Đoài đối với Cửa Khảm là bếp Hỏa hại, đối với Chủ Ly phạm Ngũ quỷ đại hung, khiến cho hàng thiếu phụ yếu vong, phụ nữ làm loạn.

Nhà số 38 : Cửa KHẢM với Chủ KHÔN

(Tuyệt mệnh trạch)

(Cửa cái tại Khảm, Chủ phòng hay Sơn chủ tại Khôn)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Thủy Thổ tương khắc, trung nam tử. Ý nghĩa: Nước với đất khắc nhau, hàng trung nam chết. Thủy là nước chỉ vào Khảm, Thổ là đất chỉ vào Khôn. Trung nam là hàng con trai giữa sanh sau con trai cả. Tử là chết, vì Khảm với Khôn hỗ biến ra Tuyệt mệnh. Con trai giữa chết vì là Khảm thuộc trung nam bị Khôn khắc.

- Từ Cửa Khảm biến 7 lần tới Chủ Khôn phạm Tuyệt mệnh cho nên gọi là Tuyệt mệnh trạch, ứng cho hàng trung nam tuyệt mạng, khiến ra có đàn bà góa bụa, bụng dạ đau nhức, sanh chứng kết hôn nổi cục, da vàng, phù thũng, ghẻ chốc. Và vì Khảm Dương với Khôn Âm hỗ biến Tuyệt mệnh cho nên cả nam nữ ở nhà này không được trường thọ.

Cửa Khảm với Chủ Khôn phối 8 Bếp :

(Tám Bếp sau đây đều thuộc về nhà số 38 là Đông Tây tương hỗn trạch (Cửa Khảm thuộc Đông, Chủ Khôn thuộc Tây) cho nên Bếp nào cũng biến sinh một hung du niên và một kiết du niên, không có Bếp nào trọn xấu hay trọn tốt. Các Bếp Khảm Ly Chấn Tốn thì hiệp với Cửa mà nghịch với Chủ, còn các Bếp Kiền Khôn Cấn Đoài hiệp với Chủ mà bất lợi cho Cửa).

1) Bếp Kiền: Bếp kiền Kim đối với Cửa Khảm là Lục sát, đối với Chủ Khôn là Diên niên hữu khí. Bếp này tốt trội hơn xấu, vì Kiền với Khảm tuy Lục sát nhưng trước mắt vẫn thấy tương sanh và Diên niên hữu khí. Đó là bên xấu được giảm bên tốt được tăng.

Dương trạch tam yếu

2) Bếp Khảm: Bếp Khảm Thủy đối với Cửa Khảm tỷ hòa và là Bếp Phục vị đắc vị khá tốt, nhưng đối với Chủ Khôn biến sinh Tuyệt mệnh rất hại. Bếp này hung nhiều hơn kiết.

3) Bếp Cấn: Bếp cấn Thổ khắc Cửa Khảm và là Bếp Ngũ quỷ đại hung, còn đối với Chủ Khôn là Sinh khí thất vị tốt vừa vừa. Bếp này hung nhiều hơn kiết, rất bất lợi cho tiểu nhi và hàng trung nam yếu vong (chết yếu).

4) Bếp Chấn: Bếp Chấn Mộc đối với Cửa Khảm là Bếp Thiên y thất vị khá tốt, nhưng đối với Chủ Khôn tương khắc và hổ biến ra Hỏa hại, khiến cho lão mẫu bất lợi, điền sản thoái bại, sanh bệnh da vàng, bệnh thũng ghẻ.

5) Bếp Tốn: Bếp Tốn Mộc đối với Cửa Khảm tương sanh và là Bếp Sinh khí đăng diện rất tốt cho nhiều sự việc (xem phần B, Bếp số 38). Nhưng Tốn đối với Chủ Khôn tương khắc và phạm Ngũ quỷ chẳng khỏi cái buồn mẹ lìa cha, phụ nữ chết yếu.

6) Bếp Ly: Bếp Ly Hỏa đối với Cửa Khảm tuy tương khắc nhưng là Âm Dương chính phối và là Bếp Diên niên tốt, còn đối với Chủ Khôn tuy tương sanh mà hổ biến Lục sát hung. Bếp này hung kiết tương.

7) Bếp Khôn: Bếp Khôn Thổ đối với Chủ Khôn tỷ hòa Phục vị thất vị tốt qua loa. Nhưng đối với Cửa Khảm tương khắc và là Bếp Tuyệt mệnh hung hại nhiều. Lại hai Khôn khắc một Khảm: trung nam đoản thọ, hiếm con nổi dòng, hao tán tiền của, bất lợi.

8) Bếp Đoài: Bếp Đoài Kim đối với Cửa Khảm là Bếp Hỏa hại, đối với Chủ Khôn tương sanh và hổ biến được Thiên y hữu khí. Vậy phần kiết trội hơn phần hung.

Nhà số 39 : Cửa KHẨM với Chủ ĐOÀI

(Hỏa hại trạch)

(Cửa cái tại Khảm, Chủ phòng hay Sơn chủ tại Đoài)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Trạch ngộ Thủy tiết, thiếu nữ vong. Ý nghĩa: Đầm gặp nước rĩ, gái nhỏ mất (chết). Trạch là cái đầm nước chỉ vào Đoài, Thủy là nước chỉ vào Khảm. Tiết là tiết khí. Đoài sanh Khảm thì Đoài phải tổn hao khí lực, tức là Đoài bị Khảm làm tiết khí. Đoài thuộc thiếu nữ bị tiết khí nên nói gái nhỏ chết.

- Từ Cửa Khảm biến 5 lần tới Chủ Đoài phạm Hỏa hại cho nên gọi là Hỏa hại trạch, là ngôi nhà tán tài, phá gia, cưới thê thiếp nhiều lần, phụ nữ chết nhỏ, thường sanh các chứng bệnh ho hen, khạc đàm, lao tổn, ghẻ độc.

Cửa Khảm với Chủ Đoài phối 8 Bếp :

(Tám Bếp sau đây đều luận theo nhà số 39 kể trên, và cửa Khảm thuộc Đông mà Chủ Đoài thuộc tây cho nên gọi là Đông Tây tương hỗn trạch. Các Bếp Khảm Ly Chấn Tốn lợi cho Cửa Khảm mà hại Chủ Đoài, các Bếp Kiền Khôn Cấn Đoài lợi cho Chủ Đoài mà hại Cửa Khảm).

1) Bếp Kiền: Bếp Kiền Kim đối với Cửa Khảm tương sanh nhưng là Bếp Lục sát, đối với Chủ Đoài được Sinh khí nhưng vô khí. Như vậy là nửa kiết nửa hung.

2) Bếp Khảm: Bếp Khảm Thủy đối với Cửa Khảm là Bếp Phục vị, nhưng đối với Chủ Đoài là Hỏa hại, hại nhiều hơn lợi.

3) Bếp Cấn: Bếp Cấn Thổ đối với Cửa Khảm phạm Ngũ quỷ đại hung bất lợi cho hàng con trẻ. Nhưng Cấn với Chủ Đoài hổ biến được Diên niên hữu khí đại kiết: khiến cho giàu có vẻ vang. Vậy là hung kiết tương đương.

Dương trạch tam yếu

4) Bếp Chấn: Bếp Chấn Mộc đối với Cửa Khảm thuần dương tương sanh và là Bếp Thiên y thất vị, tốt vừa vừa. Nhưng Chấn với Chủ Đoài xung khắc và hồ biến ra Tuyệt mệnh khiến cho nam nữ chết yểu.

5) Bếp Tốn: Bếp Tốn Âm Mộc đối với Cửa Khảm Dương Thủy là âm dương tương sanh và là Bếp Sinh khí đăng diện, rất tốt. Nhưng Tốn với Chủ Đoài tương khắc và hồ biến ra Lục sát chỉ khiến cho phụ nữ bất lợi.

6) Bếp Ly: Bếp Ly Hỏa đối với Cửa Khảm là Bếp Diên niên thất vị, lại Ly Khảm tương khắc, chỉ tốt vừa vừa. Nhưng Ly với Chủ Đoài tương khắc hồ biến Ngũ quỷ khiến cho phụ nữ bất lợi, hay làm tổn hại người hiền phụ, ghê độc làm chết người.

7) Bếp Khôn: Bếp Khôn Thổ khắc Cửa Khảm và là Bếp Tuyệt mệnh rất tai hại. Nhưng Khôn sanh Chủ Đoài và hồ biến được Thiên y rất phát tài. Bếp này hung kiết tương đương.

8) Bếp Đoài: Bếp Đoài Kim đối với Chủ Đoài là Phục vị vô khí đối với Cửa Khảm Họa hại. Như Bếp Khảm, Bếp Đoài hại nhiều hơn lợi.

Nhà số 40 : Cửa KHẢM với Chủ KIỀN

(Lục sát trạch)

(Cửa cái tại Khảm, Chủ phòng hay Sơn chủ tại Kiền).

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Thủy tiết Kiền khí: dâm, bại, tuyệt. Ý nghĩa: Nước làm hao khí lực Kiền: dâm dăng, bại hoại, tận tuyệt. Thủy là nước chỉ vào Khảm. Nước chảy làm mòn kim khí cho nên nói Khảm tiết khí Kiền và biến sinh Lục sát là du niên có tính cách dâm dăng, làm hư hại...

- Từ Cửa Khảm biến 4 lần tới Chủ Kiền phạm Lục sát cho nên gọi là Lục sát trạch. Khảm Kiền gặp nhau thuần dương và phạm lời tường của nhà số 2: Thiên môn lạc thủy xuất dâm cuồng. Đây là kiểu nhà tác tài, tuyệt tự, khắc vợ hại con. Tuy nhiên ở sơ niên cũng có lúc phát đạt nhưng chẳng quá mười năm rồi sa sút do các việc hư đồn như bài bạc, tửu sắc... Phát đạt một lúc là do Kiền sanh Khảm, nhưng không bền là bởi Khảm tiết khí Kiền.

Cửa Khảm với Chủ Kiền phối 8 Bếp :

(Tám Bếp sau đây đều luận cho nhà số 40 nói trên. Nhà Cửa Khảm Chủ Kiền là Đông Tây tương hỗn trạch cho nên bất cứ Bếp nào cũng biến sinh một hung du niên và một kiết du niên. Các Bếp Khảm Ly Chấn Tốn lợi cho Cửa mà hại cho Chủ, trái lại các Bếp Kiền Khôn Cấn Đoài lợi Chủ mà hại Cửa).

1) Bếp Kiền: Bếp Kiền Kim đối với Chủ Kiền là tỷ hòa Phục vị thất vị, tốt qua loa. Nhưng Kiền bị Cửa Khảm tiết khí và là Bếp Lục sát thuần Dương khiến cho khắc vợ, tán tài, khuyết giản nhân đinh.

2) Bếp Khảm: Bếp Khảm tỷ hòa với Cửa Khảm và là Bếp Phục vị đắc vị tốt vừa vừa. Nhưng Khảm tiết khí Chủ Kiền và hồ biến Lục sát khiến cho tán tài, khắc vợ hại con, tuyệt tự.

3) Bếp Cấn: Bếp Cấn đối với Cửa Khảm là Ngũ quỷ đại hung, đối với Chủ Kiền là Thiên y hữu khí rất tốt. Vậy tốt xấu tương đương.

4) Bếp Chấn: Bếp Chấn Mộc đối với Cửa Khảm là Thiên y đại kiết, đối với Chủ Kiền là Ngũ quỷ đại hung. Đại kiết với đại hung tương đương.

Dương trạch tam yếu

5) Bếp Tốn: Bếp Tốn Âm Mộc đối với Cửa Khảm là Âm Dương tương sinh và là Bếp Sinh khí đăng diện rất tốt, thứ nhất là nhân đình đại vượng, sinh kế dồi dào. Nhưng Bếp Tốn bị Chủ Kiền khắc và hồ biến ra Hỏa hại làm tổn thương hiền phụ cùng hiền nữ, tán tài và lao khổ.

6) Bếp Ly: Bếp Ly Hỏa đối với Cửa Khảm tuy tương khắc nhưng là Bếp Diên niên khá tốt. Nhưng Ly với Chủ Kiền tương khắc và hồ biến ra Tuyệt mệnh đại hung khiến lão ông đoản thọ, khắc hại vợ.

7) Bếp Khôn: Bếp Khôn Thổ khắc Cửa Khảm và là Bếp Tuyệt mệnh không tốt cho hàng trung nam. Nhưng Khôn với Chủ Kiền là Âm Dương tương sinh hồ biến được Diên niên hữu khí rất tốt, thứ nhất là cho hàng phụ mẫu, lão ông lão bà.

8) Bếp Đoài: Bếp Đoài Kim tiết khí Cửa Khảm và là Bếp Hỏa hại nhưng Đoài với Chủ Kiền tỷ hòa và hồ biến Sinh khí vô khí. Như vậy Bếp này hung ít mà kết cũng ít, tương đương nhau.

Nhà số 41 : Cửa LY với Chủ LY

(Phục vị trạch)

(Cửa cái Ly, Chủ phòng hay Sơn chủ cũng tại Ly)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Hỏa diệm trùng trùng, vô nam nữ. Ý nghĩa: Lửa sáng chập chồng, không trai gái. Hỏa là lửa chỉ vào Ly. Một lửa cũng sáng hướng chỉ hai lửa cho nên nói lửa sáng (hỏa diệm). Ly gặp Ly cho nên nói là chập chồng (trùng trùng). Vô nam nữ: không có trai gái, con cái.

- Từ Cửa Ly biến 8 lần tới Chủ Ly được Phục vị cho nên gọi là Phục vị trạch. Phục vị Mộc sinh Ly Hỏa là tinh sinh cung, lại Mộc hợp với Đông tứ trạch là ngôi nhà này. Vì vậy sơ niên cũng được phát tài, nhưng không giàu lớn vì Phục vị là sao tốt phụ thuộc. Ly với Ly là hai nữ ở chung thuận Âm bất trưởng (không lớn lên được), nhà không thêm người, nam nhân đoản thọ. Ở lâu sẽ có cảnh góa bụa không con, sẽ phải nuôi con người hác làm kế thừa tự.

Cửa Ly với Chủ Ly phối 8 Bếp :

(Tám Bếp sau đây đều luận theo theo nhà số 41 nói trên. Nhờ có Cửa Ly và Chủ Ly thuộc Đông tứ trạch cho nên đại khái Đông trù thì hiệp với nhà, còn Tây trù đều là các Bếp hung hại).

1) Bếp Kiền: Bếp Kiền Kim đối với Cửa Ly Chủ Ly đều bị khắc và biến sinh hai Tuyệt mệnh khiến cho nam nhân chết yếu, tuyệt tự, tán tài, bị ghẻ độc, tật mắt, đau đầu, đàn bà góa chưởng quản gia đình.

2) Bếp Khảm: Bếp Khảm đối với Cửa Ly Chủ Ly là Âm Dương chính phối và biến sinh được 2 Diên niên: đại kiết, đại lợi, đầy đủ phước lộc thọ.

3) Bếp Cấn: Bếp Cấn đối Cửa Ly Chủ Ly biến sinh 2 Hỏa hại: phụ nữ cương ngạnh, kinh mạch bất thường, khí huyết băng lậu, con nuôi chưởng quản việc nhà.

4) Bếp Chấn: Bếp Chấn Mộc sinh Cửa Ly Chủ Ly và biến sinh 2 Sinh khí hữu khí, thật là một cái Bếp đại kiết, đại lợi, đầy đủ phước lộc thọ. Bếp này có phần tốt nhiều hơn Bếp Khảm, vì Bếp Khảm được 2 Diên niên Kim chẳng hiệp với Đông tứ trạch, còn Bếp Chấn được 2 Sinh khí Mộc đăng diện và hiệp với Đông tứ trạch (Loại Kim hiệp với Tây tứ trạch, loại Mộc hiệp với Đông tứ trạch).

Dương trạch tam yếu

5) Bếp Tốn: Bếp Tốn Âm Mộc sinh ửa Ly Chủ Ly và biến sinh được 2 Thiên y rất phát tài, phụ nữ ưa làm việc lành. Nhưng vì Tốn Ly Ly ba cung thuần Âm chẳng khỏi cái hại hiểm con nối dòng, phải nuôi nghĩa tử để bảo dưỡng thân mình.

6) Bếp Ly: Bếp Ly Hỏa đối với Cửa Ly Chủ Ly đều đẳng tỷ hòa và biến sinh toàn Phục vị Mộc đắc vị hợp với Đông tứ trạch cho nên được liệt vào kiết tảo. Nhưng vì 3 Ly thuần Âm không thể trưởng tấn và Âm nhiều thì Âm thịnh Dương suy cho nên nam nhân đoản thọ và tuyệt tự, phụ nữ nắm quyền nhà.

7) Bếp Khôn: Bếp Khôn Âm Thổ tiết khí Cửa Ly Chủ Ly và biến sinh toàn Lục sát là cái Bếp bất lợi. Hai Hỏa đốt khô một Thổ thành vô dụng. Lại Khôn Ly Ly là 3 cung thuần Âm chẳng sinh hóa cho nên khiến khuyết nhân đinh, nam nhân chết yếu, phụ nữ nắm quyền nhà.

8) Bếp Đoài: Bếp Đoài Âm Kim đối với Cửa Ly Chủ Ly phạm thuần Âm và phạm toàn Ngũ quỷ: một nhà phụ nữ làm loạn, đoản mệnh, chết cách dữ tợn, thường sanh việc quan tụng, khẩu thiệt.

Nhà số 42 : Cửa LY với Chủ KHÔN

(Lục sát trạch)

(Cửa cái tại Ly, Chủ phòng hay Sơn chủ tại Khôn)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Hỏa đáo nhân môn, quả phụ tuyệt. Ý nghĩa: Lửa tới cửa 3 người phụ nữ góa tuyệt tự. Hỏa là lửa chỉ vào Ly. Đáo là tới tức gặp. Nhân môn là cửa người ám chỉ Khôn, vì Khôn là mẹ hay bụng mẹ. Con người ai cũng từ bụng mẹ sanh ra. Quả phụ tuyệt là phụ nữ góa không con thừa tự, vì Ly Khôn đều thuộc phái nữ và là thuần Âm.

- Từ Cửa Ly biến 4 lần tới Chủ Khôn phạm Lục sát cho nên gọi là Lục sát trạch. Ly là lửa nòng đốt Khôn là đất phải khô, tuy sanh mà chẳng phải sanh (Phạm hai cung tương sanh mà hồ biến ra hung du niên thì nói là tuy sanh mà chẳng phải sanh). Lại Ly Khôn thuần Âm, nhân đinh không vượng lên được và nam nhân chịu đoản thọ. Tuy nhiên, sơ niên cũng có lúc phát tài là vì trước mắt vẫn thấy Ly sanh Khôn, nhưng về sau không tấn phát nữa mà sanh ra các vụ góa bụa, đàn bà chường quản nhà cửa, người đứng thọ nhận sản nghiệp vì trong thân tộc chẳng ai sanh con.

Cửa Ly với Chủ Khôn phối 8 Bếp :

(Tám Bếp sau đây đều được luận theo nhà số 42 nói trên. Nhà có Cửa Ly và Chủ Khôn là Đông Tây tương hỗn trạch, các Bếp Khảm Ly Chấn Tốn đều có lợi cho Cửa Ly mà hại Chủ Khôn, còn các Bếp Kiền Khôn Cấn Đoài có lợi cho Chủ Khôn mà hại Cửa Ly).

1) Bếp Kiền: Bếp Kiền Kim đối với Cửa Ly tương khắc và là Bếp Tuyệt mệnh, đối với Chủ Khôn tương sanh và hồ biến được Diên niên hữu khí. Như vậy Bếp này hung kiết tương đương.

2) Bếp Khảm: Bếp Khảm Thủy đối với Cửa Ly tương khắc nhưng là Bếp Diên niên vẫn tốt, nhưng đối với Chủ Khôn tương khắc và hồ biến Tuyệt mệnh khiến cho hàng trung nam và trung nữ yếu vong.

3) Bếp Cấn: Bếp Cấn Thổ đối với Cửa Ly là Bếp Họa hại, đối với Chủ Khôn là Sinh khí. Bếp này tiền tài thì khá, nhân đinh thừa thớt, vợ đoạt quyền chồng, kinh mạch chẵn điều.

Dương trạch tam yếu

4) Bếp Chấn: Bếp Chấn Mộc đối với Cửa Ly tương sanh và là Bếp Sinh khí đăng diện rất tốt, đối với Chủ Khôn tương khắc và hồ biến ra Họa hại. Bếp này kiết nhiều hơn hung.

5) Bếp Tốn: Bếp Tốn Âm Mộc đối với Cửa Ly là Bếp Thiên y thất vị, tốt vừa vừa. Nhưng Tốn với Chủ Khôn là Âm khắc Âm và hồ biến Ngũ quỷ làm cho lão mẫu chẳng thêm trường thọ, phụ nữ nắm quyền nhà, bà cháu chẳng thuận nhau.

6) Bếp Ly: Bếp Ly Hỏa đối với Cửa Ly tỷ hòa và là Bếp Phục vị đắc vị, đối với Chủ Khôn tương sanh nhưng hồ biến ra Lục sát. Bếp này sơ niên phát tài mà về sau khuyết giảm nhân đinh.

7) Bếp Khôn: Bếp Khôn Thổ đối với Chủ Khôn là Phục vị vô khí, tốt chẳng đáng kể. Nhưng Bếp Khôn đối với Cửa Ly là Bếp Lục sát Thủy, tinh cung tương khắc, nam nữ yếu vong, tuyệt tự, mắt tật, tim đau, kinh mạch chẳng điều.

8) Bếp Đoài: Bếp Đoài Kim đối với Cửa Ly tương khắc và là Bếp Ngũ quỷ đại hung: tán tài, phụ nữ đoản thọ và chết cách hung dữ, iện thừa về nhân mệnh, hầu thiệt, thị phi, trộm cướp. Nhưng Đoài đối với Chủ hôn thuần Âm tương sanh và hồ biến được Thiên y hữu khí cũng tốt lắm song chẳng đủ bù trừ những cái hại của Ngũ quỷ.

Nhà số 43 : Cửa LY với Chủ ĐOÀI

(Ngũ quỷ trạch)

(Cửa cái tại Ly, Chủ phòng hay Sơn chủ tại Đoài)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Ly Đoài: Hỏa quang, thương thiếu nữ. Ý nghĩa: Có Cửa Ly và Chủ Đoài là kiểu nhà sanh ra ác tai nạn lửa, làm hại gái trẻ. Hỏa quang là lửa sáng ám chỉ vào những vụ bị phóng lửa, thiêu, đốt, cháy... Thương là bị tổn hại, bị thương tích.

- Từ Cửa Ly biến 2 lần tới Cửa Đoài phạm Ngũ quỷ cho nên gọi là Ngũ quỷ trạch. Nhà Ngũ quỷ tán tài, khắc vợ, phụ nữ tác loạn, án mạng trộm cướp, thiếu con thừa tự, chết yếu, ho khạc đàm, ghê độc, nuôi con người dưng, bị người ngoài khi dễ và đàn áp. Và vì thuần Âm nên gái nhiều trai ít.

Cửa Ly với Chủ Đoài phối 8 Bếp :

(Tám Bếp sau đây đều được luận theo nhà số 43 nói trên. Nhà có Cửa Ly và Chủ Đoài thuộc về Đông Tây tương hỗn trạch (Cửa Đông mà Chủ Tây), vậy nên các Đông trù hiệp với Cửa Ly mà chẳng hiệp với Chủ Đoài, còn các Tây trù hiệp với Chủ Đoài mà chẳng hiệp với Cửa Ly, không có Bếp nào trọn hung hay trọn kiết).

1) Bếp Kiền: Bếp Kiền Kim bị Cửa Ly khắc là Bếp Tuyệt mệnh, hiễn cho nghèo cùng, thiếu thốn và nam nữ yếu vong. Nhưng Kiền với Chủ Đoài tỷ hòa và hồ biến được Sinh hí Mộc tuy vô khí cũng có phần đỡ bớt tai hại.

2) Bếp Khảm: Bếp Khảm Thủy với Cửa Ly tuy tương khắc nhưng Âm Dương chính phối và là Bếp Diên niên khá tốt. Nhưng Khảm tiết khí Chủ Đoài và hồ biến ra Họa hại khiến cho phụ nữ chẳng trường thọ.

3) Bếp Cấn: Bếp Cấn Thổ đối với Cửa Ly là Bếp Họa hại có tương sanh, xấu qua loa. Nhưng Cấn với Chủ Đoài tương sanh và hồ biến được Diên niên hữu khí, lại là tượng thiếu nam với thiếu nữ, Âm Dương tương phối, rất tốt. Bếp này hung ít kiết nhiều.

4) Bếp Chấn: Bếp Chấn Dương Mộc đối với Cửa Ly là Âm Dương tương sanh và là Bếp Sinh khí đăng diện rất tốt, sanh xuất phụ nữ thông minh xuất chúng. Nhưng Chấn

Dương trạch tam yếu

với Chủ Đoài tương khắc và hổ biến Tuyệt mệnh, bất lợi cho hàng trưởng nam. Ly Đoài Chấn là hai Âm thắng một Dương, trong số nhân khẩu nhiều nữ mà ít nam.

5) Bếp Tốn: Bếp Tốn Mộc với Chủ Đoài Kim tương khắc và hổ biến Lục sát là chỗ không quá hại, vì Lục sát Thủy đối với Tốn Đoài đều tương sanh. Còn Tốn đối với Cửa Ly tương sanh và là Bếp Thiên y, tốt khá nhiều, phụ nữ ưa làm hươc đức, nhưng số nhân đinh chẳng gia tăng vì Tốn Ly thuần Âm, mà Đoài cũng Âm.

6) Bếp Ly: Bếp Ly Hỏa đối với Ly tỷ hòa và là Bếp Phục vị đắc vị, tốt vừa vừa. Nhưng Ly với Chủ Đoài tương khắc và hổ biến Ngũ quỷ rất hại.

7) Bếp Khôn: Bếp Khôn Âm Thổ đối với Chủ Đoài tương sanh và hổ biến Thiên y hữu khí rất phát đạt và phụ nữ ưa làm việc phúc thiện. Nhưng Khôn với Cửa Ly là Bếp Lục sát và Ly Đoài Khôn thuần Âm tất nam nhân chết yếu, lâu sau thiếu con thừa tự.

8) Bếp Đoài: Bếp Đoài Âm Kim với Chủ Đoài là Phục vị thất vị, sự tốt không đáng kể. Nhưng Đoài đối với Cửa Ly tương khắc và là Bếp Ngũ quỷ đại hung, tán tài, phụ nữ đoản thọ, nhân mạng chết cách hung dữ.

Nhà số 44 : Cửa LY với Chủ KIỀN

(Tuyệt mệnh trạch)

(Cửa cái tại Ly, Chủ phòng hay Sơn chủ tại Kiền)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Ly Kiền lão ông chủ bất cửu. Ý nghĩa: Cửa Ly với Chủ Kiền, cha già ứng chảng lâu dài. Kiền thuộc bậc cha ông, nay Kiền Kim bị Ly Hỏa khắc lại chính biến Tuyệt mệnh nên mới nói hàng ông cha chẳng bao lâu tức là chẳng thêm dài mạng sống.

- Từ Cửa Ly biến 7 lần tới Chủ Kiền tất phạm Tuyệt mệnh cho nên gọi là Tuyệt mệnh trạch, ngôi nhà tán tài, thiếu con thừa tự, phụ nữ chuyên quyền, Âm thắng Dương suy, số người nhiều nữ ít nam, chết yếu, tật mắt, đầu đau nhức, mang ghẻ độc, và những chứng bệnh ho hỏa khí xông lên.

Cửa Ly với Chủ Kiền phối 8 Bếp :

(Tám Bếp sau đây đều được luận theo ngôi nhà số 44 nói trên. Ngôi nhà này Cửa Ly thuộc Đông mà Chủ Kiền thuộc Tây là Đông Tây tương hổ trạch cho nên Bếp nào cũng có một bên lợi một bên hại. Đông trù lợi cho Cửa Ly mà hại Chủ Kiền, Tây trù lợi Chủ Kiền mà hại Cửa Ly).

1) Bếp Kiền: Bếp Kiền Kim bị Cửa Ly khắc thành Bếp Tuyệt mệnh. Nhà Tuyệt mệnh lại Bếp Tuyệt mệnh nữa thì đâu tốt lên nổi. Còn như Cửa Kiền với Chủ Kiền tuy tỷ hòa nhưng hổ biến Phục vị vô khí là vô ích.

2) Bếp Khảm: Bếp Khảm Thủy đối với Cửa Ly tuy tương khắc nhưng Âm Dương chính phối và là Bếp Diên niên, tốt. Nhưng Khảm với Chủ Kiền tương sanh nhưng là thoát khí và hổ biến Lục sát, hung. Bếp này hung kiết tương đương.

3) Bếp Cấn: Bếp Cấn Dương Thổ bị Cửa Ly tiết khí và là Bếp Họa hại. Nhưng Cấn với Chủ Kiền tuy thuần Dương nhưng tương sanh và hổ biến được Thiên y hữu khí. Bếp này hung kiết tương đương.

4) Bếp Chấn: Bếp Chấn Dương Mộc đối với Cửa Ly Âm Hỏa là Âm Dương tương sanh lại là Bếp Sinh khí đăng diện. Nhưng Bếp Chấn với Chủ Kiền tương khắc và

Dương trạch tam yếu

phạm Ngũ quý. Một bên rất tốt, một bên rất hại, tương đương. Tuy nhiên cũng nên trách Ngũ quý vì nó hại nam nhân yếu vong.

5) Bếp Tốn: Bếp Tốn Âm Mộc đối với Cửa Ly thuận tuy Âm nhưng là Bếp Thiên y thất vị. Còn Tốn với Chủ Kiền tương khắc và hổ biến Họa hại. Bếp này hung nhiều hơn kiết.

6) Bếp Ly: Bếp Ly đối với Cửa Ly tỷ hòa và là Bếp Phục vị đắc vị, tốt tầm thường. Nhưng Ly với Kiền tương khắc và hổ biến tuyệt mệnh gây tổn hại đến nhân mệnh, mọi việc không hay.

7) Bếp Khôn: Bếp Khôn Thổ đối với Cửa Ly là Bếp Lục sát, tuy tiết khí nhưng cũng là tương sanh. Còn Khôn sanh Chủ Kiền và hổ biến được Diên niên hữu khí. Bếp này kiết nhiều hơn hung, một cái bếp bình yên.

8) Bếp Đoài: Bếp Đoài Kim đối với Chủ Kiền là Sinh khí thất vị tốt vừa vừa. Nhưng Đoài với Cửa Ly tương khắc và là Bếp Ngũ quý đại hung khiến cho tán tài, đại bại.

Nhà số 45 : Cửa LY với Chủ KHẨM

(Diên niên trạch)

(Cửa cái tại Ly, Chủ phòng hay Sơn chủ tại Khảm).

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Âm Dương chính phối: phú quý cực. Ý nghĩa: Nhà có Cửa Ly và Chủ Khảm là Âm Dương phối hợp một cách chính đáng, tạo nên cuộc giàu sang. Bằng bậc mà kết phối với nhau, dù tương khắc nhưng biến sinh được kiết du niên mới gọi là chính phối. Ly Âm Hỏa thuộc trung nữ gặp Khảm Dương Thủy thuộc trung nam. Ly Hỏa Khảm Thủy tương khắc, nhưng trung nữ với trung nam là bằng bậc, biến sinh Diên niên là kiết du niên. Diên niên Kim ứng giàu có (phú) và sang trọng (quý).

- Từ Cửa Ly biến 3 lần tới Chủ Khảm tất được Diên niên cho nên gọi là Diên niên trạch. Đây là kiểu nhà tạo nên cuộc giàu sang, đầy đủ ba cái quý: phúc, lộc, thọ. Lại sanh 4 con, con hiếu cháu hiền, trung nghĩa hiền lương, con cái đầy nhà. Nhưng ở lâu về sau thì khắc hai vợ, tim bụng đau nhức, mất hay tật bệnh, đó là vì Cửa Ly khắc Chủ Kiền, Cửa khắc nhà. Như muốn giải trừ những tai hại đó thì phải đặt Bếp tại Chấn hay Tốn Mộc, nhà trở nên hoàn toàn tốt, ở tới bao lâu cũng còn phú quý. Vì sao? Vì có Bếp Chấn Tốn thì Khảm Thủy mắc tham sanh Chấn Tốn Mộc, không khắc cửa Ly nữa. Lại còn được thêm hai cách tốt: Khảm sanh Chấn Tốn là được cách Thủy Mộc tương sanh và Chấn Tốn Mộc sanh Ly Hỏa là được cách Thủy Mộc tương sanh và Chấn Tốn Mộc sanh Ly Hỏa là được cách Mộc Hỏa thông minh. Đó là Chủ sanh Bếp rồi Bếp sanh Cửa, tốt lắm.

Cửa Ly với Chủ Khảm phối 8 Bếp :

(Tám Bếp sau đây đều được luận theo nhà số 45 nói trên. Kiểu nhà này Cửa Ly với Chủ Khảm đều thuộc Đông tứ cung cho nên gọi là Đông tứ trạch, các Đông trù là những Bếp tốt, các Tây trù đều bất lợi).

1) Bếp Kiền: Bếp Kiền Kim hổ biến với Chủ Khảm phạm Lục sát, đối với Cửa Ly là bếp Tuyệt mệnh sanh ra nhiều tai họa: đoản thọ, mất mờ hoa đốm, đau nhức, tim đau, sanh ghẻ độc, ho hen, khạc đàm, góa bụa.

Dương trạch tam yếu

2) Bếp Khảm: Bếp Khảm đối với Cửa Ly là Âm Dương chính phối và là Bếp Diên niên, đối với Chủ Khảm là tỷ hòa Phục vị đắc vị. Đây là cái bếp đại kiết, nhưng hai Khảm khắc một Ly thì phụ nữ yếu vong.

3) Bếp Cấn: Bếp Cấn Thổ đối với Cửa Ly tương sinh nhưng là Bếp Hỏa hại, đối với Chủ Khảm tương khắc hồ biến Ngũ quỷ khiến cho trẻ con không yên lành, phụ nữ tánh cương ngành.

4) Bếp Chấn: Bếp Chấn sinh Cửa Ly và là Bếp Sinh khí đăng diện làm vượng khí Đông tứ trạch, có danh là Đông trù tư mệnh, rất tốt. Thứ nhất là về khoa cử đỗ liên miên. Lại Chấn đối với Chủ Khảm tương sinh và hồ biến được Thiên y là phúc thần. Như vậy nhà Diên niên nhờ có bếp Chấn biến sinh Sinh khí với Thiên y tạo thành Nhà ba tốt, đầy đủ ba thứ quý: phúc, lộc, thọ. Ngoài ra còn hai cách tốt nữa: Chủ Khảm sinh Bếp Chấn gọi là Thủy Mộc tương sinh. Bếp Chấn sinh Cửa Ly gọi là Mộc Hỏa thông minh.

5) Bếp Tốn: Bếp Tốn Mộc đối với Cửa Ly tương sinh và là bếp Thiên y đối với Chủ Khảm cũng tương sinh và hồ biến được Sinh khí hiệp với Diên niên trạch thành Nhà ba tốt đại kiết, đại lợi. Ngoài ra còn hai cách tốt nữa: Chủ Khảm sinh Bếp Tốn gọi là Thủy Mộc tương sinh và bếp Tốn sinh Cửa Ly gọi là Mộc Hỏa thông minh. Bếp Tốn cũng tương tự như Bếp Chấn nhưng tốt ít hơn một chút, vì ở Đông tứ trạch, Bếp Sinh khí Mộc hợp hơn Bếp Thiên y Thổ, và Sinh khí đăng diện mà Thiên y thất vị.

6) Bếp Ly: Bếp Ly Hỏa đối với Cửa Ly tỷ hòa và là Bếp Phục vị đắc vị, đối với Chủ Khảm hồ biến được Diên niên cũng thuộc về bếp đại kiết song kém hơn Bếp Tốn.

7) Bếp Khôn: Bếp Khôn Thổ tiết khí Cửa Ly và là Bếp Lục sát, đối với Chủ Khảm tương khắc và hồ biến phạm Tuyệt mệnh, khiến cho trung nam đoản thọ, tuyệt tự, nam nữ chẳng sống lâu, rất tán tài.

8) Bếp Đoài: Bếp Đoài Kim bị Chủ Khảm tiết khí và hồ biến Hỏa hại cũng đã bất lợi lắm rồi. Huống chi Đoài đối với Cửa Ly tương khắc và là Bếp Ngũ quỷ đại hung, khiến cho thiếu phụ nhiều nạn, chết cách dữ tợn, phụ nữ làm loạn, gia đạo bất hòa, quan pháp nhiều nường, khẩu thiệt thị phi lắm nỗi.

Nhà số 46 : Cửa LY với Chủ CẤN

(Hỏa hại trạch)

(Cửa cái tại Ly, Chủ phòng hay Sơn chủ tại Cấn).

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Hỏa sơn phụ cương, kinh bất điều. Ý nghĩa: Lửa núi đàn bà cứng cỏi, kinh nguyệt chẳng đều. Hỏa là lửa chỉ vào Ly và Sơn là núi chỉ vào Cấn. Cửa Ly và Chủ Cấn là kiểu nhà có phụ nữ tánh cương ngành, kinh nguyệt khi sục khi trôi.

- Từ Cửa Ly biến 5 lần tới Chủ Cấn gặp Hỏa hại cho nên gọi là Hỏa hại trạch. Nhà này phụ nữ tánh cứng cỏi, phạm vào cái bệnh vợ đoạt quyền. Nếu ở lâu năm số đinh nhân không thêm được phải nuôi con người khác làm con mình, kinh mạch bất thường. Lại nói Ly là lửa nóng thì Cấn là đất phải khô, ý nói nhà chẳng sanh sản, phụ nữ nhiều loạn trong nhà vang tiếng. Tuy nhiên trong thời gian đầu nhà này cũng đăng phát phú quý. Đó là nhờ Cửa Ly Âm Hỏa sinh Chủ cấn Dương Thổ, ngoài sinh vào trong, và Hỏa hại thuộc Thổ đối với Cửa Ly tương sinh, đối với Chủ Cấn tỷ hòa: Ly Cấn và Hỏa hại gặp nhau không có chỗ nào tương khắc.

Dương trạch tam yếu

Cửa Ly với Chủ Cấn phối 8 Bếp :

(Cửa Ly thuộc Đông cung, Chủ Cấn thuộc Tây cung, nhà này thuộc Đông Tây tương hỗn trạch, cho nên không có Bếp nào trọn tốt hay trọn xấu, vì hễ lợi cho Cửa thì hại Chủ, bằng lợi cho Chủ thì hại cửa).

1) Bếp Kiên: Bếp Kiên Kim đối với Cửa Ly tương khắc và là Bếp Tuyệt mệnh, rất tổn hại cho cha ông mất mát, tán tài, thiếu con thừa tự. Nhưng Kiên đối với Chủ Cấn tương sanh và hỗ biến được Thiên y hữu khí có thể giải bớt sự tổn hại cho cha ông và đem lợi tốt cho hàng thiếu nam.

2) Bếp Khảm: Bếp Khảm Thủy đối với Cửa Ly tuy tương khắc nhưng là Âm Dương chính phối và là Bếp Diên niên đắc vị, khiến nên phú quý. Nhưng Khảm đối với Chủ Cấn tương khắc và phạm Ngũ quỷ, rất bất lợi cho con trẻ, nam nữ chẳng sống lâu.

3) Bếp Cấn: Bếp Cấn Thổ đối với Cửa Ly là Bếp Họa hại, tuy hung song cũng có chỗ tương sanh, không quá tai hại. Còn Cấn với Chủ Cấn tỷ hòa và hỗ biến Phục vị là chỗ tốt qua loa. Vậy Bếp này hung kiết tương đương.

4) Bếp Chấn: Bếp Chấn Mộc đối với Cửa Ly tương sanh và là Sinh khí đăng diện, phát tài phát quý mà không phát nhân đinh. Nhưng Cấn khắc Chủ Cấn, bất lợi cho trẻ nhỏ.

5) bếp Tốn: Bếp Tốn Mộc đối với Cửa Ly Hỏa là tương sanh, là Mộc Hỏa thông minh, và là Bếp Thiên y: đại kiết, đại lợi. Nhưng Tốn khắc Chủ Cấn bất lợi cho hàng thiếu nam, thiếu con thừa tự, sanh ra việc góa bụa, phạm bệnh phong đàm, bệnh da vàng, bệnh phù thũng.

6) Bếp Ly: Bếp Ly Hỏa đối với Cửa Ly tỷ hòa và là bếp Phục vị đắc vị khá tốt. Còn Ly với Chủ Cấn hỗ biến Họa hại nhưng cũng được tương sanh. Vậy Bếp Ly kiết nhiều hơn hung.

7) Bếp Khôn: Bếp Khôn Thổ đối với Cửa Ly là Bếp Lục sát nhưng cũng được tương sanh, cái hại không thái quá. Nhưng Khôn với Chủ Cấn là Âm với Dương tỷ hòa và hỗ biến được Sinh khí. Bếp này kiết nhiều hơn hung.

8) Bếp Đoài: Bếp Đoài Kim đối với Chủ Cấn là Âm Dương tương sanh và hỗ biến được Diên niên hữu khí rất tốt, thứ nhất là tốt cho hàng thiếu nam. Nhưng Đoài đối với Cửa Ly là Đoài bị khắc và là Bếp Ngũ quỷ tác loạn, khiến gia đạo bất hòa, phụ nữ đoản thọ.

Nhà số 47 : Cửa LY với Chủ CHẤN

(Sinh khí trạch)

(Cửa cái tại Ly, Chủ phòng hay Sơn chủ tại Chấn).

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Hỏaôi phát phúc, phụ nữ lương. Ý nghĩa: Hỏa là lửa chỉ vào Ly, Lôi là sấm chỉ vào Chấn. Nhà có Cửa tại Ly và Chủ tại Chấn là ngôi nhà phát lên phước đức và phụ nữ hiền lương.

- Từ Cửa Ly biến 1 lần tới Chủ Chấn được Sinh khí cho nên gọi là Sinh khí trạch. Ly Hỏa với Chấn Mộc gặp nhau gọi là Mộc Hỏa thông minh là cách rất tốt. Sinh khí thuộc Mộc rất hợp Đông tứ trạch, lại lâm Chấn là Sinh khí đăng diện đại thịnh, đại vượng. Đây là một kiểu nhà đại phú, đại quý, công danh rạng rỡ, một bước thông bốn mặt, trai thông minh, gái tuần tú, khoa cử đại thuận lợi. Nhà này có tên là Đất bằng nổi lên một tiếng sấm (Bình địa nhất thanh lôi), lúc ra đi là hạng tú tài khi về làng là bậc trạng nguyên, một thư sinh cùng khổ bỗng nhiên phát đạt giàu sang. Ở ngôi nhà này tới

Dương trạch tam yếu

3 năm tốt lớn, tới 8 năm càng tốt hơn, rồi cứ vậy mà thịnh vượng lên. Đặt Bếp tại Tốn thêm nhiều phúc đức, tại Khảm Chấn Ly cũng hay. Ngoài ra, đặt Bếp ở các cung khác bị bớt nhiều điều tốt.

Cửa Ly với Chủ Chấn phối 8 Bếp :

(Nhà có Cửa Ly với Chủ Chấn thuộc Đông tứ trạch, vậy nên các Bếp Khảm Ly Chấn Tốn đều là kiết tảo, các Bếp Kiền Khôn Cấn Đoài toàn hung tảo).

1) Bếp Kiền: Bếp Kiền Kim đối với Cửa Ly và Chủ Chấn đều bị tương khắc, biến sinh Tuyệt mệnh và Ngũ quỷ. Thật là một cái Bếp hung hại vô cùng và đến cấp kỳ, mọi sự đều bất lợi, trăm bệnh gom về. Chớ nên dùng nó.

2) Bếp Khảm: Bếp Khảm Thủy đối với Cửa Ly và Chủ Chấn biến sinh được Diên niên và Thiên y hiệp với Sinh khí trạch thánh Nhà ba tốt, đại kiết, đại lợi.

3) Bếp Cấn: Bếp Cấn Thổ đối với Cửa Ly là Bếp Họa hại, đối với Chủ Chấn là Bếp Lục sát, khiến cho phụ nữ bất lợi, tiểu nhi khó nuôi, vợ đoạt quyền chồng, phụ nữ điều ác, bệnh da vàng và bệnh phong.

4) Bếp Chấn: Bếp Chấn Mộc đối với cửa Ly tương sanh và là Bếp Sinh khí đăng diện, đối với Chủ Chấn tỷ hòa và là Phục vị hữu khí. Nhà Sinh khí Bếp Sinh khí, hồ biến Phục vị, toàn là Mộc tinh đối với 3 cung Ly Chấn Chấn đều đăng tương sanh và tỷ hòa, tất cả toàn là Mộc Hỏa đồng hợp với Đông tứ trạch. Vậy Bếp Chấn cũng đại kiết, đại lợi.

5) Bếp Tốn: Bếp Tốn thuộc Mộc đối với Cửa Ly tương sanh và là Bếp Thiên y, đối với Chủ Chấn tỷ hòa Âm Dương và hồ biến được Diên niên hữu khí, hiệp cùng Sinh khí trạch thành Nhà ba tốt, sanh xuất hạng bậc hiền lương, thông minh, tuần tú, phụ nữ hay làm việc lành, sanh 4 con hoặc 5 con. Thật là một cái bếp phú quý, vinh hoa, xương thịnh, đệ nhất tốt.

6) Bếp Ly: Bếp Ly Hỏa đối với Cửa Ly tỷ hòa và là Bếp Phục vị đắc vị, đối với Chủ Chấn tương sanh và hồ biến Sinh khí hữu khí. Bếp này tương tự như Bếp Chấn, 3 cung và 3 tinh đều đăng tỷ hòa, tương sanh, toàn là Mộc với Hỏa rất hợp với Đông tứ trạch, đại kiết.

7) Bếp Khôn: Bếp Khôn Thổ đối với Cửa Ly tiết khí và là Bếp Lục sát, đối với Chủ Chấn tương khắc và hồ biến ra Họa hại, phụ nữ đoản thọ, bệnh da vàng, bệnh phù thũng, các chứng tỳ vị.

8) Bếp Đoài: Bếp Đoài Kim đối với Cửa Ly Chủ Chấn đều bị tương khắc và biến sinh Ngũ quỷ cùng Tuyệt mệnh, nguy hại còn hơn Bếp Kiền, nam nữ chết yểu, kiện tụng rồi ren, trộm cướp nhiều nhượng, khẩu thiệt thị phi, phụ nữ làm loạn, chết cách hung dữ.

Nhà số 48 : Cửa LY với Chủ TỐN

(Thiên y trạch)

(Cửa cái tại Ly, Chủ phòng hay Sơn Chủ tại Tốn)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Hỏa phong dinh hy, gia bảo thiện. Ý nghĩa: Lửa gió: nhân đình ít oi, nhà ưa làm lành. Hỏa là lửa chỉ vào Ly, phong là gió chỉ vào Tốn. Đình tức nhân đình, nhân khẩu, số người ở trong nhà. Hy là ít oi, thưa thớt. Nhà có Cửa Ly và Chủ Tốn thì số người chẳng thêm (vì thuần Âm) và người trong nhà hay làm việc phúc đức (vì là nhà Thiên y).

Dương trạch tam yếu

- Từ Cửa Ly biến 6 lần tới Chủ Tốn được Thiên y cho nên gọi là Thiên y trạch. Nhà Thiên y: phú quý song toàn, nam nữ đều nhân từ và lễ nghĩa, phụ nữ nắm quyền nhà. Sơ niên đại phát, nhưng về sau lâu hiếm hoi con cái, nghĩa tử chường quản gia đình.

Cửa Ly với Chủ Tốn phối 8 Bếp :

(Ngôi nhà số 48 này là Đông tứ trạch vì Cửa Ly và Chủ Tốn đều thuộc Đông tứ cung. Vậy Đông trù thêm lợi cho nhà, nhưng Tây trù làm bất lợi).

1) Bếp Kiên: Kim là Tây trù, đối với Cửa Ly là Tuyệt mệnh, đối với Chủ Tốn là Hỏa hại, làm cho nam nữ yếu thọ, người người trong nhà chẳng an.

2) Bếp Khảm: Thủy là Đông trù, đối với Cửa Ly là bếp Diên niên đối với Chủ Tốn là Sinh khí. Diên niên và Sinh khí hợp với Thiên y trạch thành Nhà Ba tốt, đại phát phú quý. Bếp Khảm thượng kiệt (tốt trên hết).

3) Bếp Cấn: Bếp Cấn Thổ là Tây trù, đối với Cửa Ly là Hỏa hại, đối với Chủ Tốn là Tuyệt mệnh, rất bất lợi cho hàng trẻ nhỏ, và vì hai Âm thắng một Dương cho nên phụ nữ chuyên quyền.

4) Bếp Chấn: Bếp Chấn Mộc đối với Cửa Ly Hỏa là được cách Mộc Hỏa thông minh, đối với Chủ Tốn cũng Mộc là được cách lưỡng Mộc thành lâm, đã phú lại quý. Hơn nữa Chấn đối với Ly Tốn biến sinh Sinh khí và Diên niên hiệp với Thiên y trạch thành Nhà ba tốt, đại kiệt.

5) Bếp Tốn: Âm Mộc đối với Cửa Ly là Bếp Thiên y, đối với Chủ Tốn là tỷ hòa Phục vị hữu khí, lúc đầu phát đạt lớn nhưng về sau lâu bất lợi bởi Ly Tốn Tốn thuận Âm.

6) Bếp Ly: Âm Hỏa là Đông trù, đối với Cửa Ly tỷ hòa và là Bếp Phục vị đắc vị, đối với Chủ Tốn tương sanh và hổ biến được Thiên y, lúc đầu phát đạt nhưng về sau thiếu con thừa tự vì Ly Tốn Ly thuận Âm (như Bếp Tốn).

7) Bếp Khôn: Âm Thổ là Tây trù, đối với Cửa Ly là bếp Lục sát, đối với Chủ Tốn phạm Ngũ quỷ, người chẳng yên lành, gia đạo chẳng hòa, phụ nữ gây rối loạn.

8) Bếp Đoài: Âm Kim là Tây trù, đối với Cửa Ly là Bếp Ngũ quỷ, đối với Chủ Tốn là Lục sát, Bếp này đại hung, nam nữ đều yếu thọ, nhân đình khiếm khuyết, góa bụa.

Nhà số 49 : Cửa CHẤN với Chủ CHẤN

(Phục vị trạch)

(Cửa cái tại Chấn, Chủ phòng hay Sơn chủ cũng tại Chấn)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Thê tử tương khắc, Chấn Mộc trùng. Ý nghĩa: Vợ con khắc nhau, Chấn Mộc trùng nhau. Chấn thuộc Mộc, nay Chấn gặp Chấn nên nói là Chấn Mộc trùng.

- Từ Cửa Chấn biến 8 lần tới Chủ Chấn được Phục vị cho nên gọi là Phục vị trạch. Phục vị Mộc lâm Chấn cũng Mộc là đẳng diện, đem vượng khí về Đông tứ trạch cho nên sơ niên phát giàu có và sang trọng. Nhưng vì hai Chấn thuận Dương sát Âm phải suy, phụ nữ đoản thọ, số nhân khẩu chẳng thêm, ở lâu năm quá sẽ sanh ra các vụ góa bụa và nuôi con kẻ khác làm kế thừa tự.

Cửa Chấn và Chủ Chấn phối 8 Bếp :

Dương trạch tam yếu

(Nhà có Cửa Chấn và Chủ Chấn thuộc Đông tứ trạch, vậy nên các Đông trù đều có lợi cho nhà, còn các Tây trù bất lợi).

1) Bếp Kiền: Bếp Kiền Dương Kim là Tây trù, đối với hai Chấn (Cửa và Chủ) đều tương khắc và phạm hai Ngũ quỷ đại đại hung, mọi sự đều bất lợi, người chết mất, nhà cửa bại tan.

2) Bếp Khảm: Bếp Khảm Dương Thủy là Đông trù, đối với hai Chấn đều đặn tương sanh và biến sinh được 2 Thiên y, ấy là cái Bếp tốt. Nhưng Khảm Chấn Chấn thuần dương, tuy sơ niên phát đạt nhưng ở lâu về sau hiếm con thừa tự, ở góa, bất lợi.

3) Bếp cấn: Bếp Cấn Dương Thổ là Tây trù đối với 2 Chấn đều bị tương khắc và biến sinh 2 Lục sát, là cái Bếp cùng khổ, thất bại tiền của, hết bại tuyệt điều này lại bại tuyệt điều khác, hàng tiểu nhi bị bệnh dạ dày, bệnh da vàng và phù thũng.

4) Bếp Chấn: Bếp Chấn Dương Mộc là Đông trù, đối với Cửa Chấn và Chủ Chấn đều đặn tỷ hòa, biến sinh toàn là Phúc vị hữu khí, sơ niên có lợi nhưng vì 3 Chấn tượng ba người nam ở chung (thuần Dương) về sau khắc hại vợ và hiếm con thừa tự.

5) Bếp Tốn: Bếp Tốn Âm Mộc là Đông trù đối với Cửa Chấn được cách lưỡng Mộc thành lâm, đối với Chủ Chấn cũng được cách lưỡng Mộc thành lâm, biến sinh được hai Diên niên, đại kết, đại lợi, phúc lộc thọ gồm đủ.

6) Bếp Ly: Bếp Ly Âm Hỏa đối với Cửa Chấn và Chủ Chấn là được hai cách Mộc Hỏa thông minh và biến sinh được hai Sinh khí hữu khí, trăm việc đều đặn thuận lợi. Bếp Ly thuộc Đông trù rất hợp gặp loại Mộc: Chấn, Sinh khí.

7) Bếp Khôn: Bếp Khôn Âm Thổ là Tây trù, bị 2 Chấn khắc và biến sinh hai Họa hại, khiến bất lợi cho lão mẫu, bệnh da vàng, bệnh sưng, tỷ vị chẳng tốt.

8) Bếp Đoài: Bếp Đoài Âm Kim là Tây trù, khắc cả Cửa Chủ, biến sinh 2 Tuyệt mệnh rất hung hại, khiến cho số người chẳng thêm, nam nữ đoản thọ, gân cốt đau nhức, bất lợi.

Nhà số 50 : Cửa CHẤN với Chủ TỐN

(Diên niên trạch)

(Cửa cái tại Chấn, Chủ phòng hay Sơn chủ tại Tốn)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Lôi phong tương phối, tốc phát phúc. Ý nghĩa: Sấm gió gặp nhau, rất mau phát phước. Lôi là sấm chỉ vào Chấn, phong là gió chỉ vào Tốn gặp nhau biến sinh Diên niên là kết du niên khiến cho nhà phát phú quý rất mau lẹ.

- Từ Cửa Chấn biến 3 lần tới Chủ Tốn được Diên niên cho nên gọi là Diên niên trạch. Chấn Dương Mộc gặp Tốn là Âm Mộc rất tốt, được gọi là lưỡng mộc thành lâm (rừng). Mộc thịnh gặp Diên niên Kim là cây quý gặp cửa búa tốt đeo chuốt thật vật quý giá, chủ sự công danh hiện đạt, sanh 4 con. Ở nhà này khoa giáp đỗ liên miên, rất thường là bần cùng mà trở nên phát đạt lớn, trở nên đại phú quý. Cũng gọi là đất bằng nổi lên một tiếng sấm, ý nói sang giàu bất ngờ. (Cú ý: chớ luận Diên niên Kim khắc Chấn Tốn Mộc là bất lợi).

Cửa Chấn với Chủ Tốn phối 8 Bếp :

(Nhà có Cửa Chấn và Chủ Tốn thuộc Đông tứ trạch, vậy nên các Đông trù đều có lợi cho nhà, còn các Tây trù đều bất lợi).

1) Bếp Kiền: Bếp Kiền Dương Kim là Tây trù, khắc cả Cửa Chấn và Chủ Tốn,

Dương trạch tam yếu

2) Bếp Khảm: Bếp Khảm Dương Thủy là Đông trù, đối với Cửa Chấn và Chủ Tồn Mộc biến sinh được Diên niên với Sinh khí, hiệp với Diên niên trạch thành Nhà ba tốt, đại kiết, đại lợi.

3) Bếp Cấn: Bếp Cấn Dương Thổ là Tây trù, đối với Cửa Chấn và Chủ Tồn đều tương khắc và biến sinh Lục sát với Tuyệt mệnh: hiểm con thừa tự và rất tán tài.

4) Bếp Chấn: Bếp Chấn Dương Mộc là Đông trù, gặp Cửa Chấn và Chủ Tồn toàn là Mộc hợp lại thành rừng cây sầm uất, đại kiết, đại lợi.

5) Bếp Tồn: Bếp Tồn Âm Mộc là Đông trù, gặp Chấn Tồn toàn là Mộc. Mộc nhiều thì Mộc thịnh, đem vượng khí cho Đông tứ trạch, rất tốt như Bếp Chấn.

6) Bếp Ly: Bếp Ly Âm Hỏa là Đông trù, gặp Chấn Tồn Mộc được cách Mộc Hỏa thông minh, lại biến sinh Sinh khí và Thiên y hợp cùng Diên niên trạch thành Nhà ba tốt. Đây là cái Bếp tam nguyên cập đệ, đại đại kiết, nam thông minh, nữ tuần tú, người đàn ông hoàng, nhà cửa đàn ông hoàng, chẳng có chi là chẳng thuận lợi. (Tam nguyên cập đệ là thi đỗ: Giải nguyên, Hội nguyên, Đình nguyên, Tiến sĩ).

7) Bếp Khôn: Bếp Khôn Âm Thổ là tây trù, đồng bị Cửa Chấn và Chủ Tồn khắc, rất tai hại cho lão mẫu chẳng thêm dài mạng sống.

8) Bếp Đoài: Bếp Đoài Âm Kim là Tây trù, khắc cả Cửa Chấn và Chủ Tồn, biến sinh Tuyệt mệnh và Lục sát khiến nam nữ yếu thọ.

Nhà số 51 : Cửa CHẤN với Chủ LY

(Sinh khí trạch)

(Cửa cái tại Chấn, Chủ phòng hay Sơn chủ tại Ly)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Lôi Hỏa quang minh, phú quý xương. Ý nghĩa: Sấm lửa sáng trưng, giàu sang tốt. Lôi là sấm chỉ vào Chấn, Hỏa là lửa chỉ vào Ly. Phàm sấm với lửa gặp nhau thì tỏa ánh sáng rực rỡ vì vậy nên nói là quang minh. Phú là giàu có, quý là sang trọng (danh vọng), xương là tốt đẹp.

- Từ Cửa Chấn biến 1 lần tới Chủ Ly được Sinh khí cho nên gọi là Sinh khí trạch. Cửa Chấn Dương Mộc sanh Chủ Ly Âm Hỏa là Dương bên ngoài sanh vào Âm bên trong rất tốt, sự phát đạt rất mau. Ly gặp Chấn là lửa gặp Mộc cháy sáng bùng, cái khí thể phát đạt rất mạnh. Sinh khí Mộc là chủ tinh lâm Ly Hỏa là đắc vị, là tinh sanh cung: sanh 5 con đỗ đạt, chồng vợ hòa hài, gia đạo vẻ vang, điền sản tiến thêm, lục súc hưng vượng, công danh rực rỡ, trai thông minh, gái tuần tú, con cháu đầy nhà, chồng vợ hiền lương và phúc hậu, tuổi sống tới trăm... Thật là ngôi nhà rất tốt, tả chẳng hết lời.

Cửa Chấn với Chủ Ly phối 8 Bếp :

(Cửa Chấn với Chủ Ly thuộc Đông tứ trạch, cho nên các Đông trù đều có lợi ích, còn các tây trù đều là những Bếp hung hại).

1) Bếp Kiền: Bếp Kiền Dương Kim là Tây trù, đối với Cửa Chấn và Chủ Ly đều bị tương khắc, phạm Ngũ quỷ cùng Tuyệt mệnh, hung hại quá chừng, những sự bại tuyệt tiếp tục, trăm việc chẳng thuận.

2) Bếp Khảm: Bếp Khảm Dương Thủy là Đông trù, đối với Cửa Chấn và Chủ Ly biến sinh được Thiên y cùng Diên niên hiệp với Sinh khí trạch thành Nhà ba tốt, đại kiết, đại lợi. Lại còn một cách hay nữa là Bếp Khảm Thủy sanh Cửa Chấn Mộc, rồi Cửa Chấn Mộc sanh Chủ Ly Hỏa, Khảm tuy khắc Ly nhưng nhờ có Chấn, Khảm mắc lo sanh Chấn, giải được cái khắc đó nên nói là cách hay.

Dương trạch tam yếu

3) Bếp Cấn: Bếp Cấn Dương Thổ là Tây trù, đối với Cửa Chấn với Chủ Ly biến sanh Lục sát và Hỏa hại là cái bếp bại tuyệt, kém thọ, thiếu con.

4) Bếp Chấn: Bếp Chấn Dương Mộc là Đông trù, đối với Cửa Chấn tỷ hòa, đối với Chủ Ly tương sanh, biến sinh Phục vị và Sinh khí toàn Mộc tính đem vượng khí cho Đông tứ trạch. Ấy là một cái Bếp tốt.

5) Bếp Tốn: Bếp Tốn Âm Mộc là Đông trù, đối với Cửa Chấn Âm Dương tỷ hòa và là Bếp Diên niên, đối với Chủ Ly tương sanh và hỗ biến được Thiên y. Như vậy nhờ Bếp này mà có thêm Diên niên và Thiên y hiệp với Sinh khí trạch thành Nhà ba tốt, đại kiết, đại lợi.

6) Bếp Ly: Âm Hỏa là Đông trù, đối với Cửa Chấn là Âm Dương tương sanh và là Bếp Sinh khí đắc vị, sanh xuất bậc phụ nữ hiền lương, hưng gia lập nghiệp, hiền nữ gặp trưởng phu, phát phúc. Bếp Ly với Chủ Ly tỷ hòa Phục vị đắc vị cũng thêm tốt một phần.

7) Bếp Khôn: Bếp Khôn Âm Thổ là Tây trù, đối với Cửa Chấn Chủ Ly tương khắc và tiết khí, biến sinh Hỏa hại và Lục sát, rất bất lợi cho âm nhân cùng lão mẫu.

8) Bếp Đoài: Bếp Đoài Âm Kim là tây trù, đối với Cửa Chấn Chủ Ly đều bị tương khắc và biến sinh Tuyệt mệnh cùng Ngũ quỷ. Bếp này đại hung.

Nhà số 52 : Cửa CHẤN với Chủ KHÔN

(Hỏa hại trạch)

(Cửa cái tại Chấn, Chủ phòng hay Sơn chủ tại Khôn)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Long nhập nhân môn, thương lão mẫu. Ý nghĩa: Rong vào cửa người, tổn hại mẹ già. Long là rồng ám chỉ Chấn, Nhân môn là cửa người ám chỉ Khôn (xem lời giải về tượng nhà số 14 và 42). Khôn thuộc mẹ già, nay Chấn khắc Khôn nên nói mẹ già bị tổn hại.

- Theo phép Bát biến thì từ Cửa Chấn biến 5 lần tới Chủ Khôn gặp Hỏa hại cho nên gọi là Hỏa hại trạch. Chủ Khôn Âm Thổ bị khắc lại thừa Hỏa hại cho nên gọi là Hỏa hại trạch. Chủ Khôn Âm Thổ bị hắc lại thừa Hỏa hại cho nên nhà sanh ra bệnh da vàng, phù thũng, các chứng thuộc về tỷ vị, thoe lời tượng ứng thì mẹ phải lìa cha. Hỏa hại tức sao Lộc tồn Thổ lâm Khôn tỷ hòa, trong cấu cũng có một ít tốt, sơ niên số nhân khẩu cũng khá đông, về sau tiền tài và số nhân khẩu không trọn vẹn, hễ có tiền tài thì khuyết kém số người, còn đông người ắt hẳn bần cùng, được mười mất chín.

Cửa Chấn với Chủ Khôn phối 8 Bếp :

(Cửa Chấn thuộc Đông cung, Chủ Khôn thuộc Tây cung) cho nên gọi nhà này là Đông Tây tương hỗn trạch, không có bếp nào trọn xấu hay trọn tốt, hễ lợi cho Cửa thì hại cho Chủ, bằng lợi Chủ thì hại Cửa).

1) Bếp Kiền: Bếp Kiền Dương Kim khắc Cửa Chấn và là Bếp Ngũ quỷ đại hung, nhưng đối với Chủ Khôn là Diên niên và là Âm Dương tương sanh rất tốt cho hàng phụ mẫu.

2) Bếp Khảm: Bếp Khảm Dương Thủy đối với Cửa Chấn là Thiên y giải trừ được các tai họa. Nhưng Khảm đối với Chủ Khôn là Tuyệt mệnh, bất lợi cho hàng trung nam. Bếp này hung kiết tương đương.

Dương trạch tam yếu

3) Bếp Cấn: Bếp Cấn Dương Thổ đối với Cửa Chấn bị khắc và là Bếp Lục sát hung, nhưng đối với Chủ Khôn tỷ hòa và hồ biến được Sinh khí: kiết. Bếp Cấn hung kiết tương đương.

4) Bếp Chấn: Bếp Chấn Dương Mộc tỷ hòa với Cửa Chấn, nhưng khắc Chủ Khôn, hung nhiều hơn kiết.

5) Bếp Tốn: Bếp Tốn Âm Mộc tỷ hòa với Cửa Chấn và là Bếp Diên niên thất vị tốt vừa vừa, nhưng đối với Chủ Khôn phạm Ngũ quỷ hung nhiều hơn kiết.

6) Bếp Ly: Bếp Ly Âm Hỏa đối với Chủ Khôn và Lục sát nhưng tương sinh đối với Cửa Chấn là bếp Sinh khí đắc vị rất bình yên.

7) Bếp Khôn: Bếp Khôn Âm Thổ đối với Chủ Khôn tỷ hòa Phục vị thất vị chẳng tốt bao nhiêu, nhưng bị Cửa Chấn khắc và là Bếp Hỏa hại hung nhiều hơn kiết.

8) Bếp Đoài: Bếp Đoài Âm Kim khắc Cửa Chấn và là Bếp Tuyệt mệnh, rất bất lợi cho con cái, nam nhân yếu vong. Nhưng Đoài với Chủ Khôn tỷ hòa và hồ biến được Thiên y hữu khí giải được tai hại, có lợi cho lão mẫu cùng thiếu nữ.

Nhà số 53 : Cửa CHẤN với Chủ ĐOÀI

(Tuyệt mệnh trạch)

(Cửa cái tại Chấn, Chủ phòng hay Sơn chủ tại Đoài)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Long tranh Hổ đấu: ưu thương trưởng. Ý nghĩa: Rồng tranh hổ đánh, lo buồn cho hạng cả (lớn). Long tức Thanh long ám chỉ vào chấn. Hổ tức Bạch hổ ám chỉ vào Đoài (xem lời giải về tượng nhà số 14 và nhà số 27). Chấn với Đoài tương khắc cho nên nói là tranh, là đấu. Đoài thuộc thiếu nữ là hàng nhỏ khắc Chấn trưởng nam là hạng lớn nên nói: lo buồn cho hạng cả (người lớn).

- Theo phép Bát biến, từ Cửa Chấn biến 7 lần tới Chủ Đoài tất phạm Tuyệt mệnh cho nên gọi là Tuyệt mệnh trạch. Chấn với Đoài Âm Dương tương khắc, nhân đinh cùng tiền tài đều chẳng vượng. Kim với Mộc hình chiếu, đau nhức lưng, móng, tim, bụng, sanh ra các vụ ở góa, thiếu con thừa tự, linh đình, cô khổ vô cùng. Nếu ngôi nhà này là Động trạch năm (5) ngăn thì nên chọn ngăn 5 làm Phòng chúa để được Cự môn đắc vị thì phát phú được vài chục năm rồi sau đó mới suy vi. Hoặc là Biến trạch đúng sáu ngăn thì nên chọn ngăn 2 làm Phòng chúa để được Vũ khúc Kim tinh đăng diện thì nhà phát phú tới 30 năm rồi sau đó mới suy dần (xem Thiên VI Lập thành, nơi Năm mẫu nhà số 11).

Cửa Chấn với Chủ Đoài phối 8 Bếp:

(Cửa Chấn thuộc phe Đông, Cửa Đoài thuộc phe tây, nhà này là Đông Tây tương hỗn trạch (Đông Tây lẫn lộn). Vì vậy Bếp nào cũng không trọn tốt hay trọn xấu, hễ lợi cho Cửa thì hại Chủ, lợi cho Chủ thì hại Cửa).

1) Bếp Kiền: Bếp Kiền Dương Kim, đối với Chủ Đoài tỷ hòa và là Bếp Sinh khí thất vị tốt vừa vừa. Nhưng Kiền khắc Chủ Chấn, hồ biến Ngũ quỷ đại hung.

2) Bếp Khảm: Bếp Khảm Dương Thủy đối với Cửa Chấn tương sinh và là Bếp Thiên y rất bình yên. Nhưng dùng lâu về sau thì nam nữ đoản thọ vì Khảm tiết khí Chủ Đoài và hồ biến ra Hỏa hại.

3) Bếp Cấn: Bếp cấn Dương Thổ đối với Chủ Đoài tương sinh và hồ biến được Diên niên hữu khí rất tốt. Nhưng vì Cửa Chấn khắc Bếp Cấn khiến cho hàng tiểu nhi yếu vong.

Dương trạch tam yếu

4) Bếp Chấn: Bếp Chấn Dương Mộc đối với Cửa Chấn tỵ hòa và là Bếp Phục vị đẳng diện tốt tâm thường. Nhưng Chấn với Chủ Đoài tương khắc, hổ biến Tuyệt mệnh hại chẳng ít. Bếp này hung nhiều hơn kiết.

5) Bếp Tốn: Bếp Tốn Âm Mộc, đối với Cửa Chấn là Âm Dương tỵ hòa và là Bếp Diên niên tốt trung bình. Nhưng Tốn với Chủ Đoài tương khắc và hổ biến Lục sát khiến phụ nữ yếu vong.

6) Bếp Ly: Bếp Ly Âm Hỏa đối với Cửa Chấn tương sanh và là Bếp Sinh khí rất tốt, nhưng Ly với Chủ Đoài tương khắc và hổ biến Ngũ quỷ rất hung hại, khiến cho hàng phụ nữ hoặc gái nhỏ tuổi chết cách hung dữ.

7) Bếp Khôn: Âm Thổ bị Cửa Chấn khắc, lão mẫu bị tổn thương. Nhưng Khôn sanh Chủ Đoài và hổ biến Thiên y lợi cho hàng thiếu nữ.

8) Bếp Đoài Âm Kim cùng với Chủ Đoài đồng khắc Cửa Chấn gây tổn hại cho nam nhân, khắc con cháu, thiếu con thừa tự. Bếp Đoài đối với Cửa Chấn là Bếp Tuyệt mệnh.

Nhà số 54 : Cửa CHẤN với Chủ KIẾN

(Ngũ quỷ trạch)

(Cửa cái tại Chấn, Chủ phòng hay Sơn chủ tại Kiến)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Long phi thiên thượng, lão công ương. Ý nghĩa: Rồng bay lên trời, lão ông tai ương. Long tức Thanh long thuộc Dương Mộc ám chỉ vào Chấn, vì Chấn cũng Dương Mộc, Thiên là Trời chỉ vào Kiến. Lão công là ông lão chỉ về bậc ông, bậc già, là cha.

- Theo phép Bát biến, từ Cửa Chấn biến 2 lần tới Cửa Kiến phạm Ngũ quỷ cho nên gọi là Ngũ quỷ trạch, là nhà sanh chứa rất nhiều tai họa và bệnh hoạn. Ngũ quỷ thuộc Hỏa lâm Kiến là Cửa Trời, là lửa phạm Cửa Trời tổn hại ông cha. Ở nhà này phải đoán thọ, tà ma nhập trạch, sanh nhiều điều quỷ quái, bệnh hoạn đau đớn đến chết cách hung dữ. Kiến tưng vì có án mạng (giết người, chết người), bị trộm cướp, thị phi, khẩu thiệt, hại vợ, khắc con, điền sản thối bại, cưới nhiều lần thê thiếp, cờ bạc, hút sách, dâm đảng, phóng túng, tai nạn phỉng cháy, mất tật, vì ghê độc hay vì sanh đẻ mà chết, lưng mông tim bụng đau nhức vô cùng... Thật là một cái nhà hung hại đáng sợ.

Cửa Chấn với Chủ kiến phối 8 Bếp :

(Cửa Chấn ở phe Đông, Chủ Kiến ở phe Tây, Đông Tây lẫn lộn cho nên gọi nhà này là Đông Tây tương hỗn trạch. Vì vậy bếp nào cũng không trọn tốt hay trọn xấu, hễ lợi Cửa thì hại Chủ, bằng lợi Chủ thì hại Cửa).

1) Bếp Kiến: Bếp Kiến Dương Kim đối với Chủ Kiến là Phục vị thất vị, tốt chẳng đáng bao nhiêu. Nhưng Kiến khắc Cửa Chấn và là Bếp Ngũ quỷ đại hung. Ngũ quỷ Hỏa lâm Kiến khắc Kiến là cung tinh tương khắc, lại Chấn Kiến Kiến là ba Dương khuyết Âm, Kim Mộc hình chiến, nam nữ đoán thọ, trăm sự việc đều bất lợi. Nhà Ngũ quỷ lại bếp Ngũ quỷ, người không kham nổi tai họa.

2) Bếp Khảm: Bếp Khảm Dương Thủy sanh Cửa Chấn và là Bếp Thiên y thất vị tốt chẳng đáng nhiều. Nhưng Khảm bị Chủ Kiến tiết khí và hổ biến Lục sát, lại Chấn Kiến Khảm thuần Dương thiếu Âm, khắc hại vợ con, dâm loạn, bài bạc, tán tài, hiếm con thừa tự.

Dương trạch tam yếu

3) Bếp Cấn: Bếp Cấn Dương Thổ bị Cửa Chấn khắc và là Bếp Lục sát, thuần Dương, thiếu con nối dòng, khắc hại vợ con, bệnh da vàng, phù thũng, phong tật. Nhưng Cấn sinh Chủ Kiền và hổ biến được Thiên y hữu khí có thể làm giảm sự tai hại của Lục sát.

4) Bếp Chấn: Bếp Chấn Dương Mộc tỷ hòa với Cửa Chấn và là Bếp Phục vị đăng diện khá tốt. Nhưng Chấn với Chủ Kiền tương khắc và hổ biến ra Ngũ quỷ đại hại. Bếp này hung nhiều hơn kiết.

5) Bếp Tốn: Bếp Tốn Âm Mộc đối với Cửa Chấn là Âm Dương tỷ hòa và là Bếp Diên niên tuy thất vị cũng khá tốt. Nhưng Tốn bị Chủ Kiền khắc và hổ biến sinh ra Hỏa hại, khiến phụ nữ yếu thọ, gân xương đau nhức, sanh đẻ chết.

6) Bếp Ly: Bếp Ly Âm Hỏa đối với Cửa Chấn là Âm Dương tương sinh và là Bếp Sinh khí đắc vị, cũng gọi là rồng xanh vào nhà, phát tài, nắm cửa quý giá, rất tốt. Nhưng Ly khắc Chủ Kiền cũng có lắm điều bất lợi: nam nữ đoản thọ, tai nạn về lửa, mất tật, đầu tối tăm, ghẻ độc, ho hen khạc đàm, lao tổn.

7) Bếp Khôn: Bếp Khôn Âm Thổ bị Cửa Chấn khắc và là bếp Hỏa hại, mẹ già lìa cha, phụ nữ bất lợi, bệnh da vàng, phù thũng, tim đau, tỳ vị thọ bệnh. Nhưng Khôn với Chủ Kiền tỷ hòa và hổ biến Diên niên hữu khí rất tốt, tài vượng mà nhân đinh cũng vượng.

8) Bếp Đoài: Bếp Đoài Âm Kim khắc Cửa Chấn và là Tuyệt mệnh tảo, tiểu nhi khó nuôi dưỡng, góa bụa, nuôi con họ khác, hay bị tai bệnh. Nhưng Đoài với Chủ Kiền tỷ hòa và hổ biến được Sinh khí Mộc tuy vô khí cũng được may về tiền bạc và công danh.

Nhà số 55 : Cửa CHẤN với Chủ KHẨM

(Thiên y trạch)

(Cửa cái tại Chấn, Chủ phòng hay Sơn chủ tại Khảm)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Lôi Thủy; pháp tự, đa hành thiện. Ý nghĩa: Sấm với Nước; thiếu con, hay làm lành. Lôi là Sấm chỉ vào Chấn, Thủy là nước chỉ vào Khảm. Pháp tự là không tự sanh được con để nối dòng. Đa hành thiện là làm nhiều việc phước đức.

- Theo phép Bát biến, từ Cửa Chấn biến 6 lần tới Chủ Khảm tất được Thiên y cho nên gọi là thiên y trạch. Chấn Mộc với Khảm Thủy tương sinh, ở sơ niên thịnh phát lớn. Nhưng vì Chấn Khảm thuần Âm chẳng sinh hóa được, về lâu sau khắc hại vợ con, nhân đinh bất lợi và người không thêm đông. Tuy nhiên, nam nữ đều ưa làm việc lành và ăn ở rất có nhân nghĩa.

Cửa Chấn và Chủ Khảm phối 8 Bếp :

(Cửa Chấn với Chủ Khảm đều thuộc về Đông tứ cung cho nên ngôi nhà này là Đông tứ trạch. Phạm Đông tứ trạch thì các Đông trù là những Bếp có lợi tốt, còn các Tây trù là những Bếp hung hại).

1) Bếp Kiền: Bếp Kiền Dương Kim là Tây trù, khắc Cửa Chấn và là bếp Ngũ quỷ đại hung, hướng chỉ đối với Chủ Khảm thì Kiền bị tiết khí và hổ biến Lục sát thêm sự hại.

2) Bếp Khảm: Bếp Khảm Dương Thủy là Đông trù, đối với Cửa Chấn tương sinh, đối với Chủ Khảm tỷ hòa, biến sinh được Thiên y và Phục vị toàn là kiết du niên,

Dương trạch tam yếu

nhưng vì Chấn Khảm Khảm ba cung thuần Dương chỉ tốt trung bình, và dùng Bếp này lâu sau sẽ khắc hại vợ con.

3) Bếp Cấn: Bếp Cấn Dương Thổ là Tây trù, đối với Cửa Chấn và Chủ Khảm đều bị tương khắc, biến sinh Lục sát và Ngũ quỷ là cái Bếp Tuyệt tự, nam nữ đoản thọ, tiểu nhi bất lợi.

4) Bếp Chấn: Bếp Chấn Dương Mộc là Đông trù, đối với Cửa Chấn và Chủ Khảm đều đặn tỷ hòa cùng tương sanh, nhưng Chấn Chấn Khảm thuần Dương chỉ tốt trung bình, dùng lâu sau chẳng có con thừa tự.

5) Bếp Tốn: Bếp Tốn Âm Mộc thuộc Đông trù, đối với Cửa Chấn là Âm Dương tỷ hòa và là bếp Diên niên, đối với Chủ Khảm là Âm Dương tương sanh và hồ biến được Sinh khí hữu khí rất tốt, hiệp với Thiên y trạch thành Nhà ba tốt, trăm sự thuận lợi, giàu có, sang trọng, vinh diệu.

6) Bếp Ly: Bếp Ly Âm Hỏa thuộc Đông trù, đối với Cửa Chấn là Âm Dương tương sanh và là Bếp Sinh khí đắc vị, đối với Chủ Khảm là Âm Dương chính phối và hồ biến được Diên niên, hiệp với Thiên y trạch thành Nhà ba tốt, là một cái bếp đại lợi. (Bếp Ly và Bếp Tốn đều hiệp thành Nhà ba tốt, tốt trội hơn Bếp Khảm và Bếp Chấn).

7) Bếp Khôn: Bếp Khôn Âm Thổ là Tây trù, đối với Cửa Chấn và Chủ Khảm đều bị tương khắc và biến sinh Hỏa hại cùng Tuyệt mệnh, là cái Bếp hung hại.

8) Bếp Đoài: Bếp Đoài Âm Kim là Tây trù, đối với Cửa Chấn tương khắc, đối với Chủ Khảm tiết khí, biến sinh ra Tuyệt mệnh và Hỏa hại, là cái Bếp hung hại khiến cho nam nữ yếu vong.

Nhà số 56 : Cửa CHẤN với Chủ CẤN

(Lục sát trạch)

(Cửa cái tại Chấn, Chủ phòng hay Sơn chủ tại Cấn)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Long phó Sơn trung, thiếu nhi lang. Ý nghĩa: Rồng đến trong núi, ít con cái. Long là Rồng ám chỉ vào Chấn, Sơn là núi chỉ vào Cấn. Cửa Chấn khắc Chủ Cấn là hàng thiếu nam thọ hại, lại Chấn cấn thuần Dương chẳng sinh hóa được nên nói ít con cái.

- Từ Cửa Chấn biến 4 lần tới Chủ Cấn phạm Lục sát cho nên gọi là Lục sát trạch. Cấn Chấn thuần Dương tương khắc phạm Lục sát là hung du niên, khiến cho tiểu nhi tuyệt bại và chết chóc, nam nữ đều chẳng sống lâu, sanh ra các vụ tán tài, quan tụng, trộm cắp, tuyệt tự, con nuôi nắm giữ gia sản... Cấn Thổ thuộc màu vàng bị Chấn Mộc khắc, sanh ra các chứng da vàng, phù thũng, tỳ vị, phong bệnh.

Cửa Chấn với Chủ Cấn phối 8 Bếp :

(Cửa Chấn Đông cung nhưng Chủ Cấn tây cung cho nên gọi ngôi nhà này Đông Tây tương hỗn trạch, không có Bếp nào trọn tốt hay trọn xấu, hễ lợi cho Cửa thì hại Chủ, bằng lợi Chủ thì hại cho Cửa).

1) Bếp Kiền: Dương Kim khắc Cửa Chấn và là bếp Ngũ quỷ rất hung hại, rất bất lợi. Dù Kiền với Chủ Cấn tương sanh và hồ biến được Thiên y hữu khí rất tốt nhưng thuần Dương không đủ bù trừ các sự bất lợi Ngũ quỷ.

2) Bếp Khảm: Bếp Khảm Dương Thủy đối với Cửa Chấn tương sanh, đối với Chủ Cấn tương khắc, kết hung bằng nhau.

Dương trạch tam yếu

3) Bếp Cấn: Bếp cấn Dương Thổ cũng như Chủ Cấn đối với Cửa Chấn là thọ khắc (Cấn bị Chấn khắc) bất lợi cho hàng tiểu nhi.

4) Bếp Chấn: Bếp Chấn Dương Mộc đối với Cửa Chấn tỷ hòa và là Bếp Phục vị đăng diện khá tốt. Nhưng Chấn với Chủ Cấn tương khắc hồ biến Lục sát hung hại. Bếp này hung kiết tương đương.

5) Bếp Tốn: Bếp Tốn Âm Mộc đối với Cửa Chấn Dương Mộc là Âm Dương tỷ hòa và là Bếp Diên niên tuy thất vị vẫn tốt. Nhưng Tốn đối với Chủ Cấn tương khắc và thuần Dương, nhân đinh chẳng thuận hòa.

6) Bếp Ly: Bếp Ly Âm Hỏa đối với Cửa Chấn tương sanh và là Bếp Sinh khí đắc vị, lại được cách Mộc Hỏa thông minh, cần tiền, sắm cửa, công danh thành tựu. Nhưng Ly là lửa tốt Chủ Cấn là đất phải khô, phụ nữ tánh bạo, hiếm con.

7) Bếp Khôn: Bếp Khôn Âm Thổ bị Cửa Chấn khắc và là Bếp Họa hại, mẹ lìa cha, tiểu nhi khó nuôi dưỡng, nam nữ đoản thọ. Nhưng Khôn với Chủ Cấn tỷ hòa và hồ biến được Sinh khí tuy thất vị cũng khiến cho sanh kế khá tốt.

8) Bếp Đoài: Bếp Đoài Âm Kim khắc Cửa Chấn và là Bếp Tuyệt mệnh, trong số nhân đinh nữ nhiều nam ít, hiếm con, chết yểu, lắm sự bại tuyệt. Nhưng Đoài với Chủ Cấn tương sanh và hồ biến được Diên niên hữu khí là phát tài và có năng lực giải giảm các sự hại của Tuyệt mệnh.

Nhà số 57 : Cửa TỐN với Chủ TỐN

(Phục vị trạch)

(Cửa cái tại Tốn, Chủ phòng hay Sơn chủ cũng tại Tốn)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Nhi nữ gian nan thị trùng phong. Ý nghĩa: Phụ nữ khốn khổ chính vì Gió gặp Gió. Phong là giáo chỉ vào Tốn (Tốn vi phong). Cửa Tốn gặp Chủ cũng Tốn tức là 2 Tốn cho nên nói là: trùng Phong.

- Theo phép Bát biến, từ Cửa Tốn biến 8 lần tới Chủ Tốn tất được Phục vị cho nên gọi là Phục vị trạch. Phục vị Mộc lâm Tốn là Mộc tinh đăng diện, sơ niên ất đăng phát tài. Nhưng vì Tốn Tốn thuần Âm, phụ nữ nắm quyền gia sản. Lại vì thuần Âm thì Âm thịnh mà Dương suy, nam nhân đoản thọ, phụ nữ nhiều hơn nam nhân, đến lâu sau phải tuyệt tự, nuôi nghĩa tử để giữ gìn sản nghiệp.

Cửa Tốn và Chủ Tốn phối 8 Bếp :

(Cửa Tốn Chủ Tốn là Đông tứ trạch, cho nên Đông trù là các Bếp Khảm Ly Chấn Tốn thuộc kiết tảo, còn Tây trù là các Bếp Kiền Khôn Chấn Đoài thuộc hung tảo).

1) Bếp Kiền: Bếp Kiền Dương Kim là Tây trù, khắc cả Cửa Tốn Chủ Tốn, biến sinh 2 Họa hại, phụ nữ chết vì sanh đẻ, đoản thọ, hay bị bệnh.

2) Bếp Khảm: Bếp Khảm Dương Thủy là Đông trù, sanh Cửa Tốn Chủ Tốn, là Bếp Sinh khí đắc vị lại hồ biến cũng được Sinh khí hữu khí, là một cái Bếp thượng thượng kiết, năm phước gom về, vinh hoa thông đạt nhất thế.

3) Bếp Cấn: Bếp Cấn Dương Thổ là Tây trù, đối với hai Tốn toàn là Tuyệt mệnh, tương khắc, là cái Bếp tuyệt tự tán tài.

4) Bếp Chấn: Bếp Chấn Dương Mộc là Đông trù, hiệp với Cửa Tốn và Chủ Tốn là 3 Tốn tỷ hòa: tiền bạc thì có mà nhân đinh thì không. Tốn Tốn Tốn là ba Âm ở chung, Âm thịnh tất Dương suy, nam nhân đoản thọ.

Dương trạch tam yếu

6) Bếp Ly: Bếp Ly Âm Hỏa là Đông trù, đối với 2 Tốn Âm Mộc đều gọi là Mộc Hỏa thông minh cách và biến sinh hai Thiên y là phúc thần vào nhà, phụ nữ hiền lương, thông minh tuấn tú. Nhưng Ly Tốn Tốn thuần Âm: thiếu con thừa tự.

7) Bếp Khôn: Bếp Khôn Âm Thổ là Tây trù, đối với Tốn Tốn tương khắc và là hai Ngũ quỷ rất hung hại.

8) Bếp Đoài: Bếp Đoài Âm Kim là Tây trù, đối với Tốn Tốn tương khắc và là hai Lục sát, lại ba cung thuần Âm rất bất lợi cho phụ nữ, số người không thêm.

Nhà số 59 : Cửa TỐN với CHỦ LY

(Thiên y trạch)

(Cửa cái tại Tốn, Chủ phòng hay Sơn chủ tại Ly)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Phú quý, pháp tự: Phong Hỏa dương. Ý nghĩa: Giàu sang, hiếm hoi con cái: Gió Lửa đương đối nhau. Phú quý là giàu có danh vọng. Pháp tự là thiếu con thừa tự. Phong là gió chỉ Tốn, Hỏa là lửa chỉ vào Ly. Phong tỏa Dương là nói Tốn với Ly gặp nhau.

- Từ Cửa Tốn biến 6 lần tới Chủ Ly được Thiên y cho nên gọi là Thiên y trạch. Tốn Mộc gặp Ly Hỏa được cách Mộc Hỏa thông minh rất tốt, giàu có cùng sang trọng, phụ nữ tuấn tú (tài trí hơn người), trọn nhà ưa làm việc phúc đức, hay giúp người lợi vật. Nhưng vì Tốn Ly thuần Âm chẳng trưởng tấn về sau, nam nhân đoản thọ, thiếu con thừa tự, sống góa bụa.

Cửa Tốn với Chủ Ly phối 8 Bếp :

(Cửa Tốn Chủ Ly thuộc Đông tứ trạch, vậy nên Đông trù là những Bếp tốt, Tây trù là những Bếp hung hại).

1) Bếp Kiên: Bếp Kiên Dương Kim là Tây trù, đối với Cửa Tốn Chủ Ly đều bị tương khắc và biến sinh Họa hại cùng Tuyệt mệnh, khiến cho nam nữ đoản thọ, trụ thai, sanh dễ chết, treo cổ chết.

2) Bếp Khảm: Bếp Khảm Dương Thủy là Đông trù, sanh Cửa Tốn và là Bếp Sinh khí đắc vị, đại kiết, đại lợi. Phú quý song toàn, hanh thông trên thế. Khảm với Chủ Ly hổ biến được Diên niên thêm lợi cho Nhà ba tốt.

3) Bếp Cấn: Bếp Cấn Dương Thổ là Tây trù, đối với Cửa Tốn tương khắc và là Bếp Tuyệt mệnh, đối với Chủ Ly là tiết khí và hổ biến Họa hại, là cái Bếp hung hại, không con thừa tự, góa bụa, bệnh da vàng, phù thũng, phong tật, đàn bà hung ác bảo dưỡng.

4) Bếp Chấn: Bếp Chấn Dương Mộc là Đông trù, đối với Cửa Tốn là Âm Dương tỷ hòa, đối với Chủ Ly là Âm Dương tương sanh, biến sinh Diên niên cùng Sinh khí hiệp với Thiên y trạch thành Nhà ba tốt, phú quý tốt đỉnh, nhân đinh càng ở lâu càng thêm đông.

5) Bếp Tốn: Bếp Tốn Âm Mộc là Đông trù, đối với Cửa Tốn tỷ hòa và là Bếp Phục vị đẳng diện, đối với Chủ Ly tương sanh và hổ biến Thiên y cũng thuộc về hạng Bếp Tốt, duy vì thuần Âm nhân đinh bất lợi.

6) Bếp Ly: Bếp Ly Âm Hỏa là Đông trù, đối với Cửa Tốn tương sanh và là Bếp Thiên y, đối với Chủ Ly tỷ hòa và hổ biến Phục vị hữu khí cũng thuộc về hạng Bếp tốt, sơ niên đại lợi, nhưng vì thuần Âm, ở lâu bớt số nhân khẩu.

Dương trạch tam yếu

7) Bếp Khôn: Bếp Khôn Âm Thổ là Tây trù, đối với Cửa Tốn Chủ Ly là Ngũ quỷ và Lục sát, mọi sự bất lợi, bà cháu bất hòa, phụ nữ làm loạn.

8) Bếp Đoài: Bếp Đoài Âm Kim là Tây trù, đối với Cửa Tốn Chủ Ly đều bị tương khắc và biến sinh Lục sát cùng Ngũ quỷ, rất hại cho nam nhân, đoản thọ, hiểm con thừa tự, gân xương đau nhức.

Nhà số 59 : Cửa TỐN với Chủ KHÔN

(Ngũ quỷ trạch)

(Cửa cái tại Tốn, Chủ phòng hay Sơn chủ tại Khôn)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Phong đáo nhân môn; mẫu tiên vong. Ý nghĩa: Gió đến Cửa người: mẹ chết trước. Phong là gió chỉ vào Tốn. Nhân môn là Cửa người, ám chỉ vào Khôn (xem lời giải tượng nhà số 42). Khôn thuộc mẹ nay bị Tốn khắc nên nói mẹ chết trước (mẹ bị tai hại).

- Từ Cửa Tốn biến 2 lần tới Chủ Khôn phạm Ngũ quỷ cho nên gọi là Ngũ quỷ trạch. Cửa Tốn khắc Chủ Khôn là ngoài khắc vào trong, tai họa khởi lên cấp tốc. Lại phạm Ngũ quỷ sanh ra các vụ quan tụng (kiện thưa), trộm cướp, khẩu thiệt thị phi, vì phóng đảng và tửu sắc tài phiến mà sản nghiệp tiêu ma, bà cháu bất hòa, phụ nữ làm loạn, tà ma tác quái, bệnh tật tỳ vị, da vàng, phù thũng, nam nữ đoản thọ. Trước cũng sanh được hai con, về sau chẳng còn thừa tự, mẹ góa gìn giữ gia đình, con nuôi tranh điền sản.

Cửa Tốn với Chủ Khôn phối 8 Bếp :

(Cửa Tốn Đông cung gặp Chủ Khôn Tây cung cho nên gọi ngôi nhà này là Đông Tây tương hỗn trạch. Vì vậy không có Bếp nào trọn tốt hay trọn xấu, hễ Đông trù thì lợi cho Cửa mà hại cho Chủ, bằng Tây trù thì lợi cho Chủ mà hại Cửa).

1) Bếp Kiên: Bếp Kiên Dương Kim, đối với Cửa Tốn tương khắc nhưng đối với Chủ Khôn tương sanh, bên hại và bên lợi bằng nhau.

2) Bếp Khảm: Bếp Khảm Dương Thủy sanh Cửa Tốn Âm Mộc và là Bếp Sinh khí đắc vị, đại kiết. Nhưng Khảm bị Chủ Khôn khắc: bất lợi cho hàng trung nam.

3) Bếp Cấn: Bếp Cấn Dương Thổ bị Cửa Tốn khắc và là Bếp Tuyệt mệnh: không con nối dõi tông đường. Nhưng Cấn với Chủ Khôn là Âm Dương tỷ hòa, hễ biến được Sinh khí tuy thất vị vẫn có phần lợi. Bếp này hung nhiều hơn kiết.

4) Bếp Chấn: Bếp Chấn Dương Mộc, đối với Cửa Tốn tỷ hòa và là Bếp Diên niên Kim thất vị, tốt vừa vừa. Nhưng Chấn khắc Cửa Khôn bất lợi cho phụ nữ.

5) Bếp Tốn: Bếp Tốn Âm Mộc đối với Cửa Tốn tỷ hòa và là Bếp Phục vị đảng diện khá tốt. Nhưng Tốn khắc Chủ Khôn bất lợi cho phụ nữ, đàn bà lớn tuổi.

6) Bếp Ly: Bếp Ly Âm Hỏa với Chủ Khôn hễ biến ra Lục sát, nhưng Hỏa với Thổ tương sanh, cái hại qua loa. Còn Bếp Ly được Cửa Tốn ngoài sanh vào trong lại là Bếp Thiên y: bình an, vui mừng.

7) Bếp Khôn: Bếp Khôn Âm Thổ với Chủ Khôn tỷ hòa Phục vị Mộc thất vị, sự tốt phớt qua. Nhưng Cửa Tốn khắc Bếp Khôn là ngoài khắc vào trong, gọi là Ngũ quỷ xuyên cung tảo, tai hại đến mau và mạnh.

8) Bếp Đoài: Bếp Đoài Âm Kim khắc Cửa Tốn và là Bếp Lục sát, lại Tốn Khôn Đoài là ba Âm ở chung nam nữ đoản thọ, dùng nghĩa tử làm kế thừa tự. Nhưng Đoài với

Dương trạch tam yếu

Chủ Khôn tương sanh và hổ biến được Thiên y Thổ hữu khí có lợi về mặt tiền tài, người trong nhà ưa làm việc thiện.

Nhà số 60 : Cửa TỐN với Chủ ĐOÀI

(Lục sát trạch)

(Cửa cái tại Tốn, Chủ phòng hay Sơn chủ tại Đoài)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Phong sinh hiện Hổ, thương trưởng phụ. Ý nghĩa: Gió sanh thì hiện ra con Hổ, thương tổn đàn bà lớn. Phong là gió chỉ vào Tốn, Hổ là Bạch hổ ám chỉ Đoài (xem lời tượng nhà số 27). Phong sanh hiện Hổ là ý nói Cửa Tốn gặp Chủ Đoài. Đàn bà lớn bị tổn hại, vì Tốn thuộc trưởng nữ bị Đoài khắc.

- Từ Cửa Tốn biến 4 lần tới Chủ Đoài phạm Lục sát cho nên gọi là Lục sát trạch. Đoài khắc Tốn là Âm khắc Âm: phụ nữ bất hòa. Kim khắc Mộc ứng gân xương đau nhức. Tốn với Đoài thuận Âm, nam nữ chẳng trường thọ, các việc bất hạnh như: góa bụa, không con thừa tự, dùng nghĩa tử giữ gia sản.

Cửa Tốn với Chủ Đoài phối 8 Bếp :

(Cửa Tốn Đông cung gặp Chủ Đoài tây cung, ngôi nhà này là Đông Tây tương hỗn trạch, không có Bếp nào trọn tốt hay trọn xấu, vì Đông trù thì lợi cho Cửa mà hại Chủ, bằng Tây trù thì lợi cho Chủ mà hại Cửa).

1) Bếp Kiền: Bếp Kiền Dương Kim khắc Cửa Tốn Mộc, Dương khắc Âm rất tai hại cho phụ nữ, thứ nhất là trưởng nữ. Nhưng Kiền đối với Chủ Đoài tỷ hòa và hổ biến Sinh khí tuy thất vị vẫn có lợi cho lão ông và thiếu nữ hay cho cha và con gái nhỏ.

2) Bếp Khảm: Bếp Khảm Dương Thủy sanh Cửa Tốn Âm Mộc và là Bếp Sinh khí đắc vị rất tốt. Còn Khảm với Chủ Đoài hổ biến Họa hại nhưng tương sanh. Bếp này lợi nhiều hơn hại.

3) Bếp Cấn: Bếp Cấn Dương Thổ bị Cửa Tốn khắc và là bếp Tuyệt mệnh, nhưng Cấn với Chủ Đoài tương sanh và hổ biến Diên niên hữu khí. Bếp này hung kiết tương đương.

4) Bếp Chấn: Bếp Chấn Dương Mộc đối với Cửa Tốn tỷ hòa và là Bếp Diên niên, nhưng Chấn với Chủ Đoài tương khắc và hổ biến Tuyệt mệnh. Bếp này hung kiết tương đương.

5) Bếp Tốn: Bếp Tốn Âm Mộc đối với Cửa Tốn tỷ hòa và là Bếp Phục vị đẳng diện khá tốt, nhưng Tốn với Chủ Đoài tương khắc và hổ biến ra Lục sát khá hung. Suy theo du niên thì lợi hại có thể tương đương, nhưng vì Tốn Đoài Tốn thuận Âm mà tuyệt Dương, Bếp này hung nhiều hơn kiết.

6) Bếp Ly: Bếp Ly Âm Hỏa đối với Cửa Tốn tương sanh và là Bếp Thiên y, phúc thần tương trợ. Nhưng Ly với Chủ Đoài tương khắc và hổ biến Ngũ quỷ đại hung. Cũng như Bếp Tốn trên, Bếp này thuận Âm mà tuyệt Dương hung nhiều hơn kiết.

7) Bếp Khôn: Bếp Khôn Âm Thổ bị Cửa Tốn khắc và là Bếp Ngũ quỷ xuyên cung, mọi việc bất lợi. Dù Khôn với Chủ Đoài tương sanh và hổ biến Thiên y hữu khí rất tốt cũng không cứu trừ hết các việc hại của Ngũ quỷ.

8) Bếp Đoài: Bếp Đoài Âm Kim với Chủ Đoài tỷ hòa Phục vị vô khí chẳng thấy rõ sự tốt. Nhưng Đoài hắc Cửa Tốn rất bất lợi, nam nữ yếu thọ, chẳng có con thừa tự, gân xương đau nhức.

Nhà số 61 : Cửa TỐN với Chủ KIỀN

(Họa hại trạch)

(Cửa cái tại Tốn, Chủ phòng hay Sơn chủ tại Kiền)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Phong Thiên đông thống, sát trưởng phụ. Ý nghĩa: Gió Trời đau nhức, chết phụ nữ lớn. Phong là gió chỉ vào Tốn. Thiên là Trời chỉ vào Kiền. Tốn thuộc trường nữ bị Kiền khắc nên nói là sát trưởng phụ, đàn bà lớn bị sát hại. Nhà có Cửa Tốn với Chủ Kiền hay sanh bệnh đau nhức và làm hại phụ nữ lớn.

- Từ Cửa Tốn biến 5 lần tới Chủ Kiền phạm Họa hại cho nên gọi là Họa hại trạch. Kiền khắc Tốn là Dương Kim khắc Âm Mộc, Dương thắng Âm suy, phụ nữ đoản thọ, sanh dễ chết, tật mắt, lưng mông tim bụng đau nhức. Tuy nhiên, lúc sơ niên (độ 10 năm đầu trở lại) cũng đăng phát tài, phát nhân đinh và phát công danh nhỏ. Đó bởi Tốn Âm Mộc là cây gỗ còn nguyên gặp Kiền Dương Kim là búa dao răn bén đẽo chuốt thành quý khí (như tử, bàn, ghế...). Nếu ngôi nhà này là Đông trạch mà Cửa cái tại Tốn Hưởng và Sơn chủ tại Kiền thì nên dùng 2 ngăn làm Phòng chứa để được Vũ khúc Kim tinh đăng diện có thể đại phát phú quý tới 30 năm.

Cửa Tốn với Chủ Kiền phối 8 Bếp :

(Cửa Tốn Đông cung gặp Chủ Kiền Tây cung, ngôi nhà này là Đông Tây tương hổ trạch, không có Bếp nào trọn kiết hay trọn hung. Bởi Đông trù thì lợi cho Cửa mà hại Chủ, bằng Tây trù thì lợi cho Chủ mà hại Cửa).

1) Bếp Kiền: Bếp Kiền Dương Kim cũng như Chủ Kiền khắc Cửa Tốn thuộc Âm rất bất lợi cho hàng phụ nữ. Còn Kiền với Chủ Kiền tỷ hòa Phục vị Mộc vô khí, không chắc có lợi chi.

2) Bếp Khảm: Bếp Khảm Dương Thủy với Chủ Kiền tuy hổ biến Lục sát mà tương sanh, sự hại không nhiều. Còn Khảm đối với Cửa Tốn Âm Dương chính phối và là Bếp Sinh khí Mộc đắc vị, nhân đinh thịnh vượng mà ít phát tài.

3) Bếp Cấn: Bếp Cấn Dương Thổ bị Cửa Tốn khắc và là Bếp Tuyệt mệnh, sanh ra các vụ góa bụa, phong tật, thiếu con thừa tự. Nhưng Cấn với Chủ Kiền tương sanh, hổ biến Thiên y hữu khí, khiến cho gia đạo thuận hòa, cha con hiệp đạo, nhà hay làm phước.

4) Bếp Chấn: Bếp Chấn Dương Mộc đối với Cửa Tốn tỷ hòa và là Bếp Diên niên tuy thất vị vẫn tốt. Nhưng Chấn với Chủ Kiền tương khắc và phạm Ngũ quỷ đại hung, rất bất lợi. Bếp này hung nhiều hơn kiết.

5) Bếp Tốn: Bếp Tốn Âm Mộc đối với Cửa Tốn tỷ hòa và là Bếp Phục vị đăng diện khá lợi về kinh tế. Nhưng Tốn bị Chủ Kiền khắc hổ biến ra Họa hại khiến cho âm nhân đoản thọ, tim mông đau nhức.

6) Bếp Ly: Bếp Ly Âm Hỏa đối với Cửa Tốn tương sanh, đối với Chủ Kiền tương khắc, hung kiết tương đương.

7) Bếp Khôn: Bếp Khôn Âm Thổ đối với Chủ Kiền tương sanh và hổ biến được Diên niên hữu khí rất tốt. Nhưng Khôn đối với Cửa Tốn tương khắc và là bếp Ngũ quỷ xuyên cung rất hung. Rất tốt và rất hung tương đương, nhưng cái hung của Ngũ quỷ do chính biến nặng hơn cái tốt của Diên niên do hổ biến. Ngũ quỷ lâm Khôn thọ khắc hại phụ nữ đoản thọ, sanh các chứng bệnh tỳ vị, da vàng, phù thũng.

8) Bếp Đoài: Bếp Đoài Âm Kim đối với Cửa Tốn tương khắc, đối với Chủ Kiền tỷ hòa, biến sinh Sinh khí và Lục sát, kiết hung bằng nhau.

Nhà số 62 : Cửa TỐN với Chủ KHẨM

(Sinh khí trạch)

(Cửa cái tại Tốn, Chủ phòng hay Sơn chủ tại Khảm)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Ngũ tử đăng khoa thị Phong Thủy. Ý nghĩa: Năm con thi đỗ chính là Gió Nước. Phong là gió chỉ vào Tốn, Thủy là nước chỉ vào Khảm, ấy là nói ngôi nhà có Cửa Tốn và Chủ Khảm. Đây là Sinh khí trạch đắc vị, rất thắng lợi về công danh. Và vì Sinh khí thuộc Mộc ứng số 5 nên nói 5 con đỗ đạt.

- Từ Cửa Tốn biến 1 lần tới Chủ Khảm được Sinh khí cho nên gọi nhà này là Sinh khí trạch. Sinh khí Mộc lâm Khảm Thủy đắc vị, cũng gọi là Tham lang Mộc tinh đắc vị ứng: năm con thi đỗ, nam nữ có tài trí hơn người, con hiếu cháu hiền, con cháu đầy nhà, giàu sang cực phẩm, vợ chồng thương kính nhau, khoa cử đỗ liên miên, đời đời vinh hoa tiếp nối, nhân đinh đại vượng (càng thêm đông), phụ nữ hiền lương, trong nhà không có người nào dân thường. Thật là một kiểu nhà đệ nhất tốt.

Cửa Tốn với Chủ Khảm phối 8 Bếp :

(Cửa Tốn gặp Chủ Khảm thuộc Đông tứ trạch cho nên Đông trù là những Bếp tốt, còn Tây trù là những Bếp hung hại).

1) Bếp Kiền: Bếp Kiền Dương Kim là Tây trù, khắc Cửa Tốn làm tổn hại vợ con, gân xương đau nhức, sanh đẻ chết (chết mẹ hoặc chết con). Nhưng lại cũng phát khoa cử, phát giàu có lớn và nhân đinh đại vượng. Chú ý: Đây là cái Bếp đặc biệt ở trường hợp đặc biệt, luận ra như vậy: Cửa Tốn Âm Mộc là cây gỗ còn nguyên gặp Kiền Dương Kim là búa dao cứng bén đẽo chuốt thành vật quý giá. (Nhưng nếu Chấn gặp Kiền không thể luận như vậy, vì Chấn thuộc Dương Mộc là vật khí đã thành hình như bàn, ghế, tủ nay gặp Kiền là dao búa đẽo chuốt vào nữa thì hư hỏng mất).- Lại cũng luận như vậy: Tốn Âm Mộc thuộc Can Ất, Kiền Dương Kim thuộc Can Canh, vậy Ất với Canh là Can hợp rất tốt, (Nhưng Chấn gặp Kiền Canh luận như vậy không được, vì Chấn Dương Mộc thuộc Can Giáp với Canh là Can phá, rất hại).- Lại còn luận như vậy: Bếp Kiền Kim sanh Chủ Khảm Thủy, rồi Chủ Khảm sanh Cửa Tốn Mộc, Kim sanh Thủy, rồi Thủy sanh Mộc là cách sanh tiến tới rất tốt, có thể giải hóa được cái khắc của Kiền với Tốn. (Dầu Bếp Kiền với Chủ Khảm hồ biến Lục sát là chỗ bất lợi, nhưng ở trường hợp này gọi là tá hung vi kiết: mượn kẻ dữ giúp mình nên việc hay).

2) Bếp Khảm: Bếp Khảm Dương Thủy là Đông trù cũng như Chủ Khảm, đối với Cửa Tốn là Sinh khí đắc vị. Nhà Sinh khí lại được Bếp Sinh khí, đại kiết, đại lợi, phúc lộc thọ gồm đủ, phụ nữ thông minh.

3) Bếp Cấn: Bếp Cấn Dương Thổ là Tây trù, đối với Cửa Tốn và Chủ Khảm đều bị tương khắc, tiểu nhi khó nuôi dưỡng. Nhà vốn sanh 5 con sau mất 3 người.

4) Bếp Chấn: Bếp Chấn Dương Mộc là Đông trù, đối với Cửa Tốn tỷ hòa và là Bếp Diên niên, đối với Chủ Khảm tương sanh và hồ biến được Thiên y, hiệp với Sinh khí trạch thành Nhà ba tốt, đại kiết, đại lợi. Cũng gọi Bếp Chấn này là Đông trù tứ mạng đệ nhất tốt.

5) Bếp Tốn: Bếp Tốn Âm Mộc là Đông trù, đối với Cửa Tốn tỷ hòa và là Bếp Phục vị đăng diện, đối với Chủ Khảm tương sanh và hồ biến được Sinh khí hữu khí là cái bếp đại kiết, phú quý song toàn, nhân đinh địa vượng (số người thêm rất đông).

Dương trạch tam yếu

6) Bếp Ly: Bếp Ly Âm Hỏa là Đông trù, đối với Cửa Tốn tương sinh và là Bếp Thiên y đắc vị, đối với Chủ Khảm hồ biến được Diên niên, là cái bếp đại kiết, đại lợi, hiệp với Sinh khí trạch thành Nhà ba tốt, phúc lộc thọ gồm đủ.

7) Bếp Khôn: Bếp Khôn Âm Thổ là Tây trù, đối với Cửa Tốn tương khắc và là Bếp Ngũ quỷ, đối với Chủ Khảm cũng tương khắc và hồ biến ra Tuyệt mệnh, rất tai hại cho trung nam, người mất nhà tan, mỗi sự mỗi bất lợi.

8) Bếp Đoài: Bếp Đoài Âm Kim là Tây trù khắc Cửa Tốn và là Bếp Lục sát. Phụ nữ đoản thọ. Đoài với Chủ Khảm hồ biến Hỏa hại cũng bất lợi.

Nhà số 63 : Cửa TỐN với Chủ CẤN

(Tuyệt mệnh trạch)

(Cửa cái tại Tốn, Chủ phòng hay Sơn chủ tại Cấn)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Phong Sơn quả mẫu đa phạp tự. Ý Nghĩa: Gió núi mẹ góa rất hiếm con cái. Phong là gió chỉ vào Tốn, Sơn là núi chỉ vào cấn. Quả mẫu là mẹ góa bụa. Phạp tự là không có con thừa tự. Là nhà Tuyệt mệnh nên lời tượng ứng như vậy.

- Từ Cửa Tốn biến 7 lần tới Chủ Cấn phạm Tuyệt mệnh cho nên gọi là Tuyệt mệnh trạch. Ở nhà này ắt tiểu nhi thọ hại (Cấn bị khắc). Ba lớp người góa bụa và phải nuôi con họ khác làm kế thừa tự (Tuyệt mệnh). Cửa Tốn khắc Chủ Cấn là từ ngoài khắc vào trong rất nguy, nào là thừa kiện, nào là trộm cướp. Cấn thuộc Thổ bị khắc nên sanh các chứng bệnh dạ dày, lá lách, da vàng Cấn Đông bắc có sao Cơ (Cơ thủy báo) hay làm gió lại gặp Tốn cũng gió cho nên bị phong tật nặng.

Cửa Tốn với Chủ cấn phối 8 Bếp :

(Cửa Tốn Đông cung gặp Chủ Cấn tây cung, ngôi nhà này là Đông Tây tương hỗn trạch, không có Bếp nào trọn tốt hay trọn xấu. Vì hễ Đông trù thì lợi cho Cửa mà hại Chủ, Tây trù thì lợi cho Chủ mà hại Cửa).

1) Bếp Kiền: Bếp Kiền Dương Kim khắc Cửa Tốn và là bếp Hỏa hại khiến cho phụ nữ đoản thọ, sanh sản chết. Nhưng Kiền với Chủ Cấn tương sinh và hồ biến được Thiên y hữu khí năng trừ giảm các tai họa.

2) Bếp Khảm: Bếp Khảm Dương Thủy sanh Cửa Tốn và là Bếp Sinh khí đắc vị rất tốt. Nhưng Khảm với Cấn tương khắc và hồ biến Ngũ quỷ, bất lợi cho hàng tiểu nhi.

3) Bếp Cấn: Bếp Cấn Dương Thổ bị Cửa Tốn khắc và là Bếp Tuyệt mệnh, bất lợi cho tiểu nhi, không con thừa tự, bệnh phong. Nhưng Cấn với Chủ Cấn tỷ hòa và hồ biến được Phục vị Mộc thất vị, không có lợi gì nhiều.

4) Bếp Chấn: Bếp Chấn Dương Mộc đối với Chủ Tốn tỷ hòa và là Bếp Diên niên tuy thất vị cũng là bếp tốt. Nhưng Chấn khắc Chủ Cấn và hồ biến ra Lục sát, thiếu nam thọ hại. Bếp này hung kiết tương đương.

5) Bếp Tốn: Bếp Tốn Âm Mộc đối với Cửa Tốn tỷ hòa và là bếp Phục vị đăng diện khá tốt. Nhưng Tốn khắc Chủ cấn và hồ biến Tuyệt mệnh, không con thừa tự, góa bụa. Bếp này hung nhiều hơn kiết.

6) Bếp Ly: Bếp Ly Âm Hỏa đối với Cửa Tốn tương sinh và là Bếp Thiên y đắc vị và được cách Mộc Hỏa thông minh, diên sản đầy thịnh, phụ nữ nên nhà (muốn rõ nhiều hơn, thỉnh xem tới phần B, Bếp số 48). Nhưng Ly Hỏa đốt Chủ Cấn là cách phụ

Dương trạch tam yếu

nữ tánh cương cường (cứng cỏi), vợ đoạt quyền chồng, kinh mạch chẳng điều, bị băng huyết, con trai con gái gian nan.

7) Bếp Khôn: Bếp Khôn Âm Thổ bị Cửa Tốn khắc và là Bếp Ngũ quỷ đại hung (xem những việc ứng của Bếp số 55 trong phần B). Nhưng Khôn với Chủ Cấn tỷ hòa và hổ biến được Sinh khí thất vị cũng có phần tốt. Bếp này hung 10 phần, kiết 3 phần.

8) Bếp Đoài: Bếp Đoài Âm Kim khắc Cửa Tốn và là bếp Lục sát bất lợi (xem sự việc ứng của Bếp số 62 trong phần B). Nhưng Đoài với Chủ cấn tương sanh và hổ biến được Diên niên hữu khí, có lợi về tiền tài và sức khỏe cho nhân khẩu.

Nhà số 64 : Cửa TỐN với Chủ CHẤN

(Diên niên trạch)

(Cửa cái tại Tốn, Chủ phòng hay Sơn chủ tại Chấn)

- Lời tượng ứng về ngôi nhà: Phong Lôi công danh như Hỏa thối. Ý nghĩa: Gió Sấm, công danh như lửa thối bùng. Phong là gió chỉ vào Tốn, Lôi là Sấm chỉ vào Chấn. Công danh là khoa cử, quan tước, công danh phát lên mau lẹ cho nên nói như lửa thối cháy bùng lên.

- Theo phép Bát biến thì từ Cửa Tốn biến 3 lần tới chủ chấn được Diên niên cho nên gọi là Diên niên trạch. Chấn với Tốn là 2 Mộc có đủ Âm Dương rất thịnh tốt, nay gặp Diên niên Kim khắc (đeo chuốt, cửa bào...) tại tác thành lương đồng (rường cốt), công danh phát lên đệ nhất mau. Trước bản cùng như cây còn vỏ xem ra rất tầm thường, nhưng sau bỗng nên giàu có to như cây đã chuốt thành vật quý giá. Cũng như nhà số 50 (Cửa Chấn với Chủ Tốn) có tên là : một tiếng sấm nổ trên đất bằng: khi ra đi là hạ ngục tử tài, lúc về là bậc Trạng nguyên, bậc lương đồng của nước nhà.

Cửa Tốn với Chủ Chấn phối 8 Bếp :

(Cửa Tốn với Chủ Chấn thuộc Đông tứ trạch cho nên Đông trù là những Bếp tốt, còn tây trù là những bếp hung hại).

1) Bếp Kiền: Bếp Kiền Dương Kim là Tây trù, đối với Cửa Chủ là Tốn Chấn đều hính khắc và biến sinh Họa hại cùng Ngũ quỷ đại hung, tổn nam hại nữ, gia bại nhân vong (nhà bại, người mất).

2) Bếp Khảm: bếp Khảm Dương Thủy là Đông trù, đối với Cửa Tốn là Sinh khí đắc vị, phúc lộc đầy đủ, khoa cử đậu liền liền, là cái bếp đại kiết đại lợi. Lại Khảm với Chấn hổ biến Thiên y là phúc thần thêm tốt, thành Nhà ba tốt.

3) Bếp Cấn: Bếp Cấn Dương Thổ là tây trù, đối với Cửa Tốn Chủ Chấn đều tương khắc, tiểu nhi mang bệnh tỷ vị rất khó nuôi dưỡng, không con thừa tự.

4) Bếp Chấn: Bếp Chấn Dương Mộc là Đông trù, đối với Cửa Tốn và Chủ Chấn đều đặn tỷ hòa, đại lợi, biến sinh Diên niên và Phục vị.

5) Bếp Tốn: Bếp Tốn Âm Mộc là Đông trù, đối với Cửa Tốn và Chủ Chấn đều đặn tỷ hòa, là cái Bếp sanh ngàn cụm mây lành, gia đạo hưng long, biến sinh Phục vị và Diên niên.

6) Bếp Ly: Bếp Ly Âm Hỏa là Đông trù đối với Cửa Tốn Chủ Chấn đều đặn tương sanh và biến sinh Thiên y cùng Sinh khí thành Nhà ba tốt, là cái Bếp đại lợi, công danh hiển đạt, nhân đinh càng nhiều, vợ chồng thương kính, sinh phát gái tài năng.

Dương trạch tam yếu

7) Bếp Khôn: Bếp Khôn Âm Thổ tây trù, đồng bị Cửa Tốn và Chủ Chấn khắc, và là Bếp Ngũ quỷ, mẹ già đoản thọ, không con thừa tự, gia đạo bất hòa, khổ vì các chứng bệnh da vàng, phù thũng, bệnh lao.

8) Bếp Đoài: Bếp Đoài Âm Kim Tây trù, khắc cả Cửa Tốn và Chủ Chấn, biến sinh Lục sát cùng Tuyệt mệnh, khiến cho nam nữ đoản thọ, gân xương đau nhức, hao tán tiền của.

(HẾT PHẦN A : 64 NHÀ)

-----ooo0ooo-----

PHẦN B SỰ ỨNG NGHIỆM HỌA PHÚC CỦA 64 KIỂU BẾP

Trong Thiên VII này, ở phần A trước đã nói sự ứng nghiệm tốt xấu của mỗi kiểu Bếp tùy theo mỗi kiểu Nhà, nay còn thêm phần B này nữa cũng để nói sự ứng nghiệm họa phúc của 64 kiểu Bếp, như vậy có phải là làm một việc thừa chăng? – Không phải thừa, vì hai chỗ làm có khác nhau. Vì ở phần A trước nói sự ứng nghiệm của mỗi Bếp đối với cả CỬA cùng CHỦ, nhưng chỉ nói đại khái vài việc hung kiết đôi bên để so sánh một cách khái quát mà thôi. Còn ở phần B có khác, nói rõ, nói đầy đủ và chuyên nói sự ứng nghiệm của những họa phước cùng bệnh hoạn do mỗi Bếp đối với mỗi Cửa mà không đề cập tới Chủ. Nhưng tại sao không đề cập tới Chủ như ở phần A? – Tại vì do CỬA mà tính ra BẾP là chỗ chính lý, chứ không hề do CHỦ mà tính ra BẾP. Vậy nếu không có phần B này nữa thì không được biết đầy đủ tính chất căn bản của mỗi Bếp sanh ra mọi sự hung kiết, để còn kinh nghiệm và xét đoán sâu xa hơn ngoài khuôn khổ sách vở có giới hạn.

Bếp số I : Bếp KIỀN phối với Cửa KIỀN

(Đây là bếp Phục vị Mộc thất vị, ở Kinh Dịch là quả Bát thuần Kiền).

- Bếp Kiền phối với Cửa Kiền là hai tỷ hòa ắt tiền tài và sản nghiệp hưng phát, khiến cho nhà giàu có lớn. Nhưng vì Kiền gặp Kiền là tượng hai ông ở chung một nhà, tức thuần Dương mà không có Âm ắt tổn hại vợ con, cưới thê thiếp nhiều lần, rất bất lợi cho con cháu nhánh trưởng, trưởng nam, trưởng nữ (Bởi Kiền Kim tất khắc Chấn Tốn Mộc là trưởng nam, trưởng nữ).

Lại có lời đoán như vậy: Cửa Kiền thuần Dương, trước lành sau dữ, chôn vợ hại con gái. Có Dương mà không Âm thường sanh cô quạnh, bị thương. Huynh đệ chung nhà mà chẳng sanh được con cháu để thừa tự.

Bếp số 2 : Bếp KIỀN phối với Cửa KHẢM

(Đây là Bếp Lục sát – hung. Ở Kinh Dịch là quả Thiên Thủy Tụng).

- Bếp Kiền Kim Khảm khí lại là thuần Dương không sinh hóa được, khiến cho nên lão ông cùng phụ nữ đoản thọ, tổn hao khí lực, trung nam bất lợi, sanh các chứng bệnh thủy cổ (bụng chứa đầy nước) và thổ tả (ỉa mửa), nữ nhân huyết khí băng lậu, dâm cuồng kinh sợ, tổn thất lục súc, tiểu nhi khó nuôi dưỡng.

Dương trạch tam yếu

- Lại có lời đoán theo quẻ Tụng như vậy: Quẻ Tụng tổn hại Âm (Dương thịnh Âm suy), sanh nhiều bệnh hoạn, nam nữ mộng tỉnh, trốn lánh, sốt mất, cha con chẳng hòa mà phân ly. Hãy gấp dời Bếp lại chỗ tốt.

Bếp số 3 : Bếp KIỀN phối với Cửa CẤN

(Đây là Bếp Thiên y đắc vị – kiết. Ở Kinh Dịch là quẻ Thiên Sơn Độn)

- Bếp Kiền phối Cửa cấn là Kim với Thổ tương sanh, lại Thiên y Thổ lâm Kiền Kim là kiết du niên đắc vị: ruộng vườn cùng của cải đều thịnh mậu, công danh rất hiển đạt, cha hiền từ con hiếu đễ, con cháu nhanh nhẹn hưng vượng, nam nữ đều ưa làm việc lành. Nhưng vì Kiền với cấn thuần Dương tất thắng hại Âm suy cho nên phụ nữ chết sớm, về sau lâu ất không con thừa tự (ất phải nuôi con nuôi nối dõi tông đường).

- Lại có lời đoán về quẻ Độn như vậy: Quẻ Độn, con cháu hiếu đễ và thuận hòa, tài sản và lực sức gia tăng, mỗi năm mỗi thêm phú quý và ruộng nương tấn phát. Nhưng dùng Bếp này lâu năm rồi sẽ không khỏi cô độc.

Bếp số 4 : Bếp KIỀN phối với Cửa CHẤN

(Đây là bếp Ngũ quỷ – đại hung. Kinh Dịch là quẻ Thiên lôi Vô Vọng).

- Bếp Kiền Kim khắc Cửa Chấn Mộc, lại là Bếp Ngũ quỷ hung hại hơn tất cả các Bếp hung khác. Nó khiến cho cha con bất hòa, làm tổn hại trưởng tử cùng trưởng tôn (con cả cháu cả), âm nhân và ông cha mang bệnh ho tới chết, con gái nhỏ cũng chẳng còn, khí đồn làm tức lói đôi hông, bệnh kết chứa hòn cục công phạt tim, cổ họng nghẹn hơi, gân cốt đau nhức, ho ra máu, các loại ghẻ độc, mạng người chết cách hung, trộm cướp, tai họa quan làng, tổn hao lực sức, tà ma vào nhà. Dùng cái bếp này trong 4 hay 5 năm ất xảy đến cái tai họa đã kể.

- Lại còn lời đoán cho quẻ Vô Vọng như vậy: Quẻ Vô Vọng thuần Dương tất hại Âm, con cả bị khắc hại chẳng thể sống (Chấn thuộc con trai cả bị Kiền khắc), tà ma cùng các chuyện hung nguy đến nhiều loạn bất ngờ, nhất định làm hại người, tổn hao của cải.

Bếp số 5 : Bếp KIỀN phối với Cửa TỐN

(Đây là Bếp Họa hại – hung tảo. Ở Kinh Dịch là quẻ Thiên phong Cáo).

- Bếp Kiền phối Cửa Tốn là Kim với Mộc hình chiếu nhau, khiến cho hàng trưởng phụ (phụ nữ lớn) sanh đẻ chết. Người trong nhà hay mắc bệnh phong có người gieo giếng, thất cổ, khí trệ đọng khiến cho hông tim mộng đau nhức.

- Lại còn lời đoán theo quẻ Cáo như vậy: Quẻ cáo âm nhân khổ chết, ông cha mê hủ thiếp, phụ nữ tà dâm, sanh các chứng bệnh phong, đại khái là những việc hư hỏng.

Bếp số 6 : Bếp KIỀN phối với Cửa LY

(Đây là Bếp Tuyệt mệnh – đại hung. Ở Kinh Dịch là quẻ Thiên Hỏa Đồng Nhân).

- Cửa Ly Hỏa khắc vào Bếp Kiền Kim khiến kinh sợ cho bên trong. Lại Tuyệt mệnh lâm Kiền là cái bếp sanh nhiều tai hại. Ông cha mang bệnh ho đến chết, trung nữ sanh đẻ tử vong, con cháu nhánh trưởng (anh cả chị cả) bất lợi. Các chứng bệnh: hư lao, tê bại, nung huyết mủ, tim đau, mất tật. Các vụ máu lửa, giấy tờ quan tụng, lửa cháy, trộm cướp, cô quả, bại tuyệt, tiểu nhi tổn thương.

Dương trạch tam yếu

- Lại còn lời đoán theo quẻ Đồng nhân như vậy: Quẻ Đồng Nhân, ông cha họ bệnh tới chết, hư thai hại trẻ, gặp hạn đầu quân, nhiễm bệnh huỳnh đản (da vàng), ôn dịch chết chôn, người người khổ vì các sự việc bại tuyệt hưng hại một cách quái gở.

Bếp số 7 : Bếp KIÊN phối với Cửa KHÔN

(Đây là Bếp Diên niên đăng diện. Ở Kinh Dịch là Quẻ Thiên Địa Bỉ)

- Cửa Khôn Âm Thổ sanh vào Bếp Kiên Dương Kim là ngoài sanh vào trong có đủ Âm Dương chính phối làm thành Bếp Diên niên đăng diện thật là một cái bếp tốt kể chẳng cùng: trong gia đình người trên kẻ dưới đều thuận hòa và nhân nghĩa, sản nghiệp phong phú, nhân khẩu thêm đông, lục súc càng thịnh vượng... Nhà có được cái Bếp này, ở tới 4 hay 5 năm thì phát lớn gặp các năm Tỵ Dậu Sửu tất ứng hiện điềm tốt lành. (Bởi Diên niên Kim gặp Tỵ Dậu Sửu là Kim cục thì vượng khí. Và loại Kim như Diên niên và Kiên Đoài đều ứng vào số 4, còn loại Thổ như Cấn Khôn ứng vào số 5).

- Lại còn thêm lời đoán như vậy: Diên niên tức thị Vũ khúc Kim tinh đối với Kiên Kim vượng khí (tỷ hòa), đối với Khôn Thổ là tướng khí (tương sanh). Vượng khí thì thi đỗ, thăng quan, văn tài xuất chúng. Tướng khí thì thêm tiền của, giàu có muôn xe. Đây là một cái Bếp tốt xuất sắc, mọi sự vui mừng, cha mẹ song thọ hưởng phúc lành, con gái anh thư hiền thực, trai hào kiệt có thể lực vang danh, mười năm đèn sách nên văn hiến sánh bậc đại phu, khí lành (thủy khí) đón cửa, trăm điều ứng bụng, phú quý vinh hoa bốn bề đồn rân.

Bếp số 8 : Bếp KIÊN phối với Cửa ĐOÀI

(ở Bát trạch là bếp Sinh khí thất vị. Ở Kinh Dịch là Quẻ Thiên Trạch Lý).

- Bếp Kiên phối với Cửa Đoài là hai Kim tỷ hòa sanh ra vượng khí: tiền bạc chật rương, ngũ cốc đầy kho lẫm, con cháu thông minh mẫn tuệ, phụ nữ mỹ lệ, lắm vợ mê hầu, hầu thiếp sanh nhiều con.

- Lại còn lời đoán theo quẻ Lý như vậy: Quẻ Thiên Trạch Lý, giàu sang, có thể lực mạnh mẽ, sanh 5 con vẻ vang (Sinh khí thuộc Mộc ứng với số 5). Nhưng tổn hại vợ cả mà yêu mê vợ thứ, chỉ vì cha ông phối hợp gái tơ (Kiên thuộc cha và ông lão, Đoài thuộc thiếu nữ).

Bếp số 9 : Bếp KHẢM phối với Cửa KHẢM

(ở Bát trạch là bếp Phục vị đắc vị. Ở Kinh Dịch là quẻ Bát Thuần Kiên).

- Bếp Khảm phối Cửa Khảm, hai Thủy tỷ hòa thừa Phục vị Mộc lâm Khảm Thủy tương sanh đắc vị. Cho nên: tiền tài rất phúc hậu, sản nghiệp hưng long. Đó là sơ niên rất tốt như vậy, thuận lợi như vậy. Nhưng vì hai Khảm thuần Dương thiếu Âm tất nam nữ đoản thọ, về sau lâu số nhân đinh thưa bớt dần dần, những bệnh sẽ xảy đến là sưng phù da thịt, bệnh thủy trưởng, sa thai (lọt con), bạch đới, sán khí (sưng dái), băng lậu.

- Lại còn lời đoán cho quẻ KHẢM như vậy: Quẻ Bát Thuần Khảm, 9 năm lợi lộc, bọn trung nam kiêu ngạo, khoe khoang, hoang dâm, phóng đảng, làm tổn hại vợ con.

Bếp số 10 : Bếp KHẢM phối với Cửa CẤN

(ở Bát trạch là Bếp Ngũ quỷ – đại hung. Ở Kinh Dịch là quẻ Thủy Sơn Kiển).

- Cửa cấn khắc Bếp Khảm là ngoài khắc vào trong rất hại cho nên trong, trung nam bệnh chết (Khảm thuộc trung nam). Lại là Bếp Ngũ quỷ nguy hại hơn các Bếp

Dương trạch tam yếu

hung khác, tiểu nhi thọ thương vì ngực bụng tích chứa hòn cục, huynh đệ phân cách, vợ chồng ly dị, sanh đẻ nguy, kinh nguyệt bế tắc, thất cổ trầm sông, tai nạn phỏng cháy, trộm cướp, quan pháp nhiều nhượng).

- Lại còn lời đoán về quẻ Kiển như vậy: Than ôi quẻ Kiển: nào là bệnh phù thũng (da thịt sưng phù lên), bệnh da vàng bạch, nào là bệnh trĩ, bệnh điên cuồng, nào là điếc lác, ngọng nghịu... Thương thay cho gia bại nhân vong, thân mạng trôi giạt khôn cùng.

Bếp số 11 : Bếp KHẨM phối với Cửa CHẤN

(Đây là Bếp Thiên y thất vị. Ở Kinh Dịch là quẻ Thủy Lôi Truân).

- Bếp Khảm phối Cửa Chấn được cách Thủy Mộc tương sanh và là Bếp Thiên y, cái Bếp phú quý cực phẩm (đẳng cấp cao). Sơ niên sanh 3 con, gia đình hòa thuận, phước lộc thịnh phát, vẻ vang. Nhưng bởi Khảm với Chấn thuần Dương tất làm bất lợi cho âm, về lâu sau phụ nữ chết sớm, số nhân khẩu chẳng thêm.

- Lại còn lời Đoán theo quẻ Truân như vậy: Quẻ Truân định chắc làm phú ông (nhà giàu), con cháu tài trí hơn người: khoa cử đỗ đầu, chiếm giải Trạng nguyên, được vua yêu mến và ban ân. Phước tự Trời cho, sanh 3 con trai.

Bếp số 12 : Bếp KHẨM phối với Cửa TỐN

(Đây là Bếp Sinh khí đắc vị. Nơi Kinh Dịch là quẻ Thủy Phong Tĩn).

- Bếp Khảm Dương Thủy phối Cửa Tốn Âm Mộc được cách Âm Dương Thủy Mộc tương sanh và là Bếp Sinh khí đắc vị tức thị Tham lang Mộc tinh được ngôi, cho nên: sanh 5 trai anh hùng, ruộng nương cùng tiền của đều phong thịnh, khoa cử đậu liên tiếp, nam thông minh nữ tuần tú, con hiếu cháu hiền, lục súc hưng vượng... Thật là một cái Bếp đại kiết vậy.

Lại còn lời đoán theo quẻ Tĩn như vậy: Quẻ Tĩn, cây gặp nước, Âm Dương phối hợp, con cháu rất hưng long, ruộng nương cùng dâu tằm đều thêm lợi ích, đã giàu có lại sang trọng, nhân đinh ngày thêm đông.

Bếp số 13 : Bếp KHẨM phối với Cửa LY

(Đây là Bếp Diên niên đắc vị. Ở Kinh Dịch là quẻ Thủy Hỏa Ký tế).

- Bếp Khảm hiệp với Cửa Ly, Âm Dương chính phối, là được Bếp Diên niên đắc vị, tức thị Vũ khúc Kim tinh đăng ngôi cho nên: phú quý song toàn, nhân đinh càng thêm rất đông. Nhưng vì Khảm Thủy khắc Ly Hỏa mà về sau lâu trung nữ đoản thọ, sanh ra bệnh đau tim đau mắt (Bởi Ly bị khắc và Ly thuộc trung nữ, thuộc tim, mắt).

- Lại còn lời đoán theo Quẻ Ký tế như vậy: Quẻ Ký tế, có thành chớ không có bại. Tuy tương khắc mà Âm Dương cải phối, Trời cho thịnh vượng gia tài, nam nữ đều có phước và trường thọ. Bất quá là buồn sầu vì mắt bị bệnh tật vậy thôi, nhưng ở nhằm hung trạch có thể mắt bị mù.

(Chú Ý: Trên nói trung nữ đoản thọ vì Ly bị khắc, với lại nói nam nữ đều trường thọ vì Diên niên có nghĩa là sống lâu ảnh hưởng cho cả Khảm Ly. Hãy suy luận và rút kinh nghiệm.

Bếp số 14 : Bếp KHẨM phối với Cửa KHÔN

(Đây là Bếp Tuyệt mệnh – đại hung. Ở Kinh Dịch là Quẻ Thủy Địa Tỷ).

Dương Trạch tam yếu

- Cửa Khôn khắc Bếp Khảm là ngoài khắc vào trong, tai họa nặng và đến mau. Lại là Bếp Tuyệt mệnh rất dữ; gây hại cho hàng trung nam (Khảm bị khắc). Sinh nhiều chứng bệnh như: phong cuồng, điếc lác, câm ngọng, bệnh phù thũng, da vàng, thủy trưởng, cổ họng nghẹt hơi, kinh nguyệt phụ nữ chẳng thông hoạt, các chứng hư lao.

- Lại có lời đoán theo Quẻ Tỷ như vậy: Quẻ Tỷ, dâm dương, lọt thai, nhân mạng tự ải (treo cổ), trầm sông, đâm chém, phá tán tiền của, các họa hoạn đến cấp kỳ. Bất quá sanh được một con là may.

Bếp số 15 : Bếp KHẨM phối với Cửa ĐOÀI

(Đây là Bếp Họa hại – hung. Ở Kinh Dịch là quẻ Thủy Trạch Tiết).

- Bếp Khảm bị Cửa Đoài làm hao tán khí lực cho nên sự tổn hại ứng vào hàng trung nam. Bếp Khảm Thủy thừa Họa hại Thổ là hung tinh khắc cung, con cháu lâm cảnh bại tuyệt, sanh non hoặc thai băng, các bệnh thũng, cổ trướng, di tinh, thổ huyết.

- Lại có lời đoán theo quẻ Tiết như vậy: Quẻ Tiết sanh ma chương độc hại người, tán tài, kiện tụng, bị trộm cướp, những vụ hèn hò dâm bôn, trốn chạy.

Bếp số 16 : Bếp KHẨM phối với Cửa KIÊN

(Đây là Bếp Lục sát – hung. Ở Kinh Dịch là quẻ Thủy Thiên Nhu).

- Bếp Khảm Thủy thừa Lục sát cũng Thủy; Thủy nhiều tất ưa dâm. Lại còn thêm có Cửa Kiên Kim tiếp sanh Thủy nữa là quá độ, khiến cho cha ông (Kiên) vì khô kiệt sức mà chết, trung tử là hàng con giữa (Khảm) vì vụ dâm mà chạy trốn, phụ nữ đoán thọ, sanh non, băng huyết, bệnh thủy trưởng, phù thũng, mộng tinh, tà dâm, trong nhà bắn loạn và ô trọc.

- Lại có lời đoán theo quẻ Nhu như vậy: Quẻ Nhu, tiểu nhi khó nuôi, con cháu ngỗ nghịch mà ngu ngoan (vô trí thức), trai thì ở vậy (không lấy vợ) phụ nữ thì góa bụa cam chịu cô tẻ lạnh lòng... Lại Khảm với Kiên thuận Dương tất hại Âm, sanh tật bệnh và nhiều điều bất lợi.

Bếp số 17 : Bếp CẤN phối với Cửa CẤN

(Đây là Bếp Phục vị Mộc thất vị. Ở Kinh Dịch là quẻ bát thuần Cấn).

- Bếp Cấn phối Cửa Cấn là hai Thổ chồng chất lên thành núi, sơ niên cũng được thuận lợi, khá giả. Song vì thuần Dương thừa Phục vị Mộc thất vị (Phục vị với Cấn tương khắc), sanh lăm tật, trẻ con mạng sống không toàn, phụ nữ đoán thọ. Về sau lâu về vụ ăn uống mà sanh bệnh thũng da vàng, bụng bành trướng to lên, lòng không vui.

- Lại còn lời đoán theo quẻ Cấn như vậy: Quẻ Bát thuần Cấn, tiền tài tấn tới thêm, người khác họ hoặc con nuôi ở chung nhà. Dương thắng Âm phải suy cho nên âm nhân tật bệnh, bất lợi.

Bếp số 18 : Bếp CẤN phối với Cửa CHẤN

(Đây là Bếp Lục sát – hung tảo. Ở Kinh Dịch là quẻ Sơn Lôi Di).

- Cửa Chấn Mộc khắc vào Bếp Cấn Thổ là ngoài khắc vào trong, tai họa đến cấp kỳ, lại thừa Lục sát là hung tảo, khiến cho trẻ con chẳng an, sanh bì tật (ngực bụng chứa vật) lá lách hư, bao tử lạnh, trụy thai, vợ con bị tổn hại. Và vì thuần Dương chẳng trưởng tấn, lâu năm tuyệt tự, khốn cùng.

- Lại còn lời đoán theo quẻ Di như vậy: Quẻ Di, không giữ gìn được gia thất, sanh ra những chuyện khoét tường dòm ngó, phân cách, chia ly... Lại bệnh vàng da, do

Dương trạch tam yếu

ăn uống mà đau tỳ vị thường không khỏi chết. Phá bại sản nghiệp và chẳng có con trai nối dòng là hai điều không tránh được.

Bếp số 19 : Bếp CẤN phối với Cửa TỐN

(Đây là Bếp Tuyệt mệnh – đại hung. Ở Kinh Dịch là Quẻ Sơn Phong Cô).

- Cửa Tốn Âm Mộc khắc Bếp Cấn Dương Thổ là từ ngoài khắc vào trong và là Âm khắc Dương: chồng và con trai bị tổn hại nặng. Lại là Bếp Tuyệt mệnh rất hung và bởi Âm thắng Dương cho nên đàn bà góa nắm quyền, con nuôi chường quản gia đình, về sau lâu ắt sẽ có tới ba đời hoặc ba người tuyệt tự. Mộc với Thổ tương khắc nên sanh ra các chứng bệnh kinh phong, tê bại, bệnh lá lách, phù thũng, da vàng.

- Lại còn lời đoán cho quẻ Cô như vậy: Quẻ Cô, tiểu nhi bất hòa, phụ nữ gây xấu tổn thương, tuyệt tự, phá gia, tai ương bất ngờ không biết từ đâu đến (ngoài khắc trong).

Bếp số 20 : Bếp CẤN phối với Cửa LY

(Đây là bếp Họa hại – hung tảo. Ở Kinh Dịch là quẻ Sơn Hỏa Bí).

- Cửa Ly thuộc Hỏa, Bếp Cấn thuộc Thổ, lửa nóng đốt đất phải khô rồi lửa sẽ tàn rụi. Phụ nữ tánh cương bạo làm khiếp sợ nam nhân. Trước tổn hại thiếu nam (Cấn), sau tổn hại trung nữ (Ly). Phụ nữ lộng quyền, con cháu vì vụ dâm bôn mà trốn tránh, tiểu nhi mang bì tật (bụng ngực chứa hòn cục), mắt mờ tai điếc, ngọng nghịu, phong cùi, tàn tật, bệnh lao. Lại xảy ra các việc tà ma, lửa phỉn, sự hại đến bất ngờ. Tuy cũng có chút ít gia tài mà vợ chồng sai trái nhau, không cùng quan niệm.

- Chú ý: Bếp Cấn với Cửa Ly tương sanh nhưng tại sao lại luận đoán rất nhiều tổn hại như trên? Đó là bởi tương sanh nhưng biến sinh Họa hại là hung du niên. Nhưng Khôn với Ly hay Kiền với Khảm cũng tương sanh nhưng vì sinh biến ra Lục sát là hung du niên tất vẫn gây tai họa. Trái lại là Ly với Khảm tương khắc nhưng biến sinh ra Diên niên là kết du niên cho nên vẫn luận tốt).

- Lại còn lời đoán theo quẻ Bí như vậy: Quẻ Bí, người chia ly, tiền của tiêu tán. Nữ nhân trôi giạt tha phương làm các việc thối tha, bị đồn dậy lên tiếng xấu, trong 8 năm sẽ chết hoặc trốn đi biệt tích. Hai hạng tôn ti (cáo thấp) và lớn nhỏ không chịu đựng nổi với nhau mà sanh rối loạn trong gia đình.

Bếp số 21 : Bếp CẤN phối với Cửa KHÔN

(Đây là Bếp Sinh khí thất vị. Ở Kinh Dịch là quẻ Sơn Địa Bác).

- Bếp Cấn Dương Thổ phối Cửa Khôn Âm Thổ, đất chồng lên đất cao thành núi, lại là tượng mẹ gặp con vui lòng thỏa dạ, gia nghiệp hưng tiến, con trai con gái đông đủ mà dằng hoàng, hay lạy Phật tụng kinh và ưa làm việc lành. Nhưng lâu năm rồi Bếp này lại khiến cho tỳ vị suy nhược, ăn mất ngon, bụng đau, da vàng bệch. (Cấn Khôn là Âm Dương tử hòa, Thổ ứng như Thiên y Thổ: hay niệm Phật làm lành. Thổ thuộc về tỳ vị bị Sinh khí Mộc khắc cho nên tỳ vị suy nhược khiến ăn chẳng ngon... Bếp Sinh khí đáng lẽ rất tốt, bởi Sinh khí Mộc thất vị, khắc Cấn Khôn, tinh khắc cung: tốt tốt).

- Lại có lời đoán theo quẻ Bác như vậy: Quẻ Bác lưỡng Thổ thành Sơn, vàng bạc của cải chất thành đồng, con thuận theo mẹ vừa lòng đẹp ý. Thiên tâm quá, thương con nhỏ.

Dương trạch tam yếu

Bếp số 22 : Bếp CẤN phối với Cửa ĐOÀI

(Đây là bếp Diên niên đắc vị. Ở Kinh Dịch là quẻ Sơn Trạch Tồn).

- Bếp Cấn Dương Thổ phối Cửa Đoài Âm Kim: Thổ với Kim tương sanh, Âm với Dương chính phối, đều là những tượng lý tốt đẹp. Bếp Cấn Thổ thừa Diên niên Kim tương sanh đắc vị: gia tài đại phát, công danh vinh hiển, phụ nữ hiền lương, sanh 4 trai, con quý cháu hiền. Cấn thuộc thiếu nam, Đoài thuộc thiếu nữ, phối kết nhau thật là xứng hợp, một cái Bếp hoàn toàn tốt.

- Lại có lời đoán theo quẻ Tồn như vậy: Quẻ Tồn, thiếu nam và thiếu nữ phối kết nhau như loan phụng hòa minh, hỷ khí tràn vào cửa, hòa khí xông đầy nhà, cha mẹ sống lâu như núi, con gái con trai đầy đủ mà có tiếng thơm như rau quế, nhờ bút mực nên danh lớn (thi đỗ bằng cao), nhờ vũ dũng tiếng vang rền như gió sấm an trấn ngoài biên cương, hiếu nghĩa trung lương tánh vốn sẵn, ngũ cốc đầy kho mấy kẻ bằng.

Bếp số 23 : Bếp CẤN phối với Cửa KIỀN

(Đây là Bếp Thiên y đăng diện. Ở Kinh Dịch gọi là quẻ Sơn Thiên Đại Súc).

- Bếp Cấn Thổ thừa Thiên y cũng Thổ là kết du niên tử hòa đăng diện rất tốt. Bếp Cấn phối Cửa Kiền Kim tương sanh, là tượng con xu phục theo cha, cha hiền lương con hiếu thảo, gia đình sáng chói, hưng thịnh phát phú, hay đi chùa lễ Phật tụng kinh và làm việc phúc thiện. Nhưng vì Cấn với Kiền thuần Dương không có Âm cho nên con cháu nhánh trưởng bất lợi, và dùng bếp này lâu năm ắt sẽ tổn hại vợ con. (Bếp Thiên y vốn thuần Âm hoặc thuần Dương chỉ tốt ở lúc đầu mà về sau lâu không tốt, vì vậy nên dùng nó độ 10 năm rồi đổi qua bếp Diên niên (Bếp Khôn Cửa kiền là những Bếp có đủ Âm Dương phát đạt bền).

- Lại có lời đoán theo quẻ Đại Súc như vậy: Quẻ Đại Súc, Cấn phối với Kiền là Thổ với Kim tương sanh, nhà giàu có to, cha với con rất mực thuận hòa. Đây là cái nhà có phước đức cho nên con cháu hưng gia lập nghiệp. Duy hiềm Cấn Khôn toán là cung Dương, Dương nhiều thì Dương thắng mà Âm phải suy thì hàng phụ nữ và trẻ con ở thế thua kém, hay bị tật bệnh.

Bếp số 24 : Bếp CẤN phối với Cửa KHẨM

(Đây là Bếp Ngũ quỷ – đại hung. Ở Kinh Dịch là quẻ Sơn Thủy Mông).

- Bếp Cấn Thổ khắc Cửa Khảm Thủy và là Bếp Ngũ quỷ hung tợn: có lắm chuyện kỳ quái luồn lọt vào nhà, hạng trung nam bị tổn hại, trẻ con cũng chẳng yên lành, âm nhân đoán thọ, con cháu ngỗ nghịch, quan tụng làm khốn khổ, tai họa về lửa (phỏng cháy), trộm cướp và ma quỷ làm loạn.

- Lại có lời đoán theo quẻ Mông như vậy: Quẻ Mông làm thương tổn trung nam và con trẻ, vì rơi nước hay treo cổ mà vong mạng, trong nhà chẳng thuận hòa, con cái làm việc trái lẽ, những chuyện quái gỡ do quỷ thần thao túng.

Bếp số 25 : Bếp CHẤN phối với Cửa CHẤN

(Đây là bếp Phục vị đăng diện. Ở Kinh Dịch gọi là quẻ Bát Thuần Chấn)

- Bếp Chấn Mộc phối với Cửa Chấn Mộc là hình tượng hai cây cùng trồng lên, lại thừa Phục vị cũng Mộc đăng diện khá tốt, tài bạch có dư, công danh có lợi, mọi việc do trưởng nam dụng sự và chủ động, nhưng hàng trưởng thượng thì phát đạt mà bọn nhỏ suy bại. Mộc gặp Mộc thì vượng khí, nhưng Mộc vượng tất khắc được Thổ là Khôn Cấn, cho nên phụ nữ chết yếu, tiểu nhi khó nuôi, con cái ngu đần và ngang ngạnh. Tóm lại

Dương trạch tam yếu

dùng bếp này sơ niên cũng tốt lắm, nhưng vì thuận Dương chẳng sinh hóa được: về sau không có con thừa tự.

- Lại có lời đoán quẻ Thuần Chấn như vậy: Lưỡng Mộc thành lâm, như rừng cây tốt, gia đình mỹ mạo, tiền bạc và vải lụa hưng long. Tuy nhiên bậc lớn hưng tiến mà hàng con cháu nhỏ gặp nhiều cảnh ngộ khốn cùng, nữ nhân thường bệnh hoạn.

Bếp số 26 : Bếp CHẤN phối với Cửa TỐN

(Đây là Bếp Diên niên thất vị. Ở Kinh Dịch là quẻ Lôi Phong Hằng).

- Bếp Chấn Dương Mộc phối Cửa Tốn Âm Mộc, lưỡng Mộc thành lâm, Âm Dương toại hiệp, gọi là Đông trù đắc vị (Bếp Đông được ngôi), phú quý song toàn, công danh đại lợi, điền sản hưng tiến, trưởng nam trưởng nữ chính phối hòa thuận, con quý hiển cháu hiền lương, thi đỗ liên miên, anh em đều phát đạt.

- Lại có lời đoán theo quẻ Hằng như vậy: Quẻ Hằng, hai Mộc rất ư là thịnh mậu, năm tháng ngày giờ đều có những sự tốt mới mẻ, quan cao chức cả, gọi thăm ân trên, thật là vinh hạnh. Cũng gọi là cái Bếp của các Ngài (bậc lớn).

Bếp số 27 : Bếp CHẤN phối với Cửa LY

(Đây là Bếp Sinh khí đăng diện. Ở Kinh Dịch là quẻ Lôi Hỏa Phong).

- Bếp Chấn Dương Mộc phối với Cửa Ly Âm Hỏa, Mộc Hỏa thông minh, Âm Dương toại hiệp, nhà có Bếp này tất phải được phú quý chẳng sai. Sinh khí Mộc lâm Chấn Mộc tử hòa đăng diện, gọi nó là Đông trù tứ mệnh, tượng Thanh long nhập trạch, đệ nhất tốt: phụ nữ làm nên nhà, điền sản có thêm, người người tài năng thanh tú, cử nhân tiến sĩ liên khoa.

- Lại có lời đoán như vậy: Bếp Chấn mừng đăng Tham lang đăng diện (Sinh khí tức Tham lang Mộc tinh), đó là rồng tiến tới cửa nhà bạc, danh vang dội như sấm, vận lên như sóng nước lên, khoa danh chắc chắn, tiền của và châu báu tới nơi như mây lành tụ lại, ân trên ban dầm vũ lộ, không có ý cầu mà được phú quý, những vinh hạnh tự nó dồn tới cho mình.

Bếp số 28 : Bếp CHẤN phối với Cửa KHÔN

(Đây là Bếp Họa hại – hung. Ở Kinh Dịch là quẻ Lôi Địa Dự).

- Bếp Chấn Mộc khắc Cửa Khôn Thổ là Bếp Họa hại, trước hại mẹ già sau hại hàng con cháu trưởng bệnh hoạn. Mẹ con chẳng hòa. Người hay bị các chứng bệnh: da mặt vàng, thân thể gầy xấu, họng nhiễm trùng, phong điên, lao dịch, tổn thương vì sanh đẻ. Lại bị miệng tiếng đồn xấu xa, tai họa về quan làng. Con người, lục súc và điền sản đều thoái bại.

- Lại có lời đoán theo quẻ Dự như vậy: Quẻ Dự: gia tài hao tán, âm nhân tật bệnh và làm càn bậy (khùng khịu). Lão mẫu, gia trưởng châu Diêm vương. Cốt nhục cừu khích và chia ly.

Bếp số 29 : Bếp CHẤN phối với Cửa ĐOÀI

(Đây là Bếp Tuyệt mệnh – đại hung. Ở Kinh Dịch là quẻ Lôi trạch Qui Muội).

- Bếp Chấn phối Cửa Đoài là Mộc với Kim hình chiếu nhau mà tạo thành Bếp Tuyệt mệnh gây thương tổn cho các hàng con cháu trưởng, trưởng phụ, trưởng nữ. Nam nhân thì tuyệt tự. Người cùng tiền của đều sa sút, tai họa đến 4 người. Bếp sanh các

Dương trạch tam yếu

chứng bệnh: khí đọng thành hòn khối, lồi ngực lồi hông, cổ họng nghẹt, lưng đau nhức, tay chân bị ma mọt (tê xụi).

- Lại có lời đoán theo quẻ Qui Muội như vậy: Quẻ Qui Muội, tai họa bất ngờ, tuyệt tự, người cùng lục súc đều chẳng an. Các vụ thê thảm như: thân thể bệnh hoạn, treo cổ, chẳng khỏi chết bỏ cố hương.

Bếp số 30 : Bếp CHẤN phối với Cửa KIÊN

(Đây là bếp Ngũ quỷ – đại hung. Ở Kinh Dịch là quẻ Lôi Thiên Đại Tráng).

- Cửa Kiên Kim khắc vào Bếp Chấn Mộc thừa Ngũ quỷ tai họa đến con cháu trưởng, đến cả trưởng phụ và ông cha. Lại sanh các chứng bệnh: khí đọng kết thành khối, lớn tim, cổ họng nghẹt hơi, đở lười, ho hen, gân cốt đau nhức, chết thất cổ, chết cách hung dữ. Còn những việc bất lợi khác như trộm cướp, quan pháp nhiều hại. Họa hoạn thường đến liên tiếp.

- Lại có lời đoán theo quẻ Đại tráng như vậy: Quẻ Đại Tráng, con cháu ngộ nghịch, tiểu nhi và lục súc đều chẳng yên lành, trưởng tử cùng ông cha họa hoạn liên miên, trâu dê ngựa lợn đều bị hạn xấu.

Bếp số 31 : Bếp CHẤN phối với Cửa KHẢM

(Đây là bếp Thiên y thất vị. Ở Kinh Dịch là quẻ Lôi Thủy Giải).

- Cửa Khảm Thủy sanh vào Bếp Chấn Mộc thừa Thiên y, ngoài sanh vào trong, sự may mắn đến mau, gia đình hòa thuận, tiền tài và điền sản đều thịnh mậu, sơ niên đại phú, đại quý. Nhưng vì Chấn Khảm thuần Dương chẳng sinh hóa được, lại Thiên y Thổ lâm Chấn Mộc tương khắc thất vị, dùng Bếp này lâu năm sẽ bớt tốt dần, con cháu thừa dần, phụ nữ bị tổn hại.

- Lại có lời đoán theo quẻ Giải như vậy: Quẻ Giải, tiền tài và lục súc đều hanh thông, kẻ lớn người nhỏ đều phát đạt. Con cháu vinh hoa. Nhưng âm nhân bệnh họa, thương tổn bất hạnh.

Bếp số 32 : Bếp CHẤN phối với Cửa CẤN

(Đây là Bếp Lục sát – hung. Ở Kinh Dịch là Quẻ Lôi Sơn Tiểu Quá).

- Bếp Chấn khắc Cửa cấn, thiếu nam bị tổn thương, huynh đệ bất hòa. Bếp Lục sát này sanh các chứng ghẻ chốc, da vàng, bệnh phù thũng đầy hơi, không muốn ăn, ăn hay bị nghẹn, đàm lao, kinh nguyệt bế tắc, vì sanh dễ khó mà chết, làm việc ám muội, mang tiếng xấu dâm đảng trốn đi, những chuyện quỷ quái gây hại cho người và làm tổn thất lục súc.

- Lại có lời tượng đoán theo quẻ Tiểu Quá như vậy: Tiểu Quá, phát lên các chứng bệnh lao, âm nhân và trẻ nhỏ mang tai họa lớn. Trong 8 năm gia tài lụn bại phần nhiều là bởi trộm cướp gây ra.

Bếp số 33 : Bếp TỐN phối với Cửa TỐN

(Đây là Bếp Phục vị đẳng diện. Ở Kinh Dịch là quẻ Bát Thuần Tốn).

- Bếp Tốn phối Cửa Tốn là hai Mộc gặp nhau sinh vượng khí, lại thừa Phục vị Cũng Mộc tử hòa đẳng diện, khá tốt: phụ nữ rất đảm đang công việc nhà và tạo nên sự nghiệp. Nhưng vì hai Tốn thuần Âm chẳng thể trưởng tấn, chẳng phát lên mãi được, nam nhân đoán thọ, về sau càng bớt số nhân khẩu đến tình trạng sống cô độc, và hay

Dương trạch tam yếu

sanh các chứng bệnh phong cuồng, tê bại, ho, suyễn. (Tốn vi phong hay sanh các chứng bệnh ấy).

- Lại có lời đoán theo quẻ thuần Tốn như vậy: Tốn gặp Tốn thuần Âm, những việc tổn hại chồng con khó nổi đường. Lại có những vụ cô quả, linh đình, những việc có hình dạng kỳ quái... bệnh suyễn, ho, ma mộc, phong cuồng.

Bếp số 34 : Bếp TỐN phối với Cửa LY

(Đây là Bếp Thiên y thất vị. Ở Kinh Dịch là quẻ Phong Hỏa Gia Nhân).

- Bếp Tốn Âm Mộc sanh Cửa Ly Âm Hỏa được cách Mộc Hỏa thông minh phụ nữ sáng suốt và khéo tạo nên nhà nên cửa, đứng là bậc nữ trưởng phu. Bếp Thiên y: nhân nghĩa tròn đầy, người hay làm việc thiện, tiền tài chật tũ, vải lụa đầy rương, ngũ cốc vun bồi... hoàn toàn là những vinh diệu sáng lạn. Hiềm vì hai nữ một nhà (Tốn là trưởng nữ, Ly là trung nữ) tức thị thuần Âm, Thiên y thất vị, Mộc trên bị Hỏa dưới hủy hoại tận mầm non, làm mất cái sinh dục (thuần Âm bất hóa sinh) tất phải tuyệt tự, đành nuôi nghĩa tử làm kế thừa tự.

- Lại có lời đoán theo quẻ Gia Nhân như vậy: Quẻ Gia Nhân, nhà ruộng vườn cùng tờ tằm rất hưng vượng, phụ nữ hiền lương chưởng quản gia đình. Nhưng không sanh được con cái để thừa tự. Khá đề phòng hạng âm nhân có hình dạng kỳ quái.

Bếp số 35 : Bếp TỐN phối với Cửa KHÔN

(Đây là Bếp Ngũ quỷ – đại hung. Ở Kinh Dịch là quẻ Phong Địa Quang).

- Bếp Tốn khắc Cửa Khôn: mẹ già bị thương, trưởng phụ sanh đẻ khó, hại người phá cửa, tà ma vào nhà, các vụ quan làng miệng tiếng nhiễu nươg. Bếp Ngũ quỷ này rất nguy hại, nó sanh các chứng bệnh về tỷ vị, lao dịch, bụng cổ trướng, thũng da vàng, phong cuồng, mất máu, khí nghẹn cổ họng.

- Lại có lời đoán theo quẻ Quang như vậy: Quẻ Quang, phong tà, cổ nghệt, hàng lớn tuổi hay gặp việc quỷ mỵ và đau tim, người trên kẻ dưới bất hòa và bị lẩn bệnh công phạt, không con thừa tự, Dương suy Âm thắng.

Bếp số 36 : Bếp TỐN phối với Cửa ĐOÀI

(Đây là Bếp Lục sát – hung. Ở Kinh Dịch là quẻ Phong Trạch Trung Phu).

- Cửa Đoài Âm Kim với Bếp Tốn Âm Mộc. Hai Âm hình chiếu nhau cho nên hàng phụ nữ bị tổn thương. Lại Âm nhiều thì Âm thắng mà Dương phải suy, nam nhân đoán thọ, người lớn tiêu tán, trẻ nhỏ mang bệnh tích khối (dồn chứa hờn cức trong bụng ngực). Bếp Lục sát này làm thừa thốt nhân khẩu và sanh ra các chứng bệnh đau gân cốt, phong cuồng, sanh đẻ rồi bị lao, điếc, mù, tàn tật.

- Lại có lời đoán theo quẻ Trung Phu như vậy: Quẻ Trung Phu, vì sanh đẻ mà mang bệnh, bệnh đau máu, bệnh cổ trướng, phong cuồng, dâm loạn, tiêu hết gia tài cùng sản nghiệp. Cô Âm tương khắc mà chẳng có Dương, tai hại thay!

Bếp số 37 : Bếp TỐN phối với Cửa KIẾN

(Đây là Bếp Họa hại – hung. Ở Kinh Dịch là quẻ Phong Thiên Tiểu Súc).

- Cửa Kiến khắc Bếp Tốn là bên ngoài khắc vào trong, họa đến bất kỳ. Tốn thuộc trưởng nữ bị khắc cho nên hàng phụ nữ lớn trong nhà bị tổn hại. Đây là cái Bếp làm hại cả con người và tài năng, lại sanh chứng tê bại, tạp tật (hết bệnh chỗ này tới

Dương trạch tam yếu

bệnh chỗ khác) gân xương đau nhức vì khí huyết bị bế tắc, sanh đẻ chết, miệng mất méo lệch, giấy tờ quan pháp cùng trộm cướp nhiều nhưong.

- Lại có lời đoán theo quẻ Tiểu Súc như vậy: Quẻ Tiểu Súc âm nhân bất lợi, yếu tử (chết non), gia sản sạch trơn, trùng thê trùng thiếp, rồi kết cuộc lạnh lẽo trong cô đơn. Thật đáng than thở!

Bếp số 38 : Bếp TỐN phối với Cửa KHẨM

(Đây là Bếp Sinh khí đăng diện. Ở Kinh Dịch là quẻ Phong Thủy Hoán).

- Cửa Khảm Dương Thủy sanh Bếp Tốn Âm Mộc là ngoài sanh vào trong, Âm Dương toại hiệp, lại được Sinh khí Mộc lâm Tốn tử hòa đăng diện là tượng rồng xanh hưng thái vào nhà. Thật là một cái Bếp tốt toàn diện và tốt lớn: con cháu vinh diệu và sang trọng, trước mặt sau lưng đều phát đạt tiền tài, vợ hiền con hiếu, gia đạo thuận hòa, vừa vinh hoa vừa phú quý, con gái đầy nhà, 5 trai đỗ đạt, người người tuổi thọ đều cao. Rất tốt.

- Lại có lời đoán như vậy: Sinh khí Mộc lâm Tốn tử hòa tức sao Tham lang đăng diện, rất tốt vậy. Năm trai thi đỗ mừng rỡ biết bao. Người phát mà tiền tài cũng phát, phước với thọ song toàn, chớ nên thay đổi khác.

Bếp số 39 : Bếp TỐN phối với Cửa CẤN

(Đây là Bếp Tuyệt mệnh – đại hung. Ở Kinh Dịch là quẻ Phong Sơn Tiệm).

- Bếp Tốn khắc với Cửa cấn, con trai nhỏ chịu tai hại (vì Cấn bị khắc) và phụ nữ lớn sa thai rồi chết (vì Tốn thừa Tuyệt mệnh). Phụ nữ nắm quyền hành nhà cửa. Bếp này sanh các chứng bệnh phong cuồng, mặt vàng da xấu xí, bụng đau các chứng bón uất bất thông, tê bại, lao tật, bệnh cổ khí làm tim đau nhức. Nó còn sanh ra những tai hại: hỏa hoạn, trộm cắp, quan tụng, cả người và tiền của đều tuyệt bại, tiểu nhi khó nuôi lớn, nhân khẩu trốn lánh, ly tán, bất lợi.

- Lại có lời đoán theo quẻ Tiệm như vậy: Quẻ Tiệm, trốn chạy, con bỏ đi, tiểu nhi khó nuôi dưỡng, tổn hại gia tài, bệnh cổ trưởng, bệnh đau, phong cuồng... Thật là tam diên tứ đảo, bại hoại.

Bếp số 40 : Bếp TỐN phối với Cửa CHẤN

(Đây là Bếp Diên niên thất vị. Ở Kinh Dịch là quẻ Phong Lôi Ích).

- Bếp Tốn Âm Mộc phối Cửa Chấn Dương Mộc, Âm Dương toại hiệp lại được cách lưỡng Mộc thành lâm, Bếp Diên niên này rất ư là thịnh vượng. Người và tiền của cả hai đều phát đạt, phú và quý song toàn. Trong 6 năm ứng hiện điều tốt lành. Gặp năm Hợi Mão Mùi sanh con cháu quý. Ngàn cụm tường vân (mây lành) tụ hội cho cái Bếp toàn kiết này vậy.

(Chú ý: Diên niên Kim lâm Tốn Mộc tương khắc là thất vị (tốt ít), nhưng không luận chỗ tương khắc thất vị mà phải luận Tốn Âm Mộc gỗ còn nguyên hình chất gặp Diên niên Kim là cửa, búa, đục... đẽo chuốt thành vật quý giá. Cho nên nói là Bếp rất tốt vậy).

- Lại có lời tượng đoán theo quẻ Ích như vậy: Quẻ Ích, hai Mộc thành rừng, chồng vợ ân tình, nhân nghĩa càng thêm, thêm người thêm phước, biết bao hưng vượng. Lập nghiệp thành gia lăm toại tâm. Cha con đỗ đạt thành một khoa danh, thật ít có. Huynh đệ đồng lòng mãi mãi không phân cách. Như người mừng gặp lại quẻ Yên sơn, nhà tranh biến thành gác tía, bàn bạc nổi danh thơm.

Bếp số 41 : Bếp LY phối với Cửa LY

(Đây là Bếp Phục vị đắc vị. Ở Kinh Dịch là quẻ Bát Thuần Ly).

- Bếp Ly Hỏa phối với Cửa Ly cũng Hỏa, hai Hỏa tương tể nhau (lưỡng Hỏa thành viêm) cháy sáng lên mãnh liệt. Gia đạo thịnh phát ào ào nhưng vì tánh lửa không bền và sự phát đạt quá độ tất cũng không bền, Ly với Ly thuần Âm tất hại Dương, nam tử chết yếu, phụ nữ cầm chế gia đình, nhân khẩu nhiều nữ ít nam, trẻ con bất lợi. Bếp này sanh các chứng bệnh đàm, tê xụi, ho lao, mắt đỏ, tim đau đầu đau, đau máu, bệnh thuộc âm nóng hầm hầm, hỏa khí xông lên miệng lưỡi nổi u nhọt, tim như bị đốt. Nó còn sanh ra các vụ thừa kiện, phỏng cháy.

- Lại có lời đoán như vậy: Thuần Âm, dùng lâu sẽ tuyệt tự, con gái và rể làm loạn trong gia đình, hàng trung nữ phá tán gia tài mà bệnh chẳng rời thân. Trên dưới vô tình, tôn ty bất nghĩa.

Bếp số 42 : Bếp LY phối với Cửa KHÔN

(Đây là Bếp Lục sát – hung. Ở Kinh Dịch là quẻ Hỏa Địa Tấn).

- Bếp Ly Âm Hỏa phối Cửa Khôn Âm Thổ, lửa đốt đất phải khô biến ra Bếp Lục sát bất lợi. Mẹ với con gái sống chung (Khôn Ly) là tượng thuần Âm không có Dương: Nam tử chết sớm, tiểu nhi khó nuôi. Cho tới hàng phụ nữ cũng không trường thọ. Dùng Bếp này mãi về sau không con thừa tự. Bếp còn sanh các chứng bệnh đau tim, kinh nguyệt chẳng thông công phạt tim, lao dịch, thổ huyết.

- Lại có lời tượng đoán theo quẻ Tấn như vậy: Quẻ Tấn, âm nhân gom chứa tiền của. Thuần Âm tất hại Dương, vợ chết lại nhiều phen lấy vợ. Trong nhà rối như cỏ mọc loạn nhiều thứ. Con cháu rất ít oi. Kết cuộc về sau phải dùng con họ khác làm kế thừa tự.

Bếp số 43 : Bếp LY phối với Cửa ĐOÀI

(Đây là Bếp Ngũ quỷ – đại hung. Ở Kinh Dịch là quẻ Hỏa Trạch Khuê).

- Ly Hỏa phối với Đoài Kim, lửa đốt cháy vàng lại thuần Âm không có Dương, ba hạng: nam nhân, ấu phu, thiếu nữ đều đoản thọ. Bếp này sanh các chứng bệnh: ho lao gây yếu, băng huyết, da mặt vàng khô, tiêu khát, thai hư hóa huyết. Nó còn sanh ra các sự việc nguy hại: bị các tà quỷ treo cổ trảm mình nhiều nường (phá hại), hỏa hoạn, trộm cướp, quan họa (tai họa về quan pháp), điền sản thoái bại, đàn bà góa chuyên quyền, người người tổn thương không có con để nối dòng.

- Lại có lời đoán theo quẻ Khuê như vậy: Quẻ Khuê, thê thiếp chịu thương tổn, người mang bệnh lao dịch, không con thừa tự cho nên bị con gái với chàng rể tấn nhập gia cư. Hại thân người, hao tổn lực sức và phá tán tiền bạc là ba điều bất lợi.

Bếp số 44 : Bếp LY phối với Cửa KIẾN

(Đây là Bếp Tuyệt mệnh – đại hung. Ở Kinh Dịch là quẻ Hỏa Thiên Đại Hữu).

- Bếp Ly Hỏa khắc Cửa Kiến Kim, trước hại ông cha, kế đó hại hàng trung nữ. Bệnh chứng do Bếp gây ra: hư lao, ho suyễn, da vàng, thổ huyết, đau tê liệt, ghẻ độc, mất tật. Các sự việc hung hại: treo cổ, trảm sông nhảy giếng, phỏng cháy, trộm cướp, phạm quan pháp, tà ma làm ra việc quái lạ. Hao phá tiền tài và tuyệt tự là hai điều chẳng khỏi.

Dương trạch tam yếu

- Lại có lời đoán theo quẻ Đại Hữu như vậy: Đại Hữu, trung nữ sanh đẻ bằng huyết, ghen ăn nể cục, nhà cửa bại hoại, con người chết mất, những vụ phỉncháy trộm cướp xen nhau đến gây lăm tai ương. Bạc trưởng thượng cùng ấu nhi thường hay tật bệnh.

Bếp số 45 : Bếp LY phối với Cửa KHẨM

(Đây là Bếp Diên niên thất vị. Ở Kinh Dịch là quẻ Hỏa Thủy Vị Tế).

- Bếp Ly phối với Cửa Khảm là trung nam gặp trung nữ, là tượng phu thê chính phối, lại được Diên niên tức Vũ khúc kết tinh, cho nên: tiền tài rất phong phú, công danh hiển hách, con cháu đầy nhà. Nhưng dùng Bếp này lâu năm sẽ khắc hại vợ, tìm đau, mất tật. Đó là bởi Khảm Thủy với Ly Hỏa tương khắc và vì Diên niên Kim lâm Ly Hỏa, cung khắc tinh, sự phát đạt chẳng yếu đi thì cũng không bền.

- Lại còn lời đoán theo quẻ Vị Tế như vậy: Vị Tế, được đạo Âm Dương chính phối, nhà cửa cùng sự nghiệp và tài vật đều hưng tiến. Nhưng lâu năm cung thê thọ hình khắc (Ly bị Khảm khắc), tìm đau, mất bệnh.

-(Dẫn giải: Chính phối là hai cung đồng bậc với nhau mà có đủ Âm Dương . Như Khảm thuộc Dương trung nam với Ly thuộc Âm trung nữ. Như Cấn thuộc Dương thiếu nam với Đoài thuộc Âm thiếu nữ. Như Chấn thuộc trưởng nam với Tốn thuộc Âm trưởng nữ. Như Kiền thuộc Dương là cha với Khôn thuộc Âm là mẹ. Phàm hai cung chính phối tất hổ biến được Diên niên, rất tốt, duy Ly với Khảm không bền vì Hỏa với Thủy tương khắc).

Bếp số 46 : Bếp LY phối với Cửa CẤN

(Đây là Bếp Họa hại – hung. Ở Kinh Dịch là Quẻ Hỏa Sơn Lữ).

- Bếp Ly phối Cửa Cấn làm thành Bếp Họa hại. Ly lửa đốt Cấn là đất phải khô rang. Cấn ứng vào hạng thiếu niên và nhỏ tuổi chết mất. Ly ứng vào hạng trung nữ tánh táo bạo, nóng nảy, hung dữ. Ly đốt Cấn là tượng âm nhân nhiễu loạn mà nam nhân phải ngại sợ vậy. Bếp này sanh các chứng đầu óc hôn trầm (tối tăm), tê bại, tật mắt, đại tiện bón uất, kinh mạch chẳng điều hòa, si mê điếc lác, ngưng nghịu.

- Lại có lời tượng đoán theo quẻ Lữ như vậy: Quẻ Lữ, vợ chồng không thịnh vượng, con cháu khó nuôi tới lớn, nhân khẩu tổn thương, tiền tài chẳng hưng tiến. Con cô mẹ góa là định phận.

Bếp số 47 : Bếp LY phối với Cửa CHẤN

(Đây là Bếp Sinh khí đắc vị. Ở Kinh Dịch là quẻ Hỏa Lôi Phê Hạp).

- Bếp Ly Âm Hỏa phối Cửa Chấn Dương Mộc là Âm Dương toại hiệp, vạn vật sinh thành, là Mộc với Hỏa tương sanh, thông minh rạng rỡ. Sinh khí Mộc lâm Ly đắc vị là tượng Thanh long vào nhà, là một cái Bếp đại phú, đại quý, tiền bạc chạy vào, của quý đưa đến. Nhất định nhà được Bếp này có bậc văn nhân, tú sĩ, khoa giáp đỗ liền liền.

- Lại có lời đoán theo quẻ Phê Hạp như vậy: Phê Hạp, lửa với sấm giao hiệp nhau mà Tạo hóa được hanh thông. Con em hùng liệt hạng tướng, công. Bạc vàng súc tích đầy rường tráp, tự mình chẳng biết vì đâu giàu. Chồng vợ vui mừng nói chẳng hết lời.

Bếp số 48 : Bếp LY phối với Cửa TỐN

Dương trạch tam yếu

(Đây là Bếp Thiên y đắc vị. Ở Kinh Dịch là quẻ Hỏa Phong Đỉnh).

- Bếp Ly Âm Hỏa phối Cửa Tốn Âm Mộc là Hỏa Mộc tương sanh làm ra Bếp Thiên y đắc vị rất tốt: phụ nữ tạo nên gia nghiệp, phước xá, điền địa, của cải đều đặn phong hậu, người trong nhà hay làm việc phúc đức. Nhưng vì Ly Tốn thuần Âm chẳng trưởng tấn được cho nên con cháu ít oi, cô di sanh tật. Dùng Bếp này lâu năm sẽ bất lợi và sanh các chứng bệnh: phong, lao, đầu nhức, mắt đỏ mà tối tăm, hay đau lật vật.

- Lại có lời đoán theo quẻ Đỉnh như vậy: Quẻ Đỉnh thuần Âm, lúc đầu có lợi, lục súc hưng vượng, ruộng nhà có thêm. Nhưng về sau con cái khó khăn, phải dùng minh linh, nghĩa tử (xin con họ khác làm con mình).

Bếp số 49 : Bếp KHÔN phối với Cửa KHÔN

(Đây là Bếp Phục vị thất vị. Ở Kinh Dịch là quẻ Bát Thuần Khôn).

- Bếp Khôn phối với Cửa Khôn là hai Thổ tỷ hòa, mà Thổ thì sanh Kim cho nên tiền của chất đầy nhà, phú quý có dư. Nhưng không khỏi cái hại nhiều Âm mà chẳng có Dương, nữ nhiều nam ít, mẹ già (Khôn) quản lý gia đình, một nhà đàn bà góa, không con thừa tự.

- Lại có lời đoán theo quẻ Khôn như vậy: Quẻ Khôn, gia tài hưng vượng trâu, dê, ruộng nương, tơ tằm đều thành thực, trong nhà ổn thỏa, năm này qua năm khác bình yên. Chỉ hiềm một nỗi không con nối dõi dòng họ.

Bếp số 50 : Bếp KHÔN phối với

(Đây là Bếp Thiên y đẳng diện. Ở Kinh Dịch là quẻ Địa Trạch Lâm).

- Bếp Khôn Âm Thổ phối Cửa Đoài Âm Kim, Thổ với Kim tương sanh lại được Thiên y tức Cự môn Thổ tinh đẳng diện: tiền tài cùng sản nghiệp tiến lên, nam nữ đều nhân từ và hiếu nghĩa. Nhưng Khôn gặp Đoài là tượng mẹ và con gái ở chung, là tượng thuần Âm chẳng sinh hóa được, phụ nữ nắm giữ gia đình, chồng con bị khắc hại. Tóm lại, lúc đầu đại phát mà về sau lâu bất lợi.

- Lại có lời tượng theo quẻ Lâm như vậy: Quẻ Lâm, , mọi sự đều tốt, mưu sinh và động tác đều chẳng sai lầm. Chỉ buồn vì cái đạo nghĩa cùng tận ắt biến sinh ra khác, quyết đoán là cả nam nhân lẫn nữ đều yếu và góa bụa.

Bếp số 51 : Bếp KHÔN phối với Cửa KIẾN

(Đây là Bếp Diên niên đắc vị. Ở Kinh Dịch là quẻ Địa Thiên Thái).

- Bếp Khôn Âm Thổ phối với Cửa Kiến Dương Kim, Âm Dương có đủ, Thổ với Kim tương sanh, lại được Diên niên đắc vị tức Vũ khúc Kim tinh được ngôi, thổ của thịnh vượng, con gái thanh tú. Bậc quân tử quan nhân thì thêm chức tước cùng quan lộc, hàng thường dân thì nhà thêm đông người và tấn phát tiền tài. Thật là một cái Bếp đại kết, đại lợi.

- Lại có lời đoán theo quẻ Thái như vậy: Khôn là Đất, Kiến là Trời. Trời Đất hiệp nhau mà vạn vật sanh thành và hưng thái, ấy là quẻ Thái vì thế: gia đạo vinh xương, phu phụ đồng đều hiếu nghĩa và hiền lương. Người mẹ cải tạo cho trăm việc tốt lành là bởi Khôn ngộ kết tinh (Diên niên). Vậy nên: mừng tốt tới đây của, phúc lộc chẳng bờ ngăn.

Bếp số 52 : Bếp KHÔN phối với Cửa KHẢM

(Đây là Bếp Tuyệt mệnh – đại hung. Ở Kinh Dịch là quẻ Địa Thủy Sư).

Dương trạch tam yếu

- Bếp Khôn Thổ khắc Cửa Khảm Thủy, hàng trung nam thọ hại, mang bệnh thũng da vàng rồi chết. Khôn thừa Tuyệt mệnh: mẹ già mang bệnh phong cuồng rồi cũng mạng vong. Các chứng bệnh do Bếp: bệnh cổ trướng, kinh nguyệt chậm trễ, hư thai, bại thận, câm điếc, thân thể gầy khô. Thật là một cái Bếp rất hung hại, khiến cho cả nam lẫn nữ điều linh, trẻ con khó còn để lớn, các vụ quan pháp cùng miệng tiếng làm rối ren, hại người tổn lục súc... Cứ 3 năm hoặc 5 năm, từng lớp từng lớp ứng hiện các tai họa.

- Lại có lời đoán theo quẻ Sư như vậy: Quẻ Sư, thương tổn cả nam lẫn nữ, dưỡng tử bỏ đi đầu quân, tìm đâu, tề bại, bệnh hoạn đeo thân, năm này qua năm khác cứ thương nhân tổn lục (tổn hại người cùng lục súc).

Bếp số 53 : Bếp KHÔN phối với Cửa CẤN

(Đây là Bếp Sinh khí thất vị. Ở Kinh Dịch là quẻ Địa Sơn Khiêm).

- Bếp Khôn Âm Thổ phối Cửa Cấn Dương Thổ, hai Thổ có Âm Dương đắp nên bờ lũy. Cũng gọi là mẹ gặp con trai nhỏ (Khôn gặp cấn) là tượng hoan hỉ, mẹ từ thiện con hiếu kính. Lại thừa Sinh khí tức Thanh long nhập trạch, tích tụ đa số tiền tài và trân bửu. Nhưng hiềm Sinh khí Mộc thất vị, khắc cả Khôn và Cấn Thổ cho nên: lúc đầu thịnh vượng, lúc giữa suy dần, dùng lâu sau sanh bệnh thũng da vàng, tim bụng đau nhức.

- Lại có lời đoán theo quẻ Khiêm như vậy: Quẻ Khiêm nhiều phú quý, nhiều hưng vượng, lục súc và tiền tài đều phát đạt. Hai năm hoặc năm năm khởi tạo nên gia nghiệp, lại nổi danh về thư sách và khoa giáp, người người đều đặn may tốt chẳng sai, người người đều hiền lương mà khởi làm nên nhà cửa, mẹ già luyện yêu con trẻ. Chỉ buồn vì mẫu thân bệnh chết lâu xa rồi con nhỏ mới trưởng thành.

Bếp số 54 : Bếp KHÔN phối với Cửa CHẤN

(Đây là Bếp Họa hại – hung tảo. Ở Kinh Dịch là quẻ Địa Lôi Phục).

- Cửa Chấn Mộc khắc vào Bếp Khôn Thổ là ngoài khắc vào trong, sự thể trọng đại, lão mẫu là chính nhân bị tổn thương. Ngoài ra còn âm nhân và tiểu nhi mang u bướu ngực, phụ nữ bệnh huỳnh đản, trưởng tử nghịch với mẹ và hại nhục đàn em, cờ bạc, tham lam, phá gia bại sản. Lại còn sanh ra các bệnh yết hầu ung tắc (nghe), hơi độc xung lên tim, bụng dạ dày bành trướng không còn muốn ăn uống. Chết người hết của là cái Bếp này.

- lại có lời đoán như vậy: Chấn Mộc khắc Khôn Thổ, trưởng nam là kẻ đáng sợ vì nó nghịch mẹ hại em không còn tự do. Lão mẫu vì nhiều nguyên nhân mà mang bệnh huỳnh đản rồi chết, tiểu nhi sanh u bướu tại sau đầu, âm nhân bị tổn thương. Ruộng, tằm, ngũ cốc trồng không chín. Trẻ con cùng lục súc đáng ngại thay. Khá thương nhân khẩu lắm phen tổn hại.

Bếp số 55 : Bếp KHÔN phối với Cửa TỐN

(Đây là Bếp Ngũ quỷ – đại hung. Ở Kinh Dịch là quẻ Địa Phong Thăng).

- Bếp Khôn Âm Thổ bị Cửa Tốn Âm Mộc khắc biến thành Bếp Ngũ quỷ rất dữ tợn. Nó gây hại cho mẹ già nhiều nhất. Lại thuần Âm khiến cho nam tử đoán thọ. Bà với cháu bất hòa. Đây là kiểu Bếp cô quả, tuyệt tự, dâm loạn mà không người chủ quyền. Các chứng bệnh sanh ra là ăn uống nghẹn khí, nấc cục, phù thũng da vàng bệch, bụng to vì bị thủy trướng. Lại còn những sự bất lợi như: tai hại về quan pháp, phỏng

Dương trạch tam yếu

cháy, sự hại đến bất ngờ hại tới nhân mệnh, dọa tặc từ phương Đông nam xâm nhập, vì các vụ nơi công môn mà phá tán tiền bạc, gây họa liên chiến tới 4 người, tới 5 người chưa thôi. Các năm Dần Ngọ Tuất hoặc tới năm tuổi của người nào trong nhà thì người ấy lâm tai họa.

- Lại có lời tượng ứng theo quẻ Thăng như vậy: Quẻ Thăng, âm khí thịnh lên thái quá cho nên tà quỷ nhập vào nhà làm hung dữ. Một nhà quả phụ náo loạn lên như ousa sảy đốt đến khô khốc. Đáng sợ vì Thần trong nhà chẳng yên (Thần là nói chung thần thánh, các vị được thờ phượng trong nhà).

Bếp số 56 : Bếp KHÔN phối với Cửa LY

(Đây là Bếp Lục sát – hung tảo. Ở Kinh Dịch là quẻ Địa Hỏa Minh Di).

- Bếp Khôn Âm Thổ bị Cửa Ly Âm Hỏa đốt làm cho đất khô rang, lại Khôn với Ly thuần Âm cho nên: nam nhân thọ tổn, làm khiếm khuyết con cái, tổn hại nhân khẩu. Hàng trung nữ bệnh đau máu, mất tât, tim đau nhức, sản lao, kinh nguyệt trời sụt bất thường. Lão mẫu bị phong cuồng, thủy thũng, huỳnh đản. Lại còn có các vụ đào tẩu (chạy trốn) của nam nữ rất bất lợi.

- Lại có lời đoán theo quẻ Minh Di như vậy: Quẻ Minh Di, gia trưởng bất lợi. Nghĩa tử và hàng dương nhân mạng vận trái sai. Âm nhân làm loạn gia tài, gây rối trong nhà. Các việc tai hại do quẻ Minh Di ứng làm bại hoại một cách mau lẹ.

Bếp số 57 : Bếp ĐOÀI phối với Cửa ĐOÀI

(Đây là Bếp Phục vị. Ở Kinh Dịch là quẻ Bát thuần Đoài).

- Bếp Đoài phối Cửa Đoài là hai Kim tử hòa tât gia dọa hưng long. Nhưng vì Đoài Đoài thuần Âm chẳng sanh hóa được, con cháu hiếm hoi, thành nhỏ hại lớn, thiếu phụ chuyên quyền làm rối loạn trong nhà chẳng mấy lúc được yêu, hoặc bệnh tật u bướu làm hại tim, dạ dày nhiễm bệnh biếng ăn.

- Lại có lời đoán theo quẻ Đoài như vậy: Quẻ Đoài có phát tiền tài và sản nghiệp. Hiềm vì dư Âm mà không có Dương tât nhà không chấn chỉnh, âm nhân nhiều loạn và chấp chưởng quyền hành.

Bếp số 58 : Bếp ĐOÀI PHỐI VỚI Cửa KIỀN

(Đây là Bếp Sinh khí thất vị. Ở Kinh Dịch là Quẻ Trạch Thiên Quyết).

- Bếp Đoài Âm Kim phối Cửa Kiền Dương Kim, Âm Dương toại kết, hai Kim tử hòa: gia dọa thuận hòa nhiều đẹp ý, nhân khẩu và tiền tài đều thịnh vượng, phú và quý song toàn. Bếp Sinh khí tức Thanh long nhập trạch: nhà sản xuất bạc văn nhân, tú sĩ, sanh 4 con trai thành lập vững vàng. Duy Đoài phối Kiền tượng thiếu nữ đồng sản với lão ông tât vì sủng ái mà giao hết quyền hành cho vợ trẻ nắm chẳng phải điều hay. Do chỗ đó và do Sinh khí Mộc lâm Đoài Kim thọ khắc (thất vị) và Bếp này chỉ được liệt vào hạng Bếp tốt hạng nhì (thay vì hạng nhất).

- Lại có lời tượng đoán theo quẻ Quyết như vậy: Quẻ Quyết, tiền tài thịnh vượng, nhà phát phước. Lão Dương (Kiền) với Thiếu âm (Đoài) đồng giường, nhân đình mậu vượng (người thêm đông), gia nghiệp thịnh tiến. Nhưng vì được sủng ái (yêu mê) mà vợ thứ khinh khi người lớn.

Bếp số 59 : Bếp ĐOÀI phối với Cửa KHẢM

(Đây là Bếp Họa hại – hung tảo. Ở Kinh Dịch là quẻ Trạch Thủy Khốn).

Dương trạch tam yếu

- Bếp Đoài Kim phối với Cửa Khảm Thủy biến thành Bếp Họa hại. Thủy là nước chảy mài mòn kim khí (Đoài), hàng thiếu nữ và trung nam (Khảm) chịu ảnh hưởng bất lợi vì cái Bếp này. Lại người suy bại, âm nhân băng huyết lọt thai, nam nhân thổ huyết, thủy trưởng, di tinh, tim đau nhức.

- Lại có lời đoán theo quẻ Khổn như vậy: Quẻ Khổn, tổn hại nhân đinh, sanh xảy ra nhiều việc bất ngờ, phải hao tài tán của, tật bệnh đến không chừng đổi, trộm cướp và quan pháp nhiều nường.

Bếp số 60 : Bếp ĐOÀI phối với Cửa CẤN

(Đây là Bếp Diên niên đăng diện. Ở Kinh Dịch là quẻ Trạch Sơn Hàm).

- Bếp Đoài Âm Kim phối Cửa Cấn Dương Thổ là Âm Dương chính phối tương sanh: vợ chồng hòa thuận, giàu có và sang trọng được cả hai, người cùng tài năng đều thịnh vượng. Bếp Đoài Kim thừa Diên niên Kim tỷ hòa đăng diện, tức được Vũ khúc Kim tinh chiếu diệu là một cái Bếp hoàn toàn tốt.

- Lại có lời đoán theo quẻ Hàm như vậy: Quẻ Hàm, núi với đầm ăn thông mạch lạc: chính phối hôn nhân, vợ chồng thuận hòa đồng là đôi lứa thiếu niên đẹp đẽ. Nữ chuộng điều trinh khiết và từ thiện, nam thì đúng mực tài hoa đã trung lương lại rất nhân nghĩa.

Bếp số 61 : Bếp ĐOÀI phối với Cửa CHẤN

(Đây là Bếp Tuyệt mệnh – đại hung. Ở Kinh Dịch là quẻ Trạch Lôi Tùy).

- Bếp Đoài khắc Cửa Chấn Mộc, trước gây thương tổn cho trưởng tử và trưởng tôn, sau làm hại tới thiếu nữ và trưởng nữ. Người cùng tiền của đều bại tuyệt. Oan khí uất kết trong nhà, sanh các chứng bệnh cổ họng bành trướng, tim đau, lưng nhức. Lại còn có những vụ tự vận như thất cổ trầm sông, nhảy giếng, chết cách hung tợn, những việc bất ngờ xảy đến có án mạng khiến cho khuynh gia bại sản. Hoàn cảnh gia đình là con cô mẹ góa, phụ nữ nắm giữ cửa nhà.

- Lại có lời đoán theo quẻ Tùy như vậy: Quẻ Tùy, làm thương tổn trưởng nam và trưởng nữ, quan pháp làm khổ lụy thân, người lâm bệnh, chết. Về sau không con thừa tự, thường hay có sự bị thương, sâu thẳm, trong nhà hung khí dậy lên gây nên việc chẳng lành.

Bếp số 62 : Bếp ĐOÀI phối với Cửa TỐN

(Đây là Bếp Lục sát – hung tảo. Ở Kinh Dịch là quẻ Trạch Phong Đại Quá).

- Bếp Đoài Kim phối Cửa Tốn Mộc, Kim với Mộc hình chiếu nhau sanh các chứng bệnh ho hen, phong cuồng, tim và mông đều đau nhức, Lại xảy ra các vụ tự ải (treo cổ), máu chảy, lửa cháy, trộm cắp, dâm dăng, trốn tránh. Đoài với Tốn tương khắc lại thuận Âm cho nên hiểm con nối dòng, tổn hại nam nhân, thương hại phụ nữ. Đến các năm Tỵ Dậu Sửu thì sanh tai họa.

- Lại có lời đoán theo quẻ Đại Quá như vậy: Quẻ Đại Hóa, trong nhà gian nan, lầm lỗi. Tổn hại nhân khẩu chẳng chừa một người, lục súc chết mất chừng hết mối thoi. Hết thấy các tai hoạn có minh sư cũng chẳng cứu được khỏi (Ý bảo phải đổi Bếp khác mới khỏi).

Bếp số 63 : Bếp ĐOÀI phối với Cửa LY

(Đây là Bếp Ngũ quỷ – đại hung. Ở Kinh Dịch là quẻ Trạch Hỏa Cách).

Dương trạch tam yếu

- Cửa Ly Hỏa khắc Bếp Đoài Kim, trước hại phụ nữ ấu thơ, sau hàng nam nhân (thuần Âm), trộm cướp phá khuấy, quan quyền làm khó, gái nhỏ rất gian nan. Các chứng bệnh xảy ra như: đau đầu mắt đỏ, tim mê mệt, mất ngủ, ho lao, thổ huyết, sanh đẻ khó khăn. Cái Bếp Ngũ quỷ này hung hại chẳng vừa, nó khiến cho tiêu bại sản nghiệp, tuyệt tự, phạm đến sinh mạng, phụ nữ làm loạn, gia đạo chẳng yên.

- Lại có lời đoán theo quẻ Cách như vậy: Quẻ Cách, lâm vấp quan hình, tai họa bất ngờ, các vụ máu lửa kinh sợ, ăn uống hại thân, phụ nữ làm càn bậy, dứt hậu con cháu. Đáng thương thay một cửa tận tuyệt.

Bếp số 64 : Bếp ĐOÀI phối với Cửa KHÔN

(Đây là Bếp Thiên y đắc vị. Ở Kinh Dịch là quẻ Trạch Địa Tụ).

- Bếp Đoài Kim phối Cửa Khôn Thổ là Kim với Thổ tương sanh, mẹ với con gái sống chung một nhà, mẹ già cầm cán gia đình, tài sản một ngày một vượng. Nhà hay làm phúc thiện (tánh cách của Thiên y), mẹ quá thương yêu thiếu nữ và tiểu nhi, rất ít con cháu, tăng trọng con rể.

- Lại có lời đoán theo quẻ Tụ như vậy: Quẻ Tụ, tiền tài phát đạt mà con cái muộn màng. Đoài Khôn thuần Âm nên Âm thắng Dương suy, phụ nữ chủ trương nam nhân thuận ý, âm nhân quản trị gia đình.

(Chú ý: Phàm là Bếp Thiên y chẳng thuần Âm thì cũng thuần Dương. Vì vậy chỉ tốt lúc đầu. Nhưng Thiên y đắc diện hay đắc vị thì mới nên dùng một thời gian lối 10 năm, bằng thất vị chỉ nên dùng lối 5 năm rồi đổi qua dùng Bếp Diên niên hay Bếp Sinh khí có đủ Âm Dương, phát bền hơn).

HẾT DƯƠNG TRẠCH TAM YẾU